

# Vũ Bằng

## Các tác phẩm mới tìm thấy

Lại Nguyên An  
sưu tập và biên soạn



VHSG

Nhà Xuất Bản Văn Hóa Sài Gòn

# Table of Contents

Cá ngựa! Cá ngựa!  
Không đó thì đây  
Chuyện mười lăm năm cũ  
Láng ban đêm  
Ngoảnh lại trông xuân  
Mực  
Nước Nhật với trăng mùa thu  
Xiên linh  
Vinh nhục của mụ mối  
Nghệ thuật hát bội ở Phù Tang Tam Đảo  
Geisha  
Vụ đi thề ở đền Bạch Mã  
Thời kỳ thứ nhất Việt Nam lấy ba tỉnh ở Chân Lạp  
Năm 1940 đã hết  
Chén trà tàu đầu xuân  
Hội Lim đã mất, hội Lim vạn tuế  
Công dụng lớn lao của chiếu bóng về phương diện xã hội và mỹ thuật  
Ngày mai chiếu bóng sẽ ra sao?  
Sự mê tín chung quanh những quái thai<sup>1</sup>  
Ma cà-rông<sup>1</sup>  
Một vài sân vận động nữa! Một vài bể bơi nữa!  
Sau những nạn giết người bằng thuốc  
Trừ nạn lang băm lang bõ  
Phê bình Phương Tây trả lời  
Khi những bà sư tử Hà Đông tức giận  
Cuộc đời lên voi xuống chó của vua diêm  
Tuồng cổ có còn hy vọng được trông thấy những ngày tốt đẹp nữa không?

Rabindranath Tagore từ trần  
Cây chaumoolgra không có gì là lạ!  
Gió mùa thu, lá vàng rụng bay...  
Nạn khan giấy, một nguy cơ không nhỏ cho làng văn và làng báo ở  
đây  
Hội chợ Nữ Ước năm 1939  
Đi xem kỹ nghệ và tiểu công nghệ Bắc Kỳ  
450 ngàn triệu về việc quốc phòng  
Nữ Ước phen này liệu có bị ném bom không?  
Hết hội chợ triển lãm Hà Nội 1941  
Bông, quán quân xe đạp 1933-1934  
Con sên leo dốc  
Xuân không có tuổi  
Tết năm nay có gì lạ?  
Thiên đường của báo chí  
Con đường đầy ánh sáng  
Mấy ý nghĩ về Trời  
Ấn Độ huyền bí  
Săn rế, tậu rế, lũng rế, bán đấu giá rế đây!  
Dưới bóng mặt trời không có gì lạ!  
Đồ Sơn  
Vụ lụt sông Mississippi  
Những nạn động đất  
Gốc tích xe hoa và hoa giấy trong các chợ phiên  
Dân cư và thành thị Algérie  
Tết cùng  
Có hải quân mạnh chưa đủ, còn cần cả hải thương...  
Cô Kiều không hề lẫn chữ tội với chữ công  
Một nhân vật thời chiến quốc: Kinh Kha  
Xuân già  
Nhân ngày 2 Mai là ngày giỗ Nguyễn Văn Vĩnh  
Gánh chung việc nghĩa liều ra mặt

Quốc kỳ

Từ việc dùng Việt ngữ trong kỳ thi sơ học bổ túc đến việc soạn sách giáo khoa cho các trường

Sẵn sàng để đợi

Lấy máu trong tim ra để vẽ tranh

Nghệ sĩ trước những sự cải cách của đất nước cần phải làm gì ngay?

Cứ cho họ uống!

De Gaulle cần phải kể tội De Gaulle trước!

Hà Nội có gì lạ?

Ba bức thư thượng khẩn ta lại gửi cho ta bức thư thứ nhất

Bức thư thượng khẩn thứ hai ta lại gửi cho ta

Cần kiệm liêm chính 1946



Nhà văn Vũ Bằng  
(Vũ Bằng Bàng)  
(1913 - 1984)  
Sinh: 3-6-1913 (tháng 12 năm 1914)  
Mất: 8-4-1984  
(Chôn ở quê)  
Nhà: 5/5/Quảng Tây  
Hà Nội 1984  
Tài liệu gốc  
(tên tài liệu gốc)  
Nguyễn Văn

Bà Nguyễn Thị Quý  
(Quý Kỳ)  
(1907 - 1987)  
- trước 20 năm 20 tuổi  
Sinh ở Hải Phòng  
Mất: 10-1-1987  
Chôn tại 5/5/1987  
Hiện sống tại 50/11/1987  
Đến Việt Nam - Hải Phòng  
Khai -  
- hiện đang lưu giữ  
ở Bộ Văn - Hội - Văn - Nghệ  
Số 45 Phố



### Đôi lời dẫn giải

Cuốn sách mà bạn đọc đang cầm trong tay là một sưu tập những tác phẩm của nhà văn Vũ Bằng (1913-1984) do tôi tìm được, phần lớn từ cuối năm 2000.

Tôi vốn không phải là một chuyên gia về tác giả Vũ Bằng, song việc tôi làm tập sách này không hẳn là sự tình cờ.

Hồi cuối năm 2000, khi tôi được mời đi thăm và đọc tài liệu tại Đại học California ở Berkeley, Hoa Kỳ, mối quan tâm chính của tôi là đi tìm tác phẩm của tác gia Phan Khôi (1887-1959). Khi ấy sự hiểu biết của tôi về báo chí chữ Việt trước 1945 còn khá ít ỏi; để tìm dấu tích tác gia mình định tâm tìm, tôi chú ý đầu vào nhiều tờ khác nhau (cố nhiên tất cả đều là đọc trên bản chụp microfilm, do thư viện các đại học ở Mỹ mua bản chụp các sưu tập báo Việt từ nguồn lưu trữ của Pháp). Và một trong những điều ngẫu nhiên đã xảy ra: Với không ít tờ báo cũ, tôi không thấy dấu tích bài đăng của Phan Khôi nhưng lại thấy bài vở của nhiều tên tuổi quen thuộc khác, như Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Tuân, Bùi Hiển, Kim Lân... và tất nhiên, Vũ Băn ng.

Cũng xin nhắc lại rằng vào năm 2000 ấy, đối với làng văn chính thống ở ta, tên tuổi Vũ Băn ng như là vừa được đưa từ bóng tối ra ánh sáng. Trước đó, trường hợp Vũ Băn ng nằm chung trong số những tác giả đô thị miền Nam thời kỳ 1954-1975, do vậy chỉ một số tác phẩm của ông được in lại một cách dè dặt. Thế rồi có một sự việc gây đột biến: những thông tin hé lộ ra rằng Vũ Băn ng là một chiến sĩ tình báo được "bên ta" cài vào năm vùng trong vùng "quân địch" suốt thời gian kháng chiến, – đã mau chóng làm thay đổi hẳn thái độ đối xử từ phía dư luận chính thống đối với tác gia này. Một loạt tác phẩm riêng lẻ của ông được tái bản. Đồng thời, ngay trong năm 2000, một *Tuyển tập Vũ Băn ng* gồm ba tập được biên soạn và ra mắt rất nhanh. Sau đấy ít năm nữa, một bộ sách mang nhan đề *Toàn tập Vũ Băn ng* cũng đã được in ra.

Thế nhưng, hầu hết những tác phẩm của Vũ Băn ng mà tôi sưu tầm được từ cuối năm 2000 kia, hoàn toàn nằm ngoài các bộ sách đó!

Bạn đọc có thể lấy làm ngạc nhiên về điều ghi nhận tôi vừa kể. Song những ai hiểu biết thực trạng nghiên cứu và biên khảo ở ta hiện

nay, hẳn đã lường trước được tình trạng đó.

Ở nơi nào khác, với mặt bằ`ng nghiên cứu và mặt bằ`ng xuấ`t bản hoạt động theo những chuẩn mực cao, các tuyển tập của các tác gia chỉ có thể là kờ`t quả của việc nghiên cứu và hệ thồ`ng hoá toàn bộ sự nghiệp trú` thuật, sáng tác của tác gia ấy; do vậy, trong các bộ tuyển tập, toàn tập hoàn toàn không thể thiế`u những mảng tác phẩm đáng kể của họ.

Vì thế` tôi rồ`t cuộc phải soạn những tác phẩm của Vũ Bằ`ng mà tôi sưu tâ`m được từ tám chín năm trước thành một cuố`n sưu tập riêng.

Do chỗ không phải là người nghiên cứu chuyên về` tác gia này, tôi chỉ có thể đưa ra một sưu tập những tác phẩm tôi tìm thấ`y chứ không thực hiện một loại công trình "bỏ đi" cho những cuố`n tuyển đã có. Tấ`t nhiên, tôi cũng sẽ không lặp lại những gì đã được đưa vào các cuố`n tuyển đã có. Trong chừng mực nhấ`t định, tôi cũng có lưu ý tìm thêm đọc thêm về` tác giả này và đã thấ`y những nguồ`n tác phẩm khác nữa. Chẳng hạn, chùm tác phẩm mà người ta cho là đầ`u tay của Vũ Bằ`ng, – không phải quá khó để tìm ra chúng, nế`u người ta thực sự muố`n tìm chứ không chỉ thồ`t ra vài ba thán từ thật sế`n để mị người đọc. Tôi đã toan đưa vào sưu tập này truyện Con ngựa già và loạt tác phẩm Vũ Bằ`ng đăng báo Đông tây ở Hà Nội hồ`i 1931-1932, song nghĩ lại, thấ`y chỉ nên kê một danh mục để các nhà biên khảo chuyên về` tác gia này đi khai thác<sup>1</sup>.

Trong sưu tập này, ngoài một phóng sự của Vũ Bằ`ng đăng năm 1938 trên tuầ`n báo *Dư luận*, và một phóng sự Vũ Bằ`ng viế`t cùng với Tam Lang đăng năm 1946 trên nhật báo *Kiế`n quố`c*, còn lại đề`u là các bài vở ký Vũ Bằ`ng hoặc Tiêu Liêu đăng trên tuầ`n báo *Trung Bắ`c chủ nhật*, từ 1940 đé`n 1945; trong sô` này, tôi chỉ bỏ qua loạt bài *Bàn về` tiểu thuyế`t* và thiên hồ`i ký Cai, – hai tác phẩm này sau

khi đăng *Trung Bắc chủ nhật* đã in thành sách riêng, và gần đây, nhà nghiên cứu Vương Trí Nhàn đã sưu tầm và đưa in lại<sup>2</sup>. Tôi cũng chỉ lấy các bài mà tác giả ký là Vũ Bằng hoặc Tiêu Liêu, không lấy các bài ký các bút danh khác, được biết cũng là của Vũ Bằng, như Thiên Tướng chẳng hạn.

Điều mà tôi muốn lưu ý nhất ở các tác phẩm của Vũ Bằng trong sưu tập này, là ý nghĩa đáng kể về tư liệu. Đây không chỉ là các tác phẩm mà còn là những tư liệu, thậm chí là loại tư liệu hiếm, quý, về nhiều phương diện khác nhau.

Vì hầu hết các bài trong sưu tập này đều rút từ *Trung Bắc chủ nhật*, xin nói chút ít về tờ tuần báo này. Ban đầu, tên gọi của nó là *Trung Bắc tân văn chủ nhật*, tức là một ấn phẩm ra hằng tuần của nhật báo *Trung Bắc tân văn* (tờ nhật báo này ban đầu là chi nhánh của tờ *Lục tỉnh tân văn* ở miền Trung và miền Bắc, chủ nhiệm là E. Schneider, chủ bút là Nguyễn Văn Vĩnh, hoạt động từ 1913 đến 1941); người quản lý tờ tuần báo này là Dương Phương Dục. Khi *Trung Bắc tân văn* đóng cửa, tuần báo này đổi tên là *Trung Bắc chủ nhật*, người đứng chủ trương là Nguyễn Doãn Vượng; từ số 257 chủ nhiệm là Nguyễn Văn Luận. Tính ra tờ này ra được 262 số, từ 3.3.1940 đến 16.9.1945.<sup>3</sup>

Có thể nói, trong mặt bằng báo chí tiếng Việt đương thời ở miền Bắc, *Trung Bắc chủ nhật* là tờ tuần báo văn hoá xã hội phổ thông. Tờ tuần báo này là nơi giới thiệu khá nhiều tác phẩm của những nhà văn "tiền chiến lớp sau" như Nguyễn Tuân, Nam Cao, Hồ Dzếnh, Kim Lân, Bùi Hiền, Tam Kính, v.v... Song phần dành đăng sáng tác thơ văn dù sao cũng ít hơn so với các nội dung tri thức văn hoá xã hội, đáp ứng nhu cầu hiểu biết của các giới trung lưu trong thị dân đương thời. Do vậy, nhiều cây bút đa năng, có thể dịch thuật kiến thức Âu Tây, lại cũng có thể biên khảo tư liệu Á Đông cổ



truyề n, đã quầ n tụ chung quanh tuầ n báo này, đáng kể nhấ t là những nhà văn, nhà báo kỳ cựu như Ngô Tấ t Tô ́, Đào Trinh Nhấ t (ông này bị trục xuấ t từ Nam Kỳ ra Bắ c), Doãn Kê ́ Thiện, v.v...

Vai trò của Vũ Bắ ng trên *Trung Bắ c chủ nhật*, trong phầ n lớn thời gian tồ n tại của tuầ n báo này, có thể hiểu như là thư ký toà soạn (điề u này là đoán nhận qua nội dung báo chứ không thấ y ghi rõ ràng trên manchette báo). Vai trò này không chỉ thể hiện ở việc chèo lái toà soạn, ở việc sắ p xế p nội dung bài vở các số ́ báo, mà còn bộc lộ ở chính một phầ n đáng kể các bài báo của Vũ Bắ ng. Chẳng hạn, mục "*Không đó... thì đây*" ở hầ u hế t các số ́ báo từ tháng 9 đế n hế t năm 1940, điể m các sự kiện thời sự văn hoá xã hội từ lớn đế n nhỏ được các báo hàng ngày nêu trong tuầ n lễ trước đó; hoặc các loại bài dẫn nhập các số ́ báo mang tính chuyên đề ́. Bạn đọc sẽ thấ y trong sưu tập này khá nhiề u bài Vũ Bắ ng viế t nhắ m mở đầ u hoặc kế t thúc những ý kiế n, những chùm tư liệu của nhiề u tác giả khác nhau xung quanh mỗi chuyên đề ́ của từng số ́ báo: số ́ về ́ vùng Láng ngoại ô Hà Nội, số ́ về ́ mùa thu, số ́ về ́ văn hoá Nhật Bản, số ́ về ́ Thái Lan, số ́ về ́ hội Lim, số ́ về ́ chiế u bóng, số ́ về ́ tuồ ng, số ́ về ́ nạn mê tín dị đoan, số ́ về ́ nạn lang băm, số ́ về ́ hội chợ, số ́ về ́ báo chí, số ́ về ́ nạn lụt, v.v... Chính việc phải ứng phó với các loại đề ́ tài kiế n thức phổ thông về ́ văn hoá xã hội trong và ngoài nước, đáp ứng nhu câ u hiểu biế t ngày càng rộng của cư dân trung lưu đô thị, đã buộc một cây bút vô ́ n ban đầ u chỉ tự thấ y có khiế u viế t văn và yêu thích vẻ năng động của nghề ́ báo đã phải tự mở rộng không ngừng tâ m hiểu biế t của mình, phải tự xác định và tự bô i bỏ một quan niệm trước các vấ n đề ́ xã hội, chính trị, văn hoá đương thời.

Vũ Bắ ng thuộc thê ́ hệ người Việt thứ hai hoặc thứ ba bước vào nghề ́ báo, khi mà nghề ́ báo và nghề ́ văn vẫn chưa tách hẳn khỏi nhau;<sup>4</sup> thê tài mà ông viế t thạo và viế t hay, thường vẫn là các loại

bài có chất phóng sự, ký sự, nơi mà những khám phá về các nét cụ thể của đời sống người Việt chùng như có sự ăn nhập tuyệt vời với văn mạch, với ngôn từ của tác giả. Những phóng sự về nghệ mai mô í, về tật ghen tuông của những "sư tử Hà Đông", về chuyện kén rể, v.v... trong sưu tập này cho thấy điều đó.

Là n theo ngôi bút làm báo của nhà văn Vũ Bằng, chúng ta sẽ có dịp trải nghiệm lại thậm chí cả những á u trĩ về nhận thức của nhân loại ngay trong thời đại của khoa học, trên những đề tài như về những quái thai, về ma-cà-rô ng... vốn đã từng một thời ám ảnh dư luận nhiều nước văn minh.

Lại cũng có sự việc rất sáng sủa, vì thuộc lĩnh vực văn hoá, nhưng lại nảy ra dưới tác động của những sự kiện lịch sử tiêu cực; nói cụ thể, đó là một số hoạt động văn hoá những năm 1940, sau khi quân phát xít Nhật vào Đông Dương, như triển lãm tranh của hoạ sĩ Fujita, triển lãm hàng mỹ thuật Nhật Bản ở Hà Nội,... trong thời gian ấy Vũ Bằng cũng viết không ít bài về văn hoá Nhật, dịch thuật một số tác phẩm văn học Nhật. Theo suy nghĩ của tôi thì những hoạt động đó, mặc dù đương thời đã diễn ra được là do sự có mặt của cái thế lực đã bị tiến trình lịch sử lên án và phủ định, nhưng những hoạt động văn hoá đó vẫn đọng lại ý nghĩa giao lưu văn hoá tốt đẹp. Đọc lại những trang Vũ Bằng viết hoặc dịch về đề tài này thời ấy, ta chỉ thấy nội hàm về những đặc sắc đáng quý trọng trong văn hoá của một dân tộc. Thậm chí trong một truyện võ hiệp về hận thù đã kể thúc bách sự giải toả thù hận.

Có một chùm bài viết nữa của Vũ Bằng khiến tôi truy tìm chăm chú hơn hẳn các loạt bài khác, ấy là chùm bài về thời sự xã hội chính trị những năm 1945-1946. Vì sao vậy? Có lẽ vì từ rất lâu rồi, để minh chứng phản xạ của giới nhà văn Việt Nam đối với các biến cố xã hội 1945-1946 trong và ngoài nước, giới nghiên cứu mới chỉ có được rất ít, quá ít tài liệu cụ thể. Trong những cuốn giáo trình văn

học sử của Đại học Sư phạm hoặc Đại học Tổng hợp Hà Nội soạn hồ i những năm 1960-1970, chỉ thấy người ta dẫn ra tùy bút *Vô đề* của Nguyễn Tuân hoặc bút ký *Đường vô Nam* của Nam Cao. Mà ở cả hai bài ký ấy người ta chỉ đọc thấy thái độ của nhà văn chứ hầu như không thấy bóng dáng đời sống sự kiện hiện thực đương thời.

Vậy mà trên *Trung Bắc chủ nhật* chỉ trong năm 1945, ta sẽ thấy có trên một chục bài thuộc loại nói trên của Vũ Bằng. Các sự kiện quốc tế như tin Hitler tự tử, nước Đức quốc xã sụp đổ, phe Đông Minh thắng lợi và kết thúc thế chiến thứ hai; các sự kiện ở ngay trên đất này như quân Nhật ở Đông Dương làm đảo chính, quân Pháp thua chạy, vua Bảo Đại lập nội các cho "Việt Nam Đế quốc", rồi Cách mạng tháng Tám và sự thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, – bấy nhiêu sự kiện đều ít nhiều có hồ i âm trong các bài báo thời ấy của Vũ Bằng. Ngày nay, bằng vào đó, chúng ta có thể coi ông như một trong những nhân chứng của các biến cố lớn ấy, hơn nữa, là một trong những nhân chứng hiếm hoi và nặng ký.

Quả vậy. Có thể nói, nhờ ngòi bút đưa tin kiểu phóng sự của ông, ngày nay ta mới biết có những hoạt động xã hội của giới nghệ sĩ ở Hà Nội như biểu diễn lấy tiền ủng hộ binh sĩ bị thương; hoặc triển lãm tranh "cử động nên độc lập" ngay sau khi thực dân Pháp bị tước quyền cai trị ở xứ mình; những thảo luận về quốc ca và quốc kỳ cho một nước Việt độc lập; việc đặt vấn đề dùng hoàn toàn Việt ngữ trong giáo dục phổ thông; việc đặt vấn đề cải cách chương trình dạy ở trường mỹ nghệ, v.v. Cũng chỉ nhờ ngòi bút nhà văn làm báo này, ta mới biết có những va chạm Việt-Pháp trong cư dân ở ngay những ngày "hậu thực dân" đầu tiên. Chỉ nhờ ngòi bút nhà văn làm báo ghi nhanh, ta mới còn biết có những nét của biến thiên lịch sử vụt thoáng qua rất nhanh: học giả Trần Trọng Kim trong vai trò thủ tướng; việc khôi phục Hà Nội trong quy chế một thành phố của nước Việt Nam độc lập; việc Hà Nội khôi phục đền Trung Liệt thờ

những bậc quản thủ đã tử tiê t vì thành phố ... Kịp đế n khi nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà được dựng lên, ta đã thấ y Vũ Bắ ng lên tiê ng khá sớm; tấ t nhiên ông không ở trong nhóm sáng lập Văn hoá Cứu quố c, những ý kiế n của ông, từ một chỗ đứng khác, vẫn nhấ n vào ý thức "nhận đường" của người trí thức trước vận mệnh dân tộc, trước những vấ n nạn số ng còn của một nhà nước mới, một chế độ mới. Hai bài báo của Vũ Bắ ng sau sự kiện 2.9.1945 trên hai số cuối i của tuầ n báo *Trung Bắ c chủ nhật* cho thấ y tình cảm trách nhiệm rõ rệt của nhà văn.

Là một sưu tập có tính chấ t lưu liệu nên tôi giữ nguyên tấ t cả giọng văn và những đoạn kiểm duyệt của nhà câ m quyề n cũ.

Trên đây là đôi điề u mang tính chấ t thuyế t minh về những bài báo và tác phẩm của nhà văn Vũ Bắ ng do tôi sưu tâ m được và công bố lại trong tập sách này. Như đã nói từ đầ u, tôi không phải là chuyên gia về tác giả Vũ Bắ ng. Dựa vào những gì mà một số nhà báo hoặc nhà phê bình đã viết về Vũ Bắ ng, tôi cho rằ ng việc nghiên cứu về tác giả này mới chỉ đạt được những kế t quả ít ỏi. Tập sách này, – hậ u như chỉ gắ n với việc theo dõi hoạt động của ngòi bút Vũ Bắ ng trên một tờ tuầ n báo ở Hà Nội những năm 1940-1945 – là một nỗ lực khá hạn chế, mong góp một phầ n rấ t nhỏ vào việc làm rõ các phạm vi hoạt động và cố ng hiế n của ông.

Rấ t mong nhận được sự nhận xét góp ý của bạn đọc và đờ ng nghiệp trong giới sưu tâ m nghiên cứu về sưu tập này.

*Hà Nội, những ngày đầ u xuân Mậu Tý 2008*

**LẠI NGUYÊN AN**

# Cá ngựa! Cá ngựa!

*Phóng sự*

## **I. Một cuộc hội họp rất quan trọng ở trước "săm"<sup>1</sup> Ngọc Hà...**

Tôi đứng giữ thế thủ. Một! hai! ba! Nếu thặng khôn nạn giờ tay, tôi phải vịn cổ nó từ đằng trước ra đằng sau cho chết. Nó không muốn chết, vì nó không giờ tay. Tôi ôn tồn bảo nó:

– Từ lần sau, anh muốn hỏi ai điều gì thì phải lễ phép hơn một chút, nghe không?

Nó dụi nét mặt lại. Nó nghe răng ra cười. Tôi đỡ sợ.

Thì ra thặng khôn nạn ấy không phải là quân cướp giựt như tôi vừa tưởng.

Nó chỉ là một người lương thiện như anh.

Hãy để tôi thuật lại chuyện từ đầu.

Lúc ấy gần hai giờ sáng. Trận mưa rào vừa ngớt hạt, làm bóng loáng con đường nhựa dài dằng dặc từ sở ông Bảy đến vườn rau Dóc Thủy.

Tôi và hai người bạn khác, cởi áo ra khoác ở vai, đi chuệnh chà chuệnh choạng về trại Ku-ku ở gần nhà bia Ô Mê n. Rượu mạnh và bước nhảy lúc mười hai giờ đêm vừa đây làm chúng tôi hoa mắt. Vừa đi vừa nói chuyện, chúng tôi bước khỏi nhà "Tây cụt" cách chuồng ngựa Champenoise độ mười bước thì một người trẻ tuổi quàng ta, áo tây, đầu đội một cái mũ nơ i xanh lét, đứng ở trong một cái hàng rào

tiến ra. Nó không to lớn. Nó trạc độ 30 tuổi. Nó trông hiên lành. Nhưng lúc ấy khuya lắm. Không một người nào khác cả. Bóng tối đem đến những cái bí mật rừng mình. Đã ng xa, một con chim bìm bịp cất cánh hoà với tiếng cú kêu lạnh ngắt. Thì làm sao tôi lại không có quyết định nghi ngờ gã kia là một đứa bất lương?

Nó hỏi tôi:

– Có phải bác là bác Điền không?

Thằng này có lẽ tưởng tôi là bô i làm ở một cái nhà tây gã n đây. Bác búp! Bác bô i! Bác phu xe! Nhưng mà thôi, cũng được đi! Tôi theo chủ nghĩa xã hội, tôi chủ trương sự "đấu tranh giai cấp"!

Điều đáng giận là nó hỏi tôi, bằng một con mắt trâng tráo. Thằng khốn nạn!

Tôi đã trả lời nó, cũng như những người khác cần phải trả lời nó, nếu ở vào trường hợp của tôi. Con mắt nó đờ lác. Mặt nó đờ vênh lên. Nó xử nhữn:

– Thì tôi hỏi bác có phải là bác Điền không, chứ gì mà ngạo xị lên thế?

Không thể được. Này này, mà mà nói một câu nữa thì bỏ đời mà. Tôi đã tính nhẩm trong óc cách đấm một cái mà thằng kia phải quy. Nhưng nhà nó có hồng phúc. Ngay lúc ấy tôi vụt nhớ ngay ra nó là một người quen. Những người không biết võ mà gặp một đồ i thủ khoẻ mạnh thường vụt có cái trí nhớ đặc biệt đó.

Tôi cố sức nhớ kỹ. Thì ra, đó là người tài xế của một vị bác sĩ tôi quen, mới hai tháng trước đã chữa cho tôi khỏi sốt.

Xin lỗi độc giả tôi lắm.

Bệnh thương hàn của tôi, không phải vì bác sĩ chữa mà khỏi, nhưng chính nó khỏi tự nhiên. Nếu nó không khỏi tự nhiên, bài phóng sự này không có. Vì nếu bác sĩ chữa cho tôi hết bệnh có lẽ tôi *hết thở*. Vậy bác sĩ ấy là một bác sĩ xoàng.

Nhưng ngài sống rất đàng hoàng... tùy từng lúc... nghĩa là tùy theo sự được hay thua cá ngựa.

Khả p Hà Thành và Cảng, còn ai không biết ngài là một tay "tọc-phít"<sup>2</sup> có danh? Ngài có can đảm đem cái gia tài bạc vạn cá với một con ngựa tốt. "*Sau ta là nạn ngập lụt*". Dân An-nam mình cũng có nhiều người theo chủ nghĩa vô chính phủ như Nietzsche, chứ không?

Vậy, bác sĩ của tôi, đánh cá nhiều khi rất mạnh. Nhờ cái mạnh ấy, các "tọc-phít" khác sẽ bỏ nhà mà dọn đến ở nhà pha. Bác sĩ tôi không thế. Thân tài đến chơi với vợ chồng ngài luôn.

Tôi đã lắm lúc muốn đem giậu cau đến phòng khám bệnh của vợ chồng bác sĩ, xin nhập môn... để học lấy nghề cá ngựa. Trời ơi là trời!

Thì vừa nghĩ như thế, thấy ngay bác sĩ.

Ngồi trên một cái ô-tô nhọn hoắt đã ng sau như một điếu xì-gà, bác sĩ ngồi chúi trong một góc đệm như ả núp một người nào. Bên cạnh một người đàn ông khác đương rỉ tai bác sĩ nói một việc gì quan trọng. Cái ô-tô đỗ đó ở trước cửa sầm Ngọc Hà.

Thì ra, "thằng khôn nạn" của tôi đánh xe đưa bác sĩ lên đó, để bác sĩ ngồi trên xe, rồi xuống hỏi thăm bác Điện.

Vậy thì bác Điện là ai?

Một trận phong ba trong cái óc! Lập tức tôi nghĩ ngay ra một cái án ngoại tình... vợ thua cá ngựa, đành đem thân vàng ngọc hiến cho một ông lă m của đễ lă y tiề n gờ gạc ở trường đua.

Mà, tô i nay, đượ tin một người bạn thân tín báo cho biế t rằ ng người vợ đáng kính cần đã cắ m sừng vào trán mình, bác sĩ đánh cá ngựa vội vã bảo tài xế mở hế t máy chiế c xe Ford tám ngựa đễ bắ t cho đượ gian phu dâm phụ. Thôi, tôi hiểu hế t cả rô i. Bác Điền, – cái tên mà anh tài xế vừa trâng tráo hỏi tôi, – chỉ có thể là người đã chim bác sĩ bà mà thôi!

Đích lă m.

Một cái ô-tô tắ t hế t cả đèn đở ở cửa một nhà sắ m, người tài xế trâng tráo đi tìm một người đàn ông, hai ông âu phục ngô ì im thin thít ở trong xe hòm đóng kín, như chờ đợi... Các ngài bảo đó không phải là một cái "mi-dăn-sen"<sup>3</sup> đễ diễn một tâ n bi hài kịch "bắ t vợ ngoại tình" thì còn có thể là cái gì?

Bạn đợc! hãy cùng tôi chứng kiế n cái tâ n kịch sắ u lòng đó.

Gió lạnh lù ng. Đườ ng vắ ng. Trong sự im lặ ng rùng rợn, ở Bách Thú đư a ra hai tiề ng chuông ngân dài ra và chế t đi rô i lại ngân dài ra: hai giờ.

Tiề ng chuông đó lúc báo hiệu một cái chế t thảm khố c ở trong những bài tuồ ng rùng rợn của Sa-sĩ-bi.<sup>4</sup>

Chúng tôi đã toan khóc thương cho người đàn bà nhẹ dạ, vì cá ngựa mà phải đem tìm ra hiế n mũi dao con. Đích lă m rô i: Tôi chồ trồ ng thắ y máu.

Chứ không ư?



Ba giờ sáng. Ở sǎm không có một người đàn bà nào đi ra cả. Mà cũng chẳng có một người đàn ông nào đi ra cả. Mấ́y thắ̀ng bồ̀i phòng ngồi hút thuố́c Lào vật, nói chuyện với nhau về "phình lậu" với "phình vàng"<sup>5</sup> Tôi lại gầ̀n họ nói chuyện. Đêm á́y, sǎm Ngọc Hà không có khách.

Không có khách? Lạ! Thế thì bác sĩ đợi ai? Đợi ai?

Một ngọn gió bay qua như khóc cái âu sắ̀u của đêm tồ̀i.

Ba giờ mười lăm. Chiế́c xe Ford tám ngựa, sơn mùi cánh chả vẫn đứng "không kèn không trồ́ng" ở trước cửa sǎm Ngọc Hà. Ông bác sĩ cùng với bạn vẫn thì thắ̀m. Mà "thắ̀ng khốn nạn" của tôi vẫn trẳng tráo đi tìm bác Điền.

Tôi đã toan thương cho ba người đàn ông á́y phải dấi gió dắ̀m sương suố́t cả đêm ở dọc đường. Thì, bỗng đâu, ở đường Bách Thú đi lên ba cái xe "con lợn". Người ngồi xe thứ nhấ́t hát tây. Người ngồi xe thứ nhì ngủ gậ́t. Người ngồi xe thứ ba lắ̀m rắ̀m như cố đạo đọc kinh. Hôm á́y là thứ bảy: bọn này chắ́c đi chề chén hay ở xóm chị em về̀ nhà.

Cánh cửa ô-tô mở đánh xình. Người bạn bác sĩ nhắ́y xuố́ng dắ́t nhanh như cái cắ́t.

– Xe! Dừng lại!

Bác sĩ ra hiệu. Ba cái xe dừng lại. Và ba người ở trên xe bước xuố́ng.

Thôi chề́t! Một trận huyế́t chiế́n sẽ xảy ra ở chỗ này. Tôi cầm chắ́c người tài xế́ sẽ ra tay trước nhắ́t.

Quả không sai. Bước lên xe, người tài xế́ ra tay vặ́n lái... Sau một câu chuyện rắ́t đơn giản, ba người khách đi xe móc túi trả tiề̀n xe

rô`i cùng bước lên ô-tô với bác sĩ và người bạn của ngài. Bom! hai cái đèn pha loé sáng.

Ông hát tây lúc nãy phàn nàn:

– Góm! Mệt quá!

Ông ngủ gật:

– Thôi tôi xin về`.

Ông câ`u kinh:

– Con Paladin ở cuộc đua thứ nhấ`t kỳ này hỏng. Có lẽ con Rageur xơi cuộc đua thứ nhì...

Ô-tô mở máy giờ hê`t cả "sức ngựa" chạy về` đường Carnot.

Thì ra cái án ngoại tình là cái án số`ng trong tưởng tượng của tôi. Bác sĩ Hoàng Văn X... còn có một việc đáng quan tâm hơn... vợ.

Đó là con ngựa.

Mà cái "mi-dăn-sen" vừa rô`i chỉ là để lấ`y "chuy-ô"<sup>6</sup> cho cuộc đua lớn ngày mai.

Tôi không câ`n phải dài lời. Độc giả đã biế`t ba người vừa đi xe đó là ba ông "dô-kê"<sup>7</sup>.

Bác Điền của tôi là một trong ba vị anh hùng đó.

Có ai, trong một cái vé số` Đông Dương, đã để ý đề`n một bức vẽ vẽ một người đàn bà bịt mắ`t dẫm chân lên trên một cái bánh xe có hai cái cánh trắ`ng như bông? Bánh xe á`y là bánh xe của thầ`n tài. Người đàn bà bịt mắ`t có ý nghĩa là sự may rủi.

Tôi muố n xin hội đờ ng xổ số từ sau sắ p đi sẽ chữa bánh xe đó ra là một cái vó ngựa thi. Như thế sẽ ý nghĩa hơn. Vì, hiện giờ đây, một cái vó ngựa thì được người ta chú ý nhiề u hơn là một cái bánh xe, – dù bánh xe ấy là bánh xe thầ n của Bát Tý Na Tra đi nữa.

Thực vậy.

Cá ngựa! cá ngựa! cá ngựa! Từ kỳ sau, người hãy số ng lại cho ta xem những đoạn đời kỳ lạ của người. Ta sẽ thuật lại cho độc giả yêu quý của ta để cho họ biế t rõ một lối chơi vui hơn đánh bạc mà thầ n rủi may đã lắ m khi tỏ ra rằng bất lực bất tài. Người sẽ kể hế t, kể hế t, nghe không? Và người sẽ không quên cả những người vì người đã dày đoạ, hiện giờ đây, đương nắ m ép rẹp ở trong xà-lim u tồ i.

Ta là một người bàng quan!

## II. Cô Kiề u chơi cá ngựa

Trường đua. Một giải đấ t mông mênh, cỏ xanh dợn như *rồ ng xanh* uố n khúc. Hàng rào gỗ trắ ng như *bạc* (đờ ng). Công ngõ quét một thứ vôi hờ ng, trông tựa tựa như *vàng* mới trá. Đó đây, một vài cái thố ng trờ ng cây, nhác trông ngờ mắ y cái *đinh* trong những lắ ng tắ m chố n kinh kỳ gió bụi. Ngài đi vài bước nữa sẽ thắ y "pa-đô c"<sup>8</sup> – nơi cân ngựa. Cuộc đua này cân năm con chạy ba; cuộc đua khác, cân mười ba mà chạy bảy. Ba bước chân nữa, ta đã đế n "ghi-sê"<sup>9</sup> mua vé.

A! thưa độc giả, tôi có lời xin các ngài đây. Nầy giờ, có phải không, tôi có vẻ một con người vật chấ t. Rõ xấ u. Nhưng, xin chớ cười nhau: Tôi là một nhà phóng sự viế t văn... "suyrêlít"<sup>10</sup>!

Một buổi chiề u chủ nhật, vui bước lên chơi trên Quầ n Ngựa, các ngài cứ thử nhìn cái quang cảnh trường đua một lát mà coi: cái mà nó *đánh* vào *mắ t* các ngài trước nhắ t không phải là trường đua rộng

rãi hay đẹp đẽ. Mà là sự xa hoa thõ ra tiề`n của những người, – ôi! lắ`m của, quăng từng tập giấ`y bạc vào những cái cửa ghi-sê, không phàn nàn.

Tôi đã ngồ`t lên, khi thấ`y tiề`n bạc tràn ngập một cách rấ`t thi vị ở chố`n ăn chơi đó. Cỏ xanh, tường đỏ, chậu cây vàng, trước mắ`t tôi lắ`m lúc đã hoá cả ra tiề`n. Cái tường bạc vạn tuế`! Thưa các ngài, tờ báo xã hội nào hò` hét với Chánh phủ Bình dân rằ`ng dân ta nghèo khổ là tờ báo khô`i hài hay nhấ`t.

Tiề`n, vâng chỉ là tiề`n.

Người ta kể chuyện rằ`ng trường đua là một hội họp của khách phong lưu xa mã. Bên Pháp và Anh, đàn bà đế`n đó để khoe khoang những bộ áo mới may, mà đàn ông là để giở những lớ`i xã giao nịnh gái.

Ở đây, tôi đã được trông hế`t cả rô`i.

Mặt phá`n ô` hoen, cô gái nhà ai lắ`y gắ`u quầ`n nhầ`u nát để quét bụi "ti-buyn"<sup>11</sup>; cạnh chổ ghi-sê, ông phán ở sở nào không biế`t, đương thích cánh một bà đài các, để tranh vào trước, mua 10 lầ`n một cái *jumelé* 4x6?<sup>12</sup>

Lịch sự là một chữ thừa. Ở những nơi bạc bịp hay cò con, khách chơi nào cũng lắ`y tâm trí để thoả tâm trí, – như lời Balzac. Nghĩ về tiề`n nhiề`u quá, kế`t cục người ta khổ vì tiề`n. Cũng như cặp trai gái mê nhau, những ước ao chần loan đệm thúy, mà rút cục đế`n phải yêu nhau trên một tâ`m giường gỗ mọt!

Hỡi khách đi đánh cá ngựa! Tôi xin hỏi có ai người không mê tín dị đoan không?

– Miễn là ta được.

Một nhà cộng sản chính tông mà đánh cá ngựa, tôi đoán chắc cũng ước mong có trời. Để phù hộ cho con ngựa mình chơi về nhât. Trời, vì vậy, thành ra cái phao để cho những người sắp chết bám vào. Mà cũng vì vậy, thành ra không phải người đánh cá ngựa nữa, nhưng là... trời đánh.

Trời đánh, thánh dạy... Vì chính thánh cũng dạy người ta đánh cá. Thua các bà, tôi chẳng phải là đũa vô tôn giáo như các bà tượng tượng đâu.

Đánh cá ngựa mà trông ở trời, phật, thần, thánh, ừ thôi, thế cũng tạm được đi! Vì cái óc dân mình đánh chết cũng chưa hết tin rằng trời phật là hai vị tối cao đã xếp đặt cả những công việc trong trần giới.

Tôi đã thấy các bà đi đánh cá ngựa ngày mai, hôm nay ra thì thà thì thụp lể ở đền Hàng Trống. Cô tiểu thư muôn cho con Pommard được nhât ở trong giải *des Pins* xin quẻ thẻ cầu may; bà cụ thân sinh ông ký L. ở *Finances*,<sup>13</sup> vì thua luôn cá mấy kỳ, gọi đâu sạch sẽ để "ăn chay năm mông".

Y như những con chiên, đi trẩy hội La Mecque,<sup>14</sup> hay những bà tín đồ của cái nạn Phật giáo, tiết xuân đâm á m, nhẹ lướt con thuyền đi trẩy hội chùa Hương.

A-di-men lạy đức Chúa Lời chúng tôi là kẻ có tội. Lạy đức Phật ngò i trên tam bảo, con là người đánh cá ngựa thua!

Những cái đó tuy vậy chưa làm cho ta giận lắm. Điều đáng giận nhât một số người đánh cá, ấy là cái nhẫn tâm bắt một người đã chết phải đứng dậy ra trường đua chơi hộ mình.

Tôi cần phải kể sự tích một đôi câu tóm tắt.

Người đã chế t á y, không phải Quan Công đã nổi tiế ng vì biế t xem tướng con Xích Thô ! Không phải Châu Xương, người á y cũng chẳng phải là người đã vẽ ra tranh "La chevauchée des Walkyries".<sup>15</sup> Người á y chỉ là Vương Thuý Kiề u, đời Gia Tĩnh, triề u Minh vậy.

Truyện rằ ng: Kiề u là một cô gái giẩng hoa, một buổi du xuân, ă ngiọng với anh chàng Kim Trọng. Gia biế n. Bán mình. Làm nhà thổ. Rồ i lại về với chàng Kim. Suố t trong 300 trang thơ mỹ miề u của Nguyễn Du, tôi cá một cái giải *triple évent*<sup>16</sup> với người nào tìm thấ y cô Kiề u đi ngựa, chơi ngựa, hay đã làm lái ngựa. Không. Vậy chẳng hiểu làm sao nhiề u người hiện giờ đây, cứ mỗi buổi tô i thứ bảy, lại phụ cô Kiề u sô ng lại, để báo cho mình cách đánh cá ngày mai?

Hãy cùng tôi vào nhà ông Th. Một buổi chiề u thứ bảy. Cơm xong, ông chúí mũi vào một quyển sổ "bà đầ m" viế t chi chít những số , những tên, những chuồ ng! Bà ngồ i bên cạnh, nhìn ngọn bút chì của ông gạch những tên Pompéi, Wanda, Hirondelle, Rose Marie với một con mắ t lơ đẫng u buồ n, vì mắ y kỳ nay thầ n may rủi đã phụ lòng vợ chồ ng bà, mà riêng bà, bà thua mắ t một *bát họ*<sup>17</sup> ngót nghìn của nhà cái, là bà Tham H...

Tô i nay buồ n. Bà Th. nhắ m con mắ t vào cái ngày mai mù mịt.

Ông chồ ng vẫn cắ m cúí tính sổ như đương làm sổ "anh-vẩng-te"<sup>18</sup> cho một hã ng buôn to; bà vợ, lục ngắ n kéo rút lắ y một quyển Kiề u bìa đỏ, giơ lên áp vào sớ ng mũi, suýt soạt mắ y cái rồ i lầ m bầ m khắ n lặ "lục bộ" cái ả "đĩ ngựa" – nói theo lô i Nam Kỳ – của triề u Minh, úng cho một quẻ thực hay, để bà biế t, ngày mai đây, trong cái giải *double-évent*, con ngựa nào đượ mà con ngựa nào không đượ.

Ông chồ ng gắ c bút chì, ghé nhìn vào trang Kiề u mà bà vợ vừa lật ra. Đôi tay trắ ng mịn run lên vì cảm động. Hai cái đầ u xanh cúí

xuống. Bà vợ đọc bằng một giọng du dương như đàn bà con gái hồi 1924 đọc văn "Khóc chông":

*Áo xanh đổi lấy cà sa,*

*Pháp danh đổi lại tên ra Trạc Tuyê`n.*

Người chông gật đầu ra về một nhà thông thái đương tìm một cái "ê-qua-xông" (équation), nhưng không nói gì. Bà vợ, quấn quyền Kiêu lại cầm tay, đọc khẽ lại câu văn ban nãy:

– Áo xanh... áo xanh... à, thôi tôi hiểu rồi. Ngày mai, *double évent* có bảy ngựa chạy trong số đó có Promesse mà tên cưới nó lại bán áo xanh. Còn "cà sa lại đổi tên ra Trạc Tuyê`n... Cà sa lại đổi"...

Bà vợ tán:

– Cà sa có lẽ là màu nâu. Đô-kê` cưới con Brin d'amour vẫn mặc áo màu nâu. Thế thì, chắc đánh con Promesse "suya" (sur) con Brin d'amour tất được.

– Tán Kiêu ra thế thì xoàng quá. Theo tôi, cà sa là chỉ một vị tu hành. Vị tu hành thì đầu trọc. Vậy ta tìm một tên đô-kê` nào đầu trọc mà đánh, tất thế nào cũng phải ăn.

– Biết kiếm ra thế nào được anh đầu trọc? Đô-kê` hết thấy đầu húi rẽ hay chải phi-lu-dốp.

– Cũng phải... Cà sa... Cà sa. À! phải! Tôi nghĩ ra rồi. – Ông Th. vỗ vào đùi kêu hét. Một tia chớp loé ra. – Cà sa, mợ ơi! Thôi đích là cái chuông *Casa... nova* rồi. Tôi phải đánh con ngựa ở chuông ấy y là con Passion má y được.

Tán rộng, đã gọi là tán rộng, thì thế nào mà lại không nghĩa lý? Tôi không phải là một nhà viết báo chuyên bàn việc thế giới. Nên

rất khâm phục hai vợ chồng ông Th. Nhưng tôi sẽ nói, tôi lại khâm phục một người hơn thế: cô Kiêu. Vì lần ấy, cô Kiêu nói đúng.

Giải double event, hai vợ chồng bà Th. đánh con Promesse (suya) Passion (4x5) được hai trăm tám mươi hai đồng sáu hào bốn xu.

Ôi! mĩa mai của may rủi!

Double event, mà bói Kiêu, tán ra được như thế, đã là điều hãn hữu. Cô Kiêu, không ngờ lại là một kỳ tài, có phép nhiệm bả ng mười thế nữa. Cô chỉ nói hai câu rất nhỏ, mà lại còn chỉ bảo được cho người ta đánh *triple event* nữa ư?

Đây này, câu chuyện. Ông P.Đ., chủ một xưởng gỗ lớn ở Hà thành, một hôm, thấy người ta bói Kiêu, đánh được, cũng viết giấy mượn tôi một quyển truyện bả t hủ của cụ Tiên Điền Nguyễn Du. Cũng suýt soát, cũng khắ n lục bộ cô Kiêu với Mã Giám Sinh. Giai tay trái, gái tay phải. Này này, trông tôi giờ:

*Srong in tuyế t ngựa câu ròn,*

*Cỏ pha màu áo, nhuộm non da trời.*

Một cuộc bàn tán của mấ y tay sành sỏi trong nghề. *Srong in tuyế t?* Đích là *Boule de neige!* Huố ng hồ, người cười nó lại mặc áo màu xanh da trời. Nên họ nhắ t định lấ y *Boule de neige* vậ xuố ng tắ t cả những ngựa chạy giải tư, để đánh *triple event*. Hôm sau trên trường đua, ông P.Đ. có bao nhiêu vớ n liế ng đem ra cúng cả vào cái *triple event*. Nhưng hỏng ngay từ cuộc đầ u, vì có lẽ cô Kiêu hôm ấy không thiêng, nên con *Boule de neige* đã bị con *Libellule* hạ một cách đích đáng. Ông P.Đ. ví có muố n thắ t cỏ hôm đó cũng không còn tiề n để mua lấ y một cuộn dây thừng ba xu nữa.

"Đúp" và "tờ-ríp" xong rô i, bây giờ đế n "duy-mơ-lê".



Người anh hùng, bói Kiề`u, lầ`n này là một kẻ cũng theo đòi  
nghiên bút. Than ôi, tôi xin tự giới thiệu một cách rấ`t ai oán: người  
ấ`y là tôi vậy.

Hôm ấ`y, tôi tập dầ`n thân vào trong trận chiế`n tranh của may  
rủi. Muồ`n biế`t nghề`, phải làm nghề`, tôi theo đúng lời của người  
hiề`n, phải vậy không, các ngài? Vậy, trước khi lên chuồ`ng đua, tôi  
cũng bắ`t chước những người đi trước. Thê` là tự tri. Tôi câ`m một  
quyển *Kiề`u*, sáng rõ tinh sương, nghĩa là bụng còn thanh khiế`t, ra  
giữa trời mà vái lạy hoàng thiên, rồ`i kính cẩn mở lấ`y một trang tay  
trái:

*Bồ`n bê` bát ngát xa trông,*

*Cát vàng cô`n nọ bụi hồ`ng dặ`m kia,*

*Bễ` bàng mây sớm đèn khuya,*

*Nửa tình nửa cảnh như chia tâ`m lòng.*

Tôi hút thuồ`c lầo. Tôi bóp đầ`u nghĩ ngợi. Cô Kiề`u đã dồ`c hế`t  
cả bầ`u tâm sự mà nói chuyện với tôi đêm ấ`y. Thừa các ngài, cô  
Kiề`u là một gái nói ra có lắ`m ý tứ thâm trầ`m. Tôi nghĩ... Tôi hút  
thuồ`c lầo!... Tôi lại nghĩ!... Có phải: Cát vàng là con Pompéi của  
chuồ`ng Nguyễn Huy Hợi, jockey mặc áo màu vàng, mà bụi hồ`ng là  
con Wanda, ở chuồ`ng Casabianca, người cưỡi mặc áo đỏ? Vậy nhấ`t  
định cái *jumelé* ngày mai sẽ nghĩa là:

Cát vàng x Bụi hồ`ng

Pompéi x Wanda

Wanda hồ`i ấ`y nhấ`t đàn ngựa hạng B. Mà con Pompéi chưa có  
tiế`ng như bây giờ. Tôi đoán thiên hạ sẽ đố` xô nhau mà đánh Wanda  
x Pompéi. Nhưng đố`i với tôi thì phải hế`t nhé! Đòi nào tôi dặi. Mai

tôi sẽ đánh: Pompéi x Wanda. Nhấ t là Pompéi lại đeo số 1. *Nửa tình, nửa cảnh...* hai nửa chẳng là một, là gì? Ấ y thê !... Chỉ câ n ngược một chút, nê u con ngựa mà người ta tưởng chỉ có thể về đượ nhì mà rô i nó về đượ nhấ t, thì phải biế t!...<sup>19</sup>

Tôi khôn thực. Câu ấ y quả là câu sâ m. Giải *jumelé* kê t cụ: *Pompéi sur Wanda* đúng như nhời tôi đoán. Tôi ăn một cách rấ t nhũn nhặn: một trăm hai mươi đờ ng.

Thưa cụ Nguyễn Du là người đã sáng chế ra cô Kiê u! Cụ thực là ông Trạng Trình thứ hai, có cái tài biế t trước rằ ng hôm ấ y, giờ ấ y, giải ấ y có những con ngựa ấ y chạy.

Cụ làm bớ n câu văn kia không phải là để làm một cái quố c hồ n quố c tuý như ông Phạm Quỳnh đã nói. Tôi bảo cụ chỉ là một tọc-phít. Ngày xưa cụ làm *Truyện Kiê u* thì ra chỉ cô t để bàn về đua ngựa, như mấ y tờ báo hàng ngày năm trước. Xin cụ nhận cái bắ t tay cảm tạ của một bạn đờ ng nghiệp về "cá ngựa" là tôi!

Lại một cái ví dụ nữa.

Cụ Bảng B. là một người đánh xóc đĩa ngô i đã mòn không biế t bao nhiêu là chiế u của con nhà người ta. Lên trường đua hôm ấ y, cụ thấ y cái *pari jumelé* trước (nhấ t nhì) là 3x4, chẳng hay cụ lắm nhằ nói với mình những thứ tiế ng lắ ng nhắ ng gì không biế t, cụ hích vào mạng mờ một ông bạn già:

– Bác cứ đánh cho tôi. Thẻ nào cũng đượ.

Rô i cụ Bảng và ông bạn chung nhau tiế n mà lại đánh vào 3x4 nữa. Ấ y thê mà đượ thật. Chê t chưa? Cụ bảo là *nước bạc rề n*<sup>20</sup> đấ y! Ngờ nghếch, lắ m khi lại ăn người.

Ở Quậ`n Ngựa, tôi đã thấ`y, như ở giữa cuộc đời, những anh khôn quá lại thành ra hồng bết. Chữ tài liê`n với chữ tai. Ở đây, tôi lại bái phục cụ Nguyễn Du thêm một lâ`n.

Các ngài muố`n hỏi vậ`n tôi chắ`ng? Này, nghe tôi kể:

Chủ nhật â`y, chuông đờ`ng hồ` chưa đánh hai giờ, đường Thụy Khuê và Bách Thú đã tá`p nậ`p những ô-tô và xe kéo. Vậ`n vợ ở trong vườn ông Bảy, một người đàn bà tay mang một cái hộp Nhật Bản xinh xinh và một cái ô hoa đào, đi đi lại lại ở chung quanh hồ` để hế`t xem chuồ`ng khi lại sang xem chuồ`ng nhím.

– Họ đi đâu mà đông thế`, hở ông?

– Họ đi đánh cá ngựa, thưa bà.

Vừa ở tỉnh lạ về` Hà, hai chữ "cá ngựa" như gọi trí tò mò bà khách lạ. Bà theo con đường đờ`c Thụy đi lên.

Ồ`! đẹp!Ồ`! đông!Ồ`! lạ! Một đờ`ng. Ông cho cái vé. Bà khách lạ vào chơi quậ`n ngựa. Thấ`y mọi người đi lại ghi-sê mua vé, bà cũng lảng vảng lại xem.

Rồ`i, thưa các ngài, trong mình người ta, dù đàn bà hay đàn ông, ai cũng có một con lợn ngủ. Con lợn â`y bỗng thức dậy; bà khách lạ giờ hào bao ra lấ`y tiề`n mua vé. Vừa may, cuộc đua â`y có bán cả vé *pari jumelé*. Bà mua vắ`ng ngay con số` một sẽ nhấ`t, mà con số` hai sẽ nhì. Chơi hú hoạ đó thôi! Đã chề`t ai chưa nào?

Không chề`t ai thực. Vì, hôm đó, con Picador (số` 1) lại bắ`t đầ`u sung sức mà con Passe Partout (số` 2) vừa mới trộ`i lên. Thành thử con số` 1 về` nhấ`t mà con số` 2 về` nhì thật!

Cả làng đánh con Quadrant của chuồ`ng Nguyễn Huy Hợi và con Peiping của chuồ`ng Hợp Ký. Hai con này về` ba, tư. Thành ra bà

khách lạ xoi ngon ơ hơn nghìn đô`ng.

Hôm sau tôi hỏi thăm ra thì bà khách lạ này vô`n ở Lao Kay về` Hà Nội lâ`n thứ nhấ`t. Mà cũng đánh cá ngựa lâ`n thứ nhấ`t.

Từ đó nhắ`n nay<sup>21</sup>, đường xa thăm như buộc chân bà khách lạ, trường đua vắ`ng hắ`n bóng tri âm, bạn đánh cá nhìn đã mòn con mắ`t, nhưng cùng với nghìn bạc kia, bà khách nọ của ta:

*Một đi từ biệt trường đua,*

*Có về` đâu nữa, đầ`t Hà từ đây!*

### **III. Nausicca, mầy giế`t chề`t cha tao nhé!**

Năm 1932, hồ`i á`y, làm phóng viên cho một tờ báo hàng ngày, tôi xin thú thực là chưa để chân lên Quầ`n Ngựa. Hàng tuầ`n, cứ đế`n chiề`u thứ bảy thì một phong thư ở hội đua lại gửi đế`n tận tay tôi. Uể oải giờ ra, lâ`n nào tôi cũng thắ`y hai tờ giấ`y đánh máy: một tờ nói rõ về` những giải ngày mai, còn tờ thứ hai thì là lời bàn con nào sẽ được nhắ`t ở cuộc Gargantua hay con nào sẽ hỏ`ng ở cuộc đua Desportes...

Bức thứ hai thường ký tên là *Dô-kê`*. Nhưng sự thực là của hội đua ngựa viế`t. Viế`t ra để gọi cái tính tò mò của các người đọc báo, nghĩa là làm quảng cáo cho hội đua. Các báo hàng ngày, hồ`i á`y, thôi tha hồ` mà đăng vào trang ba và trang tư, á`y là chưa kể báo

*Đông Pháp* có bữa lại đăng lên trang nhì là khác. Mới biế`t các ông chủ báo hàng ngày ở nước này khinh lợi thực! Đăng quảng cáo cho trường đua mà không câ`n lắ`y một đô`ng xu nhỏ!

Nhưng chính lúc quảng cáo nhiề`u như thế`, hội đua ngựa lại vắ`ng khách đế`n chơi. Hồ`i á`y, dân mình chưa ham cái thú chơi ngựa, và chưa chịu rút tiề`n đi lắ`m, tuy rằ`ng các báo hàng ngày

quảng cáo hoài một cách vô tình cho hội cá ngựa. Xảy ra một vụ đánh bạc âm thầm ở Hà thành. Trường đua mở một cuộc xổ số *Cash-sweep*. Một đồng một vé, giải độc đắc ăn 400\$, ai muốn chơi thì chơi! Mọi người xô nhau đánh. Vì người mình thua kém gì thì thua kém, chứ đánh bạc thì quyết chẳng kém mũi nào. Thú vị nhất là người nào mua vé *Cash-sweep* lại có quyền vào cửa không phải trả tiền, hôm xổ số ở trường đua!

Bà Liên ở sau hội chợ là một người trong những người đó. Thân tài, trong một tháng ấy, đã gõ cửa vào nhà những hai lần. Lần thứ nhất vào dịp mở số *Tombola*. Bà Liên trúng số độc đắc, được một cái ô-tô hơn hai nghìn. Là một người làm ăn buôn bán cần cù chẳng cần đến ô-tô làm gì cả, bà muốn bán lại. Nhưng trước khi để lại, chẳng nhẽ lại không biết mùi cái ô-tô của mình hay sao? Bà hãy [vạn](#) đi chơi cái đã. Hôm ấy mở số *Cash sweep*. Bà lên chơi Quân Ngựa để cho biết trường đua và nhân thể để xem cái vé của mình mua có cái nào trúng không.

Trường đua! trường đua! Hôm ấy trường đua chưa đông khách như bây giờ. Nhưng nói thế không phải là để nói rằng chưa có những công tử, tiểu thư lên đó để thả tình thi tứ. Đây là một cậu có cái áo *smoking*, khoe khoang cái quần *rayé*, này là một cô mặc áo kiểu *hoa khê hoa sen* khoe những nét lồi lõm ưa nhìn trong thân thể. Đối với bọn này, trường đua là một chỗ "trung xướng". Nhưng không ai cấm họ, mỗi lúc ngựa về, cũng la cũng hét, cũng cười rộ, cũng tiu nghỉu buồn rầu như đi đưa đám tình nhân. Làm như thể mình là tay chơi sành sỏi lắm.

Bà Liên khác thế. Bà cần sự hời hợt ở trường đua như anh và tôi. Không đến thì thôi, chứ đã đến thì phải chơi! Nhưng biết chơi ra thế nào? Bà ta bèn hỏi một người đứng cạnh. Cái ông bạn nhất thời kia lại tưởng bà hỏi đánh *double* vào cuộc đua nào. Ông ta bèn trả lời gọn là kỳ 4 và kỳ 5. Bà Liên nghe nhảm là nên đánh con số 4 và

con số 5, liền vào ghi-sê mua luôn vé 4x5. Ngờ đâu con 5 ở cuối thứ năm hôm đó là con Nausicca, đã lâu chỉ bì bà bì bạch lạch đà lạch đạch (như ông đồ cờ Chương) và về Bett Hoài; hôm ấy, sắp chạy, trời lại đổ mưa rào. Nausicca vốn là một con ngựa già, chịu được mưa gió, nên cứ thế là phóng một mạch về... trúng cử nghị viên – tôi muốn nói là con Nausicca về nhà t. Tiếng hò! Tiếng hét! Tiếng than phiến! Tất cả trường đua, từ *tribune* đến *pelouse*<sup>23</sup> đều thua cuộc. Vì dù rằng có nhiều người cá cược cuối trên là con 4, nhưng cuối sau thì ai ai cũng chọn con 3, con 2, con 6, thành thử cuộc *double event* hôm đó chỉ có một mình bà Liên được cuộc.

Hội ấy hãy còn ít người chơi. Nếu phải bây giờ, cái *double event* ấy, phải ăn đến hai nghìn đồng là ít. Bà Liên chỉ ăn có hơn bốn trăm đồng. Nhưng vào hội ấy, thế đã là một cái "cá" ăn to, nên tất cả trường đua đều lác mắt trông bà Liên mang số bạc khá đồ sộ kia lên ô-tô về. Trong khi ấy, bọn công tử và tiểu thư ở *tribune*<sup>23</sup> bậm chí nhau mà nhìn một cách thèm thuồng, có kẻ lại chán nản giơ hai tay lên trời mà kêu: "Nausicca! mày giết chết cha tao nhé!" và có anh tiêc của năm lặn ra bãi cỏ, như muốn ăn vạ với hội đua.

Từ đó, lòng tham của các khách chơi sôi nổi như nước triều hôm. Già trẻ lớn bé xô nhau đến đánh cá, những tương kiếm bạc ngàn, nhưng đời người dễ mỗi lúc người ta được may mắn như bà Liên và bà lái ở Lao Kay về Hà Nội? Các báo hàng ngày được tin, nay một người thụt két, mai một người tự tử, mỗi ngày một tỉnh ngộ dãn ra, và không làm quảng cáo cho hội đua ngựa nữa. Nhưng hơi muộn.

**IV. Mẹ ơi, con hết vốn rồi. Con ơi, mẹ cũng đến ngõ i nhà pha**

1932-1938. Sáu năm trời, bao nhiêu cuộc đổi thay ở trên trường đua ngựa. Và bao nhiêu người đánh cá méo môi sò, vì bị thua cay. Đây là một ông bán ba cái nhà ở Cột Cờ vì những con *Raspoutine* với *Solitaire*; đây là một bà xoi đã lắ m con *Rayon d'Espoir*, nhưng ăn hế t lương chồ ng và cơm con, vì đã ngộ tưởng con *Velleda II* to lớn và mịn lông tắ t phải khoẻ dai và có nước rút lớn. Sự tưởng tượng giế t người! Cô ơi, cô tưởng cứ con ngựa nào dài đuôi mà đánh cá, thì cô sẽ dễ chịu ư? Không! Nghe` chơi cũng lắ m công phu, cô ạ. Mà sở dĩ nhiề u người bị thân tàn ma dại vì cá ngựa cũng chỉ vì lắ y trường đua làm một cái sòng bạc to được phép mở công nhiên, á y là chưa kể Nhà nước lại còn đắ p điế m, bù trừ cho là khác. Họ thua là tự họ. Nhà nước và hội đua mở ra cái thú chơi này, có bắ t họ đế n chơi đầ u? Mà đã nói đế n Hội đua và Nhà nước, tôi đố ai tìm được một lẽ cở n con gì để phàn nàn được đầ y!

Bút tôi như muố n ngừng. Đã cho Quầ n Ngựa là một sòng bạc lớn, những người đánh cá tắ t phải tin ở đỏ đen. Tôi đã biế t những người bói Kiề u. Tôi đã biế t những người đi lễ các đề n chùa để câ u may. Tôi đã biế t những bà cụ "ăn chay nắ m mộng". Hôm nay, tôi xin dắ t các ngài đế n chơi một người bạn tiêu biểu cho một hạng đàn ông tin đen đỏ ở trên trường đua ngựa. Một căn nhà vào hạng trung lưu. Đầ y, các ngài xem, chủ nhân của nó là một ông tham Công chính, có cái vẻ gì là vẻ Đình Dù đầ u.<sup>24</sup> Vậy mà, xin nói ngay là ông đó tin dị đoan lắ m nhé! Hai kỳ trước đây ông á y mượn kэт<sup>25</sup> của sở một số tiề n nhữn nhận là 150 đồ ng để lên gỡ gạc. Thua cay! Mà tiề n thì cuố i tháng này phải trả. Các ngài có biế t ông ta làm thề nào không? Thua các ngài, ông á y về bắ t vợ mặc áo tân thời cắ n thận, đánh phắ n vào, bắ t đi... Xin đừng có những ý nghĩ bi quan mà tưởng là ông bắ t vợ ông đi... khách. Việc á y có thể được lắ m, nhưng đầ u đã vộ i đế n thề .

Ông Tham tôi chỉ bắt vợ đi lên quàn ngựa (không nói bóng)<sup>26</sup> mà thôi. Để đánh. Mà không đánh không được. Vì ông tin rằng thần tài hay đái kẻ khù khờ, và đàn bà sẽ có may hơn. Đàn bà chẳng may hơn tí gì cả. Nhưng ông Tham của chúng ta không thế. Gọt cho trọc đầu ông đi, ông Tham vẫn cứ tin ở dị đoan, nên tuấn sau ông lại cho con đi. Một cô con gái mới 12 tuổi, sự đời chưa biết mà vô tình đã bị bớ vỡ lòng cho biết những bài học hay... về ngựa. Cho mới biết những sách giáo khoa của nhà học chính dạy con trẻ chớ nên đánh bạc, lắm khi vô dụng lạ.

Nhưng ông Tham không nản, tuy cô con gái của ông đánh cũng thua. Làm sao bây giờ? Con thua mà vợ cũng thua? Thì về nhà mời bà mẹ đi bói cho một que cầu tài. Rồi mời mẹ đi gỡ cho một buổi. Thần phật chắc hẳn sẽ độ cho các cụ già vì các cụ ra vào cửa phật luôn. Và nhất là bởi các cụ già... chay tịnh!

Có ai đã trông thấy những ngày chủ nhật, trên những chuyến xe điện đi lên Bưởi, một bà cụ già, cái khăn vải đỏ cầm tay, ngờ gì nói chuyện hết về con *Risque-Tout* lại đến con *Gigolette*? Các cụ ấy đi đánh cá ngựa. Mà đánh cá máu mê như bọn trẻ. Có khi hơn!

Tôi đã thấy những cụ già, chỉ còn đợi đông đủ con cháu là yên lòng nhắm mắt đi về với tổ tiên, mà trên quàn ngựa, cũng lê đôi guốc lộc cộc, sờ cái ruột tượng màu xanh, rồi giờ cái bàn tay gân guốc ra vớ c từng vớ c hào để chung với các bà, các mợ, đáng tuổi cháu dâu và chắt dâu mình. Các cụ ấy, như ngọn lửa lòng hầy còn bùng bùng cháy mạnh, nói chuyện cá ngựa rất sôi sảng, nào con số 1 nào con số 3, và cũng biết những thành tích của con *Quaker* hay về đường ngã n mà khô, con *Limier* có nước rút rất tài, nhưng phải cái tội chỉ hay về đường lội.

Tôi đã trông thấy ở quàn ngựa những bộ áo nâu bạc vai, cái quàn vải láng óng thếp óng cao, những đôi guốc long sơn,



những cái ruột tượng bạc màu của các cụ sắ p về` cõi thọ. Còn gì đau đón

cho bắ ng những con mắ t trẻ lại phải nhìn thắ y những vẻ mặt phờ phạc, lo buồ n, những cái trán mô` hôi tuôn xồ i làm bệt những mó tóc trắ ng như sương tuyề t.

Các cậu bé cô bé đứng ở đầ u này của cuộc đời, mỗi khi mách nước không trúng bị bớ mẹ mắ ng cho tàn tệ: Chỉ được cái bẻm mép! Chỉ được cái láo thì không ai bắ ng! Tin miệng trẻ ranh có ngày chề t! Thành ra những lúc đánh thua, bị bớ mẹ mắ ng, cái cô bé cậu bé á y tiu nghiu, cũng câ n phải chửi rửa lầ m bầ m, nài nọ kìm cương, hay nài khác gian, "chỉ được cái nghề` bán giải".

Như vậy, chưa chán. Ở quầ n ngựa, chán hơn hế t là các bà các cô bị thua, phờ phạc mặt mày, phắ n rơi ra từng mảng, cái quầ n mỏng mảnh ví có rách cũng không đủ tinh thầ n để biề t.

Mê ngựa! Người ta đã thắ y nhiề u người đi làm "người ngựa" để lắ y tiề n gỡ gạc ở trường đua. Bọn này mê ngựa hơn mê chồ ng và mê trai. Trong óc, họ ghi đủ những đức tính khoẻ và dai của ngựa. Nhưng không ghi những đức tính á y của chồ ng. Tôi nghi rắ ng các bà các cô á y cũng như "anh tài tử chơi chim" của La Bruyère,<sup>27</sup> nghĩ ngợi về` ngựa nhiề u quá, đêm nắ m cũng thắ y mình hoá ra ngựa cả! Thành thử chỉ khó nhọc các ông chồ ng có những bà vợ mê ngựa và mê cá ngựa.

Tôi xin thề` rắ ng nếu tôi có vợ như thề` thì tôi... đã chề t từ bao giờ rồ i. Vì chỉ những lời nheo nhéo bên tai, trong khoảng đêm trường, bàn về` ... ngựa cũng đủ làm cho tôi hế t ngủ. Và, cứ như thề` mãi, thân tôi rồ i đế n như con nhái bén. Còn gì?

## **V. Con chó mực, người đàn ông và miề ng thịt**

Hôm nay, tôi xin kể cho độc giả nghe một câu chuyện về cá ngựa vừa làm sôi nổi dư luận các bà tham, bà đợc và các bà vợ tây ở Hà thành, chuyện mợ Xa.

Bà con phớ Hàng Bát lấ y làm lạ về chuyện mợ Xa rục rịch dọn về Thanh Hoá ít lâu nay, chủ nhật trước lại đôi ý kiế n, lấ y một người tây lai bán máy. Chuyện như sau này.

Mợ Xa là một gái con nhà thê phiệt nhưng vì đại trai nên gặp phải bước lỡ lầ m. Mợ hút thuố c lá, mợ nhảy đầ m, cuộc đời lên ngựa xuố ng xe làm cho mợ đã quá một lầ n gặp quá một ông nhân ngẫ. Đế n ông đợc Xa là người tình thứ năm, mợ tìm đượ chố n yên thân, mợ nhấ t định "cai" hế t cả các thứ chơi để làm một người vợ biế t bản phận, một người vợ tồ t, một người vợ trong khuôn mẫu. Một người vợ lẽ. Vì ông đợc Xa đã có vợ cả ở Thanh. Mợ tuy là lẽ mọn, nhưng số ng với chồ ng một cuộc đời đầ y đủ trong ba năm trời với ông đợc ở giữa Hà thành văn vật. Mà ở trong Thanh thì bà vợ cả ông đợc và thân phụ ông Đợc là cụ Kiểm Hai vẫn không hay chuyện gì.

Bỗng mầ y tháng nay, ông đợc Xa nhận đượ hế t thư này thư khác của "ông via" gửi tới. Thôi! Thúc ông đã biế t việc này rồi, Sinh và Kiề u phen này, nế u không đế n nổi phải cúi đầ u trước cửa công, thì ít ra cũng như đòn một chuyế n và nhận nam én bắ c chó không còn mong gì sum họp nữa.

Không đâu. Việc chưa đế n nổi nào. Thúc ông tân thời, không biế t nghe ai hót chuyện đã biế t cả chuyện trăng gió của con. Nhưng ông kín chuyện lầ m. Ông viế t thư khuyên con "không nên say đầ m nguyệt hoa" và ngỏ ý nế u chuyện "lấ y con hai đã ăn sâu quá lầ m rồi thì cũng nên lấ y người ta, tội nghiệp!" Nhưng vợ chồ ng mới lấ y nhau chó nên vì mê nhau quá mà hao phí nhiề u tiề n. Ông già kia lại nghĩ thương con dâu cả của mình, bèn ngỏ ý với con trai nên

thu xếp cho vợ hai về ở Thanh máy tháng để vợ cả ra ngoài Hà Nội rồi cứ "cắt tua" nhau như thế, mỗi người ở vài tháng hậu hạ đức ông chồng bác sĩ.

Hôm nay, bác sĩ về kể hết cả đầu đuôi với vợ hai. Khóc lóc, nũng nịu, ôm ấp. Sau hết, vợ hai cũng nghe lời. Và hứa trong năm hôm nữa, vợ sẽ thu xếp xong để về Thanh với Thúc ông để cho người vợ cả ra thu xếp! Vợ hai phải thu xếp thật. Vì vợ ở riêng, không phải ở chung với chồng. Cái lối đàn bà nửa ra nhân gái, nửa ra gái "a-bon-nê"<sup>28</sup> mà lại!

Bàn ghế vợ bán. Tủ áo vợ bán. Xe nhà vợ bán. Con chó Nhật yêu của vợ, Lily, vợ cũng bán nốt lấy 30 đồng, thành ra lúc rũ tay vợ có một cái vốn hơn ba trăm, những mong về Thanh Hoá thì đem ra buôn bán hay làm ăn gì đó. Thì câu chuyện cá ngựa tự nhiên ở đâu đến làm tan nát cuộc đời của vợ.

Mợ Hai vốn là một người rất ghét cờ bạc. Từ bé, có lẽ vợ không ngờ gì đến bàn bạc bao giờ. Trên trường đua cũng vậy, vợ không hề biết ngựa chạy ra thế nào, giải ăn như thế nào. Ấy thế mà vợ hỏng cả cuộc đời vì cá ngựa. Mà nguyên do chỉ tại một giấc mê vô nghĩa. Mợ Hai từ trước đến nay rất tin mộng. Mà mộng, từ trước đến nay, bao giờ cũng có một con chó mực làm chủ động. Con chó mực cắn người, ở trong nhà có người ốm; con chó mực gãy răng, trong nhà có người chết; con chó mực nhảy lên vui mừng, trong nhà có việc mừng. Mợ nghiệm đúng lắm.

Lần này, có ba trăm bạc trong tay, vợ cũng nả mống thây con chó mực. Mợ thây như thế này: Mợ đến một chỗ ồn ào những tiếng người cười nói. Con chó mực ở đâu tiến lại với một người đàn ông đã già. Người đàn ông ấy rút ở bọc ra một miếng thịt nướng thơm lừng giơ ra cho con mực ăn xong lại lấy miếng khác

đưa cho ăn và cứ như thế mãi. Mà con mực ăn nhưng vẫn không tỏ vẻ vui mừng, ngoe nguẩy cái đuôi một lúc nào.

Giấc mộng ấy làm vợ Hai băn khoăn đến sáng. Vợ đoán nhiều lắm. Sáng hôm sau, một cô bạn đến chơi, cầm một chương trình cá ngựa, vợ lấy xem, và, có trời hiểu vợ đã đoán giấc mộng làm sao, chiều chủ nhật ấy vợ lên trường đấu mã. Đánh. Đánh lên đầu. Và không biết đánh cá thế nào, vợ cứ hỏi những bạn quen và thầy họ bảo sao thì đánh thế. Và vợ thua. Thua ngót 50 đồng, vợ tái mặt đâm lo, gỡ gạc đến sáu giờ chiều thì món tiền ba trăm nọ chỉ còn trơ 80 đồng.

Ngày xưa, trong những cuộc chơi đồ chữ, những giấc mộng hoang đường đã làm hại nhiều người. Bây giờ, có bao nhiêu người cũng đã chết vì những giấc mộng, ở trên trường đấu mã?

Tôi đã biết nhiều người như thế! Nhưng không vụ nào làm cho tôi cười thàm bả ng vụ vợ đồ c Xa. Thì ra vợ đồ c Xa đoán giấc mộng của vợ như thế này: người đàn ông kia là ông chủ quàn ngựa, con chó kia là... vợ, vợ đương sống cuộc đời bình tĩnh thì tự nhiên có người đem thịt đến như miếng mèo – à, miếng chó, – mời ăn. Thì tội gì chẳng ăn, – vợ nghĩ.

Mợ nghĩ thế là lắm.

Con chó kia, sau khi thua cá ngựa, đã mở mắt vợ, – tiếc thay, hơi muộn. Mợ không phải là con chó. Mợ là người đàn ông trong giấc mộng, có thịt, tự nhiên đem đến mời chó xơi. Mà con chó, thì tôi không phải dài lời nói.

Mợ Hai hôm ấy buồn tha thiết. Mợ về nhà, gặp chồng, không nói gì. Mợ không dám về Thanh nữa. Và người đàn bà định hoàn lương đó, ngày lại ngày, thành ra bị sa ngã, và một đêm trăng đẹp, người ta thấy đi chơi bước một với một người cai tây.

Đó là một chuyện khác.

Bây giờ, người ta chỉ biết mẹ Hai không lên cá ngựa lên nào nữa. Mẹ ấy chông tây rất sung sướng, nhưng mẹ buồn, lúc nào cũng buồn bã ủ ê như thương tiếc một giấc mộng vui tươi đã vỡ.

Tôi cũng buồn. Chẳng muốn viết tiếp thêm thiên phóng sự này làm chi.

**VŨ BẮNG**

*Dư luận*, Hà Nội, 27.6.1938; 4.7.1938; 11.7.1938;

25.7.1938; 1.8.1938; 22.8.1938; 26.9.1938.

# Không đó thì đây

*Dưới đề` mục này, thường đặt ở đầu các số` Trung Bắ`c tân văn chủ nhật trong năm 1940, Vũ Bắ`ng viết dưới bút danh Tiêu Liêu, đề` cập đề`n các chuyện thời sự trong tuầ`n trước. Các kỳ đăng tập hợp được, tôi xé`p chung thành một bài lớn, nhưng có ghi xuấ`t xứ của từng kỳ đăng báo.*

(Chú thích của người sưu tâ`m)

## **Thứ hai**

Vì lúc này nước Pháp không thể cung cấp hộ như trước nữa, nên Đông Dương phải chịu lấ`y món tiề`n về` hải lực không quân, mà riêng xứ Nam Kỳ phải trả 2 triệu 200 nghìn đô`ng về` việc đó. Số` tiề`n đó, kiế`m đâu ra? Báo *Effort* bàn nên đánh thuế` những anh chàng nhiề`u vợ.

Hay! Nhưng sao lại bắ`t công như thế`, chỉ đánh những anh nhiề`u vợ mà thôi? Tôi tưởng ta nên bàn với Chính phủ ở đây đánh thuế` cả những ả nhiề`u chồ`ng, và nếu` cần thì đánh thuế` cả những anh chàng chị chàng đã lớn tuổi mà không có vợ có chồ`ng nào cả. Những hạng sau này là hạng "trồ`n nợ" không muố`n để con giúp nước.

Còn hạng đàn ông nhiề`u vợ, tôi tưởng không những đáng thương mà thôi, trái lại, lại còn nên khuyế`n khích là khác nữa. Và lại, nhiề`u vợ, cái kiế`p anh đàn ông đã khổ lắ`m lắ`m rồi, bây giờ lại đánh thuế` nữa thì tội nghiệp cho họ quá!

## **Thứ ba và Thứ Tư**

Ở Biên Hoà, Nguyễn Văn Xòn 57 tuổi, mù cả hai mắt, có một người vợ trẻ mê một chú tên là Xuông. Một hôm, Xòn đi chơi về nghe thầy tiêng Xuông với tiêng vợ mình ở trong phòng, Xòn giận quá, xông vào phòng và tóm được cả đôi gian phu dâm phụ, đâm vào hông và bụng bị thương khá nặng.

Mù cả hai mắt mà tóm được cả gian phu dâm phụ, Nguyễn Văn Xòn thực là tài. Mà xem như thế thì lắm khi có con mắt cũng chẳng làm gì cả...

Xem như chuyện anh thầy bói sáng ở Ninh Bình mới đây thì biết. Lý Đ. ở phố Phúc Sơn đương bị bệnh tình day dứt một hôm tìm đến một ông lôc côc (ché t) tử chét tiết để xem. Ông này sáng cả đôi mắt hùng hồn phán cho con bệnh biết rằng ông ta bị ma Mùong làm, nếu không chữa ngay lập tức thì còn ba hôm nữa chét. Lý Đ. không nhịn được cười và cũng không nhịn được tức, sẵn gậy của thầy bói đập, bèn giả vờ như bị ma Mùong làm thực, đánh đá lung tung và hơn nữa, cứ đầu thầy bói mà phang lia lịa. Sau thầy có một cuốn sách chữ Hán để đó, Lý Đ. bắt anh thầy bói sáng kia phải đọc má y chữ để xem thì té ra là... Thừa các ngài, anh thầy bói sáng ấy cúi xuống lạy con bệnh và thú thực rằng mình chỉ là một anh... hàng phở thát học từ năm lên một!

Anh thầy bói sáng nọ, thoát nạn phen này, làm gì mà chẳng muốn chọc đôi con mắt cho đui để nói và làm "bách phát bách trúng" như Nguyễn Văn Xòn trong Biên Hoà.

### **Thứ Năm và Thứ Sáu**

Hôm 22, hai quan viên là B. và T. cao hứng vào chơi nhà đào H. ở Bắc Giang và hát xong định đánh bài "tẩu mã" nhưng không được, hai vị quan viên nọ bị cô đầu xé rách áo tan tành và đành phải cời

trần trùng trục như Hứa Chủ và mang một mớ i hận thiên thu ra về.

Bị cô đầu đánh rồi lại bị cô đầu lột áo quần, cái nghề quan viên ở đất này rõ là bị coi thường và bị "bóc lột" quá, còn chờ gì mà không họp nhau lại thành ái hữu để "củng cố" cô đầu và đối phó lại với họ những khi bị "lột"?

## Thứ Bảy

Cụ Lê Chúc, quán làng Phúc Lộc thuộc phủ Diễn Châu ở Nghệ An nhờ trời phù hộ đã được 50 tuổi, nhưng vẫn chưa có cậu con trai nào để nối dõi sau này. "Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại", ông bèn bàn với cụ bà lấy một ả hầu non đằm bốp, nhưng chết một cái cụ bà lại hay ghen, thành thử hợp ước vẫn chưa bao giờ ký cả. Tức mình, cụ Lê Chúc bèn đi ăn thịt chó cho hả giận và ở cửa hàng thịt chó, cụ gặp một cô hàng rượu thật ngon, – ngon cả người và ngon cả rượu. Cụ bèn dùng lời đại tá n công chớp loáng tán luôn và chỉ ít câu sau, ở một cái "nô-pô-t" kia, cụ và cô đã chung sống một cuộc đời tươi đẹp và phom phom. Bất ngờ cụ bà biết. Và rình đúng lúc cụ ông say đương ngâm câu: "*Còn giờ, còn nước, còn non, Còn cô bán rượu, anh còn say sưa*", thì bà cụ xông vào hét lên ba tiếng và xé quần xé áo cụ ông trần ra như nhộng.

Vừa giận, vừa xấu, cụ Lê Chúc về nhà nhất định bắt chước luôn những anh quá khích hồ i trước ở các nước, tuyệt thực để phản đối chánh phủ, – cái chánh phủ "ma phảm".<sup>1</sup> Ba ngày liền cụ không ăn gì cả mà chánh phủ vẫn không chịu nhượng bộ, cụ Lê Chúc tức quá bèn lên gác ba tầng thiết lễ cúng tổ đường và cha mẹ xong, quảng bát hương thờ tổ xuống gác và treo cổ lên xà nhà tự tử.

Tự tử? Thế mới rã c rôi to. Muốn tránh tội bất hiếu, nên bàn với vợ lấy vợ lẽ cho mình có con. Ông già Chúc đã chẳng có con thì



chớ lại chệ t quách nữa, thành ra bất hiệ u một lâ n không muố n lại muố n bất hiệ u hai lâ n. Và biế t đầu đầ y? chẳng bất hiệ u ba lâ n, bất hiệ u bô n lâ n, vì ông ta để những hai vợ ở lại trên trầ n thề ... bô` côi bô` cút.

Chỉ nên lâ y làm lạ sao ông già kia lại vớ vẩn đập bát hương thờ tồ trước khi treo cổ lên xà nhà? Người ta nghi rằ ng ông già Chúc không biế t câu hát "*Gái kia chồ ng chẳng nằ m cùng; Túc giận đùng đùng ném... chồ xuồ ng ao*", nên mới làm một cái cử chỉ... bất hiệ u thứ năm như thề ! Nghĩ mà buồ n!

## TIÊU LIÊU

*Trung Bắ c tân văn chủ nhật, Hà Nội, số 30 (22.9.1940)*

### Thứ hai

Vừa rô i quan Thố ng sứ Bắ c Kỳ vừa gửi một tờ thông tư nhờ các quan đầ u tỉnh để ý để n lô i dùng chữ đề` biế n của các nhà trồ ng rằ ng. Theo điề u nhận thắ y của ngài thì một số nhà trồ ng rằ ng Khách và ta, muố n quảng cáo cho cửa hàng của họ, đã dùng những chữ to quá, – như chữ nha y sĩ (chirurgien dentiste) chẳng hạn – để cồ t bíp bộn người. Quảng cáo như vậy là nói phét. Quảng cáo như vậy là lạm dụng. Không thể đượ c nữa, cái lô i quảng cáo đó phải trừ cho tiệ t hế t đi.

### Thứ ba

Thắ y tờ thông tư như thề , nhiề u người lâ y làm lo cho những ông lang bắ m lang bồ ở đây, không giỏi chữa bệnh, nhưng giỏi làm những quảng cáo dùng toàn những chữ "đao to, búa lớn".

Tuy vậy, ta phải nhận rằ ng cái lô i quảng cáo đó, các ông lang ta độ này đã thắ y đờ rô i, nhưng một hạng người nói phét mới đây lại

hiện ra và làm cho người ta khỏ vì những thứ quảng cáo kêu vang như sắ m nô (hay một chữ cũng na ná thế ). Đó là những ông văn sĩ của những nhà xuấ t bản "ma chơi" tự mình viế t những quảng cáo ca tụng mình. Mà những quảng cáo đó như thế nào?

– Đây là một tác phẩm mà dịch giả, ông Mỗ, đã không câ m được nước mắ t khi chữa lại *épreuves*.<sup>2</sup>

– Đây là một cuố n truyện mà chính tác giả, ông Mỗ cũng phải nhận là hay nhấ t trong những tác phẩm mình đã viế t...

– Cuố n văn mà ông Mỗ dịch đây là một cuố n tiểu thuyế t mà chính ông Mỗ đã phải nhận là hay nhấ t...

... Tuô ng như là ông Mỗ dùng để làm *unité*<sup>3</sup> đo sự hay dở của văn chương nước khác y như lúc nhỏ ta đã học: "*Le litre est l'unité des mesures de capacité*"<sup>4</sup> vậy.

## **Thứ tư**

Nghê ` văn bắ ng quảng cáo hay ho được đề n thế , ta cũng nên lắ y làm mừng. Duy chỉ có những ông bán dầ u "cù là" trên xe lửa phen này thật là tha hồ ` mà lo, – lo có một bọn người trong xã hội xưa nay vẫn có tiế ng là có ăn học ra tranh mắ t cái nghề : "Dầ u cù là... nào! Trong uố ng ngoài xoa, mua một biế u một, các người chó có bỏ lỡ một dịp may hiế m có!"

## **Thứ năm**

Xã Cự Linh, phủ Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh vừa xảy ra một chuyện thầ y dạy võ vựt một gậy vào đầ u Nguyễn Xuân Tảo tức thì người trò á y trở vào nhà thương được ba ngày thì chề t.

Nhiề u người đọc kiế m hiệp nghe thầ y tin này đề u lắ y làm hồ i hộp và đã đi hỏi dò cho kỳ được cái tên thầ y võ kia đã đánh cái

miêng gì mà hay thế, hay hơn cái miêng "kim kê sao nguyệt hoãn" ở trong truyện kiếm hiệp và võ hiệp vẫn đăng trên các báo hàng tuần và hàng ngày nữa.

### **Thứ sáu**

Nói đến chuyện võ hiệp và kiếm hiệp tung phép lên trời và thả ra những cái hồ lô biết bay, ta không thể quên nói đến tàu bay Nhật ở quân đội Quảng Đông hôm 23 đây, bay lượn ở trên đất Bắc Kỳ. Các máy bay ấy không định bay đến địa phận Hà Nội. Còi báo động kéo lên hai bận gần như liên tiếp nhau. Bận thứ nhất từ 12 giờ 15 đến 12 giờ 47 phút; bận thứ hai từ 12 giờ 55 đến 2 giờ kém 15 mới lại có còi báo hết. Thành phố Hà Nội, Sơn Tây, Bắc Giang, Hà Đông, Bắc Ninh đều có báo động và nhón nháo cả lên. Mọi nhà đều đóng cửa. Nhưng có một điều rất đáng phàn nàn là ở Hà Nội và các tỉnh khác một số đông đàn bà con trẻ và cả đàn ông nữa, không biết trọng trật tự, cứ đứng nghe ngệch ra giữa đường mà cười nói om sòm, có ông lại ghé mũi lên trời để xem "Dục-pồn phi ký" là khác nữa. Họ không sợ? Họ không sợ mất mũi của họ, cái đó đã đành rồi, nhưng họ có biết đâu rằng họ làm như thế tức là làm hại cả đến sự trật tự chung.

Nói tóm lại, bao nhiêu việc đáng tiếc đó sở dĩ xảy ra chẳng qua là vì những người ấy không biết gì cả; họ không biết bom đạn tai hại như thế nào. Và cũng bởi họ điếc. Điếc không sợ súng!

### **Thứ bảy**

Sáu giờ sáng hôm 24.9.1940, lại có còi báo động, từ 6 giờ kém 5 đến 8 giờ rưỡi hết. Và luôn hai hôm 25 và 26.9.1940 cũng lại có còi báo động nữa. Sở dĩ có còi báo động luôn như thế là vì có phi cơ Nhật Bản bay lượn ở trên thành phố Hải Phòng và đến gần Hà Nội.

Theo đúng hợp ước, quân Nhật đã tới Hải Phòng ngày thứ năm 26.9.1940. Lúc báo này lên khuôn, tình thế đã yên. Sự hiểu nhầm đáng tiếc đã dàn xếp xong: những xe bò đồ đạc đem đi lánh nạn đã lại lù lù dẫn về, những ông quân soóc giắt dao găm và những bà búi tóc ngược mặc giả làm đàn ông hùng dũng tự... chạy về quê trốn tránh đã lần lượt kéo nhau ra tỉnh để làm ăn như thường. Mà cả các cô trốn nhà đi lánh nạn với trai ở... phòng ngủ cũng đã về với bố mẹ anh em ở nhà. Đó là điều nên mừng nhất!

## TIÊU LIÊU

*Trung Bắc tân văn chủ nhật, Hà Nội, số 31 (6.10.1940)*

### Thứ hai

Sang đến tuần lễ vừa qua tình hình trong nước ta đã yên lành, không còn như tháng trước. Ngày 7 Octobre, các trường công đã mở cửa để đón học trò. Phố xá lại sáng sủa như thường. Cảnh buôn bán lại sầm uất. Quân lính còn lại ở Lạng Sơn đã trở về. Theo đúng hợp ước, phi cơ Nhật đã đến trường bay Gia Lâm và quân Nhật đã đóng ở Hải Phòng.

Những người bị nạn bom ở đó đã được làm lễ an táng chu tất lành. Các quan chức Nhật nói sẽ đến tiễn cho những người bị nạn bom nổ ở Hải Phòng. Hải Phòng lại sống trong một không khí yên vui ngày trước. Khắp mọi nơi, người hiểu kỳ đến muốn đến xem cái thành phố nhộn nhịp kia và những hiệu cao lâu, những cửa hàng buôn bán lại được dịp làm ăn sầm uất. Có lẽ là có nhiều nhà lợi dụng lúc này để đầu cơ. Những bọn đầu... trộm đuôi cướp lúc này không hoành hành được mấy tý bởi vì họ đã bị liệt vào bọn "thành tích bất hảo" và đem đi an trí một chỗ rồi. Nhưng ai đã đi qua Hải Phòng, nhất là vào hôm này, thì cũng đều phải nhận rằng

bọn "chạy" hoành hành dữ quá: chúng nó ăn cắp một cách rất công nhiên đến nỗi bắt không xuể nữa.

– Đó là vì túng đói mới phải sinh ra như thế, cái đó đã đành rồi, nhưng ta không thể không nhận rằng chúng nó mà hư hỏng như thế cũng tại vì lười biếng. Cho nên ai thì không biếng, chứ riêng tôi thì tôi cho cái nạn "chạy" đó, lúc này hơn cả bao giờ, ta phải trừ cho thật tiệt đi!

– Bắt bỏ tù? Vô ích!

– Cho lên nhà trường giới để dạy dân dân? Chưa chắc đã có kết quả đâu!

Âu bả`ng, từ giờ trở đi, ta cứ xin nhà chức trách thi hành một chính sách rất gắt gao mà thực tế vì tôi nghĩ rằng dù xâu đến đâu, dù đến nghiện thuốc phiện là khó bỏ nhất, mà cứ thẳng tay để trị thì đâu cũng vào đó hết.

Một nước muốn tiến không thể do dự được. Vậy kể từ bọn chạy trở đi ta phải thi hành một lối trừng trị rất gay go là vì bắt được tên ăn cắp nào lần thứ nhất thì bắt nó vén tay lên để ta trảm một chữ "cọc" vào là tốt nhất. Đến lần thứ hai, nếu như nó không chừa, ta trảm hai chữ "cọc" vào ngực, mà nếu nó vẫn không chừa nữa thì cái hình phạt cuối cùng lúc ấy sẽ giở ra là ta lấy ngay cái trán nó mà trảm hai chữ "cọc". Có gọi là đến chết cũng không rửa được nhục nhé!

Mà chúng ta, chúng ta, lúc ấy, đại gì mà thấy một người có ba chữ "cọc" khấc toét toét loe trên trán, chúng ta lại chẳng đưa hai tay vào túi mà đề phòng quân "chạy"!... cho những đồ vật hay tiền bạc trong túi ta đừng chạy đi?

### **Thứ ba**

Theo các báo Pháp thì năm nay có lẽ không có phần thưởng của Hàn lâm viện Goncourt tặng cho các văn sĩ Pháp.

*(Kiểm duyệt bỏ)*

Vả lại, từ khi ông Rosny ainé<sup>5</sup> tạ thế, thì chỉ còn có chín ông Hàn trong viện Hàn lâm Goncourt mà thôi, chín ông này lại ở rải rác khắp nước Pháp. Ông Sacha Guitry hiện ở Paris, các ông René Benjamin, Lucien Descaves và Rosny jeune cũng ở tại những miền bị chiếm. Ông Leo Larnier thì ở tại quận Gard. Ông Léon Daudet hiện ở gần Limoges, ông Jean Ajalbert ở Cantal, còn Ông Roland Dorgeles thì hiện ở Marseille. Ông Francis Carco, hiện ở Nice, viết rằng: "Phải có chiến tranh và những sự thay đổi như thế này thì các văn sĩ và nghệ sĩ mới nhớ nơi cố lý". Thật là một câu nói đượm một vẻ buồn triền miên cho số phận con nhà cầm bút và ta thấy đã y một tâm lòng thương xót nhau, mến yêu nhau.

Nhưng đó là nói về văn sĩ Pháp. Còn văn sĩ ta?

Văn sĩ ta trong lúc thế giới đương trải nạn chiến tranh thảm khốc, nhờ trời vẫn được bình yên, chưa được gột rửa khỏi óc và biết đến "lòng thương" là thế nào nên chỉ ra công mà chiến... thuộc phiên ở những tiệm hút công khai và nói khoác nếu không phun ra những nọc cảm tức và đố kỵ! Thuộc phiên dăm ba điếu vào rồi, họ coi trời bằng vung cả, và bất cứ nói đến một kẻ có tiếng tăm nào, họ cứ dương cái mắt trắng dã, vêu cái môi thâm hay há t cái đầu bù bù mà "xỏ toẹt" cả, chỉ bởi một lẽ những kẻ có tiếng ấy không vào một "cờ-lăng"<sup>6</sup> với họ. Họ có biết đâu làm như thế là bỉ ổi? là hèn? là thấp kém? Cái tài của người ta, phải đâu chỉ ở chỗ quảng cáo thật trơ, mà cũng không do ở chỗ "hạ" người khác xuống. "Hạ người khác xuống thì trời lại nâng họ lên cao" câu ấy đã viết ở Sấm truyện,<sup>7</sup> họ đã từng ngã vào mấy trang truyện ngắn của Stephan Zweig<sup>8</sup> sao lại còn không biết. Cho nên dù tôi sợ

chiến tranh đến thế nào đi nữa mặc dầu, tôi cũng cứ phải nhận rằng chiến tranh tuy vậy cũng đã làm ích cho văn sĩ và nghệ sĩ không phải nhỏ. Biết bao giờ cho mà y ông văn sĩ chỉ biết năm tiếm kia mở mắt mà nhìn thấy sự thay đổi ở Âu châu?

### **Thứ tư**

Thiếu u tướng Nishiharo được cử sang Đông Dương trong khi đang giữ chức giám đốc trường đại binh bị nên không thể ở lâu được Đông Dương. Vì vậy, chính phủ Nhật đã cử nguyên soái Sumita sang đây giữ chức trưởng đoàn phái bộ Nhật. Nguyên soái Sumita là giám đốc trường trọng pháo (Ecole de l'Artillerie lourde) đã từng làm uỷ viên quân sự tại toà đại sứ Nhật ở Paris từ năm 1933 đến năm 1938.

### **Thứ năm**

*"Ông Vũ Đình Song một điền chủ giàu có nhà xã Trường Loát, phủ Nghĩa Hưng (Thái Bình) đã từng đi lính đóng cai và làm hộ phó Sâm Nưa, nay về quê làng, muốn đem tiền mua lấy chức công danh trong dân xã. Hè tháng Mai năm nay, thầy trong tổng khuyết chân chánh tổng, ông Song quyết ra tranh cử, nhưng khi đã dẫu đơn rồi thì có phó tổng Trần Hữu Chương ra tranh. Biết không đủ lực lượng đối với người tranh mình, ông Song mới nghĩ cách đem tiền ra lo chạy, thì vừa có ông Võ Văn Lý ngỏ ý muốn giúp ông. Theo lời ông Song thì ông Lý nói có quen một viên giáo sư có thể lực, có thể chạy được chức ấy. Ông Song cùng Lý đến nhà viên giáo sư ấy. Viên này bảo ông nạp bản cấp của nhà binh phát cho và 2.000 đồng để lo chạy. Nhận tiền rồi viên ấy bảo ông cứ về nhà đợi, đến kỳ bảo cử sẽ ra và không cần mua cử tri nữa. Ông Song mong đợi đã mòn con mắt, cho đến tháng sau, ông lại nhận được thiệp của phó tổng Trần Hữu Chương mời ăn khao, vì y đã trúng cử Chánh tổng. Ông Song bèn cùng ông Lý tới nhà viên giáo sư hỏi thì viên ấy nói một giọng lạnh lùng là Song*

*kém với chánh tổng Chương, không thể lo được, còn số bạc hẹn hôm sau đi Hà Nội về sẽ trả. Đến kỳ hẹn, ông Song lại đến hỏi thì viên ấy nói đã giao cho ông Lý trả 1.000 đồng còn 1.000 đồng nữa sẽ trả sau. Ông Song có đơn kiện, nhà chức trách đương tra xét..."*

Xuất 2.000 đồng bạc để mua một chức chánh tổng! Xì! Rõ đã dứt ruột (ruột người và ruột... tượng) chưa?

Cái tính di truyền ham danh chuộng tước của người mình, in vào trong óc mỗi người rất sâu, cho đến ngày nay đã chung đụng với những người văn minh mãi mãi rồi mà cũng không sao rửa sạch, thật là đáng tiếc. Cho nên đọc xong cái tin trên, những người hữu tâm không thể không khỏi buồn rầu. Họ bảo: Phải chi tên Vũ Đình Song đó xuất số tiền ấy làm việc ích chung thì đáng khen biết bao nhiêu. Tiếc vì y có cái não ham chuộng hư vinh nên mới có kẻ gãi nhám chỗ ngứa mà toan gạt, kẻ đi phỉnh vẫn là vô lương tâm mà người xuất tiền mua danh cũng đáng một bài học vậy.

Phải lắm. Phải lắm. Nhưng ông bạn hữu tâm không biết cho rằng cái lỗi đó không phải chỉ riêng của kẻ mua danh. Nếu ta cần kẻ tội thì ta phải kẻ tội cái óc dân mình trước đã, ở đình trung không có một chức tước: không sang; ở tỉnh lý không có tiếng quan phán quan tham: không góm.

Sự tiến của dân tộc vì đó mà cứ thụt lùi dần bởi vì người ta không biết bản phận là thế nào, giá trị làm người là thế nào. Họ chỉ cần có một cái tiếng thôi cũng như anh giàu hà tiện chỉ cần được kêu là giàu là đủ chứ có cần gì ăn ở cho đầy đủ bao giờ đâu?

Tôi tưởng rằng một người như Vũ Đình Song ít ra cũng còn dám bỏ tiền ra để người khác tiêu hộ, dù là hấn mắ c bệnh hư danh. Chứ những kẻ chôn tiền ở thôn quê thì mới thực là những hạng người đáng cho ông bạn hữu tâm của tôi nhếch mồm om sòm vậy.



## Thứ sáu

Ít lâu nay, không cần phải để ý gì cho lắm, ai ai đọc báo hàng ngày thấy đề u thấ y... rùng mình. Không, không phải vì một ngày Đức đem đồ 120.000 kilos bom hạng nặng xuống đảo Anh-cát-lợi đâu, nhưng rùng mình bởi chính những việc ở nước ta: ít ngày lại có một vụ đổ máu, mà không phải đổ máu thường đâu, mà lại đổ máu góm ghiế c, tương tượng như xưa nay chưa từng có.

– Ở Thái Bình, hồ i 2 giờ đêm 29.9.1940, một vụ giế t người rấ t tàn bạo, kẻ bấ t hạnh bị chém chi chít tới 18 nhát dao khắ p mặt như bằm bầ u, cổ bị ghì bóp sưng to.

– Giữ cháu gái không cho về với chồ ng con, bà phủ Huế Sài Gòn bị cháu rể chém chế t. Thủ phạm đâm vợ hàng mấ y chục nhát dao xong đi đế n nhà hội đồ ng nộp mình.

– Ông Hoàng Đình Kỳ thư ký toà Khâm, Huế , cầ m dao mổ bụng tự tử vì tình hay bị ai... ám sát?

– Ở Bắ c Ninh: Vào nhà đề bạn xuống chọc tiế t mà mô m vẫn cười và nói: "Tôi giế t anh đấ y!"

– Ở Hưng Yên: Một ông già 71 tuổi đang ngủ bị con trai chặt đầ u xách bỏ hòm bởi vì "Để cho bồ tôi số ng sợ lộ thiên cơ, nên giế t đi cho nó tiêu thoát".

Tôi đan cử mấ y vụ án mạng gầ n đây để độc giả biế t chơi chứ quả thực ít lâu nay những vụ án mạng như thế thực nhiề u và thực khiế p; cần nói những người lớn bị ảnh hưởng vì những tin đổ máu rùng rợn đó thế nào, chứ cứ nói riêng về đàn bà và con trẻ thì tai hại không thể nào tả hế t. Thầ n kinh họ bị hồng lầ n lầ n. Họ số ng luôn luôn ở trong sự kinh khủng và có kẻ sẽ đâm ra sợ lẩn đồ ng bào mà họ tưởng là hạng uố ng máu người không tanh.

Nguyên do vì đâu? Mặc ai muốn nói gì thì nói chứ tôi thì tôi nhất quyết rằng: bao nhiêu những sự ghê gớm đó đều một phần lớn do chiến tranh thế giới mà ra cả. Những kẻ sát nhân sở dĩ dám làm những việc rùng mình như thế, chính là bởi tự thân kinh họ bị rối loạn. Về thời này, vả lại, những báo hàng ngày ở đây, ít lâu nay lại có cái thói là hay "trương" to những vụ ám sát dữ tợn lên quá, thành thử những kẻ hơi bất dăc chí một chút, hơi phiêu lòng một chút đều muốn bắt chước những người đi trước mà làm những việc dữ tợn bằng thế hay hơn thế trước khi chịu chết.

Các ông làm báo hàng ngày ở đây tất không bằng lòng. Nhưng sự thực là vậy. Mà chúng có chắc chắn là việc xử tử tội nhân ở nhà pha Pháp và các thuộc địa ít lâu nay, chính chánh phủ cũng căm không cho các báo tường thuật lại làm gì cho ghê rợn. Ngay chính những người đến xem xử tử ở nhà pha cũng không được nữa bởi vì sắc lệnh căm xử tử ở những nơi có người đi qua lại và người ta phải xử tử những phạm nhân ở nhà pha. Thế thì không hiểu tại sao, trong khi không được tường thuật những vụ xử tử, các báo hàng ngày lại không biết thế mà cứ đem phóng đại những vụ án mạng ghê gớm mà tôi đã nói trên kia lên mặt báo làm gì cho kinh hồn?

### **Thứ bảy**

Nói thế mà thôi, chứ trong khi đọc giả vẫn còn thích những chuyện kiếm hiệp đánh nhau giết nhau thật quái ác và xem những tin vấy máu ở trên mặt báo chương, mà trong khi ấy thì tờ báo vẫn phải sống vì độc giả thì còn biết làm sao?

Chao ôi, thật là khó giải quyết, cho nên câu chuyện này ở trong Nam đã làm đầu cho một cuộc cãi lộn giữa hai bạn đồng nghiệp Pháp, Nam.

Bạn đồng nghiệp Pháp viết:

"Gà`n đây báo chí quô`c âm, thứ nhất các báo hàng ngày, hình như để dành những cột báo cho các vụ án mạng và cướp giết một cách dài rộng. Hê`t hai phâ`n ba tờ báo đê`u để tán dương (!) các vụ án mạng và sự tàn ác của bọn côn đồ` với những cái tí t sắ p chữ thật to! Cách làm quảng cáo lạ lùng, dành riêng cho hành động và cử chỉ của hạng người đáng đem ra cột trụ xử giáo, có thể gây nên ảnh hưởng rấ`t có hại!"

Y như chúng tôi đã đoán, bạn đồ`ng nghiệp hắ`ng ngày ở trong Nam không bắ`ng lòng. Và tức thì, một cây bút có tài, Nam Dân, bèn trả lời lại:

"Công việc â`y có hại hay không? đã có độc giả xem xét phẩm bình. Song chúng tôi xin phép nhận ra rằ`ng: Một hai khi nó cũng có lợi nữa. Lợi cho thám tử đỡ phải mắ`t công tìm tòi, nã tróc hung phạm, lợi cho công chúng đồ`ng bào bớt được mô`i nguy".

Tuy xưa nay vẫn kính phục cây bút của Nam Dân, tôi, lâ`n này cũng không thể chịu những lời bạn nói là hoàn toàn là phải.

Nê`u bạn không giận, thì tôi sẽ nói thêm rằ`ng: Những lời bạn nói chỉ toàn là phách lớ`i.

Không kể bạn là một người biế`t kính trọng nghề` nghiệp làm gì, chứ thực quả một số` lớn báo hàng ngày "trương lo" những vụ án mạng rùng rợn đó chỉ là vì lợi mà thôi.

"Du sang à la une" – vẩy máu trên trương nhắ`t – chỉ là một cách thắ`n tình để đập vào thị hiế`u của độc giả, ở nước nào cũng vậy mà! Chỉ có một điề`u đáng phàn nàn là ở Pháp, ở Anh, ở Ý cái lớ`i "du sang à la une" đã bị người ta chán lắ`m rồ`i thì nước ta đổ xô vào. Thành thử nghề` báo hiện giờ muố`n tranh cạnh nhau chỉ tranh cạnh ở chỗ "làm to chuyện" như thắ`y phù thủy (chalartan) mà thôi, chứ còn những ý kiế`n mới lạ, những cách tài tình để dẫn đạo cho quầ`n

chúng thì người ta không để ý làm gì hết. Đó là họ không thèm nghĩ đến, cái đó đã đành rồi.

Nhưng một mình, nghĩ một mình đến tương lai báo hàng ngày ở xứ ta mà cứ mãi mãi như thế này, người ta lo một ngày những ông chủ báo sẽ đến thành phù thủy, mà người đọc báo sẽ thành ra lũ tà, – mà chúng tôi đã nói tới trong số báo kỳ này.

## TIÊU LIÊU

*Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, số 32 (13.10.1940)*

### Thứ hai

Ở chỗ này, trong số trước, tôi đã nói tới các "báo hàng ngày phù thủy" vấy máu trên trang nhát để lấy độc giả cho nhiều: [...] đó "ăn người" [...] Tưởng là họ giữ độc quyền "ăn" món ấy mà thôi, không ngờ vừa đây ở Camphamine, bác Chính không chịu kém, cũng nhát định lấy máu để "xoi" người nữa.

Chuyện xảy ra như sau này: Bác cả Khuyên ở phố Cẩm Phả goá chồng và có bốn con, đã lâu không định "bước đi bước nữa". Bác Chính thấy thế, không chịu, bắt bác phải theo mình. Bác cả Khuyên vẫn khăng khăng. Tức thì bác Chính chạy tới giã ng con dao ở tay bác Khuyên ra rồi kê một ngón tay lên bàn thịt chặt đứt phăng ngay một đốt. Máu phun ra, bác Chính rửa những giọt máu ở chỗ tay đứt vào một miếng thịt, tưởng bác Khuyên sẽ xiêu lòng, không ngờ bác Khuyên lại mắng cho một trận tàn tệ và đưa cái đốt tay của bác Chính lên trình hộ phố.

Thế là bác Chính vấy máu đã không ích gì cả mà lại để một tiếng cười. Bác định tranh cái độc quyền [...] của các báo "hàng ngày phù thủy" ở đây sao được?

Thực là một bài cảnh cáo cho những ông định lấy máu ra dọa người và định xoi người về "máu", chỉ có những "báo hàng ngày phù thủy" ở đây "xoi" được, chứ không phải là một món ăn chung cho mọi người, thì chớ có lăm le...

### **Thứ ba**

...mà nhớ! Sự thực, ai cũng biết máu nuôi sống người ta. Nhưng chắc ít người biết rõ rằng ăn được máu nhiều thì bổ lắm. Chúng có: người ốm, các vị bác sĩ vẫn cho uống thuốc máu bò, những ông rượu chè, muốn không hư chân huyết, vẫn pha rượu với máu dê để uống. Tuy vậy, vẫn không bỏ được bản máu người, cho nên ma-cà-rông chỉ rông đi hút máu người, mà ngay những ông sét ty<sup>9</sup> hút máu của con nợ cũng phì nộn lắm.

Đó là mới nói về xác thịt. Chứ những "nhà báo phù thủy" hàng ngày ăn nhiều máu người, lại có một cái lợi khác rõ ràng hơn: tinh thần họ minh mẫn, trí khôn họ sáng láng, họ dịch những tin Arip, Havas, những tin sờ cảm một cách thần tình lắm, những nhà báo bình thường không thể theo sao cho kịp.

Này nhớ: "*L'avion appareilla*", tôi đoán các ngài họ dịch là gì? – Cái tàu bay đã xuống! "*On a volé 12 plateaux de bois*" phải dịch là "Người ta ăn cắp 12 cái mâm bằng gỗ" chứ đừng có dịch là "Người ta ăn cắp 12 phiến gỗ" mà họ cười cho thì... khô!

Lắm lúc ngờ i mà nghĩ kỹ thì cái ông nào đó muốn nói với bạn bè: "Các bác xoi com tự do đi chứ! Người nhà cả đây mà" – mà diễn ra là: "*Oh! c'est la maison*" cũng chưa phải hẳn là người không thông minh. Mà ông nghị nợ muốn tỏ là vợ mình đi đâu không biết mà nói rằng: "*Ma femme est partie sans laisser d'adresse*" – cũng không phải là người xoàng đâu.

### **Thứ tư**

Chỉ có anh Trầ `n Văn Đọ c ở tởng Phương Tra (Hung Yên) xoàng thoi bởi vì anh này thù vật.

Nguyên anh ta chẳng biế t xích mích với Trầ `n Văn Cỏng chuyện gì, anh ta lừa lúc Cỏng ngủ trưa, lại không mặc quầ `n, anh ta bèn cầ `m dao lại... xẻo phắ t cái ngọc hành của bạn. May con dao ấy lại cùn, nên Cỏng chưa mắ t hắ n. Cỏng đã lập tức đượ chớ đi nhà thương buộc thuố c, và ở trên giường bệnh thể nào chẳng phải nói một mình rằ ng: "Thì, mình cãi nhau với nó bắ `ng miệng thì nó có thù nó vắ vào miệng mình mới phải, chứ thắ `ng đờ ` tồ `i sao lại tự nhiên phạt "cái kia" của mình mà rắ p tâm địnhi thiế `n cụt nó đi? Oan uông cho nó thật!"

Thật chẳng khác gì chuyện lý trưởng xã Tượ Cướ c (Hung Yên) tên là Nguyễn Văn Thách bị dân tiêu lạm tiề `n công mà lại đi rong làng và ra tận đình gọi tên thầ `n hoàng làng ra chửi!

Rõ thực quít làm cam chịu. Ông thầ `n hoàng làng có tội gì? Lý trưởng Thách thực đáng phải bãi chức quá vì tội "danh không chính, hành không thuận". Hay lại vì tên y là Thách, y muố `n làm quắ y thể ` để khách dân làng Tượ Cướ c có làm gì nỏ i y không? Nế u thể ` thì thực y đại lắ m.

## **Thứ năm**

... đại cũng như cậu Trầ `n Văn Nghi ở phủ Hoài Đứ c (Hà Đõng) vậy.

Đêm hôm mới đầ y, nhà Ô. Thắ t người làng Thôn (phủ Hoài) có lập đàn làm chay và đón bác Bắ t người làng đế `n cúng. Cậu Trầ `n Văn Nghi đế `n xem và chẳng biế t trong khi cướp của bớ thí ra sao, cậu Nghi bị bác Bắ t cầ `m gây tầ `m xích đầ m thủng bụng, máu chảy ra rắ t nhiề `u.

Đồ` cúng là để cúng thánh, thánh không ăn thì đã có bác Bắ t ngô`i rình ở đó từ chạp tô`i ăn... hộ vì bác Bắ t cũng là một chúng sinh, cũng câ`n ăn câ`n uô`ng, thế` mà sao cậu Nghi lại đại đột xông vào cướp mắ t mắ y nắ m bồng, mắ y cái kẹo bột của bác ta?

Bác Bắ t không phải là thèm ăn háu uô`ng như con Mực con Vàng đâu, nhưng bác giữ thế` là giữ cho thánh đắ y, để thánh phù hộ bác đừng... chề t đỏi. Thế` là phải chú làm sao mà bồ` mẹ cậu Nghi lại còn thua kiện bác? Ừ, chắ c pháp luật sẽ kề t tội bác thực nặng đắ y, nhưng câ`n gì? Bác cứ được thánh thương là đủ. Ăn ở như thế`, bác Bắ t chắ c chắ n sẽ được thánh phù hộ đế`n mắ y đời... và chắ c sẽ được người nhà cậu Nghi đòi đòi nhắ c đế`n tên luôn, và câ`u phạt câ`u thánh cho số`ng mãi chứ đừng lặn quay ra chề t!

## **Thứ sáu**

Nói đế`n chuyện chề t số`ng lại nhớ đế`n chuyện "số`ng lâu lên lão làng" ở trong Nam Kỳ.

Tại làng Long Thói quận Tiểu Câ`n hạt Trà Vinh, hồ`i 8 giờ rưỡi sáng thứ bảy vừa rô`i, các vị hương chức làng họp đủ mặt để nghênh tiế`p M. Bohn, chánh chủ tỉnh Trà Vinh, thay mặt chánh phủ Đông Pháp, ân tứ khuê bài danh dự cho ông Nguyễn Nhiêu Thăng thọ được 128 tuổi.

Mặc dầ`u các bạn đồ`ng nghiệp trong Nam đã đế`n phỏng vắ n ông già và thuật lại rắ`ng ông vẫn khoẻ mạnh như thường, tôi cũng không chịu nhận rắ`ng ông già kia đã sướng. Đã đành rắ`ng một người bị trời bỏ quên chưa "ăn gói" mà được [...] khuê bài danh dự thì cũng sướng đời thực đắ y, nhưng cứ nghĩ đế`n cái tuổi 128 thì riêng tôi, tôi cũng đã "số`t ruột" rô`i.

Ở đời, người ta chỉ có bồ`n cái sướng mà chỉ những người trẻ trung khoẻ mạnh mới được tận hưởng mà thôi. Trời cho thọ được đế`n độ

bảy mươi, những cái đó kém cả: ăn kém, ngủ kém, [...] tiêu hoá kém, thế mà ông già Thăng lại sống đến 128 tuổi thì còn được hưởng cái gì, nếu không là chỉ ngồi lù lù một chỗ để thêm hay để trông người khác hưởng? Ấy là tôi chưa kể ở lắm gia đình có những con cháu thấy ông bà sống độ sáu bảy mươi đã kêu: "Sống mãi! Sống sót cả ruột lên" và cầu chúc cho chóng chết là khác nữa.

Tôi không biết rõ những cảm tưởng của ông già sống 128 năm kia về những cuộc dâu bể ở đất nước này ra thế nào và những ý nghĩ của ông về cuộc đời này ra sao, chứ tôi thì thấy cái cuộc đời cứ một mực kéo dài mãi ra thế nó nhàm quá lắm.

Cứ một cái "chán" là cũng đã làm cho ta không "hả" rồi. Huống chi họ lại cứ phải trông thấy những con cháu ở chung quanh, đưa mất đi, đưa còn lại, đưa mới đẻ, đưa đi xa, mà ta thì ta cứ sống bình tĩnh như không chuyện gì xảy ra hết trời!

### **Thứ bảy**

Bình tĩnh mãi được thế nào được? Ở đời, xưa nay vẫn thế, bao giờ cũng có luật thừa trừ: ác lắm thì khổ nhiều, hôm nay khổ thì mai sướng, mà hôm nay bình tĩnh tất mai thế nào cũng xảy ra chuyện làm phiền lòng mình chơi.

Như mới đây, câu chuyện hai anh em Mạc Công Bình và Mạc Công Tĩnh ở huyện Kim Động, Hưng Yên vậy.

Y như tôi nói ở trên kia, hai anh em Bình, Tĩnh sống với nhau một cuộc đời thực bình tĩnh. Bình tĩnh mãi, trời nào mà có để cho yên, nên sáng hôm 4 Octobre, Bình, Tĩnh mất bình tĩnh ngay: họ cãi nhau rầm lên một trận, Bình túm tóc Tĩnh xoắn lại, Tĩnh cắn bả vai Bình... Thế rồi thì một buổi sáng kia người ta thấy Mạc Công Bình thối cổ lủng lẳng ở trên xà nhà.



Ôi chao! thế mà bình tĩnh... Bố mẹ đặt cho hai con cái tên Bình và cái tên Tĩnh, chắc tưởng cuộc đời bình tĩnh lắm đây, biết đâu lại có ngày nay, đã chẳng bình tĩnh lại còn sinh ra giết chóc.

Cho mới biết, ở đời này, lém lắm chẳng làm gì, mà sinh con, nuôi con, đặt tên cho con những tên hay quá cũng chẳng làm gì nổi.

Ông đẻ con và mong cho nó hiền? Nó sau này ác hơn hết cả mọi người. Nhiều khi tên là Hiền mà bắt hiền vô cùng, người tên là Thọ thì chế t yếu, mà chúng ta chẳng đã thất vọng chán ra rồi đấy ư?

Những bà Nguyễn Thị Tuyết Minh, những bà Hồ Ngọc, những cô Tạ Thị Ngà Hương phần nhiều chính lại có những cái sắc và cái đức trái hẳn với cái tên của họ.

Tôi chịu ông nào đấy đã nói được câu "Cái áo không làm thành thầy tu" đấy nhé!

Chủ nhật

Câu nói này, ít lâu nay, người ta nghe thấy nói tới luôn trong Thanh Hoá, sau khi xảy ra việc lôi thôi cái vé độc đắc giữa người có vé là ông Trần Văn Lượng với ông huyện Thạch Thành rất yêu quý của chúng ta.

Chính người trúng số là Lãng thế mà tằm vé ấy lại bị thừa Cậu đánh tráo măt, may nhờ quan trên minh xét mới khám thấy ở nhà riêng ông huyện Nguyễn Văn Hiền huyện Thạch Thành, do người cậu ông là Tôn Thất Linh phải chịu phép tòi tằm vé ấy ra.

Dư luận tỉnh Thanh rất xôn xao về vụ này; người ta cho rằng người thủ mưu đánh tráo tằm vé này có lẽ chính là ông huyện Thạch Thành, vì theo lời M. lý Lãng nói thì ngay khi được tin báo trúng số

10 vạn, ông huyện Thạch Thành có bảo phải chia đôi cho ông một nửa; M. lý Lãng xin "vi thiê`ng" một vạn biê`u quan nhưng quan không nghe. Đê`n khi vé bị đánh tráo rô`i, ông huyện lại gọi đê`n dọa rằ`ng nê`u không trúng số` 10 vạn mà nhận chằ`ng thì sẽ bị tù là khác!

Đó là dư luận.

Riêng tôi thì tôi cho đó chỉ là một chuyện vu cáo một người trung thực là ông huyện Nguyễn Văn Hiê`n mà thôi. Chẳng qua là người thắ`y ông huyện Hiê`n hiê`n quá nên người ta muố`n bắ`t nạt, gắ`p lử`a bỏ bàn tay vậy.

*(Kiểm duyệt bỏ)*

Ông không những muố`n trừ cho tiet những quân đó đi mà thôi, ông lại còn muố`n giữ gìn cho ông lý Lãng khỏi sa vào tay những quân khố`n nạn đó nên ông mới cắ`t hộ tắ`m vé số` tại nhà riêng của ông ta để cho quân cướp trá`ng mắ`t ra, có lập trăm mưu nghìn kế` ra chẳng nữa cũng không xơ múi gì.

Theo như dư luận, ông huyện Thạch Thành có bảo ông Lãng đưa 5 vạn cho ông. À đã thê` thì đượ`c! Đã khoẻ nói thê` thì phen này ông kiện ông Lãng về` danh giá và xin bô`i thường 5 vạn cho mà xem! Để coi trước sau 5 vạn á`y có thoát khỏi tay ông không nào. Chỉ phiê`n một cái là ở đây lại còn có công lý nên ông huyện Hiê`n còn phải nghĩ ngợi xem sao đã!

Trong khi á`y thì có tin ông lý Lãng đã đi lĩnh 10 vạn bạc kia rô`i... Trời hại con người ta thực!

**TIÊU LIÊU**

*Trung Bắ`c chủ nhật, Hà Nội, số` 33 (20.10.1940)*

## Thứ hai

Cái tình mẫu tử, bất cứ ở xứ nào cũng được người ta truyền tụng và cho là đẹp nhất. Còn có ai thương con bằng mẹ? Thế mà...

Vừa rồi đây, báo *Điện tín* trong Nam mới thuật lại rằng tại trường đua ngựa ở Chợ Lớn, một đứa trẻ bị lạc đi bơ vơ khóc mê u. Hỏi nó thì mới biết rằng nó đi lên trường đua với má nó, nhưng vì má nó ham mê ăn thua nên bỏ nó đi lạc như vậy, không biết ở đâu mà tìm.

Một bạn đồng nghiệp trong Nam phê bình tin này đã dùng hết lời nặng nề để sỉ vả người mẹ máu mê kia.

Cái máu mê của một số đàn bà ở trường đua nó bốc lên ngàn ngạt tới độ nào, ta hãy khoan nói vội, đợi đến khi nào *Trung Bắc chủ nhật* ra số đặc biệt *Cá ngựa với đàn bà* sẽ biết. Nhưng hiện giờ thì ta, ta có thể biết rõ rằng ông bạn đồng nghiệp của tôi ở trong Nam nóng nảy quá, vì ông không biết rằng từ xưa đến nay những chuyện để lạc con như thế vì chuyện thua được cò bạc chỉ là chuyện thường mà thôi.

Biết bao nhiêu người đàn bà từ trước đến nay vì ham mê cò bạc quá, không những để lạc con, lại để lạc ngay chính mình họ... vào những con đường mà ta có thể gọi một cách hơi xược là những con đường không đẹp đẽ? Những người đàn bà này đã bỏ quên nhiều thứ quý báu hơn nhiều, họ bỏ quên những cái liên ngay người họ còn chẳng ngại huống chi là đứa con.

Xin đừng nói nặng người đàn bà nọ ở trường đua Chợ Lớn làm gì, tội nghiệp!

## Thứ ba

Có tội nghiệp, ta chỉ nên tội nghiệp cho những kẻ đã chết rồi mà thôi, bởi những người đã chết là những người vắng mặt, mà bao giờ những người vắng mặt cũng là những người mang lỗi.

Mới đây, ở trong Nam, một tờ báo do một bạn thanh niên ở Bắc vào chủ trương có đăng giùm quảng cáo ở các báo hàng ngày tên những người phụ bút. Cái đó không hề gì cả, nhưng chỉ quái lạ là sao, ở trong những người phụ bút giúp việc cho tờ báo đó lại có một người đã chết!

– Ai?

– Vũ Trọng Phụng!

Nói giã u vong linh ông Phụng, tôi không hiểu làm sao ông đã mất rồi, nay mai đã đến ngày giỗ đâu rồi, mà người ta vẫn cứ để tên ông lên báo làm mồi lợi cho người ta. Bộ người ta cho là ở Sài Gòn, độc giả không biết ông Vũ Trọng Phụng đã mất rồi sao chớ?

Lừa độc giả, cái đó độc giả sẽ bảo cho kẻ đi lừa sau, nhưng lừa một người đã chết rồi, ai cãi được?

Ở chốn suôi vàng, ông Phụng nếu biết tin này, chắc phải tức giận tràn hông, mà nếu quả ông nói được, tất ông phải lấy ngón tay trở gí vào mặt kẻ lợi dụng tên ông mà rằng:

– Anh em thực không để cho tôi yên một chút nào. Muốn bịp bợm gì thì bịp bợm, nhưng tôi đã chết rồi thì thôi, đừng có lôi tôi vào với các anh. Tôi thực không hiểu các anh là người hay những con kê n kê n? Nếu thực là người thì ai lại đi nở "kiếm tiền" bên những xác chết, thầy ma như vậy?

**Thứ tư**

Đó là câu chuyện tiêng. Tiêng bao giờ cũng đi đôi với tình. Vậy tôi xin kể một câu chuyện tình nghe chơi. Tô i 16 Octobre, bác Vũ Viế t Tư ngụ ở hộ Nam Xuyên nhật được ở nề nhà một bức thư nặc danh nói xấ u và dọa giế t bác nề u bác nhấ t định cưới cô Trầ n Thị Vượng. Dưới bức thư có vẽ một con dao găm đâm thủng một trái tim và một cái sọ người.

Cái sọ người ấy nghĩa gì? Ý hấ n để làm cho Tư sợ, nhưng bác Tư sợ hay không, không biế t, ta hãy biế t cử chỉ của người viế t thư nặc danh nọ đáng làm ta sợ vô cùng vậy! Không phải sợ hấ n ta dám giế t người, nhưng sợ là sợ hấ n ta đã nghĩ ra một việc vô lý như thế để dọa người và nhấ t là sợ cho những người nói xấ u có những cái lưỡi sao mà kinh thế !

Vừa rô i, có một anh tù người Thổ-nhĩ-kỳ, bị đày ra ở đảo Imrali, tự lấ y dao cắ t quách lưỡi mình. Và trước khi "hành hình" cái lưỡi ấy, anh đã viế t cho người bạn anh mấ y dòng chữ rằ ng: "Tôi đã nói xấ u anh, tôi có lỗi, vậy tôi xin tự phạt lấ y tôi".

Cái anh chàng viế t thư nặc danh cho bác Vũ Viế t Tư giố ng anh tù nọ vô cùng. Giố ng về chỗ nói xấ u nhưng phải một cái khác chút xíu là đáng lẽ anh ta tự phạt lấ y mình, "hành hình" cái lưỡi anh ta thì phải, đàng này anh ta lại dọa "hành hình" người khác thì mới kỳ cục chớ!

Cái bộ như thế, ai là người sợ? Người ta có sợ là sợ cho anh chàng nặc danh nào đó rô i lại chịu theo số phận với ba anh Chè, Hưng, Hải ở Thái Bình mà thôi.

Câu chuyện ba anh chàng này xảy ra như sau này: Ông giáo Vũ Ngọc Chiêu dạy học ở trường làng Hưng Nhân, huyện Hưng Nhân. Mới đây có kẻ thù dán giấ y nhắm vào trường ông dạy học rô i đi báo quan. Nhưng nhà chuyên trách xét ra, ông bị kẻ nào định tâm hại

ông, nên đã mở cuộc điề`u tra. Trước đây, ông giáo Chiêu có bị ba người làng Hưng Nhân là Hải, Chè, Hưng sinh chuyện lời thối và đã kiện nhau. Vậy có lẽ nhân cơ`đó mà họ đặt ra chuyện này. Có thực hay không chuyện ấy? Ta phải đợi quan trên xét xử. Nhưng ngay tự giờ ta có thể cứ quả quyết nói rằng nếu quả ba tên Chè, Hưng, Hải vu cáo cho ông giáo Chiêu thì không khi nào họ lại thêm bắt`t chức anh tù ở Thổ-nhĩ-kỳ mà cắ`t quách cái lưới đi đâu.

Bởi vì nếu họ cắ`t lưới họ thì sau này ở tù ra họ còn lấ`y cái gì để nói xấ`u những người khác nữa?

### **Thứ năm**

Nói đề`n chuyện lưới, tôi lại nhớ đề`n một ông đứng ở mặt xã hội mãi đâm chán, một hôm nhảy sang phái chính trị nghịch với phái xã hội để làm báo.

Ông này thay đổi chính kiế`n vì cơm ăn áo mặc, cái đó mặc kệ ông ta, không ai cầ`n can thiệp. Tức một cái là ông ta có chí lớn thay đổi chính kiế`n của mình rồi chưa đủ, lại thay đổi cả chính kiế`n của cổ nhân.

Chuyện cái lưới mà bảo là của Ésope? Không thể được. Ông bắt`t Socrate phải nhận là chuyện ấy của mình. Ông làm tình làm tội cổ nhân khổ sở nên thành ra một bạn đờ`ng nghiệp ở đây, trong hai cột báo, đã phải nói rờng về` chuyện lưới.

Lưới! Lưới! Ai còn lạ gì nó nữa. Không xương, nó vẫn lắ`t léo tự xưa mà... Tôi đã nói tới cái bọn người nắ`m ở tiệm đưa đẩy ngọn lưới để vu cáo những người vắ`ng mặt. Cái bọn ấy, cứ kể về` phương diện vô sĩ tưởng đã nhắ`t đời rồi, không ngờ vừa đây ở trong Vinh một bọn người lại đưa đẩy ngọn lưới vu cáo để làm cho chế`t người và chiế`m mắ`t cái giải quán quân của họ.

Ông Nguyễn Bá Xý ở Đô Lương cho con gái là Phượng Thuý lấy cậu Châm làm việc ở Sài Gòn. Trước khi phải đi xa, Châm dặn vợ ở nhà phải *gìn vàng giữ ngọc cho hay*, bất ngờ tuần lễ vừa rồi, bỗng nhiên, Phượng Thuý tiếp được ba cái thư của chồng ở Sài Gòn gửi về thoả mạ cô bởi vì có người vào nói cho chàng biết là *hình như* cô có ngoại tình ở Bắc.

Thấy mình bị vu oan một cách vô lý, cô Phượng Thuý ra sông Rang tắm mình và hai hôm sau đó xác cô nổi lên bè trên mặt nước.

Ghe chưa, độc giả! là cái lưỡi người ta? Tôi tưởng ta chẳng nên đợi cho những người vu cáo tự xử như người tù Thổ-nhĩ-kỳ mà lắm lúc chúng ta, ta cần phải cắt lưỡi những anh "lưỡi răn", "lưỡi dài" hay nói láo đi cho rảnh...

### **Thứ sáu**

Nói thế để mà chơi thôi, chứ sự thực xẻo thế nào được lưỡi của họ. Những người vu cáo đó bao giờ cũng vẫn nhơn nhơn sống cũng như những bà mẹ tội lỗi tày trời vẫn "làm những thiên thần" (*faisenses d'anges*) mà vẫn sống nhăn răng ra vậy.

Theo bạn đồng nghiệp Dân Hiệp thì tòa tiểu hình Sài Gòn vừa rồi có xử một vụ phá thai: Anh Học hồ nghi đưa con trong bụng vợ là Thị Nhị, không phải là con anh ta, nên bắt thị uống thuốc phá thai. Rủi lộc xóm biết, nên việc này ra tòa. Tòa làm án hai vợ chồng ấy mỗi người sáu tháng tù treo và khuyên họ lại ăn ở với nhau như cũ.

Người bạn tôi kết luận rằng: Thật thì tôi không tài và không dám bình phẩm cách xử đoán của các quan thẩm phán, nhưng lấy theo lý luận mà xét thì cái án đó còn nhẹ quá. Một đứa trộm cướp vì miếng ăn đành đang tay giết người thì đành kết án nặng nề. Chớ

còn hai vợ chồng anh Học đã giết con ruột mình, mà không viện được lẽ gì cứng cỏi để chữa mình, sao thương họ có sáu tháng tù án treo?

Đáng lẽ cho hai vợ chồng anh đó đi hứng gió Côn Lôn vài năm mới phải. Rồi kỳ hạn cho họ, nếu trong ba năm nữa mà không có đứa con khác thì sẽ bị tăng án lên gấp hai.

Mà người nào bán thuốc phá thai cho anh Học cũng đáng lãnh thẻ để mà ở nhà đá và mặc áo xanh. Vì người đó là chồng lão.

### **Thứ bảy**

Nói đến chuyện án, tòa, ta không thể không nhớ tới câu chuyện nàng dâu, chồng mới xảy ra ở Quảng Nam.

Ông già Bùi K. ở ấp C. T. 65 tuổi, có con trai lấy thị T. và có hai con. Hôm vừa rồi, thị D., con gái ông K. và thị T. con dâu ông K. có chuyện bất bình, cãi nhau inh ỏi. Dân làng kéo đến xem tới nghìn người. Trước hết mấy hương hào cho gọi thị T. lên hỏi trước, thì thị khai là có một cái nô lệ bị em chồng là thị D. làm hỏng nên hai bên xô xát. Nhưng sau không biết thị T. nghĩ thế nào lại khai: chồng thị hàng ngày thường chòng ghẹo thị và những ngày chồng thị đi vắng, ông K. còn toan hãm hiếp thị.

Hương chức xô lại đánh ông già bốn đêm tàn nhẫn, khiến cho ông không ngờ dậy được, kết cục ông ta phải bán hết cả đồ đạc trong nhà để dứt lốt và làm tờ thú mới xong.

Theo dư luận, thì có lẽ thị T. vì ghét chồng nên vu oan nên những chuyện tày trời như thế. Câu chuyện phải trái ngay gian chưa biết thế nào, nhưng nếu quả như dư luận, bà nàng dâu nọ vu oan cho chồng thực, thì ta lại càng thêm sợ cho cái lưới người ta nhiều lắm.



Ít lâu nay, người ta thường khởi xướng lên cái thuyết nàng dâu bị bố mẹ chồng hành hạ và tỏ ý thương xót những người nàng dâu nhiều lắm, và cố tìm một cách giải quyết có lợi cho những người nàng dâu ấy. Hay là vì cái thuyết ấy giải quyết xong rồi nên những người nàng dâu bây giờ đã được phân trên, nên trả thù lại bố mẹ chồng, và trước khi trả thù mẹ hãy trả thù bố chồng trước đã?

## TIÊU LIÊU

*Trung Bắc chủ nhật*, Hà Nội, số 34 (27.10.1940)

### Thứ hai

Người ta đồn rằng ở đây có một ông văn sĩ không ưa "đi mây về gió" nhưng lại thích gió, nên lúc nào cũng vẽ ở trên bài mình một cái thuyên và đề chữ "gió đã lên".

"Gió đã lên, có mà sợ cho nguy hiểm", đó là câu nói của cô nhân. "Sợ cho nguy hiểm" chẳng biết có ích gì không, chứ tôi thì tôi thấy "gió đã lên" nguy hiểm đã hẳn rồi. Chúng có là vừa mới có gió hanh lên một cái thì những vụ hỏa tai đã thấy xảy ra luôn. Trong một ngày 26, hai đám cháy: một đám ở chợ Vị Hoàng (Nam Định) thiêu mất 30 gian nhà ra tro, thiệt hại hơn 1.000 đồng. Một đám ở sau ga Hàng Cỏ Hà Nội (có ảnh ở ngoài bìa),<sup>10</sup> thiêu mất ngót 200 nóc nhà. Thiệt hại hơn 20.000 đồng. Hình như có mấy đứa trẻ bị thiệt mạng trong vụ này.

Nguyên do? Cũng như hậu hết các vụ hỏa hoạn ở đây, nguyên do chỉ tại người ta bất cẩn. Mùa này là mùa hanh, cái gì cũng khô lại, kể cả người ta nữa. Người ta đứng gần lửa, lắm lúc cũng có thể bén lửa mà cháy, huống chi là rơm và gỗ... Thế mà người ta có lấy làm quan hệ tí nào đâu, người ta cứ coi thường nên người ta đã từng thấy cái cảnh của bao nhiêu năm trời làm lụng bị thần hỏa ra tay tiêu hủy. Thật là thảm đạm. Ngọn gió hanh và tính bất cẩn, thủ phạm những

vụ hoả hoạn, đã làm hại bao nhiêu gia đình, thế mà cứ mỗi mùa gió hanh đến với ta, ta vẫn phải lầy lảm lạp sao người ta vẫn không cẩn thận hơn một chút nào, mà các ông văn sĩ sâu thu vẫn không chịu bớt ca tụng gió hanh đi và đáng lẽ viết "Gió đã lên, có mà sóng cho nguy hiểm", sao họ không chịu đổi ra thế này mà in thật lớn trên mặt báo: "Gió đã lên, ngọn lửa nguy hiểm lắm, có mà giữ nhà cho... cẩn thận"!

### **Thứ ba**

Giữ nhà cho cẩn thận là để cho khỏi cháy, chứ đừng tưởng là để cho khỏi mất cắp mất trộm đâu. Sự thực, ta phải nhận rằng từ khi trong nước xảy ra những chuyện lồi thối, chánh phủ cho bắt những người "thành tích bất hảo" đi chỗ khác thì những vụ cướp trộm cũng có đỡ đi chút ít. Duy có những vụ ăn cắp vặt thì vẫn thầy luôn luôn. Các báo hàng ngày ở đây vừa đăng một chuyện ăn cắp vặt ở Hàng Bò: một mục trạc 40 vào nhà nọ đưa một đồng bạc

giấy mua hàng. Trong khi cô bé bán hàng mở ngăn rút để lấy tiền trả lại thì khách cứ nói huyên thiên: "Cô ạ, vừa đây, tôi cũng mở tủ như thế này này, rồi chẳng hiểu để rơi ra đất bao nhiêu giấy bạc và kẻ gian nhặt được". Miệng thì nói, nhưng hai tay khách lại mó vào ngăn kéo của nhà hàng. Ăn cơm xong, bà chủ hàng ra điếm lại tiền, thì thầy mất 260 đồng.

Bỏ tờ báo hàng ngày đăng tin ấy hậu hết đều phóng đại lên với cái đầu đề đại để như thế này: "Người đàn bà ấy đã dùng thôi miên thuật hay là bùa yêu?"

Khiếp chưa! Bí mật chưa? Nhưng chết một cái, sự bí mật ấy lại ở ngay bài tường thuật của các báo ấy mà các ngài không biết.

Mụ đàn bà ấy, tôi biết rõ lắm, không có gì là bí mật cũng như cái lối ăn cắp của mụ ta. Mụ ta giả vờ vào mua hàng. Lòng bàn tay

mụ có dính hồ. Lúc người bán hàng mở ngăn rút để trả lại tiền, mụ sò vào ngăn rút và khi nói "tôi để rơi ra đâu bao nhiêu giấy bạc" thì mụ cầm giấy bạc ở trong ngăn kéo và vò lại: thẻ nào giấy bạc cũng dính vào lòng bàn tay mụ. Mụ cố làm tôi tấm mặt mũi người ta và lấy tiền trong lúc người ta không ngờ nhất. Đoạn, mụ giả tảng xin một chén nước uống và thắt lại thắt lưng: chính lúc ấy mụ bỏ tiền vào túi, nhưng không lúc nào miệng mụ ngót chửi rửa những quân ăn cắp!

Ấy, chuyện chỉ có thế, chứ mụ có bùa yêu hay thôi miên thuật gì đâu. Họ chỉ có các ông phóng viên phóng đại chuyện ra; có thuật... cái thuật nói phét, cái thuật làm to chuyện.

### **Thứ Tư**

... Làm cho tôi lại nhớ đến một câu chuyện cổ nói về bốn ông ngòi nói phét với bà con. Một ông nói:

– Tôi, tôi đã trông thấy một con cá to lắm, to đến nỗi người ta phải làm một cái đố dài năm thước thì mới bắt được nó vào trong.

– Thế đã lấy gì làm lạ. Con cá mà tôi đánh được chui vào cái đố 5 thước không vừa, đến nỗi nó phải gập đôi người lại. Ông thứ ba nói khoác ghê hơn:

– Thế đã to. Nhưng con cá tôi trông thấy thì gập đôi người lại ở trong đố không đủ, nó phải xoay tròn ốc lại! Đến lượt ông thứ tư. Ông thứ tư không nói gì. Mọi người hỏi làm sao? Ông nói:

– Tôi không nói vì con cá của tôi to quá, không biết thế nào mà nói. Lúc vớt được cá lên tôi không thấy cái đố đâu, thì ra con cá của tôi nó đã nuốt cái đố vào trong bụng. Đó là chuyện đời xưa. Đời nay, một tờ báo hàng ngày ở đây vừa mới đăng tin rằng: "Dân chài lưới ở Camphamine đánh được một con cá song to gần bằng con ngựa!"

Họ phải chọc thủng hai mép, tròng thừng to vào, như xỏ mũi trâu". Khiếp, nói mà kinh. Một con cá song to bằng con trâu, con ngựa thì có lẽ dân chài đánh được nó phải có một cái lưới to ít ra là bằng cả một cái đôn Camphamine, mà cái sanh để lượ cá phải to bằng một trăm lần cái sanh lượ bả cá trong truyện cổ.

Chắc ông phóng viên nào đó viết cái tin con cá song không phải là một trong số bốn ông nói phét trên kia! Một người bảo tôi rằng:

– Hay là ông phóng viên nọ làm chẳng? Chứ cá song đời nào lại to thế được? Hay là cá nhà táng vậy? Tôi cười mà bảo bạn rằng:

– Ông bảo cá nhà táng chứ không phải cá song! Xì! Không phải! Ông phóng viên kia nói đúng. Cá song thực đấy, bởi vì cá song ăn được, chứ cá nhà táng thì để táng ai vào mộ nó cho xuê, trừ những người nói phét ra?

## **Thứ năm**

Nói đến chuyện nói phét, tôi lấy làm buồn rầu mà lại phải hỏi một câu sáo vô cùng: "Bao giờ nhà nước mới dán một thứ tem vào miệng những anh nói phét để đánh thuế lấy tiền giúp nước trong những giờ khó khăn như giờ này?" Nói thế để đùa chơi, chứ thực dán tem vào miệng thế nào cho xuê được những anh nói phét.

Cũng như những người đôn tin nhảm, những anh nói phét ở đâu cũng có nhan nhản ra: họ làm ra dáng cái gì họ cũng thông thạo, họ làm ra dáng cái gì cũng biết, kỳ thực họ chẳng biết cóc khô gì cả.

Như mới đây ở Nam thành, chiều 18 Octobre, ngót 200 học trò và nhiều thợ nhà máy đã trốn giồng đậu<sup>11</sup> chỉ vì một bọn phao đôn tin nhảm. Họ phao đôn tin gì, các bạn có biết không? Họ đôn rằng nếu cứ giồng đậu vào là chết.

Giờ ngậu cho lê dân, sở Y tế cớ t tránh bệnh đậu mùa, mà lại phao là hễ tiêm thì chệ t, các ngài có bao giờ thấ y một sự dớ t nát như thế không? Nói phét mà bị đấnh thuế vào miệng, ù thì đã đầnh rồ i, nhưng những anh phao đờn tin nhảm ở Nam thành, thì các ngài thử nghĩ họ nên đấnh thứ thuế gì hay đấnh thế nào cho họ chừa đi?

Thực lấ m lúc cũng tiể c sao người mình lại bỏ cái lô i và vào miệng những người làm lỗi và lấ y roi đấnh quấ n đít những người ấ y cho họ chừa lỗi đi!

### **Thứ sáu**

... Bởi vì sao họ lại không biể t rắ ng lời nói quan hệ đế n tính mạng của con người ta ở đời.

Tôi đã nói tới chuyện lời nói giể t người. Sự thực người ta đôi khi chỉ vì nói chơi một câu mà hại cả một đời người là khác.

Tên Chấ n người xã Phúc Nhạc, thuộc phủ Yên Khánh, đã có vợ cả mà lại còn muố n lấ y thêm vợ lẽ, bèn đēm trầ u cau đế n hỏi cô T. Về nhà Chấ n đượ hai hôm thị T. bỏ nhà đi với hai người đầnh ông lạ mặt. Ông bớ đễ thị T. lẩn tránh. Sau mấi Chấ n mới biể t rắ ng cô T. đã có chồ ng ba năm rồ i nhưng vì chồ ng cô đi xa, ông tưởng chệ t rồ i nên nhận lời gả cho Chấ n làm vợ lẽ.

Chấ n, chú rể biể t, tức quá, địn đi đầm đầ u tự tử, nhưng sau có nhiề u người can gián lại thôi. Ai ai cũng trách bớ đễ cô T. dám đēm con ra làm một câu nói chơi và lấ y chuyện cưới xin là chuyện đầ, không quan trọng.

Ông già kia biể t đầu rắ ng hôn nhân ở nước ta không thể coi là chuyện đầ. Nề u muố n đầu thì sang Mỹ bởi vì dân Mỹ, như báo *Esti Kurir* (Budapest) đã nói và do báo Tây dịch lại thì họ coi hôn lễ là

thường và trai gái lấ y nhau ra Đô c lý làm lễ cưới, chỉ mặc có cái "may-ô" to bắ ng cái mụn hay là chiế c sơ-mi-dét<sup>12</sup> trầ n mà thôi.

## Thứ bảy

Chán chuyện cho đời! Tình duyên, sao có kẻ coi là thường được nhi! Mà sao có người lại cho nó là chuyện quan hệ đê ́ n có thể giày xéo được cả lên luân lý, coi chữ tình nặng hơn nghĩa sinh thành, hay đội người tình lên đầ u để cho nó đánh chửi mẹ như câu chuyện nhà mô phạm ở Đông thành<sup>13</sup> vừa đây?

Nhà mô phạm â y, ở phố Maréchal Foch, kế t duyên với một cô gái tân thời. Vợ chồ ng quấ n quít, mỗi ngày ả lại lộng quyê n thêm, được đàn chân lân đàn đầ u, ả coi bà mẹ nhà mô phạm chẳng ra sao cả: "Mẹ cậu ác lắ m, tôi không chịu được". Biế t bao nhiêu lầ n đã xảy ra ở trong nhà những vụ cãi lộn, con dâu đánh mẹ chồ ng! Hôm vừa đây, nhà giáo đi dự hội điề n kinh vắ ng nhà, lại xảy ra một trận cãi lộn dữ hơn, nàng dâu nắ m tóc bà già đánh lắ y đánh đê và quai mô m ra chửi "con mụ già" nghĩa là con mụ đã đê ra nhà giáo, nuôi cho ăn học để đi làm rô i lại lắ y cho nó một con vợ "thừa" nhan sắ c nhưng mà "thiế u" gia đình giáo dục.

Kỳ trước ở mục này, tôi đã nói tới một chị nàng dâu đã đánh bô chồ ng ở Quảng Nam. Kỳ này, một chị nàng dâu nữa lại đánh mẹ chồ ng nữa, thật là vừa đủ đôi để kế t quá, kế t cho cái luận đê

xã hội tiểu thuyế t của các ông văn sĩ viế t về mẹ chồ ng nàng dâu và cú thường kêu rắ m rút là nàng dâu cực quá.

Chủ nghĩa cá nhân thắ ng thê ́ đầ y! Các cô nàng dâu đã được phầ n trên rô i! Thôi thê ́ là cái trách nhiệm của các ông đã xong, các ông từ giờ không câ n phải viế t về mẹ chồ ng nàng dâu nữa nhé.

Đê thì giờ mà xoay chiề u chủ nghĩa, các ông ơi!

## TIÊU LIÊU

*Trung Bắc chủ nhật*, Hà Nội, số 35 (3.11.1940)

### Thứ hai

Số báo này là số *Mùa cưới*. Lẽ cô nhiên là trai cưới gái hay là gái cưới trai, chứ không thể nào khác được.

Vậy không lý nào tôi lại không nói tới đôi trai gái ở Sông Hương là cô P.T.N.L. và ông tai mắt nọ, – hình như là một giáo sư thì phải, – yêu nhau rồi phụ nhau, cái đó là thường lắm. Nếu đôi kia cũng chỉ có thể rồi thôi thì cũng chẳng ai nói tới làm gì; chết một cái là sau khi bị tình nhân phụ bạc rồi, cô P.T.N.L. lại viết bài đăng rùm ở trên các báo kể tội của tình nhân và trưng hết cả những bức thư mà tình nhân cô đã viết khi hãy còn ở Pháp.

Đọc bài của cô P.T.N.L., không ai khỏi ngậm ngùi cho cô và trách cứ chỉ không chung tình của người đàn ông nọ. Nhưng người ta cũng không khỏi trách tờ báo đã đăng bức thư nọ lên, bởi vì báo đó há lại không biết rằng làm như thế tức là làm tiêu danh ông giáo sư phụ tình. Ông đồ cao, còn trẻ mà nhà lại có, cứ đem mảnh bả`ng ra đã có khố i vợ theo, thế mà báo giới làm hại ông như thế thì để cho... không cô nào dám lấy ông này hay sao?

Vì vậy tôi cho là cô P.T.N.L. tác giả bức thư kia là một người rất đanh ác, thâm hiểm, nhưng thủ phạm sự hại người đó chính là máy tờ báo đã đăng lá thư kia vậy.

Tờ báo nào đâu phải là một lá thư tình? Không, họ buôn một cái tình đau khổ đấy! Nếu họ không buôn, thì đời nào ta lại thấy một sự kỳ quặc từ xưa chưa từng thấy đó. Mà có P.T.N.L. chắc phải mua một con tem mà gửi những lời trách móc kia cho kẻ phụ tình, và nhờ đấy, cô sẽ không vạch áo cho người xem lưng vậy.

Các tờ báo đã giúp cô P.T.N.L. đăng thư ấy, thực đã làm hại nhà giấy thép sáu đô`ng xu tem!

### **Thứ ba**

Cho nên tôi không phục các báo kia cũng như tôi đã không phục cô P.T.N.L. vậy. Trái lại, tôi lại phục cô gái Mỹ hơn. Cũng như cô P.T.N.L., cô gái Mỹ bị tình phụ, cô mang tình nhân cô ra... toà. Và anh chàng nọ đã phải đền 200 đô`ng đô-la.

– 200 đô-la mà được à? Anh làm tan nát một đời tôi đó. Phải 300 đô`ng tôi mới chịu.

Té ra cái tình của cô chỉ đáng giá có thế` thôi. Nói mà chơi, chứ phục cô gái Mỹ nọ thì phục làm sao cho được? Cô đã làm rẻ giá cái việc quan hệ nhấ`t của người đời, cô đã làm cho đàn bà không nghĩa lý ở trước mặt bọn nam nhi vậy.

"Nế`u tôi ở địa vị cô với cô P.T.N.L., tôi sẽ làm khác thế`. Tôi không viết thư trách móc trên mặt báo, tôi không mang kẻ phụ tôi ra toà. Nhưng tôi đem mạng kẻ kia đập vào cái lỗ trong quả tim tôi" – Ý kiến đó của bạn đô`ng nghiệp trong Nam thực là hay, nhưng chế`t! làm thế` không được, ta sẽ bị... pháp luật làm tội ngay.

Bây giờ, tôi mới nhớ ra rằng pháp luật vẫn chưa có cách nào để bảo vệ cho những người đàn bà khờ dại và mơ mộng cả!

### **Thứ tư**

Nhưng pháp luật có cách trị tội những người đánh bạc. Ít lâu nay việc lũng bắ`t của Ty Mật thám Nam Kỳ, Sài Gòn rấ`t gắ`t gao nên vừa đây tại Thủ Dầ`u Một vừa tóm được một sòng bạc rấ`t lớn, riêng kẻ về` tiề`n mặt có tới hơn 10.000 đô`ng. Rấ`t nhiề`u bà bị bắ`t.



Chẳng hiểu các bà này có bất chước cô P.T.N.L. viết thơ đăng báo để than trách Sở Mật thám tự nhiên để n làm mất cả sự tự do chơi bời của mình hay không?

Đăng báo! Đăng báo! Đăng báo bây giờ đã thành ra cái dịch. Khi trong nước đương cần lo để n sự tiết kiệm, người ta đăng báo chọn màu áo vụ rét này. Người ta thích nói bất cái gì trên mặt báo. Nhưng bà mẹ ở Nam thành tất không thích báo đăng việc này của mẹ ta.

"Đêm hôm 28, hôm 2 giờ 30, người ta xe vào nhà thương một người đàn bà tên là Hoàng Thị Giậu 44 tuổi quán làng Mai Xá huyện Mỹ Lộc, người đàn bà này để khó. Bà mẹ nọ lấy dao cắt tử cở trở xuống, chỉ còn có cái đầu đưa hài nhi trong bụng mẹ. Làm xong việc táo bạo ấy, mẹ vội bảo người nhà xe bác Giậu đi nhà thương và dặn đừng nói gì để n mẹ cả, "kéo người ta đăng báo thì rầy rả lắm".

Cái nạn bà mẹ ở thôn quê giết oan những trẻ sơ sinh để n là n này là máy vạn, triệu rồ i?

Hội "Bảo trợ phụ nữ" tưởng nên để ý để n việc này và nên tìm cách phổ thông sự học cho đàn bà nhà quê.

### **Thứ năm**

Bởi vì, nói thực, đàn bà sở dĩ có người làm việc ác đức như thế chính vì tại ít học mà đâm ra làm liêu u.

Bà mẹ nọ đã là một chứng cứ dốt mà làm liêu u. Tôi xin kể một thiêu u phụ nữa làm liêu u vì ngu dốt cho mà xem. Ở Phủ Lý, Nguyễn Thị Tý người xã Nhân Giả thuộc tổng Công Xá phủ Lý Nhân goá chồ ng sáu năm nay, bỗng tự dung có chữa rồ i để ra một đứa con. Sợ mang tiếng để hoang rât xấu, thị đem gói đứa con vô tội và đem vùi vào giữa đố ng phân ủ ở ngoài vườn, chung quanh nhào bùn nhét kín.

Đã lỡ chữa thì đẽ, mà đẽ thì phải nuôi; thị Tý đang tay làm việc nhần tâm kia chỉ bởi tại ngu dốt quá. Ấ sợ xấu hổ một cách vô lý làm sao, nếu có học một chút đời nào lại làm như thế.

### **Thứ sáu**

... Làm như thế, thực chẳng khác gì một ông chi chi đó nhân dịp cụ Phan chết, viết ở trên báo một câu kính viếng rằng: "Bây

giờ cụ mất đi, chúng tôi xin tiếp tục làm nốt cái công việc bỏ dở của cụ, tức là cái việc thực hành chủ nghĩa "Pháp – Việt đề huề" vậy".

Chết chưa! Nhữn nhận chưa? Mà cũng dơ đời chưa?

Tôi xin nghiêm trang nói với các ngài rằng: cái ông đã viết những lời kính viếng cụ Phan đó không phải là một người vừa đâu.

Nhưng là một ông chủ báo... Và bốn năm trước đã đi đưa thư tín cho một tờ báo hàng ngày ở đây!

### **Thứ bảy**

Người tài thì hay nhữn nhận. Mà kẻ nào kém lại hay "trung sượng". Có người sẽ cãi lại tôi rằng:

– Anh không nghe thầy nói đó sao? Chỉ nên nghe lời ta nói chứ đừng theo việc ta làm, mà lại!

Chính thế! Tôi có lời xin lỗi ông Thái Lan đương lấy La-tinh, Hy-lạp, A-lơ-măng và tiếng Ma-la-bà để cải cách chữ nước ta. Và tôi lại có lời xin lỗi luôn cả thầy ông [...] ra sách dạy người khác tiếng Ăng-lê bằng một phương pháp thực hành rất dễ hiểu đến nỗi chính các ông tác giả cũng mù tịt không hiểu là gì cả!

## TIÊU LIÊU

*Trung Bắ'c chủ nhật, Hà Nội, số' 36 (10.11.1940)*

### **Thứ hai**

Vừa đây, ở Huế', vừa xảy ra một việc rắ'c rô' i mà pháp luật cũng không biế't phân xử ra thê' nào.

Ông tham Đ.X.Đ. đẻ' vợ ở riêng đã lâu ngày, một hôm bỗng nhiên thắ'y vợ đẻ' con. Ông Tham không nhận. Nhưng bà tham nói chính là con của chồ'ng vì bà bảo rắ'ng ông có lầ'n đem ô-tô đắ'n đưa bà đi chơi Thuận An hứ'ng... gió. Nhưng ông tham lại bảo chỉ đi chơi thôi chứ tuyệt nhiên không ắ'n nắ'm với vợ và yêu câ'u quan toà cho thê' ở điện Hòn Chèn (Huế').

Cuộc đi thê' ắ'y chưa định vào hôm nào cả. Nhưng, ngay tự bây giờ, ta đã phải lắ'y làm lạ không biế't ông tham nghĩ thê' nào mà lại bắ't vợ đi thê'... Con bà tham đẻ' với ông hay với ai thì trừ người đàn bà và người đàn ông ra, còn có người nào biế't được dù người ắ'y là thánh đi nữa. Ắ'n nắ'm với nhau, đó là một việc ô uế' mà!... Thánh nào chứng giám cho người ta! Vì vậy, cái việc này, tôi cho thê' ở trước cửa thánh là ngạo mạn thánh vô cùng. Bộ người ta cho thánh lúc nào cũng nghĩ đắ'n chuyện ắ'y và nhòm lỗ khoá buồ'ng những cặp vợ chồ'ng, trai gái hay sao chớ?

Tôi tưởng trong những trường hợp giồ'ng trường hợp này, đáng nhẽ hỏi thánh ta chỉ nên hỏi khoa học mà thôi. Chắ't một nỗi khoa học hiện giờ chưa biế't chắ'c thử máu đứ'a trẻ kia, liệu có thể chắ'c chắ'n được rắ'ng nó là con người đàn ông nào hế't.

Câu chuyện này, nói cho thực, nó nhiều khê be bét vô cùng. Thê' nhưng chung quy cũng chỉ tại ông tham hay nhiều sự, chứ từ xưa đắ'n nay, có người đàn ông nào cùng ở cảnh ngộ với ông lại đem những

việc như thế ra phải trái bao giờ. Bởi vì người đàn ông khôn lăm, từ lâu đã biết rằng phạm lỗi phải người vợ đa tình thì:

*Có chông càng dễ chơi ngang,*

*Đẻ ra con thiếp, con chàng, con ai?*

Con ai, mà chưa ly dị với vợ, thì cũng là con mình cả, có trôn được đàng trời. Ông tham ơi, thôi đừng lôi thôi nhiều chuyện nữa. Nếu quả như ông quyết phải biết rõ thực hư phải trái thì chỉ còn một cách là làm như ở chuyện tiêu lâm của người mình, nghĩa là đợi cho đứa bé kia khôn lớn rồi hỏi nó xem trong khi mẹ nó có thai thì thấy ai hay ra vào...

### **Thứ ba**

... Chứ đi thế, ví dụ thánh có úng vào đó chẳng nữa, thì hỏi có làm gì? Chẳng cứ bây giờ, tự lâu, đi thế đã là một cái phong trào vô nghĩa rồi. Nội một tuần lễ vừa qua đã có tới ba đám doạ đem nhau đi thế ở đây. (Chúng tôi sẽ có bài riêng về chuyện đi thế ở đền Bạch Mã giữa hai hiệu buôn to ở Hà thành). Nhưng thử hỏi từ xưa tới nay, kẻ gian cũng như người hiền, có ai vì đi thế mà bị thánh vật chết như họ đã thế đâu?

Nhất là "thế trai thế gái" thì lại càng không đáng kể. Ông thạc sĩ thế với cô P.T.N.L. nếu học thành tài về mà không lấy cô thì chết học máu ra. Bây giờ, học đã thành tài rồi, về nước, ông hỏi hôn cô nọ đó, hỏi ông có chết học máu ra đâu? Thế trai thế gái, chao ôi, nó toàn một loạt là thế cá trê chui ống, cũng như thế cô đâu với quan viên vậy:

*Đôi ta đá tạc vàng ghi,*

*Vàng thì Mỹ Kỳ, đá thì tổ ong.*

*Đôi ta thê` núi hẹn sông,*

*Núi trong bể cạn, sông trong bàn cờ...*

Đó, họ thê` ron ron mà không làm sao hế`t. Thê` thì bà tham Đ.T.Đ. sao lại rồ` đại mà không dám nhận lời của ông chồ`ng mà đi thê` đại ở trên đê`n Hòn Chén có được không? Cái "ca" của bà này thực lạ.

### **Thứ tư**

... Bà tham này không già mô`m bởi vì một lẽ rấ`t dễ hiểu bà không phải là gái đĩ...<sup>15</sup> Nhưng cái bà vợ ông Nguyễn Kim Nhung ở Vinh thì quả thực đã già mô`m. Bà có tính ưa đi xem hát, bà lại có cái tính ưa kếp hát giỏi trai, nên ít lâu nay bà thấ`y lòng bà mênh mông buồ`n như một khúc *Trường tương tư*. Thê` là bà tương tư kếp Phùng Huệ người ở tỉnh Thừa Thiên, bà mê kếp về` giọng hát cung đàn và bà mê kếp cũng vì kếp có những điệu như khêu gọi...

Bà bèn ngã vào tay kếp. Không, bà không phải là đao, nhưng bà muồ`n lấ`y kếp để kếp ca những bản "*Tam ban triê`u điển*" cho bà nghe, và việc ấy đã không bịt qua mắ`t chồ`ng bà là ông Nguyễn Kim Nhung.

– Đây, tôi bảo cho mình biế`t, tôi không phải là một người trắng gió bướm ong đâu. Người kếp hát đó là chồ`ng cũ của tôi, mình hãy cho tôi tự do đi theo người ấy, kéo tôi ở mãi ở đây không số`ng được.

Ông Nguyễn Kim Nhung, trước bà vợ già mô`m như thê`, vui vẻ trả lời:

– Được, tôi sẽ không ngăn giữ và tôi chúc cho mình sẽ gây được hạnh phúc với người đàn ông ấy.

Đoạn, ông đãi vợ trăm bạc để đi theo người chồng cũ mà kỳ thực là mới kia. Thật là một cử chỉ lịch sự và quân tử. Đàn bà, – hình như có một ông văn sĩ Nga đã nói, – cũng như thể con chim trời vậy: nó đi rồi nó đến. Ông Nguyễn Kim Nhung để cho vợ đến rồi đi như thế, đã đành là làm một cái cử chỉ triết nhân rất đáng khen, nhưng chẳng hiểu những người hay ghen và giết vợ ngoại tình, nếu không cho ông là điên dại thì sẽ cho ông là gì?

## **Thứ năm**

Bởi vì các bạn đọc báo hàng ngày tất đã biết rằng những ông giết vợ đạo này nhiều lắm.

Không yêu mình, giết. Không yêu mình nữa, giết. Giết chết người rồi mình cũng chết như cả Mậu bị chém hôm mới đây, các ông đó cho là thường quá, thậm chí có người nói rằng "giết vợ là một phong trào" làm cho những đàn bà "táy máy" cũng hơi... kinh kinh một chút.

Nhưng những bà vợ kẻ thì vẫn không kinh kinh một chút nào: họ vẫn cứ ghen tuông vô lối với những người đã chết, họ cứ hành hạ con chồng và cái án dìm ghè con chồng to nhất gần đây chính là chuyện vợ ông bá tước De... hành hạ con chồng vậy.

Hai vợ chồng ông này ở Paksé với một đứa con của người vợ trước lên tám tuổi. Đứa bé này bị người dì ghẻ hành hạ một cách cực dã man: bóc và dì ghẻ nuôi cho nó một bà thầy Anh-cát-lợi để dạy múa và dạy võ, đến nỗi mỗi khi nó tập võ, láng giềng hàng xóm và những người đi qua lại đều phải lè lưỡi mà khóc thầm cho đứa trẻ. Người ta can thiệp thì ông bá tước kia trả lời gọn lỏn rằng:

– Việc nhà tôi, việc gì tới các ông?

Việc ra đến toà, người dì ghẻ trả lời:

– Tôi có làm gì nó đâu. Tôi thuê thầy dạy nó tập võ, và nếu nó có bị tập một cách hơi khác thường một chút, đó chỉ là tại tôi bảo bà thầy của nó dạy nó một cách riêng cho nó không lùn người.

Câu nói dễ nghe thay, nhưng chết một cái là với cái môn võ của bà hậu tước và của bà thầy ấy mà cứ tập đều đều mãi, đứa bé tám tuổi kia không sống được; nên bộ ba (hai vợ chồng hậu tước và bà thầy) đã bị thộp ngực hết và giam cầm một chỗ.

Lên tám tuổi, đứa bé kia "bị" học võ mỗi ngày đi bộ ba bốn cây số để xem chân có khoẻ không, thì bà này, không biết bà bị giam cầm ba tháng hay ba năm gì đó, sẽ có thầy "tinh" người ra chút nào hay chăng?

Người ta nói rằng bà hậu tước này là người Anh. Chẳng biết, với chuyện này, bà có thầy tinh ngộ ra rằng người Anh "trăm phần trăm" ít làm những việc dã man như thế hay không?

## **Thứ sáu**

*(Kiểm duyệt bỏ)*

## **Thứ bảy**

Ông bạn Thạch Phi chán đời đã phải vỗ bụng mà than:

– Cái máu mê cờ bạc của người mình đến như vậy thì thực là hết chỗ nói.

Thực chẳng khác gì hai anh lính thủy trong câu chuyện của Anatole France đang đánh thò lò ở trên tàu, bỗng bị tàu chìm, may được con cá voi ra cứu, chở hai chàng lên lưng, thế mà sau một lát ngồ i trên lưng cá voi được tỉnh hò n, hai anh lại giở thò lò ra đánh y như lúc còn ngồ i trên tàu vậy.

Thì ra những người ham mê cờ bạc trừ khi chết đi mới hết đánh, chứ còn sống là họ vẫn còn đánh như thường.

Riêng người mình, có lẽ đến chết cũng không chừa. Người ta kể chuyện có anh ham mê bài bạc đến nỗi khi nghe vợ con rầy rà quá, anh ta phát cáu lên nói rằng: "Nhất sinh tao chỉ lấy một chuyện đánh bài đó làm cái thú ở đời, nếu không cho tao đánh nữa thì để tao chết quách đi cho xong, và đến chừng tao chết rồi thì mẹ con bay chỉ đốt một bộ bài xuống âm phủ cho tao là được rồi, không cần phải dọn mâm dọn bàn cúng nữa!"<sup>16</sup>

## TIÊU LIÊU

*Trung Bắc chủ nhật*, Hà Nội, số 37 (17.11.1940)

### Thứ hai

Kỳ tuyển lính khố xanh tại trại giám binh Phú Thọ vừa rồi, viên lý trưởng xã T.L. huyện Thanh Thủy cũng có mang dân đinh đi tuyển. Ra tỉnh, thấy nhiều gái đẹp, không giữ nổi lòng dục, lý trưởng T.L. mò đến xóm bình Khang và cái việc phải xảy ra đã xảy ra: y bị bệnh phong tình rất nặng và phải đón – không phải "ông vua thuốc c phong tình" ở Hà thành, nhưng một ông lang ở vùng Nam về điếu trị.

– À, tưởng là gì chứ cái này, tôi chỉ cho một nhát thuốc bảy ngày thì khỏi hẳn.

Người bệnh khỏi hẳn bệnh thực, nghĩa là không đau nữa, không ốm nữa mà cũng không... sống nữa.

Người nhà lý trưởng T.L. thấy thế giữ ngay ông lang bám lại và giải đến các nhà chức trách.



Câu chuyện này lại làm cho kẻ viết bài này nhớ lại câu chuyện ngày xưa, cũng một ông lang có tài Biển Thước, Hoa Đà như thế, cũng giết người như thế, bị quan trên khép án bắt ma chay cho người chết, bắt phải khiêng người chết ra ngoài đờng mai táng. Chẳng ngờ người chết lại mát da mát thịt quá, nặng như một cái cối đá đại. Thầy lang đương bực sẵn lại phải khiêng nặng, tức cảnh ngâm ngay một câu thơ:

– *Ngô gia tam thế luy vi y.* (Nhà ta ba đời nay làm thuốc)

Vợ ray rút đọc tiếp theo:

– *Lương quân nhât trần luy thế nhi* (Chồng ta bóc một chén thuốc mà làm luy cả vợ cả con).

Con dâu sàu vì bóc chồng đọc:

– *Đãn hận tha phì dài bất đả c.* (Chỉ giận nó béo khiêng không nổi).

Con trai thở dài và kết luận:

– *Tự kim vi y bất vi phì.* (Từ giờ có chữa, đừng có chữa cho thằn lằn nào béo nhé).

Đấy là ông lang thời xưa.

Ông lang ngày nay ở Nam thành chẳng biết rồi ra sẽ bị quan trên kết tội gì và sẽ chịu mấy năm tù? Nhưng chắc chắn, một khi đã vào nhà pha ăn cá mắ m rồi, ông này thế nào chẳng phải tức cảnh ngâm thơ tự thán mà cũng để cảnh cáo cho những anh em đờng hội:

– Từ giờ có chữa, thì chớ có chữa cho những người ốm làm gì cho khổ. Có chữa, ta chỉ chữa cho những người vô tật vô bệnh mà thôi...

## Thứ ba

Nói mà chơi vậy thôi, chứ ông lang thuố'c nọ chấ'c gì đã bị tù? Biế't đâu rằ'ng ông ta chẳng có lý lẽ để mình lại tự bào chữa cho mình, để mình lại thân oan cho mình? Nế' u ông ta không có tài ăn nói giỏi như cái tài chữa thuố'c giỏi của ông ta thì đã có các vị trạng sư nói hộ ông ta, mà đã nói đế'n trạng sư thì phải biế't nhé, lấ'm cái mình tưởng không ai cãi lại được, họ cũng cứ cãi phăng phăng như thường...

Nhưng xin nói ngay rằ'ng cái ý kiế'n này không phải là của tôi, nhưng là của bạn Như Hoa trong Sài Gòn, – người đã thuật lại một cái tin sau này trên báo:

"... Toà án Biên Hoà vừa đây xử một vụ cờ bạc. Bên vực cho một bị cáo nhân là thổ chứa, một ông trạng sư nọ đường hoàng tuyên bố rằ'ng: "Những tay cờ bạc đê' u là những tay từ thiện, họ dám ăn to xài lớn, nhờ có họ mà tiề'n bạc lưu thông, sự buôn bán mới phát đạt".

Hay không? Cứng cá't không? Và có mới mẽ không?

Những tay cờ bạc đê' u là những tay từ thiện thì cái ổ cờ bạc tức là cái lò đúc ra người từ thiện mà anh chủ thổ tự nhiên là xã hội phải kính trọng, coi như một ông thánh số'ng đào luyện ra hạng người từ thiện chớ sao?

Anh phải biế't rằ'ng: đố'i với xã hội loài người, không có một sự nghiệp nào lớn hơn là sự nghiệp từ thiện, cũng không có sự nghiệp nào hợp với lòng người, lẽ trời bằ'ng sự nghiệp từ thiện, nay với bọn con bạc kia ông trạng sư á'y đã bảo là những tay từ thiện, thì Sáu Ngô, Hai Cua, Ba Sinh, những ông vua cờ bạc đó há không đáng cho chúng dựng tượng để kỷ niệm những công đức tày trời hay sao?

## Thứ tư

Chép lại câu chuyện trên này ta rùng mình mà nghĩ lại chuyện cái lưới của Ésope mà càng thấ'y là đúng quá.

Lắ'm khi cái lưới người ta nói nên những câu nói rắ't hay, nhưng lắ'm khi nó lại cũng nói nên những câu rắ't dở, làm mắ't cả nhân cách người ta đi nữa.

Tôi sẽ không nhắ'c lại những cái lưới dài đi phao ngôn những chuyện làm tan cửa nát nhà hay đặt điề`u để gây sự rắ'i ren trong nước, bởi vì ai ai cũng đã biế't những cái lưới ấy rắ'i. Tôi chỉ thuật cho các ngài nghe một câu chuyện mà chủ động là cái lưới, – cái lưới nói láo, – suýt xảy ra một vụ đổ máu ở rạp hát Hiệp Thành mới đây.

Mới đây, có hai người đàn ông đé'n rạp hát Hiệp Thành để vào xem hát nhưng không chịu lắ'y vé nên người soát vé không cho vào.

*(Kiểm duyệt bỏ)*

M. Phạm Hữu Tương soát vé không thể làm sao được vì nhà hát không có lệ cho những người vào xem "trạc" nên nhắ't định mời hai người kia ra. Đã không lắ'y thề' làm ngược người [...] lại xông lại đánh M. Tương và cửa rạp Hiệp Thành suýt nữa thì diễn thêm một vở kịch "Thù và Máu".

Tôi không hiểu hai ông này là hạng người gì trong xã hội, nhưng cứ xem cử chỉ thì có lẽ họ chưa được đọc câu chuyện vui này ở trong một cuố'n danh nhân dật sử của một người Pháp viế't:

Cũng ở trước cửa một rạp hát. Nhưng là một rạp hát ở Pháp vào khoảng thề' kỷ thứ XIX. Hôm đó có diễn một vở kịch rắ't hay, nhiề'u người đé'n xem lắ'm. Đã đành là những người ấy phải có tiề'n, nhưng không phải là không có người không xu mà lại muố'n vào xem trạc, như hai ông nọ muố'n vào xem trạc ở rạp Hiệp Thành đêm hôm nọ.

Vậy, trong số các người vào xem hát ở rạp hát Pháp đó có một người cứ đứng chờ, rình người soát vé hở cơ là vào. Thì tự nhiên lù lù một ông đạo mạo ở đâu vào cúi xuống nói thầ m với người phát vé một câu rô i cứ thê vào thẳng không câ n vé!

Một ông đứng chờ ở đó đã lâu để xem trạc, thắ y làm như thê "ngon xoi" quá, cũng vào theo chân ngay và cũng cúi xuố ng nói thầ m với người phát vé kia cái câu... cái câu mà anh chàng mới nghe lỏm được của ông đi vào trước. Anh chàng chờ người phát vé cúi đầ u mời anh ta vào một cách lễ phép, thì anh ta ngạc nhiên biế t bao khi bỗng thắ y người phát vé rợn tóc gáy chòng chọc nhìn anh ta mà rắ ng: "Thê nào? Ông bảo thê nào? Ông cũng là Victor Hugo, tác giả vở *Hernani* diễn đêm hôm nay à?"

## **Thứ năm**

Cho mới biế t cái lưới dù ở thời đại nào cũng vậy, cũng làm những điề u bậy cũng như những điề u hay. Nhưng có điề u, theo sự xét nghiệm của ta, cái lưới nói ra được điề u hay thì ít mà nói bậy thì thực nhiề u, nhắ t là những hạng nói bậy để lừa người thì nhiề u lắ m, không kể sao cho xiế t. Mà những kẻ nói bậy để lừa người đó họ như không kể pháp luật là gì cả.

Xem ngay như vụ mắ y tên giả mạo là cổ động viên của *Trung Bắ c chủ nhật* đi các tỉnh Bắ c Kỳ để lừa bạn đọc mua năm thì đủ biế t. Chúng hoành hành đã mắ y tháng nay rô i, đi khắ p chợ thì quê và tự xưng là cổ động viên của *Trung Bắ c chủ nhật* để lắ y tiề n của độc giả mua năm. Chúng tôi than phiề n đã lắ m, mà chúng vẫn cứ có thể trồ n tránh ở ngoài vòng pháp luật và hoành hành một cách rắ t tự do.

Tên tự xưng mình là Victor Hugo bị bạt tai, tên tự xưng là mật thám ở trước cửa rạp Hiệp Thành bị thộp ngực, đế n bao giờ cái bọn

tự xưng là cổ động viên *Trung Bắc chủ nhật* bị vào tù?

Muôn cho họ vào tù, không khó.

Các bạn từ giờ nếu có thấy tên nào tự xưng như thế vào nhà ngài mời mua báo lấy tiền thì các ngài cứ nên im!... Im lặng để nghe chúng nói rồi bảo người nhà ra đóng cửa lại, hét vào tai chúng một câu: "Đưa cái thẻ thuê thân xem!" Chúng đưa thẻ thuê thân ra thì các bạn giữ ngay lấy hộ cho và báo tin luôn cho các nhà chức trách tóm cổ chúng lại cho chúng tội nhờ... bởi kẻ ấy đích thị là quân gian đó. *Trung Bắc chủ nhật* chưa bao giờ có cho cổ động viên đi các tỉnh mời mua báo hay lấy tiền mua năm của một ngài nào ở Bắc và Trung Kỳ. Trừ phi ở Nam Kỳ có M. Võ Văn Rót thì M. Rót có giấy tờ cẩn thận hẳn hoi. Những anh tự xưng là cổ động viên ở Trung – Bắc Kỳ nếu có đưa giấy tờ ra thì những giấy tờ ấy toàn là giả mạo cả, xin làm ơn cứ thâu lại và báo cho chúng tôi được biết.

### **Thứ sáu**

Thực tình, thì chúng tôi cũng đã hơi biết mấy tên đi lừa ấy là ai rồi.

Chúng tôi có muôn, là muôn có chứng cứ xác thực mà thôi, chứ còn tên tuổi chúng thì chúng tôi đã mang máng nghe thấy không phải bây giờ nhưng nghe thấy từ lâu: bọn đó đã từng về những vùng Bắc Ninh, Hải Dương, Thái Nguyên và đã lừa được mỗi chuyến đi như thế hàng vài trăm bạc...

Nói một câu như thế này cho các bạn buồn, cái bọn đi lừa như thế không phải là hạng ăn cắp, đi lừa, cặn bã của xã hội đâu, nhưng là một bọn có học và đã từng một độ ngã vào làng báo. Bởi vì, dù là làm báo đi lừa hay lợi dụng cái chức hiệu nhà báo để đi bịp thì họ cũng vẫn có thể cứ trưng tên tuổi mình là nhà báo chứ ai cấm được?

Nghĩ mà buồn: hiện giờ cái bọn ấy vẫn đôi khi viết sách để bán cho người ta đọc đấy, mà không hiểu tại sao lại có những nhà xuất bản in sách của họ cho đời đọc? Cái học nữa chừng có hại không biết bao nhiêu thật. Cái văn minh nữa chừng cũng thế.

### **Thứ bảy**

Như câu chuyện mà tôi đã thuật lại lần trước ở đây: một ông giáo học ở Đông thành bênh vợ đánh mẹ, coi mẹ như đũa ở, mặc tình cho vợ muốn làm gì mẹ thì làm. Tưởng câu chuyện đời đời như thế là cùng cực, không ai theo kịp ông giáo học có học kia, con người "văn minh" kia, không ngờ ở Sài thành vừa đây lại có một chuyện cũng oai như thế mà nhân vật chính lại cũng là một người có ăn học mới hay.

Cô Băng Tâm ở Phan Thiết có gửi đăng ở các báo trong Nam một tin như sau này:

Một thầy nọ làm việc ở sở kia, ăn mặc rất đàng hoàng, cùng chúng bạn đi chơi đêm về... "Kéo! Ê kéo!..." Theo tiếng thầy gọi, một tiếng dạ ở đâu xa đưa lại, rồi một con ngựa người đã già cỗi co ro rút cổ kéo xe chạy tới. Thầy thái nhiên bước lên xe, ngồi về chổ đốc, con ngựa người kia lại bắt đầu làm cái phận sự kiếm gạo cho mình ngày mai. Thì bỗng đâu một câu nói từ cửa miệng người phu xe già yếu ấy bật ra làm cho người ngoài nghe đến phải dội ngựa: "Nghe kêu, cha tưởng là ai đâu lạ chớ, không ngờ là con, con đi chơi khuya về, mệt nhỉ!" Thì ra, trời đất ơi! Kẻ ngồi trên xe kia là "ông" con, mà người cầm cương kéo xe kia là "thằng" cha.

Ông bạn Như Hoa của tôi cực lực mặt sát đưa con kia và ông than lên rằng:

*Văn minh Đông Á, trời thu sạch,*

*Này lúc luân thường đảo ngược ru?*

Theo ý tôi, thì kêu rên că u khẩn và than khóc đê u là vô ích cả. Nê u tôi có chút quyê n... Nê u tôi có chút quyê n ở trong tay thì tôi gả phấ t ngay thâ y đi xe kéo nọ cho cô đánh mẹ chồ ng ở Đông thành: một bên đánh mẹ, một bên "chửi" bô , thử hỏi ở dưới trầ n này, còn cặp vợ chồ ng nào vừa lúá xứng đôi hơn?

**TIÊU LIÊU**

*Trung Bắ c chủ nhật, Hà Nội, số 38 (24.11.1940)*

## **Thứ hai**

Vào khoảng năm giờ chiê u hôm vừa rô i, chuyê n xe lửa Hà Nội – Phủ Lý vừa tới ga thì có một chàng mặc Nam phục có vẻ đàng điể m, trên ngực bên phải đeo một cái thẻ bắ ng nhưng đen, còn bên trái thêu một cành hoa con bướm cũng bắ ng nhưng đen, nhảy xuố ng đấ t và mạnh bạo đi ngoài phố . Nê u chỉ có thê thôi thì đã chẳng có chuyện, bởi vì nhà nước chưa có lệnh không cho những anh lô linh đi chơi phố bao giờ. Chê t một cái là anh chàng nói trên kia lại gặp ông cảm đi tuầ n tới đó; anh chàng nọ giơ tay lên chào theo kiểu nhà binh, khiê n ông cảm ngạc nhiên đứng lại hỏi thì anh chàng trả lời bắ ng tiế ng ta. Ông cảm không hiểu, thê là dẫn ngay anh chàng về sờ. Sau một cuộc hỏi cung, té ra anh chàng kia là một người xem tướng số "du chơi" về Hà Nam, nhưng sự du chơi ấy không ngờ lại thành "chơi du" nên anh ta bị giải về dinh ông phủ rô i từ dinh ông phủ bắ t sang dinh ông huyện, rô i từ dinh ông huyện lại giải sang dinh ông tuầ n. Tờ báo hàng ngày đăng tin này không nói rõ rắ ng chàng từ dinh ông tuầ n có bị dẫn sang dinh ông cảm nữa không, nhưng cho ta biế t rắ ng anh chàng xem tướng số lô linh kia chưa được tha. Cho mới biế t cái nghê tướng số hại người ta thực!

*Chữ tài liền với chữ tai một vần!* – Câu nói thực đúng quá, bởi vì anh xem số kia lúc xuống tàu, để chân xuống đất Hà Nam, thế nào chẳng giờ nghề mình ra mà xem tướng cho những người khách đi qua lại để tìm "mắt cá hạt châu", để xem trong đám người xoàng xoàng kia có cái tướng "nhĩ bạch diện phương tât quý" nào chẳng... Thì anh chàng tât đã thấy ông cầm là quý tướng lắm chứ gì! Cho nên anh ta chào, mà chào như thế là phải lắm còn gì! Bởi vì anh chơi chim mê chim, anh thích gái vô lý gái thì anh xem tướng cô nhiên là phải chào quý tướng.

*(Kiểm duyệt bỏ)*

Anh thấy tướng kia bị bắt thực quả là "sinh u nghệ... tù u nghệ" vậy. Cho nên tôi chán nghề tướng số đã từ lâu, nhất là ở trường hợp anh chàng kia, cái nghề ấy đã làm bận rộn mắt bao nhiêu người, mắt bao nhiêu thì giờ mà là những thì giờ quý báu như vàng cả!

### **Thứ ba**

Nói đến chuyện chán nghề tướng số, tôi lại nhớ đến cái nghề bạc bẽo đó ít lâu nay đã "ăn gói" mắt máy người hy sinh cho nghề ấy.

Tôi sẽ không kể tên những người khôn nạn đáng thương đó ra đây làm gì bởi vì quốc dân ta đã hiểu biết họ lắm rồi... Tôi, ở đây, chỉ nói đến một người mà trong Nam ngoài Bắc ai ai cũng đều biết tiếng tăm (hay tai tiếng cũng thế), ấy là "pò-rốp" (!) K.S. hay "mét"<sup>16</sup> K.S. cũng thế, bởi vì cái mặt ông này kỳ nào cũng đều đăng to bảng cái mặt lên trên báo để làm quảng cáo cho nghề mình.

Người ta bảo ông này là một tên bịp. Sự thực, ông chỉ là một anh "thầy bói sáng" mà thôi, nhưng ác hại! anh ta không biết "mù" gì



về bói toán tướng số cả, nên anh ta toàn nói láo, mà đã nói láo để lấy tiền thì tất nhiên là đi lừa rồi.

K.S. đi lừa thực, cho nên anh ta bị lôi thôi ở Hà thành một dạo lâu. Ai ai cũng tưởng anh "sinh ư nghệ, tử ư nghệ, tá c dĩ giải nghệ" rồi, không ngờ vừa đây xem những tờ báo ở Nam ra, thì ới mèn ơi! ới mặt ơi! cái anh thầy bói sáng có ảnh đăng đó chẳng vẫn là anh K.S.?

Thì ra K.S. lại vào "làm một chuyên" ở trong Nam nữa, nhưng lần này anh ta lại đổi mặt, tuy vẫn nguyên bộ lông cũ: anh ta để một bộ râu trên mép. Để bộ râu trên mép như thế là để cho người ta không nhận ra là K.S. đã bị tù tội vì đi lừa người chăng? Để bộ râu trên mép như thế là để tỏ ra mình là một người đứng tuổi làm ăn đứng đắn chứ không phải đi lừa người chăng? Chao ôi, K.S. quả là một người tài thực! Nhưng chỉ tài về môn... đi lừa mà thôi, chứ không phải tài học, bởi vì anh ta nếu có học thì anh ta tất đã biết rằng nếu cái áo không thể làm thành được thầy tu thì bộ râu trên của hắn đâu có xoá được cái cuộc đời quá khứ?

Trong chuyện này, tôi cho có lẽ chỉ có bộ râu là oan khổ mà thôi, bởi vì nếu dân Sài Gòn ngày mai đây chỉ tay đuổi hắn đi thì bộ râu trên họ đã không xoá được cái quá khứ của chàng, mà trái lại, chính bộ râu ấy lại "bị" xoá để K.S. đeo một bộ râu khác đi kiếm ăn miền Lục tỉnh.

Nhưng, anh chị em đừng sợ. Dân Nam Kỳ xưa nay vẫn có tiếng là thông minh lanh lợi, đâu lại có để cho tên bọm kia bịp mình vì một bộ râu!

### **Thứ tư**

Sự thực là thế: ở đất Bắc này, cái nghề tướng số bây giờ khó kiếm ăn lắm lắm. Ấy là chưa nói đến chuyện, trời đất này, chánh phủ lại còn [...] triệt hẳn nghề tướng số đi. Nghề tướng số,

vì vậy, nhiều khi đã chẳng bị được ai, – tôi không nói đến những người có chân tài, có thực học và hiểu tướng số, – trái lại có khi lại bị người ta bị nữa. Xem ngay câu chuyện Thôn-cổ-cử (bà) ở Hà thành vừa bị một người mại bản dắt đến phòng ngũ Thái Lai lừa biến mất năm trăm đồng thì biết. Không hiểu khoa tướng số bói toán của Thôn-cổ-cử (ông) cao siêu đến mức nào mà lại để cho thôn phu nhơn bị bị một cách xót xa như thế?

Làm cho mình lại nhớ đến câu chuyện anh thầy bói xem bói bảo người ta cháy nhà mà chính nhà anh ta bị cháy, cũng như câu chuyện anh tướng số sáng kia nói với khách hàng rằng "Ông khổ vì tình" mà chính sau lúc ấy một lát về nhà thì anh ta thấy vợ đương hú hí với một người đàn ông khác, không những đã vào làm nhà mà lại nắm làm cả giường của anh ta!

Như chúng ta đã biết, ông thầy tướng ấy không cần bấm nhẩm bấm độn hay xem quẻ gì lúc ấy, ông ta đâm chết liền cái gã cãm sùng kia và, – chẳng hiểu cái này có ở trong tướng số hay không, – ông ta bị bắt giam và bị tù. Chắc hẳn ở trong tù, anh chàng không nghĩ gì đến tướng số nữa mà chỉ nghĩ đến tình nó đã làm cho mình đau khổ mà thôi...

## **Thứ năm**

Tôi không hiểu ông bác sĩ Kerr ở Huế Kỳ có đau khổ như ông thầy tướng số kia không, nhưng cứ xem những công việc khảo cứu của ông ta thì ông ta cũng đau khổ vì tình nhiều lắm... Theo bạn Như Hoa thì bác sĩ Kerr tuyên bố rằng: "Ái tình cũng chỉ là một chứng bệnh". Rồi ông ta chế ra một thứ thuốc tiêu đề uông, không phải để tiêu độc nhưng mà là để tiêu... tình. Ông ta lấy làm đắc ý lắm, nhưng nào có biết đâu rằng ở nước ta, một người đàn bà goá nọ đã làm tiêu tình của người ta mà chẳng cần phải thuốc men gì cả.

Một thầy đồ nọ dạy con một người đàn bà goá. Thầy đồ, ít lâu sau, mắc bệnh liên: bệnh yêu mẹ học trò. Chị đàn bà goá nọ thầy thương hại bèn tìm cách chữa cho thầy: chị gọi thầy vào trong buồng và... Không! độc giả chớ vội hiểu lầm như vậy.

Chị ta bảo thầy đồ rằng: "Ít lâu nay, tôi biết thầy thương tôi lắm lắm. Nhưng biết làm sao được? Tôi hãy còn tang chôn. Tôi phải đợi đến hôm nay là ngày giỗ hết chôn tôi, tôi mới dám nói thật với thầy; vậy thầy đợi tôi nhé, tôi ra xem cho khách ăn uống xong sẽ vào, và đôi ta sẽ thoả tình mong đợi từ bây giờ nay vậy."

Hả quá, thầy đồ năm liền ở trong buồng với một ấm nước để hãm giọng trong khi đồ xào nấu đưa những mùi thơm tho đến để "nịnh khứu giác" thầy. Hết sáng đến trưa, hết trưa đến chiều, hết chiều đến tối, thầy đồ thấy kiến bò bụng rồi thầy đói meo lên, thầy không đi lại được nữa, thầy không ngâm thơ du dương được nữa, thầy thầy buồn chân tay, sau thầy năm phục vị một chỗ. Bây giờ chị chàng kia mới vào, chậm rãi thay đổi vị phục và lại gằn thầy vuốt ve. Thầy lắc đầu lia lịa mà rằng: "Không, không tôi chịu... Cho cơm ăn cái đã!"

Thì ra cái thuốc chữa bệnh yêu nào có khó khăn phiền phức gì đâu. Chỉ đói là xong cả. Nghĩ làm gì cho khổ, bác sĩ Kerr ôi, cứ bắt những anh chàng chị chàng lãng mạn "sống vì yêu, chết vì yêu" nhìn đói một dạo là xong cả...

## **Thứ sáu**

Cái đói không là một thứ thuốc chỉ nhiệm màu có thể. Đói còn chữa được nhiều bệnh nữa, – mà bệnh nói láo là một, bởi vì nếu đói thì rõ hòng ra rồi còn sức đâu mà nói láo khoe tài, đói thì còn hơi sức đâu mà ngò i viết những bài văn cực nghiêm trang như bài "*Khóc ông thủ tướng Anh*" của một ông chủ bút một tờ báo kia: "Ôi giờ cha

đá t mẹ ơi, ơi ông Chamberlain ơi, ông đã thấ t tuầ n rô`i, mà ông lại chề t, thề thì bà nhà ta biề t lấ y ai làm bạn sớm khuya để cùng kể những câu tâm sự?"

Nề u thề giới đoi một đạo... Nề u thề giới đoi một đạo, ta sẽ không phải chường tai gai mắ t vì những điề u trông thấ y và nghe thấ y! Nghe thấ y những bài văn giế t lỗ tai, và trông thấ y những cái "mắng-xét" như "mắng-xét"<sup>17</sup> của một tờ báo kia chẳng hạn, trưng lên những cái "lâu đài mơ mộng và ngồ c nghề ch chẳng ăn thua đâu vào đâu" như thề này:

*Chàng như mây mùa thu,*

*Thiề p như khói trong lò,*

*Cao thấ p lẽ có khác,*

*Một thả cùng tuyết mù*

Một tờ báo số ng với sự thực hàng ngày, thực tề như là cuộc đời vậy, còn chẳng ăn ai mà lại "cho ra" một câu như thề, xin hỏi để làm cái "tề" gì? Làm văn ư? Thì mua cái chĩnh. Điên ư? Thì đã có nhà thương Vôì...

Tôi không hiểu người viề t cái "mắng-xét" kia có ý nói riêng gì với độc giả, chứ tôi, thực quả tôi ngu độn hơn độc giả của tờ báo kia nhiề u lắ m nên tôi xin chịu, cũng như tôi đã chịu câu này, cũng in *italique* 18<sup>18</sup> trên "mắng-xét":

*"Chàng tận trung với nước (bom bom!) Chàng há quên việc nhà, (bom bí bom!) Một gánh giang san đôi ta chia sẻ (bom bí bom bom!)"*

Chề t cười! Cười chề t!

## Thứ bảy

Độc giả xem, thế thì bảo tôi không mong muốn cho người ta nhìn đời làm sao được?

Bắt nhìn đời, theo tôi, thiên hạ sẽ hoà bình. Đừng nói gì các nước trên thế giới vì đời sẽ không gây việc can qua, cứ nói riêng, ở trong phạm vi văn chương, khi người ta đời người ta sẽ không nói riều người khác (như tôi chẳng hạn) mà người ta sẽ không "lật tẩy" người khác như ông nào đó trong Sài Gòn lật tẩy ông dịch giả cuối *Bức thư của người không quen*.

Theo ông bình phẩm này, thì dịch giả truyện *Bức thư của người không quen* thù nhà văn sĩ Áo quốc Stefan Zweig nên dịch sai tiết cả văn đi cho Stefan Zweig xấu hổ với dân ta. Được lắm. Ông Đông Á nói phải, và lời hàng tạ những đoạn dịch sai của ông *Bức thư của người không quen* ra cũng phải nữa. Nhưng có một điều này, nói thì ra hơi buồn cho ông Đông Á một chút, nhưng tôi cũng phải nói: đó là ông Đông Á đã ném... đá xuống nước, đã đánh vào chỗ không... Bởi vì ông công kích người dịch sai đó thì đó chỉ là dịch sai văn Pháp, theo bản dịch của hai ông Alzir Hella và Olivier Bournac mà thôi. Sự thực người dịch *Bức thư của người không quen* có theo bản Pháp văn đâu! Ông Đông Á lắm. Bạn Lan Khai khả ái của chúng tôi dịch là dịch theo bản nguyên văn đầy đủ chứ! Mà bản nguyên văn của Stefan Zweig thì viết bằng tiếng Đức kia mà (bạn Lan Khai có đề rõ ở ngoài bìa), mà tiếng Đức, ông Đông Á đời nào biết được? Thế thì nếu đã không biết, ông sao lại dám đại dốt mà phê bình sách dịch *Bức thư của người không quen*? dám bảo ông Lan Khai dịch "theo nguyên văn" là dịch theo bản của Hella và Bournac? Ông Đông Á đã phạm tội vu cáo vậy.

Ông Lan Khai chuyên này chắc giận lắm và tôi lo rằng ông sẽ trả lời ông Đông Á mất, – mà trả lời bằng một thứ tiếng gì? Ông

tất sẽ trả lời bằng thứ tiếng "nguyên văn" của cuốn *Bức thư của người không quen* tức là tiếng Đức, một tràng tiếng Đức... Cho mà xem!

## TIÊU LIÊU

*Trung Bắc chủ nhật*, Hà Nội, số 39 (1.12.1940)

### Thứ hai

Trong một số báo trước, tôi đã thuật lại chuyện bá tước ở Paksé cùng vợ và một cô giáo người Anh bị can vào tội hành hạ một đứa trẻ lên tám tuổi. Đứa con này là con vợ cả của bá tước. Nó bị vợ kế của bá tước cùng với cô giáo Anh dùng loa đánh đập rất tàn nhẫn đến nỗi người đi đường thấy thế không chịu được phải vào can thiệp thì bá tước kêu lên rằng: "Việc nhà tôi, việc gì đến các người mà các người lôi thôi vào". Đó là ý riêng của bá tước. Việc nhà của bá tước thì không ai có quyền ngó tới, nhưng đó lại không phải là ý kiến của toà án nên toà án cứ can thiệp, và kết cục, bá tước bị 18 tháng tù, 5 năm mất công quyền, vợ bá tước 2 năm tù, 10 năm biệt xứ, 16 quan tiền phạt; Miss G., cô thầy dạy con bá tước học võ 2 năm tù, 16 quan tiền phạt.

Tưởng thế đã xong, hay đâu vừa đây các báo trong Nam lại vừa đăng tin bá tước D... ở Paksé lại bị một cái án thứ hai: bá tước can vào tội nuôi một cô giáo ngoại quốc mà không khai báo cho nhà nước biết.

Nguyên giữa lúc tình hình trong nước không được yên ổn, chánh phủ có ra lệnh hề ai chứa chấp người ngoại quốc trong nhà thì phải khai báo cho các nhà chức trách biết. Bá tước D... không biết thế, nên nhân việc hành hạ đứa con vợ cả, Bá tước bị truy tố và bị phạt 500 quan tiền và, còn riêng cô giáo sư Anh thì bị phạt 100 quan vì không có giấy tờ gì hết.

Cho mới biế t, ở đời, chấy nhà mới ra mặt chuột thực, mà nề u phúc bấ t trùng lai thì cái hoạ bao giờ cũng vô đơn chí. Nhưng xét cho cùng ra thì vợ chồ ng nhà bá tước này chung quy bị tù bị tội chẳng qua cũng tại giàu tiề n quá. Bởi thế cho nên mới nuôi một cô thầ y để dạy con, con mới bị cô thầ y hành hạ, và vì cô thầ y hành hạ nó bị ra toà, nên mới lộ việc vợ chồ ng bá tước xử tàn ác với con, và vì bởi xử ác với con nên mới bị án mà bị án ấy mới dây đưa ra cái án thứ hai kia vậy.

Xem vậy, thì muôn việc lồi thồi, chẳng qua chỉ tại thừa tiề n cũng như vì thừa tiề n nên ông nọ mới ra một tờ báo hàng ngày nọ để...

### **Thứ ba**

... để cho ông chủ bút thừa giấ y thừa mực nói lồi thồi dây cà dây muố ng trên báo được.

Ừ được đi, như một bạn đồ ng nghiệp ở đây đã nói, ông ấy "mồ cha không khóc, khóc đồ ng mồ i... ở bên Anh" cũng được. Ừ được đi, ông ấy làm những cái "măng-xét" đáng đánh đòn cũng được... Nhưng có một điề u này thì hơi quá, một điề u mà tôi lấ y làm lạ sao đế n tận bây giờ độc giả của ông ấy chưa nổi lòng công phẫn...

Chuyện nguyên do như thế này:

Ở Sơn Tây, cô M. không lấ y ông lác mắ t méo mồm nào lại lấ y ngay một thắ ng nhỏ không đáng được cô yêu, nhấ t là cô M. lại để với thắ ng nhỏ ấy một đứa con, thì ông ấy lại càng tức lắ m. Nhưng ta đừng tưởng ông sẽ lớn tiề ng công kích thắ ng nhỏ ấy. Không hèn hạ một tí nào, ông cười cợt một cách rấ t có duyên với thắ ng nhỏ và với cái giọng trào phúng rấ t thầ n tình ông khen cô M. như thế này: "*Cái bụng cô là một công trình tô i lợi dân ích quố c... Nế u không thế thì những ông Trầ n Hưng Đạo, Nguyễn Huệ... Cô M.*

*thành Sơn Tây, dù không được như hai chị em bà Trưng, song thiệt đã xứng với cái tên "mẹ quốc dân" vậy".*

Các ngài đã thấy cái lỗi trào phúng ấy thú vị đến thế nào chưa?...

Thứ tư

... Ở đoạn đầu bài ấy, ông tác giả trào phúng của bài văn trào phúng nọ có ý bảo truyện *Trống mái* của Khái Hưng là có hại. Tôi không xét đến cái hại ấy tương tận lắm làm gì, nhưng nếu quả cuốn *Trống mái* có hại thì chỉ hại về một phương diện mà thôi, chứ cái bài "Kìa đó trai anh hùng thì đây ta cũng gái anh thư" thì vì buồn cười quá nên có hại vô cùng, làm cho những người có học không thể nào chịu được.

Nghe đến thấy tờ báo đăng bài đó có một ông chủ nhiệm, không cười, lúc nào cũng khuyên quốc dân ta mỗi khi nói đến hai chữ "Nam Việt" phải nên lấy làm hãnh diện. Tôi tưởng ta nên hãnh diện vì cái gì chứ hãnh diện vì "cô chủ ngủ với đầy tớ" rồi chữa hoang, thế mà viết lên báo ca tụng dù ca tụng bằng lối châm biếm, mà bằng lối châm biếm thâm tình quá, thì cũng chẳng nên hãnh diện làm gì.

Ông chủ bút kia viết như thế này (mà chắc ông cho là hay lắm, độc giả đọc ông sẽ lác cả mắt đi):

"Tôi thì có đánh chết tôi đi, tôi cũng một hai ba bốn (?) cho cô M. là một gái anh thư Việt Nam".

Chao ôi anh thư Việt Nam chỉ có thế thôi ư? Tôi đề nghị cho các bà các cô ở trong nước trả lời ông viết bài kia – mà trả lời bằng bất cứ cách gì cũng được – để tỏ rằng anh thư Việt Nam không như lời ông ta nói, ngu bậy ngu bạ đâu. Anh thư Việt Nam thế khác kia,



anh thu Việt Nam là bà Trưng Trắ c Trưng Nhị, mà khi người ta đã là Trưng Trắ c, Trưng Nhị, dù ai có táng tận lương tâm đê ́n thê ́ nào cũng không có quyê ́n đem ví với cô M. ở Sơn Tây cao húng với... một tên đầy tớ!

### **Thứ năm**

Đọc bài văn trào phúng nọ, tôi không khỏi có một ý nghĩ này: Hay là ông chủ bút tờ báo nọ có một quan niệm riêng về ́ ái tình? Ông tha thứ hê ́t cả những chuyện trên bệ c trong dâ u, dù những chuyện ấy xảy ra giữa bà chủ với thắ ́ng quít hay là giữa con sen và ông chủ, nên ông viê ́t báo khuyên người ta làm... theo chính kiê ́n của ông?

Tôi vẫn nghe đôn ́ rằng tờ báo của ông P.L.B.<sup>19</sup> ít lâu nay là một tờ báo đặc biệt quố c gia, mà chủ bút của nó, người viê ́t bài báo kia, là người cũng tha thiê ́t với giồ ́ng nòi và đấ t nước. Nhưng dù sao, cái chính kiê ́n của ông như thê ́ thì kẻ cũng có hơi phiê ́n; vẫn biê ́t cái chính kiê ́n đó đã đem ra thực hành ở mấ y nước châu Âu thực, nhưng ta phải nên biê ́t cái mục đích của người ta cô t là để tạo lấ y một nòi giồ ́ng tô t.

Ở đây, cái chính kiê ́n ấy đem củ vớ một cách sai lầ m như thê ́ thì chỉ là để cho người ta loạn dâm thôi. Nê u thực quả ông nghĩ đê ́n chủ nghĩa "cấ y dân" cho nước thực thì, từ xưa, ở nước ta đã có chủ nghĩa đa thê ́ đó, nê u ông thấ y một vợ mà ông để con giúp nước chưa đủ thì ông rấ t có thể lấ y hai, ba, bôn, năm bà... Chứ việc gì phải táy máy đê ́n con sen thắ ́ng quít, và lại còn đem việc ấy mà củ động lên mặt báo. Ông để dành riêng cho cuộc thí nghiệm của ông thì có phải thú hơn và đỡ tai hại hơn không?

### **Thứ sáu**

... Chớ tờ báo, lúc này, tôi tưởng không phải dùng để xúi bẩy người ta làm những việc "anh hùng" đó. Tôi không rõ ông T.V. có thù hắ ́n

gì với đàn bà và đàn bà nước ta đã có một người cho ông một "cú" nào chưa, nhưng sự thực đọc hết hai cột bài của ông, tôi thấy một sự khinh khi phụ nữ vô cùng vậy.

Ông viết: "Cô M. ở Sơn Tây đã xứng với cái tên "mẹ quốc dân" vậy. Người ta chưa hoang với đầy tớ mà đi khen ngợi, dù là khen ngợi bông đùa cái ấy đã là du lả m lả m rồi, người ta chưa hoang với đầy tớ mà lại đi nâng làm "mẹ quốc dân", – dù là nâng đùa, – thì thiệt tưởng quốc dân ta cũng khổ thật, mà bà "mẹ quốc dân" thực của ta chắc cũng không vui lòng gì.

Ở Đức, mỗi bà mẹ đẻ trên mười đứa con thì được chánh phủ cấp cho một cái mê đầy kẻ chữ "Người mẹ Đức". Cô M. nếu quả là một giúp ích cho nước thì cũng được nâng làm "Người mẹ An-nam" là cùng, chứ sao là "mẹ quốc dân" mà lại viết ở giữa hai cái ngoặc "..."? Tôi xin chịu không hiểu cái thâm ý của nhà văn trào phúng. Họ chỉ có ông ấy và một người nữa thôi!

### **Thứ bảy**

Cái nghề chữ mới biếm thêm thực! Ông T.V. dùng chữ "mẹ quốc dân" chắc để xỏ một người nào đây.

Nhưng đến cái ông ở tờ báo hàng ngày kia, khi dịch Arip mà viết thế này: "*Một toán binh lực (?) Ý*" (.....)

thì chẳng hiểu ông định xỏ ai. Xỏ chữ nho? Xỏ... mũi độc giả? Hay xỏ hãng thông tin Arip?

### **TIÊU LIÊU**

*Trung Bắc chủ nhật*, Hà Nội, số 40 (8.12.1940)

### **Thứ hai**

Mấy hôm nay, về việc cô Trần Thị Cẩm ở Hưng Yên, người ta bàn tán nhiều điề u quá.

Cứ kể thực ra thì chẳng có gì là lạ cả: cô Cẩm nọ lấy một cậu trai tên là Trần Văn Cẩn, hiện đang làm việc ở Hải Phòng. Tưởng là đôi lứa ở với nhau "phụ xướng phụ tùy" đến tận lúc bạc đầu, không ngờ cô Cẩm, đêm hôm tân hôn cứ năm vuốt bụng thờ dài nhớ đến người tình cũ của cô, và cô khóc, và cô lấy một cái khăn có thêu tên người tình cũ ra đưa cho chồng mới để "khiêu khích" người đàn ông ấy, – theo như lời các báo đã đăng. Ấy chỉ vèn vèn có thể thôi, một câu chuyện gia đình mà người ta nói độ ba dòng kể cũng đủ quá rồi, không ngờ có một vài tờ báo hàng ngày lại tưởng thế là quan trọng lắm, nêu lên những cái tít lớn và... đăng ảnh cô Cẩm nữa, làm như một người góm lắm.

### **Thứ ba**

Như thế, thử hỏi để làm gì? Nếu kể về danh tiếng, tôi tưởng có Cẩm cũng chưa có danh tiếng bằng bà vợ ông chủ bút báo kia. Mà đăng như thế bởi vì là tin cần biết? Thì, ví như tin ấy có thực hẳn thế đi nữa, cái bực phụ huynh cũng không muốn cho con gái biết làm gì, – ví dụ ngay ông chủ bút nọ có con gái lớn.

Tôi nghe thầy nói ít lâu nay, [...] các báo chí ở đây quay về đạo đức dân dân. Vì thế, tôi không chịu tin rằng ông chủ bút báo kia lại có hại quốc dân, đăng tin ấy để cho phụ nữ ít tuổi trông đó làm cái gương đi trên đường đời được. Chẳng lẽ ông lại quên rằng mình đã lớn tiếng công kích tiểu thuyết của Tự Lực văn đoàn là lãng mạn, là đầu độc? Ông, chẳng lẽ lại quên rằng ông làm báo là để cho đời đọc, chứ không phải để quảng cáo riêng một cô gái và để cho các bạn trai biết đến cô gái ấy? Như thế đã hết đâu. Tờ báo nọ lại còn phỏng vấn xem tại sao cô bỏ chồng... – tôi không nói đến cái giọng văn ca tụng hay không ca tụng làm gì (và ở bài ấy, đăng rất rành

rot, rất lớn, sênh sênh ở trang nhất, ta đã nghe thấy cô Cẩn nói ý để cho chồng hiểu rằng cô có D (ở mùi xoa) chứ ông Cẩn bảo đó là C thì không phải. Người ta có phải cứ thấy C là có thể bảo nhầm là D đâu!

Những cái đó có lẽ lớn thật, lớn với báo kia, với cô Cẩn thực, nhưng lớn gì với bà và với tôi?

### **Thứ tư**

Thực, đến giờ người ta vẫn không thể hiểu tờ báo kia đăng bài phỏng vấn bực "anh thư" và ông "anh hùng" kia để làm gì mà to thế, và không biết lúc bà vợ ông chủ bút ấy đẻ con thì còn làm to đến thế nào... Nhưng trước việc "phóng đại tin" này, việc "bịp bợm văn chương" này, ta nghiệm thấy một điều này – chẳng biết đó là điều vui hay điều buồn? – là trong làng báo ít lâu nay thường nảy ra nhiều ông đi bắt chước người quá, hề người ta vừa đẻ... hở ra cái gì ra một chút thì bắt chước liền và bắt chước không ngưng nghỉ. Rồi từ đây người ta đánh đổ nghề mình: thấy người đi phóng sự Hải Phòng, mình cũng làm Hải Phòng phóng sự; thấy người ta phỏng vấn anh Mực, mình cũng đi phỏng vấn mụ hàng me cùng bán hàng với anh Mực; và thấy người ta phỏng vấn cũng thúc người làm đi phỏng vấn.

Vẫn biết phỏng vấn là một cách viết không phải quyền sở hữu của riêng một người nào cả. Nhưng thực ra, ta phải nhận rằng chính vì cái óc đi bắt chước nên mới có chuyện khi bắt chước người, mất một mảng các mặt bú rừ đi... mà tờ báo kia mới có chuyện cũng đi phỏng vấn, – mà phỏng vấn một chuyện cực quan trọng là hỏi vợ chồng người ta đêm tân hôn cãi nhau đến thế nào mà đến nỗi phải đem ra tòa xin ly dị rồi về đăng báo ở dưới một cái đề thật lớn "*Một hoa khôi ở Hưng thành bị chồng kiện xin ly dị sau cuộc kết hôn 18 ngày*".

## Thứ năm

Nói đến những cái đề` lớn, tôi lại nhớ đề`n một cái tin mới đây tôi được đọc ở trong một tờ báo khác: "Một cái quái thai mắt người, mõm lợn, mũi và tai là máy cái lỗ nhỏ, mắt là hai miế`ng thịt đỏ trông không rõ hình".

Làm cho tôi lại nhớ tới một chuyện ở trong Nam: một người đàn bà Sài Gòn cũng đề`ra một quái thai mũi diề`u râu, mắt mọc ở cắ`m và tai ở bụng. Bạn đồ`ng nghiệp có đề`n hỏi người thiế`u phụ nọ thì người thiế`u phụ áy trả lời rắ`ng: "Lúc có mang, tôi thắ`y một cái tổ diề`u có máy con diề`u râu con chế`t, tôi về` sợ quá, đêm nắ`m mê thắ`y, và chắ`c là sự nhìn đó ảnh hưởng vào bào thai..."

Nhìn một cảnh tượng gớm ghiế`c như thế` đã có hại thế`, không biế`t nghe hay đọc một tin gớm ghiế`c như tin trên kia thì có hại hay không?

Ông chủ báo, rắ`t nhân đạo, có lẽ không muố`n biế`t... nhưng ta thì ta nên biế`t rắ`ng: Một câu chuyện hãi hùng như thế` không nên nhắ`c lại làm gì cả, kéo không có nhà báo kia nghe thắ`y lại cho đề`n phỏng vắ`n liề`n cái quái thai kia thì nguy cho độc giả chúng ta lắ`m lắ`m. Mà rô`i biế`t đâu chẳng có người sẽ bắ`t chước vị áy mà làm lan cái nguy cơ mái áy ra đời? Bởi vì ai còn lạ gì đời này nữa: hể`cứ có gì lạ một chút thì có người xông ra bắ`t chước ngay mà bắ`t chước không câ`n suy xét.

## Thứ sáu

Nói đề`n chuyện suy xét là nói chuyện chơi cho vui đó mà thôi. Chứ sự thực suy xét để` làm gì? Người ta làm cỗ sẵn cho mình xoi, mình bắ`m riế`t, cứ ăn sẵn, có diề`u tiện lắ`m.

Vậy chúng tôi rất khen những ông nào thấy cái "phoóc-muyn"<sup>20</sup> *Trung Bắc chủ nhật* được nhiều độc giả hoan nghênh, cứ ngỡ ì đây mà làm theo... Nghĩ làm gì cho hại óc! Và có óc đâu mà nghĩ.

Tôi chủ trương rằng muốn sống, người ta không nên nghĩ làm gì. Mà làm vẫn cũng vậy. Mà cả về thơ cũng thế. Nghĩ lắm càng vô bổ. Cho nên tôi xin chịu cái ý kiến của ông Thao Thao<sup>21</sup> nó đại khái thế này: Làm thơ Đường, thơ mới dài quá, mình phải nghĩ nhiều. Ấu là ta "cô" cái óc lại như "cô" thuốc phiện và mỗi bài thơ chỉ nghĩ một câu cũng đủ. Đại khái muốn tả mùa rét ở hồ Hoàn Kiếm, ông có câu thơ này:

*Đông xám xịt bên hồ cắt trăng khô!*

Thế là đủ. Cần gì phải nghĩ nhiều... Thơ ấy, ông Thao Thao đặt tên là thơ một câu mà... tám chân. Tám chân, theo ý tôi cứ kể cũng còn nhiều quá, còn phải nghĩ. Vô n xưa nay vẫn quý ông Thao Thao, tôi có ý lạm bàn: ông nên bỏ hết cả chân đi mà chỉ cho thơ đứng trên một chân như con cò hay con vịt khi ngủ cũng đủ, không nên rềnh ràng làm chi. Nhưng xin nói ngay rằng ý kiến đó không phải là ý kiến của tôi đâu, nhưng là ý kiến của Đạt-ta-nhan trong truyện *Ba người ngư lâm pháo thủ!*

Đạt-ta-nhan bảo A-la-mỹ: Thơ "một câu" của Voiture khi trước bây giờ lỡ thời rồi, anh nên làm thơ một chữ thôi, như tả cảnh mùa nực thì chỉ hạ "Nực", buồn cảm về một chuyện gì thì ngâm "Sầu!" là đủ...

A-la-mỹ làm theo và từ đó làm thơ một chữ và chế t đối vì thơ. Được người tình là bà Sơ-vơ-rơ thương tình giúp đỡ, A-la-mỹ dần dần sống một cuộc đời vương giả; một hôm A-la-mỹ gặp Đạt-ta-nhan, Đạt-ta-nhan bảo A-la-mỹ rằng:

– Đấ y anh xem, tôi nói có đúng không? Thơ câ n gì phải có nhiề u chữ mới nuôi nổi người! Không phải nói đùa, anh thực là bực thi bá "nhấ t tự thiên kim" đấ y!

A-la-mỹ nhấ t tự thiên kim, ông Thao Thao thiên kim mà nhân lên bát tự, phen này gọi là cứ thành triệu phú đấ n nơi.

## TIÊU LIÊU

*Trung Bắ c chủ nhật, Hà Nội, số 41 (15.12.1940)*

### Thứ hai

Cái ông thầ y bói sáng â y thề mà nhiều sự! Đọc một kỳ "*Không đố thì đây*" ở báo này có nói một chút đấ n ông, ông K.S. lấ y làm giận lắ m. Ông xem số mệnh cho ông tức thì, và thầ y "sao" Đà la Diề u khách chiề u sang cung mệnh, mà lại có Cô thầ n, Quả tú ở Thiên di, ông K.S. của chúng ta tức thì viề t cho tôi một lá thư đại khái như thề này:

"Ông vô lý lắ m. Hiện giờ tôi đi bịp anh em chị em Nam Kỳ chứ có bịp nổi người Bắ c Kỳ nữa đâu mà ông công kích? Xin bớt bớt cái miệng đi. Bởi vì dân Nam Kỳ hiện tin tôi lắ m, ông có nói bao nhiêu nữa cũng vô bổ; chúng có là có nhiề u báo ở đây vẫn cứ quảng cáo cho tôi và có khi lại lấ y tiề n của tôi để giới thiệu đờ ng bào quố c dân đấ n nhà tôi để cho tôi bịp nữa"...

### Thứ ba

... Làm cho tôi sinh một mớ i buồ n cảm vô cùng cho các báo Nam Kỳ hiện đờ ng đắ ng quảng cáo cho ông thầ y bói sáng của chúng ta.

– Chỉ vì tiề n! – Các ông tâ t nói thề với tôi. Tôi cũng đã biề t thề, nhưng không khỏi chán ngán cho cái nghề đắ n đạo quố c dân

của chúng ta mà lắm khi phải đành lòng trưng lên một công trình bịp bợm của một tên bợm bịp có môn bài ở nhà pha.

– Tuy vậy, nhưng chúng tôi không có tội. Nghề báo chỉ là một lối buôn thôi. Ai thuê thì làm.

Lời nói nghe hữu lý. Nhưng tôi không khỏi buồn rầu mà cứ phải kể một chuyện ở dưới triều vua Lộ-y-thập-tứ.<sup>22</sup>

### **Thứ tư**

... Vua Lộ-y-thập-tứ vốn là một người hay nghỉ ngơi, một hôm đi bách bộ chơi ở trong điện Louvre ở Versailles. Đến "gian phòng Đồ ng hồ" ngài gặp một người đạo mạo đương trèo thang lên tháo một cái đồ ng hồ quý vào bọc nhắt. Nhà vua thấy thế, sợ y trượt thang chẳng, ung dung tiến lại gần và nói:

– Khanh cứ lên. Để trẫm giữ chân thang cho cẩn thận.

Người lạ mắt kia nhìn nhà vua một lát rồi ung dung tháo đồ ng hồ đem về nhà. Y nói là để chữa vì đồ ng hồ ấy hỏng.

Mấy hôm sau đình thần vào tâu rằng ở trong "gian Đồ ng hồ" ở điện Louvres quân gian vào lấy mất một cái đồ ng hồ quý. Vua tới xem thì là cái đồ ng hồ hôm nọ.

Văn võ trong triều bèn xin nhà vua cho lệnh truy tầm tên kẻ trộm táo gan kia trị tội. Đức Vua bảo họ:

– Trị tội hắn làm gì? Thôi các khanh ạ, hắn là thủ phạm vụ trộm đó, nhưng trẫm, trẫm cũng là... tòng phạm.

### **Thứ năm**



Nói thế mà chơi chứ thực tình tôi không muốn làm phật lòng máy bạn đồng nghiệp ở đây.

Máy bạn đồng nghiệp tôi ở đây, vả lại, cũng chẳng cần gì chuyện ấy bởi vì đó là chuyện cơm bữa rồi. Người ta lắm khi đã bịt mũi ăn... tiền, đăng biết bao nhiêu quảng cáo cho những quân đi lừa, mà lừa thế nào? Họ lấy sinh mệnh của đồng bào ra mà lừa, cái việc ấy mới thực lớn, không tài nào tưởng được.

Đã hết cái thời kỳ đăng quảng cáo cho vua thuóc lậu, vua thuóc giang mai, đã hết thời kỳ cổ động cho những thứ thuóc giết người của các vị lang băm rồi, bởi vì các ông lang ấy đã hết tiền. Bây giờ lại đến thời kỳ làm quảng cáo cho những người nhiều tiền hơn, bịp bợm "quốc tế" hơn, những ông thầy thuóc "cho" một nhát thuóc thì ăn liền vài trăm bạc.

Sáng qua, hơn một chục anh em học sinh trường thuóc có đến chơi tôi nói chuyện về việc vài tờ báo hàng ngày đăng quảng cáo cho một ông thầy thuóc phù thủy mới đến kiếm ăn ở Hà thành. Vì một lẽ riêng, các anh em tỏ lòng công phẫn một cách đặc biệt đối với một tờ báo hàng ngày trong số đó.

Viết báo cho quốc dân xem, quốc dân ốm chưa đủ hay sao mà nở lòng nào lại còn mượn tay một người khác đến lừa dối và giết hại quốc dân ta nữa?

### **Thứ sáu**

Bà Yvonne Sarcey chủ nhiệm báo *Les Annales* ở Pháp viết về những tai nạn chông chát lên nước Pháp có viết một câu đại khái thế này:

"Không hiểu trời thù gì dân ta mà cứ đem hết tai trời này lại đến ách đất tỵ nạn cho đất nước này như vậy? Thật là buồn. Nhưng

ta phải chịu đựng, chứ biết làm sao? Ta phải cười... Cười rất buồn rầu, ở trước những tai nạn ấy và những người đã hy sinh tính mệnh cho đất nước".

Thiệt tưởng chúng ta cũng nên bắt chước thế mà hỏi rằng: "Không biết một số báo chí ở đây thù gì quốc dân ta mà cứ bịp bợm mãi quốc dân ta như thế? Ta nên buồn rầu... Buồn rầu và buồn cười ở trước những thủ đoạn ấy và những người đã đem những món bịp non kia lừa quốc dân".

### **Thứ bảy**

Nhưng nói đến bịp non, cốt nhiên là tôi không nói đến ông bà u gánh kịch nghệ thuật kia mà các báo đăng rầm rầm quảng cáo.

Ông bà u kịch này không phải là một người không đứng đắn đâu. Không, trước kia ông đã viết *Tiểu thuyết thứ năm*<sup>23</sup> đậy và chỉ ột việc ấy cũng đã đủ bảo đảm tính hạnh cho ông rồi. Ông hy sinh cho "nghệ thuật văn chương" chưa đủ, ông lại muốn hy sinh thân thế cả cho kịch hát nữa! Ông quảng cáo cho gánh kịch của ông như sau này:

*"Cần nhiều tài tử và nhât là nhiều gái trẻ tuổi. Ai muốn xin cứ đến nhà tôi".*

Tục truyền rằng hôm ma báo *Tiểu thuyết thứ năm*, – một tờ báo son trẻ phụng sự văn chương và ái tình son trẻ, – ông bà u kịch này đã viết một cái tiểu thuyết tên là tiểu thuyết Ngoại tình.<sup>24</sup>

Không hiểu vì có bao nhiêu độc giả đọc, *Tiểu thuyết thứ năm* đóng cửa. Bây giờ, gánh kịch "Nghệ thuật" kia ra đời, không biết có phải ông có ý định gì tiếp tục làm nốt công việc của *Tiểu thuyết thứ năm* bỏ dở hay không mà cần tuyển nhiều gái thế?

Ngày xưa, những cô gái thỉnh thoảng dùng làm mẫu chụp ảnh cho *Tiểu thuyết thứ năm* và dùng để biểu dương cái đẹp của trời; bây giờ gán "kịch nghệ thuật" dùng gái để đóng kịch và để làm gì nữa?

Tôi cho là ông bà của chúng ta ngoài cái ý định dùng các cô làm "tài tử", lại còn một cái ý định khác nữa, ý định lấy các cô... làm "tài liệu" cho một cuốn truyện "*Tục ngoại tình*" hay "*Ngoại tình tome II*" chứ gì?...

## TIÊU LIÊU

*Trung Bắc chủ nhật*, Hà Nội, số 42 (22.12.1940)

### Thứ hai

Cái dân Hà Nội lắm lúc nghĩ cũng đau khổ thực. Mang tiếng là ở một chỗ "nghìn năm văn vật", muốn ăn, muốn mặc, muốn chơi gì cũng được, có ai ngờ đâu chỉ có một cái phim chiếu bóng khôi hài chớp ngay ở dưới mũi mình mà cũng chẳng được xem, tuy người nào cũng có vài ba hào trong túi. Có người tá t hỏi:

– Phim gì? Phim gì mà bí mật thế? Có tiền mà cũng không được ư?

– Thôi chỉ lại là một cái phim vào loại "*La vallée du Nu*" hay "*Au de la du Rhin*" chứ gì?

Thưa các ngài, không ạ! Không phải loại phim ấy mà chính thực ra người có tiền cũng chẳng được xem. Vâng, chẳng được xem bởi vì ông Đ.T.H. người thay mặt khả ái của một hãng sản phim trong Nam Kỳ không cho phép ta được vào. Chỉ trừ có ít nhieu vị thương gia và ít nhieu người có danh vọng, "những người mà ông Đ.T.H. cần dùng để n" là được vào mà thôi.

### Thứ ba

Các ngài tất phải lấy làm ngạc nhiên mà hỏi:

– Ủa, thế cái ông Đ.T.H. này định làm cái "cú" gì như vậy?

Cái ấy, ông Đ.T.H. biết rõ hơn chúng ta nhiều, để ông ấy nói rõ ở dưới này. Chúng tôi chỉ xin nói rằng hôm 15.12.1940 vừa rồi, người ta đã chiếu ở hội Khai Trí một phim chớp bóng "nội hoá" buồn cười vỡ bụng. Vai chính cuốn phim đó, xin gọi là Laurel Anna-mít.

Laurel Anna-mít người thấp, gầy như chữ l viết ngả, mắt không được sáng cho lắm, mõm vều, lông mày rậm tranh nhau... trưởng nam. Đi đứng nghiêm trang lắm. Cứ kể cũng buồn cười và lạ: lạ vì ông ăn mặc như một người bohémien ở trong phim *Le Danuble bieu*: áo tây trắng nhưng đen, quần tây trắng nhưng đen, "nơ" trắng nhưng đen, giày tây trắng nhưng đen. Có vẻ một con quạ đen nếu không có một cái sơ-mi trắng. Laurel Anna-mít có vẻ một con quạ khoang cổ thì đúng hơn và lại đi lù rù: con quạ ấy chắc vừa bị mưa hay ngã xuống một cái ao nào thì phải.

Ngồi chưa ấm chỗ, con quạ khoang cổ ấy nói (quạ nói được hẳn là con quạ thân!) nói om lên như ba người!

Mà nói cái gì? Chẳng một hai hiểu cả.

### **Thứ tư**

Trời không bao giờ nữ phụ những người chịu khó.

Những người có mặt ở hội Khai Trí hôm đó rồi "dò" mãi cũng hiểu được "con quạ khoang cổ của ta" nói gì.

Thì ra ông quạ nói tiếng tây. Cái lưỡi, tập thể thao ở trong miệng, cứ cong lên, bao nhiêu răng đều đứng "sấp mặng" hết cả trên hai

cái lợi và tòi ra khỏi hai môi, ông đọc tiếng tây ở bài đít-cua viết sẵn như thế này:

– Ê-nýt-uy-ê-a-ri-ô... (*Étude du scénario*).

Và:

– I-dò-ờ-uy... (*Prise de vue*).

Và lại nữa:

– Pô-de-éc-xông sũa ê-căng... (*Projection sur l'écrain*). Mọi người cố nghe, đổ cả mặt, rúc cả đầu.

Mọi người chẳng hiểu gì... Ông quạ khoang đã ngồ i xuống. Ông mỉm cười vì ông tưởng rằng mọi người đã hiểu rõ bài đít-cua mà ông vừa đọc một hồi...

Ông lại nói!

– Buvez du thé, me-sùr et mangez des gâteaux me-sùr.

Rồi ông cầm chén lên uống và cầm bánh lên ăn trước mọi người. Ông uống nhiều và ăn nhiều hơn ai hết!

No nê rồi, ông lại đứng lên, gật đầu máy cái và định đít-cua nữa. Một người bạn bảo sẽ ông:

– Thôi cứ nói thẳng tiếng An-nam đi cho nó dễ hiểu.

Ông đỏ mặt lên và nói tiếng An-nam.

Ông nói rất nhiều, nhưng có lẽ tiếng Pháp nên chớ cớ ông lại xen vào câu nói vài chữ Pháp rất vui tai.

– C'est le même, Me-sùr!

– Uầy xe xà...

Rô`i lại cười một mình rấ t ngộ.

## **Thứ năm**

Phim diễn đê`n đoạn này thì nghỉ một lát. Nhưng tài tử chính, Laurel An-na-mít, hiệu là Quạ Khoang lại không muố`n nghỉ cho người ta nhờ.

Quạ bắ t đầ`u nói vào đoạn chính:

– Hã`ng phim của chúng tôi là một hã`ng to câ`n phải có nhiê`u người giúp sức, câ`n phải có các ngài đây mỗi người cho một... "Oong-ú-dờ-anh" (*Un coup de main*) thì mới hoàn thành được...

Rô`i ông ngừng lại chẳm thuố`c lá hút và đưa mắ t điểm một nụ cười về` phía má`y có thiế`u nữ nửa rắ`ng đen nửa rắ`ng trắ`ng, chắ`c là người nhà của ông, đang ngô`i xê`p chẳn bắ`ng tròn lên ghế` mây để đưa bánh cho nhau mà mời nhau ăn lắ`y được:

– Này này ăn đi, ngon lắ`m, bánh tô`t lắ`m...

– Ăn, ăn nhiê`u đi chứ...

Ông Quạ lại nói, nói giữa những người hút thuố`c lá với nhau và điề`m nhiên nói chuyện với nhau chẳng thiế`t để tai nghe ông, mặc ông muố`n kể hươu kể vợn gì thì kể!

Ông cô` sức giảng giải về` hội phim "Sapfi" của ông sắ`p cho ra:

– Muố`n vào hội xin mỗi ngài đố`ng ngay 100 bạc, ngài sẽ được làm hội viên. Muố`n làm tài tử xin đố`ng "tờ-rắ`ng-biệt"! Rấ t dễ, chỉ việc bỏ tiề`n ra. Khi nào thu được ba vạn rưởi thì sẽ thuê hã`ng Asia quay phim. Chắ`c chắ`n là có lắ`i lắ`m ạ...

Các tài tử đóng ba chục bạc thỉnh thoảng sẽ được vay của hội năm đồng (xanh-biệt) để diêm thuốc và đi xe pháo lẳng nhặng. Nếu tài tử có tài làm văn, hội sẽ cho làm văn sĩ, nếu biết buôn bán hội sẽ mở cao lâu ra cho bán cao lâu... nếu biết... thì... nhiều nghề lắm.

Nghe thầy thầy một ông ngò i cạnh tôi bảo tôi:

– Còn đợi gì nữa mà không đóng 30 đồng xin vào chân tài tử để thỉnh thoảng vay hội được những 5 đồng để xe pháo, diêm thuốc...

Nhưng ông khác lại ngó ngán hỏi:

– Sao lại thu có 3 vạn rưởi? Giá thu lên hơn một tí có thú hơn không?

Trong khi ấy ông Qua được thầy nói mãi, ông giơ tay xuống, ông nháy mắt, ông cười, ông nói như cải lương, ông làm dáng như hề và ông ngoắt người đi ngoắt người lại, và ông cười, ông nói cả tiếng ta, cả tiếng Tây, cả tiếng Tàu, v.v. Rồi chốc chốc ông lại điếm vào!

– Nu-u-i-ông (*Nous vous prions*)

Hoặc phân giải:

– Những tiếng ấy sẽ tính vào "e-ê-ê-ô" (*frais généraux*)

Cử tọa cười...

### **Thứ sáu**

Không cười, ông Qua lại tiếp:

– Thưa các ngài, tôi đã trình bày hết mục đích và điều lệ của hội "Sapfi" rồi. Có ngài nào muốn hỏi gì xin cứ hỏi.

Một ông đứng lên hỏi ngay:

– Ngài định thu tiền thật nhiều? Hay lắm! Để quay phim? Lại hay lắm! Nhưng sẽ nhờ ai quay phim?

Ông Qua đáp ngay:

– Tôi sẽ nhờ các nhà "e-éc-ích riêng"... (*Technicien*) của hãng Asia ở Sài Gòn...

– Ô? Hãng quay phim đó... không dùng được... xem như cuốn phim *Trộn với tình* của hãng Asia có được hay lắm đâu.

Ông Qua Khoang lại cười:

– Xin thưa rằng ngài nhầm. Tôi đã được xem cuốn phim ấy rồi, hay lắm...

– Vậy thì chính là ông nhầm mới phải... Vì ông tất không biết rằng hầu hết các báo ở Sài Gòn đều la ó chê bai cuốn phim *Trộn với tình* ấy là kém và dở.

Ông Qua Khoang tái hấn người đi:

– Thật vậy sao... Các báo Sài Gòn chê phim *Trộn với tình* à? Vậy thì tôi chưa được xem cuốn phim ấy... tôi không biết t...

Rồi ông ngơ ngác nhìn tứ phía... Mọi người cười àm ĩ cả lên. Nhưng bỗng nhiên ông Qua kêu thốt thanh lên:

– Thôi các "cụ" về mất rồi...

Các cụ đây là mấy quan huyện được ông Qua mời đến dự tiệc trà nhưng thấy ông ngộ nghĩnh nực cười quá nên "các cụ" lảng lảng về thẳng tự bao giờ... Ông Qua chạy theo ra cửa ngõ hầu mời "các cụ" lại! Nhưng "các cụ" đã đi xa rồi... Ông tức tởm quay vào cụ ông kia:



– Ông hỏi nhiều quá làm cho các cụ về mất rồi...

Ông kia cười và không trả lời! Vì trả lời mà làm gì? Nhưng ông Qua lại đứng dậy ngay:

– Bao giờ xin các ngài bầu ban trị sự...

Một người ngạc nhiên:

– Ít người quá bầu sao được ban trị sự... Mà bầu để làm gì?

Ông Qua giương mắt:

– Ít người tôi sẽ nhận nhiều chân, nhiều việc...

– Phải, phải, xin để ông nhận chức hội trưởng này, chức phó hội trưởng này, chức thủ quỹ này, chức thư ký này, chức kiểm sát này...

### **Thứ bảy**

Thế là ông Qua Khoang tức giận, nhận hết cả các chức! Cho mà xem!

Không ai xem phim ông đóng nữa, kéo nhau ra về hết.

Ông Qua thấy phòng hội họp nhà Khai Trí buồn tênh tẻ ngắt thờ dài và nói một câu rất buồn:

– Các ông nhà báo chỉ có cái tài đi... phá đám. Thôi từ giờ không mời các ông ấy nữa! Tôi cần là cần các ông! Tôi cần là cần các cụ và các thương gia chứ! Thôi, các ông nhà báo, xin mời các ông đi về.

Laurel An-na-mít không mời thì các nhà báo đã về rồi... Ngồi mà chứng kiến đến đoạn chót của cuộc

phim lộ ấy, người ta sợ vỡ bụng thì thực là nguy hiểm!

Ở bên ông Laurel An-na-mít, người ta chỉ còn thấy máy ông bán dầu và kẹo trên xe lửa, đóng vai phụ, lấy lời lẽ cảm động chia buồn với Laurel An-na-mít.

**INTÉRIM<sup>25</sup>**

*Trung Bắc chủ nhật*, Hà Nội, số 43 (29.12.1940)

# Chuyện mười lăm năm cũ

---

*Tặng Nguyễn Doãn Vương để cùng nhớ đến những chuyện xa xôi, chuyện mười lăm năm cũ mà anh và tôi cùng các bạn khác đã sống một giấc mộng tươi tốt, đẹp nhất không giờ còn thấy nữa.*

## TIÊU LIÊU

Hồi ấy, chúng tôi lên mười tuổi. Chúng tôi nhớ lại cái hồi mười tuổi đó, chúng tôi không phải là những đứa học trò chăm chỉ. Sau buổi học sáng về, thảnh thơi lại gần tôi bảo:

– Hay là chiều nay, bọn mình chuồn học đi chơi với nhau thì thích nhỉ. Học tư thì cần gì.

Tôi nhớ không rõ những lời nói ấy đã rơi vào chỗ nào ở tai tôi, nhưng tôi biết là một chỗ ăn thông với trái tim. Tôi thực đại: làm sao tôi lại không biết thế sớm hơn một chút? Một cái gánh nặng đè lên đời tôi nhẹ bỗng hẵn đi. Tôi không biết trước khi đó thì tôi đã bị bệnh gì, nhưng từ lúc ấy thì tôi thấy tôi khỏi hẳn.

Một giờ trưa, chúng tôi cắp cặp đi thực nhanh. Lòng chúng tôi *thé nh thánh*<sup>1</sup>. Đi được mười lăm phút đồng hồ, chúng tôi mới nhớ ra rằng cần phải mua một xu thuốc lá lẻ để hút chung cho đỡ nhien. Rồi chúng tôi tức thì đi đến ngay cái chỗ mà cha mẹ ở nhà ngăn cấm không cho đến: đó là bờ sông. Sự thực, chơi ở bờ sông cũng chẳng nguy hiểm gì. Mùa rét nước sông xuống thấp, không thể nào chèo đò được, mà mùa nực nước sông lên, thuyền bè san

sát, nếu ví dụ mình có chết đuối thì ai là người đỡ giương mắt ra mà nhìn.

Chúng tôi tuy bé mà đã nghĩ những chuyện lớn lao. Chúng tôi không thèm bỏ guốc ra để vén quần lên cho nước đến mắt cá mà thôi đâu; chúng tôi có ý nghĩ là phải làm như những người can đảm, nghĩa là cởi hết cả quần áo ra để tắm. Nước ra quá ngoài chỉ cao độ đến đầu gối mà thôi, nhưng vì chúng tôi không sợ ướt, chúng tôi hụp xuống, vì thế, cả người chúng tôi đều có nước. Ngay lúc ấy, chúng tôi lại mong cả rằng ước gì nước lụt. Còn có cái gì làm cho chúng tôi nghi ngờ được sức của chúng tôi nữa: chúng tôi cảm chắc rằng nếu có nước lụt, chúng tôi đều phải biết bơi như cá!

Chúng tôi chơi như thế đã mấy tiếng đồng hồ? Không biết. Mặt trời gần và nóng. Chúng tôi thấy hơi mệt, toan nghỉ ngơi một lát thì bỗng thấy ở trên đê có tiếng người đi xuống. Thằng Tâm kêu:

– Chúng nó đến đây! Thoạt tiên, tôi không hiểu thằng Tâm nói "chúng nó" là nói những đứa nào, nhưng chỉ một lát sau tôi biết ngay rằng đó là một bọn giặc mọi rợ, có tư thù với bọn tôi, chúng cất đại đội binh mã để đến khiêu chiến vậy. Chúng tôi xông ngay lại. Chúng tôi thấy bọn giặc mọi rợ đó là những thằng bé lên bảy lên tám ở trong làng có những cái bụng đồ sộ, đi với một con mụ độ hai mươi năm, hăm sáu, tay cắp một cái thúng, dáng chừng là thúng ngô. Chúng tôi không muốn tự nhận với nhau rằng đó chỉ là con mẹ bán bánh tôm ở trường. Thằng Tâm thét:

– Nó là một con nữ hải tặc nguy hiểm lắm!

À! Nó nguy hiểm thì chúng tôi phải diệt nó trước, – diệt nó trước lũ ranh con! Chúng tôi bèn vây luôn con mẹ ấy lại, chúng tôi nhảy, chúng tôi hò hét, chúng tôi làm những vẻ mặt dữ tợn và tưởng tượng

mình là những tiểu tướng như Địch Hồ, Địch Luông vẫn thấy ở trong truyện *Chinh Nam* vậy.

Đã đành là con mẹ bán bánh tôm ở trường biết mặt cả bọn chúng tôi. Nhưng, hôm ấy, chúng tôi chắc là nó không biết bởi vì nó không có thói quen nhìn thấy chúng tôi trằn truông. Nó đứng thì hai tay vào mạng mỡ, chửi rõ to một tràng rât vắn về rồi nó kết luận rằng:

– Đồ con nhà mất dạy! Bà đào cha bới ông chúng mày cả lên bây giờ, bà làm gì chúng mày mà chúng mày lại vây bà lại để ăn gì, bà thì đi trình cảm cho chúng mày tù một gông cả lũ. Con mẹ đẻ tai ác! Đáng chửi cho thế là chưa đủ, nó lại "tái bút" một câu nữa:

– Cha mẹ chúng mày ở đâu, rồi bà tìm cho đẻ ngõ, hỏi rõ tới tên bà chửi cho, có con có cái thì đem về mà dạy nhé!

Than ôi! mười tuổi đã u! Chúng tôi đã làm gì cho cha mẹ chúng tôi mà để cho người ta rúc móc tàn tệ thế? Bây giờ, lớn khôn rồi mà cha mẹ thì già, còn nghề của tôi không đủ để phụng dưỡng các cụ lúc mặt trời xế bóng, tôi ngờ i viết lại câu chuyện mười năm cũ mà không khỏi buồn lòng. Lạy các cụ! Chúng tôi là trẻ con, chúng tôi đại dốt biết bao nhiêu, chẳng thế lúc ấy chúng tôi bị con mẹ bán bánh tôm nó chửi, chúng tôi đã chẳng buồn một ly nào; trái lại, chúng tôi lại còn lấy làm đắc chí mà cười lên ha hả. Thằng Tâm kêu:

– À! Nó chửi càn là nó sợ bọn ta!

Trần tròng trọc chán rồi, chúng tôi lại lấy quần áo mặc vào. Trời nắng lắm, trời đẹp lắm. Ôi! buổi chiều hè sung sướng biết bao.

Chúng tôi không thể bỏ phí được. Chúng tôi không trèo lên đường đê có nhiều người đi đâu, chúng tôi đi vào trong những bãi dâu và

bãi mía. Đi không đủ, chúng tôi phải chạy. Chúng tôi chạy tự do. Chúng tôi lầy làm sung sướng vì có hai chân và hai tay mà lại dùng chân tay ấy để nô đùa được. Chúng tôi thấy biết bao nhiêu cái lạ. Cây lúa xanh, bóng hoa dâm bụt đỏ, nước sông vàng. Trên đất chúng tôi là trời, trời bát ngát, trời mênh mông. Mặt đất chúng tôi nếm là mẹ sinh ra muôn vật mà trong ngực chúng tôi là những con vật nhỏ trong muôn vật, ấy thì quả tim đập mạnh, đập không bao giờ ngừng cả.

Lúc ấy đã xảy ra việc gì? Đáng lẽ gặp một buổi chiều tự do mà chúng tôi làm chủ được thân mình như thế thì chúng tôi vui lắm thì mới phải! Đáng lẽ chúng tôi phải lầy làm sung sướng vì thấy mình được sống ở trong cõi đời này mới phải!

Thực ra, chúng tôi cũng chẳng lo sợ gì đâu. Chúng tôi cũng không phải vì sợ cái tội lỗi nó chờ mình mà tâm tình thay đổi đâu. Chúng tôi đã chạy nhảy nô đùa trong mây tiếng đồng hồ như giởng vật, bây giờ chúng tôi cũng phải nghỉ ngơi một chút cũng như giởng vật. Ấy chính lúc ấy, chúng tôi phát minh ra một điều lạ lắm. Chúng tôi không được vui vẻ như người ta tưởng tượng: cái nước chảy ở trong huyết quản của chúng tôi đã đem lại quả tim một cái gì mà úng đặc. Mỗi đứa chúng tôi đã sống như một con vật. Bây giờ chúng tôi nhận thấy con vật ấy buồn lắm lắm.

Chao ôi! Chúng tôi chơi đùa như thế tưởng đã quá lâu rồi. Bây giờ chắc phải đến năm sáu giờ là ít. Không ngờ! Thực không ngờ! Chúng tôi còn phải đợi một tiếng đồng hồ nữa thì mới có thể về nhà như những đứa trẻ đi học buổi chiều hôm ấy. Một sự chán nản đến xâm chiếm chúng tôi. Chúng tôi tưởng như đã hưởng mất hết cả cái sung sướng, cái vui vẻ ở trong người vậy. Cái tư tưởng dung dị vẫn làm bận đời ta lại đến với chúng tôi. Thằng Tâm bèn hỏi:

– Hôm nay tụi mình có những bài học gì nhi? Hôm ấy, chúng tôi có một bài ám tả, một bài tập viết và một bài đọc là bài địa dư. Chúng tôi chưa nói tới bài địa dư thì tôi đã thấy muốn đọc cái bài ấy lâu lâu cho thảnh Tằm nghe. Đã đọc một bài ấy thì lại muốn đọc các bài khác. Chúng tôi bỏ địa dư sang sử ký. Tôi còn nhớ rằng chính hôm ấy tôi đã đọc truyện khẩu được của thảnh Tằm rằng Đinh Tiên Hoàng lên làm vua, ngài lập Thập nhị sứ quân trong nước. Cái niên hiệu của ngài đến tận bây giờ tôi vẫn chưa quên.

Một cảm giác tương tự thế xui chúng tôi bỏ chỗ chúng tôi đang ngồi:

– Chúng mày! Hay là chúng ta "làm một tua" về trường đi. Chúng tôi về trường.

Chúng tôi về trường nhưng chúng tôi không dám vào. Song cũng may, ở đằng sau trường chúng tôi học có một cái bãi bỏ không, người ta vẫn để xe bò ở đấy. Bây giờ mùa nực, cửa sổ lớp học mở rộng. Chúng tôi trèo lên một chiếc xe bò để ở dưới chân tường, kiễng chân lên một tý thì nghe rõ hết cả người ta nói gì trong lớp học.

Chúng tôi đứng nghe trộm như thế có khác gì những thảnh hủi mà người ta cấm không cho bước vào những chợ ở vùng quê. Chúng tôi thấy như thế, nhưng chúng tôi không bỏ sót một tiếng nào ở trong cái chỗ mà chúng tôi tuy không có thể xác mà có linh hồn ở đấy. Chúng tôi nhận thấy những tiếng nói rất quen, những tiếng của thầy và của bạn thân yêu hàng ngày mà bất hạnh hôm nay, một sự thảm khốc, nói cho đúng là vì một sự liêu lĩnh đã chia rẽ ra đôi ngả.

Chúng tôi thì thào với nhau:

Này! Có nghe thầy không? Thảnh Dẫn bị "truy" đang đọc bài sử ký. Ước gì chúng tôi được thay nó mà đọc nhi! Không cái gì chúng

tôi bỏ qua. Thầy giáo bắt đầu bài mới: Vua Ngô Triều.

Vua Ngô Triều là một ông vua lười biếng, khi thiét triều thì cứ nằm ở trên giường...

Nếu mà chúng tôi hôm ấy đi học, được ngồi cả ở trong lớp thì chúng tôi không đến nỗi mù tịt về ông vua ấy mãi.

Năm giờ, lúc mà các bạn học của chúng tôi về, chúng tôi lần vào một bụi vắng và trông thấy họ dắt tay nhau đi vui vẻ như đi xem hội.

Chao ôi! họ vừa trải qua một ngày tốt đẹp biết chừng nào! Trông thấy nét mặt của chúng, ngay cả đến những thằng ngu dốt ở trong lớp, chúng tôi cũng thấy sáng ngời ánh sáng của cái sự học. Biết đâu đây, buổi chiều hôm nay họ lại chẳng học được nhiều điếu hữu ích mà không bao giờ chúng tôi được biết. Thôi, họ đi trước chúng tôi mất rồi, chúng tôi không bao giờ đuổi kịp được nữa.

**TIÊU LIÊU**

*Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, số 17 (23.6.1940)*



# Láng ban đêm

*Phóng sự*

Bắt đầu từ bảy giờ tối, con đường ấy đã vắng người đi lại. Từ đầu ô cho đến dốc đi về Cót, thỉnh thoảng lắm mới thấy một vài cái xe bò cọc cạch đi về, vài bác thợ giặt gánh những gánh quần áo vải vàng và những người đàn bà đi chợ muộn rũ nhau họp thành bọn để cùng đi cho đỡ sợ. Bởi vì ở đây những người đi tối về khuya vẫn gồm bọn cướp của giết người, bọn *yêu, tà* lang vắng ở núi Bò và ở chỗ bán tre. Những người làm ăn lương thiện đó căm cúi mà đi, nói chuyện thực to và đôi khi những cô con gái *xúc cảnh sinh tình*<sup>1</sup> thì lại đồng thanh hát những câu đồng dao để phá cái cảnh tĩnh mịch có phần rùng rợn. Chùa Thái Bình âm u hình như lúc nào cũng có những oan hồn đứng nói thàm với nhau ở sau những rặng chuôi bụi găng; những cái xe bò chứa những cây tre dài dằng dặc, nằm một cách bí mật ở trên bờ ruộng; những cái bóng tối ở trên những cánh đồng bao la không biết đến đâu là hết... Bao nhiêu điều làm cho người ta dễ hãi hùng! Huống chi ở đó – Bãi Sậy – xưa nay lại vẫn có tiếng là nhộn lắm, quân gian vẫn rình mò để "làm ăn", tuy mấy năm nay cũng đã đỡ hỗn đi được một chút thực, nhưng những cảnh cướp giết đôi ba khi vẫn còn thấy, – mà hình như hầu hết đều là do bọn "anh chị" ở đầu ô Cầu Giấy gây ra vậy.

Bọn "anh chị" này, thường *xoi* nhau vì tiền nhưng *xoi* nhau vì tình nhiều hơn. Họ tranh cướp nhau một ả gái quê mà cầm cả dao bầu ra để dọa mổ bụng kẻ tình địch của mình; ở trước cái rạp hát chèo ở đầu làng Kim Mã không tối nào là không có những gã tranh nhau "lon" đào mà chẳng sinh những chuyện đổ máu và bị bắt...

Đứng đầu bọn này là một tên Khách lai lấy một mụ vợ độc long chuyên làm nghề dấn gái. Gái cũng chẳng lấy gì làm thú lắm nhưng mà dấn tiền cũng không kém gái thị thành; nhất là ở một cái nhà chứa ở rạp hát chèo trông sang, thì giá lại càng cao lắm, gái và buồng có khi tính đến vài đồng bạc. Nhà Tư Chín và nhà tên Khách lai thường hiềm khích nhau vì tranh khách của nhau nên những chuyện đôi co nhau, chửi bới nhau thường thấy xảy ra ở con đường lên núi Bò. Chắc các độc giả nhiều ngài còn nhớ cách đây không bao lâu, các báo hàng ngày thường phải đăng lời phàn nàn nhà chuyên trách trừng trị bọn anh chị đó. Không được bao nhiêu lâu đâu! Chỉ yên ổn được một dạo, ô Cậu Giày lại loạn lên những chuyện hiềm khích giết nhau vì dấn gái. Ngay như ở chỗ Tám Mái là xóm cô đầu cũ cũng không tội nào là yên ổn.

Có nhà ba chị em cùng đi khách mà vì ghen tuông ra lẳng mạ nhau ở giữa đường; có nhà vì tức có người cản trở, một mặt thì cho người ra đánh nhau một mặt thì cho đưa ở dấn tội khách đi vào nhà trong ngõ ông Năm Diệm.

Nói đến ngoại ô, tôi tưởng ô Cậu Giày là một cái ô cờ bạc, dĩ bộm và hỗn nhất trong bốn cửa ô ở Bắc Kỳ.

Những quân trộm cướp không ngại thi hành thủ đoạn ở ngay dưới mũi những ông lính khố xanh. Cách đây không lâu, độc giả tất hãy còn nhớ có một bọn ba người đàn bà nhà quê buổi sáng sáu giờ đem tiền lên chợ Bưởi mua lợn mà bị quân gian cướp hết. Giật mũ, cướp ví, cướp ô... những chuyện tạp nhạp ấy xảy ra rất liên liên, nhiều khi có những cặp trai gái dấn nhau đi tới trước mặt bọn anh chị kia, chúng chế giễu chửi xỏ, nếu cặp trai gái mà nói lời thôi gì với chúng thì chúng xô ra đánh liên. Thành thử những người làm ăn chân chỉ rất sợ cái tổ của quân gian đó. Duy có những bọn trai gái ở trên phố dấn nhau về đó để thề thốt và "lon" và "soạng" nhau thì hình như không sợ hãi gì hết cả. Có ai, một đêm trời đẹp, đã về ở chỗ đầu ô

uông một chén nước chè tươi để nhìn những lúa đôi ấy dắt nhau đi về phía "con đường tình" hay không? Họ trông vui vẻ lắm. Cặp nào cặp này, tay chân quăn lại với nhau y như thể một người; họ cười họ nói hình như không biết họ còn có một... ngày mai nữa. Bóng tôi giúp sự vui vẻ của họ tăng lên, những chuyện cướp giật không làm cho họ nghĩ tới bao giờ hết. Le lói, đôi ba nơi le lói một ngọn đèn. Cảnh Láng thực nên thơ, từ ở khỏi dãy cô đầu Kim Mã đi lên, bóng tôi bao bọc ta và có vẻ che chở cho ta, hoa lá rì rào ở khắp chung quanh mình như muôn reo lên cùng lòng ta và những tâm sự ta giải bày cùng bạn gái.

Một cái xe sắt thỉnh thoảng lại lọc cọc đi lại phía ta ngò. Ba bốn người chắt ở trên xe nhìn những cặp trai gái trải nhật trình ngò ở lên đường bằng một con mắ t tò mò. Họ nói với nhau gì vậy? Họ ôm lấy nhau ở đâu vậy? Chỉ có bóng tôi là biết, chỉ có bóng tôi mới có thể trả lời cho ta.

Xa xa, ở dưới bóng cây kia, một á quàn trắng áo là đương bá cổ một cậu bồ i mà hôn hít như thể nếu không hôn gỡ cho thật nhiều thì cậu bồ i đó sẽ hoá ra hơi bay đi mắ t.

– A! a! có người nắ m...

Một bọn trẻ con ba đứa chỉ trở nhau. Thì ra đó là một cặp cậu mợ đã thuê đâu được cái chiế u trải ngay ra ở xế cửa chùa Thái Bình, bởi vì chỗ này tôi lắm, để nói chuyện với nhau một cách yên ổn và tình tứ hơn. Tình tứ hơn bởi vì mợ thì nắ m vào đùi cậu mà cậu thì cúi xuống ngực mợ, có lẽ để nói cho gắ n trái tim của mợ hơn và nhân tiện đóp một con châu chắ u hay con cào cào gì đó nó ranh mãnh đã bắ u vào ngực mợ. Thú quá! Thú quá! Những phút đắ m say của ái tình, người ta tưởng như thắ y mợ hát khe khẽ ở bên tai cậu:

*Yêu nhau đi, chiề u hôm tôi rô i,*

*Cứ nói lên ngàn tiếng yêu đương*

*Ôi! Say sưa chiều nay khấp òi*

*Gió bấc cuốn, đêm thu về ngàn sương...*

.....

*Người ta yêu có một lần... ..*

Người ta yêu có một lần, em ơi, hãy ngó i sát vào cạnh anh, ngó i sát nữa và trông ra phía cây muỗm ở gâ n bãi tha ma nọ: một cái ô-tô sơn màu cánh kiể n không đèn không lửa đỗ ở đó đã lâu mà sao chẳng thấ y một người nào vậy? Khách cô ́ đứng chờ: không có một người. Đương bâng khuâng mình lại tự hỏi mình đó có phải là một cái ô-tô của quân gian nào đánh cấ p rô i mang đé n bỏ đó không, thì nà y lạ chừ a, "pha" tự nhiên bật sáng. Tiể ng động cơ xình xịch nổi lên, một cặp nhân tình, nét mặt như suồ t đời sung sướng, vắn lái đi về Hà Nội. Thì ra cái xe ô-tô nọ đỗ đé n một tiể ng đờ ng hồ ở đó, kính vắn cả lên, cái ô-tô đó là một cái ô-tô có người, – người ngó i nói chuyện, hay là nằ m thì ai biể t? – nói chuyện ở trong bóng tô i âm thầ m vậy.

Chao ôi! Cái ô-tô! Cái ô-tô! Nó dùng đượ bao nhiêu việc mà ta không thể nào tưởng đượ.

Dãy bán tre ở công làng Giảng Võ có đôi ba cặp tình nhân áo cộc nói chuyện với nhau một cách thẹn thùng. Đom đóm lập loè bay qua những đờ ng ruộng, những bụi cây; đôi mèo gào ở trên nóc một cái quán bán com; những con Vện, con Vàng chạy nhông ở giữa đườ ng, con mắ t sáng rực như khao khát tìm bạn tri kỷ vậy. Đêm... giờ của ái tình làm việc. Đêm... giờ của linh hồ n đi tìm một "cái linh hồ n chị em".

Cứ cố tiến lên vài bước nữa đi, bóng tôi còn dành cho ta nhiều cái lạ tai lạ mắt.

Cặp kia có những tâm sự gì bí ẩn mà phải đem nhau ra tận giữa bãi tha ma ở xóm chùa Thiên Mã râm rì, rên rĩ với nhau? Lại cặp anh chị họ làm gì mà cứ lúng túng ở cái cột đèn ở chính chỗ xe điện tránh? Thực là thơ mộng thực là trẻ trung vui vẻ.

Một cái xe sắt kéo giờ uể oải đi qua. Ông cụ già kéo xe còng lưng xuống để kéo một trăm cân thịt, – một người đàn bà và một người đàn ông – có hề ngừng lên đâu mà biết bọn khách của mình làm những cái trò gì? À, à, à, chớ có tưởng lầm, họ là những người thanh lịch đấy, họ yêu nhau bằng tinh thần đấy... Người đàn ông bế bạn tình của mình để lên đui là để... là để giữ người đàn bà cho chặt chứ không thể thì sợ người đàn bà trốn mất!

*Yêu nhau đi, chiều hôm tôi rồi...*

Láng thực nhiều thi vị. Láng thực là trẻ trung vui vẻ.

Người ta càng trông, người ta lại càng muốn sống đời: những cặp trai gái ấy yêu nhau quá, yêu nhau quá, thậm chí có cặp không muốn rời nhau ra nửa bước.

– Em ơi, anh có thể chết vì em.

– Anh ơi, em cũng vậy, xa anh em nhớ quá, em không muốn xa một phút nào, mấy hôm không gặp mặt, em nghĩ có thể tự tử cho rồi đời.

Chao ôi! Ái tình! Ái tình mới biết nó có cái nghĩa thiêng liêng thực. Ái tình cao quý lắm, ái tình vạn tuế! Ái tình vạn tuế!

Một trăm bài thơ hay không thể tả một ly cái đẹp của ái tình; một trăm cái mặt trăng rằm không thể đo với một cặp tình nhân kê má

mà thê` bách niên giai lão.

*Yêu nhau đi, chiê`u hôm tô`i rô`i!*

Phải, phải... Yêu nhau đi...

Trăng lên cao. Trăng đẹp quá, trời đẹp quá. Con đường Láng lung linh một thứ ánh sáng trong vắ t như pha lê, gió mát thổi nhẹ nhàng, từ chỗ cặp kia ngô`i, những đờ`ng lúa đưa một hương thơm ngào ngạt lên mũi người đi chơi phiê`m.

Chắ c hẳn cái hương thơm đó là hương thơm của ái tình, không sai.

Yêu nhau đi! Yêu nhau đi! Hương của ái tình thơm ngát quá, thắ m thía quá, ai mà không thắ y tâm hồ`n rung động?

Kìa đây...

Một ông dượ sĩ cùng một bà cắ t tóc lô`i móng lừa thoãn thoắ t đưa nhau vào một cái phòng cho thuê.<sup>2</sup>

**VỮ BẮ`NG**

*Trung Bắ c chủ nhật, Hà Nội, số` 24 (11.8.1940)*

# Ngoảnh lại trông xuân

(*Chuyện Láng*)

*Tiếc xuân ngoảnh lại trông xuân,*

*Thương ôi, bóng đã vân vân xế chiề`u*

Đã lâu lắm, chàng mới lại có dịp về chơi Hà Nội. Những công việc làm ăn của chàng ở Sài Gòn, trong ba tháng vừa qua, bị tan vỡ một cách không ngờ, chàng buồn rầu ra thuê một cái nhà sàn ở Long Hải ở một mình rồi sau một ngày quyết định, chàng lấy vé tàu ra Bắc.

Chàng không định ở lâu ngoài này. Đó chỉ là một dịp để nghỉ ngơi và thăm mộ mẹ. Mẹ chàng chết vì bệnh lao đã được sáu năm nay và chôn ở nghĩa trang Phúc Thiện. Nghĩa trang này ở sát chùa Voi Phục, có một lối đi rộng và dài, hai bên trồng toàn thông. Phong cảnh thâm u và tịch mịch. Chàng thấy một cái buồn nhẹ nhàng bao phủ tâm hồn.

Chàng thấy lưu luyến cảnh vật, chàng không muốn về ngay, và lại lúc ấy nắng hãy còn gay gắt tuy trời đã sang thu, chàng bèn vào một cái quán ở cổng chùa Voi Phục nghỉ chân và uống một chén nước chè giải khát.

Cái quán hàng này là một cái quán hàng quen của chàng.

Tám năm trước, hồi chàng còn ở với mẹ ở ngoài này, ngày bố n buổi đi học ở trường Trung học, chàng vẫn thường có dịp đi xe đạp về con đường này chơi.

Những ngày ấy, chàng vẫn thường đi chơi một mình. Chàng vào chùa Voi Phục, chàng vào chùa Láng và có hôm vui chân đi vòng cả sang núi Bò. Trời thì đẹp mà tâm hồn thì trong sạch, chàng thấy một tâm lòng yêu đời và muốn sống thiết tha: đời chưa hề bạc đãi chàng, chàng chỉ thấy cái đẹp và cũng tha thiết tin cái đẹp trong lòng người.

Chàng có tính hay vào một hàng nước, để giải khát và nghỉ ngơi với một mình như thế. Một tuần, rồi hai tuần, chàng thành một khách hàng quen, chàng trò chuyện với cô hàng nước và dần dần chàng thấy một cái gì nhẹ nhàng, thơ mộng như là sự quý mến cô hàng nước vậy. Cô hàng nước ấy sống một cách âm thầm ở túp nhà nhỏ bé ở bên đường. Chung quanh chỗ ở toàn là cây cỏ, cây cao với lá xanh thành một cái riềm mát dịu làm cho khách đi đường cũng thấy được mát mẻ khi ngồi nghỉ. Cô thò cổ ra mời khách nghỉ chân như một con chim ở trên cao thò cổ nhìn xuống đất. Mỗi khi trời hứng nắng, lá cây rung động với gió và reo lên thì mắt cô bé lại sáng ngời, cái miệng nói như cười riêng với mắt chàng, thì chàng thấy một cái vui nhẹ nhàng và lòng cũng hơi băng khuâng một chút.

Mùa hè đi qua, rục rờ và nhanh như một buổi hoàng hôn, mùa thu kế tiếp với một màu bàng bạc và những ngọn gió buồm như giục những người đàn bà may áo lạnh cho chôn bới vì mùa lạnh đã đến. Mùa lạnh đến thực, sâu thẳm điều hiu. Tiếng sếu kêu như mang sự cô quạnh cho lòng, những ngọn gió thổi vèo vèo qua những cánh đồng và bãi tha ma hun hút vào những gian hàng trống quá và vắng người nghỉ quá.

Những ngày tươi đẹp đã qua rồi, bây giờ chỉ còn sự buồn tẻ mà thôi, những người du ngoạn, những cặp uyên ương hiện giờ đang kề vai nhau ở cạnh lò sưởi còn nghĩ đâu đến chôn này họ đã dắt nhau đến để tìm những cảm tình đẹp giúp cho họ nói nên những lời ân ái đẹp?



Cô hàng nước, thấy gió mùa đông thổi làm rụng rào rào những lá ở trên cây xuống mặt đất ướt át, đoán trước thế nào chàng cũng không đến thường thường như trước: mỗi tuần lễ một vài kỳ. Cô đã đoán thấy trước những ngày âm thầm ở cái cửa hàng nhỏ bé, không cười nữa vì không có cái cười thân mật, không nói nữa vì không có câu nói đáng yêu của chàng.

Cô hàng nước không còn đợi chờ gì nữa.

Còn đâu là những phút hò hẹn, cô đưa mắt nhìn ra phía xa xa để đón chàng bởi vì cô đã biết trước chàng sẽ đến lúc nào. Còn đâu là những cái rung động dịu dàng của trái tim khi đôi bạn trẻ tuổi này, cùng gặp đôi mắt của nhau ở trên bát nước chè, cùng mỉm cười không nói, – nhưng mà biết bao là tâm sự!

Những tâm sự ấy hai người trẻ tuổi ấy không thổ lộ cho nhau biết bao giờ. Nhưng họ hiểu nhau như một người, có lẽ họ cũng có lúc hơi buồn nhưng lần nào cũng vậy, họ đều thấy vui vui khi được gặp mặt nhau và có cái cảm giác nếu luôn luôn ở bên cạnh nhau thì sướng quá.

Riêng cô hàng nước...

Cô hàng nước chắt phác mỗi ngày quý người trẻ tuổi của nàng hơn một người bạn thân quen biết đã lâu ngày. Cô có bao nhiêu giấc mơ đẹp, cô tưởng tượng bao nhiêu cảnh say lòng ở trong một cái tổ chim êm ấm: một vợ một chồng và hai ba đứa con thơ, những đêm đông lạnh quây quẩn ở chung quanh một mâm cơm nóng sốt... Không, không, đó chỉ là hy vọng mà thôi, cô hiện vẫn là một người con gái nghèo nàn, một buổi chiều đông, ngồi ở cửa hàng trông đợi một bạn lòng kia không đến nữa.

Người bạn lòng kia không bao giờ đến nữa thực. Hết mùa thu năm ấy, chàng vì kế sinh nhai phải vào làm việc trong Nam Kỳ. Một

bức thư giới thiệu với những người có tiếng tăm ở Huế, một bức thư nữa giới thiệu với những người có tiếng tăm ở Sài Gòn, chàng không bao lâu đã tự tìm lấy được một địa vị ở Bến Tre, thế rồi tháng ngày qua, chàng đi khắp lục tỉnh rồi đến Sài Gòn, chẳng mấy chốc đã gây được một cơ nghiệp có thể gọi là kha khá. Chàng lấy vợ rồi sinh con đẻ cái. Chính thực, chàng cũng chưa muốn bận bịu về chuyện gia đình. Nhưng bởi chàng ở với dì ghẻ, mà dì ghẻ và cha nàng ép lắm, mỗi bữa cơm thường giục chàng phải đến xem mặt người mà nàng và dì ghẻ đã xem hộ, chàng đành phải theo lời và lấy cho xong<sup>1</sup>. Và lại, người ta phải lấy vợ bởi vì người ta phải lấy vợ, phải có một người đàn bà để sinh con đẻ cái và coi về bể nước, phải chiểu theo số mệnh mà ông trời đã định.

Chàng lấy vợ như thế và chàng không băn khoăn gì hết. Phải, phải, suốt một đời chàng, chàng đã thực để tâm đến một người đàn bà con gái nào đâu? Những cô con gái con nhà tử tế, chàng không biết đến bởi vì chàng sợ hại người ta, còn như những hạng đàn bà hồ ng phóng hay nghèo nàn thì vì danh giá, vì tính tự phụ không hề bao giờ chàng nghĩ đến chuyện trăm năm cả.

Chàng là con một ông Tú cổ. Cái học mới của chàng rèn đúc trí óc chàng, nhưng cái luân lý cổ ăn sâu vào tâm hồn chàng: chàng lấy vợ như là làm một việc đã định sẵn, lòng lâng lâng không mơ tưởng đến những nghĩa cũ tình xưa, ngay như cô hàng nước thì thực không trở lại với tâm hồn chàng một phút nào, mà biết đâu chàng chẳng quên những giây phút êm đềm ngó uông một chén nước mà kể những chuyện cho qua cơn nóng nực?

Thảng hoặc cũng có đôi khi chàng nhớ đến, nhưng có nhớ đến thì cũng chỉ như ta nhớ đến một người bạn sơ giao mà thôi: gặp nhau là những chuyện không quan hệ lắm, nếu có phen tái ngộ thì càng tốt mà nếu như chẳng còn bao giờ gặp nữa thì cũng có gì là quan hệ.

Sự trở trêu của số phận, sự tình cờ mà ta rất thường gặp ở đường đời xui cho hai người hôm nay lại đối diện trong quán nước.

Quán nước vẫn như tám năm về trước, không thay đổi một chút nào: vài cái chuôi, mấy cái bát, ấm nước chè và dăm quả dưa hồng. Chàng thăm mộ mẹ xong, mệt mỏi, vào nghỉ chân và bảo cô hàng nước cho một bát nước chè.

– Chè tươi hay nước sôi đã y, cô hàng?

Chàng lại hỏi cái câu hỏi đầu tiên mà chàng đã dùng với cô hàng nước. Tự nhiên, cô hàng nước thấy một cái gì quen quen, cô ngừng đầu lên và ngay lúc ấy, chàng cũng nhìn về phía cô hàng, bỗng con mắt quen thuộc cùng lại gặp nhau trên bát nước chè và đôi trái tim lại cùng rộn rịp như tám năm về trước.

Như tám năm về trước, chàng lại thấy mọi sự vui sướng nhẹ nhàng khi thăm hỏi và trò chuyện cùng cô hàng nước, duy chính cô hàng nước thì bây giờ không còn như trước nữa: cái đường ngôi tuy vẫn thẳng nhưng tóc đã không óng mượt nữa rồi, những vết răn đã hiện ra ở chung quanh đôi mắt trước kia rất đẹp và đôi má thì xỉ xuống bởi cô hàng nước ấy bây giờ đã béo ra và sờ sờ như một người đàn bà đã có hai ba con rồi.

– Cô hàng, thật thoát thế mà đã tám năm trời rồi đã y nhỉ... Cô hàng nước thấy như trái tim se lại. Chính cô, cô cũng biết không sao lại thế, nhưng cô cũng cứ giấu vẻ buồn mà cười gượng với người bạn cũ.

– Vâng, chóng quá, tám năm trời rồi... Thời gian trôi, cuộc đời mỗi ngày chỉ mỗi chứa chắt lên vai người ta những nỗi khổ làm cho người ta già đi, làm cho lòng người ta căn đi. Ánh sáng trời không rực rỡ nữa, chim chóc không còn hát những điệu ru lòng, bao nhiêu cây cối của em, em ơi, đã rụng hết cả hoa lá, không còn ngày

nào còn mong được có cái vẻ xanh tươi mon mơn thời xưa. Chàng thấy nao nao buồn một cái buồn vương trong lòng. Chao ôi, cô hàng nước! Cô hàng nước kia còn bao giờ biết được những ý nghĩ của chàng và biết được rằng mùa xuân khi đã hết thì không còn gì cả, nó chỉ để lại cho lòng sự tiếc nhớ cái đẹp rất chóng tàn mà thôi. Thôi thôi, không biết như thế lại hay, cô hàng nước lại càng đỡ khổ. Chàng uống chén nước chè trong suốt và nhấp giọng: trong cái chất của nước chè chàng thấy một cái ngọt dịu dàng cũng như sự gặp gỡ của chàng với cô hàng nước hôm nay có một cái buồn nhẹ nhẹ ở trong cái vui không nói ra lời được.

Chàng hỏi:

– Thế nào, cô hàng? Độ này ra làm sao? Tôi vào Nam từ dạo ấy đến giờ, lần này mới lại về chơi Bắc Kỳ là một, lại được gặp cô hàng, thực là y làm mừng quá! Cô đã được mấy cháu rồi?

Cám ơn ông, cháu được hai cháu, một trai một gái.

Thế bác giai đâu?

– Bẩm thầy cháu lên cúng ở trên tỉnh vừa về, đương dở bận ở trong kia.

Chàng lại ngồi uống nước và bảo cô hàng bỏ một quả dưa ăn. Ở phía trong, sau một cái liếp đưa ra những tiếng sè sè, một mùi thơm theo gió bay đến chỗ chàng ngồi, chàng đoán là người chôn cô hàng nước đang hút thuốc phiện và chàng đưa mắt nhìn cô ta. Tự nhiên cô hàng nước thấy ngượng ngùng. Chàng không muốn ngồi lâu ở đây, nhưng bản khoăn lắ m lắ m khi bước lên xe ra về.

– Thôi, cô ngồi bán hàng.

– Lay ông ạ. Bao giờ ông lại vào trong Nam cháu xin gửi chào bà nhà ạ, và chúc các cô các cậu hay ăn chóng nhón.

Cái xe kéo chàng đi từ từ rồi lẩn vào rặng cây xanh um tùm. Nhẹ nhàng, cô hàng nước đứng dậy trông theo cho cái xe kỳ khuá t rồi mới ngó i xuông, lấy miếng trà u ăn, vừa nhai vừa buôn, và nhớ đến chàng như nhớ đến một mối hạnh phúc đã mất rồi.

Thôi, thế là từ nay lại xa cách, không biết bao giờ lại mới được gặp mặt nhau nữa. Cô hàng nước lại quay về với chuyện thiết thực ở đời: ngày ngày ngó i bán hàng cho khách qua đường để kiếm dăm xu một hào nuôi một ông chôngh nghiệp và hai đứa con thơ dại. Cuối năm nay, một đứa con nữa lại ra đời. Cuộc đời của cô hàng, mỗi ngày lại mỗi thiết thực thêm; có lẽ rồi cô cũng chẳng còn thì giờ để nghĩ đến chàng trẻ tuổi làm việc ở trong Nam Kỳ nữa.

Sự đời nó như thế, biết làm thế nào? Mỗi người có một con đường đã định sẵn; thương tiếc cũng chẳng làm gì được, nghĩ ngợi lắm cũng chẳng làm gì được. Một cuộc đời hạnh phúc, ai chẳng muốn có, nhưng có được hay không, cũng là do ở số kiếp mà thôi.

Mai kia đây, chàng, chàng sẽ lại lên tàu và vào đất Nam Kỳ. Gió đập vào thành tàu, chàng sẽ có những buôn riêng những vui riêng, mà cô hàng nước thì ở lại chỗ lều tranh vách đất của mình, sẽ lại kéo dài cái đời bầngh phẳng cho đến mùa đông của cuộc đời: bán nước chè và những đồ giải khát cho những khách đi du ngoạn.

Những cặp tình nhân trẻ tuổi, yêu đời và ham sống sẽ đi qua trước quán nước của cô và sẽ lấy cái cửa hàng nước của cô làm nơi nghỉ mát tạm thời.

Cuộc đời xuân sắc của họ làm cho cô nghĩ ngợi và có khi ham muốn có một cái gì rất viên vông. Và buôn thương cho cái bóng xuân của mình đã vân vân xế chiều. Nhưng rồi cuộc đời nào cũng

sẽ vào khuôn mẫu đã vạch sẵn của cuộc đời ấy. Cô hàng cũng chẳng buồn được lâu đâu, sự tiếc nhớ những ngày trẻ đẹp rồi qua đi như một bóng mây mà lòng người rồi ra sẽ chứa chan một tâm tình nhân đạo: Người ta thấy được vui sướng bởi vì thấy có người vui sướng ở chung quanh mình.

Ngày mai, ngày mai, sẽ hết cả, không còn gì nữa.<sup>2</sup>

## TIÊU LIÊU

*Trung Bắc chủ nhật*, Hà Nội, số 24 (11.8.1940)

## Mực

*Một người bán bánh tây, chả trâu sô'ng ở bên cạnh học trò đã ngoài ba mươi năm kể cho tôi nghe những cảm tưởng của anh ta trong những dịp khai trường và nói rõ những vụ khai trường ngày trước khác những vụ khai trường ngày nay ra thế' nào?*

– Thế' nào, độ này buôn bán có phát tài không bác?

Người bán bánh đương "mỏ bụng" một cái bánh tây ra để cho chả vào trong, thâ'y tôi đi qua hỏi thế' bèn toét ngay miệng ra cười:

– "Te" lă' m ông ạ, chán như cơm nê' p nát. Tôi chă'c là người vừa trả lời tôi câu đó không nhớ tôi là ai cả. Nhưng, tự nhiên, như có linh tính báo, anh ta biê't ngay tôi là một người học trò cũ trường Hàng Vôi nên nét mặt hứng lên như

một người bạn đã hai mươi mấ'y năm trời nay không gặp mặt. Mà tôi, tôi được gặp mặt người â'y, tôi cũng lă'y làm thú lă' m. Nói riêng với các bạn đọc đây, các ngài đừng thuật lại với

những ông giáo đã dạy tôi làm gì cho mấ't lòng, chú thực lă' m khi nghĩ lại đế' n hồ' i hãy còn đi học "trường nhà nước", người mà tôi nhớ nhâ't, có lẽ không phải là thâ'y học cũ mà cũng không phải là bạn cũ, nhưng chính là Mực, người bán bánh tây chả mà tôi vừa tươi cười hỏi ở trên kia.

Anh ta nay đã già. Mái tóc đã bạc rô' i, gân guô'c đã suy rô' i, nhưng nét mặt sạm đen và đầ'y một vẻ "sùng kê' n" của anh ta vẫn vui tươi như hai mươi bô' n năm qua, không lă'y gì làm thay đổi. Duy có đôi mắ't thì kèm nhèm đi chút ít mà ở trên mặt thì có một cái gì như là sự chán nản, sự buô' n rầ'u vậy.

Anh ta thở dài:

– Cái thời kiế' m ăn kha khá này đã qua rồi, ông ạ. Bây giờ buôn bán chỉ là để trợ thời thôi, chứ tôi tưởng đế' n chệ' t cũng không còn hồ' i nào làm ăn vui vẻ như hồ' i tôi bán ở trường Hàng Vôi nữa. Hồ' i ấy, ông tính, tôi mỗi ngày kiế' m được đế' n dăm sáu đồ' ng bạc một ngày. Ấ' y là chưa kể nhà tôi lại còn bán bánh tôm để thêm vào, hai vợ chồ' ng hơn kém cũng "xoi" được bảy tám đồ' ng là ít. Giá phải một người câ' n cù chịu khó thì có phải cũng đủ ăn tiêu và lại có tiề' n dành dụm cho con cái rồi không? Chệ' t một cái tính tôi lại hay buồ' n, nên sẵn tiề' n đấ' y, đêm nào cũng đi đánh bạc thành thử cũng chẳng còn gì sót cả. Chỉ có được cái nhà. Và lại, ông đã rõ, người ta giàu có là có số' cả đấ' y chứ trời không cho mình nhàn thì cựa lắ' m chỉ tổ sẩy vẩy ra chứ lợi gì... Nói đế' n đấ' y, Mục ngừng lại bán một cái bánh khách và hai xu thuộ' c lá lẻ cho một người qua đường rồi lại nói với tôi:

– Bây giờ thì thôi, hế' t, ông ạ, tôi không đánh bạc nữa mà cũng không "ăn" ai cả. Mỗi ngày kiế' m ăn già lắ' m chỉ được dăm bảy hào một đồ' ng là may. Ấ' y chưa nói bây giờ học trò nghỉ hè, tôi chỉ bán quanh quẩn ở phố' Bờ Sông, phố' Phúc Châu này và khi nào có đá bóng ở dưới bãi thì lại dò xuố' ng "làm một mẻ xoàng xoàng" chơi.

Nay mai đã khai trường rồi. Tôi cũng mong trời thương thánh độ' cho năm học này được khá hơn năm trước, nhưng đó cũng chỉ là hy vọng, chứ tôi chấ' c cũng không ăn thua gì.

Ngày xưa, vào thời kỳ các ông khai trường tôi thấ' y lắ' m khi bán hàng tôi tắm cả mày mặt lại, có khi vì chậm bán làm cho có ông đứng đợi lâu quá tức chửi rằ' m cả lên mà tôi cũng như thường, mà lại vui vẻ là khác nữa. Đầ' ng này, bây giờ thì buôn bán con ruồ' i bậu mép cũng không thềm xua đi. Cái gì cũng đấ' t cả, bán một cái bánh tây chả, không có lợi. Ấ' y là nói về' bọn các cậu học ở những lớp dưới đấ' y,



chứ các cậu "cua Suýt" bây giờ thì lại ít ăn lắm, bởi vì họ nhón, họ ăn quà ngay ở nhà. Và lại đồng tiền khó kiếm nữa, các ông bà sinh ra các cậu ấy lại thi hành lối "kinh tế tiết kiệm" bắt con ăn cơm rang ngay ở nhà rồi đi học chứ không cho tiền ăn "quà nhảm" như trước nữa.

Tôi hỏi đùa:

– Thế bây giờ có còn bán chịu nữa không? Mực giơ tay lên vái tôi một cái mà kêu lên:

– Lay bô' nhé! Kiếm đã chẳng đủ mà lại còn "chi" rộng cứ cho chịu bừa bừa như trước thì... phá sản ngay. Ấy nói thế mà chơi, chứ không cho chịu cũng không được, tôi hay nể lắm, và lại ngày nào cũng gặp nhau tự nhiên là anh em phải có thân tình, tôi với các cậu ấy cũng như em trong nhà vậy, nên đôi khi vẫn phải bán chịu và bán chịu vẫn bị mất như ngày trước. Ngày trước, có năm tôi tính mất đến hơn trăm bạc nợ. Giời ơi, tôi tức nhé, tôi đến mách nhà nhé, tôi bắt sách nhé, nhưng nói mách quẻ và dọa dẫm nhau chơi đó mà thôi chứ ông bảo mình thây người ta van lạy, kêu xin, thì ai lại nỡ vì có mấy hào hay vài đồng mà xử nhỏ thế nó vô tình lắm ạ. Hiện giờ tôi có bán chịu cho ai thì chỉ bán đến một đồng mà thôi. Ấy, cái trò thế, không bán chịu cho nhau một cái là họ "tẩy chay" mình ngay. Một phần sự ế hàng cũng do đó mà ra vậy.

Hàng ế, không ăn thua gì, tôi thành ra chán không muốn buôn gì cả. Còn vài hôm nữa thì khai trường mà cũng chưa có tiền để buôn lấy dăm đồng bánh khách đây. Hàng lơ chơ lửng chỏng, chán bỏ bu... con chuột bạch. Những vụ khai trường ngày trước, ông phải biết, tôi bỏ hàng tuấn ra để sơn xe cũng như những nhà buôn mới khai trương quét vôi và sơn tường cho chói. Con tôi này, vợ tôi này, phải chát mát-tít vào mặt kính và lau chùi sạch sẽ; những cái ngăn hàng phải đem cọ rửa nhẵn như cù. Tôi coi sóc cẩn thận lắm bởi vì

mỗi vụ khai trường tôi có cảm giác như là mừng một tết, phải "tông cựu nghinh tân" để lấy may, ngay như khi ra ngõ cũng phải xem giờ và nếu gặp gái thì lại lấy củi chày đem ra mà... đót vía. Bây giờ thì thôi rồi ông ạ. Vắng mạng cả. Đến tận hôm nay, tôi cũng chưa nghĩ đến khai trường, tôi mặc, muốn ra thế nào thì ra...

Tưởng lại những ngày qua rồi mà tiếc. Còn bao giờ các ông với tôi lại còn được họp nhau ở chung quanh cái xe bánh sơn vàng, có một cái chuông treo ở càng, khi nào tôi đến lắc cái chuông ấy kêu vang lên thì các ông lại vui vẻ mà hò reo lên rằng: "À! đến đây rồi. Xe bánh tây kia rồi!" Thực là muốn bây giờ cũng không làm thế nào được nữa. Một góc người đời đã chết rồi. Hạnh phúc không còn nữa. Bây giờ, mỗi khi lại được gặp các ông, nhớ lại quãng đời đã qua, thì lại thấy buồn buồn, song cứ kể cũng thú, vì bây giờ các ông đã đi làm đi ăn cả. À, ông có biết ông T... không nhỉ? Nay, ông ấy làm quan rồi đấy. Hôm nọ, về chơi, gặp tôi ở Phúc Châu gọi mãi tôi và mua bao thuốc lá giấy xanh. Ông K, ông S, ông H, đều làm tham biện ở Thống sứ cả, danh giá ra phết, thế mà gặp "anh em" đâu, vẫn chào hỏi tử tế quá và có khi vẫn dừng lại mua bánh tây chả ăn như trước. Các ông ấy bảo tôi rằng: "Nhớ trường thì ít, mà nhớ bánh tây chả của anh Mực thì nhiều". Tôi có thể khóc được. Các ông tốt quá.

– Không, họ nói thực chứ không phải đùa đâu. Bánh tây của bác thì nhất, không có thể ai độ kịp. Người ta ăn bánh tây bây giờ thường vẫn nghĩ thầm: "Ôi! bánh tây của Mực nó khác thế này lắm, nó còn ngon hơn nhiều". Bác có biết bánh của bác ngon tại vì đâu không?

– Ngon bởi tại các ông yêu tôi chứ gì!

– Cái đó đã hẳn rồi. Nhưng nói về tình thân chơi với nhau một chút xíu đó thôi, chứ bánh của bác ngon về giấy. Giấy của bác

pha tài, ăn không bao giờ chán. Mà cái chả ngấm giấm của bác mới lại quý hơn. Tôi còn nhớ cái bánh tây nóng có chả, ngấm vào trong liền giấm vùi nó xuống một lát rồi cái lên mà ăn từng tí một thì có thể quên chết đày nhé! Nào nhân tiện, bán cho tôi hai xu bánh và ba xu chả nào. Mực cắt bánh tây cho tôi rồi nói:

– Bây giờ thì chẳng còn thể nào có giấm như trước nữa. Đã tẩm a. Một chai giấm bảy hào, nếu cứ pha ra liền để người ăn bánh chấm bánh như trước thì chỉ bảy ngày "con" vỡ nợ! Mực nói thế đoạn nhíu mắt lại nhìn tôi một cách ranh mãnh:

– Vì không những giá giấm đắt mà thôi, tôi còn thiệt là khác nữa. Chả của tôi ngấm giấm, ông có biết không, có nhiều ông, ngày trước chỉ mua một xu bánh tây không mà khi chấm dấm... *cập rập*<sup>1</sup> lên đến ba miếng chả trong khi tôi bán hàng cho ông khác!

Mực nói chuyện rất vui.

Tôi ăn bánh xong tự lúc nào không biết.

– Hết rồi à? Ngon quá, bánh tây ngon quá. Hôm tôi còn đi học, chính tôi, tôi là một anh nghiện, nghiện bánh tây của Mực. Hôm nào không được ăn, tôi thấy ngứa ngáy cả người. Tôi nhạt mồm nhạt miệng và tôi không buồn nói năng gì cả. Bây giờ, lâu lắm mới lại được nếm lại cái phong vị bánh tây chả của Mực, tôi thấy ở trong người như được nở nang ra, tôi thích quá bèn bảo gói luôn năm cái bánh tây chả vào trong một cái giầy nhật trình cũ đem về.

Để ăn dần.

Và cũng để, trong khi nhai bánh thì nghĩ lại những ngày cấp sách khai trường, tôi không nghĩ gì đến việc lên lớp mà chỉ xán vào cái xe sơn đỏ để mua bánh tây chả và chấm... oảng vào liền giấm.<sup>2</sup>

**VŨ BÃ`NG**

*Trung Bả́c chủ nhật*, Hà Nội, số́ 27 (1.9.1940)

# Nước Nhật với trăng mùa thu

*Cũng như ở nước ta, mùa thu ở nước Nhật là mùa của ái tình, mùa nên thơ nhất bởi vì là mùa đẹp nhất.*

Các bạn đã biết mùa thu đối với Tàu và ta nó thi vị thế nào và thi sĩ đối với mùa ấy có cảm tình đến thế nào. Giờ ta cũng nên biết một nước đàn anh của ta ở Á Đông là nước Nhật, xưa nay vẫn có tiếng là thượng võ, đối với mùa ấy ra sao và mùa thu nó khác Tàu và ta những gì.

Thực vậy, các nước ở Á Đông ta, có lẽ nước Nhật là một nước yêu mùa thu nhất, và tuy là một nước thượng võ thực, nhưng đến văn thơ thì rất buồn, và "những ngày thu" và "những buổi chiều thu" vẫn là đầu đề rất thông dụng ở trong thi giới Nhật.

*Người Tàu buồn về thu đã có thơ:*

*Lác đác rừng phong hạt móc sa,*

*Ngàn lau hiu hắt khí thu mờ,*

*Lưng trời nhận liệng dòng sâu thẳm,*

*Mặt đất mây đùn cửa ải xa...*

*Khóm trúc như tuôn dòng lệ cũ*

*Con thuyền buộc chặt mối tình già.*

*Lạnh lùng giục kẻ tay dao thước*

*Thành Bạch gâ`n xa, bóng ác tà...*

Cái buô`n như thế` kẻ đã là sâu sắ`c và não nuột, nhưng thơ người Nhật cũng não nuột và sâu sắ`c một cách khác mà lại nhẹ nhàng hơn.

*Giữa nơi thanh vắ`ng,*

*Ở nhà bước ra*

*Ta nhìn quanh ta*

*Đó đây chỉ thắ`y toàn là chiề`u thu...!*

Văn thơ Nhật, theo như ông Chamberlain đã nói, là một bài văn phong phú nhắ`t. Thi văn Nhật, ta không nói tới thời thái cổ làm gì, cứ xét về` thời đại cận kim thì quả có một linh hờ`n riêng khác hẳn của Tây phương.

Nhà thi sĩ Nhật có một cảm giác: cũng như nhà nghệ sĩ của Phù Tang, nhà thi sĩ ghi cái cảm giác đó lại bắ`ng vài nét mạnh mẽ hay du dương, rờ`i thoi, không câ`n diễn tả những cái mà họ nghĩ bắ`ng văn xuôi. Cho nên văn thơ của họ rắ`t ngắ`n và lớ`i thơ đáng làm tiêu biểu cho thi ca Nhật nhắ`t là lớ`i tanka có 5 câu (5, 7, 5, 7, 5) vị chi là một bài thơ tắ`t cả có 31 chữ.

Tả cái đẹp của trăng thu, nhà thi sĩ Nhật chỉ vền vện có mắ`y câu này, chúng tôi lược dịch sau đây:

*Những khi tôi ngắ`m trăng thanh:*

*Dắ`u trăm nghìn vẽ cảnh tình không vui!*

*Thu đâu riêng một mình tôi,*

*Thu là của khắp mọi người thế gian.*

Ánh trăng thanh với gió thu và mây thu, những đêm trời đẹp như ngày rằm tháng tám làm cho nhà thi sĩ xúc cảnh sinh tình:

*Trăng thanh mọc giữa bầu trời*

*Qua mây, tia sáng rọi ngời trên gian*

*Gió thu đưa đám mây tàn.*

Con chim gáy, lúc ấy cũng như người, cất tiếng hót vang:

Nhìn vào cụm cây Có con chim gáy hót Ta chỉ còn thấy bóng trăng thu tàn.

Trai gái đợi chờ nhau ở dưới bóng trăng. Chàng không lại, nàng buồn với bóng trăng thu:

*Không chờ anh ở chốn này*

*Buông hoa, em đã nhả p say giấc vàng!*

*Chao ôi, trăng đã gả n tàn.*

..

Và trăng thu sẽ trả lời ra thế nào?

*Trong khi nặng tâm lòng sâu,*

*Phải chăng trăng đã bên lâu bảo ta:*

– "Khóc đi người đẹp như hoa!"

*Mặt buồ`n phút bõng chan hoà lệ châu.*

Thôi thê` là mấ`t cả một đê`m rắ`m tháng tám:

Trên manh chiê`u lạnh đê`m thu,  
Đê` kêu như khóc ở bờ tường hoa,  
Nắ`m lên trên mảnh khăn là,  
Giấ`c cô miên, đê`n với ta hỡi trời?



# Xiên linh

*Từ "Ông Đồ`ng Hà Nội", người đã xiên linh trong đám rước thánh từ Đê`n lên Nam Tào đê`n Nguyễn Văn H... một ông đồ`ng già đã chán chuyện xiên linh xoay làm nghề` bán quán ở hội đê`n Kiế`p Bạc. Những chuyện xiên linh và những chuyện na ná thê` ở dưới mắ`t người phương Tây.*

## **I. Một người mặt to bắ`ng một cái nắ`p tráp xiên một cái xiên linh nặng hai cân đi giật lùi trước kiệu**

Đê`n tận hơn mười giờ, đám rước thánh mới cử hành. Thực ra, người ta đã sửa soạn từ lúc mặt trời chưa mọc. Cờ, lọng, kiệu, đèn, họ đã đặt đâu đấ`y ở trước đê`n rô`i, trên một bãi cỏ đã phạt trụi và ngập ngụa những bùn lầ`y và nước mưa úng lại từ đêm trước.

Mắ`y tiế`ng trồ`ng. Đám rước bắ`t đầ`u đi. Kiệu thánh nung lên, bọn nhạc công vừa cắ`t tay để kéo nhị với hồ` thì từ ở trong đê`n Kiế`p âm thầ`m mù mịt những khói hương thỉnh thoảng lại để lộ vài ánh đèn ngọn nế`n lung linh mờ tỏ, một người đàn ông to lớn mặc quầ`n xanh áo đỏ hét lên một tiế`ng rô`i nhảy xuố`ng thề`m như một cơn gió lố`c và từ từ tiế`n lại phía cái kiệu rước đức thánh Trầ`n.

Bao nhiêu người đứng xem hội dạt cả ra. Những người trẻ tuổi ngừng nhìn bắ`ng một con mắ`t ngạc nhiên, còn những bà cụ già, những đàn bà con gái thì cúi đầ`u nhìn xuố`ng đấ`t một cách kính cẩn vô cùng, miệng lẩm nhẩm những câu khắ`n vái nặng một lòng tín ngưỡng.

– Chạy cả sang một bên, không có lại chề`t oan chề`t uổng bấy giờ.

Đám rước bắt đầu đi từ từ. Những người nhà quê chấp hai tay lại vái theo sau kiệu ngài; họ thì thân to nhỏ với nhau bình phẩm đám rước năm nay to và từ từ chen chúc nhau để đi theo đám rước.

Những cô gái quê nhỏ tuổi mặc áo đỏ khiêng kiệu với một vẻ tự phụ ở cuối mày. Những người nào vừa ghé kiệu vào vai mà đã thấy mỗi rồi, chép miệng như lấy làm buồn cho sự vụng về không đáng có của mình. Những trai làng khoẻ mạnh thì cầm cờ quạt và thỉnh thoảng lại cúi xuống nhìn hai cái cánh tay gân chằng mạng nhện của mình mà mắt thì ngời lên một tia sáng như là hy vọng. Đám rước qua một cái cổng chào kê t bằng lá chuối và găng tây. Đám rước đi vào phía chợ. Đám rước qua một dãy hàng bán bình vôi, lọ độc bình, đồ sành, đồ sứ và những hàng quán để người đi trẩy hội vào ăn tạm. Thì tự nhiên, như ngựa hí, một tiếng hé hé hé hé... kéo dài ra bỗng nổi lên, rùng rợn ở giữa đám rước và làm cho mọi người xanh mặt.

Kiệu quay đi một vòng như bay. Các cô gái xô cả tóc. Các trai đình hốt sức vận nội công để giữ trật tự cho đám rước. Trong bùn, những người đi xem chạy tứ tung. Một tiếng kêu bỗng nổi lên: "Ông đồ ng Hà Nội!" Thì ra tiếng hé hé như ngựa hí kia là tiếng của ông đồ ng Hà Nội vừa kêu để truyền cho những người đứng xem nhường chỗ để ngài đi. Ngài đi như một người thắt cổ chưa chết vậy. Những vạt áo đỏ xen lẫn với những cái áo xanh ngài mặc bay phấp phới; dải lưng nhiều điệu u tế thành một cái hoa thị thỉnh thoảng lại xoè ra; ngài đi đôi dép quai một dãy những bùn và ngài bước giật lùi như những người hiếu tử đi trước linh sàng vậy.

Người đàn ông trạc độ năm mươi tuổi đó có một màu da như đất sét. Cứ kể thì không có cái gì đáng cho mọi người chú ý cả, nhưng cái mặt thì, chao ôi, trông mới gớm ghiếc làm sao. Tôi đâu ai nhìn cái mặt ấy mà không giật mình. Tôi xin thề không dám ngoa ngoét một tí gì, chứ cái mặt ông đồ ng Hà Nội của ta to vừa bằng cái tráp tròn,

nó méo mó, nó xiêu vẹo, nó kinh tởm quá đến nỗi có người mới thoát nhìn thấy phải giật mình tự hỏi mình đứng trước một cái gì, – quý sứ hay là người ngợm?

Cái mặt ấy có lúc xanh lúc đỏ, chỗ tím chỗ vàng. Búi tóc ngược lên, nó đã có vẻ cái đầu lâu mà ta vẫn thấy ở trong những bức hình chụp lúc chân tay Đê Thám bị xử tử rồi, thế mà ở hai bên thái dương lại có hai cái trâm dài bằng cái cánh tay, đầu nhọn hoắt, đâm suốt vào hai má! Chỗ thịt ở hai má người đàn ông ấy, vì vậy, trông hệt như bị véo và phồng lên, máu tụ ở đó và làm tím lại như hai quả bồ quân vậy.

Thế rồi thì một cái xiên lành góm chết như một thanh sắt chặn cửa, nặng ước chừng hai cân, xiên qua mõm! Những người yếu bóng vía không dám nhìn lâu cái cảnh tượng rùng rợn đó! Bởi vì người xiên lành trông có vẻ bị đè trĩu xuống ở dưới sức nặng của thanh sắt góm ghê kia, tuy đã có hai người đi theo để đỡ nó; y đi mà như tã tở và mỗi lúc vẻ mặt của người đàn ông ghê gớm đó lại càng bành bạnh ra, lại càng trành trạnh ra, đến nỗi cái lưỡi thè lè ra ngoài hai cái môi đen sẫm như cũng không còn sức để mà co ra rút vào. Mà co ra rút vào làm sao được? Nó không phải là cái lưỡi nữa, nhưng mà là một đống thịt thối nát đã bị xiên qua rồi: cái xiên lành nặng nề kia đã làm rách nó và đâm qua suốt má bên kia. Người đàn ông quái ác nọ muốn cho cái trò chơi của mình thêm phần mỹ thuật lại lấy một quả cau đâm vào cái đầu nhọn ở xiên lành, và cứ thế, cứ thế, hấn cứ giơ tay khoa một nắm hương đi giật lùi từng bước như một người không biết đau đớn là gì cả!

– Thực là một người quái gở. Những người đi xem hội lè lưỡi và người nào người nấy cũng có cái cảm giác đau thay cho người đàn ông ghê gớm đã xiên lành hôm ấy. Mà tôi, tôi cũng vậy.

## **II. Thừa ngài, chính ngài cũng có thể xiên lành được!**

Chúng tôi vào một cái quán cơm ló i đi lên Nam Tào. Người chủ quán, một ông già đầu bạc phơ phơ, tên là Nguyễn Văn H... dọn cho chúng tôi toàn thịt gà luộc rô i ngô i nhìn chúng tôi ăn mà hỏi:

– Thưa các ngài, các ngài còn ở lại xem hội hè t đêm nay hay là về` ngay bây giờ?

– Chúng tôi về` ngay bởi vì xem chừng hội không lấy gì làm thú lắm. Một người trong bọn chúng tôi, uống xong một chén hạt mít rượu trắng, tiếp luôn:

– ...Chỉ trừ có cái ông xiên lình là làm cho chúng tôi chú ý một chút, còn ngoại giả thì hội cũng y như năm ngoái. Nói thế` không phải bảo rằng mãi tận đến bây giờ chúng tôi mới được trông thấy một đám xiên lình như hôm nay đâu, nhưng thực quả, ông đồ`ng hôm nay xiên lình đã làm cho chúng tôi chú ý hơn cả những đám khác, bởi vì ông ta xiên có vẻ ghê gớm quá, làm cho người mới nom thấy phát rùng mình sợ hãi.

Ông lão bán quán quay ra bán hàng cho khách một hồi lâu rồi quay lại chỗ chúng tôi mà trả lời:

Nói vô phép các ngài, nghĩ như vậy mà thôi, chứ xiên lình, đại phàm thì ai cũng chỉ có thế` cả, không khác nhau mấy tí. Các ngài bảo rằng ông đồ`ng Hà Nội hôm nay về` xiên lình trông gớm hơn những người thường. Xin phép các ngài cho tôi nói: tôi cũng đã được xem "ông đồ`ng Hà Nội" hôm nay rồi; nói để` các ngài tha cho chứ, thực quả, tôi, tôi xiên lình hơn ai thì chẳng biết chứ phải hơn đứt ông đồ`ng Hà Nội. Không dám giáu các ngài, trước khi đi làm chủ quán ở đây, tôi đã làm ông đồ`ng ở đền Kiếp Bạc này chán ra rồi. Đừng nói cả một đời tôi bắt tà ở đền Ghè`nh, đền Bảo Lộc, đền Sòng đã nổi tiếng làm gì, tôi ăn mày cửa thánh được thánh thương, nên chính

những lúc kiêu ngạo lên, tôi đã lăm phen xuyên linh ghê lăm mà xuyên không bịp bợm...

Xin lỗi, xuyên linh mà bịp bợm? Hình như ông lão có ý muốn bảo ông đồ ng Hà Nội xuyên linh trong đám rước thánh sáng nay đã đánh lừa con mắt những người chung quanh mình phải không? Hấn đã dùng mưu kế để che mắt người phải không?

Tôi không có ý nói hấn thế! Các ông, còn ai mà che nổi mắt các ông? Nhưng tôi chắc rằng các ông đã không để ý nhìn thực rõ đám xuyên linh hôm nay, hay là các ông chỉ nhìn thoáng qua rồi thấy mặt mũi "hấn" tởm quá nên bỏ đi đi, không xem nữa. Sự thực, nếu các ông hôm nay chú ý một chút thì sẽ nhận ra rằng cái xuyên linh nặng hai cân đó không xuyên qua má hấn ta, nhưng chỉ đi suốt qua bên mép và chui xuống dưới lưỡi mà thôi. Cái lưỡi sở dĩ cứ cong lên và thò ra ngoài, ấy chính bởi cái xuyên linh nó làm cộm lên, vả lại chính hấn ta cũng muốn làm như thế nữa để cho nó "quan trọng" thêm một chút. Thế rồi thì sao? Thế rồi thì cái xuyên linh ấy cũng không xuyên qua má bên kia đâu, thưa các ngài: nó lại chui qua suốt cái mép bên kia, và sở dĩ người ta cắm một quả cau vào đầu nhọn của cái xuyên linh chính là để che mắt những người ngoài vậy. Những khi có cái nhìn chăm chú vào mặt người xuyên linh thì hấn ta hé hé lên máy tiếng rồi cầm nắm hương khoa lên ở trước mặt, có khi lại chạy lên chạy xuống, và như thế, người đi theo đỡ xuyên linh cũng phải chạy theo kéo không có cái xuyên linh rơi má t!

Có máy người khách vào ăn hàng. Ông cụ chủ quán lại chạy ra lấy bia, lấy com và bánh tây. Một lát sau, ông cụ lại vào gõ với chúng tôi, nhả p một tốp rượu mà rằng:

Xuyên linh như thế, thì phải tội. Bịp bợm ở trước mắt thánh để lừa người trần như thế có ngày thì học máu ra. Tôi, tôi không bao giờ làm thế! Hôi tôi còn ăn mày cửa thánh, tôi xuyên linh thực, nhưng tôi

xiên những cái xiên linh bé hơn. Tuy vậy, to bé, cái xiên linh cũng như nhau cả mà thôi, mà tôi có thể nói chắc chắn với các ngài rằng tôi xiên linh như thế mà không lấy làm xấu hổ một chút nào bởi vì tôi không lừa dối ai. Buổi đầu tiên, tôi xin thú thực với các ngài, tôi cũng hơi rờn rợn, nhưng rồi sau cũng quen đi, mỗi khi có hội hè kiêu cúng, tôi lại xiên linh mạnh bạo lắm mà không đau gì cả.

Ông già nói lạ. Nếu quả thực cái xiên linh đâm suốt qua má thì làm sao lại không đau?

Tôi không nói dối. Để tôi kể lại cả những cảm giác của tôi hôm xiên linh đầu tiên cho các ngài nghe tường tận: Mới đầu, tôi vốn là một người đi bắt tà. Bắt tà mãi cũng chán, một hôm kia tôi có một cái ý tưởng là làm tà cho người ta bắt. Các ngài đã xem bắt tà mãi rồi chứ gì? Ấy, chính thế, chuông trống người ta đánh ở bên cạnh mình dữ lắm, dù mình không tin đến thế nào, ngơ một lúc đầu mình cũng phải đảo đi, huơng chi lại còn hương nén mưng lung và chung quanh mình người ta lại xúm lại mà quát tháo, mà... bắt nạt! Vậy nói thế này các ngài cũng chớ cười, – tôi ngơ một lúc thì lão đảo rồi tôi thấy tâm hồn tôi mù hẳn đi, tôi thấy như mình nửa thức nửa ngủ bởi vì mắt tôi vẫn nhìn rõ mọi người mọi vật, nhưng hình như có một thứ ánh sáng lạnh lẽo làm mờ nhõn tuyến của tôi. Tôi không lấy gì làm khó chịu: trái lại, tôi thấy tinh thần được nhẹ nhàng, hình như trong cơn say thuốc phiện vậy. Tôi có cái cảm giác đợi chờ một cái gì, tôi hình như có linh tính báo trước sắp có một cái gì xảy ra đây... Ở chung quanh tiếng đàn sáo, tiếng hò hét đều quá đến nỗi về sau tôi thấy ở chung quanh êm ả vô cùng, thế rồi thì... thế rồi thì bao nhiêu những người, vật, cửa nhà đều chìm cả vào trong bóng tối, duy chỉ có mấy cái trần nhà và vài cái chớp nón vàng là rõ mà thôi... Và tôi nhìn thẳng vào trong đèn, mù mịt những khói hương. Thì ở cái nền đen sẫm ở cái cửa bức bàn hé ngỏ, một con ma... một cái bóng trắng từ từ tiến lại phía tôi, đứng dừng

lại một lát lâu... một cái mặt xanh xao, một chòm râu đen trùi trũi, một mớ áo xanh áo đỏ như cào cào, một cái khăn đỏ như máu vậy... Và tôi cố mở mắt nhìn rõ thì thấy rõ ràng hai má người đàn ông kia có đến ba bốn cái xiên linh nhỏ xiên qua, hàng chục cái trâm đâm từ ở thái dương đâm xuống. Chao ôi... Tôi đứng dậy liền, tôi nhìn thực kỹ, tôi tưởng tượng như bị đóng xuống cái bục của tôi ngòi. Nhưng ngay lúc ấy thì người đàn ông mặt to bằng cái thúng kia nhột hấn đi, môi hấn máp máy và hấn bảo tôi rằng: "Đồ khỗ! Mày cứ làm như tao xem...". Thì tôi làm chứ sợ gì? Tôi bèn gọi những người ở chung quanh đem một cái xiên linh hạng tư đến cho tôi. Tôi đưa qua lưỡi liềm máy lướt cho thực trơn và, – tôi hãy còn nhớ rõ như việc vừa mới xảy ra hồi này – tôi run sợ giơ thực mạnh, nhưng xiên... khẽ vào má bên trái để cho chui vào trong miệng. Có thể nói là tôi gần như không có cảm giác gì. Tôi lại cầm luôn cái xiên linh ấy lựa chỗ mềm nhất, tôi xiên thông sang nốt má bên kia và tôi cứ ấn mãi... cho cái xiên linh thò ra ngoài đến một gang tay. Tôi xin thề với các ngài là tôi không thấy đau đớn gì: lúc tôi xiên như thế, tôi thấy không đau đớn bằng bị đứt tay; da tôi chỉ hơi khó chịu một chút khi cái xiên linh bắt đầu đâm vào má. Tôi xiên linh như thế mà vẫn nói được như thường. Một lát sau, tôi rút xiên linh ra thì không có một giọt máu nào chảy theo. Tôi cầm gương soi thì chỉ thấy hai cái vết ở má mà thôi. Tôi vẫn không đau đớn gì cả, và nếu có ai bảo tôi xiên linh luôn lúc ấy thì tôi cũng cứ có thể can đảm mà làm lại.

Ông lão chủ quán nói thề xong, làm nốt chút rượu và nói với chúng tôi rằng:

– Ấy, cái nghề thế, các ông! Đứng ngoài mà trông thì tưởng là ghê gớm vô cùng, nhưng chính xiên linh, đối với tôi, thì chỉ là một trò đùa như trăm nghìn trò đùa khác. Sau lần ấy, tôi lấy làm giận

những người xiên linh trước kia đã làm cho tôi nhiều phen nghĩ thâm rằng đó là một việc quan hệ có thể chết người như chơi được.

### **III. Nhân chuyện xiên linh, ta cũng nên nói đến vài chuyện khác cũng na ná thế ở Ấn Độ và ở phương Tây của bọn Fakir, phù thủy**

Câu chuyện của ông Nguyễn Văn H. thực là một tài liệu vô giá với chúng tôi. Những cảm giác thực thà của ông lúc xiên linh đã tả rõ cả ra rồi, bây giờ thiết tưởng ta lấy những tài liệu về xiên linh của Ấn Độ và Tây phương ra xét thêm về "ca" ấy tưởng cũng không phải là vô ích vậy.

Thực thế, cái lối xiên linh, cái lối lấy những cái rùng rợn ra để bịp bợm những người mê tín đó, không phải chỉ ở nước ta mới có, nhưng từ mấy trăm năm nay rồi ở Ấn Độ người ta vẫn thực hành luôn, mà những người mang ra thực hành đó chính là bọn *Fakir* phù thủy. Bọn *Fakir* chắc bạn đọc đã nghe thấy nói tới nhiều lần rồi, nhất là từ khi các báo hằng ngày ở đây, trong mục "Tin tức năm châu" nói đến Uhu, biệt hiệu là "Cái đóm lửa" gây lên ở đất Ấn Độ cái phong trào bài Anh. Phải phải, Uhu đó chính là một trong trăm nghìn phù thủy Ấn Độ vậy. Bọn này, theo như ở các sách Âu Tây thuật lại, thì còn làm hàng vạn thứ trò rùng rợn hơn nhiều. Họ chia ra hai hạng: hạng phù thủy thực và hạng phù thủy giả. Bọn thực xiên linh như com bữa, mà không những xiên một cái xiên linh mà thôi, nhưng có hàng mười mười hai cái và xiên suốt qua cả cuộc họng là khác nữa. Thấy lạ, một giáo sư thôi miên ở Pháp là Paul Heuzé liền để tâm khảo cứu rồi một hôm mời nhiều vị bác học có danh đến xem mình bắt chước bọn phù thủy kia. Paul Heuzé cũng lấy xiên linh đâm qua má thì quả cũng như Nguyễn Văn H. đã nói với chúng tôi, Paul Heuzé không thấy đau đớn gì cả, kể cả những cái xiên linh đâm qua cuộc họng và đâm qua cả m! Theo lời Paul Heuzé nói thì



những chỗ ấy và cả khuỷu tay và cánh tay nữa đều là những chỗ ít biết đau.

Đó là lời của nhà thôi miên học phương Tây. Thực ra, ở Ấn Độ, thì những bọ phù thủy thực có thể xuyên lình bất cứ chỗ nào trong người. Theo như những bức ảnh đã chụp được và in ở các sách khoa học thần bí của Tây phương thì có người phù thủy Ấn Độ xuyên lình ở khắp người và có thể cứ ngồ ì tĩnh tọa như thế hàng năm. Nếu không muốn dùng xuyên lình thì họ dùng kim, những cái kim dài thực nhọn. Chính mắt kẻ viết bài này đã được mục kích một người đàn bà có đồng làm thế ở đây, nhưng có kém đôi chút bởi vì không đâm kim được khắp người.

Người đàn bà ấy nguyên là một người đào hát tòng lương, lấy chồng đến 18 – 19 năm trời mà không có một mụn con nào cả. Bà ta bèn kiêu cúng lễ bái, nay đến nợ mai phủ kia rồi không hiểu làm sao, một buổi sáng kia gặp tôi, bà ta cứ mù đi và luôn luôn giơ tay lên trán nấn nấn ở thái dương và hai mí mắt. Tôi hỏi thì bà cầm tay tôi để vào hai mí mắt bà: thì ra dưới làn da mặt của bà có đến trăm nghìn cái kim cài đầu lẫn ở bên trong, lấy tay rờ vào thì thấy, mà nặn thì nó thò đầu ra, còn thì bình thường, người đàn bà ấy không có gì là khác người cả, mà lại béo tốt, vui tươi là khác!

Ở Ấn Độ, những hạng người có cái tài lạ lùng như thế rất nhiều, những đồng bào của Gandhi coi thường lắm.

Trong những bọ phù thủy thực, người ta còn thấy những trò lạ hơn nhiều: đại khái như dựng ngược người lên, đầu đâm xuống đất rồi lấy đất lấp đi hàng năm mà không chết; quanh năm chỉ cời trăn mà ăn một hạt vừng; dùng vân giá vũ ở trên sa mạc...

Tôi chưa có dịp nói tới những phép "phong thần, kiếm hiệp" ấy bây giờ, nhưng cứ riêng ý tôi, thì gần giống lối xuyên lình và đâm

kim vào người ta, ở Ấn Độ còn có một thứ trò cũng na ná như thế :  
ây là cái lố i nằ m bàn chông.

Paul Heuzé cũng đã bắ t chước làm cái lố i này rô i và kắ t qua  
mỹ mãn lắ m. Ông mời hế t thầy bạn hữu và viên bác sĩ Daminos  
Yves đế n làm chứng thì viên bác sĩ chứng nhận cho Paul Heuzé  
rằ ng quả ông ta có cỏi trầ n nằ m lên một cái gióng đống toàn đỉnh  
10 phân chông lên trời thực, và xong cuộc thí nghiệm â y Paul Heuzé  
không đau đớn, không sét sẹ gì, chỉ duy có vài chỗ đỏ hằ n lên mà  
thôi.

Tôi sẽ không nói đế n cái phép của bọn phù thủy Ấn Độ làm cho  
một cái đĩa bé dầ n dầ n đi rô i mắ t hẳn. Tôi sẽ không nói đế n cái  
thuật tung dây lên trời rô i làm phép cho cái dây cứ lơ lửng ở không  
trung, người phù thủy trèo lên cái dây â y kỳ cho đế n lúc mọi người  
không trông thắ y. Tôi sẽ không nói đế n cả cái tài làm cho một cái  
cây bị bọn phù thủy niệm chú mà cao vô ù ng lên trông thắ y. Bởi vì,  
mỗi cái đó, những nhà thầ n học phương Tây, – như Paul Heuzé là  
một, – đề u có giảng giải tường tận về ù những sự bịp bợm của bọn  
phù thủy Ấn Độ cả, mà phạm vi bài này không thể để cho tôi nói  
hế t.

Claude Farrère ở Hàn lâm viện nước Pháp đã nói rằ ng: "Một đời  
tôi tôi chưa thắ y phù thủy bao giờ, dù thực hay là giả. Là một kẻ  
giang hồ ù nay đó mai đây, tôi cho rằ ng một cái phép lạ mà tôi được  
chứng kiế n ở Bombay không khác cái tài của bọn làm xiế c đánh lừa  
mắ t người đi xem ở thành phố Paris vậy".

Kipling, một đại danh sĩ của Anh-cát-lợi tả về ù những sự bịp bợm  
của bọn phù thủy trong truyện "*Ở nhà Suddhoo*"<sup>1</sup> đã viế t rằ ng:

*"Sau khi đã làm cái trò mới lạ â y xong rô i, y ngừng đầ u thật  
cao lên và tia lửa ở hai lỗ mũi y ra.*

*Nhưng tôi, tôi biết cái lừa ấy tại sao mà có; tôi xét tôi rất có thể làm được nên tôi yên dạ lắm".*

Trừ những loài xiên linh, nậm bàn chông, gài kim vào thịt của bọn phù thủy ở Ấn Độ, ta còn thấy cái trò này cũng thường có ở trong bọn người buôn thên bán thánh của ta: là nhai cóc, bát, đĩa và nuốt lươn sớng, cóc sớng và ếch sớng, có khi ăn đất ăn sỏi và ăn đá nữa.

### ***Về sự ăn đồ sớng và đồ thủy tinh***

Đã lâu lắm, ở Đông phương cũng như ở Tây phương, người ta vẫn cứ tưởng rằng thủy tinh và đồ sớng là những thứ thuốc độc có thể làm hại những cơ quan tiêu hoá. Chính cả Maupassant cũng tin như thế thì phải, bởi vì tôi nhớ có đọc của Maupassant một truyện một người đàn bà muốn hại em vì em chim tranh tình nhân của mình bèn nghiền thủy tinh vào bánh để cho em ăn cho chết. Hevin, Mahon, Fodéré, Crantz, Plenck, Le Clère và nhiều nhà bác học khác cũng nhận rằng thủy tinh đem nghiền nhỏ có thể dùng làm thuốc trừ chuột rất nhiệm mầu. Nhưng Paul Heuzé và Franck đã thí nghiệm nhai thủy tinh rồi: sự thực, thủy tinh cũng như đồ sành đồ sứ nhai ở trong miệng rồi nuốt vào trong dạ dày không có gì là nguy hiểm cả. Chaussier cũng nhận câu nói ấy là đúng và thuật chuyện rằng có một thiêu phu kia, chẳng là phù thủy gì ráo, một hôm tuyệt vọng về chuyện tình duyên đã nhai một cái cốc thủy tinh chú ý là tự tử: những mảnh cốc vỡ đã đi qua ống thực quản và dạ dày và chẳng gây ra một biến chứng gì cả vì người đàn bà ấy vẫn sớng như thường vậy. Người ta đã thử cho súc vật ăn đồ sành và thủy tinh: những con vật ấy đều không việc gì cả. Luôn ba ngày liền 4, 10, 11 Octobre 1808, con mèo của M. Le Sauvage có thể ăn tới 30 lạng thủy tinh: người ta mổ bụng con mèo đó để xem xét dạ dày và ruột của nó thì thấy chẳng làm sao hết. Năm sáu con chó đem thí nghiệm thì kết quả cũng thế và có rất nhiều vị bác sĩ: Godefroi, Nicolas,

Raisin, Samfrène, Dumreil Laêmec, Dupuytren, Delaroche đê`u có chứng kiế`n.

### ***Ăn lươn, ăn ế`ch, ăn cóc***

Thường thường những anh phù thủy Á`n Độ bịt mắ`t người ta chứ thực không ăn rắ`n rế`t cóc nhái nhưng đôi khi cũng có nhiề`u người phù thủy *thực* giồ`ng Aissaouas, ăn lươn ăn ế`ch sớ`ng. Thê`t tỏ ra làm sao? Theo lời Robert Houdin và Paul Heuzé thì đó chỉ là một cái thói quen ở trong sự ăn uớ`ng mà thôi, chứ không có gì là khác. Paul Heuzé kể ra một thí dụ tên Jean de Paris ăn ở trước mặt mọi người những thứ còn ghê tởm hơn nhiề`u. Riêng kẻ viế`t bài này thì rắ`t có thể kể một thí dụ ghê hơn thê`. Ai ai ở Thanh Hoá lâu ngày tắ`t cũng đã biế`t một con quái vật là thắ`ng Khởi, bạn thân của ông Phạm Văn Lược, quanh năm ngày tháng chỉ cỡi trắ`n, uớ`ng nước cô`ng, ăn cóc nhái sớ`ng và gà chề`t. Truyện "*Nỗi thương tâm của một tên dân Hồ`ì*" do Châu Phong viế`t và xuấ`t bản mắ`y năm trước ở đây có nói rõ về` việc á`y.

### ***Lắ`y lửa đố`t mặt***

Bọn phù thủy ta lại còn cái lắ`i này cũng giồ`ng bọn phù thủy Á`n Độ, là lắ`y lửa đố`t mặt và đố`t tay. Người phù thủy cắ`m một cái mớ`i lửa gí vào khắ`p mặt và hai cánh tay, ở cổ và có khi cả vào mớ`m. Lửa cháy bùng bùng lên một lúc rô`i tắ`t dắ`n dắ`n đi. Ở các ngày hội tinh lý ở Pháp, người ta cũng vẫn thường "chơi" thê`. Thực là một cái trò trẻ. Ở đây lửa á`y chỉ là *lửa rượu hoá than*, còn ở Pháp thì trước khi đưa lửa lên tay lên mặt, người ta xoa một thứ thuố`c nước có phèn chua mà những nhà bán thuố`c khoa học huyề`n bí như nhà Caroly có bán!

Cứ kể về` những "phép màu" của bọn phù thủy Á`n Độ thì còn nhiề`u: nào là giẩ`m chân không lên những mũi dao nhọn, nào là rửa

mặt bả`ng dầ`u sôi, nhưng đại khái, phầ`n nhiề`u đầ`u là bíp bọm cả, cũng như ở xứ ta vậy.

Duy có điề`u này ta cũng nên biế`t là: bấ`t cứ ở nước nào cũng vậy, trong bọn phù thủy giả thề` nào cũng có phù thủy thực, – cái bọn người có một lòng tin mãnh liệt không bao giờ loè người ta bả`ng những chuyện công cuô`ng như thề`! Những hạng phù thủy thực ở Á`n Độ khi xét mình đã đầ`n cùng cực của tài nghệ rô`i thì tự tử. Người ta kể chuyện rằ`ng có một người phù thủy thực kia xông vào lửa đỏ ở Najadi và lấ`y hai cái lưới kìm bắ`m vào cổ cho chề`t, sau khi đã đập đầ`u vào sắ`t.

Paul Heuzé nói rằ`ng: "Chính thề`! Sao lại không tin được có những người phi phạm như thề`?"

Riêng ở nước ta thì tôi thấ`y rằ`ng bọn phù thủy chẳng bao giờ lại làm như thề` cả, nhưng hầ`u hế`t chỉ *phản* người để lấ`y tiề`n thôi, hoặc giở những trò bíp bọm ra cho nhiề`u để loè nạt những người mê tín.

Cho nên nhiề`u khi chính những người mê tín chưa bị "hông thầ`n kinh" thì chính họ, họ đã bị toi rô`i, toi cả thầ`n kinh mà toi cả tính mệnh nữa như những bả`ng có chắ`c chắ`n mà tôi tạm trích một ít ở trên những báo hàng ngày ở đây:

– Ở Ninh Bình, Phạm Thị Năng, 22 tuổi quán làng Cung Quê`, tổng Thanh Quyề`t huyện Gia Viễn vô`n có [...]<sup>2</sup>

Duyên do cũng chỉ tại quen như mọi lầ`n, vì nhà có điện thờ, nên bác Nguyễn Trầ`n Trinh sáng hôm ấy lại sắ`m sửa đồ` cúng để làm lễ. Người đầ`n lễ điện cũng đông. Thề` rô`i trước đèn nế`n sáng choang, hương bay ngào ngạt, bên tai cung vãn giọng hát véo von, bác Trinh lên hế`t giá đồ`ng nọ lại đầ`n giá đồ`ng kia không sao, không ngờ đầ`n giá cuố`i cùng phải thắ`t cổ, vì nút dây bác thít mạnh quá

thành ngạt hơi không thở và cũng không nói lên được nữa, thành thử bác Trinh gục xuống chết dần, những người xung quanh thoát đầu tưởng thánh giáng cứ kêu cầu mãi, sau hồi lâu không thấy bác Trinh nhúc nhích đâm ngờ lay gọi thì bác Trinh đã chết cứng từ bao giờ rồi. Nhưng những con công đệ tử thì vẫn cho là tại bác Trinh không tâm thành nên bị đức thánh ngài phạt giam!

Những chuyện tương tự thế ít lâu nay ở nước ta, xảy ra rất liên liên. Đó chẳng qua cũng chỉ là do ở sự muốn bịp bợm mà ra, nhất là cũng bởi tại người mình một số lớn hãy còn mê tín quá, lấy những chuyện siêu linh, thốt cổ, cắt lưỡi làm chuyện thực.

Về cái ca này, chúng tôi sẽ nói rõ ở bài "Buôn thàn bán thánh" ở số này và chúng tôi xin đem cả một chứng cứ bịp bợm và lợi dụng sự cắt lưỡi để kiếm lợi một cách trực tiếp như thế nào.<sup>3</sup>

**VŨ BÃNG**

*Trung Bắc chủ nhật*, (số đặc biệt về buôn thàn bán thánh), Hà Nội, số 32 (13.10.1940)

## Vinh nhục của mẹ mới

*Vinh ít nhục nhiều, cái nghề mới lái, ông ơi, bạc lắm! – Đó là lời của bà ký Tám Mái đã nói với chúng tôi, trong một câu chuyện về những cái vinh cái nhục của nghề làm mới vợ mới chồng ở nước ta.*

Người đàn bà ấy không còn trẻ nữa. Ở một mình với một đứa con nuôi học một trường tư thục lớn ở đây, bà nguyên là một người hàng xách đi khắp Hà Nội để bán buôn đủ hết các mặt hàng. Nhưng về sau, nghề đó không lấy gì làm lợi lắm, bà xoay ra làm mới nhà mới cửa ăn hoa hồng và từ nghề mới nhà mới cửa, bà đã bước sang nghề làm mới vợ mới chồng cho người ta.

– À, à, này chớ có cười nhau. Bà Nguyệt lão ở trên trời đã y, chớ đừng có tưởng chơi đâu. Một câu nói của tôi, nhiều lúc có giá trị ngang một câu nói của ông tổng thống. Tôi ưng một tiếng thì thành vợ thành chồng mà nếu ước tôi cái gì thì phải biết! mà t vợ mà t chồng đã y nhé. Có người đã nói cái môm tôi là môm mẹ mề. Nhưng biết làm sao được? Trời sinh ra mình bắt mình phải bán nói mà sống thì không làm, sao được? Có mà rã họng ra! Và lại nói mà giúp ích được cho người ta, tôi tưởng cũng chẳng có hại gì. Người ta sẽ cảm ơn mình mãi mãi, đại khái như trong câu chuyện cổ nọ, một người gù lưng xấu xí, không nhờ nghề bán nói của chúng tôi, thì làm sao mà lấy được vợ một cách dễ dàng, mà chị chàng sứt môi kia, nếu không có chúng tôi tài nói, thì có mà đến già mới có kẻ rước đi... Để tôi kể cho ông nghe câu chuyện ấy: Ngày xưa, có một cậu trai muốn lấy vợ và một cô gái muốn lấy chồng. Cô thì muốn một gã trai giòn; còn anh, anh thì tất nhiên là mơ ước một chị chàng thực đẹp. Bởi vì cái tâm lý của người đời nó thế, ai không vậy, thưa ông?

*Cơm trắng ăn với chả chim*

*Chông đẹp vợ đẹp những nhìn mà no!*

*Cơm hám ăn với cá kho,*

*Chông xấu vợ xấu những lo mà gầy!*

Phải lắm. Chi chét một nỗi là hai anh chị lại cùng có mỗi người một tật nên chi cái hoài bão "đẹp đôi vừa lứa, phải vợ phải chông, tốt đôi loan phụng" của hai anh chị khó mà thành được. Bởi vậy, phải đi tìm mụ mồi.

Đã đành, sau khi nhận được ít tiền, mụ mồi nhận lời ngay. Mụ chạy sang nhà trai bảo: "Thôi, hai cụ ạ, được chỗ này thì chẳng có đâu hơn nữa, hai cụ cũng được vui tuổi già. Không cần nói đến chuyện môn đăng hộ đối nó đã rõ rệt ra rồi, chỉ nói riêng về cô ấy thôi, cháu tưởng giá có phải chông bạc lên cao bằng người để mua được cô ấy cũng không nên tiếc của. Rồi thực là được cả người cả nết, chỉ phải có một nỗi là "ít mồm ít miệng" mà thôi!". Thế thì còn gì bằng nữa! Đàn bà, người ta chỉ sợ đa ngôn; nay nếu lại được có nàng dâu "ít mồm ít miệng" về thì xin ký cả mười ngón tay tức khắc.

Mụ mồi lại chạy sang nhà gái mà rằng: "Này này, cô tốt số không thể nào nói được. Sắp sẵn mà đi làm bà huyện đi thôi, bởi vì, quý hoá quá, cậu ấy đã được người lại được cả nết, duy chỉ có cái lưng cái lười thì hơi kém người một chút!" Bà mồi khéo nói nhún thì thôi! Ở cái thời đại cổ, mà bọn học trò vẫn mang tiếng là "dài lưng tốn vải ăn no lại nằm" mà lại được một người "kém lưng kém lười" thì còn gì bằng nữa? Xin thuận ạ. Thế là cuộc hôn nhân nọ thành! Mụ mồi làm tiền máy chuyén nữa. Sau, đến ngày cưới, cô dâu che quạt và giấu miệng. Chú rể thì cứ lù lù nằm ở trên cái võng vào nhà. Người ta lấy làm lạ, thì thàm bàn tán; thì ra sau mãi đến lúc



động phòng hai anh chị mới hiểu biết rõ nhau: anh phải nắ m võng là vì gù lưng, còn chị, chị sờ dĩ cứ lắ y quạt che miệng chỉ là vì chị sút môi. Thế nhưng ván đã đóng thuyề n rô i, biế t làm sao? Hai họ thông gia đầ u phải ngậm miệng vì mụ mớ i chẳng đã nói rõ lúc ban đầ u là gì? Chị kém mớ m kém miệng thực, mà anh thì kém lưng kém lố i đứt ra rô i, không nói vào đâu nữa nhé!

Bà ký Tám Mái nói đầ n đó, đứng dậy lắ y coi trầ u vừa xế p lại vừa nói tiế p:

– Đó là một câu chuyện cổ nhưng tả hế t đượ cái tài khéo nói của những người mớ i vợ mớ i chồ ng, dù ngày trước hay ngày nay cũng vậy. Sự thực, chẳng dám giắ u gì ông chú ngày nay, theo ý tôi, thì cái nghề làm mớ i lại còn khó khăn hơn trước nhiề u. Bởi vì người thì khôn của thì khó, thua ông, nhắ t là bây giờ vì các báo bàn luận về việc lắ y vợ lắ y chồ ng nhiề u quá, nên trai gái họ kén nhau cẩn thận vô cùng ông ạ. Những vụ đào mỏ không đượ rô i bỏ nhau, những vụ hi hi mà nhà trai cắ t tai lợn để đem cho nhà gái rắ t nhiề u, thành thử nế u khi trai gái họ lắ y nhau, họ thuê mật thám đi dò, và vì thế, nghề mớ i thành ra khó khăn quá, nói cho xuôi đượ một lúra, già đi hơn mười tuổi!

Nói thế, ông đừng tưởng tôi khoe mình. Sự thực là thế, mỗi khi có người nào đầ n nhờ tôi "giúp hộ" thì đã đành là cũng vui vui vì sắ p có tiề n tiêu, nhưng cứ từ lúc họ bước chân khỏi bực cửa nhà mình thì mình bắ t đầ u mắ t ăn mắ t ngủ vì phải nghĩ mưu kế để làm thế nào cho hai họ xuôi tai... Nói ông tha lỗi, mình phải xăng cũng có, ngọt cũng có, trăm thức bà đầ n. Nói tóm lại, mình phải thạo khoa tâm lý, mình phải đi guố c vào óc từng người một. Nhà lão Hàn K. kia thích có con rể cử nhân tuy lão mắ y đời nay chỉ bán bánh giò ư? Thì nế u ví dụ mình làm mớ i con gái lão cho một cậu trai nào chẳng có đồ bắ ng gì, mình phải nói phóng đại lên, nhưng nói thế nào cho khéo, tỏ ra rắ ng cái bắ ng cá p không "giế t ai" đâu: "Ồ đời,

*bấm hai cụ, chứ cô dâu chú rể mà ăn ở với nhau hoà thuận là quý nhât". Nhưng đến cụ Thương X. ở nhà Diêm có con trai làm tri huyện chỉ thích cho con trai lấy vợ giàu thì lại phải liệu làm sao? Thì ta cứ nói bừa là nếu cậu ta lấy được cô ấy cô nọ thì tha hồ mà ngã lên trên đống vàng, "cái của ấy gọi là cứ đến đời con đời cháu tiêu cũng không hết!"*

Tôi đã biết, thua ông. Tôi đã biết rằng phạm người nào có con trai con gái sắp lấy vợ lấy chồng thì ai cũng để ý xét những lời mụ mớ nói. Hơn hai mươi năm lăn lộn ở trong nghề, tôi rút được một cái triết lý này: bà mớ nên nói rất nhiều, nhưng nếu thấy ở nhà người ta một vẻ gì "khang khác", thấy người ta ít nói, chỉ nghe mình, thì nên nói ít đi. Điêu kinh nghiệm đó, mới đầu tưởng không là gì cả, nhưng mà là "nhiều lắm". Có thể người ta mới tin mình. Mà từ sự tin nhau đến sự nhận lời chẳng cách nhau bao nhiêu đâu. Cho nên bạc đầu làm mớ ra ròi, tôi ít bị có đám chớ từ, trừ phi cái đám khôn nạn ở Hàng Bè, có một người đồng nghiệp với tôi nó há t căng tôi đem một đám khác đến, thành thử ra tôi thiệt chuyển ấy hơn hai trăm bạc.

Người làm mớ, nói ông tha lỗi, lắm lúc phải biết sẵn đón, húng đỡ như một bà phù thủy. Nhiều khi, phải bày mưu lập kế cả cho chú rể nữa. Chẳng ông còn nhớ câu chuyện năm nọ có một anh chàng phơ phất mà lấy được con gái một vị đại thương gia ở Hàng Đào đấy chứ? Đó cũng là tại mớ. Nhưng tôi xin nói ngay rằng người mớ đó không phải là tôi; nhưng mà là con mẹ Ba ở Công Đức. Cũng như con mẹ này, mẹ ký H., mẹ huyện V. không biết đã làm hại biết bao nhiêu con trai con gái. Đây này câu chuyện mớ lái làm hại cô dâu ở Hàng Bè: chú rể ở H. K. thì xâu mà lại "mít", thế mà cứ nhất định phải lấy cho được cô dâu ở H.Đ., mà nhà cô dâu thì chỉ thích con rể học ở trường cao đẳng.

Ông có biết t mù mớ i, con mẹ Ba Công Đục, nó làm thế nào không? Nó dò biết nhà cô dâu hay đọc báo X., nó bèn đến nhà chú rể bày mưu mượn người viết cho mười cái truyện và mấy bài thơ khổ và ký tên chú rể vào, ở dưới không quên chừa một chữ "Sinh viên trường Cao đẳng"<sup>1</sup>. Báo đăng rồi, nó ngẫu nhiên đến nhà gái ướm nhời: làm gì mà chẳng nhận? Thưa ông, chú rể ấy kỳ thực chỉ làm ở nhà đo... đo giường!

Cũng như thế, còn bao nhiêu đám nữa: trai thì bắt rệp mà mớ i đến nhà gái dám nói xưng xưng lên là đỗ cử nhân và nay mai sắp thi... tú tài tây; gái thì hai con đẻ ở tỉnh xa mà vẫn già mồm ca tụng là tường cao cổng kín. Chao ôi, nhiều chuyện lắm, nói làm sao hết. Kiếm ăn thì kiếm ăn được thực đấy, nhưng mà ác lắm, thưa ông: mình phúc đức được là bao mà làm những chuyện nghịch địa oán thiên như thế?... Tôi, tôi không làm thế!

Câu chuyện "bỏ nhân nghĩa" nói đến đấy, tôi nghe không thể nhịn cười được; bà ký Tám Mái, lúc ấy vừa nhai trầu bồm bồm, vừa lấy nét mặt nghiêm nghị, "làm y như là thực" vậy. Khôn lắm, bà ký đỡ lời ngay:

– Nói thế mà thôi ông ạ, chứ "ở với bụt thì mặc áo cà sa, mà ở với ma thì mặc áo giấy", ở cái đời này cứ nhân đức mãi có khi thì chết đói. Vậy nói nhỏ với ông, ông đừng có hại tôi mà đăng toẹt cả lên trên báo nhé. Tôi, tôi cũng vài phen phải làm "khổ nhục kế" như thế, nhưng không tệ quá đến nỗi làm hại cả một đời ai bao giờ...

Đám cưới do tôi làm mớ i mà tôi hớ i hận đến tận bây giờ là đám cậu S. ở H. X. lấy cô gái thứ nhì bà ấm T. ở H. T. Nói của đáng tội, tôi biết rõ hai nhà lắm lắm rồi: cậu thì nghèo rớt mùng tơi mà cô thì hay khoe của, thích đi Gô-đa "sắm sửa những đồ gì thực đắt vào" và có độ một chục bạc trong người thì "trung tướng" là có hàng nghìn hàng vạn. Cậu S... đến lạy lục tôi giúp hộ. Tôi phải giở tài ra, và

sau ba tháng trời đi lại, cô thì thuê mật thám đi dò mà cậu thì đem hết sức ra bung bít, cô cậu mê nhau và chính tôi, tôi bày kế cho chị mắ c vào trong lưới tình. Còn ba hôm nữa thì cưới. Chị ngã ngựa ra vì biế t là cậu nghèo rớt mùng tơi, nhưng biế t làm sao? *Con chim khôn đã mắ c phải lưới hồ`ng...* Chị đành nuô t bô` hòn làm ngọt và tòi tiề n ra để sắ m tất cả... giường nệm, chăn màn, tủ áo, sà lù, – à quên sà-lông, – cho anh chàng...

Những cuộc phô`i hợp như thế, có sự lừa lọc, bịp bợm nhau tự buổi sơ đầ`u, cô` nhiên không bê`n chặt. Chú rể về` khảo của vợ không được nhắ t định không ra Đố c lý làm phép cưới. Và sau những trận đánh nhau chửi nhau đế`n mắ y đời, hai anh chị bỏ nhau và... chửi tôi – tôi, mụ mó i – không biế t bao nhiêu mà kể và còn dọa đánh là khác nữa! Ấ y là tôi nghe đờ`n thế, chứ chửi thế, dọa nữa tôi cũng chẳng câ`n. Tôi như một nhà triế t học, thừa ông ạ, bởi vì đi làm mó i mình phải can đảm hứng lắ y tất cả sự vinh và sự nhục như các nghề` khác vậy.

Tôi hỏi:

– Bà nói phải. Nghề` nào cũng có nhục thì mới có được vinh. Thế` nhưng mà nghề` làm mó i thì tôi chắ c có nhiề u vinh lắ m? – Sở nói thế` làm cho bà ký Tám Mái hiểu lầ m chẳng, tôi phải nói thêm rằ ng: – Phải, những lúc thành vợ thành chồ`ng, người ta kính phục bà mó i lắ m. Một lời bà mó i nói, có thể làm gió làm mưa được! Bà ký Tám Mái cười gắ`n:

– Nói thế` cũng không phải là nói ngoa đâu, ông ạ. Vinh cũng có chứ chẳng phải không. Riêng tôi thì cái đoạn đời làm mó i đáng kể nhắ t của tôi, vinh nhắ t của tôi, có lẽ là hồ`i tôi làm mó i cho hai con ma lắ y nhau ở Hải Phòng. Trước khi kể lại chuyện này, tôi xin nói để ông biế t tôi không phải là người đàn bà An Nam hoàn toàn. Tôi là Khách Minh hương đầ y. Vì vậy nên tôi vẫn đi lại ở nhà ông C.

và ông bang H. Hai ông này vẫn chơi bời buôn bán với nhau, xảy đâu năm kia thì con trai ông C. chết và con gái ông H. cũng chết, hai cô cậu chết cách nhau vài tháng.

Theo phong tục nước Tàu thì hai người chết vẫn có thể lấy nhau như thường; tôi bèn nghĩ cho hai con ma ấy lấy nhau, và hai họ đều ưng thuận. Hai họ ăn uống linh đình và cũng nhận đồ mừng y như một đám cưới người sống vậy. Duy có lúc đón dâu, thì nhà trai rước một cái... bài vị của cô dâu về nhà. Thú lắm. Êm lắm. Tôi được một số tiền khá to và cũng thú, cũng êm như thế, không còn sợ lời thôi gì cả. Vì hai con ma ấy lấy nhau dù "com chẳng lành canh chẳng ngọt" hay dù cậu không đào mả được cô mà tông cô về, hai con ma ấy cũng không bật nắp áo quan dậy để mà đòi tiền lại hay là chửi rửa tội kia mà! Chết thay, những vụ cưới êm đẹp như thế, một đời người mới thấy có độ một lần, còn cái "sự" mè nheo, chửi bới thì nhiều lắm, điếc cả tai hàng xóm. Nhưng mà cần gì? Tôi cứ đầy đủ với nghề thì thôi. Họ bạc thế chứ bạc nữa tôi cần gì? Ông tính, vợ chồng mà hoà thuận, sinh con đẻ cái đầy đàn thì hỏi họ có nhớ tôi không? Không, không, họ không nhớ mọi việc lấy một phút đâu, ông! Lúc đánh chẵn đánh cạ thua, có lại xin họ vài đồng thì chồng đưa mắt cho vợ, vợ đưa mắt cho chồng và từ chối, đến hay! Cái đời này nó bạc lắm, ông ạ. Mà nghề, thì tôi tưởng cũng chẳng có nghề gì bạc bẽo đến thế. Thực là giới hại! Ngay như tôi đây, gần trải một đời người đi làm mọi vợ mọi chồng rồi, mà nói ông đừng cười tôi, tôi vẫn... phòng không lạnh lẽo!

Bà ký Tám Mái nói đến đầy rồi gục đầu xuống ngực như một cây cỏ thụ gặp cơn... giông tố. Đôi mắt bờ câu hỏi... toét của bà xoắn đuôi lại như con tôm, một ít nước mũi thò lò ra, bà méo cái miệng lại cười nhạt mà tưởng như là... mê u.

Tôi an ủi:

– Chao ôi, đời nó thế', cũng là số' kiếp cả, thua bà... Bà ký Tám Mái trả lời:

– Ấy, nói thế', ông đừng tưởng không có ai hỏi tôi đâu. *Nói để ông mừng cho, chứ em ông trông cũng "đường được" đấ'y chứ, có bao nhiêu ông tham ông phán hỏi rồ'i đấ'y, nhưng "em ông" vẫn chưa bằ'ng lòng... Nê' u không thế' thì "em ông" đã chề't từ đời "tám hoánh" nào rồ'i (?) ông ạ. Em ông chỉ nghĩ một điề' u là: thôi, cứ để mặc cho "ngườ'i ta cưới đông cưới tây" đi, em ông cứ ở nhà nuôi mẹ già và phụng dưỡng mẹ lúc mặt trời bóng xế' thì đi lấ'y chồ'ng cũng chẳng lấ'y gì làm muộn... Chỉ trừ khi nào có ngườ'i nào coi mẹ em cũng như mẹ ngườ'i ta, và cho em nửa tháng đố' một trăm bạc để nuôi mẹ thì hoạ' em mới bằ'ng lòng thôi...*

Nhời nói nghe mà cảm phục! Nhưng chề't một cái là bà ký Tám Mái lại nổi tiề'ng là một ngườ'i đàn bà coi mẹ hơn vú già...

Bà ký Tám Mái nói thế' xong thở hắ't ra như nhẹ' được một phầ'n ngườ'i, nhưng chỉ một lát thì bà lại sầ'u rũ ra và chếp miệng luôn luôn than thở cho cái nghề' bạc bẽo:

– Tôi cứ thấ'y ngườ'i ta than thở cái nghề' làm báo bạc bẽo nhấ't đời. Chẳng hiểu làm sao chứ cái nghề' làm mớ'i của tôi thì thực bạc bẽo không bút nào tả nổi. Tôi thường nghe thấ'y má'y ông ở gầ'n nhà tôi vẫn nói chuyện rằ'ng bên Nhật, cái nghề' tôi không đế'n nỗi bị coi thường quá. Trái lại, ngườ'i mớ'i vợ mớ'i chồ'ng<sup>2</sup> ở Nhật lại được đặt lên một địa vị rấ't cao, như một vị quan xử án giữa hai bên chồ'ng vợ.

Ngườ'i ta kể chuyện rằ'ng khi có nhà nào muố'n cưới con, thì việc đầ'u tiên ở Nhật là phải đi tìm ngườ'i mớ'i, thường phải là một đôi vợ chồ'ng. Đôi vợ chồ'ng ngườ'i mớ'i sẽ là hai ngườ'i chúng: ngườ'i mớ'i không thể là một ngườ'i goá hay chưa chồ'ng, chưa vợ. Họ phải là

những người đứng đắn và phải thu xếp tất cả công chuyện, hỏi dò tin tức và an bài cho ổn thoả của hôn nhân. Họ đưa cô dâu, chú rể về nhà cưới và khi nào họ vào phòng tân hôn, thì chính tay người mới cưới họ vào.

Đừng tưởng thế là xong: đôi vợ chồng ấy không phải là không còn bao giờ không gặp người mới nữa. Trong tất cả thời kỳ hôn phối mà họ đã giúp tay, họ đứng ra khuôn xử tất cả những cuộc cãi lộn có thể xảy ra ở giữa cô dâu chú rể. Nếu đôi vợ chồng ấy ly dị, ít khi họ phải nhờ pháp luật đem ra phân xử. Sau khi cưới xin xong, cô dâu chú rể phải đem quà cáp và đồ vật để kính biếu người mới, những đồ biếu ấy thường là bông và gai tức là biểu hiệu của thọ phúc an toàn vậy. Đôi khi là gấm, vóc, quý giá và có thể là tiền bạc. Nghĩ đến người mà thêm ông ạ!<sup>3</sup>

**VŨ BẮNG**

*Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, số 36 (10.11.1940)*

# Nghệ thuật hát bội ở Phù Tang Tam Đảo

LTS. – Như độc giả đã biết, hai ngày 17 và 18 Novembre vừa rồi ban hát *Umejima Gekidan* của Nhật đã diễn hai buổi đặc biệt tại Nhà hát Tây Hanoi để trưng tài nghệ ca kịch của Phù Tang tam đảo nhưng mục đích của ban hát thì là để tiêu khiển cho quân lính những lúc xa nhà xa cửa. Theo như lời viên bầu gánh đã nói trước khi khai diễn thì cuộc vui này không định trước nên gánh *Umejima Gekidan* chỉ có tất cả mười bốn người thôi. Mười bốn vai nghệ sĩ này lãnh cái nhiệm vụ an ủi những quân lính ở Tàu và Đông Dương này, đi không có đồ đạc, không có người theo sau, không có người để trang điểm cho tài tử và không có cả nhà dàn cảnh nữa.

Viên bầu gánh có nói rằng: "Buổi diễn hôm nay bình dị quá, xênh xoàng quá. Sự thực, muốn hiểu thấu cái nghệ thuật hát bội của Nhật Bản, thì người ta cần phải có một cái rạp hát ở Đông Kinh, có một sân khấu thực rộng mà ở trên đó có thể là chỗ hoạt động cho 130 hay 150 tài tử và những người phụ việc".

Nhân hai buổi diễn đó, phái bộ Nhật chỉ mời các quan chức Pháp và máy tờ báo hàng ngày ở đây đến dự, nên người ngoài không được xem tài nghệ của tài tử Nhật ra thế nào. Vậy cho nên chúng tôi lúc nào cũng muốn là một người bạn nhanh nhẹn và giúp ích cho bạn đọc, chúng tôi lấy làm vui mừng mà thuật rõ lại hai buổi hát đó lên đây và luôn thể chúng tôi lại tìm hết cả các tài liệu về nghệ hát bội của người Nhật đem viết ra đây để các bạn cùng xem và một khi xem xong rồi, các bạn tất phải lấy làm kinh ngạc cho cái nghệ hát bội của người Nhật và ta sẽ nghiệm thấy câu nói của viên bầu ban *Umejima Gekidan* nói trên kia



quả là đúng sự thực và buổi hát ngày 17 và 18, mà mọi người cực lực hoan nghênh và coi là một sự lạ chưa từng thấy đó, mới chỉ là một buổi đóng kịch để vui chơi thôi chứ chưa phải là thực vậy.

– T. B. C. N.<sup>1</sup>

Hai hôm 17 và 18 Novembre vừa rồi, những người nào được ban ca kịch *Umejima Gekidan* mời đến xem diễn ba vở tuồng Nhật ở nhà hát Tây tất đều nhận thấy như tôi rằng cái nghệ thuật hát bội của người Nhật đã lên tới một độ rất cao, chẳng kém gì Âu Mỹ.

Cao về nghệ thuật, nghệ hát bội ấy lại cao cả về tinh thần nữa, mà chỗ ấy mới là chỗ chính. Kẻ viết bài này đã từng được đọc ít nhiều hài kịch và thảm kịch của Nhật rồi: hầu hết các vở kịch của họ đều có một cái tinh thần đặc biệt Á đông; người Nhật không có cái lối biểu dương "nghệ thuật vị nghệ thuật", nhưng nghệ thuật, ở phạm vi kịch hát của họ, phải chủ trương một cái gì, phải giúp ích cho người đi xem về phương diện gì, cho nên ở vở kịch nào của họ cũng có một cái then chốt: hoặc ca tụng lòng can đảm, hoặc chê giễu những anh tham tiền bỏ nghĩa, v.v... Cũng như cái lối tuồng cổ và chèo cổ của nước ta, thể nào cũng phải biểu dương hay ca tụng bốn cái đức này: trung, hiếu, tiết, nghĩa, và mạt sát những kẻ không giữ được trọn bốn cái trụ của nền luân lý đó.

Nghệ hát bội của Nhật vì vậy không thể coi như là một trò giải trí, nhưng nhà hát Nhật Bản thực quả là một cái trường học hoạt động, mỗi ngày một đi tới chỗ hoàn toàn.

Muốn rõ lịch sử và nghệ thuật hát bội của người Nhật, ta phải quay lại thế kỷ thứ chín: Hồ i ấy, ở dưới triều Thiên Vũ thiên hoàng, tỉnh thành Yết-ma-tô bị động đất ở gần phía Nã-la (chỗ ấy hiện nay vẫn còn là một chỗ danh thắng lưu truyền tiếng tăm lại đời đời vì những thành quách và miếu đài lộng lẫy) núi lửa phun khói và giết hại không biết bao nhiêu người mà kể.

Muôn yên lòng các đấng thần minh giận dữ đã sát hại sinh linh hồ i ấy, những vị hoà thượng có tiếng ở trong nước bèn nghĩ ra một cách là bày ra một cái đàn để múa hát ở trên bãi cỏ, ngay chỗ xảy ra nạn động đất quý tộc thần kinh kia, và cả được ước thầy, vừa cúng tế múa hát được vài hôm thì ngọn lửa tắt hẳn và nạn động đất cũng thôi hẳn, không hoành hành nữa.

Theo như sự tích truyền kỳ thì hát bội Nhật Bản bắt đầu từ đó. Hiện nay, ở nhiều nhà hát của Phù Tang tam đảo, trước khi chơi một tích hát gì người ta vẫn còn cho biểu diễn lối múa đó, tục gọi là *sambasho* để kỷ niệm cái kỳ tích ở Nã-la và thường thường người đứng ra biểu diễn lối múa đó vẫn ăn mặc lối hoà thượng ngày xưa vậy.

Dân gian từ đó bắt đầu làm quen với những cách biểu diễn có tính cách tôn giáo đó. Những cách biểu diễn đó, khởi thủy rất bình dị; phái Thần đạo về sau dựa vào đó mà làm nên những hài kịch câm và hoạt động. Trong những kịch câm đó, vở có tiếng nhất là vở *Tama-Tori*, trong đó người ta có nói đến một người đàn bà thành tiên, lúc ra trò, tay rung lia lịa một thứ nhạc khí tiếng kêu sang sảng, tay thì cầm một quả tròn bằng pha lê quý giá biểu hiệu sự thực và sự trong sạch ở đời, không ai làm mờ đi được, dù là quý sứ.

Cứ xem như thế thì ta biết rằng cái khởi nguyên của nghệ hát bội Nhật cũng giống những khởi nguyên của nghệ hát bội Pháp. Ở Pháp vào thời trung cổ người ta cũng diễn những trò huyền ảo và phô trương những chuyện huyền bí ở nhà thờ, sau dần dần lan ra đến những biệt thự của các vị quân chủ, quốc vương, sau mãi mới đến những chỗ công cộng để cho dân chúng đến xem cho thích mắt. Nghệ hát bội của Nhật và của Pháp có nhiều chỗ giống nhau và nghệ hát bội của hai dân tộc ấy đã trải nhiều chặng để đến sự tiến bộ ngày nay vậy.

Những tuồng rô i *Joruri* và *Ningyo-Tsukai* bắt đầu đặt ra từ thế kỷ thứ XVIII.

Hiện giờ, ở nước Nhật, một cái cửa rạp hát bao giờ cũng treo đèn kết hoa và dán nhiều tranh ảnh thực rực rỡ tả những đoạn hay nhất ở trong vở kịch mà người ta đem ra diễn.

Cửa rạp có chôn song bằng gỗ sơn đen và ngăn ra từng ô để riêng cho những người bán vé và soát vé. Có một cái buồng để chứa áo khoác ngoài, ô, mũ và những đôi guốc một quai. Chính nhà hát thì phần nhiều chỉ có hai tầng: tầng dưới nhà và tầng gác.

Trong một cái ngăn ở trước sân khấu, một người đàn ông, mà người Nhật gọi là *guidayu* gõ xiếc bằng tròn và đánh đàn tam *shamisen*. Người ấy lúc màn bắt đầu mở, đứng ra nói bằng một giọng buồn thảm và nhịp nhàng về toát ý u vở kịch đem ra diễn và đôi khi vui miệng lại tả cả những tình cảm, những bộ điệu mà những tài tử sắp đem chơi trên sân khấu nữa.

Dưới người "giáo đầu" đó, có một người *amatetake* cầm hai cái sênh bằng gỗ đập vào sàn, những khi nào có một vai rất sâu khổ ra trò, nói lên những lời rất bi đát; người *amatetake* đánh nhịp rất mạnh và làm đình tai người đi xem.

Trên trần nhà hát, có kết hoa và chằng những vòng xúc xích bằng vải đủ các màu, cùng những tấm lụa sắc sỡ có đề chữ viết thoáy: đó là những cái áo của những tài tử có danh tiếng. Cho nên, ở Nhật, mỗi khi ai nói tới một kịch sĩ lành nghề nào, họ thường bảo: "Kép hát ấy đã đóng đến 36 cảnh".

Sự giữ trật tự ở trong nhà hát không phiền phức như ở xứ ta: chỉ cần một người cảnh sát thôi cũng trông cả một rạp hát được; xem thế thì ta đủ biết những người đi xem hát ở Nhật Bản biết trọng trật tự như thế nào.

Tùng dưới thì làm ra không phải để ngồ`i mà cũng không phải để đứng: khán giả ngồ`i xôm ở trên chiế`u và như thế` họ không lấ`y gì làm mỗi mệt bởi vì cái lố`i ngồ`i xôm á`y dân Nhật quen đi rô`i.

Rạp hát chia ra làm từng ô vuông cao độ ba mươi phân một, và phân ra thành từng ngăn đê`u nhau như thể những cái "loges" ở rạp hát ta. Những ngăn á`y bê` ngang khá rộng để cho người ta có thể đi lại tự do được; những người bán chương trình, bán quà bánh và nước trà đi lách qua chỗ khán giả để vào bán hàng, có khi họ lại dọn cả com để bán cho khách nữa, bởi vì ở Nhật có lấ`m khi người ta diễn kịch từ sáng sớm cho đê`n đêm khuya mới tan. Ở trong mỗi cái ngăn như thế` , có một cái que lửa, một cái bụi nhùi, – *hibashi* – để cho người đi xem châm thuô`c, và muô`n nhỏ, người nào người nấ`y đê`u có sẵn một cái ô`ng phóng làm bắ`ng một cái ô`ng tre.

Ở chung quanh người dàn cảnh, có hai cái "phông" chính: một cái vẽ cảnh biển, ánh sáng lung linh và một cái vẽ cảnh một phòng trà xinh xắ`n như một thứ đồ` chơi vậy.

Ngoài những cái lố`i đi có trải thảm mà tôi vừa nói ở trên kia, rạp hát Nhật Bản lại có hai lố`i đi khác rộng hơn ở bên phải và ở bên trái và cao bắ`ng sân khấ`u. Những tài tử sẽ do hai lố`i đi này mà vào diễn kịch: như thế` , lố`i trung diễn sẽ có vẻ tự nhiên hơn mà những tài tử không cứ là phải đi ra đi vào do hai cái lố`i từ xưa đê`n nay vẫn có là hai lố`i đi trong sân khấ`u. Một trong hai lố`i đi nói trên kia khá rộng, có thể cho xe và thuyê`n vào cũng vừa. Khi có một vở kịch nào câ`n có nhiê`u "phông" nhiê`u cảnh thì rạp hát để hai cái phông ráp vào nhau, trên một tá`m biển quay được. Lúc nào câ`n đê`n, một bọn tài tử đi vòng theo lố`i cái biển quay và một bọn tài tử khác sẽ lộ ra ở trước một phong cảnh khác.

Trên sân khấ`u Nhật, đứng riêng biệt hẳn bọn tài tử, lại còn một bọn người mặc quầ`n thâm áo thâm tên là Kuromango: bọn này đi

lại, chạy nhảy, và thấ p đền, dụi nế n. Họ ra trò lúc nào có những chuyện vui đặc biệt hay để giúp đỡ những tài tử khi có chuyện sâ u khổ quá, hoặc đưa cho tài tử một chén trà, một cái khăn tay chẳng hạn. Trong một "sen" tả một võ sĩ sắ p giế t người tình, một tên đứng quạt và một tên giơ một cây nế n dài lên ngang mặt tức giận và sâ u thăm của người đóng vai võ sĩ.

Những kịch Nhật phâ n nhiề u là soạn theo lịch sử và sự tích thâ n kỳ. Trong những gánh hát rong thì những tuồ ng hay kịch đem diễn không dài lắ m nhưng vì nó gầ n sự thực về mặt phong tục hơn nên vẫn được dân gian chú ý hơn. Ở đó, người ta thường diễn những bản hài kịch và những bản tục dao kịch có tính cách thời sự. Phâ n nhiề u người ta hay đem diễn những cuộc đời hàng ngày và những cái lố bịch do cuộc văn minh vật chấ t gây nên và thường được dân chúng hoan nghênh lắ m.

Dưới đây là một thí dụ mà chúng tôi lược được trong một vở kịch thường diễn ở một rạp hát rong quanh năm ngày tháng thường đóng ở Đông Kinh vậy:

"Một người đàn ông kia goá vợ. Có một nhà sư đê n lên đàn và tụng kinh để cho linh hồ n người vợ được siêu sinh tĩn độ. Ông sư đó nói chuyện với người đàn ông goá vợ kia, người goá vợ hỏi phải làm những gì và tiêu phí hế t bao nhiêu tiề n. Cãi lộn, nói đùa, trào phúng, người chồ ng nọ khô i hài. Kịch đê n đoạn hế t: người chồ ng nọ thấ y phải tiêu nhiề u tiề n quá, đâm hoảng và lắ y làm tiế c sao vợ mình lại chế t đi như thế để cho mình phải khổ thân như vậy".

Nói đê n nghệ thuật hát bội của người Nhật, ta không thể không nói đê n bọn kép võ và bọn ca múa được. Bọn kép võ được dân chúng Nhật quý lắ m; quý đê n nỗi họ được mang binh khí là những thứ mà chỉ phái võ sĩ thực, bọn quý phái được mang theo trong mình mà thôi. Họ làm nghề này, đời nọ nô i đời kia và có những cách luyện tập

riêng của phái *sumo*, một phái đứng riêng biệt ở trong xã hội và có một sức khoẻ không có ai bì kịp. Bọn kếp võ này, hay nói nôm là bọn đô vật này, chia ra làm ba hạng: hạng tập sự (*Komosobi*), bọn "thầy" (*Maigashira*) và bọn "chúa" (*Ozéki*). Lên được đến chức thứ ba này, là đến tột cùng của nghệ thuật vậy.

Họ không có một rạp hát riêng cho họ. Hết gánh này sang gánh khác, họ mỗi khi đi diễn ở đâu thì làm cho dư luận ở trong nước xôn xao lên: vài ngày trước hôm biểu diễn, có một người đứng ở trên một cái tháp đánh trống dữ dội và rao lên âm ầm ầm. Phố xá có treo cờ kết hoa rộn rịp, không thể tả hết sự tung bừng náo nhiệt.

Ở giữa một bãi đất rộng, người ta dựng lên một võ đài, chung quanh có những bục gỗ để cho người ngồi xem: những người ngồi xem đó đánh cá với nhau những ai thua ai được, y như đánh cá ngựa vậy.

Đứng ở giữa bục là viên trọng tài, viên trọng tài này theo dõi cuộc đấu từng tí một như ở trong một cuộc đấu gươm. Cái công việc viên trọng tài xem thế không phải là một công việc dễ dãi như ta tưởng đâu, nhưng là một công việc cha truyền con nối vì người đứng trọng tài cũng phải giỏi võ và biết hết các môn quyền thuật.

Những viên trọng tài có tiếng nhất ở Nhật là những người ở dòng họ *Kimura*, một dòng họ lâu đời nhất, bây giờ người ta không còn biết ông thủy tổ là ai cả.

Còn về ca múa. Nội cái gì có tính cách ca múa, ở Nhật, người ta cũng đều hoan nghênh cả. Ở Đông Kinh, chánh phủ Nhật có xuất tiền ra lập một trường dạy ca múa giống như Nhạc hội ở Anh và ở Pháp.

Nội tất cả những lối múa, cái lối làm cho người ta chú ý nhất là lối *Dai-Kagura* hay là lối múa "Cao Ly mãnh hổ", nó nhấc

người ta nhớ đến sự tích bà nữ vương *Zingo-Kogo* đã chiêm được đất Cao Ly.

Một cái thí dụ hay nhất về nghệ thuật nhảy múa của người Nhật là bản *Matsu-Odori* hay là "Khiêu vũ cây tùng", người đàn bà ra múa làm những bộ điệu mềm dẻo như là cành tùng cành bách là một thứ cây quân tử quanh năm xanh tốt. Trong lối múa này, cây quạt là một vật quan hệ vào bậc nhất, hơn cả các lối múa khác. Phàm lối múa nào của người Nhật cũng cần dùng đến quạt. Người Nhật cầm quạt múa dẻo lảm và mỗi một lối múa thì cây quạt múa lên lại có một tính cách riêng: mỗi một bước, mỗi một cái uốn éo người đều là để trả lời một tư tưởng, một cảnh ngộ. Người đi xem diễn kịch tưởng như mình được đọc một bài thơ mà bao nhiêu nhân vật ở trong đó đương sống ở trong cõi cao cả nhất của nghệ thuật tư tưởng.

Người Nhật Bản là một dân sản xuất ra được nhiều nghệ sĩ có biệt tài và những người nhảy múa có tiếng lẫy lừng trong thế giới. Những văn sĩ, trước tác gia cũng đáng được người ta cổ vũ hoan nghênh như những người ca múa và những tài tử biểu diễn ở trên sân khấu vậy.<sup>2</sup>

**VŨ BẮNG**

*Trung Bắc chủ nhật*, Hà Nội, số 38 (24.11.1940)

# Geisha

*Yoshiwara, một "hoa thành" của Phù Tang tam đảo bị thiêu sạch và vớt 10 vạn geisha ra cuộc đời.*

Các bạn đọc báo, kỳ trước đọc bài tường thuật hai buổi diễn kịch của gánh *Umejima Gekidan* ở nhà hát tây Hà Nội tất hãy còn nhớ rằng ở giữa hai vở *Zembu Selshin Ijoari* và vở *Yamato Damashii*, ban tài tử Nhật có trung một cuộc "múa quạt" rất đẹp do một người đàn ông ăn mặc giả làm thiêu nữ Nhật múa theo tiếng đàn *samishen*. Người Nhật ấy đã làm cho nhiều người lính Nhật đi xem hôm ấy chú ý: chú ý vì thân hình, vì điệu múa "như cành bách cành tùng" đã đành rồi; nhưng sự thực, họ chú ý một phần là vì người ta nhớ tới một hạng thiêu nữ múa quạt ở Nhật, các cô *geisha*, một hạng đàn bà kiêu diễm tài hoa, đã tô điểm cho nước Nhật và làm cho thế giới ưa đến thăm nước ấy.

Thực vậy, người ta có thể bảo rằng những người đàn bà này gần như là một thứ tinh hoa của Phù Tang. Cho nên một người đàn ông Nhật bị đày ải đến nơi quan tái hay là bỏ cửa bỏ nhà mà đi lập nghiệp ở dưới những phương trời lạ, – theo lời của một danh sĩ biết nhiều về Nhật bản Paul Louis Couchoud – thì người đàn ông Nhật nhớ họ như là hình ảnh của quê hương vậy.

Sự thực, từ xưa đến nay rất nhiều người đến chơi đất Phù Tang đã hiểu lầm bọn người này cũng như từ xưa đến nay nhiều người đã không thận trọng những danh từ trong khi du lịch. Người ta có cái ý muốn gán cho những chữ những tiếng một cái ý phong tình, đại khái như những chữ *sérail* và *harem* chẳng hạn. Chính thực chữ *sérail* chỉ có nghĩa là lâu đài và *harem* chỉ có nghĩa là nhà (ở chữ



Anh *home* mà ra) như hiện giờ người ta nói tới hai chữ ấy thì đều hiểu theo một nghĩa không đúng đắn.

Cũng vậy, người ta bây giờ mỗi khi nói tới chữ Nhật *geisha* thì đều có cảm giác rằng *geisha* là bọn gái phong tình của đất Phù Tang, nhưng sự thực *geisha* cũng như *mousmé* ở Nhật đều là hạng người mà tính hạnh không có gì đáng làm cho ta sợ cả. *Mousmé*, ở nước Nhật, chỉ có cái nghĩa là người con gái ở trong gia đình, người chị cả; còn như *geisha* thì là... đó, chính ở đó ta cần phải nói cho rõ ràng đôi chút.

*Geisha* là hạng thiếp nữ sa cơ, làm nghề lấy nhan sắc ra tô điểm cho đất nước. Hạng người này, như trên kia, tôi đã nói, thực là cái tinh hoa của Phù Tang cũng như những nhà võ sĩ là danh dự của Phù Tang vậy.

Những dây lưng đẹp, những gấm vóc lụa là hào nhoáng, những đồ nữ trang thay đổi kiểu luôn luôn chế hoá ra là để bọn này dùng; họ có thể đem ví với những ngôi sao (in partibus), những ngôi sao không bao giờ lên sân khấu để diễn kịch cả mà cũng chẳng đóng trò chiếu bóng, nhưng mà là những ngôi sao để cho vương tôn công tử bỏ tiền ra mời về nhà thưởng thức cái đẹp, cái tài, cái khéo và cũng là để chuốc lấy sự khổ não cho thân mình, bởi vì những *geisha* uốn éo, nũng nịu và thích làm khổ lòng người ta lắm. Tuy vậy, ta đừng vội tưởng những cô *geisha* này là một hạng lầu xanh hay là những con "gà mái lịch sự" của ta đâu: họ du dương tình tứ, họ có những điệu bộ khêu tình thực, nhưng... nhưng họ không phải là những hạng người bán cái dâm đi nuôi mình.

Khởi thủy, những cô *geisha* chính là những con đống cái bán ở phái Thần đạo; họ đứng làm tiêu biểu cho cái chủ nghĩa khoái lạc là cái luân lý của nước Nhật khi xưa vậy.

Vào thời ấy, những nhà quý phái ở nước Nhật không biết làm gì cả, ngoài hai bữa cơm ra; họ đọc phú ngâm thơ mãi cũng buồn nên thường thường vẫn hội họp nhau ở những nhà như nhà cô đầu bây giờ để đề trăng vịnh gió, ngắm tuyết trông mây và, cũng như lớp người cũ ở nước ta, họ phí thời giờ vào những việc không ra đâu cả.

Một vài "cái phòng trà" bắt đầu mở: những người chủ phòng trà, muốn cho những ông thi sĩ, văn sĩ một mùa kia có bạn, bèn mộ dăm ba ả đến để mài mực, rót rượu hay ngâm ngợi dăm ba câu thơ cho đỡ buồn.

Nếu người ta cần phải đem các cô *geisha* ra ví dụ với một hạng người nào ở nước ta, tôi xin ví họ với bọn cô đầu hát cũ, cái bọn người ở sau màn hát ra để quan khách nghe chơi, cái bọn người cùng lớp với vai chính ở trong truyện *Thê non nước* của Tản Đà Nguyễn Khái u vậy.

Những cô *geisha* Nhật Bản khởi nguyên cũng thế. Họ là những con nhà gia thế cả nhưng vì chẳng may gặp bước sa cơ thất thế nên phải tạm dấn mình vào một chỗ dập dùi xa mã công khanh. Tôi đã đọc một vở kịch Nhật mà trong đó người ta thuật chuyện một người đàn bà Nhật đã có chồng, nhưng vì chồng cần tiền để hội họp anh em lại trả thù cho chủ cũ, người đàn bà ấy không ngần ngại gì cả, đã tự bán mình lấy 100 đồng tiền vàng và đến ở một cái phòng trà trong ba năm.

Quả vậy, những người đàn bà dấn thân đi như thế không phải cứ để ở suốt đời như thế! Họ có giao ước với chủ phòng trà sẽ ở trong một thời hạn là bao nhiêu ngày, bao nhiêu tháng, bao nhiêu năm; ngoài cái thời gian ấy ra, họ sẽ có tự do của họ, mà trong khi ở đó, không có thể có một thế lực gì bắt họ phải theo ý muốn người khác được.

Ở những phòng trà áy, người *geisha* được hưởng một thứ giáo dục hoàn toàn: họ thêu thùa may vá, học cách cắm hoa (*ikebana*) và học cả chữ nữa, để mỗi khi có khách thì có thể xướng hoạ được với họ, hoặc nếu không thể thì ít ra cũng phải biết ngâm vài bài thơ để làm vui lòng khách những lúc trà dư tửu hậu.

Mỗi nhà có riêng một người đàn bà đứng tuổi chỉ rờng dạy bọn này: họ dạy bọn *geisha* những bài thơ của các danh sĩ mà chúng tôi tạm dịch nghĩa một vài bài ra đây:

*Một con chuồn chuồn Định đậu lên trên*

*Một ngọn cỏ*

*Nhưng không được.*

\*

*Dù mi đã đậu rồi,*

*Đôi cánh mi còn vẫy,*

*Bướm ơi!*

\*

*Một đàn ngỗng gười*

*Ở đỉnh núi bay đi*

*Dưới ánh trăng thanh.*

\*

*Một cánh hoa rơi*

*Và lại bay lên cành.*

*À! ra con bướm...*

Những bài thơ ây đại khái như vậy cả, (người Nhật gọi là *hai-ku*) phần nhiều mỗi câu chỉ có một hai chữ vớ vẩn thôi, nhưng bài nào cũng nhẹ như bướm cả. Bọn *geisha* người đã nhẹ lại ngâm những bài thơ nhẹ như thế, tưởng đã thên tiên lắm lắm rồi, không ngờ người Nhật vẫn cho thế là chưa đủ nên lại còn tập cho bọn *geisha* biết nhảy múa nhẹ nhàng cũng như dáng điệu của họ và thơ của họ ngâm nga vậy.

Về những lối múa này, như trong bài *Nghệ thuật hát bội của Phù Tang tam đảo* mà tôi đã viết trong số trước, lối nào cũng dùng đến cây quạt cả. Mỗi bước đi một điệu, mỗi sự uốn éo lòng là để "trả lời" một tư tưởng, hay một vẻ riêng của nghệ thuật nhưng đặc biệt và được *geisha* Phù Tang tam đảo ưa nhất và lấy làm khó nhất có chăng là lối múa cây tùng cây bách (*Matsu Odori*). Hai tay người *geisha* múa như lá tùng lá bách rơi ở chung quanh bộ xiêm phục lệ làng như gió xuân.

Xem như vậy thì ta có thể bảo bọn *geisha* chính là một hạng nghệ sĩ của đất Phù Tang, mà sở dĩ bọn người này được thế, chính là vì ở Nhật, sau cái phong trào xu hướng về khoái lạc, phong trào

Không giáo kẻ tiếp luôn và đưa người ta đến chỗ tận thiện tận mỹ của đạo đức và nghệ thuật.

Hiện nay, phong trào Phật giáo có lẽ không rộng được bằng khi xưa nữa, nhưng Nho giáo lại gây cho óc người Nhật sự cương cường, làm cho cả đàn ông lẫn đàn bà đều biết trọng nhân cách vậy. Vì

thuở nhỏ, người ta đã dạy cho con trai cũng như con gái cái "nghệ thuật giữ mình" nghĩa là giữ từ cách đi đứng cho đến cách kiêu mịch lòng dục lại làm cho mình tự chủ mình.

Những cô *geisha*, vì vậy, lúc mới bước vào đời đã học được cách kiêu mịch nước mắt, biết giữ để không tức giận, không sợ hãi.

Paul Louis Couchoud kể chuyện rằng chính mắt ông, hồi bắt đầu cuộc chiến tranh Nga – Nhật, ông đã được mục kích có tới hơn hai mươi bận những quân lính Phù Tang từ biệt đất nước để ra nơi trận địa. Bao giờ cũng vẫn một lối nghi tiết ấy: những cô *geisha* – phần nhiều có chồng hay nhân tình ở trong số quân lính đó – ăn bận thật diêm dúa: áo lụa sa tanh mỏng thêu hoa sắc sỡ như một công viên Nhật; dây lưng (*obi*) vàng lấp lánh một thứ lụa thiên thanh, hội họp nhau ở các nhà ga nhỏ để dung chén trà cuối cùng cho quân lính: các cô *geisha* đi vào các hàng quân, đầu cúi, nụ cười không lúc nào quên nở trên môi cả. Họ không hôn nhau mà cũng chẳng ôm lấy nhau như ở các đô thị lớn trên thế giới; họ cúi rạp xuống chào "những kẻ sắp đi" và cười, không một giọt nước mắt hay một câu than vãn. Không phải là họ không đau đớn ở trong lòng đâu: các cô *geisha* có kiêu mịch nước mắt đấy, theo như một câu đồng dao Nhật "chỉ có cái gô i mới có thể biết nước mắt người ta được".

Những lúc ôm gô i mà đau đớn một mình như thế, các cô hay gảy đàn *samishen* vì trong khoa giáo dục của các cô nhận được, môn âm nhạc là một môn cần thiết nhất, cho nên đã nói đến *geisha* là người ta nghĩ đến đàn *samishen*. Ngoài những môn ấy ra, người *geisha* lại còn phải học cả những lối uốn éo ru lòng người, nói tóm lại là những cách "làm ái tình" như ta học một cuốn mẹo về giác quan. Những cô này càng khéo bao nhiêu càng giỏi bao nhiêu, càng kiêu mịch ra tiền bao nhiêu thì càng được chủ chiểu chuộng bấy nhiêu, sắm sửa cho nhiều thứ và rút ngắn cho cái thời kỳ trong

hợp đồng ví dụ ký sáu năm thì rút xuống chỉ còn ba, ký hai mươi lăm năm rút xuống mười tám năm hay kém thế nữa...

Những nhà *Ochaya* hay phòng trà của Phù Tang tam đảo dựa vào bọn *geisha* mà sống rất nhiều. Họ bán cái vui, cái cười của bọn người kia cho khách du và thỉnh thoảng những nhà lịch sự vẫn cho đón bọn người này về gảy đàn và hát vào bất cứ giờ nào cũng được; – cũng như ở Huế, ta có thể mời các cô ca về để ca lý và gảy đàn tranh để quên sầu những lúc đêm thanh và giá cả bọn *geisha* thì cũng y như bọn ca lý Huế, nghĩa là tùy theo thứ bậc, tùy theo danh tiếng của từng người một, chứ giá cả không nhất định, và một phần nữa cũng tùy theo lối múa của chủ nhà bảo múa. Trên kia đã nói đến lối múa *Matsu Odori*, nhưng từ cuối thế kỷ thứ XIX thì bọn *geisha* thường múa khúc "Múa anh đào" rất được hoan nghênh ở Đông Kinh, chia ra như sau này:

*Miyako Odori*, múa ở Kyoto từ 1 đến 30 tháng tư;

*Naniwa Odori*, từ 1 đến 24 tháng tư;

*Azuma Odori*, múa ở Tokyo từ 1 đến 20 tháng tư.

Cũng như ở nước ta hãy còn tục mê tín, bọn *geisha* đeo vàng dát ngọc cũng tin ở thần linh nhiều lắm, nhưng tin nhất có lẽ là vị Miêu thần vậy. Bất cứ nhà *geisha* nào cũng có một con mèo bằng sứ hay bằng sành, người ta hương hoa cúng lễ cẩn thận lắm, hoặc nếu không thế thì có một con cáo, tức là thần Inari mũi bị xéo.

Irène Bechar có một lần đã hỏi một người *geisha* rằng:

– Có thật các cô tin rằng có Trời không?

– Có, chúng tôi tin có Trời. Nhưng chúng tôi không tin rằng Trời là con cáo, tuy vậy, chúng tôi vẫn cứ phải thờ cáo bởi chúng tôi nghĩ rằng cái giống cáo nó chạy nhanh, vậy tất sẽ mang những lời cầu khẩn của chúng tôi lên Trời mau hơn...

Vào khoảng đầu thế kỷ XX, nghề *geisha* ở Phù Tang tam đảo bành trướng một cách dữ dội; riêng ở Đông Kinh đã có tới 100.000 *geisha* rồi. Những cô gái này, theo sự tiến bộ do văn minh nước ngoài đem lại dần dần nhãng bỏ hết cả những bài múa hát của đất nước đi mà xông cả ra tập nhảy đầm. Những nhà *ochaya* vì vậy biến thành cả ra tiệm nhảy, phong trào nhảy có lẽ cũng dữ dội như ở nước ta độ nào, có lẽ lại dữ dội hơn thế nữa... Người ta thuật chuyện rằng vào hội âm có nhiều cô *geisha* mê nhảy quá đến nỗi cứ nghe thấy tiếng kèn là bắt trái bóng cái chiếu *tatami* ra nhảy đại, đến nỗi sau chánh phủ Nhật thấy thế, không thể chịu được, – và lại thấy nhiều thanh niên tự tử quá, – phải hạ lệnh đóng cửa tất cả các nhà *geisha* lại và xóm *geisha* ở Nhật, Yoshiwara, – một đô thành có mười vạn *geisha* – bị đốt không để một di tích gì lại hết.

Lệnh này ký từ năm 1936 đến năm 1938 thì thi hành: năm âm cũng là năm mà thủ tướng Saito (Ý Đẳng) Nhật bị người ta ám sát.

Đến nay, thì bọn *geisha* Nhật không còn nữa, – hoặc có còn thì cũng là chỉ để ca hát hay nhảy múa những bản đàn, bản múa của riêng đất nước mà thôi. Những bậc phụ huynh túng đói hay những gia đình thất thế phải bán con, bán em, bán vợ đi mỗi ngày vì vậy cũng đỡ dần; *geisha*, một tinh hoa của Nhật Bản, tuy có kém sáng đi đôi chút, nhưng người Nhật cũng không lấy thế làm buồn bởi vì chánh phủ Nhật đã kiếm công ăn việc làm khác cho bọn người giải nghệ này và làm người đàn bà Nhật thành những phần tử có ích cho nước hơn, để đời phó với ngọn sóng thực tế hiện đương tràn lan trên thế giới.

**VŨ BÃ`NG**

*Trung Bả́c chủ nhật, Hà Nội, số́ 39 (1.12.1940)*



# Vụ đi thuê ở đền Bạch Mã

*Sáng 2 Décembre 1940*

Trước một con gà bị cắt cổ nằm giãy chết trên sàn gạch,

M. Kim Sơn quỳ ở "nhà thuê" đền Bạch Mã thuê rằng: "Nếu tôi nói dối, tôi xin chết!"

... Mà thuê như thế chỉ vì một sự lầm lẫn nhỏ ở trong sự buôn bán giữa M. M.<sup>1</sup> Đỗ Văn Tân tức Quảng Thành ở 89 phố Hàng Bông và Nguyễn Văn Kim tức Kim Sơn ở 14 phố Hàng Ngang, Hà Nội.

Ông Kim Sơn nói rằng: Tôi với ông Đỗ Văn Tân vốn là anh em bạn. Năm ngoái, ông hỏi mua của tôi mấy cái tủ. Giá cả là 298p32. Hàng, ông nhận rằng sẽ mua ở Hàng Ngang. Tôi có đủ giá y má như thế. Tự nhiên đánh đùng một cái ông kiện tôi vì ông không thuê được cái nhà của ông Đốc Ngọc ở 53 Hàng Đường. Cái nhà này, tôi cũng thuê của người ta. Người ta cho ai thuê tùy ý, tôi có quyền gì vào đây?

Đó là tiếng chuông thứ nhất.

## **Tiếng thứ hai**

"Cái chuông thứ hai" cũng đứng ở cạnh tôi và lên tiếng:

– Thế sao không nói thế ngay lúc đầu? Anh dờ lăm. Anh có hứa với tôi thuê hộ cái nhà, – nghĩa là 298p32 ấy là kể cả tiền tủ và tiền mua lại hợp đồng thuê cái nhà đó, – thì tôi mới thuê, chứ 298p32 có mấy cái tủ một thì họa có là thặng điền. Nói gần nói xa, chẳng qua nói thật: tôi cả tin bạn quá. Nếu quả là người thường thì giá y tờ cẩn thận, đâu có phải dắt nhau đi thuê như hôm nay.

## Hôm nay

Từ tám giờ sáng, đèn Bạch Mã đã đông người đèn lắ m. Người ta đèn xem hai người thanh niên mới (ấ y, cứ nói thê , bởi vì hai ông cùng trẻ và cùng mặc quầ n áo tây) đem nhau thê ` trước cửa thánh.

Cửa thánh uy nghiêm lắ m. Từ sáng sớm, người ta đã thả p nhang nghi ngút và đố t đèn ở ban thờ. Phía trong, một bóng tô i bao phủ và gây một vẻ thầ n linh bí mật. Cửa đèn mở rộng. Người ta thầ y ở chính giữa một cái hoành phi lớn "*Bạch Mã tô i linh từ*" và hai bên hai biển nhỏ đèn mỗi bên bớ n chữ "Vĩnh tạ an khang". Ở lố i đi ra đi vào, hai câu đố i đèn mười chữ: "*Thiên nam thượng đắ ng thầ n; Long đố nhầ t vọng tự*". Sáng hôm nay hình như rõ chữ hơn lên. Cũng vậy, cờ, biển, trố ng chiêng, rùa, hạc hình như cũng đượ lau chùi cẩn thận hơn một chút.

## Giờ H

Giờ H, giờ quan trọng, là tám giờ rưỡi. Tám rưỡi, đèn chậ ních. Người ta nghe thầ y ở đèn trong có người đàn bà nói ra:

– Tôi thì đèn 2.000 bạc, tôi cũng không đi thê . Ô ã ào... Một người lại nói:

Thê , chứ sợ gì? Tôi đã đượ xem bản biên lời thê rô i. Không có gì là chậ chề hế t; vu vơ lắ m. Thê như thế thì chẳng làm sao cả, tôi thê đèn mười lầ n như thế mà cũng không sợ gì!

Nói gì lời thoi. Tôi thê như thế từ thuở nhỏ mà có khi thê đợc hơn nữa mà cũng chẳng làm sao hế t. Chúng có là tôi vẫn số ng nhắ n ra đây này. Huố ng chi lại thê như lời thê hôm nay.

## Lời thê`

Vậy thì ta xem lời thê` hôm nay ra thê` nào.

Một bọn năm sáu ông già đạo mạo, – cụ dân – đương nhúng... râu vào việc ở một cái bàn kê cạnh đấ'y.

Các cụ hút thuốc' c' l'ao, u'ong nước và chờ chứng ki'ến cuộc th'ê' với ông lý trưởng đương thứ vậy.

Họ cho M. Kim Sơn xem trước lời phải th'ê'.

Lời M. Kim Sơn phải th'ê' như th'ế' này:

*"Hà Nội, ngày hôm nay là mừng 4 tháng 1 năm Canh Thìn tức là mừng 2 tháng Chạp tây năm 1940, tôi là Nguyễn Văn Kim tức Kim Sơn. Tôi xin th'ê' r'ã'ng:*

*Hôm 7 tháng 6 năm 1939 tôi bán những tủ kính và hàng hoá cho Đỗ Văn T'ân tức Quảng Thành giá 298p32 là chỉ bán những thứ ấy thôi, chứ không phải là nhượng quy'ên cho Đỗ Văn T'ân tức Quảng Thành thuê cái nhà 53 Hàng Đường mà tôi dùng để buôn bán. Tôi mà nói d'ôi, tôi xin ch'ê't!"*

### **Con gà, cái chén, cái bát và con dao phay**

Ở nhà t'ê' trong đ'ên, giữa những c'ờ quạt và biển l'ọng uy nghi, một cái vòng tròn b'ằng cái nong kê v'ôi tr'ắng đã vạch sẵn để đợi người bước vào th'ê'.

Trên ban thờ, một cái tách con. Dưới, một con gà s'ố'ng bây giờ có lẽ bán đ'ến đ'ồng bạc, đã bị buộc sẵn ở đ'ấ'y gi'ấy giữa và đưa đôi m'ắt l'ờ đ'ờ nhìn một cái bát úp xu'ống gạch và một con dao phay s'ắ'c bén. Mọi người chen nhau nhòm vào.

Ti'ê'ng l'ao xào b'ồng im b'ặt; ti'ê'ng tr'ồ'ng ti'ê'ng chi'êng vang đ'ộng và người ta th'ấ'y khác ở trong người: đ'ên Bạch Mã trở nên uy nghi'êm l'ạ.

Ông lý đương thứ mặc áo thụng xanh, lấ y tay che râu và che kính quỳ xuô ng một cái bục ở đê ãn trong, suy t một trãng rô ãi khấ n:

"... Lã y thãnh vãn bá i, có hai tên Đõ Vãn Tấ n và Nguyễ n Vãn Kim..."

## **Máu kêu**

Cuộc thê ã bắ t đầ u. Ông từ đê ãn vớ lấ y con gà và câ m dao cắ t tiế t. Máu phun ra. Người ta lấ y chiế c chén nhón húng lấ y. Chỗ máu thừa bắ n tung toé trên sàn gạch và... kêu lên!

Thấ y máu, tâm hồ ãn người ta đõ i khác. Tôi thấ y rợn tóc gáy lên. Máu kêu? Chứ không ư? Máu nói cho người ta nhiê ãu chuyệ n lắ m. Ở đầ y,

tiế ng kêu đó là tiế ng con gà, hế t máu, kêu chề t vậy. Nó giấ y. Mắ t nó trùng trùng lên. Nó chề t. Trước cái chề t ấy, M. Kim Sơn quỳ xuô ng giữa cái vong vôi, câ m cái giấ y chép lời thê ã: "Nế u tôi nói đõ i, tôi xin chề t" và đõ c lên. Đõ c lên khe khẽ... Một người kêu.

– Chắ ng nghe thấ y tiế ng gì cả. Biế t họ thê ã ra thê ã nào? Một người khác trả lời:

– Mà sao ông Đõ Vãn Tấ n không phải thê ã? Ông ta bắ t M. Kim Sơn thê ã vì ông cho là M. Kim Sơn gian giã o, thê ã nhưng ngộ chính ông ta nói vu cho người ta thì sao?

Mọi vụ thê ã khác, – thườ ng thườ ng hai bên cùng thê ã.

## **Cái bát vỡ**

Người ta chờ đõ i xem thê ã trong hai tiế ng đõ ãng hồ ã, M. Kim đế ãn lúc vào thê ã, chỉ một phút là xong.

M. Kim nhấ p một tí máu. Trong khi mọi người ngo ngác chờ đợi một cái gì khác lạ thì nghe thấ y đánh choang một cái. Con dao mới đánh, ông Kim câ m chém đánh chát vào cái bát úp trên sàn gạch. Thê là hê t!

### **Ra về**

... Và mọi người kéo nhau ra về. Mặt M. Kim hơi tái. Tay ông run run nhưng ông cười. Ông cười vì ông đã được kiện ở trước pháp luật chẳng? M. Tá n có vẻ không được bằ ng lòng. Ông không bằ ng lòng về chuyện gì? – Không bằ ng lòng vì có một người anh em nhiều sự? – Không bằ ng lòng vì ông tó n về việc thê này tới 100 đô ng? – Không ai biế t rõ cả. Người ta chỉ biế t rằ ng hai ông á y đê u là người tử tể. Họ đi song song nhau ra ngoài.

Chào ngài!

Chào ngài!

Riêng mắ t tôi trông, thì cả hai ông Kim Sơn và Quảng Thành đê u có vẻ thành thực cả.

### **Chán lắ m, đời ạ!**

Hai ông cùng trẻ, hai ông cùng đẹp cả. Thê mà tự nhiên một ông bắ t ông kia phải đi thê ... sẽ chể t. Thê mà tự nhiên một ông nói rằ ng mình sẽ chể t nếu mình nói đớ i! Thê có chán đời không? Chao ôi, đời nào có vui gì! Sô ng với nhau, khổ lắ m hay sao mà lại muố n cho nhau chể t? Tôi, cũng như các bạn ở trong sớ báo này, không tin rằ ng người ta có thể chể t vì một lời thê được. Nhưng quả, sáng nay, xem việc hai ông Kim Sơn và Quảng Thành, tôi thấ y rợn tóc gáy và buồ n mang mang trong lòng.

Cái đời này, thực thê, nếu không biết thương yêu nhau một chút, trái lại, lại cứ rình ghét nhau và lừa nhau thì chẳng nên vui thú gì. Như thế, chết lại hơn. Mà nói đến chết thì, tuy không tin lời thề có thể chết được người, tôi cũng cứ xin kể một chuyện này mà tôi được biết hồi tôi còn bé.

Hai người đàn bà buôn gạo với nhau ở chợ Hôm. Một người bảo trả tiền rồi. Một người bảo chưa. Hai người ấy đem nhau xuống miếu H.C. và cùng thề. Không có nghi lễ gì cả. Họ cầm con dao bổ xuống gạch và thề nếu ai nói dối thì sẽ chết như thế này như thế nọ... Nửa tháng sau, một người chết gần đúng như lời thề ấy... Và một người nữa, một tháng sau cũng chết theo người đã cùng mình đi thề ở miếu H.C.

### **Cẩn thận!**

Những ông khó tính xin chớ vội kết án người thuật chuyện trên kia. Tôi đã nói tôi không tin rằng người ta có thể chết vì lời thề được. Nhưng tôi cứ đem câu chuyện này ra kể để bạn đọc cùng nghĩ ngợi xem câu chuyện thề này ra thế nào.

Câu chuyện thề không bịa đặt một tí nào đâu. Tôi được biết rõ lắm. Không tin tôi xin thề: "Nếu tôi nói sai một chút gì thì ông cầm cờ xanh, ông cầm cờ đỏ, hỏi cho tới ngõ, hỏi rõ tới cái tên này mà bắt nó đi!"<sup>2</sup>

**VŨ BẮNG**

*Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, số 40 (8.12.1940)*

# Thời kỳ thứ nhất Việt Nam lấy ba tỉnh ở Chân Lạp

Cứ theo sử ta và sử Tàu, từ quãng thế kỷ thứ VI và thứ VII trở về trước, cả miền tây nam sông Cửu Long (Mékong) đều gọi là đất Phù Nam.

Vào cuối thế kỷ thứ VII, đất Phù Nam chia ra làm hai: nửa về tây bắc thì người Thái từ miền đông bắc Ấn Độ và miền tây nam nước Tàu tràn xuống ở, gọi là nước Xích Thổ; nửa về đông nam thì người Phù Nam ở, gọi là nước Chân Lạp tức là xứ Cao Miên ngày nay.

Vào quãng thế kỷ thứ XI và XII, nước Xích Thổ lại chia ra làm hai nửa, một nước gọi là La Đâu, một nước gọi là nước Tiêm. Vào thế kỷ thứ XIII và XIV, sử Tàu có chép hai nước ấy sang công nhà Nguyên. Về sau nước La Đâu gồm cả nước Tiêm, mới gọi là nước Tiêm La Đâu. Đến cuối thế kỷ thứ XIV, vua nước Tiêm La Đâu sang cầu phong nhà Minh bên Tàu, vua Thái tổ nhà Minh mới phong là nước Tiêm La, tức Xiêm La, hay Thái Lan bây giờ vậy.

Tiêm La lúc đầu còn yếu, thường bị nước Chân Lạp áp chế. Sau cường thịnh dần dần lên, rồi vào khoảng năm Vạn Lịch nhà Minh (1573-1620), nước Tiêm La lại đánh lại nước Chân Lạp, bắt được hoàng thân Chân Lạp là Srey-Sauryopor đem về nước. Srey-Sauryopor về sau lại phục hưng lại Chân Lạp, dời đô về đóng ở Lovéa-Êm, ngay chỗ Phnom-Penh bây giờ (1604).

Năm 1618, vua Chân Lạp Srey-Sauryopor truyền ngôi cho con là Chey-Chetta II và đến năm sau thì mất.

Chey-Chetta II năm 1620 dời đô về đóng ở Oudong và hỏi con gái Nguyễn Sãi vương về làm hoàng hậu. Chân Lạp được ta bắt đầu biết đến tới được từ đó.

Trong khi ấy, vua Tiêm La là Phra Naroì dòng dõi nhà Ayouthia dùng một người Hy Lạp tên là Constantin Fauthon làm tướng. Người ấy xui vua Tiêm La giao thiệp với nước Pháp. Bởi vậy năm 1656 mới có bọn sứ thần Tiêm La sang bái yết Pháp hoàng Louis XIV ở điện Versailles.

Năm 1623, người Tiêm La lại sang đánh Chân Lạp. Vua Chân Lạp sang cầu cứu chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn giúp cho quân tướng, phá được Tiêm La. Nhân việc đó, chúa Sãi thấy nước ta thường hay mất mùa, dân tình đói khổ, vả lại đương vào lúc đánh nhau với chúa Trịnh ở Bắc, nên yêu cầu vua Chân Lạp Chey-Chetta II là con rể cho phép người Nam được vào khai khẩn làm ruộng ở Mộ Xoài (Bà Rịa) và Đông Nai (Biên Hòa).

Người Nam ta sang ở Chân Lạp bắt đầu từ đó, và cũng từ đó bắt đầu cuộc tranh nhau đất Chân Lạp giữa ta và Tiêm La:

*Nhà bè nước chảy chia hai,*

*Ai vào Gia Định, Đông Nai thì vào*

Đó là câu hát của người Nam ta rủ nhau vào khai khẩn đất Chân Lạp.

Năm 1628 vua Chân Lạp Chey-Chetta II băng hà, hoàng đệ Préah Outey lên cầm quyền giám quốc, đến năm 1629 thì trả ngôi lại cho Thái tử. Thái tử Chân Lạp lên ngôi tức là vua Ponhėja-Saur. Năm 1630 vua Ponhėja-Saur tranh nhau một mỹ nữ với hoàng thúc là Préah-Outey rồi bị giết chết ở Kanchor. Em Ponhėja-Saur là Ponhėja-Âng-Tong lên nối ngôi anh từ năm 1630 đến năm 1640 thì



mất. Triều đình Chân Lạp tôn một người con hoàng thúc Préah-Outey lên ngôi, tức là Préah-Âng-Non I (1641). Con tiên vương Ponhéa-Âng-Tong là Ponhéa-Chan (Nặc Ông Chân) nổi loạn, bắt được Préah-Âng-Non I, và lên làm vua từ năm 1642 đến năm 1659.

Ponhéa-Chan (Nặc Ông Chân) vốn tính đã tàn bạo, lại tuyên hoàng hậu là người Mã Lai, nên lòng dân không phục.

Những hoàng đệ của Préah-Non liên lợi dụng cơ hội mà nổi loạn để báo thù cho anh, nhưng bị thất bại, phải cầu cứu với thái hậu Chey-Chetta II là công chúa Nguyễn Sãi vương. Thái hậu khuyên bọn hoàng đệ sang cầu viện chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn bấy giờ là Nguyễn Hiền vương, được lời của chị, năm 1658, sai quan đem 3.000 quân sang đánh ở Mỗi Xuý (Biên Hoà) bắt được Ponhéa-Chan (Nặc Ông Chân) về giam ở Quảng Bình mất mấy tháng, về sau tha cho về nước, bắt phải triều cống và bênh vực người An Nam sang làm ăn ở bên ấy.

Ponhéa-Chan (Nặc Ông Chân) về đến nước thì chết (1659). Em vua Préah-Âng-Non II lên thay tức là vua Préah-Sô, trị vì từ năm 1659 đến năm 1672.

Năm 1672, Thái tử vua Préah-Âng-Non I nổi lên cướp lại được ngôi của chú vua, tức là vua Chey-Chetta III. Sang năm 1673, Chey-Chetta III bị người ám sát. Triều đình tôn một người con vua Préah-Sô lên ngôi tức là vua Âng Chey (1673). Nhưng một người con thứ hai của vua Préah-Âng-Non I sang cầu viện được quân ta, về bắt Âng-Chey giết đi mà lên làm vua, gọi là Âng-Non II, đóng đô ở Oudong (1674). Con Âng-Chey chạy sang cầu cứu nước Tiêm La, đuổi được Âng-Non II đi, lên làm vua, là Chey-Chetta IV (Nặc Ông Đài).

Âng-Non II lại sang dinh Thái Khang (Khánh Hoà) cầu cứu với chúa. Nguyễn Hiền vương bèn sai quan Cai cơ đạo Nha Trang là

Nguyễn Dương Lâm cùng với tham mưu là Nguyễn Đình Thái chia quân làm hai đạo kéo sang đánh Chey-Chetta IV, phá được đô `n Sài Gòn và kéo quân lên vây thành Phnom-Penh (Nam Vang). Chey-Chetta IV phải ra hàng.<sup>1</sup> Chúa Nguyễn bèn chia cho Âng-Non II làm vua ở Sài Gòn và Chey Chetta IV làm vua ở Oudong (Long Úc), bắt cả hai vua mỗi năm phải triều `u cô `ng.

Năm 1679, các quan nhà Minh là Dương Ngạn Địch, Hoàng Tiế `n, Trầ `n Thượng Xuyên, Trầ `n An Bình, không chịu làm tôi nhà Thanh, đem 3000 quân cùng 50 chiế `c thuyê `n sang xin làm dân An Nam. Chúa Hiê `n muô `n khai khẩn đấ `t Chân Lạp bèn cho vào ở đấ `t Đông Phô ` (Gia Định). Bọn Ngạn Địch chia ra ở đấ `t Lộc Dã (Đô `ng Nai và Biên Hoà), ở Mỹ Tho (Định Tường), ở Ban Lân (Biên Hoà), khai khẩn làm ruộng, lập ra phường phô `.

Lúc â `y là lúc nhà Nguyễn đã lâ `y hế `t đấ `t Chiêm Thành, bắt đầ `u lâ `n sang đấ `t Chân Lạp. Nước Tiêm La có ý muô `n ngăn trở để giữ lâ `y đấ `t Chân Lạp làm của mình, nhưng thấ `y chúa Nguyễn mạnh hơn đành phải nhượng cho chúa Nguyễn bảo hộ đấ `t Chân Lạp. Tuy vậy, nước Tiêm La thường hay dung những người phản đố `i với vua Chân Lạp, giúp cho binh lực để về ` làm loạn.

Từ năm 1674, nước Chân Lạp chia ra làm hai phái: Âng-Non II được chúa Nguyễn giúp và Chey-Chetta IV được nước Tiêm La giúp.

Năm 1682, Âng-Non II kéo quân lên đánh Chey-Chetta IV song bị thua, vì Chey-Chetta IV có Tiêm La giúp. Năm 1684, Âng-Non II lại kế `t liên với cả Tiêm La để đánh Chey-Chetta IV, nhưng lại bị thua, phải chạy về ` Srey-Santhor. Năm 1688, Âng-Non II lại bị Chey-Chetta IV đánh thua phải trở về ` Sài Gòn.

Tuy hai vua Chân Lạp vẫn đánh nhau, nhưng vẫn phải thầ `n phục nhà Nguyễn.

Năm 1688, những người Khách ở Mỹ Tho nổi lên, Hoàng Tiển giết Ngạn Địch, đem quân đóng đồn ở Nan Khê. Vua Chân Lạp Chey-Chetta IV thấy vậy có ý không chịu thần phục nhà Nguyễn nữa. Chúa Nguyễn bấy giờ là Nguyễn Phúc Trấn sai quân dùng mưu giết được Hoàng Tiển. Chey-Chetta IV lại phải thần phục như cũ (1690).

Năm 1691, Ăng-Non II băng hà, cả Chân Lạp lại thuộc quyền Chey-Chetta IV. Năm 1692, chúa Nguyễn đem 5.000 dân Chiêm Thành cho vào ở Loréa. Đến năm 1695, Chey-Chetta IV truyền ngôi cho cháu gọi bằng chú là Ponghóa-Yâng tức là Ponghóa-Outey Ier .

Năm 1699, một viên quan Chân Lạp là Êm nổi lên làm loạn, được quân ta giúp đuổi được quốc vương Ponghóa-Outey Ier đến Kompong-Chnang. Nhưng về sau vì thiếu lương thực, quân ta và Êm bị thua. Chúa Nguyễn là Nguyễn Phúc Chu tức giận liền sai ông Nguyễn Hữu Kính làm Kinh lược Chân Lạp, chia đất Đông Phố ra làm dinh làm huyện, lấy xứ Đờng Nai làm huyện Phúc Long và xứ Sài Gòn làm huyện Tân bình. Lại đặt Trấn Biên đình (Biên Hoà) và Phiên Trấn đình (Gia Định) sai quan cai trị. Những người Tàu ở đất Trấn Biên thì lập làm xã Thanh Hà, những người Tàu ở đất Phiên Trấn thì lập làm xã Minh Hương.

Nhân việc lôi thôi với nước ta đó, vua Chân Lạp Chey-Chetta IV lại về lên ngôi và công nhận sự đô hộ của chúa Nguyễn (1699).

Nước Tiêm La bấy giờ còn yếu thế đành phải lặng im.

Lần thứ nhất nước ta thành công trong công cuộc thôn tính nước Chân Lạp.<sup>2</sup>

**VŨ BẮNG**

*Trung Bắc chủ nhật*, Hà Nội, số 42 (22.12.1940)

# Năm 1940 đã hết

Thế là đã hết một năm dữ dội. Dữ dội vì nó là một năm 40. Năm 40, trong óc người Âu, vẫn chẳng là một năm tốt đẹp gì, chẳng cứ bây giờ nhưng đã tự lâu năm. Vì thế cho nên "năm 40" đã vào trong thành ngữ Pháp, mỗi khi có chuyện gì bất mãn thì người lại xoa tay mà rằng: Thôi ta cũng coi như năm 40 vậy chứ biết làm sao được".

Các bạn đọc báo chắc hẳn còn nhớ cách đây mười năm, báo chí ở Pháp đã riêu năm 40 mà ý tháng thường không ngớt. Nguyên vào đầu thế kỷ thứ XI có một đức cha, không nhớ rõ người Pháp, người Anh hay người Đức, một hôm lớn tiếng đõn đại rằng đến năm 1040 thì thế giới sẽ hoi kiếp, loài người chết hết không còn lại lấy một người. Bao nhiêu nhà giàu ở Pháp, những chúa tể địa phương, bán cả đất đai nhà cửa để lấy tiền ăn chơi, để ngộ có chết cũng không ân hận. Chẳng ngờ việc ấy lại lầm. Kết quả, những đại gia quý phái bị tai hại, bởi vì năm 1040 thế giới không hoi kiếp. Người ta chỉ thấy cái chế độ phong kiến bắt đầu đến hoi tàn cục từ năm ấy mà thôi. Mà cũng từ năm ấy "năm 40" đã thành một năm tai hại: Năm 1140, năm 1240, năm 1340, năm 1440, năm 1540, năm 1640, năm 1740, năm 1840, theo như một bài của báo *Hữu thanh* thuật lại thì không năm nào lại không có chuyện tai hại xảy ra cho thế giới. Chữ "40" từ đây thành ra một chữ đáng sợ như con số 13, và người ta thường thấy chữ 40 ở trong thành ngữ Pháp, như trên kia đã nói. Nó gọi cho óc người ta một vẻ riêng. Tuần chay "Carême" dài tới 40 ngày. Bên đạo, lễ giải tội cũng kéo tới 40 ngày. Vào thời trung cổ, những người bị bệnh dịch hạch phải giữ 40 ngày ở nhà thương. Dưới triều vua Saint-Louis, người ta gọi một lệ luật của chế độ phong kiến là "Quarantaine le roi": trong ngày ấy, một người bị nhục không được phép rửa nhục. Trong tất cả thành ngữ có con số

40, chúng ta đã biết chuyện "40 người ăn trộm và Ali-Baba", các bạn tất còn nhớ chuyện "40 vị chúa tể đã tạo nên nước Pháp". Các bạn cũng chưa quên cái "luật bốn mươi giờ", một cái luật xã hội đã làm đổ nát bao nhiêu mục đã làm hại nước Pháp vô cùng vậy. Con đường "40 xu" nổi lên Saint-Germain đến Poissy sở dĩ có cái tên như thế là vì những thợ thuyền làm ở trong quốc gia công xưởng năm 1848 mỗi người được 40 xu một ngày.

Ở Venise ngày xưa có tòa án Bốn mươi người. Tỉnh Sébaste (hiện giờ là Sivas) ở Tiểu Á-tê-á, đã được chứng kiến cái chết của 40 đấng tử vì đạo được Giáo Tông tôn lên làm bốn mươi vị thánh.

30 và 40 lại là một cách chơi may rủi; 40 lại còn là một lối tính điểm trong cách chơi đánh cầ u.

Khi người ta nói đến "40 vị bất tử" người ta hiểu ngay rằng đó là 40 vị bất tử ở trong tòa Hàn lâm Pháp. Fontenelle, một vị trong bốn mươi vị đó có câu thơ rằng:

*Ba mươi chín, người ta trọng mình,*

*Bốn mươi, thiên hạ ra tình chê bai...*

Xem thế, ta biết rằng con số 40, đối với người Pháp, không lấy gì làm tốt đẹp. Người ta đoán rằng chữ 40 sẽ không tốt đẹp mãi cho đến năm 2040. Ấy thế mà ta vừa mới trải qua một năm mà hai số cuối cùng là con số 40. Không phải tin dị đoan chúng ta cũng đã thấy đó là một năm không ra gì. Nạn chiến tranh thảm mục đã gây nên. [.....]<sup>1</sup> Người chết không biết bao nhiêu mà kể. Sự thất vọng đã hoàn toàn. Tôi không chịu rằng lời nói của ông cố đạo ở thế kỷ XI nói rằng năm 40 thế giới hỡi kiếp, nhưng qua

năm 1940 vừa rồi, người ta quả đã sống một giấc mơ dữ dội "có mùi đất, có mùi đất thối và có mùi số mệnh!"

Đầu năm 1940, ông Hàn François Mauriac<sup>2</sup> đã viết rằng: "Năm nay, mùa xuân đến hơi sớm quá. Tôi không thích thế, bởi vì có những mùa xuân đem sự chết chóc đến cho cõi đời".

Năm 1940 đã hết. Chúng ta bắt đầu năm 1941. Không hiểu mùa xuân năm nay có đến sớm quá hay không, nhưng chúng ta biết chắc rằng sự *tái tạo* năm nay mang cho ta sự *hồi sinh* chứ không phải sự chết chóc, bởi vì chúng ta đã ở trong cảnh góm ghê ấy rồi. Ta có thể tin cậy được ở số mệnh mà bước vào một năm mới tốt đẹp và chứa chan hy vọng.

**VŨ BÃNG**

*Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, số 44 (5.1.1941)*

# Chén trà tàu đầu xuân

Có một điều này nói ra mà tôi không sợ người nào cải chính, là trong ba ngày tết vừa qua, không ngày nào chúng ta không uống ít ra là một chén nước trà tàu.

Nước trà tàu cũng như miếng trà là đầu câu chuyện ở đất Việt Nam này, mà không cứ phải thế, nhưng là đầu câu chuyện ở hầu hết khắp xứ ở Á Đông, nhất là Tàu và Nhật. Báo *Le Corespondant Chinois* ở Trùng Khánh vừa đây nhân dịp hết năm cũng nói chuyện về chén trà tàu. Bạn đồng nghiệp Tàu cũng như chúng tôi, phải nhận là chén trà tàu có thể đặt lên trên hết cả, không phải riêng ngày tết hay ngày lễ, nhưng bất cứ ngày nào, giờ nào trong một năm. "Những nhà ngoại giao trên thế giới đều biết rằng bao nhiêu việc đều có thể giải quyết được ở trước một chén trà, nhất là dân Trung Hoa thì lại càng biết thế lắm, biết hơn cả các dân tộc khác".

## Chuyện cổ tích trà Tàu

Theo như truyện ký truyền tục lại thì trà tàu cũng có một sự tích riêng mà ta cũng nên biết, mỗi khi cầm một chén nước trà tàu để uống.

Một vị ẩn sĩ, Đạt-ma tổ sư, có tiếng là một bậc chân nhân siêu thoát ở Tàu và ở Nhật xưa nay vẫn được nhiều người kính trọng vì lòng đạo đức và tính cương quyết của ngài, mà trước khi cương quyết với người khác thì ngài hãy cương quyết với ngài trước đã. Ngài ngộ nhập định trong mười bốn năm liền, đến khi xem lại thì mới biết chân mình đã nát rồi. Không nản chí, Đạt-ma tổ sư nhất định không cho phép mình được ngủ, thế nhưng một đêm kia

ngài bỗng chớp mắt mất một hồi lâu, đến khi tỉnh giấc thì trời đã gần hừng sáng. Tức giận vô cùng, ngài bèn xéo hai cái mi mắt của ngài đi và ném ra xa, bởi vì hai cái mi mắt ấy đã cảm dỗ ngài, đã làm hại đến cái lòng cương quyết xả thân vì đạo của ngài. Một sự rớt lạng bỗng xảy ra: hai cái mi mắt của ngài mọc rễ xuống dưới đất và chẳng bao lâu thì đâm ra một cái cây và cái cây ấy đâm chồi và mọc lá. Dân quê ở chung quanh vùng đó ngắt những lá ấy về nhà đun nước pha uống và cứ uống nước ấy vào thì người ta không ngủ được.

### **Trà tàu ở Tàu**

Đó là chuyện cổ tích về trà tàu ở Nhật. Theo truyền kỳ kể lại thì người Tàu đã tìm ra được trà từ 46 thế kỷ nay, 12.737 năm trước Thiên Chúa giáng sinh. Hai nghìn năm trăm năm sau, vào thời đại mà các nhà quý phái Anh còn ăn bận những da thú vật và dùng những khí giới bằng đá thạch thì người Tàu đã phát huy cái "nghệ thuật ngoại giao" và tìm được những sự liên lạc mật thiết và nhã nhặn giữa nghệ thuật ấy với trà tàu ta uống.

Từ đời Hán (206 năm trước Thiên Chúa giáng sinh) những vị vua chúa đã mang thực hành "cách ngoại giao chén trà tàu" để trị vì đất đai của mình. Những dân ở biên thủy thấy người Tàu uống trà và nghiện trà tàu cũng bắt chước và từ đó, kỹ nghệ trà tàu bành trướng một cách rất mau lẹ, nhiều dân tộc man di ở chung quanh đó thường đến đổi trâu, bò, gà, ngựa lấy từng bánh trà và lấy trà làm một thứ đồ ăn cần thiết nhất. Về sau triều Hán lấy đó để mà dọa các nước chư hầu bởi vì nếu những nước chư hầu giờ trò gì thì triều Hán sẽ không bán trà tàu cho nữa.

### **Ngoại giao chén trà tàu**



Một thí dụ xác đáng nhất về chuyện "ngoại giao chén trà tàu" là một câu chuyện vừa xảy ra mới đây giữa nước Tàu mới và xứ Tây Tạng. Vào hồi cuối thế kỷ trước, dân Tây Tạng vẫn bị coi là một dân tộc tán mạn, để chủ nghĩa cá nhân lên trên hết, sống một cuộc đời cơ khổ vô cùng ở dưới triều một vị bạo chúa. Vào thời ấy những thương gia và những dân thuộc địa Anh ở Ấn Độ say sưa vì lợi, đã làm cho dân Tây Tạng kinh sợ, đành phải chạy sang liên kết với Nga; cũng vào thời ấy xứ Tây Tạng lại bị phiến nhiễu bởi dân Mãn Châu quốc nữa. Dân Tây Tạng cùng đường quá đâm liền bèn ám sát viên tỉnh trưởng ở Bà Tang. Triều đình Bắc Kinh bèn cử Triệu Ích Phong sang hoà giải và ông tướng có bàn tay sắt đó đã dẹp yên hết cả những sự rối ren vào khoảng 1905. Đến 1910 thì Triệu Ích Phong tiến vào tới Lhasa và lập ở đó một chính phủ bản xứ. Triệu Ích Phong rất danh ác, đến nỗi bây giờ những người đàn bà ở bộ lạc người Mãn lấy tên Triệu Ích Phong ra dọa trẻ cũng như ta dọa ông ba bị vậy. Tuy vậy, Triệu có tiếng là một vị quan rất có tài, Triệu cấm dân xứ không được trồng trà tàu trong khắp xứ Tây Tạng. Cái lệnh ấy tách riêng hẳn Tây Tạng ra không cho dính dáng gì với triều đình và mỗi ngày lệnh ban ra một thêm nghiêm lên, Triệu biết chắc rằng những nhà trồng trọt và viên chức Anh-cát-lợi không thể làm cách gì mà áp chế dân Tây Tạng bằng trà tàu nữa.

Nói thực ra thì bao nhiêu việc ngoại giao giữa Tàu và Tây Tạng vào khoảng đầu thế kỷ thứ XX đều ở những bánh trà tàu mà ra cả!

### **Uống trà tàu**

Ban sơ, người ta cho những lá trà tàu vào nước đem đun lên rồi vớt những cái lá trà đem phơi. Trà ấy, người Nhật gọi là *udeahor*. Đến năm 1570 thì có một người lái buôn nghĩ ra một thứ chảo để rang trà, cái máy ấy gọi là *hairo*, mãi tận về sau mới có nhiều người biết mà dùng. Bây giờ vì việc xuất cảng trà mỗi ngày một bành trướng, người ta pha trà theo lối Tàu vừa tiện vừa đỡ tốn.

Người lái buôn nghĩ ra cái chảo *hairo* lại phát minh ra những cái giàn để che sương tuyết cho những cây trà tàu.

Uống trà tàu, đối với người Tàu là cả một nghệ thuật của những đại gia quý phái. Các ông già ở nước ta uống trà tàu từng tí một ở trong những cái chén nhỏ như cái vỏ hến, đó là bất chước lối người Tàu. Người Tàu uống trà rất sành, uống có phương pháp, mà cũng rất nhiều thứ trà lạ, có thứ rất đắt, có thứ rất quý, có thứ rất lạ, đại khái như thứ *lệ chi hồ`ng trà*, thứ *nhất phiến bạch tuyết* chỉ cho vào ấm một cánh trà mà thơm ngát và đặc như cả một ấm trà khác vậy. Mỗi thứ có một hương vị riêng. Trà tàu xuất cảng sang Âu châu, người ta không phân biệt hương vị lắm nhưng cũng được ưa thích lạ lùng nên ở Anh và ở Pháp, những nhà giàu thường có lệ uống trà tàu vào khoảng năm giờ chiều (five o'clock tea). Họ uống từng ấm to và nhiều khi pha rượu Rhum, Martell, Kuminel hay Cointreau vào thành thử mất cả cái hương vị của trà đi, họ không tận hưởng được cái thú của trà tàu vậy.

Duy ở Á Đông, ta phải nhận rằng người Nhật uống trà tàu rất mực sành; chính tôi, trước hời chiến tranh Trung-Nhật, đã thấy có mấy ông già người Tàu cũng nhận như thế. Ở Nhật, bất cứ người nào cũng uống vài bần trà tàu trong một ngày. Trà tàu, có người Nhật đã nói, cũng cần như là cơm gạo vậy.

Người Nhật uống hai thứ trà: một thứ trà lá và một thứ trà bột. Pha nước trà là một khoa giáo dục riêng mà người đàn bà nào có học cũng đều phải biết. Những đồ dùng để pha trà, họ làm bằng những thứ đất hay những đồ sành đồ sứ cổ do những nghệ sĩ có biệt tài chế tạo ra. Trà bột đựng vào bực nhất, chỉ khi nào nhà có tiệc tùng long trọng gì thì mới giở ra thôi. Người ta ướp trà vào trong một cái lọ hai nòng, một cái nòng để trà thường còn một cái thì để trà bột. Mỗi khi uống nước trà, họ ra một chỗ riêng ở ngoài vườn, chung quanh toàn cây cỏ, ở trong một gian phòng gọi là *midzu-ya*. Không

một tên gia đình nào được giúp chủ trong cái công việc long trọng ấy, chính chủ phải tự thân làm lấy.

## Bộ đồ trà

Trước hết, vị chủ nhân lấy ở phòng *midzu-ya* ra tất cả những thứ cần dùng. Kể ra thì nhiều lắm, chúng tôi chỉ nói đến vài thứ chính: 1/ Hộp hương (*ko-babo*); 2/ Hộp đựng giấy và nghiên mực; 3/ Một giỏ than đã lựa chọn thứ tốt; 4/ Một cái bàn chải để lau lại các thứ đồ dùng; 5/ Một cái quạt lông (*mitzu-ba*) để quạt than; 6/ Mấy cái mô-i lửa (*hibachi*); 7/ Một cái bình gio nóng để đốt trà m (người Nhật đốt trà m là để cho mất mùi than khét); 8/ Mấy cái vòng để cầm quai ấm nước nóng; v.v...

Thường thường, tiệc trà không quá hai giờ, và trong lúc đó, không ai được nói chuyện về tôn giáo, về chính trị, nhất là những câu chuyện xấu xa bị cấm rất ngặt và mọi người đều rất mực bình đẳng, không kể chi tước vị. Những khách mời đến dự tiệc trà không bao giờ được quá sáu người, và những khách bất đắc dĩ phê bình hương vị trà, rồi khen chủ nhân về mỹ thuật và sự tinh xảo của những hộp đựng các thứ dùng. Theo mùa, những hộp này làm bằng gỗ sơn then hay bằng sứ, có lẽ là để giữ được lâu hương trà thứ đựng bên trong. Chủ nhân trước hết lau lại những chén tách, lau bằng một vuông lụa rất đắt gấp trong một cái ống hay một cái hộp sứ cổ và gọi là *tukusa*. Đến cái bàn để sửa soạn những việc ấy cũng phải đóng bằng gỗ dâu và cao đúng sáu mươi phân. Chủ nhân đặt lên cái bàn đó một ấm nước trong sôi (*midzu-vié*), một cái ấm pha trà (*tcha-van*) hoặc bằng sành hoặc bằng sứ nhưng bao giờ cũng phải là một thứ cổ và đắt, rồi đến cái *tha-vié*, nghĩa là một cái bình nấp bằng ngà để trong một cái hộp gỗ cũ, đựng trà bột, lấy ra bằng một cái thìa tre. Chủ nhân lấy trà ra, cho vào một cái bát, rót nước sôi lên trên, quấy lên bằng một cái đũa gỗ, đoạn đưa mời vị

khách thứ nhất. Người này lấy một ít, bát trà lại đưa sang người thứ hai, rồi người thứ ba... Trong cách pha trà này, trà bột uống hết cả.

Đến những thầy tu *Tcha-jin* dùng trà thì mỗi người có một cái hộp bằ ng gỗ sơn then gọi là *hassumé* trong đựng những thứ dùng riêng cho người ấy nghĩa là một vài thứ trong những thứ đã kể trên. Khi nào người ta mời một thầy tu *Tcha-jin* đến chủ tọa tiệc trà thì chủ nhân lại hoá ra như là một vị khách, không phải làm gì hết, song cứ kể ra tiệc trà được quý hơn và những khách cho là được vinh hạnh hơn nếu chính chủ nhân chủ tọa lấy. Những thầy tu *Tcha-jin* mỗi khi đến chủ tọa một tiệc trà, thường được đãi rất hậu, nhưng đãi một cách kín đáo bằ ng tặng những đồ quý giá tùy theo gia phong của chủ. Thường thường, trà của họ pha một cách khác. Người ta cho trà vào ấm đã cẩn thận giữa nước sôi, người ta rót lên trên trà ấy một ít nước sôi mà không sủi bọt lên, đoạn cầm đũa quấy lên, rồi đổ lượt nước trà thứ nhất đó đi cho trà mất mùi hăng.

Bấy giờ người ta lại rót vào bình một lượt nước sôi thứ hai nữa và để cho trà ngấm trong năm phút.

### **Ta uống trà tàu**

Tôi không lập dị như ông bạn Nguyễn Tuân, cố động người ta mỗi khi uống trà tàu phải làm những bộ điệu rất nhiều khê, nhưng tôi nhận rằng mỗi khi pha trà tàu uống mà làm như lối các ông "phổ ky" ở các tiệm bánh buổi trưa thì thực là tục tằn, bỉ ổi, người ta không còn biết hương vị trà tàu là gì cả.

Người ta uống trà, người phải biết nghệ thuật uống trà. Mà biết cái nghệ thuật uống trà, pha trà, một chén trà đầu xuân ướp thủy tiên pha rất khéo tôi tưởng quả cũng là một thứ tiêu khiển sung sướng nhất cho đời người ta vậy. Chẳng thế người xưa đã có câu:

*Bán dạ tam bôi tửu,  
Bình minh số trận trà.*

**VŨ BÃ`NG**

*Trung Bả́c chủ nhật, Hà Nội, số́ 46 (2.12.1941)*

# Hội Lim đã mất, hội Lim vạn tuế

*Bọn tài hoa sơn trẻ Hà thành hấn mát lòng, hội Lim đã mất,  
hội Lim vạn tuế!*

Hằng năm, cứ vào khoảng hôm nay, đi khắp các nơi trong thành phố ta thường thấy bọn thiếu niên rủ nhau đi hội Lim để đuổi liễu tìm hoa.

Hội Lim? Đó là một hội lập ra không biết tự bao giờ, nguyên là để cho trai gái một vùng trong tỉnh Bắc gặp gỡ nhau và ca hát với nhau để vui xuân. Cảnh trời về vụ này thường đẹp, cỏ xanh, hoa đỏ, lại điểm thêm mấy hạt mưa bụi trắng như sương, – cảnh trời như thế tưởng đến thế đã ngoạn mục lắm rồi, ấy thế mà cứ đến ngày hội, trên đồi Lim lại xen vào những cái má hồng, môi đỏ, áo nâu non, thắt lưng cá vàng thì quả thực vẻ đẹp ấy lại càng hoàn toàn, càng đầy đủ, càng nên thơ lắm.

Năm nào cũng vậy, cứ vào ngày 13 tháng giêng thì ở trên đồi Lim tập nập những trai gái ở những vùng Đình Bảng, Chợ Dầu, Tam Sơn... trai thì nón dứa, khăn lượt, kính đen, áo the kép, quần ống sớ, giày Gia Định; gái khăn nhiễu tam giang, yếm đào, áo nâu non, váy sồi dài chằm gót, lại điểm vào những dây lưng hoa lý nhũn nhặn hay màu cá vàng chói lọi. Trên những con đường làng và chung quanh sườn đồi, họ rủ nhau đi lễ tự mò sương ở ngoài đình rồi ngoạn cảnh. Đoạn, xúc cảnh sinh tình, họ dắt nhau lên những chỗ cao nhất ở trên đồi để ca hát những điệu họ nghĩ ở trong chỗ sâu thẳm nhất trong tâm hồn của họ.

Không có gì cao siêu đâu! Họ không làm văn gì cả. Họ chỉ nghĩ thế nào thì nói thế, nên câu hát của họ có vẻ chắt phác thực thà

làm cho ta thương hại và kính phục: cái tình của họ thực là một cái tình cao quý, trong sạch và thanh cao vậy.

*Bước sang năm mới, anh mới đi chơi,  
Xuất hành nói chuyện, má ý mời thuy chung,  
Được mời như cởi tâm lòng;  
Giở kim thoa với khăn hồng trao tay.  
... Nhạc trông thấy bóng nàng ngời  
Con người phong thể luôn tôi ưa tâm.  
... Đôi bên bác mẹ tương tế,  
Anh đi làm rể em về làm dâu.*

Bao nhiêu câu hát tình tứ lá loi, đã m thắ m, say mê mà trai gái chấ t chứa ở trong lòng, gặp buổi đầ u xuân, họ đầ u đem ra hát,

– ăn cũng hát, tiễn biệt nhau cũng hát: rõ thực là cái tinh thần rõ rệt của người mình, tâm lòng chấ t phác thực là có một mà tình thương yêu đầ n thành ra yê u đầ i thật cũng rấ t mênh mông. Người ta gọi lô i hát á y là lô i hát quan họ vậy.

Theo như tục truyề n thì tục hát quan họ sinh ra bởi sự giao hiế u của hai làng: Lũng Giang (Lim) và Tam Sơn. Làng Lim thuộc huyện Tiên Du và làng Tam Sơn thuộc huyện Đông Ngàn, nhưng hai làng á y cũng thuộc cả về vùng Bắ c Ninh. Hai làng á y thân nhau lắ m. Người ta kể chuyện rằ ng, trước đây, cứ vào khoảng tháng giêng, làng Tam Sơn vào đám thì không bao giờ làng Lũng Giang không cử mươi ông quan họ sang thăm. Dăm bảy cụ bô, vài bà lão và trai gái trong

làng Tam Sơn ra đón tận đường cái. Chè chén xong, trai gái hai làng bắt đầu hát với nhau suốt sáng, đến lúc chia tay nhau vẫn hát; giọng hát nỉ non, cao thấp, tả tất cả sự nhớ nhung khi chia rẽ và như ngụ tất cả một cái muốn được tái ngộ năm sau vậy.

Một ngày hội như hội Lim có cái tinh thần như thế, cao thượng như thế, vẽ được hết cả tính tình dân tộc mình là biết thương yêu nhau, biết cố kết với nhau, thăm nom săn sóc nhau từng ly từng tí một, lúc thường có khi không đồng ý với nhau, nhưng đến giờ quan trọng thì một triệu người như một người... – đó, một cái tinh thần như thế, thiết tưởng đem phổ vào một ngày hội, thực là cao quý vậy, thực là đáng trọng vậy.

Ấy thế mà không ngờ ít lâu sau tiếng hội Lim đồn đại đi khắp mọi nơi, những người ở gần Bắc Ninh, – nhất là người Hà thành – về quê quê những dữ quá, thành thử hội Lim dần dần mất cả vẻ thiêng liêng của nó!

Nó thành ra một ngày hội trai gái, – nói thế chưa đúng; ta phải gọi là một ngày hội trai đuổi gái thì đúng hơn. Thực vậy, mười năm trở lại đây, bạn nào đã để chân đến hội Lim tất đã nhận thấy như tôi rằng những bọn công tử Hà thành, những đồ vui vẻ trẻ trung ở Hà thành về dự hội đã làm nhiều điều chương tai gai mất quá. Họ đi thấy hội chỉ có một mục đích: xông ra vô gái. Họ không biết một tí gì là cái cao thượng trong ngày hội; họ chỉ có một ý muốn: nhảy ra vô gái; tuồng như những cái má, những cái ngực [...] của các cô gái Đình Bảng Chợ Dâu là cơm gạo của họ, là môi sinh sống của họ, thậm chí họ đánh nhau, đâm nhau, kéo bè kéo đảng để hại nhau vì được một cô gái nào hay không được một cô gái nào...

Tôi không hiểu, với con mắt một người ngoại quốc nhìn vào thì người mình ở trong hội sẽ bị liệt vào hạng gì? Nhưng cứ như con mắt những người có đôi chút học thức ở nước ta thì quả người ta đã gây ra



ở hội Lim nhiều chuyện như chớp, xa u xa mọi rợ, thành thử những người đứng đắn không còn dám để chân đến hội Lim nữa là vì thế.

Các thân hào và bô lão trong làng thấy vậy đã khổ công tìm cách tiêu trừ bọn quý đã bôi nhọ hội Lim. Các bạn tất còn nhớ năm năm trước đây, người ta cứ vào khoảng tháng giêng này thường đọc ở trên báo thấy công tử X. bị bắt [...] công tử Y. bị trói [...] vì gheo gái; công tử Z. bị trai làng đánh [...] vì đã định ép liễu nài hoa một cô gái làng Lim trên đô i...

Mới năm ngoái đây, [...] ra lệnh cấm chụp ảnh và trèo lên đô i Lim nên suốt ngày 13 tháng giêng năm ngoái hội đã đỡ những được ít nhiều. Tại hội, có lính gác và ở chân đô i Lim lại có biển đề cấm chụp ảnh rất nghiêm ngặt. Trên đỉnh đô i và phía sau đô i lại có một toán lính đóng để canh gác vùng này. Tuy vậy, ở ngoài phía chân đô i ở gần đền trông ra đường vẫn có nhiều người ở Hà Nội về chơi và trong số đó vẫn còn nhiều những con quý [...] hội họp vui đùa và đôi lúc cũng còn giờ những trò khả bị ra với những cô gái chắt phác quê mùa ở hội Lim. Thấy tình hình như thế, người ta không thể không xử thẳng tay. Năm nay, các quan đầu tỉnh đã đồng ý với thân hào xã ấp bỏ hẳn hội Lim đi. Thật là một tin mừng vậy.

Có lẽ nhiên là mừng cho những người còn có chút lương tâm, còn biết nghĩ đến danh dự của quốc gia, nhưng tất là một tin buồn cho bọn "vui vẻ trẻ trung", cho bọn "tài hoa son trẻ" vậy.

Những cử chỉ nông cuông, thô đại và lộ liễu của họ, bây giờ họ đã trông thấy kết quả rồi, chắc hẳn họ mát lòng! Cả một ngày hội có một ý nghĩa cao thượng là thế, thanh tịnh là thế, vì họ mà bị tan nát, mà bị đình lại hẳn, những người hữu tâm với giống nòi, với tục quán của nước Việt Nam tất còn nhớ mãi mãi đến "công" của bọn tài hoa son trẻ, vui vẻ trẻ trung của Hà thành!

Ta nên nhớ mãi cái tinh thần hội Lim, những cái đẹp cao thượng ở hội Lim mà thiếp tưởng cũng chẳng nên tiếc nó làm gì vậy.<sup>2</sup>

**VŨ BÃ`NG**

*Trung Bả`c chủ nhật, Hà Nội, số 47 (9.2.1941)*

# Công dụng lớn lao của chiếu bóng về phương diện xã hội và mỹ thuật

Trong một bức thư của nhà *dàn cảnh*<sup>1</sup> André Lang gửi cho bạn là ông chủ báo *Cinémonde* ở Pháp, chúng tôi có đọc thấy một đoạn này: "Anh ơi, những nhà đạo đức râu dài trong thế giới chỉ lo sợ hãi huyênh đênh đó mà thôi. Thực ra, như anh đã biết đây, – bởi vì kỳ nào tôi chẳng viết ý kiến của riêng tôi trên mặt báo? – tôi không tin rằng chiếu bóng lại có một hiệu lực gì đâu. Tôi nhìn điện ảnh giới như Somerset Maugham nhìn văn giới vậy, nghĩa là rất bi quan. Theo ý riêng tôi thì chiếu bóng chỉ là một trò giải trí trong chốc lát. Xem một phim khôi hài, người ta có thể cười rung bụng; xem một phim cảm động, người ta có thể khóc như mưa; nhưng đó chẳng qua chỉ là những cơn sốt rét mà thôi, ở nhà chớp bóng ra, người ta lại bình tĩnh trở lại với cuộc sống hàng ngày, người ta làm việc hay là lại trở về với những cốc rượu khai vị ở cao lầu tửu quán.

Bảo rằng những người đi xem chiếu bóng sẽ học được điều hay là lắm. Mà cho rằng họ xem những phim mạo hiểm thì một khi trở về với cõi đời thực tế, họ sẽ bắt chước những tay tướng cướp rút súng ra bắn *pan! pan!* cũng là lắm nổi. Những người đi xem chiếu bóng không bắt chước gì cả. Có bắt chước chẳng là bắt chước lối ăn mặc của Robert Taylor, Albert Préjean hay Gary Cooper, là bắt chước lối vẽ lông mày của Marlène Diétrich, là bắt chước lối tô môi của Joan Crawford, Mae West mà thôi vậy. Tôi nghiệm ra rằng khi nào ở Mỹ châu tung ra ở thị trường điện ảnh một cuốn phim nào mới thì ở các hiệu cạo, ở các hiệu bán len, bán dao cạo, bán giày, bán cravate, bán mũ, bán khăn san ở Nữ Ước từng đội quân trẻ tuổi và lịch sự xông vào để mua hàng hoá".

Lời nói của nhà dàn cảnh đượm một vẻ buồn yếm thế thay! Nhưng nếu ta xét kỹ thì không phải không có đôi ba phần sự thực. Vâng, tôi cũng nhận như André Lang rằng kỹ nghệ chiếu bóng quả cũng có giúp ích nhiều lắm cho kinh tế, bởi vì cái kỹ nghệ đó không nói thì tất ai cũng đã biết rằng nó nuôi sống bao nhiêu là nghệ sĩ, bao nhiêu là người. Nhưng tất cả một đoạn trên bức thư của nhà dàn cảnh có tiêu kia không khỏi làm cho nhiều người phải nghĩ ngợi phân vân và nghi ngờ về công dụng của chiếu bóng. Sự thực, đó chỉ là ý kiến của một người ở trong nghề mà thôi. Mà đã ở trong nghề thì bao giờ chẳng vậy, người ta cũng chỉ nhìn thấy cái thấp kém, cái chưa đạt được của nghề! Vậy những ý kiến của nhà dàn cảnh ở trên kia không thể hoàn toàn đúng cả và cứ theo ý riêng của kẻ viết bài này thì lại còn lầm lẫn là khác nữa.

Chiếu bóng, phạm một người nào bình tĩnh nhìn nó mà phê bình, có ai lại không thấy công dụng của nó hiện nay tràn lan trên thế giới? Một phần công dụng đó, các bạn đọc đâu số báo này<sup>2</sup> của bạn tôi, anh Văn Lang, tất đã hội ý được đôi phần và biết qua ảnh hưởng của nó đối với các dân tộc trên thế giới.

Trong phạm vi bài này, tôi chỉ xin nói về công dụng của chiếu bóng trong phạm vi xã hội thôi, một phạm vi tưởng cũng chẳng lấy gì làm hẹp.

Trước hết, trước khi nói về công dụng của chiếu bóng, thiết tưởng ta cũng nên biết cái dụng ý của hai anh em ông Lumière là hai ông tổ sinh ra chiếu bóng.

Cũng như các vị bác sĩ, kỹ sư trên thế giới, hai ông Lumière lúc nghĩ ra chiếu bóng không ý gì là giúp ích cho đời, đem sự ích lợi phổ vào sự giải trí; chứ không bao giờ lại muốn xây đắp một triều đại của sự nông công vô lợi, ấy là chưa nói đến những sự quá đà

mà sau này người ta thường dựa vào chiế u bóng đem cho người ta mục kích những cảnh, chao ôi, bi ôi, ghê sợ, đáng nên chê trách.

Vậy cho nên khi ta nói về chiế u bóng, ta nên tìm biế t ý chính của người phát sinh ra nó, chứ không nên dựa vào những người đã làm hỏng nghề mà bình phẩm, mà chê bai; cũng như với nghề báo cũng vậy, có ai lại dám rồ ại đem những con chiên ghẻ lở trong trường văn trận bút ra bình phẩm rồ i kế t luận một câu rắ ng: "Nghề báo là một nghề xấ u xa đê tiện?"

Biế t thê rồ i, chúng ta bây giờ nên tìm cho biế t những công dụng của chiế u bóng trong xã hội.

Thực vậy, trong một xã hội, sau vấ n đê báo chí, thực không còn vấ n đê nào đáng cho ta chú ý bắ ng vấ n đê chiế u bóng. Ảnh hưởng của nó rắ t lớn, ảnh hưởng nhấ t cho những người đã biế t nghĩ, mà nói riêng ra thì ảnh hưởng vô cùng đê n thanh niên, cái bọn người mà ông linh mục Fénelon đã bảo là trí óc y như một cục sáp dễ nặn và dễ in hình ảnh những cái gì thâu thái được.

Ở nước ta đây chiế u bóng chưa được mở mang lắ m cho nên ảnh hưởng của nó chưa được rõ ràng và mạnh, chứ ở xã hội văn minh như Pháp, Anh, Đức, Ý, Nhật, v.v... chiế u bóng có một ích lợi thiế t thực mà người ta trông thấ y rắ t rõ là nó đã lôi kéo được bao nhiêu người ra khỏi những nơi trác táng rẻ tiề n, rượu chè be bét... Những người bình dân, những người giai câ p thấ p kém trong xã hội vì chiế u bóng sẽ bắ t chước được trong phạm vi của họ những người ở giai câ p trên, và thử hỏi còn cách nào cổ động vệ sinh, lịch sự và danh dự của nòi giố ng hơn là ở nhà chiế u bóng?

### **Chiế u bóng với công việc giáo dục**

Những ảnh hưởng â y rõ rệt nhấ t là đô i với trẻ con, cho nên đã lâu, ở khắ p các nước văn minh người ta đã nghĩ cách đem chiế u

bóng làm một môn giáo dục. Bởi vì phạm trẻ em nào cũng vậy đều muốn học muốn biết, vì vào cái tuổi thơ ngây, người ta vẫn giàu tính tò mò. Cái ảnh hưởng về tinh thần của chiếu bóng đối với trẻ em, vì đó, rất sâu xa, cho nên những nhà soạn truyện phim và những nhà sản xuất phim thường phải tinh khôn lắm và tìm cách hiểu biết linh hồn của trẻ em một cách thấu đáo vô cùng vậy.

Ở Pháp về loại phim giúp ích trẻ em này chia ra làm hai thứ: một thứ phim chuyên dạy học và một thứ phim giáo dục nhi đồng; hai thứ này lại còn chia ra nhiều loại khác, nhưng đại khái thứ nào cũng chỉ quy vào có một mục đích là mở rộng linh hồn của học sinh.

Phim dạy học chỉ chuyên dùng trong lớp học. Các ông giáo dạy học trò đến đoạn nào cần phải có hình vẽ thì chiếu ngay lên màn ảnh những cái hình đó ra. Những cái hình đó cố nhiên là phải đẹp và rõ để có thể gây trong trí óc của học trò không những là sự khoái lạc mà thôi, nhưng còn khiêu về thẩm mỹ nữa bởi vì cái tính của trẻ con là vậy, bao giờ cũng thích tranh ảnh trong sách hơn là những chữ, những chữ rỗng tuếch và đen trùi trũi.

Phim giáo dục thì có thể chiếu không những chỉ riêng cho học sinh xem mà thôi đâu, nhưng mà là cho tất cả mọi người, bởi vì những loại phim ấy diễn tả tất cả những vấn đề về xã hội, về đạo đức, về luân lý về vệ sinh. Ở nhiều nước châu Âu, người ta lại còn soạn riêng một loại phim gọi là "phim vệ sinh" (film d'hygiène) dạy người ta ăn ở cho sạch sẽ, khoẻ mạnh: nếu người ta khoẻ mạnh người ta sẽ yêu đời vậy. Khi người ta yêu đời, người ta sẽ không có tư tưởng bậy bạ, đốn hèn. Chiếu bóng vì vậy có một cái trách nhiệm ngang với sách vở, báo chí; mà có khi hơn thế nữa: nó bày ra trước mắt khán giả những cảnh dụ lòng, những đoạn hy sinh, một cuộc đời cần lao, phần thưởng đáng tặng những người có công sáng chế; cái đẹp của vũ trụ, của cuộc đời ta sống.

Những phim như loại này, tiêc thay, lại hiế m lắ m. Muô n đem một phim ra làm chứng cứ, chúng tôi xin kể phim *La Maternelle* của Jean Benoit Lévy, tác giả thực đã thâm hiểu linh hô n con trẻ. Những phim có giá trị như thế, không phải ai cũng làm được, cho nên hiế m là phải lắ m. Ở đây, chúng tôi nên lắ y làm buồ n mà nhận rằ ng những nhà chiế u bóng của ta không để ý đế n nhi đồ ng, thắ y trẻ con thích lạ chi ra công mà chóp cho học sinh xem những phim ăn cướp, bóc lột, v.v..., và còn với hạng thanh niên nam nữ thì hầ u hế t đế u tặng những phim tình cảm; mà đàn ông thì mê gái đế n không xắ u hổ, mà đàn bà thì bao giờ cũng có vài người nhân tình trẻ tuổi.

Trong khi ấy thì ở khắ p thế giới, nhắ t là nước Nhật, người ta tìm hế t các cách khuế ch trương việc sản xuấ t những phim có tính cách giáo dục người dân trong nước. Bà Dreyfus Barney trưởng ban tuyên truyề n giáo dục điện ảnh về vắ n đề này đã tuyên bố với ông Clara Simon, bình bút báo *Vu* của nước Pháp như sau này:

"Từ năm 1928, ở La-mã, kinh đô nước Ý, người ta có lập ra một "Quốc tế giáo dục điện ảnh viện" và lắ y đó làm cơ quan chính thức của Hội Quốc Liên. Vắ n đề bảo hộ nhi đồ ng đã gây cho người ta cái ý tưởng "bảo hộ" chiế u bóng và Hội Quốc Liên nhắ t định mở ra một "Điện ảnh viện". Chính phủ Ý- đại-lợi có một cái ý rắ t tốt là đem biế u ngay Điện ảnh viện một toà lầu đài lớn nhắ t ở kinh đô La-mã, ngay ở sát biệt thự của thủ tướng Mussolini. Hiện nay, toà Điện ảnh viện đó đã có bóng vang đế n khắ p hoàn câ u vì hiện nay ai ai cũng nhận thắ y những công dụng lớn lao của chiế u bóng với việc giáo dục và ảnh hưởng to tát của chiế u bóng với thanh niên và quầ n chúng.

Bao nhiêu vắ n đề có quan hệ đế n chiế u bóng đế u đem ra khảo xét ở viện này; một quyển kê khai những thứ phim giáo dục và dạy học nên xem, viế t ra bằ ng năm thứ tiế ng; các nhà mô phạm và bác học lại chung lưng đắ u cật viế t những bài bình phẩm nữa".

Hội Urania ở Áo, chuyên về chiếu bóng giáo dục hiện nay có 50.000 hội viên. Hội quán có tất cả tám buồng chiếu bóng và diễn thuyết. Không ngày nào không chiếu phim giáo dục trong học đường.

Ở Bỉ, có một hội chiếu bóng giáo dục quốc gia. Ở Chili, ở Brésil, người ta dùng chiếu bóng để dạy học và cử một ban sang Tàu để chấn chỉnh và mở mang việc học của Trung Quốc. Ở Hoa Kỳ, bao nhiêu cao đẳng học đường đều dùng phim chiếu bóng trong việc học.

Tây-ban-nha cũng để ý đến việc giáo dục học sinh bằng chiếu bóng. Ở Barcelone, có một lớp học chuyên dạy về chiếu bóng. Ở Đức chiếu bóng giáo dục bành trướng lắm, cũng như ở Anh và ở Nga. Riêng ở Anh, chánh phủ cho phát 2.000 cuốn phim giáo dục và trong năm 1932, người ta tính đồ đô ng thì mỗi tuấn lễ có tới 10.000 trẻ con đến xem chiếu những phim giáo dục, những phim tài liệu.

### **Chiếu bóng với công việc y học**

Về y học chiếu bóng cũng giúp ích cho người ta vô cùng, nhất là về khoa mổ xẻ. Giáo sư Gosset công nhận rằng chiếu bóng là một phương pháp thần diệu nhất trong việc dạy về khoa mổ xẻ. Những nhà mổ xẻ tương lai đều phải xem diễn những phim mà trong đó có ghi những việc mổ xẻ quan hệ của những nhà bác học lừng danh. Những vị mổ xẻ tương lai đó sẽ học và sẽ thấy người ta phải làm như thế nào, bởi vì chiếu bóng chỉ cho người ta xem cả những chỗ sai lầm, chẳng bao lâu những vị đó sẽ có một nền học chắc chắn và chẳng mấy lúc có thể đem cái học ấy ra thực hành.

### **Chiếu bóng với công việc mỹ thuật**

Theo ý chúng tôi thì chiếu bóng và mỹ thuật đều có một nguôn gốc chung. Người ta không bao giờ lại có thể quan niệm được một



phim chiếu u bóng hay mà không đẹp: cái đẹp nhiều khi lại là phần cốt yếu trong phim nữa. Chiếu u bóng là một cái gì hoạt động, là cái gì in cái vẻ sống của cuộc đời, vì vậy, âm nhạc cần cho nó lắm. Về mặt mỹ thuật, chiếu u bóng lại còn ảnh hưởng lớn đến cách xếp đặt và đến cách trang điểm nữa. Nó gây cho người ta, nhất là cho đàn bà, một lòng yêu mỹ thuật rất tha thiết và thử hỏi thế không đủ rồi hay sao.

Theo ý chúng tôi, thì mỹ thuật là một vấn đề cần thiết lắm. Biết yêu cái đẹp đã, rồi muốn nói gì hãy nói. Bao nhiêu tính tình cao thượng đều là do ở lòng biết yêu cái đẹp mà ra, nếu không biết yêu cái đẹp, trọng cái đẹp thì chưa chắc đã làm nên những sự nghiệp lớn lao trên đời.

Bao nhiêu công dụng của chiếu u bóng về phương diện xã hội, kinh tế và mỹ thuật, tôi thiết tưởng nói thế đã tạm tạm đủ rồi. Chắc các bạn không thể không nhận rằng chiếu u bóng hiện nay là một động lực mạnh nhất cho sự tiến bộ vậy. Nếu ta có một đôi điều phàn nàn thì chỉ có thể phàn nàn rằng người ta đã lợi dụng chiếu u bóng nhiều quá, thành ra ít lâu nay nó dở đi, những người có trách nhiệm tưởng cũng nên nghĩ cách "tắt uế nó, làm cho nó thoáng khí" – như lời của ông André Brann Larrieu đã nói.<sup>3</sup>

**VŨ BẮNG**

*Trung Bắc chủ nhật, số đặc biệt về chiếu u bóng, 1941.*

# Ngày mai chiếu bóng sẽ ra sao?

(thay cho lời kết)<sup>1</sup>

Trong những bài mà các bạn đã đọc ở trên kia, chúng tôi mong rằng các bạn đã tìm thấy một ít cảm tưởng về chiếu bóng. Mục đích của số báo đặc biệt này, trong một phạm vi, mong có thể thôi. Chúng tôi mong rằng một chút ít cảm tưởng kia sẽ làm cho các bạn nghĩ ngợi giây lát và biết đâu sự nghĩ ngợi đó lại chẳng giúp được đôi phần bổ ích cho nên chiếu bóng tương lai vậy?

Ngay tự ở đây, chúng tôi đã thấy các bạn ngạc nhiên trước sự tiến bộ vô cùng của chiếu bóng trong thế giới. Những công dụng của nó về đủ các phương diện đã rõ rệt lắm, một số ít nhà đạo đức, nhà văn hay nhà báo, đứng về mặt đối phương có công kích và mạt sát nó cũng không thể làm cho nó mất cái thế rất vững vàng trong xã hội.

Chiếu bóng là chúa tể. Cũng như báo chí! Vì vậy cho nên cùng với xây dựng quốc gia, nước văn minh nào trên thế giới cũng nghĩ đến chiếu bóng ngay; có điều nước nào đem chiếu bóng ra thực dụng việc cải tạo trong nước thì lợi ít mà nước nào khôn thì gây được nhiều cái lợi rõ rệt và đầy đủ hơn.

Trong những nước mà chiếu bóng giúp một tay quan trọng nhất trong sự tiến bộ, ta phải kể trước tiên nước Đức và Nhật là hai nước mạnh nhất ở Âu châu và Á đông.

Hai nước đó để ý khảo sát và cẩn thận từng ly từng tí một trong việc sản xuất phim. Nước Đức chú trọng nhất về những phim ca ngợi lòng thương và tôn thờ sức khỏe. Nước Nhật để ý nhiều đến những phim giáo dục và phim cổ động.

(Kiểm duyệt bỏ)

trong một bài đăng trong số báo *Crapouillot* 1937.

Hiện lúc tôi viết bài này, cuốn báo có giá trị kia không có ở dưới tay tôi, nhưng tôi nhớ rằng những lời xét đoán của nhà dàn cảnh Pháp hiện bây giờ đem ra xét nghiệm, vẫn hãy còn đúng lắm.

*"... Chính thế, người ta đã không để chiếu bóng lên chính cái địa vị của nó; những nhà xuất sản phim chuyên chú về lợi hơn nên họ chỉ rình đánh vào cái thị hiếu của người xem. Họ có biết đâu rằng một cuốn phim chiếu ra nào có phải chỉ trong phạm vi một nước mà thôi, nhưng mà là cả cho thế giới. Đó là cách quảng cáo cho cả một quốc gia, một dân tộc, vậy ta không thể để cái kỹ nghệ ấy ở trong tay một bọn người bất lực..."*

Những lời nói đó, chúng tôi đọc đã bốn năm rồi nhưng tưởng như mới nghe đâu tôi hôm qua. Nhà dàn cảnh thiết tha với nghề của mình thay! Nhưng nghề chiếu bóng nước Pháp vẫn cứ đứng một chỗ như thế, cho đến khi chánh phủ Pétain lên cầm quyền nước Pháp.

Phải cải tổ lại nước! Phải cải tổ hết, kể cả chiếu bóng nữa... Những lời nói sấm đá kia làm thức tỉnh bao nhiêu thanh niên, họ bắt đầu có những ý tưởng tươi đẹp hơn, nhất là về môn chiếu bóng thì cái quan niệm họ lại thay đổi hẳn. Họ như biết chiếu bóng không phải là một chỗ để thoả con mắt, để cho con mắt được nhìn những điệu nhảy khiêu khích, được nghe thấy tiếng hát gọi tình hay được trông thấy những trò môn trốn của một bà quý phái, thân thì chỉ có một mà nhân nghĩ nhân nghĩ thì dăm bảy người.

Ông Paul Reboux, một nhà báo có tiếng của Pháp, rập vào cái ý của chánh phủ Pétain vừa đây lên tiếng hô hào trong nước mở *những nhà chiếu bóng có trợ cấp* để lấy chiếu bóng ra làm việc cho

quốc gia. Ý đó thực hay, nhưng ông Galtier Boissière, chủ báo *Crapouillot* và trợ bút đặc lực của báo *Canard Enchaîné*, không hoan nghênh; ông Boissière này muốn rằng trong nước Pháp sẽ lập thêm một nhà chiếu bóng thôi, nhưng một nhà *chiếu bóng tự do* (*cinéma libre*) không do ai kiểm soát hết, làm việc cho quốc gia đã đành rồi; nhưng hoàn toàn độc lập được phụng sự nghệ thuật, không phải khuất phục một mệnh lệnh nào của đảng phái nào hay người nào. Và chúng tôi nghĩ rằng:

"Nếu u bây giờ đây, chúng ta được mong muốn một điều gì về mặt chiếu bóng, thì điều mong muốn trước nhất của ta hẳn phải là một nhà chiếu bóng như nhời ông Boissière đã nói, cạnh những nhà chiếu bóng tổ chức theo ý ông Reboux, vì được như vậy, vừa lợi cho đất nước vừa ích cho nghệ thuật".

Vâng, cũng như độc giả, chúng tôi đã biết rằng về mặt chiếu bóng nói đến nước ta là nói đến số "không" (0).

Những phim: *Toufou*, *Bà Đê*, *Kim Vân Kiều*, *Làm rở* chẳng qua chỉ là những cuộc thí nghiệm rẻ tiền mà thôi. Những người xuất sản phim đó yêu nước yêu nghệ đã đành rồi, nhưng không đi tới một cái gì cả. Họ chán nản và gây cho những người đi sau những sự lo âu, trừ ra mới đây mấy bạn chúng tôi: Văn Lang, Lê Huyền, Nguyễn Dương, v.v... không nản chí, quyết sang Hongkong đóng phim *Cánh đồng ma*, một truyện phim của Đàm Quang Thiện viết.

Tôi đã biết hết cả những nỗi khổ tâm, của bọn tài tử An Nam đó từ khi chưa bước chân xuống tàu bẻ đi tới viễn châu kia. Tôi biết hết những nỗi buồn bực của họ, thiếu thốn của họ, nên tôi chỉ yêu họ mà không trách họ một điều gì. Họ, họ là những người yêu nước, yêu nghệ, nên những cái kém cỏi ở trong phim đó – mà ai lại có thể thành công ngay được tự bước đầu? – mà tôi đều không trông thấy: tôi chỉ thấy sáng ngời lên, những quả tim, những khối óc trẻ

trung, hoạt động muố n đem cái nước hầ u như bị bỏ quên này ra nhắ c với Á Đông. Ý đó đã tồ t nhưng họ còn một cái ý tồ t hơn là *đánh thức cái tinh thầ n chiế u bóng của dân ta dậy, nó đã ngủ liệt sau những phim Bà Đế , Kim Vân Kiề u, vân vân.*

Tôi thành thực khen họ và tôi nghĩ rằ ng: "Việc làm đó của họ, nế u cứ như hiện nay, nghĩa là không có bóng vang gì cả, thì ta cũng nên lấ y làm buồ n. Những hàng tiề n đạo trong một đám quân giớ ngợc ra chịu đạn cũng phải mong có một cái gì theo tiề p chứ?"

Công việc của anh em đóng *Cánh đờ ng ma*, chúng tôi không mong kế t quả nhiề u; thực chúng tôi chỉ mong rằ ng những người hữu tâm đế n chiế u bóng sẽ thường thường nghĩ đế n họ rồ i sẽ làm những cái gì hơn họ.

Biế t đâu do những ý kiế n đó, chúng ta sẽ chẳng có một nhà chiế u bóng tự do nói trên kia, và nghê ` chiế u bóng sẽ chẳng vì đó mà có một địa vị trong xã hội Việt Nam ta vậy?

Cái điề u khó nhấ t là những tài tử và những bực có địa vị gì trong xã hội sẽ đứng ra lãnh cái trách nhiệm câ m đầ u cái nhà chiế u bóng tương lai của chúng ta.

## TIÊU LIÊU

*Trung Bắ c chủ nhật, số ` đặc biệt về ` chiế u bóng, 1941*

## Sự mê tín chung quanh những quái thai<sup>1</sup>

*"Hôm vừa rồi, một thiếu phụ Hoa kiều 37 tuổi, tên là Hà Thành Y, nhà ở phố chợ Đũi, thấy đau bụng, sau khi có mang đã đủ tháng, liền xin vào nhà chờ đẻ tại nhà hộ sinh Trăn Thị Sanh ở đường Chasseloup Laubat. Khi chuyển bụng lâm bồn, thiếu phụ sinh ra một thai con gái quái lạ có tới bốn tay và bốn chân; hai tay trước như thường, thêm hai tay mọc sau lưng, hai chân ở bụng và hai chân dưới háng. Sau khi đẻ, sản phụ vẫn lành mạnh, duy cái quái thai ấy, thấy ánh sáng mặt trời được hai giây đồng hồ thì chết liền. Có tin đồn một nhà khoa học đã xin cái thai ấy về ngâm thuốc để nghiên cứu những quái trạng của sự sinh sản".*

Câu chuyện quái thai này, sự thực, không phải là có lần đầu tiên ở nước ta. Từ đã bao nhiêu lâu nay ở khắp trên mặt báo chí, ta chẳng thường vẫn thấy đăng nhan nhản những tin tức và tranh ảnh về những quái trạng như thế này, chỉ tiếc rằng, hầu hết chỉ biết đăng lên báo mà thôi, còn nguyên nhân của những quái ấy không mấy người nói đến.

Sự thực, trong đám trí thức, thì một số đông cũng đã biết tại sao lại có quái thai đó. Chỉ tiếc một nỗi là ở trong đám dân chúng rất nhiều người hãy còn óc mê tín dị đoan lại theo dẹt ở chung quanh những cái quái kia những chuyện không thể nào tưởng tượng được, thành thử dân ta, một số đông, vẫn coi những của quái đó là "cái oán" nó về nó báo hại người... Họ không hiểu cái nguyên nhân thực của những quái thai, nên, những cái hại nhiều người nhà quê chẳng những không tránh được mà thôi, có người lại đang tay làm việc càn rỡ vì ngu muội, vì mê tín là khác nữa.

Chúng tôi sẽ không kể nhiều thí dụ ra đây làm gì; nhưng độ vào khoảng ba năm trở lại đây, chúng tôi nhớ có đọc thấy một cái tin như sau này, xin đan cử ra làm thí dụ:

*"Một người nhà quê kia ở Nam Kỳ có tính nghiện rượu đã lấy hai đời vợ rồi mà không có con. Đến người vợ thứ ba thì trong năm sáu năm giới ăn ở với nhau, người đàn bà ấy sinh ba lần cả thấy, nhưng hai lần trước hữu sinh vô dưỡng. Còn đến lần thứ ba thì đẻ ra một cái quái thai: ba mắt, rốn ở ngực và đảng sau lưng đưa trẻ lại nổi lên một cái bướu to bằng bàn tay mà có lông.*

*Khác những quái thai khác, đưa trẻ quái gở kia sinh ra đời lại sống nhăn và nhón lên mau lắm. Nhưng cái bướu có lông ở đằng sau lưng nó, chắc làm cho nó đau đớn, nên đưa bé kia kêu khóc suốt ngày đêm và bố nó vốn tính nghiện rượu nặng, lấy thêm làm sốt ruột lắm, một hôm bèn uống rượu thật say, mãi một con dao thực sắc hoa lên mà bảo rằng:*

*"Này tao bảo cho mày, mày là cái quỷ cái quái nó vào nó hại tao đây chứ không không phải là người. Tao đây, tao đây mày ạ, chứ không phải ai đâu, tao băm vằm mày ra làm hàng nghìn vụn mảnh để mày không thể đâu thai được nữa".*

*Nói đoạn người bố khôn nạn kia*

*(Kiểm duyệt bỏ)*

*rồi đương đêm một mình đi ra ruộng chôn đưa bé khôn nạn, không ai biết. Chuyện sau phát giác ra, nhà chức trách đã cho anh bố say kia vào khám và chịu tội".*

Chịu tội, cái anh bố say kia chịu tội, phải lắm rồi, xem việc trên đây thì ta thấy rằng một phần cái án mạng khôn nạn này cũng do

ở lòng mê tín dị đoan mà ra vậy. Mà cái óc mê tín dị đoan đó, ở nhà quê, ta thấy nhiều lắm lắm.

Theo như một số đông người nhà quê ít học của ta, thì những đứa trẻ quái gở, những quái thai đó là tà ma nó báo hại người ta, đó là quỷ sứ nó oán thù người ta từ kiếp trước, từ kiếp trước nữa, nay đã ư thai lên vậy.

Có khi họ cho những quái thai ấy giống như cái người ba đầu sáu tay ở trong các chuyện thần quái, dù là chuyện bịa đặt nhưng họ cứ tin, rồi họ lắ c đầu lè lưỡi bảo nhau: Nếu mà nó sống... Có khi họ tiể c nếu quái thai này hay quái thai nọ mà sống được thì nó sẽ làm được nhiều việc phi thường ở đời. Chứ chẳng không. Một số người dù không có cái óc mê tín ngổ nghinh ấy, nhưng đối với những cái quái này họ lại có óc hoài nghi rồi buông ra một luận điệu trách đời, cũng có một phần đúng. Hãy nghe họ nói:

– Quái! Đời này loài người ma quỷ thế nào, mà thường xảy ra có những chuyện ma quỷ như thế, nào người đẻ ra trứng, người đẻ ra khi, chẳng mấy lúc là không có những chuyện quái thai như thế đã đăng ở trên báo, ngoài ra còn những chuyện mà nhà báo không biết, chắc còn nhiều nữa.

Đời các cụ ngày xưa chắ t phác thực thà, chẳng nghe nói có những chuyện quái quỷ như thế bao giờ.

Phần đúng về cái luận điệu trách đời này là ở chỗ đời xưa quả không có hay có nữa cũng chỉ hoạ hoắ n mới có mà thôi. Nhưng họ cũng còn cái óc dị đoan, cho chỗ khác nhau của người xưa và người nay là về lẽ ma quỷ chứ họ không xét về đạo đức và sinh lý của người vậy.

Vì theo sự nghiên cứu kỹ càng của các nhà sinh lý học đã xét rõ, thì loài người sở dĩ có những cái quái thai như đứa trẻ bốn tay bốn



chân kẻ trên kia, một phần là về sinh lý, về thể chất của kẻ làm cha mẹ yếu đuối, không được đầy đủ, một phần về đạo đức, kẻ làm cha mẹ đã không giữ gìn, về sự quá buông thả về tình dục, nhân đó mà bị những tật bệnh nguy hiểm, nhất là bệnh hoa liễu, làm cho cơ quan sinh dục bị thương. Một hạt giống gieo vào đám đất đã kém màu, lại có sâu kiến đục cắn, hạt giống ấy còn nảy mầm sao được, mà nếu có nảy nở ra nữa cũng là khẳng khiu, chẳng bị giập gãy cũng bị chết khô.

## TIÊU LIÊU

*Trung Bắc chủ nhật*, Hà Nội, số 52 (16.3.1941)

# Ma cà-rông<sup>1</sup>

Xỏ chân lên lỗ mũi, đi hút máu và ăn dơ, giông ma cà-rông là giông ma có khả năng p thể giới, chẳng cứ gì nước ta.

Hôm 11 Avril mới ròi, một bạn đồng nghiệp xuất bản ở đây có thuật cho ta một tin này nhiều người cho là ghê rợn lắm và người này truyền cho người nọ, cái tin ấy chẳng mấy lúc đã lan ra khắp chỗ. Đó là một cái tin ở Quảng Nam. Một người đàn bà đã có tuổi bị bệnh trầm trọng năm háp hô i trên giường chết. Bà năm như thể đã bao nhiêu lâu ròi, không biết, chỉ biết rằng trước khi bà cụ kia chết vài ngày thì có một con bướm lớn lắm cứ bay liệng chung quanh giường bà cụ ròi đậu vào mũi kẻ bặt hạnh kia. Cả nhà xô đuổi con bướm nọ, nhưng con bướm đó hô bay đi thì lại quay trở lại liền, nó lại lượn, nó lại bay, mà lần này thì không những nó bay luôn mà thôi, nó lại lặn vào người háp hô i nọ mà bậu lên trên... mũi nữa. Bệnh bà mỗi lúc một nặng thêm, thân nhân bà cụ chở bà cụ đến nhà thương thì con bướm cứ theo luôn vào bậu vào người bà cụ. Thế ròi bà cụ chết. Con bướm quái ác kia vẫn không rời cái xác chết nọ, đến đổi cả nhà thương đã tìm cách đuổi nó đi mà kết cục vẫn không được. Sau ròi, viên bác sĩ coi nhà thương bữa đó phải bặt nó tiêm thuốc vào người nó, nó mới chịu bỏ bà cụ mà bay đi phương khác.

Bạn đồng nghiệp hằng ngày<sup>2</sup> thuật tin này không cho ta biết vì những lẽ gì mà người nhà kẻ bặt hạnh lại không kiếm cách mà đập cho kỳ chết con bướm nọ đi. Bạn cũng không nói tại sao viên bác sĩ nọ đã bặt được nó ròi tại sao lại không giữ nó lại làm "con-léc-sông<sup>3</sup> quái vật" mà lại tiêm thuốc (thuốc gì?) ròi lại thả nó đi như vậy.

Dù sao câu chuyện này cũng được nhiều người bàn tán dữ, như trên kia tôi đã nói. Họ cho đó là một chuyện lạ như trăm nghìn

chuyện lạ thế giới, và bàn tán, và nghi ngờ, nhưng hầu hết đều không rút được một lý do gì khả dĩ gọi là chắc chắn để làm kết cục cho những điều họ nghĩ.

Duy có điều này đáng để ý là trong số những người đó có một số đông vì đó nhắc tới những chuyện ma, chuyện ma cà rồng là một giống ma từ xưa đến nay vẫn có tiếng là hay hút máu người bản thiêu, hôi thối hay đã chết.

Theo như ý kiến những lời người này thì con bướm kia chỉ là hiện thân của người có ma cà rồng: nó ngửi thấy mùi chết chóc nên bám lấy kẻ chết để mà hút máu ăn đơ vậy. Nếu cái tin con bướm mà bạn đồng nghiệp hằng ngày đã đăng kia quả có thực, có những người suy con bướm ra là một thứ ma cà rồng như thế, không phải đã là vô lý hẳn đâu!

Đôi với việc này, thực tình chúng tôi không muốn ngổ riêng một ý kiến gì cả, hoặc quyết định ra sao hết, nhưng chúng tôi muốn nhân chuyện này nói tới giống ma cà rồng mà người ta đem ra nói luôn luôn ít lâu nay và chúng tôi muốn để độc giả hiểu biết một ít về giống ma đó, tự độc giả, sau khi đọc hết bài này sẽ tự xét lấy xem những người đã cho con bướm kia là ma cà rồng, những người đó nói có lý hay chẳng.

### **Ma cà rồng ở Âu Mỹ**

Hồi 1935 hay 1936 gì đó, tôi cũng không nhớ rõ, tôi có viết dưới cái tên Trảng Bạch một cuốn sách nhỏ cho một nhà xuất bản kia; cuốn sách đó bán đã hết rồi, nhưng hiện nay trong bè bạn vẫn có nhiều người hỏi tôi về chuyện đó; nó đại khái như sau này (tài liệu ở báo *Paris-soir Dimanche*): ở một tỉnh thành Anh-cát-lợi (tôi hiện không nhớ rõ là tỉnh gì) có một người gác nghĩa địa kia xét thấy rằng cứ hằng đêm thì trong nghĩa địa lại thấy có một cái mả bật

lên, mà lạ những mả đó phàn nhiên là mả đàn bà con gái mới chết, xét ra thì những người bất hạnh đó bị mổ bụng và bị lôi mả t ruột. Sở trình thám Anh-cát-lợi hồ i đó (*Intelligence service*) ra sức điề u tra thì một đêm kia, một viên trình thám đại tài thầy lờ m cờ m ở trên tường nghĩa địa một bóng người: người ta đổ xô lại bắt thì đó là một gã thanh niên và thanh niên đó thú nhận trước mặt các nhà chức trách rằng y quả đã đào mả, mổ bụng những xác chết mà lấy ruột moi gan đem về ngâm rượu để mỗi ngày lấy ra ăn dần.

Nhiên người thầy tôi thuật câu chuyện đó hỏi tôi rằng đó có phải là ma cà-rờ ng ở Âu Mỹ không?

Tôi xin trả lời rằng, theo như sự biế t của tôi và lời nhà phóng viên của báo *Paris-soir Dimanche* thì đó không phải là ma cà-rờ ng, người thanh niên đào mả kia chỉ là người bị một thứ bệnh thần kinh lạ mà thôi. Ta có thể biế t rõ như thế vì báo *Paris-soir* có thuật rằng sau một thời kỳ được các bác sĩ có danh chăm nom săn sóc, người thanh niên nọ lại khoẻ khoả n và khỏi cái bệnh đào mả người chết lên. Sự thực nếu phải là ma cà-rờ ng thì không có thuốc nào chữa khỏi hết, người nào có giòng ma cà-rờ ng thì là ma cà-rờ ng suốt một đời và sẽ chết một cách rất khỏ n nạn, như lời nhà phóng viên Alexis Tolstoi ở báo *Marianne* đã nói.

Alexis Tolstoi có viế t ở trong báo *Marianne* một chuyện phóng sự về ma cà-rờ ng, ta xem thì biế t rằng ma cà-rờ ng chẳng cứ ở nước ta mới có, nhưng có cả ở Mỹ (như bạn Nguyễn Xuân Khôi đã nói ở trên) và ở Âu châu nữa.

Câu chuyện của Alexis Tolstoi xảy ra trong một cái làng rất hẻo lánh. Một người khách một hôm đi ngựa đén chơi đó, xảy gặp đêm tối, ông phải ngủ trọ lại một nhà kia. Gia đình nhà đó có một ông già, một cô gái và hai người con trai. Hai người con trai và người con gái đó là con ông già nọ. Theo như những lời ở chung quanh đó kể

chuyện lại thì nhà ông già nọ có ma cà-rô`ng (*vampirisme*) mà ông già đó thì chính đương bị cái bệnh quái ác đó: ông ta đã hút máu chết chính ngay con trai mình. Lúc bắt đầu câu chuyện này thì người con trai thứ nhì đương ốm, nhưng thập tử nhất sinh thì là người con gái. Người con gái đó mỗi đêm cứ hoảng kêu lên. Người khách trọ lầy làm lạ lắm, về gần sáng hôm đó bèn nhìn qua khe cửa phòng cô con gái nọ thì thấy ông già hoá ra một làn ánh sáng xanh chui vào buồng mà hút máu con. Ngay lúc ấy người con trai cũng biết, ngất đi. Trời hửng sáng, người thanh niên đó tỉnh giấc thì cái làn ánh sáng xanh cũng mất, ông già nọ lại như người thường. Nửa đêm hôm sau, công việc hút máu lại "tiến hành", người khách kêu lên những tiếng thét thanh, nhảy lên ngựa chạy thì cứ thấy ở sau lưng cái ánh sáng xanh vun vút đuổi theo mình, đến sáng bạch thì người khách kia thoát nạn. Vài hôm sau, cùng với mấy người bạn nữa quay trở lại xem tình hình cái gia đình có ma cà-rô`ng nọ thì có tin người con gái đã cạn hết khí huyết chết rồi. Người con trai thù bỏ đã ném một cái giáo vào giữa trái tim ông bỏ có ma cà-rô`ng và ông già đó cũng chết theo con gái.

Ở nước ta, vào khoảng từ 20 đến 25 Janvier 1940, *Eden Cinéma* có chiếu cho dân chúng Hà thành xem một chuyện ma cà-rô`ng khá rùng rợn rút ở một chuyện phim mà kẻ viết cho là dựa vào những tài liệu xác thực: *La fille de Dracula*.

Đó là một chuyện xảy ra ở thành Withbry nước Anh, kể tục ở một nơi cách xa đó có hàng vạn dặm, vùng Transylvanie, một chốn nước non hiểm trở bên nước Lỗ. Bá tước Dracula, một con ma cà-rô`ng, hại không biết bao nhiêu người, gieo sự kinh khủng trong khắp cả một vùng đó, sau nhờ có bác sĩ Helsing bán một mũi tên vào giữa ngực Dracula mới trừ được hẳn.

Cách đây không lâu, báo *Paris-soir* lại còn cho ta nghe một câu chuyện này cũng hay lắm, nó cũng có tính cách ma cà-rô`ng. Nhà

phóng viên P.S. thuật rằng ở một vùng nọ phía Mexique bên Mỹ châu có một giống khi ngày thì là người mà đêm khuya hoá ra chó sói (*loup garrot*). Giống này có một sức khoẻ ít có giống vật nào bì kịp (giống ma cà-rông khoẻ lắm, độc giả đọc dưới đây sẽ biết), nó toàn quật xác người chết lên ăn thịt rữa nát, ai vào lúc đó nó sẽ cắn chết tất. Sau mãi có một vị võ quan người Mỹ một hôm tìm cho được một con chó sói để săn. Sau những cuộc đấu sức rất kịch liệt giữa vật với người, con chó sói *garrot* nọ bị bắt; vị võ quan Mỹ đem về nhà giam con chó sói kia lại, nhưng chẳng bao lâu thì vị võ quan bị chết một cách vô cùng thảm khốc.

Thật y như những chuyện ma cà-rông ở nước ta. Những tài liệu về ma cà-rông ở Âu Mỹ còn nhiều lắm, tôi không thể kể hết ví dụ ra đây được. Ta chỉ nên biết rằng chẳng cứ ở nước ta mới có ma cà-rông đâu, nhưng ở khắp thế giới này đều có, nhưng mỗi chỗ nó hiện ra một cách khác nhau, nghĩa là ma cà-rông tùy thời tiết, tùy địa thế mà biến thể vậy.

### **Ma cà-rông ở xứ ta**

Ở xứ ta, thường thường những vùng thượng du, như Sơn La, (Bắc Kỳ) Cao Lãnh (Nam Kỳ) và nhiều chỗ nữa, không cần kể ra làm gì cho dài, người ta vẫn thường nói tới ma cà-rông. Nhiều người không tin là có. Nhưng sự thực thì giống ma cà-rông quả là có thực. Độ vào khoảng mười mười hai năm trước đây, một bạn ở trên thượng du đã viết rõ về giống này. Tiếc thay, sách đó lại hết, hiện bây giờ khó mà kiếm được nên những chuyện ma cà-rông tôi thuật ở dưới đây đều không dựa vào sách nào cả, nhưng mà chính là do những việc tôi đã thấy tận mắt, những cái tôi đã nghe những người rất thành thực rất thân tín kể lại và xét nghiệm.

#### **a) Giòng giống ma cà-rông**

Ma cà-rô`ng ở những vùng thượng du nước ta không phải là một giớ`ng mà ta vẫn thường nghe kể lúc nhỏ tuổi đâu. Không, ma cà-rô`ng chỉ là người như ông và tôi vậy, đi lại, ăn uống và làm việc như thường, không có gì là khác. Chỉ duy có ban đêm họ là ma mà thôi. Họ biế`n tướng đi và bay đi ăn những vật hôi thố`i hay hút máu người, máu vật. Những giòng giớ`ng ma cà-rô`ng như thế` chính mình không biế`t việc mình làm lúc đêm khuya. Nhưng cả làng cả xóm, hễ thấ`y nhà nào, họ nào có ma cà-rô`ng thì biế`t ngay, họ xa lánh, khinh bỉ cái họ có ma cà-rô`ng đó, và những người có ma cà-rô`ng nhục lắ`m, nhưng không làm thế` nào khai được, vì như trên kia đã nói thì khi người ta có ma cà-rô`ng người ta sẽ mắ`c chứng đó suốt đời, không mong có một phương pháp gì cứu thoát.

### **b) Tướng người có ma cà-rô`ng**

Lúc tôi viế`t bài này thì một sự tình cờ đưa đế`n cho tôi một ông bạn vong niên: đó là Nhì Lùng tiên sinh. Là một nhà tướng số` có tài đã đi nhiề`u từ Nam chí Bắ`c, cụ Nhì Lùng hồ`i vào trong Nam có ở lại chơi nhà bạn tôi là Nguyễn Xuân Khôi, nhân vui câu chuyện cụ Nhì Lùng và bạn Nguyễn Xuân Khôi có nói tới giớ`ng ma cà-rô`ng, nay viế`t đế`n giớ`ng này, tôi không bỏ lỡ cơ hội lại tìm đế`n tìm cụ Lùng để hỏi thêm ít nhiề`u chuyện về` ma cà-rô`ng, nhấ`t là hỏi cụ cho biế`t tướng những người ma cà-rô`ng này ra sao. Thì, theo như lời cụ, những người có ma cà-rô`ng này có một cái đặc biệt nhấ`t là mũi to, đỏ, có thể đút ngón tay cái vào vừa. Mắ`t họ rắ`t trong. Thế` thôi. Còn bảo rằ`ng ma cà-rô`ng cổ to gắ`p đôi cổ người thường, cái đó là đùa, không có gì làm chứng cứ.

Cụ Nhì Lùng nhìn chúng tôi, nghĩ ngợi trong giây lát rô`i chậm rãi nói rằ`ng:

– Tôi là một nhà tướng số`, thích xem biế`t về` khoa học huyền bí; cái gì vì vậy đố`i với tôi cũng thuộc về` lẽ huyền bí hế`t. Cho nên

vê` ma cà-rô`ng, nếu câ`n phải có một ý kiế`n gì thì tôi chỉ có thể xin thừa với ông rằ`ng: đó là một nghiệp chươ`ng nó hại người ta, nó hại một giòng họ nào đó, không thể nào tránh đượ`c. Theo như chỗ biế`t của tôi thì cái giố`ng ma cà-rô`ng này là cha truyề`n con nô`i, người có giố`ng ma cà-rô`ng yêu thương người nào thì truyề`n ma cà-rô`ng cho người â`y, mà truyề`n lắ`m khi không biế`t. Người mới bị truyề`n ma cà-rô`ng, đượ`ng khoẻ khoả`n chẳng làm sao, bỗng bị một cơn số`t rắ`t dữ dội, có khi hàng tuầ`n hay nửa tháng, thít sút đi trông thấ`y. Đế`n khi khỏi số`t thì người â`y vàng hắ`n mắ`t đi, thề` rô`i cái mũi đở` lên; đê`m đê`m vì xuấ`t tinh ra mắ`i, nên lỗ mũi to lên. Người có ma cà-rô`ng cũng dễ phân biệt với người thườ`ng: bởi vì người có ma cà-rô`ng thườ`ng xuấ`t hờ`n ra đi ăn những vật thô`i tha bản như cóc chề`t, ế`ch chề`t, những mụn ghẻ lở, và máu người, và vật cả số`ng lẫn chề`t, nên cái hơi những người có ma cà-rô`ng rắ`t nặng, người đứng bên cạnh có cảm giắ`c rằ`ng đứng bên cạnh một đố`ng đờ, một cái xác chề`t, một con cóc chề`t.

Hồ`i đó tôi không nhớ rõ là năm nào, – lời cụ Nhì Lùng – tôi nhân vì đi phúc đầ`t cho một nhà giàu ở tỉnh kia, có lầ`n mò lên chơi gia huynh ở châu Văn Chấ`n, phố Nghĩa Lộ. Anh tôi và những người ở lân cận, một hôm có chỉ cho tôi một người đàn ông đã có tuổi và bảo rằ`ng đó là ma cà-rô`ng. Thoạt đầ`u, tôi không tin, nhưng sau họ kể chuyện cho tôi thì mới biế`t rằ`ng những người có ma cà-rô`ng có nhiề`u khi ăn trên ngô`i trồ`c ở trong thôn, trong xóm; ngay ở quanh vùng đó có người có ma cà-rô`ng mà làm đế`n chánh tổng và lý trưởng!

Hồ`i đó, ở châu Văn Chấ`n, phố Nghĩa Lộ có một đôi vợ chồ`ng kia ăn ở với nhau mười tám năm trời chẳng làm sao, tự nhiên một ngày kia người vợ đỏi hắ`n tính hắ`n nế`t đi, suố`t ngày đê`m chửi mắ`ng chồ`ng và sau mắ`y hôm thì bị bệnh liệt giường liệt chiế`u. Người đàn bà â`y số`t rắ`t dữ dội rô`i mặt mày cứ bọ`t đi, người



chờng đêm đêm thức để thuở c thang cho vợ có cái cảm giác rằng vợ mình bị ma cà-rô`ng hút máu. Anh ta để công rình thì một đêm kia thấy có một cái bóng đen tụ trầ`n nhà bay xuô`ng, anh định nhõn nhìn kỹ thì trong bóng đêm bao phủ gian buồ`ng, tịnh không có một cái gì cả, trừ người đàn bà ó`m đau hỏ`c hác nằ`m ở trên giường thỉnh thoảng lại nói mê, và cứ vào khoảng gầ`n sáng, thì lại thét lên những tiế`ng rùng rợn như có vẻ hãi hùng đau đớn`n lắ`m. Anh chờng tức lắ`m, lúc mờ sáng bèn đi lục khắ`p gian phòng. Anh ta tìm khắ`p: vẫn không có gì lạ cả. Chỉ thấy một con chó đen nằ`m ở tít gầ`m giường chui ra nhìn người đàn ông với đôi mắ`t ngạc nhiên, cắ`n một tiế`ng rô`i tìm đường chạy trồ`n. Người đàn ông có vợ ó`m rùng mình từ đầ`u đế`n gót chân. Anh ta hiểu hế`t, hiểu hế`t; vội vàng vớ lắ`y một con dao sì pán, – một thứ dao rắ`t sắ`c của dân rừng vẫn thường dùng, có thể chém đứt đôi một đờ`ng xu, anh ta chạy đuổi con chó và giáng hế`t sức chém vào cổ nó. Con chó chạy nhanh như bay, con dao chém trượt thành thử chỉ sượt vào cổ nó và làm rơi má`y giọt máu trên nề`n gạch. Thì ra con chó đó, – các bạn tá`t đã đoán ra rô`i,

– con chó đó là ma cà-rô`ng hiện hình ra. Người ta sở dĩ biế`t thề` là vì, ngay buổi sáng rạng đêm hôm đó, ở trong lỏ`i xóm gầ`n đó có một người đàn ông khi không bị xả một vế`t ở cổ rắ`t to, máu me đã đông lại, trông thật là gớm ghiế`c. Theo như lời những người đã ở lâu năm vùng đó kể chuyện lại thì người đàn ông có giọng ma cà-rô`ng: Anh ta vẫn thường đi hút máu và ăn dơ vế` đêm khuya. Đã má`y đêm nay rô`i, anh ta thường đế`n hút máu người đàn bà ó`m đau kia, và hiện hình ra làm con chó đen như các ngài đã biế`t, chẳng may bị chém. Từ đó, con ma cà-rô`ng sợ và không dám bén mảng đế`n nhà người nọ nữa: người đàn bà khỏi bệnh.

Người ta thường kể chuyện rằng ở trên những miề`n thượng du Bắ`c Kỳ, cái giồ`ng ma cà-rô`ng biế`n hoá thiên hình vạn trạng.

Lúc mới có ma cà-rô`ng, người có ma chỉ có thể hoá thành một cái bóng người thôi. Nhưng mỗi ngày một quen, một thạo đi, ma cà-rô`ng có thể xỏ hai ngón chân cái lên hai lỗ mũi mà bay đi lơ lửng ở lưng chừng trời. Lúc đã bay được rô`i, ma cà-rô`ng rút hai chân ở hai lỗ mũi ra và tự nhiên ở hai lỗ mũi tòi ra hai cái tia xanh to bằng ngón tay, dài độ 15 phân, ánh sáng chập chà chòn như thể cái lửa ma troi vậy. Hai cái tia sáng xanh đó trông có vẻ ghê lạnh và kỳ quái: nó lên, nó xuống. Những người đi đường rừng và đã từng biế`t nhiề`u về` ma cà-rô`ng lại còn nói rằ`ng mỗi khi cái tia sáng xanh đó động đậy nhiề`u, á`y tức là ma cà-rô`ng đã kiế`m được mô`i, nó đánh hơi thấ`y máu, mủ, thịt thố`i, cóc ché`t hay rau đàn bà đẽ vậy. Chúng thích ăn những vật dơ bẩn đó và chỉ có thể ăn những vật dơ bẩn đó mà thôi. Có lẽ ma cà-rô`ng cho những vật dơ bẩn á`y là ngon nên không đêm nào chúng không đi kiế`m ăn cả. Chúng có nhiề`u khi chỉ hoá ra có một lắ`n xanh, có khi là con bò cạp. Có lẽ vì những biế`n thể đó mà có người cho con bướm ở Quảng Nam là ma cà-rô`ng hút máu bà cụ già sắ`p ché`t chằ`ng?

Ma cà-rô`ng một khi đã kiế`m được mô`i thì bay là là xuống cái mô` , và lượn chung quanh một lúc. Khi đã xét rõ đó là những vật hôi thố`i hoặc phân bò, phân lợn, cóc ché`t, trâu bò ché`t hoặc rau đàn bà đẽ rô`i thì hai cái tia sáng dài ra. Có người đã từng mục kích một bữa "chén" của ma cà-rô`ng thuật lại cho tôi nghe rằ`ng khi ma cà-rô`ng ăn như thế` thì hai cái vòi xanh thò vào thụt ra như cái bễ lò rên. Trong khi chúng ăn như thế` thì chúng không trông thấ`y người đi lại ở chung quanh, nhưng người ta thì người ta trông thấ`y nó rấ`t rõ ràng. Những lúc á`y nếu ai trông thấ`y mà nhảy ra bắt nó thì con ma cà-rô`ng vụt bay đi. Những lúc á`y, sức nó rấ`t khoẻ, nó bay rấ`t nhanh, nó kéo người bám lắ`y nó đi qua đò`ng ruộng, đi qua rừng núi. Người ta bảo rằ`ng nếu người nắ`m được nó cứ bám hoài, không để cho nó bỏ rơi mình thì khi nào có ánh sáng mặt trời mọc, con ma cà-rô`ng tâ`t ché`t.

Nhưng chuyện ấy ít khi thấy lắm, hay nói cho đúng thì không bao giờ có cả. Phần nhiều người ta bị bỏ rơi ở giữa đường, hôn mê bất tỉnh và nhiều khi những người đó bị ma cà rồng truyền nọc cho là khác.

## **Hai chuyện ma cà rồng ghê gớm**

Lúc tôi đang viết bài này thì có một bạn, M. Nguyễn Thụy

T. hiện giờ buôn bán ở Hàng Đường, – đến chơi nhà báo và trong khi vui chuyện có thuật lại hai chuyện ma cà rồng, – hai chuyện mà ta có thể tin chắc lắm vì chính hai chuyện này ông T. đã sống một và ông đã nghe thấy một ở Sơn La là chỗ ông làm vậy.

– Hồi ấy, – lời ông Nguyễn Thụy T. – tôi đang làm thư ký ở Sơn La. Hằng ngày vì công việc bắt buộc tôi vẫn phải mặc quần áo tàu và cầm dao đi khám xét hàng hoá của những khách đi qua đó. Những người làm ở dưới quyền tôi hồi đó có nhiều người Thổ; trong số những người Thổ đó, có một anh thỉnh thoảng vẫn vào xin quét vườn cho tôi, anh ta thường hầu hạ luôn luôn ở quanh tôi. Nhiều người quả quyết rằng anh ta có ma cà rồng và chắc có ý định gì đây, nhưng bao nhiêu lời bàn tán, tôi đều không để ý, mà tôi chỉ nghĩ rằng anh chàng ấy sợ đi lại nhà tôi luôn như thế chỉ là vì anh ta muốn xin hạt giống rau cải và các thứ rau khác để về trồng trọt. Một tháng, hai tháng qua, không xảy ra chuyện gì lạ hết, tôi vẫn làm ăn như thường, nhưng bởi vì cuộc sinh hoạt hàng ngày của tôi chật vật quá nên không muốn nói là nguy hiểm, một buổi kia tôi bị cảm và luôn một tuần lễ tôi sốt mê sốt mệt không biết gì hết cả.

Tôi hồi ấy thuê một cái nhà nhỏ ở chung với một bạn đồng sự, anh L.H.T. Hai anh em ở với nhau, tôi ốm, chỉ có một mình anh L.H.T. trông nom săn sóc. Mãi về sau này khỏi bệnh, những khi

nhàn rồi ngồ`i kể lại chuyện cho nhau nghe, anh thuật cho tôi hay rằ`ng trong bảy ngày số`t nặng, cứ về` đêm, tôi thường nói làm nhảm luôn miệng và thỉnh thoảng lại hét lên kinh khiế`p lắ`m. Ngay lúc ấy, tôi vẫn không lúc nào nghĩ đế`n ma cà-rô`ng, mà cả anh

L.H.T. nữa. Cho nên bây giờ tôi vẫn chịu rằ`ng tà ma nó làm u mê ám chướng người ta là đúng lắ`m. Tôi, chính tôi, tôi đã bị u mê ám chướng số`t trong một thời kỳ, cái tên thổ kia hằ`ng ngày vẫn được tự do đi lại nhà tôi. Tôi không nghi nó, duy tôi có nghiệm thấ`y một điề`u này là mắ`t tên Thổ nọ rắ`t gian, hay nhìn trộm. Nó cứ đi đi lại lại quanh chỗ tôi nằ`m, nó nhìn những vế`t lở ở người tôi, – bởi vì tôi số`t dữ dội quá nên cả người phát lở lên, – với một sự thèm muố`n không tả được. Như thế`, một thời gian ngắ`n. Xảy một đêm kia, bạn tôi anh T. nửa đêm sự tỉnh giấ`c bỗng hét lên một tiế`ng: anh ta vừa thấ`y ở trong gian phòng tôi ngủ một cái bóng đen đi đi lại lại ở chung quanh giường nằ`m của chúng tôi.

Cái bóng ma đó vụt biế`n đi, nhưng đêm sau, đêm sau nữa, vào đúng giờ đó, cái bóng ma đó lại hiện lên ở gian phòng; anh T., thu hế`t can đảm vào hai tay, đế`n đêm thứ ba rình lúc cái bóng ma đó hiện lên cằ`m lắ`y con dao *sì pán* ở đầ`u giường ném thực mạnh vào cái bóng. Tôi tỉnh giấ`c. Ngay lúc ấy, chúng tôi bật diêm đố`t nế`n lên soi thì thấ`y con dao đâm qua màn làm rách một mảng rắ`t to và bỏ xuố`ng một cái đèn Hoa kỳ mà chúng tôi vẫn rong lên để` đêm; cái đèn ấy vỡ tan ra từng mảnh. Không còn hờ`n vía nào nữa, anh T. kể lại cho tôi nghe. Thì ra anh lại vừa thấ`y cái bóng đó hiện lên và chắ`c chắ`n, chắ`c chắ`n lắ`m, không mơ hoảng gì hế`t, anh nhìn rõ ràng thấ`y con dao đó đã đâm vào cái bóng đen nọ, nó đưa tay ra đỡ.

Hôm sau, chúng tôi đem việc đó thuật lại với y sĩ L.V. T. và tin đó lan khắ`p vùng. Y sĩ L.V.T. không tin lời nói của chúng tôi, nhưng sau nghe thấ`y câu chuyện của anh L.H.T có vẻ quả quyế`t lắ`m, y sĩ T. cho gọi ông thổ quét vườn của tôi lại, thì, – bây giờ tôi hãy còn nhớ rõ

như việc vừa xảy ra khi nãy – tên thổ đớ giờ cho y sĩ T. xem một bàn tay có một vết dao chém, hãy còn máu đọng! Lúc đó, chúng tôi mới ngã ngựa người ra, nhất là tôi, vì đến tận lúc đó tôi mới thực biết rằng tên thổ kia là ma cà-rông. Hắn đi lại nhà tôi chắc là để xem xét địa thế vậy. Bao nhiêu lần nó đã định hại tôi, nhưng sợ dĩ không thành công, cứ phải quanh quanh quẩn quẩn ở cạnh giường là vì cái lệ tôi nằm ngủ bao giờ cũng vậy, tôi cũng để dao kéo ở trên đầu giường tôi.

Ma cà-rông có một cái sợ nhất đời: đó là những đồ kim khí vậy! Theo lời những người ở những chỗ nều heo hút gió về kinh ta kể chuyện lại thì giống ma cà-rông này còn sợ một thứ nữa: đó là cái vó. Cho nên ở những chỗ nào có ma cà-rông, những người thực cẩn thận thường mua vó để luôn luôn trong nhà: Hễ trong nhà chẳng may có ông già bà cả bị đau hoặc trẻ con trở trời trái gió thì họ căng vó ra ở trước cửa nhà vì họ tin chắc rằng nếu ma cà-rông có muốn vào nhà chẳng nữa mà thấy vó căng ra như thế cũng phải tìm đường tẩu thoát.

Ông Nguyễn Thụy T. lại nói tiếp:

– Sau khi đã khỏi bệnh, một hôm, tôi nhân có việc vào chơi cụ quán đạo C.V.O. ở châu..., cụ có hỏi thăm tôi về việc ma cà-rông làm. Tôi nhất nhất kể lại những việc đã qua mà tôi tưởng như mới xảy trong một cơn ác mộng. Sau khi chè nước, cụ O. nói với tôi một câu chuyện trăm phần trăm đúng sự thực:

–Tôi ở trên này đã mấy đời cho nên những chuyện ma cà-rông như thế, tôi biết lắm. Ma cà-rông, nói cho thực ra, ít dám làm hại những người có oai danh, kể cả những quan chức làm ở các công sở nữa. Chắc ông mới lên màn việc ở đây không biết rõ chúng nó đó thôi. Chẳng lâu gì, nửa năm hoặc vài tháng, ông sẽ có dịp chứng kiến một cuộc bắt ma cà-rông của tôi. Tôi sẽ để cho ông xem nhiều cái

lạ về ma cà-rô-ng lắ m, nhưng hôm nay, nhân lúc hai ta cùng nhàn rỗi, tôi xin kể cho ông nghe một chuyện ma cà-rô-ng ở châu đây mà người *anh hùng* trong chuyện ấy, – nói thê cho vui! – người *anh hùng* trong chuyện là tôi vậy.

Không lâu đâu. Chuyện mới xảy ra cách đây bôn, năm tháng trời thôi. Đó là về tháng chín, tháng mười gì đó, gió ở rừng thổi lạnh lắ m mà cả ngày chí tồ i, mưa phùn rét căm căm như thắ m đê n xương tuỷ người ta vậy. Nhà X.B. đã mắ y hôm nay nặng một bà u không khí ủ ê buồ n: vợ chồ ng X.B. khóc ra khóc vào, vì đưa con một của lão, lên tám tuổi, đương yên đương lành chẳng làm sao bỗng lên một cơn sốt rắ t dữ dội rồ i cứ mê man đi đã hơn một tuầ n lễ nay. Thuồ c thang chữa chạy đê u vô hiệu. Thậ đưa bé rồ c đi trông thắ y; đêm đêm nó lên chứng kinh hoàng và khóc thét lên. Đã đê n lúc thắ t vọng hoàn toàn, X. một hôm khóc lóc lên trình tôi rằ ng nó nghi rằ ng con nó bị ma cà-rô-ng làm và nội trong thôn ấy, nó nghi nhắ t cho con mụ N.T.S. vì mụ này, cả thôn ai cũng biế t mụ là ma cà-rô-ng. Nghe lời khai của X. xong, buổi chiề u hôm ấy, tôi cho gọi con mụ N.T.S. lại. Thì vừa hỏi một đôi câu, mụ đã giấ y đây đắ y lên và thề số ng thề chề t rằ ng đó là người ta thù ghét mụ nên mới đố vắ y đố vá cho mụ vậy. Mụ khóc lóc, mụ kêu ca, nhưng thoáng qua tương mụ, tôi đã biế t rằ ng mười phầ n mụ không phải bị nghi oan cả mười. Tôi bèn quát lính trói giặ t cánh khuỷu mụ lại, buộc vào một cái cọc tre và tôi truyề n cho đánh mụ kỳ cho đê n lúc mụ khai thực tình.

Cuộc khảo ma cà-rô-ng bắt đầ u.

Ông quản đạo C.V.O. hút một mồ i thuồ c, gặ t đầ u một lát rồ i nói tiế p: Vâng, thê là cuộc khảo ma cà-rô-ng bắt đầ u.

Hơn hai tiế ng đồ ng hồ ra sức khảo đắ, những người lính của tôi vẫn không thể nào làm cho mụ N.T.S. khai một lời nào ích lợi. Tôi đã

bắt đầu chán nản, nhưng không lẽ lại chịu thua nó hay sao? Tôi bèn hét quân lính hãy trói nó lại bỏ vào nhà giam để sau này định liệu. Tôi truyên không cho nó ăn gì để xem lúc đói nó có biến hình chăng. Trong khi ấy, tôi chỉ cho uống nước và bắt phân nhật dạ, lúc nào cũng có hai tên lính đứng ở cạnh nó để coi và hề có gì lạ thì phải báo cho tôi tức khắc. Như thế luôn trong ba ngày. Vẫn không có gì lạ. Tôi vẫn không cho nó ăn và không cho nó ngủ nữa, hôm nhảm mất thì tôi lại cho người đánh. Đợi mãi, đợi mãi như thế luôn trong năm ngày liền, con mụ N.T.S. vừa đói vừa mệt lả ra. Người ta vẫn thường nói ra phàm đã là ma cà-rông thì lúc đói, mệt thường không giữ gìn được, nó phải xuất hiện nguyên hình. Tôi cho thế là đúng nên đến ngày thứ sáu thì tôi thi hành mưu kế. Hôm ấy tôi còn nhớ là một đêm mùa rét, gió bắc lạnh lùng lại có mưa phùn ẩm ướt rét cắt da cắt thịt. Cái giống ma cà-rông nó vẫn thế, gặp những đêm trời tối, gió rét mà lại mưa phùn thường vẫn biến hình để đi ăn. Tôi lợi dụng thời tiết hôm đó, và lại đã thấy nó mệt lả ra rồi, bèn truyên riêng cho hai người lính canh nó hề thấy nó chợp ngủ thì cứ để cho nó tự nhiên, đừng nao động. Về phần tôi thì tôi đã dự bị sẵn sàng rồi: một tay cầm con dao, một tay cầm cái vó, tôi đứng rình ở phía ngoài. Độ vào khoảng nửa đêm, điểu tôi dự đoán đã thành ra sự thực. Trong bóng tối dày đặc của phòng giam, một tia sáng loé lên, rồi một tia nữa, hai tia dài, xanh và động đậy lập loè trong bóng tối. Tôi cứ đợi và cố gương to mắt ra nhìn thực kỹ thì thấy mụ N.T.S. từ từ giơ hai bàn chân lên trời. Tóc mụ xoã ra và có điểu này khá lạ là người mụ cứ thu nhỏ dần dần lại, nhỏ mãi nhỏ mãi sau rốt nó chỉ còn nhỏ bằng một con búp bê thôi. Lúc ấy, chắc người nó đã nhẹ lả thì phải, nó cứ cao lên khỏi mặt đất dần dần, nó bay là là rồi bay cao lên vừa tầm tay người thường... Mụ N.T.S. đã biến hình ra ma cà-rông. Không trì hoãn, tôi bèn ra hiệu cho ba người đứng ở quanh tôi quăng vó ra chung quanh sân để cho ma cà-rông không thể thoát thân được. Thì đúng như thế, con ma cà-rông chỉ có thể

lượn quanh quẩn ở trong vó mà thôi, tôi bèn nắm can đâm vào hai tay nhảy lại phía nó và hết sức bắt nó, lôi nó lại.

Thưa ông, ông trông tôi đây. Tuy tôi đã già rồi, nhưng chắc ông không thể bảo tôi là một người yếu đuối. Ấy thế mà lúc tôi lôi kéo con ma cà-rông lại thì tôi tự nhiên thấy tay chân tôi run cả ra, con ma cà-rông kéo tôi chung quanh sân và tôi tưởng nó còn kéo tôi mãi. May, sau tôi định trí lại được, hết sức bình sinh kéo nó lại, vả lại có một tên lính phụ giúp nữa nên con ma cà-rông không động đậy được, đành phải đứng yên và tỏ vẻ tức giận thêm thò lưỡi lăm lăm vì nó ngửi thấy mùi phân, – tôi đã để sẵn một đống phân ở giữa vườn để như nó, – mà không được đổ xuống ăn. Lúc đó, nó mới lờn lộn lên và đáng chùng nó thấy vương ở mình nó, nó mới nói, – vâng, bằng tiếng người, nói rất nhỏ, – nói một câu mà tôi không hiểu ý nghĩa ra sao hết. "Mày đi ăn, tao cũng đi ăn. Món này của tao, tao tìm thấy trước, có sao mày lại tranh cướp của tao như vậy?" Mãi đến sau này tôi mới vỡ nghĩa câu nói đó: thì ra con ma cà-rông của tôi nó không biết là nó đã bị bắt. Trái lại, nó vẫn tưởng nó đi ăn đêm như thường lệ, và cái bàn tay bắt nó, nó cho là có một bạn đồng sự với nó trên nó, cướp mồi của nó.

Tôi lại nói lại cái lúc tôi bắt được ma cà-rông trong tay. Lập tức, tôi cho thắp đèn đuốc sáng rực lên khắp cả vườn, bao nhiêu người vây cả lại chung quanh nó và đến tận lúc đó con ma cà-rông vẫn chưa tỉnh hẳn. Đến tận mười lăm phút sau, nó mới chịu định thần, nó hình như đã biết rõ hết cảnh ngộ của nó, nên bắt đầu lên tiếng lay van rầm rĩ.

Bây giờ tôi hãy còn nhớ nét mặt và giọng nói của con ma cà-rông lúc bấy giờ: tóc nó xoã, mõm nó sùi bọt, mắt nó đỏ ngầu, nó có vẻ ghê rợn như những con tà mà ta vẫn thấy nhan nhản ở trong những ngày hội Phủ Giầy hay Kiếp Bạc.



Lau mắ t, vắ t mũi, nó khóc lóc kêu van như thế này: "Lạy quan lớn, ngài tha cho, ngài tha cho. Con quả có ma cà-rồ ng. Quan lớn xét tình cho, đó thực là tiê n oan nghiệp chứng cứ thực tình chúng con có bao giờ muố n thế ấ u. Thừa quan lớn, đứ a bé con con X.T. con quả có đê n "quấ y rằ y" thực. Nhưng trước khi con khai hê t cả đầ u đầ u, xin quan lớn cho phép chúng con đượ rửa mặt đầ. Ông quản đạo C.V.O. sai người lắ y một thau nước thì con ma cà-rồ ng vò i xua tay. Thì ra muố n hiện lại nguyên hình nó không cầ n nước lắ để rửa mặt nhưng cầ n một nồ i nước vo gạo. Người ta kể chuyện rằ ng muố n cho nó thực tỉnh hẳn cho hai cái vò i xanh chui vào trong lỗ mũi thì phải rửa như thế, nê u không, hai cái vò i xanh kia không thể chui vào lỗ mũi đượ. Trong khi hai cái vò i xanh đó chưa chui vào hai lỗ mũi thì ai đứ ng gầ n đó phải coi chừng vì nhiê u khi rình lúc bắ t ngờ ma cà-rồ ng nó thường hại người đứ ng chung quanh nó, truyê n cái nọc độc trong vò i xanh ra cho người nó đứ ng hại và người đó sẽ bị truyê n nọc ma cà-rồ ng.

Ông quản đạo C.V.O. lại nói tiê p:

Vậ trong lúc rửa mặt, tôi có ý đứ ng xa nó ra mà nhìn thì thực lạ! Nó vừa rửa mặt bằ ng nước vo gạo xong, hai cái vò i xanh đó vự t biê n đi mà cũng từ lúc ấ y người con mụ N.T.S. cứ lớn dầ n dầ n lên và chỉ trong giây lát nó lại cao lớn như người thường vậ. Nó bèn nói thế này: "Thừa quan lớn, thực tình chúng con có quấ y rằ y thắ ng bé con con mụ X.T. trong xóm thực. Nguyên hôm đó con có việc phải sang chơi nhà nó, có việc cầ n, con muố n hỏi giậ bớ nó vài hào bạc. Đứ a bé mữ mữ làm sao, vậ mà thương thay nó lại bị một cái nhọt mạch lươn rắ t to ở cổ thành thử người đứ a bé cứ xanh nhọt hẳn đi vì ăn bao nhiêu lại ra mủ máu cả thì còn béo tồ t làm sao cho đượ. Thoạt đầ u, con lắ y làm thương đứ a trẻ, nhưng vì sau cái mùi máu mủ trong cái nhọt của nó "nịnh khứ giác" con,

đây là lời ông quản đạo thuật lại, – nên con thấ y thêm muố n một cách lạ và ngay đêm hôm đó con đé n hút máu nó và hút máu nó như thế đã được bảy tám hôm nay rồi. Đưa bé đó hiện nay chưa ché t; vậy con rập đầ u xin quan lớn cho chúng con trả lại máu nó và lạy quan lớn, quan lớn tha tội ché t cho chúng con, chúng con xin cảm tạ và quyế t làm thân khuyển mã để đé n ơn quan lớn".

## **Trả máu**

Đây, chúng ta bước vào một đoạn ly kỳ nhấ t, ghê sợ nhấ t trong cuộc khảo ma cà-rô ñng. Mụ N.T.K. vừa nói đé n chuyện trả máu thì ông quản đạo ưng thuận ngay; ngài hỏi nó muố n gì, câ n phải có những đồ ñ câ n dùng gì thì nó bảo chỉ câ n một cái chậu con là đủ.

Chưa đầ y một phút, một tên lính đã bung một cái chậu ra để ở bên cạnh nó. Mọi người nhin thờ, để ý trông và đé u hồ i hộp trong lòng một cách lạ. Con ma cà-rô ñng chẳng nói chẳng rằ ng gì cả, xô cái búi có ở trên đầ u xuố ng, xoắn tóc che kín mặt để cho mọi người không trông thấ y. Đoạn, nó trợn mắ t lên, giơ tay cho vào mô m! Nó làm gì? Người ta cànng hồ i hộp. Thì ra con ma cà-rô ñng móc họng: nó nôn rục lên một lúc rồi thì, – thật là lạ lùng rùng rợn vô cùng,

– Ở miệng nó, người ta thấ y mưa ra tấ t cả thảy năm cục máu tím ngắ t như những quả bồ ñ quân vậy. Nhả máu xong rồi, nó mới ngắ ng nhìn ông quản đạo, nước mắ t giàn giụa mà nói bằ ng một giọng ghen ngào: "Thưa quan lớn, đây là những cục máu mà chúng con đã hút được mới đây. Đây, về ñ phầ n đưa con mụ X.T. cháu mới chỉ hút được có hai cục thôi, cháu xin trả lại nó" ...

Ông quản đạo thấ y vậy tức thì trợn tròn mắ t lên mà rằ ng: Quân này ra láo thực! Mày mưa ra cả thảy năm cục máu hãy còn rành rành

ra đây, vậy mà mày lại dám giữ lấy ba, chỉ giả có hai thôi? Vậy ra ý mày nhất định không muốn cho đứa trẻ kia được sống?

Nước mắt con ma cà-rông bỗng chan hoà ra, nó nghẹn ngào một lát lâu rồi mới run sợ đáp rằng: "Bẩm quan lớn, chúng con không dám giấu. Xin quan lớn tha tội chết cho con, con mới dám nói, thực quả ba hòn máu này không phải là của đứa con mụ N.T.K, nhưng là của một người đàn bà khác trong châu bị chúng con hút máu nhưng vì quá yếu sức nên đã chết từ hơn một tuần lễ nay". Nói đoạn, con ma cà-rông rạp đầu lay ông quản đạo.

Nghĩ một lát, ông quản đạo hỏi rằng: "Thế bây giờ, nghe tao hỏi! Mày trả máu đứa trẻ đó, nhưng mày bảo phải làm thế cho nó hồi lại được?" – "Bẩm quan lớn, không khó khăn gì cả. Quan lớn cứ cho mang đứa trẻ lại đây. Trước mặt chúng con, quan cho đứa trẻ đó nuốt mấy hòn máu này, nó tất sẽ hồi lại và chẳng bao lâu sẽ bình phục như thường vậy".

Y theo lời của con ma cà-rông nói, N.T.K. lập tức chạy về thăm con đến, thì lạ thực, đứa trẻ không tỏ vẻ kinh hãi gì cả, nuốt luôn hai hòn máu.

Vài hôm sau, trong xóm nhao lên kháo nhau rằng đứa trẻ ấy ăn lại bữa và đã đi lại được như thường vậy.

Ông quản C.V.O. nói chuyện với tôi về ma cà-rông mãi đến lúc lên đèn mới thôi.

**Đây là một "chuyện dã sống" xảy ra ở làng Mùng Q.M.: cả mâm thịt tự nhiên xám xịt lại vì một con ma cà-rông bay qua!**

Xin thú thực với độc giả, câu chuyện của ông quản đạo C.V.O. đã có lúc làm tôi rợn người. Chép lại câu chuyện trả máu, tôi hãy còn

thấy cái cảm giác vừa ghê vừa tởm thì một câu chuyện dưới đây lại gửi đến cho đây đủ tập tài liệu này: đó là một bức thư của ông bạn ở Yên Bái mà chúng tôi tiếc rằng chữ ký thoáy quá nên không trông rõ. Bức thư đó cam đoan với chúng tôi rằng đây là một chuyện thực trăm phần trăm, một chuyện mà chính ông đã sống cách đây đã sáu năm nay.

Cách đây sáu năm nay, – lời ông bạn nói, – tôi vì doanh thương nên thường qua lại những làng lân cận tỉnh Y.B.

Hôm ấy, tôi tới làng Mường Q.M. Chúng tôi, tôi và tên đầy tớ, đi luôn ba tiếng đồng hồ, đã thấy hơi mệt. Tôi xem đồng hồ thì bốn giờ rưỡi chiều. Trước hết tôi tìm đến nhà viên lý trưởng vì chúng tôi thường giao dịch buôn bán với nhau. Khi nhìn thấy chúng tôi còn ở xa, ông lý đã vội vàng chạy ra đón tiếp và mời vào trong nhà. Sau vài tuần nước chè và mấy câu hỏi thăm thông thường, thấy lý gọi người nhà làm cơm. Tôi từ chối vì hãy còn đồng ruộng đủ trong hai ngày nữa.

Mấy phút sau, có viên chánh hội (tôi cũng quen), chắc biết tôi đến đây nên chạy lại, mời tôi cùng viên lý trưởng đến nhà ông uống rượu cưới con gái ông ta. Tôi kiêu không được, phải đi vậy.

... Đến nơi, tôi thấy có tới bốn mươi người ngồi chung quanh những mâm cỗ. (Nói mâm cỗ thì ngoa quá! Có ra gì cỗ của người Mường). Người ta bày những miếng thịt trâu to bằng nắm tay một lên trên lá chuối. Thịt thui chưa chín nên còn đỏ hoe. Cạnh đồng thịt là đồng xôi trắng với chai rượu bột. Tôi ngồi cùng mâm với viên chánh hội, lý trưởng và phó lý. Mâm cỗ chúng tôi còn "sang" hơn vì có cá, thịt gà và hai bát canh thịt trâu nấu với bí.

Trong khi tất cả đang ồn ào mời nhau và chúc tụng cô dâu, chú rể, tôi thấy hơi lạnh lạnh và... một luồng khói đen từ ngoài bay vào

trong nhà, qua trên đầu mọi người rồi biến mất. Tôi ngỡ ngác không hiểu gì, các người xung quanh cũng ngỡ ngác và họ hỏi nhau bằng tiếng Mường của họ làm tôi lại càng ngỡ ngác thêm. Tôi đã "lạnh bụng" mất rồi. Tôi chưa biết là gì nhưng... tôi đã đánh mất ít nhiều "vía" rồi.

Những người ấy sau một hồi bàn tán một cách không vui, lại trở lại bình tĩnh và cười nói, nhưng có vẻ gượng gạo lắm. Họ không muốn cho tôi hiểu!

Viên chánh hội cầm chén rượu mời tôi, tôi đỡ lấy và đặt xuống. Mắt tôi nhìn xuống chiếu: tất cả những mâm thịt trâu đồ hỏn lúc này thì bây giờ đã xám xịt cả rồi. Thú thực, tôi thấy rợn tóc gáy lên.

Tôi vội vàng kêu đau bụng và cáo lui về nhà lý trưởng. Họ biết giữ tôi ở lại cũng không được nào, nên để tôi về. Hai nhà này cách nhau độ 500 thước nhưng đường khó đi (đường leo sườn núi). Đi được quá nửa đường tôi gặp mục đàn bà độ gần 50 tuổi, quần áo lôi thôi lếch thếch, mặt đỏ chẫn chịt trông xấu xí quá chừng. Có cái mũi thì chần chịt những mạch máu tím bầm.

Mục ấy hỏi tôi rằng: Ông ở đây ông Chánh hơn về đây à? Tôi đáp: Phải, và cứ rảo bước đi mau. Về tới nhà lý trưởng tôi cứ nghĩ ngợi loanh quanh mãi. Nửa giờ sau thì viên lý trưởng cũng về và hỏi thăm tôi đã đỡ đau bụng chưa? Tôi thú thực là chẳng đau bụng đau gan gì cả. Vì trông thấy tự nhiên thịt thà xám xịt lại nên không dám ăn mà phải cáo lui. Hấn cười bảo tôi: Cứ việc ăn tự nhiên, chúng tôi ăn hết cả, có làm sao đâu nào! Tôi nhớ lại lúc gặp con mục đàn bà kia liền nói cho hấn nghe. Hấn ngó nghiêm chỉnh lên rồi nói: Thôi đích rồi! Con mục ma cà-rông đây, lúc có đám khói đen bay vào trong nhà ông chánh hội là nó biến vào để hưởng cỗ bàn của ta đây. Nó có ăn thật nhưng không mất một miếng thịt nào đâu, chỉ có thể làm xám đi và mất vị ngon thôi. Rồi hấn kể rành rọt cho tôi nghe

về đời con mụ ấy. Thì ra nó đã lấy bôn đời chông, anh chông nào ăn ở với "nó" được vài năm thì lại chết. Hiện nay "nó" còn anh chông thứ năm, có lẽ cũng sắp "tịch" đến nơi rồi. "Nó" thì đêm nào cũng thả hồn bay đi quanh làng để tìm những con vật chết thối tha ăn. Ai bị đứt chân tay, hơi róm máu thôi nhưng gặp nó, cũng đủ được đau đớn hàng tháng không chùng. Dân làng chúng tôi ai cũng ghê tởm nó lắm nhưng không làm gì được.

### **Phi coong-coi? Đó là một thứ ma cà-rông bên kia dãy Hoàng Sơn**

Ở bên kia dãy Hoàng Sơn, ma cà-rông, – người Lào gọi là phi-coong-coi, – cũng chả khác gì ma cà-rông bên ta, nghĩa là nó "giống" người, như ông và tôi vậy, đi lại, ăn uống như thường. Chỉ duy có ban đêm mới thành ma. Họ biến tướng và bay đi ăn những vật hôi thối hay hút máu người, máu vật. Những món ăn mà phi-coong-coi thích nhất là bộ ruột của người. Đêm đến, chờ cho thật khuya, mọi vật đều yên tĩnh nghỉ ngơi thì lúc ấy nó mới đi kiếm ăn. Nó chỉ "thoát" ra khỏi người có bộ ruột nó và hai chân: chân để đi, ruột để đựng thức ăn, thế là đủ rồi. Ăn no xong, chân và ruột lại về tự lắp vào thân thể. Người nào bị nó ăn mất ruột thì đành là chết, không còn cách gì cứu được.

Nhưng muốn trừ thứ ma này, người ta đợi lúc nó mới đi ăn, ở nhà cứ việc quay xác nó cho khác chỗ, lúc về nó quên mất đường để cho chân và ruột vào, thì nó phải chết. Thế mới biết người còn "ma lanh" hơn ma, và câu: "nhất quỷ nhì ma", chưa hẳn là đúng vậy.

Tục truyền rằng: ngày xưa có một ông vua An Nam đi sang chơi đất Lào, bắt gặp được một con phi-coong-coi. Không hiểu tại ngài có thân oai hay tại con ma đâm ra sợ trước mặt "con giời", mà bị ngài bẻ quặt hai bàn chân ra đằng sau và cấm không cho hại người An Nam. Cho nên thứ ma cà-rông này có cái lạ là hai chân bị quặt ra

đã ñng sau, thành thử lúc nó đi tới mà ta xem về t chân nó đi giật lùi, và chỉ hại người Lào thôi, chứ không bao giờ dám động ðến ta sang ngụ cư ở bên ấy. Quả thật thế, chính người Lào họ cũng bảo vậy.

Bên Lào lại còn có ba thứ ma cà-rô ñng khác nữa. Thứ mà họ gọi là *phi bọp* không những giồ ñg hết như người, mà còn hơn người nữa. Theo lời người Lào kể chuyện thì thứ ma này khác thứ ma trên là ăn ruột người xong, nó lại còn bóp nát cả xương cổ người ta nữa. Nó chẳng cần phải thoát ruột thoát chân gì cả, vì nó đã có phép tàng hình. Người nào bị thứ ma này làm, thì tự nhiên đau bụng rồi bị ngheo cổ là chết. Nhưng người ta còn có cơ cứu nạn nhân được, chứ không ðến nỗi phải đi đứt như bị phi-coòng-cọi làm. Nạn nhân bị *phi bọp* làm phải đi mời một pháp sư giỏi ðến chữa ngay. Ông thầy trừ ma bèn lấy chiếu cuộn nạn nhân vào trong, chăt một cành dâu làm roi, rồi vừa quật vào người ốm, vừa... niệm thần chú! Nếu ông thầy cao tay hơn, đánh đuổi được con ma đi thì người ốm khỏi ngay, nếu không, người ốm đã đành phải chết mà lại bị ðeo thêm một trận ðòn nữa.

Hai thứ ma sau cùng người Lào gọi là *phi-phông* và *phi-phai*, dẫu sao cũng không nguy hiểm bằng hai thứ kể trên.

**Những ðiều vừa kể chắc hẳn bạn không tin, chúng tôi lại xin thuật lại một chuyện ma cà-rô ñng có thực trên cây gô ñi**

Tôi không biết có nên liệt hạng ma này vào với ma cà-rô ñng hay không, nhưng cứ ý riêng tôi nghĩ thì sao không thể gọi là ma cà-rô ñng được.

Như trên kia đã nói, ma cà-rô ñng là *vampirisme*, nó chuyên đi hút máu người. Thì cái hạng sau này cũng hút máu, nhưng ngoài ra lại còn rút hết cả sinh khí của người ta nữa, kỳ cho ðến chết. Các bạn

từng đọc chuyện *Liêu trai*, tất đã nhiều phen thấy chuyện những người đàn bà đẹp đêm đêm hiện đến buổi học những thư sinh. Đó, theo như chúng tôi nghĩ thì đó chính là ma cà-rông vậy. Mà những chuyện *Liêu trai* tả những chuyện ma như thế, chưa hẳn đã phải là chuyện hoàn toàn bịa đặt đâu.

Ngay như bây giờ, vào thời buổi văn minh, những chuyện đó vẫn có thể xảy ra được. Một thí dụ: ở Phi châu hiện nay vẫn có cái hạng ma cà-rông ấy mà có người chính mắt trông thấy nữa, chính tay sờ thấy nữa.

Xin ông nào đó chớ vội kêu lên rằng tôi lôi chúng có viễn vông. Các bạn đọc tôi tất đều biết rằng ông Paul Reboux ở báo *Paris-Soir* và *Voilà* không phải là một nhà văn không có tín nhiệm trong báo giới Pháp hơn mười năm trở lại đây.

Lần này, tôi cũng không có mấy số báo *Voilà* xuất bản vào khoảng 1936 đến 1940 ở dưới tay lúc viết bài này, vì các ngài cũng dư biết, tôi cũng như các ngài, chúng ta không phải là một hạng chơi hết cả các thứ báo mà báo lúc nào cần đến cũng có ngay bên cạnh. Nhưng tôi tin ở trí nhớ tôi lắm và tôi quyết rằng trong báo *Voilà*, ông Paul Reboux đã có viết một tập phóng sự về hạng ma cà-rông này. Ai có cái may mắn hơn tôi là giữ được báo *Voilà*, xin cứ tìm và nói cho tôi biết những điều tôi thuật ở dưới đây có đúng không. Nếu bài ấy không có đăng (tranh ảnh kèm theo nhiều lắm) xin tha hồ công kích, tôi sẽ không dám có một lời nói lại.

Vậy, trong báo *Voilà*, ông Paul Reboux có làm một thiên phóng sự về loại ma cà-rông này. Theo như sự mắt thấy tai nghe của ông ở Phi châu, thì ở một vùng rất hiểm trở kia, có một vài dòng họ có ma cà-rông, đàn ông thì đi hút máu, ăn dơ, mà đàn bà con gái thì đêm đêm biến hình đi, bay bổng lên trời và tìm đến những nhà có con trai xinh đẹp để mê hoặc, để làm cho người ta kiệt quệ.



Ông Paul Reboux sang làm phóng sự ở Phi châu có quen một người bạn bản xứ hãy còn trẻ tuổi mà mặt mày xanh xao, thân hình gầy còm một cách đáng thương. Ở luôn luôn bên cạnh nhau, Paul Reboux gạn hỏi dần dần xem tại sao người bạn đó lại ốm đau như vậy. Vì khí hậu ở đó độc quá? Vì người bạn trác táng nhiều? Hay vì những nguyên nhân gì khác? Thì người bạn ấy, biết rằng cũng chẳng nên giấu giếm lâu làm gì nữa, buồn rầu trả lời rằng:

– Tôi xin thú với ông rằng tôi đến ở thuê cái nhà này mới độ nửa năm thôi. Tôi không có cha mẹ vợ con, tôi có một thân một mình ở trên đời. Và xin cam đoan với ông rằng từ trước kia và cả từ khi tôi bắt đầu dọn đến đây nữa, tôi không có nhân tình nhân nghĩa với một người đàn bà nào hay một cô con gái nào. Vậy mà, sau khi tôi đến ở đây độ chừng đầu nửa tháng thì, thực là một chuyện kỳ lạ, một người đàn bà tuyệt đẹp đến chỗ tôi ở và nói rằng đã gặp tôi nhiều lần... Tôi kinh ngạc, nhưng không lẽ nói thế nào. Tôi ngờ lại và từ đó... từ đó... đêm đêm nàng thường đến phòng tôi và cái việc phải xảy đến đã xảy đến, như những cặp trai gái khác. Tôi thấy người con gái ấy cũng như thường vậy. Duy có khác một điều này là tôi không thể biết trước nàng sẽ đến thăm tôi vào giờ nào và sáng sớm nàng sẽ đi giờ nào. Tôi lấy thế làm bản khoản lăm, bèn đem ra hỏi nàng. Nàng chỉ cười. Sau thét mãi, nàng mới nói cho tôi biết rằng nếu muốn biết nàng đến vào lúc nào, chỉ cần ra đứng ở dưới cây gô-i ở sau vườn nhà tôi.

Tôi làm theo y như lời nàng. Chiều hôm ấy, sau bữa cơm chiều thường thường vẫn là lúc nàng vẫn lại thăm tôi, tôi khép cửa ra sau vườn và bắ c một cái ghế nhỏ gô-i để ngắ m cảnh hoàng hôn xuống và cũng để đợi nàng đến nữa. Cái ghế của tôi đặt ở gô c một cây gô-i, cây gô-i kia kia (người bạn ông Reboux vừa nói vừa chỉ tay về cái cây cổ thụ). Bóng tôi xuống trầ m trầ m: tôi gầ n không trông rõ chính ngay bàn tay tôi nữa, thì, thưa ngài tôi không lầ m,

vàng, không thể nào làm được... Một hơi gió lạ, khác thường hất vào người tôi một hương thơm ngào ngạt. Lá gõ i, tự nhiên rung động một hồi lâu, hương thơm càng ngát, tôi có cảm giác rằng mùi hương đó giống như hệt mùi hương của người bạn gái tôi vẫn bôi trên tóc và trên mình vậy. Thì ra tôi đã không đoán làm: chưa kịp nhìn lên, tôi đã thấy ở cạnh tôi cái hơi thở rất quen ôm lấy cổ tôi: người ấy là người bạn gái đêm đêm vẫn đến ở gian phòng tôi vậy.

Bắt đầu từ đây, tôi hiểu dần dần nhiều chuyện lắm. Tôi nhớ đến những chuyện ma quỷ mà dân cư ở đây vẫn nói đến tai tôi nhưng tôi chưa hề tin bao giờ cả, tôi nghĩ đến những cái chết khổ sở ở trong nanh vuốt những con yêu tinh hút máu, xa những bạn bè thân thích, không một ai biết cả.

Nhưng tôi không làm cách gì để xa tránh được người đàn bà đã thân với tôi quá một người bạn: trái lại, tôi lại thấy trái tim tôi đập mỗi ngày một nhanh thêm ở trước tiếng gọi của tình yêu, tôi mê mẩn, tôi có thể chết đi được nếu người yêu của tôi bảo chết. Tôi sẽ không giàu ngài rằng cái tình yêu ấy một nặng thêm, một cảm dỗ tôi thêm, không phải hoàn toàn do ở tinh thần đâu, nhưng một phần lớn chính là do vật chất, của người đàn bà mang lại. Mỗi đêm, tôi cùng với người đàn bà ấy sánh vai. Cứ đến gần sáng, nàng lại đi mà đi bằng cách nào, tôi cũng chẳng biết, nhưng tôi thấy có điều này lạ là nàng ra không cần mở cửa. Thoạt đầu, tôi ngờ rằng tôi đã sống ở trong những giấc mơ.

*(Kiểm duyệt bỏ)*

Song, tôi suy mãi ra thì không phải: đó là sự thực, thực như ông với tôi. Sáng nào, thưa ông, lúc tôi trở dậy tôi, cũng thấy hần lên ở nệm giường của tôi cái hình dáng người đàn bà năm đó đêm qua và sáng nào tôi cũng thấy tiệt ở chỗ đó ra một mùi hương đúng như

mùi hương trên cây gõ i: đó chính là mùi hương của người bạn gái của tôi những lúc đêm khuya vậy.

Mãi mãi sau này, tôi mới tin chắc rằng đó là ma cà-rông. Con ma cà-rông ở trên cây gõ i. Không phải nó ở trên cây gõ i đâu. Cứ theo như lời dân bản xứ ở đó xét nghiệm và bình phẩm truyện này thì ở Phi châu có những dòng họ có ma cà-rông như thế. Những người có ma cà-rông, nửa đêm, xuất hình bay đi lơ lửng ở không trung. Có khác một điều là giống ma cà-rông này không hút máu, ăn dơ (như ma cà-rông ở Lào<sup>4</sup> ở Bắc, ở Nam) nhưng chỉ hay lang thang tìm những nhà nào có trai đẹp gái đẹp thì đổ xuống những cây cối gần đây biến thành người và liệng xuống để quỵn rũ và làm cho thân thể người ta bại nhược.

Câu chuyện của ông Paul Reboux đến đây là hết. Nhưng có đọc hết toàn bài phóng sự của ông, người ta mới có thể biết rằng loại ma cà-rông này tai hại đến bực nào, nó ghê ghớm vì không những nó đã hút tuỷ hút máu người mà lại còn làm mê hoặc người ta nữa. Có lẽ những con hồ ly tinh mà ta vẫn thường thấy ở trong *Liêu trai chí dị* chính là hạng ma cà-rông này vậy.

Trong *Liêu trai*, tôi không nhớ rõ rằng những con ma, khi ở nhà có cái gì khác lạ không, chứ phàm giống ma cà-rông hiện nay, tôi biết chắc có một điều kiêng kỵ nhất: đó là cái gương soi mặt. Nhà nào có dòng ma cà-rông còn sợ những đồ kim khí và những cái vó, như trên kia tôi đã nói. Nó sợ người ta lấy mặt vùi hay người ta bám được nó cho tới khi sáng bạch.

Ngoài mấy điều đó ra, chẳng thể gì làm cho ma cà-rông chết bất đắc kỳ tử. Riêng có ở bên Âu và đất Phi, thì tôi xem có một cuốn sách nói rằng muốn cho ma cà-rông bị giết chết, người ta phải có một cái giáo thực nhọn và nhả m thể nào cho thực đúng vào tim con ma cà-rông.<sup>5</sup>

## VŨ BÃ`NG

*Trung Bả́c chủ nhật*, Hà Nội, số́ 53 (23.3.1941), số́ 54 (30.3.1941), số́ 55 (6.4.1941), số́ 56 (13.4.1941), số́ 57 (20.4.1941).

# Một vài sân vận động nữa! Một vài bể bơi nữa!

*(những cảm tưởng nhỏ sau ngày hội thanh niên)<sup>1</sup>*

Thật, nước ta, từ xưa đến nay chưa bao giờ có một ngày hội thanh niên như thế. Suốt một tập báo này, các bạn đã thấy đại khái cái tinh thần ngày hội ấy trong những bài của các bạn tôi, tôi không cần phải nói lại làm gì. Hàng mấy vạn người ở trên Stade Mangin như một, hôm ấy, đều chung một cảm tưởng: vui vẻ và sung sướng vì được thấy cái tinh thần thượng võ đã trở lại với thanh niên ta. Thanh niên ta, trông gương của nước Pháp hiện nay, đã thức tỉnh và thấy rằng mình là những phần tử quan trọng trong công việc xây dựng tương lai cho đất nước. Công việc ấy không phải là một việc nhỏ nhoi. Trái lại, nó là một sự chiến đấu không ngừng với cuộc đời đầy rẫy những chông gai, mà muốn chiến đấu, muốn sống như vậy tất hẳn người ta không thể là những người hèn nhát hay những người yếu đuối. Như nhà triết học xưa đã nói "Một linh hồn thanh khiết trong một tâm thân mạnh khỏe", thanh niên bây giờ đã biết rằng cuộc đời là ở trong tay họ, họ phải cướp mà lấy chứ không nài mà xin được, họ phải phấn đấu, họ phải hoạt động, mà sự hoạt động từ xưa đến nay chẳng phải là một đặc tính đáng quý nhất của thanh niên là gì?

Đó cũng là vì trời phú cho thanh niên một cái mong muốn kín đáo yêu thương và niềm nở. Thực là một của quý nhất và thanh cao nhất vậy. Trong một bài diễn văn của ông André Maurois về "Thanh niên và tương lai" đọc ngày 6 Décembre 1933, ông hàn lâm André Maurois đã nói rằng: Trong việc tạo tác một thanh niên, ta

thấy rằng cái anh dũng, cái hùng khí đã luôn luôn dự một phần quan hệ.

Rupert Brooke khi xưa chàng đã phác họa mãi cho ta thấy những trang thiếu niên, bước qua ngưỡng cửa đời như là những phong lưu mã thượng gươm đeo giáo vác đứng ở ngưỡng cửa lầu đài của họ đó ru? Tôi cho rằng không có cái hình ảnh nào giống hơn câu ví dụ của Rupert Brooke: hằng ngày, ở trước mắt ta, ở chung quanh ta, ta há đã chẳng thấy biết bao nhiêu người trẻ tuổi bước vào đời với một tâm hồn lãng sĩ hùng anh, lúc nào như cũng muốn *làm lại cõi đời* và diệt khỏn phò nguy cho đất nước?!

Chúng ta, chúng ta đã biết rằng thanh niên phần nhiều là nóng nảy là sôi nổi, bởi vì cũng như một cái cây, người ở vào tuổi thanh niên có một sức nhựa thừa.

Bởi vậy, từ xưa vẫn thế, thanh niên cần phải hoạt động mà hoạt động lắm khi không được chín. Nhưng ta đừng nên vì thế mà bài bác thanh niên: thà thế còn hơn, chứ thanh niên mà lại chín thì có lẽ nguy hiểm lắm. Muốn chín chắc người ta phải già, người ta phải là người đứng tuổi. Người đứng tuổi thường thành hay đa nghi, bởi vì khi mà tuổi đã đứng ấy là người ta đã mang những ý tưởng của người ta ra thực hành nhưng chẳng may đã thất bại hay gập như thất bại. Và lại người đứng tuổi, nói cho thật đúng mà không lo mất lòng ai hết, người đứng tuổi thường ít khi làm việc vô tư, nhiều lúc họ giữ gìn thái quá và không mấy kẻ hợp tác làm việc mà không nghĩ đến những chuyện lợi riêng cho mình. Trái lại, người thanh niên thì thấy có cái cần phải sống công cộng, phải hợp tác với bạn bè ở chung quanh (collaboration collective). Bởi vì người thanh niên có cả một cuộc đời và hy vọng ở trước tầm con mắt, người thanh niên khi đã làm một việc gì thì thành thực, thì đem hết tâm lực ra mà làm việc ấy, người thanh niên giao phó hết cả đời mình cho một người lãnh tụ hay cho đảng phái của mình. Người học sinh cũng như một người

lính trẻ tuổi thường được trời phú cho cái thiên tính biết quên mình để làm lợi cho toàn thể có họ ở trong đó. Ta xem cái thí dụ ở ngày hội thanh niên hôm 11 Mai ở Stade Mangin thì đủ biết: một nhà lực sĩ đứng chơi cho trường mình không hề nghĩ đến sự đau đớn có thể xảy tới cho mình, đến sự mệt nhọc sau một buổi đem dùng nhiều sức quá; lực sĩ nhà đó chỉ nghĩ có một điều là sự thắng của nhóm mình, của đoàn mình và y rất có thể gây những cảm tình mật thiết, những dây thân ái ở ngay trong gánh áy mà không có ý định gì là lợi dụng.

Tuổi thanh niên là tuổi hăng hái. Xem như vậy, thì người thanh niên rất có thể liêu, cũng như khi họ đã yêu mến điều gì vật gì hay lý tưởng gì họ rất có thể thành thực, tận tâm với điều ấy, vật ấy, lý tưởng ấy.

Tuổi thanh niên, như trên kia tôi đã nói, lại có nhiều sức nhựa thừa, vì vậy cho nên lúc nào họ cũng phải tìm cách đem ra dùng nếu không muốn nói là đem ra phao phí.

Đó, những cái lẽ chính về vật chất và về tinh thần nó đã làm cho thanh niên hoạt động và ưa chuộng thể thao vậy.

Thanh niên và thể thao, vì vậy, không thể gọi là một phong trào. Theo như tôi nghĩ thì phạm đã gọi là phong trào thì nó có thể đến và nó có thể qua đi. Chớ như thể thao thì nó đã không đến thì thôi, chớ đã đến thì chỉ có ở mà cứ bành trướng lên mãi mãi. Cái tinh thần thể thao, của nước ta, theo như ý muốn của chúng tôi, thì chính lúc này là lúc ta phải làm cho bành trướng lên: một hai vạn thanh niên trong nước chuộng thể thao và dự vào ngày hội thanh niên chưa đủ, ta còn mong rằng rồi đây toàn thể thanh niên trong nước ta được dự vào những ngày hội như thế, mỗi năm toàn quốc thanh niên sẽ họp nhau (như kiểu họp bạn ở Huế vừa đây) trước là để kết dải đồng tâm sau là để ganh tài thử sức về đủ các môn vận động. Mấy năm

gần đây, ta thường thấy tổ chức những cuộc đua bóng tròn, đua xe đạp để giành tài Bắc, Trung, Nam.

Thanh niên ở ba Kỳ được có những cơ hội tốt gặp gỡ nhau, thắt chặt dây thân ái với nhau, ước ao rằng từ đây những người có trách nhiệm về dân nước xứ này sẽ nghĩ cách mở những ngày hội

thanh niên hằng năm hay từng sáu tháng một, như kiểu ngày hội thanh niên hôm 11/5/1941 mà làm thế nào cho đủ hết cả thanh niên ở khắp các tỉnh Đông Dương về dự, cũng như lôi Quốc tế vận động hội mời tất cả các nước trên thế giới về dự vậy.

Ý tưởng này không khó thực hành một chút nào. Nếu quả tình những nhà có trách nhiệm muốn săn sóc đến thanh niên ta thành thực muốn cho thanh niên ta trở nên những người khoẻ mạnh có thể giúp ích cho nhà cho nước, thì tưởng nên để ý ngay từ bây giờ.

Chắc ai ai cũng đã biết thừa rằng những sân vận động của nước ta ít lắm. Nói riêng một kinh thành Hà Nội rộng lớn là thế, áp dụng nhiều thanh niên là thế, thử hỏi có đủ sân vận động cho thanh niên và cho học sinh chưa? Chưa. Chúng tôi xin nói là chưa đủ. Chưa đủ ở Hà Nội mà lại càng chưa đủ ở các tỉnh Bắc Kỳ. Ở Trung Kỳ và cả ở Nam Kỳ cũng thế. Học sinh chưa đủ chỗ để chơi, để tập luyện mà đã nói đến chuyện tập luyện thân thể ta không thể quên được môn bơi lội là môn thể thao được thanh niên nam nữ hiện giờ ưa chuộng nhất.

Đó, về cái môn đó, người ta cũng không thể cứ ra bất cứ hồ ao nào cũng có thể tập được đâu, nhưng phải có bể bơi riêng, mà nói đến bể bơi cứ như con mắt kẻ này thì hiện nay bể bơi ở Đông Dương, nhất là các tỉnh ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ thì lại càng thiếuu thốn lắm, có khi thiếuu thốn hơn cả các sân vận động là khác nữa.



Vậy, muốn đi đến những ngày hội thanh niên toàn quốc nay mai, ngay từ bây giờ người ta hãy nên khuyến khích thanh niên bằng đủ mọi phương diện, mà trước hết, nên lập ngay cho thanh niên thêm sân vận động và bể bơi đi đã.

Khuyến khích người ta tập thể thao mà thiếu chỗ để bơi lội tập tành, ấy tức là như ta nói, đặt cái cây ở trước con bò vậy, kết quả không bao giờ được như ý ta vẫn thường mong mỏi.

**VŨ BÃNG**

*Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, số 61 (18.5.1941)*

# Sau những nạn giết người bằng thuốc

*Hạng lang bầm bỏ đó nếu không trừ được thì cũng đáng buồn cho dân ta!*

Trong một tuần vừa qua, các bạn đọc báo hằng ngày đã được thấy ba vụ giết người bằng thuốc xảy liên ở ba nơi:

Ở Phú Lý, vợ chồng tên Tạc có một đứa con bị cam, mời thầy về bốc thuốc cho con. Đứa bé uống thuốc vào khỏi miệng thì trợn mắt giựt chân tay và chết liên. Dem mấy viên thuốc của đứa trẻ vừa uống mà chết đó thử cho chó ăn xem có phải là thuốc độc không, con chó khoẻ là thế, cũng lăn đùng ra không sống làm gì nữa. Bác Tạc, bố đứa bé bị ông lang thuốc giết oan, tưởng như không thể sống được, quyết liều sống chết phen này với lão lang bầm. Và lão lang bầm sợ phen này sống thì thành tàn mà chết thì thành tật, bèn nghĩ không có cách gì hay hơn là cúi xuống mà làm cái việc mà ta gọi nôm là lạy. Y lạy bố mẹ đứa trẻ hai lạy sống mà xin đừng đi trình báo.

Ở Thái Bình, ba đứa trẻ chăn trâu trời nắng, ăn bậy sinh đau bụng. Một ông lang hay một bà lang bất đắc dĩ nào đó chỉ cho chúng uống nước vỏ xoan, chúng cũng theo con bác Tạc mà sang bên kia thế giới.

Lại ở Hà Nội, Nguyễn Văn Ruộng cũng làm thầy thuốc mà thầy thuốc chữa rằng, hôm mới đây chữa thuốc cho một người đàn bà ở ngõ Tân Hưng: con bệnh không những đã chẳng đỡ đau được phần nào lại còn sưng u mặt mũi và lâm bệnh trọng.

Đó là chúng tôi chỉ mới kể có vài việc xảy vào má'y hôm gầ'n đây nhấ't. Nế'u bây giờ đi ngược lại thời gian ta kể thêm má'y việc mà ai ai cũng hã'y còn nhớ thì có những vụ này: ở Hưng Yên, một ông lang cho một người đàn bà nọ thuố'c dưỡng thai mà làm cho... đọa thai ra; ở Nam Định, cô Huệ bị bệnh sán; một thầ'y lang truyề'n cho ăn pháo xiế't, bà đội Vũ Thị Cúc ho hậu sản, ông lang của bà, không cười, cho uố'ng giấ'm thanh thuố'c phiện để cho bà suýt chấ't nhưng nói rằ'ng để bà khỏi ngứa cổ và nghe đau, theo như sự học sự biế't của ông này thì thuố'c phiện giấ'm thanh có cái công dụng hạ đàm mà bỏ phấ'!

Còn bao nhiêu chuyện nữa, còn bao nhiêu chuyện nữa không tài nào nhớ hế't, những chuyện giế't người vô đao kiế'm chỉ bởi vì một bọn người đã coi rẻ mạng người ta, dám làm những chuyện càn rỡ nhấ't, ở ngoài trí tưởng tượng của những người biế't nghĩ.

Tôi nhớ đê'n những chuyện như thuố'c thánh đê'n Bia, tôi nhớ đê'n những người mà mỗi khi thầ'y nhà nào có người đau ô'm thì hốt hoảng chạy lại mách những môn thuố'c mà chính họ chưa bao giờ dùng cả; tôi lại nhớ đê'n những hạng học không hay cày không biế't, một buổi xấ'u trời kia, khăn gói gió đưa ra thành thị mở một ngôi hàng thuố'c!

Thuố'c, đã đành rằ'ng có nhiề'u thứ, mà ông lang, có nhiề'u hạng; không thể gói chung vào một gói như sà-lát với rau mùi để tấ'm. Nhưng ta không thể không nhận rằ'ng trong cái số' thầ'y lang hiện nay, những ông có thực học thực hiế'm lắ'm mà những kẻ bịp đòi lại rấ't nhiề'u. Mà trớ trêu thay là số' phậ'n! Cái hạng sinh số'ng được vì nghề' lại không phải là hạng nói trên, nhưng trái lại, lại là hạng thứ hai, cái hạng mà ta gọi là lang băm, giỏi bịp hơn giỏi thuố'c.

Bịp, những ngón bịp của hạng này sẽ là đầ'u đê' một chương báo đặc biệt của *Trung Bắ'c chủ nhật* xuấ't bản nay mai; đây chúng tôi

chỉ nói tới cái hạng thây lang không biết qua về y học một chút gì mà cũng dám công nhiên mở hiệu bốc thuốc để giết người như kiểu ông lang đã chữa bệnh cho đứa con bác Tạc.

Những hạng này hiện bây giờ nhiều lắm. Họ giết người không biết bao nhiêu, và dọa người ta như kiểu làm "săng-ta"<sup>1</sup> vậy: ai đã mời họ xem mạch mà không uống thuốc của họ không xong, họ làm đủ tam khoanh tứ đốm và bóp nặn không biết bao nhiêu mà kể.

Chính kẻ viết bài này, một hôm ngỗ i chơi với hai ông lang trẻ tuổi ở hàng X. đã được tai nghe má t thây một chuyện mà bạn đọc đọc đến sẽ có nhiều người cho là bịa đặt, nhưng xin cam đoan 100%, nếu tôi nói vu oan giá họa thì xin trời phạt cứ bắt tội phải uống thuốc của họ (đó là một câu thề độc nhất đời của tôi).

Vậy, hai ông lang trẻ tuổi ấy mới nghĩ ra một thứ thuốc ho chữa lao mà lại chữa cả cho những bà hậu sản. Tôi không biết thuốc nên chẳng hiểu thứ thuốc ho ấy có những vị gì, những chất gì. Nhưng thực tình, tôi đã nghe thây họ bàn với nhau rằng vốn mỗi lọ chỉ có bốn năm hào bạc.

Một ông nói: Thế bây giờ ta bắt đầu quảng cáo ngay trên báo mới mong được nhiều người biết. Vậy ý bác, bác đặt giá bao nhiêu một lọ? – "Hai đồng!" – "Năm đồng!" – Họ nghĩ ra cái cách làm tiền và sau rốt họ khám phá được điều này mà họ cho là sự thực trên đời: Mình có hàng, càng nói rẻ thì người ta càng coi thường. Bởi vậy, muốn cho người ta không coi thường thứ thuốc "ho lao kiêm hậu sản" ấy, hai ông lang băm kia sau cùng nhất định đặt giá mỗi chai là 17 đồng – vâng mười bảy đồng không hơn không kém.

Đó, cái lối ăn sâu cay ngập ngà của các ông lang vườn.

*Đói no miễn được đồng tiền tô t,*

## *Sống chết bao nài họ chửi mình.*

Mà thực thế, họ không cần chuyện sống chết của con bệnh thực. "Làm một lần là đủ" – đó, câu sấm thiêng liêng của họ; họ chỉ cần tiền, họ có biết đâu rằng trong khi họ kiếm được đồng tiền một cách giả dối, hèn mạt, phi nhân loại như thế thì nhiều khi tử thần cướp mạng người nhà người ta là cái mà tiền của cũng không mua được, gây ra bao nhiêu cảnh tan nát, đau lòng người sống.

Những kẻ làm lang như thế có tội ngang với kẻ giết người. Thêm vào đó lại còn tội đi bịp đồng bào nữa, họ coi người ta là một cái trò chơi, họ trào lộng với cuộc đời một cách thâm hiểm và gian ác.

Đến đây, tôi không khỏi không nhớ tới một người thanh niên xưa kia cùng học một trường với tôi, bị bệnh xương khớp, phải giấu người nhà, ăn cắp cả ba tháng tiền học ngót trăm bạc nhờ một người bạn khác sành sỏi đời hơn mua giùm thuốc, mỗi bận tới năm mười đồng bạc. Cứ mỗi lần nhận năm mười đồng bạc thì ông sành sỏi đời lại về lấy đất thóc viên lại, phơi khô, rồi tráng một lần mực tàu, đem đến cho bạn và bảo uống. Uống như thế cho hết ngót trăm đồng bạc. Có lẽ không khỏi bệnh. Sở dĩ tôi nhắc lại câu chuyện có thực trên này là vì chính mắt kẻ viết bài này đã được mục kích, ít lâu nay, ở thành phố ta có một bọn người đi bán thuốc bổ huyết, âm ỉ thì âm ỉ lắm, nhưng cảm tưởng thì đem cho tôi một cảm tưởng na ná câu chuyện đất thóc tráng mực tàu trên kia. Máy người bán thuốc bổ huyết này đánh phèng phèng, quát tháo om lên ở các bãi chợ, ở các cửa ô; họ nấu lửa, ăn vỏ chai, làm đủ các trò dở tợn và quỷ thuật. Thấy mọi người xúm đông xúm đò lại xem đã đến lúc mê rồi, họ giở ra một cái chum chắt nước rât kiên cố (sao lại phải chắt nước như vậy?) giở ra các thứ xương (chắc hẳn có xương trâu, xương bò, xương chó, xương thỏ và biết đâu lại không có

cả xương người trong đó?) mà bảo đó là hồ cốt. Họ chôn cả lên như cái mả, đánh rớt xuống đất, rỏ cả mồ hôi vào... thế rồi họ lấy một cái gáo dừa bần nhốt mức ra một thứ rượu: đó, cái rượu bỏ huyết một đống một chai to!

Tôi đã biết rằng nhiều người, – nhất là người Khách – có tài buôn bán lắm. Tôi lại biết rằng những lời hò hét quảng cáo của họ đi thẳng ngay vào quần chúng bởi vì toàn là lời dễ hiểu, ai cũng biết; nhưng tôi không thể tưởng tượng được rằng cái chất nước đục lờ, hung hung đỏ ả, chứa không biết bao nhiêu sự bần thủ, có cả mồ hôi nữa, lại có người bỏ đồng bạc ra mua về để uống.

Tôi đã tưởng lắm. Lời quảng cáo vừa dứt, ba người giơ tay lên vẫy người bán rượu đòi mua. Tôi đã đứng ngót hai tiếng đồng hồ để xem cuộc mua bán ả thì thấy cái buổi bán hàng đó, người bán rượu bỏ huyết "làm" được tới... ngót hai chục bạc, – là cả tiền bán cả chai lớn lẫn chai con. Nhiều người lấy làm tiếc không có tiền ngay lúc ả. Sự thực, chỉ nửa giờ sau, tôi đã biết hết cả bí quyết của sự đắt hàng kia: những người xông vào mua rượu trước nhất bữa ả là những tay sai của bọn bán hàng, như cái kiểu supporter<sup>2</sup> ở nhà hát hay bãi đá bóng. Tuy vậy, sự hiểu biết đó của tôi vẫn không thể làm thay đổi cái ý tưởng này: người mình, một phần lớn, dễ tin người quá, thậm chí, có nhiều kẻ nói rất lớn thì được người ta nghe còn bình lặng thực thà thì bị bỏ quên hay bị coi thường vậy. Có lẽ vì tâm lý số đông người mình như thế cho nên, về mặt thuốc, mới xảy ra những vụ ngộ thuốc, uống lầm phải thuốc "bớ vờ", những vụ thầy lang thuốc giết người một cách thảm hại như những tỷ dụ tôi đã kể ở đầu bài này vậy.

Theo ý chúng tôi nghĩ, thì người ta chưa trị những kẻ gian xảo, lọc lừa, giết người kia với một hình tội xứng đáng với tội họ. Thành thử những kẻ vô học sau cứ làm bừa bừa đi, những hiệu thuốc bịp bợm không bao giờ ngót mở cửa mà những ông lang tự nhận ở những

phương trời xa lại (và nói có tới bao nhiêu bả`ng cá`p!) hã`ng ngày vẫn ngồ`i lù lù ở cửa hàng lấ`y những bộ mặt rấ`t nghiêm trang đợi khách đế`n nhờ khám bệnh.

Ồ`i thôi, biế`t rã`ng cái lố`i kêu gào â`m ĩ của các ông đành phèng phèng làm xiế`c "ăn thua" lấ`m, họ rập kiểu làm â`m hơn, không có một việc gì là họ bỏ. Nào nói truyề`n thanh, nào treo biển, nào trưng bả`ng, nào ô`ng tiêm, móc, máy nghe bệnh, ô`ng giác, bông, gạc, máy điện, hình nhân bả`ng bột; tranh vẽ gan ruột lòng thòng và tim phổi; nào ghế` máy, nào đèn cô`n v.v... Những thứ ấy dễ làm cho ta, nhấ`t là người nhà quê, tin lấ`m và sợ nữa. Thêm vào những cái đáng sợ đó lại còn cái mặt của những ông chủ bà chủ hiệu; không có ai làm hại gì họ mà mặt họ lúc nào cũng làm ra cái dáng khó dă`m dă`m. Không, họ dă`m dă`m suy nghĩ đầ`y, – hay làm ra dáng suy nghĩ những điề`u rấ`t cao xa về` y học, về` khoa học, nhưng quyế`t là họ không suy nghĩ đế`n sự thực thà hay tính mệnh của người ta đầ`u. Họ suy nghĩ cách làm tiề`n và suy nghĩ để` có về` suy nghĩ, – vì những người có về` suy nghĩ thì người ta sợ lấ`m, – cũng như người ta sợ những con rắ`n trầ`m ngâm đeo kính nắ`m nhìn đời với đôi mắ`t bí mật, những con rắ`n mà họ trưng bày ở trong cửa hàng của họ. Đôi ba khi, con khi thay con rắ`n bịp khách đi đường; và nếu những thứ ấy quá nhàm thì chính thắ`ng người sẽ thay những con vật ấy làm cho khách bộ hành hế`t vía.

Một buổi tồ`i thứ bảy, đương đi chơi nói chuyện với bạn bè ở giữa phố` đông đúc kia, bạn sẽ hoảng sợ vì một vài thắ`ng người trong bọn đó sẽ *dẫ`n điệ`u*<sup>3</sup> ra làm trò trước cửa hiệu và quát lên những bài hát mà một đứa trẻ béo tồ`t nhấ`t cũng có thể dă`m sai được!

Đó là nói về` cách bịp bợm bẽ` mặt, đế`n bên trong mới thực lại chán hơn. Họ chẳng biế`t thuố`c là gì cả mà cũng lấ`y điệ`n ra chữa cho những người đau mắ`t; họ gắ`p sâu ở mắ`t ra như là những con sâu gạo; họ chữa bệnh bả`ng nhân sâm ba bô`n chục một cây, – mà

chao ôi! các ngài có biết cây sâm ấy là gì không? Đó là đu đủ gọt, hay là rễ bèo Nhật Bản...

Tôi không thể kể hết được những sự dốt trá của bọn người này ở đây. Số "Bịp bợm" của T.B.C.N. xuất bản nay mai sẽ có dịp nói rõ hơn. Duy ngay từ bây giờ, trước những vụ giết người bằng thuốc, ta không thể không nhắc ngay cho những người có trách nhiệm về y học, [...] bọn lang băm này, bọn người coi mạng người rất rẻ, "nhét đất thò vào lỗ mũi" người ta lấy tiền mà không kỳ quản đến việc sống hay chết vậy.

Cái nạn lang băm, dưới con mắt kẻ viết bài này, ít lâu nay bành trướng một cách gớm ghê. Biết là ăn được, họ rủ rê nhau làm nhiều lắm. Những nhà tốt nhất ở những phố đông đúc chẳng mấy lúc bị họ chiếm hết, người ta lo rằng rồi đây không lâu những phố ấy sẽ thành ra phố bịp cả để cho quân bịp ở hết để dễ làm công việc bịp bà con ta.

Người ta đương khát một cuộc bài trừ nạn ấy.

**VŨ BẮNG**

*Trung Bắc chủ nhật*, Hà Nội, số 63 (1.6.1941)



# Trừ nạn lang băm lang bô

*Mắt người đâu phải là cái mụn, muốn rắ c vào gì thì rắ c!*

Lúc ngò i viết bài này, ở trên bàn của tôi có bức thư của bố n ông bạn gửi về hưởng ứng bài thứ nhấ t<sup>1</sup> của *Trung Bắ c chủ nhật* về việc bài trừ nạn lang băm bịp bợm mở phòng khám bệnh nhan nhản ở trong thành phố .

Số thư gửi về tôi chắ c sẽ còn nhiề u bởi vì tôi biế t đí ch rắ ng ít lâu nay bà con ta bị chúng bịp bợm tai hại quá. Bịp bợm để lắ y tiề n, cái đó đã là quá lắ m rồ i; đắ ng này chúng lại bịp bợm về cách chữa nữa; cái đó mới lại đáng ghê lắ m lắ m. Ông Nguyễn Sĩ Khoa cho tôi biế t rắ ng chính ông, ông có một người em gái từ năm 18 tuổi đế n năm nay đã 25, nghĩa là trong bảy năm liề n, không lúc nào mắ t cô được trong trẻo, nhìn được rõ ràng. Dù sao, mắ t cô vẫn mở được như thường, chỉ hơi đại và mờ mờ một chút mà thôi; ông đưa em ông đế n chữa một hiệu kia ở một phố đông đúc nhấ t Hà thành, người ta cam đoan sẽ chữa khỏi với tám đò ng. Tám đò ng không khỏi, tám đò ng nữa; người ta tìm hế t các cách nói dồ i quanh; quanh quẩn hế t nội trị lại ngoại đò , hế t cặp mắ t lại phun hơi vào mắ t, cô em ông Khoa hồng hẩn một mắ t, để bàn tay trước mặt hiện giờ cũng không trông thắ y gì. Đó là một. Thứ hai là bức của một ông vô danh ở Hải Phòng lâu ngày mới lên chơi, ngạc nhiên thắ y mắ y phố chính ở Hà thành hiện nay nhiề u quân bịp bợm chiế m được những căn nhà tô t nhấ t. Bức thứ ba chỉ ngó ý tán thành ý kiế n của chúng tôi. Nhưng đế n bức thứ tư thì chúng tôi thắ y có một vẻ thảm thiế t, đáng thương vô cùng; một người thợ máy ở Hàng Bọt ăn không được, thỉnh thoảng lại số t về chiề u. Những lúc lên con số t như thế , mắ t ông ta mờ đi, chân tay mỏi

mệt và lợm giọng: ông ta bèn đến kể bệnh ở một phòng khám bệnh trên kia thì một "nữ y sĩ" truyền bằng tiếng "Coong-tông" rằng ông thận trọng suy, hoá vượng, bao nhiêu bệnh tật đều do ở hai con mắt cả (?) nếu không chữa, chỉ độ dăm tháng nữa thì mù. Người thợ máy đáng thương, cũng như chúng ta đây, "giàu vì hai con mắt, khôn khó vì hai bàn tay", thầy thế hoảng sợ bèn xin "phòng thuốc" chữa giúp ông ta. Phòng thuốc chữa giúp ông thực: chín ngày một, lấy bột đông ruồi; chưa khỏi, lại chữa chín ngày nữa cũng với giá tiền như thế; kỳ cho bao giờ khỏi thì thôi. Người thợ máy theo đuổi trong ba tháng trời liền, hại có đến ngót trăm đồng mà kết quả thì "lợn lành chữa lợn toi": đôi mắt của ông ta trước chỉ mờ, bây giờ đâm ra ướt và không hiểu tại làm sao, lại sinh ra sưng húp lên, và hồng cả lòng trắng, thầy thuốc bảo phải mổ thì mới mong chữa được.

Đó, một bài báo vừa ra mà có tới bốn bức thư gửi về phản nàn như thế rồi, không biết ở trong chỗ tôi tắm, ở những chỗ quê mùa heo lánh mà tờ báo không được phổ thông cho khắp còn bao nhiêu người nữa bị thiệt thòi mà không thể nói được, mà không ai biết tới.

Chẳng phải nói, ai đi qua những phố kia nhìn vào những phòng thuốc kia tất đã thấy rằng mỗi buổi "khám bệnh" của họ, có tới hàng mấy chục người, nam phụ lão ấu, ông ì lớn nha lớn nhỏ cả ở ngoài cửa như những người xin bột thí. Những phòng thuốc ấy cho một đứa trẻ kêu àm lên rằng chữa không lấy tiền, chữa giúp, nhưng kỳ thực thì chẳng người nào thoát khỏi; họ dọa đủ các cách để phải mua thuốc của họ; hề ai "chây" lắm nhất định cứ xin không thì họ bắt đả cửi cũng phải cho, nhưng rút cho một gói con con bọc giấy vàng rất khả nghi, trong đựng một thứ bột sờ lạo rạo như thể mài mực Tàu vậy. Đó là thứ gì, chất gì hay cái gì? Không ai biết. Vì chỗ không ai biết đó, chúng tôi đã có lúc nghĩ rằng trong thứ

thuốc đó thể nào lại chẳng có một đống cát, một đống bụi hay một con xén tóc, con bọ dừa bị tán lẫn vào? Những thứ thuốc như thế, tôi không hiểu nó chữa được cái gì hay là chỉ có cái công dụng làm hỏng mắt người ta, mà những ông bà chữa thuốc kia chính là những "người làm hỏng mắt có môn bài" vậy. Bởi vì còn ai lạ gì, con mắt của chúng ta nó cũng như hai hòn ngọc trong sáng cần phải giữ gìn từng ly từng tí, nhiều khi chỉ một hạt bụi nhỏ rơi vào cũng làm cho ta khổ sở rồi. Muốn lấy được hạt bụi ra, người ta phải dùng đến nước thực trong ngâm mắt để lấy hạt bụi ra, mà đau mắt, cố nhiên là người ta phải dùng những đồ chữa rất tinh khiết đã đành; ngay đến thuốc, thuốc chữa cũng phải dùng cái gì đun thành hơi để đắp vào hay đổ vào, chứ đâu lại có cho bột vào mắt một cách không tiệt tay như thế được? Mà nào thứ bột đó chế hoá có vệ sinh gì cho cam: người ta, áng chừng đã cho rằng con mắt cũng như cái mụn loét, cái vết sâu, muốn rắc gì vào thì rắc, nên đã để toàn quyền cho một lũ "tí nhau" chưa hết rám nắng ở thôn quê đứng ra làm. Một buổi sáng chủ nhật mới đây, đứng xem họ chế thuốc đau mắt chữa người, tự nhiên tôi chợt nhớ ra rằng ít lâu nay có những người bán "sì-côc-bê" ở Hà thành cho thịt chuột vào nhân bánh để bán cho người ta ăn. Thịt chuột, ăn vào bụng, cái đó đã là ghê rồi; đáng này lại còn có thể có bao nhiêu thứ khác khiếp tởm hơn thịt chuột, mà lại cho vào mắt là một cơ quan nên gìn giữ nhất thì cứ nghĩ đến cũng đủ làm cho chúng ta rùng mình biết bao nhiêu!

Tôi trông thấy những người ngơ ngác chờ chữa thuốc mà không khỏi có một tâm lòng ái ngại. Về thực thà lộ ở trên nét mặt, họ trông ở những ông chủ hiệu, bà chủ hiệu sự tái tạo, sự hô sinh như trông vào một đấng tối cao. Có biết đâu rằng, một phần lớn họ đã thất vọng, hay tuyệt vọng, – nếu có hy vọng chẳng nữa thì chẳng qua chỉ là một cái bóng hy vọng mà thôi. Bởi vì tôi đã biết rằng lắm khi một người bệnh vào chữa lần đầu ở những hiệu kia khỏi hẳn đi một nửa. Ai ai cũng tưởng thuốc họ hay, có biết đâu rằng đó

chỉ là bọm nôm; ta đau mắt, chẳng cứ phải tìm đến họ, cứ ở nhà lấy một ít thuốc "lông ngỗng" hoà với nước rửa vào tự nhiên cũng nhẹ hẳn và mắt ta sẽ quang ngay. Nhưng quang như thế chỉ độ một buổi thì lại hết ngay; nào có thế mà thôi, bệnh đau mắt, trái lại, lại nặng ra là khác. Cái lối chữa đau mắt bọm này thật đúng như cái lối chữa đau răng của những tay thầy vườn đi rong phố, cạy cái hộp kê: "Chữa răng... chữa răng ê!", nhờ răng người khác đến nổi đứt cả mạch máu làm cho người ta chết. Cái thí dụ mà tôi kể ở đây bài thứ nhất trong *Trung Bắc chủ nhật*, tên Nguyễn Văn Ruộng bị bắt vì làm cho một người đàn bà ở ngõ Tân Hưng suýt chết, chính là cái hạng thầy vườn vừa nói đó. Người ta chỉ mới nghe thầy những thầy vườn đó bị bắt vì chữa thuốc giết người chứ chưa nghe thầy có một ông hay bà thầy vườn nào có cửa hiệu bị bắt vì đã làm mù người ta, cái đó cứ kể cũng là lạ lắm, – lạ nhất là những người bị họ làm hại, sau khi đọc bài một lúc đã có tới bốn người gửi thư về chúng tôi.

Sự đó truy nguyên ra cũng là chỉ tại bẻ răng đứt mạch máu, người có bệnh có thể chết ngay. Chứ về cái con mắt, ví gặp phải thuốc dở nó làm mù người ta, thì nào nó có mù ngay cho đâu, nhưng mà lại mù ngày một ngày hai, dần dần, chứ không nổ con mắt hay hoá ra mù trong vài ngày. Người có bệnh, đến lúc bệnh nặng rồi, chép miệng cho tại số "người ta chữa đúng một vệ sinh lắm, nhưng ác cái là bệnh mình nặng thì làm thế nào được chứ?"

Thành thử tiền mắt tật mang mà người có bệnh cứ phải cắn răng mà chịu. Người ta thấy rằng cái tính mệnh của những người lương thiện về phương diện ấy, không có ai bảo toàn cho; chỉ chết những người thực thà choáng lên vì những lời hò hét quảng cáo, vì những dụng cụ họ trưng bày ở cửa hàng, đã chẳng biết thế, hàng ngày cứ kéo nhau vào những phòng thuốc khả nghi, giờ con mắt ra để cho họ làm đủ tình đủ tội.

Tôi cũng mong rằng trong số những thầy lang bịp bợm ấy cũng có vài môn thuốc gia truyền công hiệu. Tôi cũng mong rằng nếu họ không chữa được bệnh người ta thì ít ra cũng đừng giết người ta, đừng làm cho người ta mù loà tàn tật. Song có ai đã có lúc đứng trông một buổi chữa bệnh của họ, một người rất bình tĩnh cũng không khỏi thấy buồn lòng. Là bởi vì, muốn nói cho thực đúng, ta phải nói rằng cái lối chữa bệnh của họ vô cùng quái ác. Tôi đã xem một buổi chữa bệnh ấy và tôi đã thấy chán nản trong lòng quá.

Một người thanh niên, khoảng từ 30 đến 35, uể oải đi vào một hiệu ở một phố gần Hàng Gai. Một cô độ 18 – 20, mặt đánh phấn môi bôi son ngồì nghiêm nghị, đưa ra một cái gói con bảo con bệnh để tay lên đây bắt mạch, – vừa nói chuyện với người làm sa sả vừa bắt mạch. Bắt mạch cho người ta không hiểu thấy cái quái gì, cô nữ y sĩ nói xì xà xì xô một chặp tiếng ngoại quốc, – mà lạ, sao lại không nói tiếng Việt Nam? bởi vì trước lúc ấy nửa tiếng đồng hồ tôi đã nghe thấy cô nói tiếng Việt Nam tài như ông và tôi vậy?

Cái đó là một chuyện bịp, bởi vì cái tâm lý những người thực thà vẫn thế, người ta vẫn sợ những cái họ không hiểu hơn là những cái họ hiểu, – nhưng đến chuyện bịp này mới lại đáng ghê hơn. Cô nữ y sĩ của chúng ta nói, người thông ngôn dịch ra tiếng Nam, ông trẻ tuổi của chúng ta đau mắt. Đau mắt mà các ngài có biết cô thầy thuốc của chúng ta truyền cho người làm chữa cho con bệnh thế nào không? Cô truyền lấy ống giác giác vào lưng và bảo mở mắt ra phun khói ở trong một cái đèn cò vào mắt. Rồi bảo: "Mắt của ông có nhiều cục máu ở đằng sau lòng trắng, nó làm cho mắt ông ướt luôn có phải không? Ông phải rỏ thuốc này (người làm giờ một lọ thuốc nước ra); rồi ngày thứ ba lại đây đắp thuốc riêng biệt u không; ngày thứ tư ông lại rỏ thuốc trong chai; chín ngày liền như thế (sao cái gì cũng cứ phải chín?) rồi lại đây lấy những viên máu kia ra mới có thể qua khỏi được!

Lấ'y từng cục máu ở trong mắ't người ta ra. Nghe thấ'y thê' có đủ rùng mình chưa? Tôi nhớ đê' n những ông lang gắ'p sâu ở mắ't, lấ'y ríp nhỏ lông quặ'm, và cắ't màng mù mắ't người ta...

Đó cái lố'i lấ'y máu ở mắ't người ta ra là làm mù mắ't người ta chứ còn gì nữa? Đó, cái lố'i cho thuố'c bột bậy bạ là làm hỏng mắ't người ta chứ còn làm sao nữa?

Chúng tôi không muố'n cho người ta "chơi" với tính mệnh người bệnh nữa. Chúng tôi không muố'n để cho hạng bịp bợm đó hoành hành nữa. Chúng tôi không muố'n người ta "nhét đấ't thó vào mắ't mũi" người ta và cười người mình ngu dại nữa. Một lâ'n nữa, những nhà có trách nhiệm nên để tâm đê' n điê' u này và nên lập cuộc điê' u tra xem những cái lố'i chữa bệnh của tôi vừa kể trên kia là thực hành theo cái học nào, ở sách nào.

Chữa thê' là giúp ích quố'c dân?

Hay là bịp bợm để làm hại?

Nê' u quả là hại, người ta còn chờ gì không cho những ông chủ hiệu, bà chủ hiệu á'y cùng đi chơi một thê' với tên Nguyễn Văn Ruợng, ông lang giê' t người, vừa bị bắ't mới đây?

**VŨ BẮ'NG**

*Trung Bắ'c chủ nhật, Hà Nội, số' 64 (8.6.1941)*

## Phê bình Phương Tây trả lời

Chúng tôi vừa nhận được cuốn sách ấy, cuốn sách mong đợi, bởi vì trước khi tác giả cho phát hành, chúng tôi đã nghe thầy nói rằng đó là bộ tục "*En s'écartant des ancêtres*". "*En s'écartant des ancêtres*" được nam nữ thanh niên hoan nghênh thế nào thì cuốn "*La réponse de l'Occident*"<sup>1</sup> của hai bà Marguerite Triaire và Trịnh Thục Oanh vừa xuất bản mới đây chắc cũng sẽ được hoan nghênh như thế, mà có khi hơn nữa, bởi vì nhân vật trong truyện vẫn là nhân vật cũ, nhưng bây giờ họ đã đứng tuổi rồi, họ "chín chắn" hơn và những sự nhận xét về đời của họ cũng tinh vi và chua chát hơn lúc trẻ. Người ta phần nhiều thích sống với những cuộc đời đau khổ, trải nhiều. Người viết văn có những kỷ niệm nào nùng thương được hoan nghênh khi những kỷ niệm đó được diễn lại một cách ý nhị và tinh vi. Đó là một tâm lý chung vậy, không những ở nước ta mà ở nhiều nước trên thế giới nhất là nước Anh, một nước sản xuất nhiều nữ sĩ, trong số đó ta phải kể trước nhất nữ sĩ Rosamonde Lehmann viết nhiều chuyện thương tiếc những kỷ niệm thiếu thời rất hay. Trong truyện "*Phương Tây trả lời*", những nhân vật cũ của chúng ta: Mai, Dàn và Gaby cũng nhớ tiếc lại thời hoa tuế, cũng như một nhân vật của Lehmann đứng ở dưới gốc cam nghe tiếng rìu chặt cây vọng đến bên tai mà nhớ tiếc lại hồ ỉ hầy còn nhỏ chơi ở trong vườn hoa vậy. Nhưng nhớ tiếc cho má y, còn làm gì được nữa? Thời tươi đẹp đã qua rồi, số mệnh đã định đoạt, họ bây giờ đều có mỗi người một con đường đi khác hẳn nhau, tuy họ cũng bắt đầu cùng chỗ: chỗ đó là chỗ xa lánh tinh thần cố hữu của tổ tiên đất nước.

Cô con gái dút dát, e lệ ngày xưa là cô Dàn, bây giờ đã yên vui ở trong cảnh gia đình. Nghĩa là sau khi theo mới một đạo, cô đã tinh

ngộ vừa kịp lúc, cô lại quay trở về với phong tục tập quán của ta, làm bà mẹ tốt, làm một người mẹ hiền, cuộc đời không suy suyển, không thăng trầm, yên lặng mà chứa chan hạnh phúc, nói tóm lại, cái đời của những bậc mẹ hiền vợ thảo nước ta. Son (tức là Gaby) bây giờ thì trái hẳn. Cô thất vọng nhiều rồi. Tưởng là lấy Lâm thì họ sẽ âu yếm nhau đời đời, hai màu da tuy khác nhưng ái tình chỉ một, nhưng ác thay, Gaby chẳng bao lâu thấy cuộc đời của mình cô độc một cách đáng thương; Gaby luôn luôn bất mãn về cuộc đời, lấy thuốc phiện để quên đời, cãi nhau luôn với chồng và một ngày xâu trời kia nàng đánh nhau chửi nhau với Lâm, chồng nàng, Lâm tức giận vì bị mang tiếng là đào mỏ (bà Triaire và Trịnh Thục Oanh dịch là *coureur de mines*) nhất định bỏ ra đi, nhưng ngay lúc ấy Gaby hối hận ngay và van Lâm ở lại. Hai người này lại kéo dài cuộc đời bất hoà ra. Họ đều là những người đáng thương cả: Lâm đáng thương vì vợ thị của và không hiểu tình mình còn Gaby thì đáng thương bởi khổ sở vì đời, thuốc phiện làm cho nàng cau có, đa nghi và yếm thế.

Thế còn Mai? Mai từ khi bỏ chồng thì về ở với cụ Huyện, ngày ngày chữa bệnh người ta để cho người ốm đỡ đau khổ ở trong bể trầm luân. Ngoài ra, nàng yên vui với cảnh gia đình: trên thì thờ mẹ, dưới thì nuôi con, sống một cuộc đời đôn hậu, tuy không than thở sự sinh sống của mình, nhưng những lời nói những cử chỉ của nàng cho ta thấy một tâm hồn đầy những kỷ niệm buồn thương ngày cũ. Ngày cũ đã qua rồi: con nàng bây giờ đã lớn; còn chồng nàng thì, sau một thời kỳ lấy dầm, hiện đang sống một cuộc đời cô độc, hình như luôn luôn trác táng. Người bạc tình cũng buồn khổ chứ cũng chẳng sướng gì vì mệnh tướng của ông cũng tan vỡ, người vợ Tây phương mà ông tưởng cùng chung sống đến bạc đầu đã chán nản trở về nước Pháp.



Bắt đầu chuyện "Phuong Tây trả lời" ta thấy Son, Mai và Dân đang sống ở trong những tâm trạng ấy. Cụ Huyện, tiêu biểu cho tinh thần văn hoá Việt Nam, đứng lên cự lực mặt sát cái văn hoá của Tây phương mang lại. Cũng như trăm nghìn cụ già khác, cụ luôn luôn thương tiếc cái "tuổi vàng" cái thời dân ta sống chật phác thực thà, không có nhiều dục vọng mà cũng chẳng làm những cái lơ lửng thái quá như tằm biển như nhảy dầm chẳng hạn. Giá thử còn trẻ, thì Mai đã phản đờ i rồi, nhưng bây giờ Mai đã trải đời rồi, Mai đã khôn rồi, nàng chịu đựng số mệnh và chỉ muốn trông thấy các con khôn lớn. Những lúc nhàn rỗi Mai thường đi lại thăm nom Son và Dân và những khi Son đau ốm nàng hết lòng săn sóc như một người trong gia tộc. Thấy hạnh phúc của gia đình nhà Mai rồi ngâm ngùi nghĩ đến cảnh ngộ mình, Son chán chường và như có vẻ khinh chường, chỉ một chút thì đôi lứa ấy chia rẽ nhau trên đường đời. May lúc ấy Mai đến vừa kịp lúc và mang lại hoà khí cho gia đình nhà ấy. Sau một cuộc đời phóng túng, tưởng như không cần bận nghĩ đến tương lai, hai người đàn bà này cũng thấy cõi lòng trở trái, nhất là Son. Mai và Son học mới, tưởng là thoát ly được những cổ tục, nhưng không, tưởng như thế là lầm. Mai thương bạn không có con nôi dỗi tông đường xin phép Lâm và Son cho thả ng con lớn được chông gậy, và nhận Son làm mẹ.

Người ta muốn tân tiến thế nào thì tân tiến, cũng không thể bỏ hết cả đặc tính của người mình. Người phương Tây bao giờ cũng là người phương Tây, người phương Đông bao giờ cũng là người phương Đông, – như lời Ruydard Kipling đã nói. Đông, Tây không bao giờ gặp nhau. Có một lúc người ta tưởng thay đổi hết, cải tạo hết. Đó chỉ là một điều lầm. Những cái lá giống nhau sẽ liên tiếp nhau rụng xuống để cho một lớp khác giống như thế thay vào, rồi lại rụng, cũng như một thế hệ này tàn để cho một thế hệ khác lên tiếp, không suy suyển mà cũng không thay đổi. Đãn hoặc có đôi khi thay đổi ta nên biết rằng đó chỉ là sự thay đổi tạm thời mà thôi, có khi

chỉ là sự thay đổi bề ngoài, còn bên trong thì bao giờ cũng vẫn thế, vẫn trầm lặng như xưa vậy. Thí dụ như Dã N chẳng hạn, Dã N muốn tìm một sự yên ổn cho linh hồn nên theo Gia-tô giáo. Gia-tô giáo, theo như hai nữ sĩ tác giả "*La réponse de l'Ocident*" chính là câu trả lời của Tây phương. Con Mai con Dã N lớn lên cũng hướng về Tây phương cả [...] Tây phương vậy là đã đền bù lại cho ta Gia-tô giáo?

Hãy nghe tác giả mượn lời ông cô nói với Mai: "Đạo Gia-tô là cái nền tảng văn hoá của Tây phương. Chịu ảnh hưởng của Tây phương, bạn trẻ của nước ta đã bỏ những căn bản cuộc đời của tổ tiên mà trong khi ấy thì không bám vào được căn bản và những sự trật tự mới của Tây phương. Học thuật tư tưởng của Tây phương nhiễm cái tinh thần Gia-tô. Người không thể chia rẽ học thuật Tây phương với đạo Gia-tô được".

Trở lên là ý kiến ông linh mục Le Gorridec, nhưng ta rất có thể bảo đó là ý kiến của hai bà Trịnh Thục Oanh và Marguerite Triaire vậy. Dù sao, ta cũng nên nhận rằng một nhân vật ở trong truyện, cô Dã N, cũng đã thử tìm sự an ủi linh hồn ở trong đạo Gia-tô rồi. Nhưng như trên kia tôi đã nói, Dã N vẫn quay về với đạo Phật là cái đạo đặc biệt của phương Đông, nàng mộ đạo Gia-tô và có một tâm lòng tin tưởng có thể gọi là mãnh liệt, nhưng cái hồn tôn giáo của đất nước lúc nào như cũng lẩn quất ở bên mình nàng vậy.

Theo ý riêng của kẻ viết bài này thì bao giờ phương Đông cũng là phương Đông mà phương Tây cũng là phương Tây. Những sự theo mới bỗng một thời kỳ, ta chỉ nên coi như một cơn ác mộng mà thôi. Xem ngay như ba nhân vật chính trong truyện, Mai, Dã N, Sơn và các con Mai, con Dã N, những người có tâm hồn yên ổn đều là những người đi trên con đường mới một dạo mà quay về đường cũ vừa kịp lúc.

Như Dostoievsky đã nói, những người thực thi ết tha với đời đê`u thấy một cái buồn mênh mông trên trái đấ`t. Nói hẹp lại, thì ai là người không đau khổ về` những chuyện lòng; mà đau khổ như thế` còn đâu hơn là tìm ở trong tôn giáo sự an ủi linh hô`n, sự bình tĩnh cho linh hô`n?

Nhưng dù theo mới hay theo cũ, người ta cũng câ`n phải có tâm. Mà đã có tâm thì cứ gì phải tìm ý nghĩa cuộc đời ở riêng một tôn giáo nào?

**VŨ BẮ`NG**

*Trung Bắ`c chủ nhật, Hà Nội, số` 65 (15.6.1941)*

# Khi những bà sư tử Hà Đông tức giận

## I. Mào đầu hay là lịch sử cái ghen

Tôi không muốn kể nhiều thí dụ. Bởi vì các bạn biết cả rồi. Vì vậy, hôm nay tôi chỉ xin kể hai chuyện "đủ chơi" thôi; đó là một chuyện ở Hưng Yên:

*Trịnh Thị Tư 24 tuổi ở làng Nễ Châu tổng Phương Trà huyện Tiên Lữ, kết duyên cùng bác Dương Văn Khảm con trai thứ hai ông Dương Văn Viên, lý trưởng đương thứ làng Bảo Châu cùng tổng đã bốn năm nay và đã sinh hạ với nhau được một đứa con gái nhưng không nuôi được. Từ trước tới nay hai vợ chồng ăn ở với nhau vẫn thuận hoà.*

*Tôi hôm mùng 9/4/1941 nhân trong làng có đám làm chay, hai vợ chồng bác Khảm cùng đi xem mãi đến khuya mới về. Đến sáng thì người ta thấy bác gái đã treo cổ lên cây nhãn trước nhà tự tử.*

*Tin bác Khảm gái tự tử bật ra làm cho dân làng đều ngạc nhiên. Cứ theo lời đồn thì nguyên tôi hôm trước trong khi đứng xem bác Khảm có thả lời ong bướm với một thiếu nữ trong làng, vợ bác có ý ghen và về nhà hai vợ chồng cãi nhau kịch liệt. Bác Khảm bỏ nhà ra đi. Bác gái ở nhà phẫn thì quá ghen, phẫn thì giận chồng phụ bạc, nên bác dùng dây lưng để quyền sinh.*

Chuyện thứ hai, xảy ra ở Phú Lạng:

*Bác Thố, lái lợn ở Lạng Sơn về Bắc Giang vào phiên chợ trâu bò ngày 10 Avril. Bác về từ hôm 9 Avril mang theo cả vợ và chị vợ. Tôi hôm ấy bác dắt hai người đi rong phố, sau chán bác rủ đi*

xem hát tuồng. Theo lời bác thuật lại thì vợ bác nói đã đi buôn bán còn đi xem làm gì cho tốn tiền. Bác lầy lẽ phải phân trần, vợ bác cũng không nghe và nói chông chênh nhiều câu khiếm nhã. Bác giận quá liền đánh vợ mấy cái bạt tai, không ngờ vợ bác chẳng vừa, một mạch chạy ra sông Thương tự tử. Anh chông hoảng hốt chạy theo kêu cứu âm ỉ, cả phố chạy ra xem đông như kiến. May lúc ấy có mấy người làm ô-tô đứng đầu đuôi giúp. Vừa tới sông Thương chị vợ toan nhảy xuống thì họ túm được. Sợ xảy ra án mạng họ kéo tới trình Sen-dâm, ông đe dọa chị vợ và giao cho anh chông trông nom gìn giữ vợ, nếu xảy ra sự bất trắc anh chông sẽ chịu trách nhiệm. Hẳn đêm ấy anh chông không dám... ngủ!

Hai cái tin "nguy hiểm" đó đã làm các bạn rợn tóc gáy lên rồi, vậy mà cái đó chỉ mới là thường, cái đáng sợ là nếu các bạn được thấy hai cái tin cùng đăng cạnh nhau cùng một ngày thì mới lại càng khiếp quá. Một ngày mà ở hai nơi đã có hai vụ ghen tuông như thế thì không biết, còn những vụ ghen tuông người ta không được tai nghe mắt thấy, còn những vụ ghen tuông ở trong nước ẩn kín ở dưới mái nhà, còn nhiều biết bao nhiêu mà kể!

Ngồi nghĩ mà chơi, mỗi ngày mỗi giờ mỗi phút ở trong nước ta không lúc nào không có chuyện ghen tuông giữa những cặp vợ chồng ăn ở với nhau. Ước ao rằng những chuyện ghen tuông đó đều như gió thoảng mây bay ấy, – nói như thế cho nó đẹp lời văn một chút, – chứ, nói đại đổ xuống sông xuống ao, đám ghen tuông nào mà cũng "kết liễu một cách thảm khốc" như hai câu chuyện ở trên kia thì gia đình hạnh phúc không tài nào có được!

Vậy mà đương lúc này đây là lúc người ta chú trọng về gia đình, cái hạnh phúc gia đình là một việc tối cần, tưởng chẳng phải là một cái trò chơi. Gia đình không yên ổn, người đàn ông còn nghĩ đâu đến công chuyện ở bên ngoài; trái lại, người ta dễ sinh ra bực chí, tuyệt vọng, mà ngay những người ngoài cuộc, chưa thành gia thất, thấy

thế cũng đâm ra... bỏ vía! Nếu những chuyện ghen tuông như thế này mà cứ xảy ra hoài, tôi e rằng người thanh niên rấ t có một quan niệm xấ u về hôn nhân, họ sẽ vin vào đấ y mà lấ y làm một có trong trăm nghìn có khác để không lấ y vợ.

Vì vậy cho nên, – xin nói để độc giả biế t tôi không có ý khôi hài đâu, – tôi nói không... cười đấ y, – vì vậy cho nên, đố i với tôi, sự ghen tuông là một... vấ n đề quan hệ, ta cần phải biế t nguyên nhân.

Có người tấ t sẽ hỏi rằng: "Biế t nguyên nhân để làm gì?" Thì tôi xin lè lưỡi ra, quấ c mắ t mà hét lên rằng: "Biế t để mà... để đấ y, chứ còn làm gì nữa! Hỏi vắn vợ lắ m, tôi không chịu được".

Thực vậy, thưa các ngài, những nhà luân lý mô phạm từ xưa đế n nay vẫn làm sách nữ huấ n dạy đàn bà đừng có ghen tuông, tôi cho là sự ích lợi không thể có được, – nếu không muố n nói là dập gậy xuố ng nước, là vô ích, là vào lỗ hà ra lỗ hồng.

Tuy thế, sách nữ huấ n dạy đàn bà con gái lúc nào cũng vẫn cứ là cần phải có. Duy có một điề u mà ai ai cũng đề u nhận thấ y như tôi là tính ghen tuông của đàn bà là do tự trời sinh, chứ không phải luyện mà có được; trời phú cho người đàn bà cái tính ghen tuông cũng như phú cho khấ p mọi người cái tính đói thì ăn, khát thì uố ng vậy. Tôi không sợ nói thế mà làm phậ ý đàn bà. Họ sẽ không tức giận đâu, bởi vì nếu đàn bà tức giận vì bảo họ ghen tuông thì họ đã tức giận từ bao giờ kia rồi, họ tức giận từ khi có câu đờ ng dao này trong dân gian:

*Ớt nào là ớt chẳng cay,*

*Gái nào là gái chẳng hay ghen chồ ng.*

*Vôi nào là vôi chẳng nô ng,*

## *Gái nào là gái lâ' y chồ' ng chẳng ghen...*

Ôi! câu đờ' ng dao, không biế' t các ngài thấ' y thề' nào chứ riêng tôi mỗi khi đọc tới thì mắ' t lại... rưng rưng những lệ, bởi vì theo tôi, nó ngụ một ý chua xót cho thân thề' của bọn đàn ông. Tôi nghĩ đờ' n thân thề' của bao nhiêu ông chồ' ng lâ' y phải vợ dữ mà đấ' ng cay ngậm quả bô' hòn vì chẳng nhẽ mỗi lúc người ta lại dán ở cửa: "nhà này có... vợ dữ", hay: "Trước khi vào phải coi chừng vì có... sư tử Hà đờ' ng"?

Tôi nghĩ đờ' n bao nhiêu gia đình tan nát vì ghen tuông, những người đàn ông bị tiêu tán cả sự nghiệp vì vợ ghen, những người, lúc tôi đờ' ng viế' t bài này đã là người bạc mệnh, vì tính ghen tuông của đàn bà<sup>1</sup>.

Tôi nghĩ đờ' n những lời than thở nã' nùng của thi sĩ văn sĩ ta từ xưa tới nay và những lời sầ' u oán của thanh niên chế' t khiế' p đi mỗi lúc nghe thấ' y gia đình nói đờ' n chuyện lâ' y vợ đờ' con: họ sợ lâ' y phải vợ hay ghen, vợ dữ, vợ nguy hiểm sẽ ăn thịt mình như sư tử ăn thịt người.

Biế' t vậy rõ' i, các bạn đừng cho chuyện này là tâ' m thường. Ta phải câ' n hiểu rõ về' tính ghen tuông, mà nói đờ' n tính ghen tuông, trước hế' t, ta phải bắ' t chước nhà thi sĩ tìm biế' t "vợ" là gì đã, "vợ chồ' ng" là làm sao mà lại "ghen", mà "ghen" thề' nào lại có người đàn ông "đâm sợ" để lãnh một danh từ rấ' t xấ' u là "đờ' sợ vợ".

Tản Đà Nguyễn Khắ' c Hiế' u đã có một bài văn rấ' t nghiêm nghị về' chuyện này, xin dẫn như sau:

"Nguyên là vợ chồ' ng lâ' y nhau thì có tình, tình sinh ái; ái sinh úy, úy là sợ. Vợ vẫn là một "vật" đáng sợ; nhưng sợ đó là một nhẽ chính. Còn như vợ giàu mà sợ; vợ thầ' n thề' mà sợ; vợ hũ'ng hạn<sup>2</sup> mà sợ; thờ' sợ đó là ba nhẽ biế' n. Sợ một nhẽ chính thì là ông chồ' ng; sợ

một chính một biế n thời là anh chồ ù ng; sợ một chính hai biế n thời xuồ ù ng là thắ ù ng chồ ù ng; mà sợ cả đế ù n ba biế n thời... nguy. Nguy thời phải cá p cứu".

Vì vậy nhà thi sĩ vì chúng bạn, vì hế t thấy đàn ông có vợ, vì ai sợ đế ù n ba biế n, thảo một thiên cứu cá p như sau này (nhà thi sĩ bảo rắ ù ng nế u tụng được 100 lượt, tá t có độ ách được đôi phầ n, chẳng biế t có đúng không?). Bài văn cứu cá p sự sợ vợ như sau này, xin cứ chép nguyên văn, để ngộ bọn đàn ông ta có ai muồ ù n chép lại... cá ù u phú c hay tặng bạn bè như kiề u những cái... *chaînes de bonheur* của Pháp:

*Thắ ù ng cuộ i ngô ù i trong cung nguyệt,*

*Chim khôn mắ c phải lưới hồ ù ng,*

*Là mình với ta,*

*Chắ ù g duyên thì nợ,*

*Cơ gườ i tác hợp, sợ tơ mành xe chặ t lắ y nhau,*

*Bế ái đầ y voi, nén hương nguyện cho tròn một kiế p.*

*Như mỗ nay,*

*Con nhà gia giáo,*

*Cũ ù g mạch thư hương,*

*Mặ t vuông chữ điề ù n,*

*Điề ù n vô nhắ t thồ ù n.*

*Lư ù g dài vắ i tô ù n, mình lính nhưng tính quan.*



*Mặt nạc đóm dày, khôn nhà mà đại chợ.*

*Tuổi mới độ đôi chín ba mươi, dĩ lý đã rượu sớm chè trưa.*

*Học chưa xong*

*tam hoàng ngũ đế' chi thư, lại a tròn b méo.*

*Chô`ng con thê' â'y,*

*Ai người dễ ưa.*

*Thê' mà,*

*Nệm ủ chần lô`ng, nghĩa cũ bậ'y lâu êm ái,*

*Cơm hậ`u canh dẫn, lòng riêng riêng những kính yêu.*

*Cũng mong cho một bước một hay, được như ai, ông cô'ng  
ông nghề, có danh có giá,*

*Không ngờ lại mỗi ngày mỗi đôn,*

*để đôn nổi con tiê`u con khi, mang tiê'ng mang tai.*

*Năm năm lâu dài,*

*Một phen giận dữ.*

*Sự thê' thê' nào phải thê', bao quản mình lươn.*

*Phận đành chi dám kêu oan, còn nhờ lượng bé.*

*Nam-vô Phật ngô`i trên tam bảo, phổ cứu chúng sinh.*

*A-di-men lay đức Chúa Giời, tôi là kẻ có tội.*

Nhà thi sĩ "hoà máu và mực" để viết nên bài văn tế cứu cấp sự sợ vợ này có nói rằng: ai tụng bài này được một trăm lần thì cũng có *độ ách* được mười phần. *Độ ách!* Chao ôi! cái chữ nghe sao mà bi đát thế! Tuy vậy bi đát thế nào thì bi đát, tôi tưởng bài văn cấp cứu kia cũng chẳng "ăn" gì, bởi vì nghĩ cho nó cùng ra, nếu sợ vợ mà tụng kinh giải ách được thì từ xưa từ xưa người ta đã làm rồi, chứ có đâu lịch sử lại cứ còn đầy rẫy những chuyện sợ vợ, mà câu chuyện "cái đảng sợ vợ" ở trong *Tiểu lâm quang ký* cũng không thể còn có được. Nhân đây, ta nên kể lại chuyện "cái đảng sợ vợ" đó nghe chơi:

Ngày xưa ở một làng kia, từ ông thủ chỉ cho đến anh cùng đinh, ai ai cũng sợ vợ cả. Thấy thế cho là có thể "thương tôn" đến danh giá của cả làng, có một người mới họp các bậc đàn anh lại mà rằng: Bởi chung một mình lẻ loi, cho nên "chúng nó" bắt nạt được. Giá bây giờ ta họp nhau lại thành một đảng, tổ chức có quy củ, như đũa cả nắm khó bẻ, thì chúng nó không làm gì nổi. Phải đừng có ai bỏ ai mới được! Người ấy nói xong ngâm một câu thơ rằng:

*Một cây làm chẳng nên non*

*Ba cây chụm lại nên hòn núi cao*

Cái trò ở nhà quê ta vẫn thế. Mới nói ra thì chẳng có ai nghe, nhưng đến lúc "gã tiên phong" kia đọc một vài câu văn vè lên thì ai nghe cũng chịu cả; mọi người đều vỗ tay hoan hô nhiệt liệt và đều cho là phải cả. Lập tức, họ họp thành một đảng gọi là Dasovo cũng như người ta mệnh danh cho hội này hội nọ những cái tên lạ như *Ajimi, Cotsiva, Apha, Amikea*, v.v... *Dasovo* cũng có một ý nghĩa: nếu lấy rời từng chữ ra thì người ta thấy ba chữ nghe rất oai, không chỉ về sự ăn uống, đánh tổ tôm như *Ajimi*, không có cái ý nghĩa ái hữu bịp như *Cotsiva*, nhưng có cái ý nghĩa này; *đa* = đảng, *sovo* = sợ vợ.

*Dasovo* được nhiệt liệt hoan nghênh. Một phiên nhóm bất thường đã chọn xong thư ký, thủ quỹ và làm sổ ghi tên hội viên đầu đó cả rồi, một uỷ ban được cử ra để chọn ngày lành tháng tốt tế thần. Ngày hôm tế thần đến, *Dasovo* không dám cử lễ ở trong làng sợ lộ chuyện, họ đem nhau ra tế lễ ở ngoài đồng xa xa, và cắt ba ông sợ vợ nhất, một ông vào mạnh bái, hai ông vào bõn tế. Xong đầu đầy cả rồi, nổi trống đồng t pháo, các quan viên áo mũ vào tế. Tế được một tuần, đến lúc xướng: "Gia quý!" Ba ông kia cùng quỳ cả xuống. Thì ngay bây giờ có mấy bà đi chợ về qua, thấy tế lễ linh đình, rủ nhau đến xem. Nhân viên *Dasovo* thấy bóng các bà, vội vàng sắp ngựa, ù té chạy cả. Duy chỉ có ba ông nọ còn đương quỳ, cho nên không chạy kịp. Bọn kia chạy chùng một quãng, ngoảnh lại trông thấy ba ông ấy vẫn cứ quỳ ở giữa chiếu mới lao xao bảo nhau rằng: "Ừ, thế chứ lại! Chúng mình cắt những tay xứng đáng cả! Thế mới là *Dasovo* chứ! *Dasovo* vạn tuế! Vạn vạn tuế *Dasovo*!" Bèn rủ nhau giờ lại. Ai ngờ đến gần thì ba ông đã chết cứng từ bao giờ rồi!

## II. Giã m chua lại tội bả ng ba lửa nô ng.

Trở lên là câu chuyện khôi hài để chứng tỏ lòng ghen tuông của đàn bà và người ta sợ lòng ghen tuông ấy đến chết đứng như Từ Hải thì đủ biết thế nào. Nhưng dù sao, đó chỉ là một chuyện để cười thôi. Người ta lắm lúc cũng cần phải đứng đắn một tí chơi: đó là một điều cần nữa trước khi chúng tôi đem vẽ lại cho độc giả biết những cảnh ghen tuông lạ nhất xảy ra ở xã hội ta, những kết quả khốc liệt của nó để ta cùng xem nó đã làm cho bạn đàn ông râu quặp bờ vía như thế nào, tuy họ cũng đã khôn khéo nghĩ ra rất nhiều cách để che mắt những bà sư tử Hà đông ấy.

Đọc *Kiên* vào đoạn cụ Nguyễn Du tả cái lòng ghen của Hoạn Thư, – người này đã có tên ở trong lịch sử ghen tuông: *ghen như ở Hoạn*;

rõ là ả Hoạn Thư chưa! – để chỉ những bà ghen tuông, các bạn tất đã đọc đi đọc lại không biết bao nhiêu lần câu văn này:

*Cúi đầu luôn xuống mái nhà*

*Giấm chua lại tội bả ng ba lửa nõng.*

Chắc các bạn đã biết "lửa nõng" là gì rồi vậy. Lửa nõng nguyên ở chữ "hoả khanh" nghĩa là hầm lửa, ý nói là lửa xanh. Ở đời người đàn bà tử tế, còn có gì đáng sợ hơn lửa xanh nữa, vậy mà theo ý cụ Nguyễn Du thì lửa xanh cũng chưa sợ bả ng giấm chua! Giấm chua là cái gì vậy? Chỗ này ta nên biết.

Ngày xưa, ở nước Kim, tức là Mãn Châu quốc bây giờ<sup>3</sup>, Hoàng đế nước ấy chuyên sủng hai cung tần nọ. Bởi vì hai cung tần đó đẹp hay bởi hai cung tần ấy khéo? Cái đó không có sách nào chép rõ. Người ta chỉ biết rằng, việc ấy làm gai mắt nhiều người và làm cho nhiều mỹ nữ trong hoàng cung tức tởi và ghen ghét; nhưng tức tởi ghen ghét nhất, có chẳng là Tiêu hoàng hậu. Thấy vua sủng ái hai cung tần nọ, Tiêu hoàng hậu đêm quên ngủ ngày quên ăn, chỉ tìm cách báo thù thì, may thay!... một bữa nọ Kim Hoàng đế bị bệnh rất là trầm trọng. Vua bèn vời hoàng hậu lại gần long sàng mà rằng: Hậu ơi, nếu chẳng may trăm có mệnh hệ nào thì hậu phải nghe lời trăm nhớ cho chôn sớ hai con cung tần nọ để nó hâu hạ trăm dưới suối vàng, hậu khá nhớ, nghe! Thế rồi vua thăng hà. Tiêu hoàng hậu nhớ lời Kim Hoàng đế trởi trắng lắ m lắ m. Nhưng hoàng hậu vì bị con rể ghen tuông nó hành hạ đêm ngày nên nghĩ rằng: Nếu bây giờ ta nghe lời nhà vua mà chôn sớ hai con đó xuống dưới đất cùng với nhà vua, thì ở suối vàng chúng lại được nhà vua sủng ái mà biết đâu chẳng sủng ái hơn lúc còn ở trên dương thế, bởi vì không có ta ở đó. Nghĩ thế, Tiêu hoàng hậu sầu không biết bao nhiêu mà kể. Nghĩ đêm nghĩ ngày và sau nghĩ ra được một kế có thể làm vui lòng... ghen của mình: cái mưu kế cũng đã thâm

thiêm, sâu sắc lắm. Muôn không cho hai ả cung nhân kia được sớm hôm hầu hạ đức vua dưới suôi vàng, Tiêu hoàng hậu nghĩ chỉ có cách làm cho hai con đó chết đi, nhưng chết mà không thể nào gặp được nhà vua vậy. Muôn thế, hoàng hậu đã truyên làm như thế này: Ngài sai quân lính bắt hai ả cung nhân đó lại, và – ai bảo hai ả lại được nhà vua chuyên sủng? – hoàng hậu truyên: lóc thịt họ đi. Mất thịt như thế, họ xuống âm cũng chẳng còn được nguyên vẹn nữa thì chắc chắn nhà vua sẽ chán.

Tuy vậy, cái lòng ghen tuông của hoàng hậu đã được thoả cho đâu. Bởi vì hai ả đó lại còn xương, hoàng hậu sợ xuống âm cung, họ vẫn còn có thể hoá thành người đi lại và được nhà vua chuyên sủng nữa, nên lại nghĩ thêm một chước cho mưu kia thực hoàn toàn: đó là tuốt xương hai ả cung nhân đó và đem ngâm vào giấm cho những xương ấy tiêu mòn đi, không còn lại một chút gì hết trơn. Từ đó, câu chuyện ấy được chép vào "sử xanh" và câu giấm chua được người ta nhắc tới mỗi lần nói đến tính ghen tuông của đàn bà.

Đôi chọi với Tiêu hoàng hậu, sử Tàu còn có một người mà ta thường nhắc tới luôn luôn, đó là Lã Hậu.

Sử chép rằng bà Lã Hậu lấy vua Cao Tổ, lúc mới đầu được quân vương sủng ái lắm, đặt làm chánh hậu và đã trải những năm tình mộng như gấm như hoa. Chẳng ngờ về sau, nhà vua lại mặn tình với một cung phi là nàng Thích Cơ và nhạt tình với Lã Hậu; người sầu muộn đêm ngày, muôn làm hại Thích Cơ bằng đủ các cách nhưng không được, bởi vì người còn sợ Cao Tổ. Người ngầm dấn ngót cay như thế, cho đến khi Cao Tổ thắng hà, người mới có thể ra tay hành hạ cái người "đã cướp sống chôn mình". Cách hành hạ ấy, không ai có thể tưởng tượng được: đó là bắt ả Thích Cơ khoả thân ra, và sai quân lính đánh đập nàng đủ cách. Xương, máu tan tành, Thích Cơ chết đi sống lại; tuy vậy Lã Hậu vẫn chưa vừa lòng, Lã Hậu cho quân lính lóc từng miếng thịt của Thích Cơ ra, và sau

hết, chặt cả chân tay của người đàn bà khôn nạn, nhưng điều cần yếu là giữ cho Thích Cơ không chết. Thích Cơ không chết thực. Nàng cứ sống lây lút như thế, cho đến một ngày kia, Lã Hậu truyền cho quân lính vút nàng vào trong chuồng lợn và cho sống chung với lợn. Từ đó, Lã Hậu bèn đặt cái tên "nhân trệ" để gọi Thích Cơ, ý nói là người lợn. Ghen tuông mà hành hạ kẻ tình địch của mình đến thế, tưởng đã đến chỗ cùng cực của sự nham hiểm gian ác trên đời vậy.

Thời giờ qua đi. Cuộc đời mỗi thời đại một khác nhau nhưng tâm tính người ta thì vẫn nguyên như thế, gần như không thay đổi gì.

Bao giờ cũng thế, nếu ở đời còn những người chắt phác thực thà thì cũng còn những kẻ mưu cơ gian xảo, cũng như nếu còn có đàn ông thì trời vẫn để cho có đàn bà để giúp đỡ đàn ông mà cũng để ghen tuông và làm cho họ sợ... như sợ sư tử vậy.

Tôi đã từng được các bậc đàn anh đã từng trải đời nhiều kể lại cho nghe nhiều chuyện tỏ rằng có lắm người đàn ông làm những chuyện rất phi thường, coi những sự thử thách của đời đều là trò trẻ con, vậy mà cho đứng trước một người đàn bà thì "mò" cả người đi. Tôi không muốn nói đến chuyện sắc đẹp đâu, tôi không muốn nói rằng "nhân sắc của đàn bà khuynh thành, khuynh quốc" đâu, mà đừng ai vội vênh râu lên ngâm câu này: *Cho hay mặt sắc cũng ngây vì tình!*

Các bạn cứ để ý mà xem, lắm khi người đàn bà không cần phải đẹp lắm, tình lắm mà đàn ông cũng cứ sợ như thường. Thứ nhất, nhiều người đàn bà lại xấu nữa, mà ác hại thay, người đàn ông không có tình yêu thương gì hết, vậy mà một cái lườm, một tiếng quát, – lắm khi, trời ơi, lại chỉ cần một cái cười nửa miệng – cũng đủ làm cho anh đàn ông hết vía, run bần bật lên như cây sậy,

lăm lúc tưởng đem quả trứng và bảy nă m com hú vía cũng khó mà gọi hồ n lại được!

Người ta kể chuyện rằ ng, xưa, về ðời Khang Hy, nhà Thanh có một danh tướng là Niên Canh Nghiêu, trăm trận đánh trăm trận thắ ng, danh tiế ng vang lừng trong bô n cõi, những chiế n công oanh liệt không đễ ðâu cho hế t. Có thể bảo rằ ng anh ta là một người khát máu, coi cái chề t như trò trẻ nử a. Anh ta câ n phải trông thắ y máu và sự chề t chóc luôn luôn, bởi vậy cứ mỗi bữa com, anh ta phải truyề n cho quân lính lựa những tên tù bị trọng tội nhắ t đem ra xử giảo ở trước mặt, không thề mà ăn com không ngon miệng. Một người góm ghê như thề , dù có thể đem ví với tử thầ n như thề , vậy mà các bạn có biế t anh ta sợ nhắ t trầ n ðời cái gì không? Quả như lời các bạn ðã ðoán trúng, Niên Canh Nghiêu chỉ sợ nhắ t có một người, một người chân yế u tay mề m: người ðó là bà Niên Canh Nghiêu vậy. Chao ôi, nào có phải sợ thường thường thì nó cũng còn cảm cảnh với trời. ðằ ng này không. Niên Canh Nghiêu lại sợ quá ðối ðế n nỗi mỗi lâ n vợ anh quát lên một tiế ng thì cái giảo câ m tay rơi liề n ngay xuố ng ðấ t. May thay trong sách lại không chép rõ rằ ng những khi â y thì anh ta có "lác mắ t" hay là "bỏ vía" không. Chắ c có!

Câu chuyện cổ này làm cho tôi nhớ ðế n những bức ảnh trào phúng ở trên những tờ báo Anh và Pháp: một nữ phi công, vượt chín tầng mây ði thám hiểm hoàn câ u, vừa ở trên máy bay ðặt chân xuố ng ðấ t kêu thắ t thanh lên, sợ quá, vì có một con chuột nhắ t nó bò ở cạnh chân! Chuyện này cũng giố ng như chuyện ông võ sĩ chiế m giải quán quân "bô c-xờ" ở hoàn câ u, ðấ u trận nào cũng thắ ng, – đáng chùng cũng như võ sĩ mọi Joe Louis vậy, – vừa bước chân vào ðế n cửa thì giá cả người ði vì thắ y vợ quát â m lên trong nhà. Thề rô i, anh ta cũng cứ liề u vào. Thì bà vợ cho luôn một cái... *knock out* – gọi thề cho oai, chứ chính thực là cái tát – và nhà võ sĩ

chiếm giải quán quân thế giới đành chịu, không thể nào đỡ được vì anh ta đã bủn rủn cả tay chân từ bao giờ rồi.

### **III. Một đống tro ở dưới gáy và một lưỡi dao ở cuối ống họng ông chôn đống dương ngon giá c<sup>4</sup>**

Kể lại các ngài nghe câu chuyện nhà võ sĩ bị vợ cho một quả "nổ c ao" đau điếng cả người đi, xin các bạn độc giả đàn ông chớ vội "nghĩ lắm nhé!" mà bảo rằng kể này chú ý "gây một phong trào khủng hoảng" để cho bạn đàn ông ta "ngất" đi đâu.

Tôi dọa? Tôi dọa thì tôi "ăn" gì chứ? Chẳng lẽ các ngài quá yêu đời, lại có thể đi tìm được rằng hiện giờ đàn bà ở nước ta đã có tổ chức, chuyên này định làm một công chuyện gì đây, nên đã "mua" kẻ tài hèn này, ấy hẳn viết bài gây thanh thế cho phụ nữ để phụ nữ đánh đàn ông một trận nerfenprobe, một trận chiến tranh gân cốt như cái lố i chiến tranh hiện giờ. Không, than ôi, thưa các ngài, không, đàn bà ở nước ta đâu đã phải cần dùng đến cách đó? Ở Anh, ở Mỹ, ở Nga, nghe nói như đã có nhiều người đàn bà làm tới cảnh sát thượng thư. Ở Gia-nã-đại họ lại dấn nhau đi biệt lập ở riêng một làng toàn đàn bà cả, anh đàn ông nào lảng cháng đến đó sinh sự thì có dao găm súng lục. Lại có những hội đàn bà sống độc thân, những hội đàn bà chuyên đi khuyên giải những người thất vọng đừng nên tự tử. Đó, những hạng đàn bà đó, tôi thường nghe nói họ mới hay dùng báo làm cơ quan tuyên truyền, mà sợ dĩ phải tuyên truyền như thế, chính là bởi họ chưa tin sức họ. Chớ đến như đàn bà ở nước ta<sup>5</sup> thì tôi tưởng thanh thế họ đã vững lắm lắm rồi. Tờ báo là cái gì? Xem việc ngay trước mắt thì biết đó: bao nhiêu cơ quan báo chí của phụ nữ đó, họ có cần làm gì, bởi vậy cho nên lần lượt họ cho chúng đi sang Lào hết, không thiết cho ra đời làm gì cho tôn tiển và mặt sức. Tiển ấy, sức ấy, thà để ngò i mà quạt và đem ra làm dáng cho ngậy hồ n bọn đàn ông: bọn đàn ông mà bị thu vĩa rồi thì thiên hạ ở



trong tay họ, còn phải một hai gì nữa. Lúc đó, họ bảo gì mà đàn ông chẳng phải theo? Chẳng cần gì nói lời thôi, để cái chết là cái gì cũng sợ, vậy mà hằng ngày, ta chẳng thấy chán anh vì đàn bà mà đâm vắng mạng coi nó như chơi, tự tử chết oanh oách không cần gì đòi cả!

Đó là nói về hạng đàn bà căm quỳn sinh tử đàn ông; đàn ông nhiều khi chết là để "vây" với họ, chết là để tỏ "ta đây thủy chung với họ", chết là sợ họ không bằng lòng cho mình sống.

Chứ để câu chuyện tôi kể ở dưới đây thì tất các ngài cũng như tôi đều có thể quả quyết là người đàn ông chủ động không muốn chết vì đàn bà một chút nào. Trái lại, tôi lại có thể cam đoan rằng anh chàng này muốn sống là khác nữa, bởi vì anh ta sống trong trời hạnh phúc. Anh ta lấy một cô vợ dữ như một con hùm vậy.

– Lấy phải một cô vợ dữ như một con hùm mà bảo là sống trong hạnh phúc? – Các ngài tất sẽ hỏi tôi thế chứ gì. À, nếu quả vậy thì xin các ngài cứ bình tĩnh mà nghe tôi kể. Các ngài đừng lời thôi làm đứt mạch cả hứng văn của tôi đi, cũng như anh chàng nọ của tôi lắm khi cụt cả hứng vì cô vợ đó giữ anh ta trọn quá không cho anh đi đâu cả.

Ở đời, trời hay chơi những "cú" rất ác; chính những anh chồng vợ dữ giữ ở nhà trọn thì lại hay tưng táng rừng mả muốn đi tìm những thú vui bên ngoài nó như như thể một miếng mồi ngon vậy.

Vậy ông có vợ dữ như hùm của chúng ta cũng không thoát khỏi cái công lệ ấy. Con hùm cái nó há m anh như món thỏ sống vang, mà còn phải ví von gì nữa, anh ta chẳng là thỏ thì còn là cái quái gì? Vậy mà anh ta, – có trời hiểu làm sao? – anh ta vẫn kiếm cách bắt nhân tình với một ả nhà thơ nọ.

*Đôi ta đá tạc vàng ghi,*

*Vàng thì Mỹ ký, đá thì tổ ong...*

*Đôi ta hẹn núi thê` sông,*

*Núi trong bể cạn, sông trong bàn cờ.*

Cái tính vụng trộm ấy thực là tình bỏ bu con chuột bạch, không kém gì cái tình nảo nuột của những ông văn sĩ trong Tê E lơ văn đoàn,<sup>6</sup> cực tả những cô gái ho lao mê những anh loạn óc.

Không cần phải điề u tra phỏng vấ n lời thôi làm gì, người ta cũng biế t rằ ng những lúc anh trố n con hùm đi chơi với chị ả được độ mười lăm phút nửa giờ thì anh ta sượng rơn lên: anh quên trời, quên cả người, vì vậy, một ngày xâ u trời kia, một vài người trông thấ y anh chị bày trò *trên bộc trong dâu*, nghĩa là... dấ t tay nhau đi "chơi tểu" ở hồ` Bảy Mẫu, họ liê`n về` báo cho con hùm biế t ngay. Con hùm ấy, chẳng may lại số`ng lâu quá, thành tình ra mấ t rô`i, nên nó lặng yên, chẳng nói với anh chàng nọ một câu gì hế t.

*Lo gì việc ấy mà lo,*

*Kiê`n trong miệng chén có bò đi dâu.*

*Làm cho nhìn chẳng được nhau,*

*Làm cho đày đoạ câ`t đầ u chẳng lên.*

Cái đoạn văn ấy trong Kiê`u, cụ Nguyễn Du chủ ý tả cái ghen của Hoạn Thư, mà người đọc, cô` nhiên là phải hiểu theo nghĩa bóng.

Chẳng hiểu vì ít học hay vì tính con hùm cái nọ hùng hổ không thích cái gì bóng bẩy lơ mờ, ả ta bèn gặt đầ u đấ c chí và quyế t làm theo lời của cụ Nguyễn Du đã dạy (Chao ôi! cụ Nguyễn Du nào có biế t đầ u rằ ng văn chương của cụ lại tai hại cho hậu thê` như thê` được!)

Làm cho đày đoạ cá t đầ u chẳng lên.

À được! Muốn cho cá t đầ u chẳng lên được thì chỉ có một cách. Cách ấy, chị chàng ta đem ra thi hành một đêm cuối tháng kia và các báo hã ãng ngày đã thuật lại như sau này:

"Nguyễn Văn Tô... lâ y Bùi thị K. đã được sáu năm nay, con số ãng có con chề t có, tưởng rã ãng tình nghĩa lâu dài, không ngờ những chuyện xích mích gia đình lại thường xảy ra luôn, nhiề u khi láng giề ãng hàng xóm không ngủ được vì bà â y "truy" ông â y dữ quá, nhiề u khi chén đĩa ban đêm đương ngủ ở trong khay cũng bị giật gáy lôi dậy và bị cho đi... la-mát hế t! Xảy đêm mới đây, trong lúc mọi người đương ngủ yên tĩnh thì ở nhà Nguyễn Văn Tô bỗng có tiế ãng kêu "Bớ làng xóm! Ô i ông già bà cả ơi!" Thoạt đầ u ai cũng tưởng là ông chồ ãng bị vợ khiề ãng kêu "so-cua", nhưng chú ý nghe mãi thì ra không phải tiế ãng Tô, nhưng mà lạ, sao đó lại là tiế ãng ông quản B. ở nhà gã ãng đầ y. Sao tiế ãng ông quản B. kêu cứu lại nổi lên ở nhà Nguyễn Văn Tô? Thực là một sự lạ, mọi người đầ u muố ãng biế t. Bao nhiề u lời ức đoán đầ u "sã p mắ ãng" ở trong óc mọi người trong khi họ ba chân bớ ãng cắ ãng chạy đế ãng nhà Nguyễn Văn Tô.

– Có lẽ nào ông quản B. lại sang sinh sự với vợ chồ ãng nhà â y! – Hay là con mụ Bùi Thị K. khiề ãng chồ ãng chưa đủ chán lại hắ ãng máu gọi bạn chồ ãng là quản B. sang "giã" cho anh chồ ãng nhìn thấ y gương tà y liế p mà chừa những thói hư tật xấ u đi? – Hế t thắ ãng đầ u đoán lâ ãng cả. Chạy đế ãng, mọi người mới biế t rã ãng bao nhiề u đầ u óc họ chụ ãng nhau lại để đoán việc xảy ra đầ u sai bết: cái việc xảy ra đó ở ngoài hế t cả sức tưởng tượng của mọi người, cái việc đó có thể nói là một việc hã ãng hữu trên đời này nữa. Việc đó như sau này:

Hồ i mười giờ đêm hôm đó, ông quản B. muố ãng hút một điế u thuố c lầ ãng. Chợ thì xa mà cả nhà một cái diêm không có, ông quản

bèn nghĩ ra ngay vợ chồng ông hàng xóm. Bèn nâng tầm liếp lên, thò cổ sang và giờ một cái đóm ra: Ông ơi, cho xin cái lửa! Một ngọn đèn leo lét cháy ở trong gian nhà âm u tối. Một vệt sáng loé ra. Ông quán B. thét lên một tiếng rồi lặng đi một lát. Như thể một người nghĩ lại để "lấy gân", một phút đồng hồ sau, gân cốt mới lại cứng như cũ, ông hét lên một tiếng nữa rồi trở mặt ra nhìn thực kỹ xem mình có nhìn lầm hay chẳng. Thì không sai, trước mặt ông, như thể muốn thực hành câu thơ của Nguyễn Du: "*Làm cho trông thấy nhỡn tiền*". Câu thơ nối với câu: Làm cho đầy đoạ cá t đầu chẳng lên, một "người" đàn bà, vâng chính là một người đàn bà, – mà người đàn bà ấy là vợ Nguyễn Văn Tô, – đương hạ một con dao xuống cổ anh chồng đương ngon giấc!

Nghe thấy tiếng kêu của ông hàng xóm, mẹ Bùi Thị K. bủn rủn tay chân đánh rớt con dao xuống giường. Vừa lúc ấy mọi người đổ lại, người chồng suýt thì là một cái xác không đầu cũng thức giấc, người ta kêu to bắt ngọn đèn để cho gian nhà sáng sủa thì ô! lạ! một đồng tro to bằng một cái mẹt thấy lù lù ở giữa giường, ngay bên cạnh cái gổ tre của Nguyễn Văn Tô... nằm gổ đầu để ngủ. Tại sao lại có đồng tro ấy? Một loạt đầu hỏi lại cuộn nổi lên ở trong óc khắp mọi người; người ta không hiểu ra sao cả, định tìm mẹ Bùi Thị K. để hỏi thì mẹ đã "cao chạy xa bay" từ bao giờ rồi.

Tôi không nhớ rõ pháp luật về sau có vợ được mẹ đàn bà nanh ác có một kia không, nhưng cứ theo như sự hiểu biết của những người ở chung quanh đó thì cái đồng tro kia không có gì là bí mật cả. Bùi Thị K. muốn nhờ lưỡi dao để mời ông chồng "sà lù" của mẹ sang bên kia thế giới. Thế thôi. Nhưng, như trên kia đã nói, mẹ là một con hùm cái thành tinh, mẹ tinh ranh lắm. Sợ rằng cắt cổ chồng thì sẽ có máu vấy ra giường thành dấu vết thì sau này phải tội với pháp luật chẳng, mẹ khôn khéo – nhưng mà cũng thiên cận thay! – mẹ khôn khéo nghĩ ra một kế là để một đồng tro ngay dưới gáy

chờng, để lúc hạ thủ thì máu rõ xuông đờng tro không để lại vết tích cho việc tra xét sau này vậy!

Câu chuyện àm lên và lan rộng khắp Đông Dương. Làng râu quặp đờng nhau cũng như hiện giờ ở Âu châu có hai phái phản đờng nhau kịch liệt, một phía bên Anh, và một phía bên Đức vậy. Phái râu quặp thì rằng: Ghê! Đàn bà như thế thì là yêu là ma, chứ là người sao lại thế? Mình đâm bỏ vĩa từ khi đọc cái tin "thảm khố" kia. *Thầy người "bị thế", biết sau thế nào?* – Vợ là cái nợ, thực câu nói của người xưa không sai tí nào.

Nhưng đờng phương – làng ghen, cái làng của những bà sư tử Hà Đông thì lại cho thế này: Thế mới đáng đời những đờng dê! Ai bảo có vợ rồi lại còn thêm những chuyện trăng gió vặt vờ "*mặn tình cát lữ nhạt tình tao khang*"? – Những hạng đàn ông như thế ví có đem bằm vằm làm trăm nghìn mảnh, tôi cũng không thương xót.

Thế rồi thì có bà lại dữ hơn, trọn tròn hai cái mắt lại như hai hòn bi ve liếc... tình chờng một cái... xoàng, nhưng chứa rất nhiều ý nghĩa đại khái như thế này: Đấy, cậu trông đấy! Đã biết đàn bà đến lúc mà nổi cơn ghen lên thì có thể làm những việc thế nào không? Cậu liệu lý lầy, nếu không thì... "tăng xương" cái đầu!... Bảo cho mà biết trước!

Tôi lầy làm tức giận không hiểu hết cả đầu đuôi câu chuyện ấy ra thế nào. Thú thực, có nhiều lúc nghĩ lại câu chuyện cũ, tôi vẫn băn khoăn muốn biết cái nguyên nhân nó đã xui Bùi Thị K. định tâm làm một việc không gớm tay như thế. Ghen đến như Hoạn Thư, cứ kể đã là vào bực nhứt rồi. Vậy mà Hoạn Thư chỉ có thể hạ đến kẻ bắt Kiều làm hoa nô gảy đàn làm cho chàng Thúc chế từng khúc ruột. Bùi Thị K. nữ tâm định hạ thủ chờng chắc hẳn có một việc gì bất ngờ xảy đến làm sôi nổi lòng ghen của mẹ làm cho mẹ mất trí khôn đây. Tôi đoán thế và tôi muốn biết. Thì mãi đến

tận hôm nay một người bạn làm ở đồn mới cho tôi được thoải mái mong muốn từ lâu. Thực cũng là một sự tình cờ mà tôi biết được cái nguyên nhân chính của vụ "đổ giò nóng sau gáy và đặt dao lên cuống họng chôn" của mẹ Bùi Thị K.

Thì ra mẹ Bùi Thị K. hôm thi hành độc kế đó đã quá ghen tuông. Mẹ bị một "cú-đờ-săng" dữ dội quá, lòng ghen của mẹ vốn đã ghê bây giờ bị một "cú" rất đau, trong một lúc, rục lên và mẹ không cần gì đòi. "Ăn tiêu về nhiều, một hai cái chết không là má y". Mẹ định giết chôn và có lẽ định chết theo chôn nữa, chỉ bởi vì hôm ấy là cuối tháng, chôn mẹ lĩnh lương, đã có tội đi với "con đĩ" là đèo thêm một tội tà đình nữa là đem cả món tiền lương bảy đồng rưỡi bạc tiêu với con đĩ trong khi vợ hau háu chờ đợi ở nhà để trang trải công nợ và mua gạo ăn bữa chiều!

#### **IV. À, mà chạy có phải không? Tùm! ta tự tử cho mà biết!**

Cái ông này thì khác hẳn. Ở Sài Gòn, ai cũng biết rằng ông là một người có tiền nhiều. Sự thực, trước đây mười mười hai năm thì ông chỉ là một tay thư ký quen ở trong một tư sở nợ, ông giật gấu vá vai mới có thể "sống được một cách chật vật", rồi chẳng hiểu có bao giờ ông có ý tưởng tự tử chết rồi đòi hay không chứ cứ riêng người ngoài nhìn cảnh nhà ông thì thực là chán hơn cơm nếp nát, ông chẳng tự tử thì rồi ông cũng chết vì buồn, nếu một ngày trời kia ông không gặp bà vợ tương lai của ông ở góc phố *De la Somme*.

Bà vợ ấy, sự thực không có vốn, nhưng có tài buôn bán thạo. Vợ chôn lấy nhau chẳng mấy lúc phát to. Thế rồi lại gặp may cơ hội tốt này mai cơ hội tốt khác, chẳng mấy năm ông bà đã bóc lên giàu có, chễm chệ lên làm ông chủ bà chủ một nhà buôn lớn lấy chữ tín làm đầu và cho chữ đức làm quý nhất. Bởi vậy, ta có thể nói rằng ông chủ hiệu của ta bị vợ ghen không phải vì tiêu mất tiền

lượng tháng, lấ y bảy tám đờ ng rườ bạc để đi chơi với gái. Không, ông chủ hiệu nơi đây tiêu nhiê u và có lẽ nhiê u quá độ nữa với những ả làng chơi ấ y, – tôi cứ đoán phỏng thê cho nó vui câu chuyện, – mà chưa bao giờ bị cứa cổ hế t. Đó là bởi vì tại ông khôn, ông biế t chiê u ý bà vợ rấ t dữ dội của ông. Mà bảo sao ông không chiê u cho được? Bao nhiêu cơ nghiệp tự tay bà gây nên cả, ông không phải chiê u bà mà thôi nhưng lại còn sợ nữa, sợ vì bà là thố ng soái trong gia đình. Thố ng soái đây có nghĩa một người lớn nhấ t. Mà bà chủ hiệu của chúng ta lớn theo cả nghĩa đen, mà không những lớn mà thôi, bà lại còn béo, còn to, còn cao nữa, thê mới kính người chớ. Tuy thê ông chủ hiệu của ta cũng kính sợ từng lúc thôi: ông chỉ sợ khi nào bà có mặt, còn những khi bà không có mặt thì ông lại du lấ m, coi trời bằ ng vung vẩy. Nghĩa là ông dám coi cái nhà hát là cái nhà hát cô đầ u, ông rủ bè bạn đi nghe và gõ như những người tự do nhấ t trầ n đời. Vậ, đêm ấ y, không hiểu trong lúc bà đi đâu, ông chủ hiệu khả kính của chúng ta cùng vài người nữa hó i tài xế đánh một cái xe rấ t choáng đế n chơi xóm cô đầ u Phú Nhuận. À quên, tôi quên không nói với các ngài rằ ng ông chủ hiệu của chúng ta là người Bắ c vào làm ăn lâu năm ở Nam Kỳ. Cái hồ n Bắ c Kỳ lúc nào như cũng lưỡng vươ ng ở trong đầ u óc ông, ông nhớ hế t, nhấ t là cái giọng hát cô đầ u thì lại càng gọi nhiê u cảm tưởng nhớ nhưng buồ n bã cho ông lấ m, thực chắ ng khác ngày xưa quân lính của nước... nước gì tôi quên mấ t rô i... nghe thấ y tiế ng địch ở trên đỉnh núi của Trương Lương mà tự nhiên thấ y động lòng cô quố c tha hương vậ. Hay! hay! Chị Cúc ca nghe một bài *Tỳ bà hành* nghe chơi nào. Trời lúc ấ y đã khuya. Cuộc vui hồ tàn. *Xem trong đi hát có phầ n là lời.* Ông chủ hiệu buồ n kia vừa cười cười nói nói đòi nghe bài *Gửi thư* rô i sang bản *Tỳ bà*:

*Lác đác rừ ng phong hạt móc sa,*

*Ngàn lau hiu hắ t khí thu mờ.*

*Lưng trời nhận liệng dòng sông thẳm,*

*Mặt đất mây đùn cửa ải xa.*

Thì... thì... đương lúc cô đầu hát đương "lây gân môi" để ngân chữ *đùn, mây đùn* thì, dùng một cái, cửa nhà hát mở toang, ba bà liễu yếu giá đem cho vào cân thì đồ đồ cũng được ngọt bốn trăm già ba trăm cân, ở đâu đã vác cái mặt to hùm hạp đi vào, sáu cái tay khoanh ở trên sáu cái háng, đứng án ngữ ngay lây nhà hát, không để cho ai thoát được. Trời hỡi! cái gì mà lạ vậy! Cái giông đàn bà mà ta vẫn thấy tả ở trong truyện *Thủy Hử* mở quán ăn rồi bắt khách hàng mổ thịt để làm nhân "tài-páo", "tim-sấm-páo", có phải là ba người này đó không? Quan viên và cô đầu không ai bảo ai mà cùng một lúc thấy rợn cả tóc gáy lên. Thì ra ba bà kia, chưa thi hành một thứ gì cả đã làm chùn ngay gân đờ i phương rồi. Sao lại không gọi thêm rằng đó là một cuộc chiến tranh chớp nhoáng bởi vì sáu con mắt của ba bà cứ đảo lia đảo lịa lên và tiết ra một ánh sáng nhanh như chớp nhoáng những bữa mưa rào vậy? À, không xong mất rồi i... Cái tư tưởng đó vòng một tua cái óc của ông chủ hiệu, ông chủ hiệu của ta biết ngay rằng một cuộc đổ bộ ghê gớm đã xảy ra. Ba bà kia, bạn của vợ mình, chỉ mới là những quân cảm tử nhảy dù đến trước để dọn đường đất và để làm bốn phận do thám của đội quân thứ năm chứ đội quân chính thì chưa đến.

Ông chủ hiệu như Hạ Hâu Đôn ngày trước, đứng trước cảnh gay go áy vổ trán, vợ lây đôi giày tây dận vội vào kêu lên rằng: Chân cha, căng mẹ, ta chớ nên bỏ phí! Tức thì ông "xỏ chân lên mang tai" chạy mất, nhưng không được; ba bà béo, vững như một dải Vạn lý trường thành đời nào lại để cho ông ra được? Một bà, uôn cái lưỡi đỏ ở trong miệng nói rằng: – Hổng xong mà! Hổng xong mà! anh phải đợi cho chúng tôi *mãng* công chuyện từ từ chớ, chỉ sắp tới đó mà. – Ba bà kia thì ra chỉ là những bà đi đánh ghen hộ mà thôi. Ghen hộ mà



đã khiếp p thê', các bạn đã có thể dự đoán rằng chính người bị thương tổn danh dự thực, người bị lừa dối thực thì nô khí xung thiên đến n bực nào.

*Thôi đã cướp số'ng chôn'ng min đi rô'ì.*

Có vào lúc này, người ta mới thấy tất cả cái hay của Tiên Điền tiên sinh; người ta thấy người đàn bà ghen tuông không nói nhưng rít lên như một cái còi của trọng tài đá bóng. Bà chủ hiệu, hai cái răng nanh đi trước hai cái mắt đi trước, hai bàn tay đi trước còn có *điểm bộ* đi sau rôt, vừa vào trông thấy chôn'ng ở đây đã găm lên một tiếng như trời long đất chuyển. Mặt người nào cũng tái đi, cô đầu chết giun chết dế', không một người nào dám ho, người ta có cảm tưởng đứng trước một cảnh hoạt tượng trong các tân tuồng cải lương Nam Kỳ. Thế' nhưng dù sao cảnh hoạt tượng cũng phải kết liễu để diễn tân tuồng chính mà mọi người mong đợi. Bà chủ hiệu không giáo đầu hay nói lời. Bà làm ngay một bài "Khổng Minh toạ lầu".

*Bớ đưa thât phu, vào làm chi đây?*

*Bớ đưa thât phu, vào làm chi đây?*

*Trời hời trời, hồng xé hồng xong.*

*Trời hời trời, hồng giết hồng xong*

*Với lại cái đô' đã chó*

*Biết tay ta phen này...,*

thế rồi từ Không Minh chỉ chớp mắt bà đã sang bài "Tạ" và "Bác mang tân công" nghĩa là bà giờ tân ra tân hết, bạ ai cũng tân, mà những cái tân đều nặng như tạ cả.

Cái trận Đức đánh Hy Lạp vừa rồi chẳng biết dữ đến thế nào chứ cứ riêng ý tôi tưởng thì dữ như vụ bọn bà béo quay lại đánh ông chủ hiệu và cô đầu này là cùng vậy. Không thể nói vào đâu được!

Ai cũng tưởng rằng rồi đây cả bọn cô đầu và quan viên sẽ bị thua một mảnh giáp không còn, ở trong nhà hát sẽ không còn một người nào, cũng như ở trên lục địa sẽ không còn một tên đàn anh nào. Chẳng ngờ phía địch họ cũng ghê gớm lắm: cô đầu trèo trón được gần hết, chỉ duy có ông chủ hiệu là thúc thủ bí tắc mà thôi. Ông tính ngay đến chuyện "xuống tàu" như quân Anh để trón nhưng không được. Bọn mù đàn bà quay lại như một cái thiên la địa võng. Biết rằng ở cũng chết, nhưng cái chết chạy thì còn có vẻ hùng hơn, ông đành nghiêng môi nhắm mắt đánh lố i "cánh quạt... nan", liêu sớ liêu chết thúc vòng vây lấy một đường để trón: ông ấy ngã vợ ông ra mặt đất đánh "sầm" một cái như trời rung đất chuyển, thế rồi liêu sớ liêu chết chạy đi. Cái xe ô-tô của ông đã đợi sẵn đây rồi, ông hời tài xế nhanh tay mở máy "Chạy, chạy mau, mày... không có ông nội chết thì mày sẽ chết trước ông nội mày đã!" Và cái xe mở máy kêu xình xịch. Bọn bánh bứt đầu quay. Bà vợ vừa bị ngã đánh sầm trên mặt đất chẳng lẽ lại chịu thua đưa thớt phu, nhảy ba bước ra chỗ cái xe hơi mở máy giữ ngay lấy xe lại và, y như một nhân viên ban xiếc nào đó, bà nghiêng rặng nghiêng lợi lấy gân bám chặt lấy cái ô-tô khôn nạn nhất định không cho chạy. Trên xe, ông chồm ra hiệu bảo tài xế cứ cho xe chạy bừa đi. – Ôi trời! ôi cha ôi, ôi mẹ ôi, thằng Tín kia mày đành tâm hại ta cho ta chết đó sao. Nếu mà mày muốn thế, mày cứ cho xe hơi chạy ta sẽ chết phứt cho mày coi đã, xuống âm cung ta sẽ kiện mày cho mày chết mày khổ lắm đời, mày đi, nghe! – Ôi! nói

lê u mà! cái lô i đàn bà hư vãn thế , nó dọa ta thử xem ta có nhát gan đó mà thôi, ai còn lạ mà để ý cho mấ t thì giờ vô ích. Cũng như trăm nghìn những người trẻ tuổi chơi bời khác, ông chưa hiểu cho những lời của mụ vợ chỉ là lời đi dọa hã, cứ thúc tài xế vãn bừa đi. Một người đàn bà không giữ xe lại được, hai người đàn bà không giữ xe lại được; thế rõ i tất cả bốn người đê u không giữ xe lại được, đành bỏ đấ y cho: *Một xe trong cõi hồ ãng trầ n thẳng dong*. Tuy vậy, ông chủ hiệu của chúng ta cũng không hẳn là một người nhấ tâm. Xe chạy được một quãng rõ i, ông cũng đoái tình quay lại nhìn xem sự tình ra thế nào thì trời ơi, trong đám bụi hồ ãng, con sư tử cái của ông nhấ t định không chịu kém cứ ra sức đuôi cái xe tám ngựa.

Sư tử đuôi ngựa, hà, cái trò chơi ngoạn mục đã. Đáng chùng con sư tử á y là con sư tử ó m nên mỗi lúc sức nó yê u đầ n đi, nó không chạy được nữa, nó nhe nanh giờ vuố t gầ m lên vang cả phồ :

– À, mà nhấ t định chạy có phải không? Ta quyê t chề t cho rõ i đời, mi sẽ ân hận mãi, đồ bạc bẽo! – Đế n đầ y, bắ t đầ u đế n đoạn bi đấ nhấ t của tá n kịch ghen này. Cái mà người ta tưởng là lời đe dọa, bà sư tử cái của chúng ta đẽm thực hành ngay tại trời. Tồ m! một người gieo mình từ trên bờ nhảy xuố ng dòng sông. Cái xe ô tô quảnh lại. Ông chủ hiệu thuê người vớ t xác. Bà sư tử không chề t. Người chề t hôm đố, vâng, thua các ngài đoán đứ ng, không phải là bà, nhưng chính là ông chồ ãng khố n nạn của chúng ta, chề t điê u chề t đứ ng, chề t khồ chề t sờ, chề t đi số ng lại ở dưới móng con ác thú khi tức giận, khi đầ ghen tuồ ng đế n cực điẽm.

Thôi, cứ nhắ c đế n mà rùng mình, còn can đầ m đầ u mà ngồ i tả đượ c cái cảnh sát nhân vô đầ o kiế m đố.

**V. Người phu hồ ã trên cột đèn hay là: Ó i bác! Ó i bác!**

Trong bốn kỳ vừa qua, các bạn đã thấy lòng ghen tuông của đàn bà nó làm cho họ dữ dội như thế nào rồi. Nhưng các bạn tất chưa biết rằng cái lòng ghen tuông ghê gớm ấy lại làm cho họ trở nên những tài tử làm... xiếc rất cừ; thiết tưởng đàn ông ta, những người có võ tào võ tây lơ mơ cũng chưa chắc đã làm nổi, hay nói là chưa chắc dám làm nổi thì đúng hơn. Xem vậy, cái tính ghen tuông cũng lắm khi tốt lắm, nhất là trong nhiều vụ ghen tuông người ta lại còn thấy rằng người đàn bà không cần làm dáng, không cần dùng những cái phù phiếm là những cái mà đàn ông ta rất ghét. Chắc bọn đàn ông chúng ta sẽ đứng cả về phía tôi mà nhận rằng cái tính làm dáng của đàn bà làm cho ta tốn tiền mà khó chịu vô cùng vậy. Những nhà vẽ tranh ảnh và viết truyện hoạt kê trào phúng không biết đã viết bao nhiêu chuyện về vấn đề này: nhiều khi ta muốn rủ họ đi chơi mà đợi họ đánh xong cái mặt phấn, bôi môi, kẻ lông mày và soi gương, ta cũng mất bao nhiêu thời giờ rồi, người kiên nhẫn đến đâu cũng phải tức giận mà kêu trời la đất. Bây giờ, ta ví dụ giữa lúc họ đang trang điểm như thế, ta làm cái bộ mặt rất hoảng hốt vào "kháp cáo" rằng: "Thưa bà, chồng bà vừa chết trong một cái nạn ô tô!" Họ có lẽ cứ trang điểm cho xong đã rồi muốn ra thế nào thì ra. Chớ nếu ta vào, lác mắt, ta nói với một vẻ quan trọng: "Bà đừng sợ, bà ơi! Tôi vừa gặp ông nhà ta đi hát". Thì ta sẽ ngạc nhiên mà thấy rằng "bà ta" sẽ "mo phú" cả điểm trang, "xà-lù" hét son phấn cứ thế mà chạy như một người ma bắt để đi... bắt chồng.

Ấy, chính bà phán T... ở H.K. đã sống trong một cảnh y như thế. Những người đi đường thấy bà chạy ra đường, nhảy lên xe không mà cả đã tưởng rằng bà vừa nhận được tin cướp vào xẻo mũi con mình hay vừa biết rằng đức ông chồng lên bệnh động kinh ở sở. Người cùng phố lắng nghe tin tức. Hơn một tuần sau, một cảnh tượng như thế lại xảy ra nhưng cũng chẳng may hơn lần đầu, ông chồng bà lại đi hát xóm khác, bà đến Vạn Thái dò gần đến sáng

mà cũng không bắt được quả tang "anh già". Trái lại, bà lại gặp được bao nhiêu lời chế giễu, bao nhiêu tiếng cười khinh bạc của bọn cô đầ u là khác.

Gặm một mớ i cảm hờn, bà phán T. nhấ t quyế t phải bắt cho được chồ ng một đêm nào đó ở giữa làng sênh phách đàn ca. Bà bèn thuê nặc nô đi làm "đội quân thứ năm" và cũng đã chịu bỏ tiề n ra lấ m nhưng trong nửa tháng trời, vẫn không có "tin tức" gì lạ cả, bà phát ô m và đành phải nắ m nhà uớ ng thuố c bỏ của ông lang Bà u Hàng Guồ c. Thấ y vợ ô m phải nắ m như thế , ông phán T. của chúng ta đã mở cờ trong bụng, thôi thì đêm nay phải đi họp hội đồ ng lại đêm mai phải đi làm đêm "bởi vì độ này nhà nước bận việc luôn". Ông "hả" lấ m và ông làm ra dáng vộ i lấ m, cứ bảy tám giờ tồ i thì hót hơ hót hải thấ t cái ca-vát "hộp" đi ra chổ chờ xe điện, ở đó đã có "chư hiề n" ngồ i đợ i để cùng đưa nhau đế n sở Khâm Thiên hay Vạn Thái làm đêm thực, làm một chầ u "rấ t bó p"! Một chầ u yên ỏ n, ba bó n chầ u yên ỏ n. Ông phán T. của chúng ta đã tưởng rằ ng cứ yên ỏ n như thế mà đi làm đêm mãi, – hay ít ra cũng được như vậy cho đế n khi bà khỏi bệnh, – thì một đêm kia một câu chuyện như sét đánh xảy ra. Người quân tử của chúng ta, ông phán T., không phòng thân đã bị một sự lầ m lỗi lớn. Thì ra cái bệnh của bà phán chỉ là một thứ bệnh tưởng mà thôi, một kế để lừa chồ ng cũng như ngày xưa Khỏ ng Minh bỏ thành lừa Tư Mã Ý.

Tư Mã Ý thấ y có một tên quân quét rác ở trên mặt thành, sợ quá, quay ngựa chạy. Vợ ông phán T. thì để cho chồ ng mắ c mưu rồ i một đêm kia bà chạy theo sau ông dò và một khi đã biế t đích rằ ng chư hiề n họp nhau ở nhà chờ xe điện Bờ Hồ rồ i, các ngài có biế t bà làm gì không? Chắ c không ai tưởng tượng được.

Bà vào ngay ngõ Gia Ngư trút phắ ng bộ quầ n áo lụa ra bọc vào một bọc và đem gửi một nhà quen gầ n đầ y.

– Ô! bịa! thế thì bà phán của chúng ta lúc đó lấy cái gì để che...  
thân?

Cái đó ta cũng nên nói rõ kẻo không có nhiều ngài lại nghi, mà sự nghi ngờ, ai mà chẳng biết, nó làm hại đầu óc ta nhiều lúc lại dữ hơn sự thực. Vâng, quả thế, bà Phán có cái để che thân thực. Nhưng không phải bộ cánh tân thời như mọi ngày đâu; bà đã mặc sẵn ở trong người một bộ áo vải nâu bản, và thắt lưng tím; bà không phải là một bà phán nữa nhưng là một chị phu hồ, mà bà lại không quên làm cho có vẻ "đầu bù tóc rối" để cho giống cái vai tuồng mình muốn đóng.

Này, bây giờ tôi đố các ngài dám tiến lại trước mặt bà mà hỏi bà có phải là vợ ông phán T. không? Bà sẽ trợn mắt, vút ngài ra chỗ khác mà làm ra dáng chưa từng nghe thấy nói đến ông phán T. bao giờ. Bà cứ việc căm cúi đi theo bọn ông T. nhưng bà có ý đi xa và thỉnh thoảng lại lẩn vào trong đám tốp: họ đi xe thì bà đi xe, họ đi bộ thì bà đi bộ, cứ như thế cho đến đầu ngõ tư.

Một buổi tối kia bà đi theo dõi ông phán đến ngõ tư thì mất hút. Bà giận không biết để đâu cho hết, bà bèn hỏi thăm đủ hết cả các nhà cô đầu xem nhà nào có hát và bà có ý đi sang bên kia đường để nhìn lên trên gác.

Còn ai để ý đến một chị phu hồ nữa? Bà rất tự do làm cái sự mệnh của bà. Bà đi như thế đã bao nhiêu lần ở hai dãy Khâm Thiên? Có lẽ bà cũng không biết nữa. Nhưng hoàng thiên không bao giờ phụ kiên tâm nhân; sau rốt bà cũng tìm được nhà mà bà chắc như cua gạch là chỗ bà hát ở trên gác với những người bạn "giời đánh", những người bạn "rủ rê chỗ bà đi chơi bởi hát xướng để giết chỗ bà" vậy. Tức thì, thu can đảm vào hai tay nắm lại và hà hơi vào hai cái nắm tay ấy như những người có võ tàu sắp đi một bài quyển, ôi các bà liễu yếu đào tơ ôi! ôi đức mẹ của tôi ơi, bà đi

gã n lại cái cột đèn và dẻo như kẹo kéo... "kẹo kéo ê!" bà trèo thoăn thoắt lên cột đèn.

Bà điên? Bà ghen đến nỗi phát điên lên? Hay bà định tâm tự tử, trèo lên cột đèn để nắm lấy dây điện cho điện giật chết phứt đi cho rồi đời? Không, không, không. Bà phán T. đời nào lại chịu thế. Bà đánh một cái đòn ghen mới mới đây, bà tấn công theo một cái chiến thuật mới mà ta chỉ thấy ở trong cuộc Âu chiến mới. Bây giờ, tôi xin phép ví von một chút chơi. Cái nhà hát mà bà phán T. "xét rã ãng" chông bà hát ở đây, "thực có" như một cái hải đảo như Anh quốc vậy. Mà bà phán T. là một nước muôn cát quân xâm lấn.

Nếu đánh bằng tàu ngầm, tàu chiến hay là đóng bè vào xâm lấn một cách đường hoàng thì khó mà vào lọt được, bởi vì ở cửa, quân lính của hải đảo đã phòng thủ chắc chắn rồi. Chưa tới, họ đã bắn ra liên, chết người hại của vô ích mà công việc tấn công kết cục một cách đau đớn, hại đến thanh danh người đổ bộ là khác nữa.

Vì vậy, phải nghĩ một cách khác mà cách khác đó còn gì hay hơn là làm cái lối bắt thành linh nhảy dù xuống như cái lối một vạn hai nghìn quân Đức nhảy xuống đảo Crète vài hôm nay?

Cái việc leo cột đèn của bà phán T. chính là rập theo cái kiểu quân nhảy dù Đức vậy. Bà không tiến vào cửa chính nhưng theo "đường trời" mà đổ bộ xuống tự trên cao, bà leo cột đèn và, may cái nhà hát vừa nói trên kia lại ở sát ngay cột đèn ấy, bà bèn chuyẽn cột đèn và leo sang ban công nhà bên cạnh rồi từ ban công nhà bên cạnh, bà bèn xông sang ban công chính nhà chông bà hát. Bà nắm phủ phục xuống ở cửa gác trông ra đường chờ một cơ hội thuận tiện, "bắt được tay day được trán" thì xông vào và giết cho chết quân bạc tình kia đi. Chúng ta, chúng ta từ thuở trời cho lớn khôn lên đến nay, chúng ta thể nào chẳng ít ra cũng vào nhà hát cô đầu một lần rồi.

Duy có các bà thì chắc chưa được biết lắm vậy, thiết tưởng kẻ này cũng nên nói một câu về cách tổ chức và cách bày biện ở những nhà hát, – riêng về một số đông nhà hát ở Khâm Thiên, trên gác, ra thế nào.

Có thể nói rằng trong 100 nhà thì 90 nhà, gác giống nhau. Vừa ở thang lên, một cái tủ chè; sát tủ chè là một cái sập hay một bộ giường ghế ngựa. Trên ghế ngựa, một bộ bàn đèn để ta "hấp sổ điều"; đoạn, đến một cái bàn; bên cạnh cái bàn là một cái phản làm chỗ cho người cô đầu ngồi hát; thế rồi thì đến cái cửa trông ra ban công nhìn xuống đường.

Nói cho đúng mà không sợ ông Phán T. cải chính thì lạy trời lạy Phật ông phán đêm ấy quả có hát ở gác nhà ấy thực. Nhưng trong lúc bà phán bỏ xuống đất ban công ngồi rình ở sau cái màn thì ông phán của chúng ta lại không có mặt ở chỗ khay đèn mà cũng chẳng ở chỗ bàn uống nước.

– Hay là ông đương nghe hát? Không, ông đương ở cái phòng cạnh gian đó và đương nói chuyện với nhân tình "kết lắm". Ở gian ngoài, bà phán chỉ thấy có ba người: Ông B. vô tuyến điện, ông X. Pốt và ông K. Lôi, toàn những mặt quen thuộc vẫn nhập bọn với ông chủ bà ta. Bà phán T. nghĩ: "Ừa, bọn đầu trâu mặt ngựa đủ mặt ở đây rồi mà con có làm sao thà ng "khí gió" lại không thấy bóng vía nó ở đâu nhỉ. Thôi, có lẽ nó còn bận xuống dưới nhà hay là chạy nặng lên đâu đó chứ gì. Ta chịu khó chờ. Chờ thì cái gì mà chẳng đến?" – Bà phán phủ phục mọi, bây giờ ngồi xổm lên. Bà ghé bên này, bà ghé bên kia. Chiếu hát đương vui, mọi người rượu vào đầu thở ra khói thét ra lửa cả, hai nữa, cô đầu thì bị quan viên dãn vật kéo co, nào ai lại để ý rằng cách đó ba bước ở sau tấm màn nọ lại có một người ngồi xổm? Mười lăm phút qua đi. Không ai biết cả. Nhưng đến phút thứ mười sáu thì cái ngao thuộc phiến hết. Và tai họa đã xảy ra.



Ông B. vô tuyền điện hút đã say nả m lim dim con mắt đi mây về gió. Ông nhìn cái tiem, ông nhìn cái tau, ông nhìn cái gian phòng, nhìn hết rồi mắt ông nhìn cái màn đặng-ten đẹp quá! Bỗng nhiên, đôi con mắt ông vô n đã nhỏ, – gặp lúc say thuốc lại chỉ còn bé như hai sợi chỉ, – bỗng nhiên đôi con mắt ấy mở trùng trùng ra. Đồng thời, mồm ông há, chân tay ông co rúm lại. Rất khẽ, ông kéo một chân vào, rồi hai chân vào, ông ngò i dậy. Chân không, ông bước xuống sàn gạch và kêu "ái chà!" lên một tiếng khẽ. Mọi người: "Cái gì? Cái gì thế hở B.?" Thì ông B. không trả lời gì cả, cứ nhẹ chân bước trên sàn gạch như thể một tên ăn trộm đêm khuya đi rón rén vào nhà người lương thiện.

Trong khi ấy ở phía ngoài, bà phán T. bị con ghen làm vánh óc rúc đầu không nhìn thấy gì cả, ra công mà nghĩ cách túm cho được chông phen này, không để cho hấn thoát.

Một người hỏi B.: "Cái gì thú thế hở? Bảo cho nhau biết với!" Vẫn không nói gì, B. lấy tay xoa, sau mãi vì có người ra cản trở, B. phải nói nhưng nói rất khẽ để cho mọi người đừng ngăn. – "Im! Im! Không có thì hỏng! Ở đâu mà lại có cảnh hay thế nhỉ. Ối giời! trông cái đùi! Ối giời! trông hai cái bàn chân nọ! Thú chữa! Mày khe khẽ để tao... xoi! chắ c là con sen nhà bên cạnh! Trông còn "hay" hơn cô đầu". – Vừa nói vừa gạt tay bạn hữu ra, B. rón rén đi vào chỗ khuất, từ từ tiến lại phía cái màn, nhịn thở.

*(Kiểm duyệt bỏ 12 dòng)*

Đồng thời, cái màn đặng-ten hất lên trời, hai mặt đối nhau, người ngoài cuộc nghe thấy tiếng đàn ông kêu: "Ối bác!" – Bà phán

T. ngay lúc ấy cũng kêu: "Ối bác!" – Họ vừa nhận ra nhau: người đàn bà nhận ra là bạn chông bà, còn ông B. thì nhận ra rằng cái cô

áo vải là vợ bạn đương rình chôn. Chứ không phải con sen nhà bên cạnh mà cũng chẳng phải là một chị phu hồ nào hết.

## **VI. Sanh không thủng, cá đi đả ng nào? Hay là: Một trận thủy chiến góm ghê nhât trong lịch sử... ghen tuông thế giới**

Những truyện mât kỳ trên đã là thực một trăm phần trăm cả. Có lẽ vì thât thế chưa lât gì làm thú lât m, ông Nguyễn Huy Tân ở Đôn Thu (Hà Đông) lại vừa cho chúng tôi tài liệu một chuyện ghen mà ông quả quyết là thực một trăm mât phần trăm. Ấy là một chuyện xảy ra cách đây không lâu lât m, vì vậy ông hãy còn nhớ được nguyên vẹn suât từ đât u đên cuối.

Câu chuyện xảy ra ở đâu? – Ở Hà Đông. – Vâng ở Hà Đông đên tận bây giờ người ta vẫn còn bàn tán nhiê u về chuyện hai vợ chôn nhà ấy. Một số đông các bà lât y đó làm một câu chuyện làm quâ; bạ đâu cũng nói, bât cứ chỗ nào cũng nói; có nhiê u bà lại còn đât c chỉ là khác, thường kể "đông" lên để cho đàn ông nghe thât y mà "giới mình" cũng như những nhà đạo đức ngày xưa thường lât y chuyện thú vật làm ngụ ngôn để răn dạy một cách cao xa, bóng bẩy những người lât m lỗi. Thành thử vợ chôn nhà ấy bây giờ là một cái đích để cho người ta nhìn; ai có việc mỗi khi phải đi qua phố R.X.T. mà biêt câu chuyện này cũng phải đưa mât nhìn vào cái nhà gạch một tầng ở đât u phố, với một con mât tinh ranh, và một nụ cười trên môi.

Ông chôn, theo lời nhiê u người nói lại, thì thuở còn thanh niên cường tráng đã có hai ba đời vợ. Những bà vợ ấy hiện nay đên u chết cả. Bà vợ đương ở với ông bây giờ là bà thứ ba. Không biêt rõ ông tuổi gì, nhưng cái điê u mà ai ai cũng biêt cả là số ông sát vợ hay gọi là cao số thì cũng thế. Tưởng rằng cao số như vậy, ông Cửu Y – bởi vì ông chôn của chúng ta có cử phẩm – ông Cửu sẽ dạn dày với đàn bà cũng như những trẻ con cho ra ngoài trời mât thì chẳng

mây lúc sẽ dạn dày sương gió. Chẳng ngờ không. Ông Cửu Y cũng như tôi chẳng hạn, chẳng dạn dày hơn tên "lính mới tò te"; ông sợ bà lắm; ông đã nhiều phen định sửa bà một trận nhưng vì thầy bà từ 18 đến 40 không sinh nở lần nào, sức lực còn nguyên vẹn nên lại không dám, đành đánh bài đầu dụ. Thầy chòng ngoan ngoãn và biết điều như thế, bà Cửu ba cũng muốn tỏ lượng khoan hồng, bà cũng làm như Hoạn Thư ngày trước: *Bê` ngoài thon thót nói cười, Mà trong nham hiểm giết người không dao.* Thầy mình "mình cao số cả" không sinh nở gì cả, bà không đợi chòng lên tiếng, một hôm kia, mua ngay cho chòng một cô nàng hậu trẻ và đẹp, trông như củ lạc một mà hồng hào, mà tươi tỉnh, mà ăn nói có duyên dáng. Những ông bạn của ông Cửu Y cùng họ hàng quyên thuộc thầy "cái món dễ chịu" ấy đồng thời cùng thầy rỏ nước dãi ra: – Cái anh ấy thì ra tốt số! – Con bé càng trông càng có duyên. Mình mà được một "cái hai" như thế thì phải biết! – Chẳng bù với nhà tôi! Chưa nói đến chuyện vợ lẽ nó đã làm cho đủ tình đủ tội. – Đó, những người thực thà trông thầy gia đình Cửu Y như thế chưa chi đã nấc nỏm khen thắm và than thân trách phận. Họ có biết đâu rằng "cái tư" của ông Cửu Y chỉ là một miếng mỡ treo cao; ông Cửu Y, nếu có thể ví là mèo được, thì con mèo ấy chỉ được phép nhìn mà rỏ dãi chứ không được mó tới hay đặt mõm vào để xoi. Nhưng dù sao, mỡ để miệng mèo, thể nào mèo cũng phải tìm cách ăn cho kỳ được, – không ăn được chính thức thì cũng ăn vụng trộm, – và những cuộc ăn vụng ấy đã có kết quả là: "cái tư" của ông Cửu đã có trong ba năm trời hai đứa con trai.

Bà Cửu ba tha hồ mà đi lễ, tha hồ mà giặt rửa "ông cặm cò đỏ, ông cặm cò xanh, hỏi cho tới ngõ, hỏi rõ tới tên "cái tư" mà bắt cả con cả mẹ nó đi". Nhưng kết cục, mẹ con nó vẫn không việc gì, trái lại, mỗi ngày thêm đẹp và thêm béo tốt.

Sợ rằng để nó ở mãi cùng nhà thì nó tranh mất cả cái béo tốt, đẹp đẽ của mình đi và sợ cái tư nó tranh mất cả nhiều cái khác không tiện nói, bà Cửu bèn không cho nó ở chung nhà nữa, nhất quyết bắt nó phải sang ở một cái nhà khác gần đây, mà cố nhiên là tôi tôi, đêm đêm không cho nó được sang nhà chính, nhất là ông Cửu thì lại càng không được phép sang nhà nó. *Làm cho nhìn chẳng được nhau, Làm cho đau đớn, cát đá u chẳng lên.* – Bà lại thực hành ngay câu Kiều, lo rằng làm thế vẫn chưa được chắc chắn, bà lại còn tìm hết các cách để "phòng thủ thụ động" nữa. Không, bà không thuê người đào hầm hố để đêm đêm nhét ông Cửu xuống đó đâu, bà cũng chẳng đặt súng cao xạ để bắn "thằng ngô con đĩ". Đố các ngài biết bà tổ chức cuộc phòng thủ thụ động cách nào? Không, các ngài không đoán được: phòng thủ thụ động là bà phòng thủ cái phòng ngủ của bà; bà nghĩ các cách để đêm đêm ông Cửu có động tĩnh gì thì biết ngay, bởi vì bà chỉ sợ đêm ngủ quên mất, ông động cựa, liền dậy đi sang nhà cái tư thì... khôn.

Này, bà làm thế này thì có khiếp không? Ở chân giường ngủ của ông bà, cứ tôi đến thì bà lấy vôi bột rắc ở trên mặt đất. Ở tỉnh nhỏ nhiều nhà trong thành phố không lát gạch, đất nện, rắc vôi bột như vậy mà ai giẫm lên thì tất nhiên vết chân phải in ngay xuống đất, rõ mồn một, có tài thánh cũng không thể nào "cải chính" vào đâu được. Bà lấy thế làm mừng lắm, và ăn ngon ngủ yên được một dạo, chẳng ngờ một đêm kia... Một đêm kia, bà Cửu đương ngon giấc điệp một cách nên thơ nghĩa là đương ngáy om lên như sấm thì có tiếng động ở dưới nhà. Trộm chẳng? Cướp chẳng? Hay là thằng già đã trốn đi sang nhà con đĩ mất rồi, trời ôi! Lạnh toát cả người đi, bà Cửu vùng ngay dậy và công việc trước tiên của bà là sờ xem có còn chông ở bên cạnh hay không. May quá, hãy còn. Nhưng lạ, sao ông Cửu lại cứng như một cái cây ma vậy? Chao ôi, khổ chưa! hay là trong khi ngủ, một ngọn gió độc đã làm ông chết toi rồi? Hay là ông tức bực vì vợ giữ gìn thái quá nên đã uống thuốc

độc mà tự tử? Bà Cửu hoảng hốt như một người mất của báu (mà mất của báu đứt đi rồi, còn phải ví von gì nữa?) ngơ i phất dậy và khêu to ngọn đèn dầu lên xem sự thể ra sao thì, ôi ba mươi sáu cái nồn nường và ôi bí mật! ôi bí mật! Ở cạnh bà lúc ấy bà không thấy cái gì là ông Cửu, bà chỉ thấy một ôm chiếu cuộn lại đặt lên trên một cái gó i như người thực nằ m đắ p chắ n ngủ vậy. Thôi rồi! Thôi rồi! Mắ c mưu lão già nọ mất rồi, bà Cửu ghê gớm của tôi ôi! Lưu Kim Đính ngày xưa đã kắ t người rơm lại đặt ở rường thờ, giả làm người thực, niệm phép và bắ n tên vào người rơm đó kỳ con người thực bao giờ chắ t mới thôi. Ông Cửu chúng ta học được lối bày binh bố trá n hay ho ấy cũng đã cuộn chiếu lại thay thế mình ngủ với bà. Còn chính ông Cửu thực, ông Cửu bằ ng xương bằ ng thịt thì lăn trồ n, mà còn lăn trồ n đâu nữa, nế u không lăn trồ n sang nhà "cái tư"?

Bà Cửu thấy hế t cái tình cảnh nguy ngập và đau đớn của mình lúc đó, cá t tiế ng, – không, các ngài đoán là bà cá t tiế ng chửi rủa chứ gì? – không, bà cá t tiế ng khóc à m ì, khóc nức nở, nước mắ t bà chảy ra như ba cái máy nước chảy một lúc, không có cái "phanh" nào hắ m kịp. Khóc như thế luôn trong nửa tiế ng đờ ng hồ , bà Cửu xét rằ ng cũng tạm tạm "đu dù ng" rồi, bà liề n lôi cổ tá t cả người nhà dậy, chắ m đèn soi khắ p nhà, từ gầ m giường cho lên đế n hương án, từ nhà bò cho lên đế n thượng lương, từ chuồ ng vịt cho lên đế n nhà chứa thóc. Tuyệt nhiên vẫn không thấy bóng Cửu ông đâu. Bảo là ông trồ n sang nhà cái tư thì sao cửa ngõ vẫn đóng nguyên vẹn mà lại khoá cẩn thận nữa và những chìa khoá ấy vẫn lũng lảng ở dây lưng bà? "Sanh không thủng, cá đi đắ ng nào?" Lạ thực! Lạ thực! Bà Cửu, nói thế này thì hơi "lố " một chút thực có như cô Kiề u lúc bán mình:

*Cạn lời, phách tán hồ n bay,*

*Một hơi lặ ng ngắ t đôi tay giá đờ ng.*

*Hỏi: "Sao ra sự lạ lùng?"*

*"Bà" càng nức nở nói không ra lời.*

Một người nào vô tình bước vào nhà lúc ấy thầy bà trợn mắt sùi bọt mép, giá cả người đi như thế, chắc sẽ cho rằng bà lên chứng động kinh hay là ít ra cũng tưởng bà hoá dại. Nào có ai biết đâu rằng bao nhiêu sức khoẻ, máu nóng và chí quả quyết tiềm tàng trong người bà lúc ấy đương tụ lại cả ở hai tay, nếu lúc ấy ông Cửu dẫn về thì chắc chắn hai cái tay ấy sẽ bóp cổ ông Cửu lè lưỡi kỳ cho đến chết. Bà hú ba hô'n bầy vía ông ở đâu thì nóng lòng sốt ruột mà về, bà càu trồi khấn phật "kéo căng lồi chân" ông lại, thì này ô! lạ! lời khấn khứa ấy, chỉ nửa giờ sau, có công hiệu tức thì: bà vừa vụn nhỏ ngọn đèn xuống thì có tiếng chạm ở bên ngoài. Bà "phóng" hai con mắt "hỏ cái" ra nhìn thì ở bên ngoài cửa sổ, một cái bóng đen hiện ra như một con ác mộng. Bà nhin thờng òi định thần nhìn mãi thì đích quả không còn sai nữa: cái tên trèo tường khốn nạn đó là chò'ng bà vậy.

Bao nhiêu sự tức bực chấ't chứa ở trong mê' gan lòng phổi bà, bao nhiêu sự oán hờn, bao nhiêu sự khổ sở "bị hãm" bị "bí tấ'c" lúc này tự nhiên được "phì ra" một cách "can đảm", "tự do" và "hỗn xược". Bà hét lên một tiếng: Thắ'ng đầ'u! Và cái tiếng "thắ'ng đầ'u" ấy làm rung cả nhà cả cửa lên. Cô' nhiên là ông Cửu – vì người trèo cửa sổ chính là ông Cửu thực, – run lên bầ'n bật. Ông run rẩy và ông buột tay ra, ông ngã ngửa ra không khí và đứng như trẻ con trồ'ng cây chuồ'i ngược, cái đầ'u đi trước, hai chân đi sau, ông rơi đánh bõm vào trong một cái bể nước lớn ở ngay bên cửa sổ.

– Ai? ai? ai ngã đầ'y? – Cả nhà nhao nhao lên hỏi! Đế'n đây, tôi xin ngút lại một lát mà báo cho các bạn một tin buồ'n: câu chuyện này xảy ra không phải mới đây đâu, nhưng đã khá lâu vậy. Thề' nghĩa là không phải về' mùa nức nhưng lại về' mùa rét. Mà cái đêm hôm

Ấy hình như lại là đêm đông chí nữa mới chết con nhà người ta chó! Giá ở vào mùa hè này thì cái việc ngã vào trong bể nước cũng chẳng làm sao, ta có thể cho nói là một cuộc tắm bể xa xỉ vậy, nhưng chết một nỗi đêm ấy lại rét quá, rét ngọt, thành ông Cửu đã giá lại giá thêm lên nhiều nữa. Ông tưởng có thể chết ngay đi được. Trong khi ấy, bà Cửu chắc chắn tin vào cái thế của mình rồi, bà lẳng lặng hãy mở một cuộc điều tra xem ông Cửu thoát đi bằng cách nào đã. Bà lại phía cửa sổ soi đèn nhìn cẩn thận chỗ chôn song ấy. Chôn song thoát trông đều nguyên vẹn cả, nhưng đến khi rờ tay vào, bà mới biết rằng một cái đã bị đưa và được chắp lại một cách khôn khéo lắm, ai không tinh mắt không tài nào biết được. Ông Cửu lúc nào muốn đi chỉ việc lò dò lại chỗ cái chôn song ấy khẽ nhấc lên một chút, chỗ cửa đó rời ra và không muốn để cho ai trông thấy lại lấp lại, thế là xong chuyện. Bà Cửu lẩm bẫm: "À ra thế! À ra thế!" – Và nghiên răng, quắc mắt lên, bà nhảy ba bước lại gần cái bể chỉ tay xuống nước, như nguyên rửa vua Long vương vậy. Bà nguyên rửa không tiếc lời trong khi ông Cửu cứ bì bà bì bõm, thỉnh thoảng ngoi được lên mặt nước ông lại kêu lên mấy tiếng thê thảm như con lợn ở trong lò sát sinh.

Bà Cửu không cảm động. Bà vẫn không thôi nguyên rửa ông. Thế rồi bỗng nhiên ngoắt hẳn người đi một cái, bà Cửu chạy vào nhà, bà vác một cánh cửa rất to ra, để... Để làm gì? Bí mật!

Lúc ấy trời hưng hửng sáng. Gia nhân hàng xóm kéo nhau ngó vào trong bể nước để xem. Người này can, người kia dỡ, ai ai cũng đoán chắc bà Cửu của chúng ta sau trận máu hoàng bào mang cánh cửa ra để cho ông chôn búi đó mà lên. – Thôi chừa nhé! Từ giờ trở đi đừng có làm bà giận! – Một người lại khuyên thêm: – Bị trận này như thế, tôi nay, ông phải đánh quả trứng thu vía lại và cốt tẩm bỏ vào cho lại người!

Người ta chờ... chờ một cử chỉ rât "nhân đạo" của bà thì, ôi, chung hửng! Người nào người nấy đều tên bởi vì đã đoán lầm hết thầy. Bà Cửu lấ y cánh cửa không phải để cho ông vúi lấ y mà lên đầu, nhưng để... nhưng để bắ c ngang từ thành bể này sang thành bể kia để ngò i nhìn ông bì bõm dưới nước, một đêm trời lạnh như cắ t da cắ t thịt. Và bà Cửu không quên lấ y một cái đòn gánh khuấ y nước â m cả lên.

Các ngài đã bao giờ thấ y một con chuột rơi xuố ng nước chưa? Ông Cửu của chúng ta y như thế . Áo bông, quầ n trắ ng, giày Gia Định mà bì bõm ở dưới nước đã trào lộng lắ m rô i, thế mà ông lại còn có râu nữa, mà lại râu quặ p nữa, thêm vào một cái miệng răng đen không ngót lời lặ y lặ c, tiế ng kêu than: một cảnh tượng như thế thực là thế giới hy hữu, một tâ n bi hài kịch có tinh thầ n nhấ t thế giới chưa có ai nghĩ nỏi.

Tài một cái là bà Cửu không cười: cứ mỗi khi ông Cửu nhô lên khỏi mặt nước thì bà lại lấ y đòn gánh dìm ông xuố ng. Trận "thuyế chiế n" â y biế t lấ y gì mà so sánh được? Có thể ví với cuộc đánh nhau dữ dội của chiế c thiế t giáp hạm Bismark của Đứ c và chiế c chiế n đầ u hạm Hood của Anh không? Cái đó không biế t thế nào, chỉ biế t rằ ng cái lô i đánh của bà Cửu ta lạ lắ m: Bà lấ y đòn gánh dìm đầ u chồ ng xuố ng nước chưa đủ, thỉnh thoảng lại tìm xương sườn mà nện vào – chắ c cái lô i phóng ngư lôi ở ngoài biển cũng thầ n tình và... và ngoạn mục đế n thế là cùng vậy.

Trời sáng hắ n. Nghe thấ y câu chuyện lý thú có một không hai đó, cả phồ kéo lại xem: ai cũng được một bữa cười nôn ruột, nhưng sợ cái trò cười â y kéo dài ra mãi khéo đế n án mạng, người ta phải hòa nhau giữ tay bà Cửu lại và "bế " bà đi chỗ khác mới cứu được con chuột lên, bởi vì ông Cửu lúc â y ướt lướt thướt như con chuột lột.



Ông bạn Nguyễn Huy Tân kể cho tôi nghe câu chuyện này kể t luận rằng: Từ đó, ông Cửu sinh "sài". Cái trận đòn ghen ấy kể t liễu bả ng hai tháng nă m nhà thương. Ông ó m tưởng ché t. Mới đây, ông đã cạo trọc đầ u đi rồ i nhưng chẳng biế t trời có cho ông... qua câ u thoát nạn không?

## VII. Cái thùng sắ t tây treo ở cửa

Ngày xưa, người ta kể chuyện rằng có đôi vợ chồ ng nhà kia suố t ngày cãi cọ nhau. Hỏi tại làm sao thì té ra vợ chồ ng nhà ấy ghen nhau: Vợ cả không con, chồ ng phải lâ y vợ lẽ, để may ra có làm cách thê nào cho người vợ lẽ đẻ một hai đứa con trai xì xắ ng gì chẳng. Ác thay, bà vợ cả của chúng ta lại là một người đàn bà! Bà ghen với người vợ lẽ và nhắ t định không để cho vợ lẽ có một cơ hội tồ t nào được ngồ i cạnh – đừng nói nắ m cạnh vôi! – ông chồ ng bà. Tô i tô i, bà buộc thùng vào chân chồ ng. Không ngờ chồ ng bà cởi giầy thùng "mò" đi được. Bà tức khí bèn nghĩ một cách "phòng thủ" tài hơn là bắ c ngay một cái chõng ở trước cửa buồ ng vợ lẽ nắ m án ngữ! "Thê này thì quyế t hẳn là chắ c chắ n!" Bà cả của chúng ta nghĩ vậy. Không ngờ, có một lâ n, ông chồ ng cũng vắn tá n công đở bộ được vào buồ ng vợ lẽ như thường; bà cả để ý dò thì té ra ông chồ ng bà đã đánh một lô i chiế n thuật rắ t mới trong việc này, ít ai có thể nghĩ tới được.

Nhảy dù vào trong buồ ng? Không. Hay là đào tường khoét vách như những quân "thành tích bắ t hảo" vẫn thường làm trong tháng củ mật chẳng? Không nố t.

Ồi! Các ông nhà báo viế t về việc chiế n tranh thê giới ơi! Các ông hay làm to chuyện lắ m, các ông vừa thắ y người ta phát minh ra cái "con sâu đắ t", cái thứ tàu độn thổ tiế ng Đức gọi là cái *Uôm* hay cái *Uồ m* gì đó thì là vôi vàng sắ p sửa viế t bài "bộ p" â m lên, chứ có biế t đâu rằng người mình đã biế t làm giun đắ t từ bao nhiêu

lâu nay rồi. Ông chồng của chúng ta vừa nói trên kia chính là một người có một khối óc sáng chế tân kỳ đó. Trong cuộc tấn công vào buồng vợ lẽ, ông đã thực hành ngay cái lối con giun đất *uôm* hay *uòm* (Wurm) gì đó: ông không đi, ông không đứng, ông nằ m sát xuống mặt đất bò, bò ở dưới cái chõng của bà cả vào buồng vợ lẽ; nếu có nhà chiến tranh ký giả nào đứng đó lúc bây giờ tất phải nghĩ ngay đến chuyện *độn thổ*, một lối đánh trái hẳn với lối *đả ng* vẫn tức là lối nhảy dù mà người ta hiện đang xoi nhiều trong cuộc Âu chiến vậy.

Bà vợ cả tức thì nhảy ra tóm lấy ông chồng: "Đi đâu? Đi đâu thế tên kia?" Ông chồng bí quá bèn trả lời ngay: "À, đi bắt con mèo nó nhảy đổ vỡ cả bát đĩa ở trong buồng đây mà!" – "Thế mèo đâu? Thế mèo đâu?"

Buồng thì đóng kín, mèo không thể chuồn ra đằng nào được, ông chồng không thể nào nói thác rằng con mèo chạy mất rồi. Ông chỉ còn cách trả lời liêu: "À, mèo à? Tôi bắt được nó và tức mình tôi đã... ăn sô ng rồi!"

Thực tình lâu n đã u tiên tôi nghe thấy câu chuyện "bả c chõng canh buồng vợ lẽ" của nhà này, thì mười phần tôi không tin được phần nào. Mãi về sau này khi đã khôn lớn và đã bạo dạn ra rồi...

### *Trải qua một cuộc bể dâu*

#### *Những điếu trông thấy mà đau đớn lòng*

tôi mới biết rằng câu chuyện nói trên kia rất có thể là chuyện thực mà thực cho "thiên thu", thực cho cả đời cũ và đời mới chứ không riêng một thời nào cả.

Một người bạn ở trong Thanh thấy tôi viết đến đoạn phòng thủ chồng không cho vào với vợ lẽ này kể cho tôi nghe một chuyện cũng

đáng cho làng râu quặp chúng ta để ý; trước là để cho nhau biết mà phòng ngừa mà sau là để những bực *cao minh*, vì danh dự giống đàn ông... sợ vợ nghĩ mau cho một cách phòng ngừa mới mẻ cái nạn tân kỳ này vậy.

Cái ông râu quặp ở trong Thanh này cũng ở vào trường hợp với ông-con-sâu-đắt nói trên kia. Ông có vợ lẽ, mà ông cố nhiên là muốn vào buồng vợ lẽ như tất cả những người có vợ lẽ ở trên đời! Một hôm ông "lạ" vào. Nhà hôm ấy, ông nhịn thở, ông mò, ông định ninh sắp thôn tính được đất đai của địch quân thì choang! Một tiếng kêu rùng mình sồn óc bỗng vang lên rõ ràng. Ông không còn hồn vía nào nữa, tưởng rằng có con bệnh nào bị ông làm chết oan – tôi quên chưa nói là ông này làm thuốc – tưởng rằng có con bệnh nào bị ông làm chết oan bây giờ hiện hồn lên ném dao cău thuyên tán vào đầu ông trả thù. Nhưng không phải. Ngay lúc ấy thì vợ cả ông nghe thấy tiếng động nhảy ba bước tới ngay buồng: thì ra đó là một cách phòng thủ mới của bà cả phòng ngừa chồng vào với vợ lẽ; bà treo ở ngay chính giữa cửa phòng vợ lẽ – mà cố nhiên là không cho chồng biết – một cái thùng sắt tây. Ông chồng của chúng ta vô ý không biết lúc này chính đã mắc mưu bà vậy: cái thùng sắt tây ấy choang ngay vào chính giữa trán ông, làm cho vang ầm cả nhà lên. Vang như thế, tất nhiên là bà biết; *Phụ tình án đã rõ ràng*. Ông chồng có mồm mép giỏi như Trương Nghi, Tô Tần đời xưa hay Von Papen bây giờ cũng khó mà chớ cãi vào đâu được!

Viết đến đây tôi lại nhớ đến một ông trọc phú ở Hà thành bị bắt thuốc phiện lậu ra khóc ở toà rằng "Lạy quan lớn con oan". Toà phạt, nhưng ông ta muốn tỏ cho toà biết anh ta oan thực, ngay chiều hôm ấy, bèn về hôm thọ lạy thếp mạng cău bịt kín cả nhà lại. – Bịt lại thế để làm gì? – Ở đầu dây thếp mạng cău, ông ta buộc chuông vào, và đặc ý nói với mọi người rằng làm như thế thì

không ai đi ngoài đường ném thuốc phiện lậu vào nhà ông ta được. Bởi vì nói đại đồ xuống sông xuống ao, có đũa nào nghịch tinh (hay là nghịch đại?) ném một "đồng" thuốc phiện lậu vào nhà thì đã có dây thép mạng cáu hứng lấy và đồng thời bao nhiêu chuông sẽ rung chuyển cả lên một lượt báo cho những người ở trong nhà được biết!

Cái thùng sắt tây treo ở cửa buồng vợ lẽ ông lang bằm ở tỉnh Thanh chính là cốp đúng cái kiểu của ông "mang tiếng" buôn thuốc phiện lậu nói trên kia vậy. Sự thực cái lối phòng thủ ấy không có gì là nguy hiểm trực tiếp đến tính mệnh các ông chông râu quặp thích tòm tem, nhưng người biết nhìn xa xét rộng không khỏi lấy làm lo, nếu cái phong trào *thùng sắt tây, thép mạng cáu* này mà cứ lan rộng ra mãi thì âu cũng là một mối lo nghĩ cho làng sợ vợ chúng ta. Mà không những thế mà thôi lại "thiệt thòi" cho tất cả những bậc vợ lẽ nữa, bởi vì nếu những bà vợ cả mà làm đến thế thì những bậc vợ lẽ còn mong "xơ múi" gì!

Nhắc đến cái hạng người đáng thương này, tôi lại nhớ đến chuyện một người bạn tôi người còm nhòm bảng cái chết tay mà có tới nhị phòng có lẽ! Bà cả ác có tiếng. Lòng ghen tuông của bà đã thành thiên giai thoại, có người đã đặt thành vè dạy cho trẻ con hát cũng như ở thời Đông Chu liệt quốc trẻ con hát về cây gỗ dâu ở chương đầu truyện.

Vậy thì bà vợ cả của tôi lấy vợ lẽ cho chông, nhưng đêm bắt người vợ lẽ ấy ngủ chung với... bà! Mà ngày thì bắt cứ đi chỗ nào bà cũng bắt cô vợ lẽ của chông đi theo, nói thác rằng bởi vì bà quý "cô hai" lắm, một bước cũng chẳng muốn rời. Nhưng cái nguyên nhân chính thì do tại làm sao, các bạn tất cũng đã biết cả, lựa là để tôi phải nói. Trò đời vẫn thế, những các ông sợ vợ bao giờ ra ngoài cũng hay nói khoác để "trung sướng" với bè bạn, bà con. Chuyện tiếu lâm của ta đã thuật nhiều chuyện rất tài tình về cái tính khoác lác của

những ông sợ vợ như kiểu này, mà thí dụ "cừ" nhất là chuyện *Phải tay ông thì!*...

Có một anh sợ vợ, trời mưa không kịp cất quần của vợ phơi ở ngoài sân. Vợ về mắ ng cho một trận và đánh không tiể c tay, anh ta sang than thở với bạn bên hàng xóm. Ông hàng xóm vuổ t bộ râu quặ khinh bỉ bạn: "Chao ôi! sao mà bác xoàng thế. Để như thế, đàn bà nó khinh mình! Chẳng phải tay tôi chứ... nếu phải tay tôi thì..." Ông đương tìm một ý nghĩ hăng để nói thì bắ t thầ n vợ ông ở đầu tiể n lại gầ n mà rít lên. – Phải tay tôi thì tôi làm gì? – ... Thì tôi cất quần của vợ trước khi trời mưa chứ còn làm sao nữa?

Lại một chuyện khác. Một ông sợ vợ than phiề n với bạn rằ ng vợ mình hay ghen. "Tôi khổ lắ m, bác ạ. Hễ tôi động đi đâu thì mặt nó sạ sầ m, và to bành bạnh ra như hồ phù. Trông mặt nó những lúc ấy thực là giồ ng mặt... mặt... mặt..." – Bà vợ lúc ấy vừa đi chợ về, quắ ng rồ xuổ ng đắ t hỏi luôn: "... mặt... giồ ng mặt gì?" – "Giồ ng mặt... trời chứ còn mặt gì nữa, khéo hỏi lời thôi lắ m!"

Cái ông "hai vợ có lẽ" tôi nói ở trên kia có lẽ không đủ tài tình để nghĩ một câu nói có duyên nịnh vợ như kiểu hai ông trong truyện tiể u lâm nhưng không kém hai ông ấy về môn khoác lác.

Ông sợ vợ có thể liệt vào hạng nhất. Nhưng sang chơi bạn ở láng giề ng, ông cứ nhất định rằ ng ông không sợ; trái lại, ông lại còn cười những ông râu quặ, những ông bị vợ đánh là khác nữa.

Xảy một hôm, hai vợ chồ ng ông láng giề ng sang chơi thì, tai hại thay, lại vừa vào lúc ông nói khoác của chúng ta bị vợ sửa cho một trận và buộc vào cái chân chồ ng như một tên tù binh vậy.

Trót đã nói khoác lác nhiề u rồ i mà bây giờ bị vợ đánh đã xắ u, mà bị vợ trói nữa lại càng xắ u quá, ông nói khoác thắ y lòng công phần nổi lên, ông muổ n, dù chề t thì chề t cũng phải kiể m cách

bảo toàn danh dự! Ông bèn đứng thẳng lên, bê cả cái chõng ở trên lưng, đi thẳng nói to tướng để cho vợ chõng ông lắng giêng nghe tiếng: "À! vợ với con thế này thì khổ ông thực. Mà đã lắm lời lắm điếu thế thì ông để mặc cho mà chết, ông giao cả cửa nhà cho đầy, làm lây mà ăn, còn ông, ông chỉ mang cái chõng để ông nặm thôi, ông không cần!"

Tôi không biết kể t cục câu chuyện ra sao, nhưng cứ như những lời người hàng phố kể lại thì ông cứ bê cái chõng ở trên lưng mãi sau mới gặp một người bạn "tháo chõng sổ lông" cho. Ông bỏ nhà đi ba bốn hôm liền. Hôm thứ tư, người ta thấy ông đứng với một cô tân thời ở trên chuyến xe điện Bờ Hồ – Cầu Giấy.

Một anh một ả, đương hi há tươi cười như trông thấy trước những cuộc vui sắp đến thì xe đỗ từ từ ở *qua-dor-mãng*. Bỗng tự nhiên người ta thấy mọi người ở trên tàu rít lên những tiếng ai oán. Mọi người định thẩn nhìn kỹ lại thì ở chỗ hai toa nối nhau bà vợ cả to béo như cái bồ sát cặp vừa nhảy dài một cái từ bên này sang bên kia. Thì ra bà cả thấy chõng "liều" mình, sợ ông đi trộm hà hoặc uống thuốc độc gì chẳng bèn đổ đi tìm.

*Bao nhiêu của, mấy ngày đang*

*Còn tôi, tôi quyết gặp chàng mới thôi!*

Và hôm ấy bà gặp "chàng" thực. Bà mất trí nhảy qua xe điện định bắt đôi gian phu dâm phụ, nhưng tiếng thay, bà lại nặng cân, thành thử vừa sang được bên kia xe điện thì bà ngã đánh phịch một cái xuống đất như... một cái xe rác đổ! Bọt trong miệng phun phì phì ra, bà trợn mắt, cứng lưỡi, không kêu được một lời nào cả. Ai cũng tưởng bà "phải gió" ngộ cảm, lây dầu xoa cho bà. Trong khi ấy thì đức ông chõng run bần bật cái lạ, nhảy xuống, vục bà lên, giục tóc mai, gọi tên húy, và giữa sự ngạc nhiên vô cùng bí mật, mọi

người nghe thấy ông ríu rĩ lại nói thầ m vào tai bà rằ ng: "Lạy mợ... lạy mợ... mợ tha cho... "con" lầ n này!"

## VIII.

Ông bạn Nguyễn Tăng Phú ở Hà Đông kể cũng lồi thối lắ m chuyện. Nghe thầ y câu chuyện bà Cửu ba ghen chồ ng, bắ c cánh cửa lên ngò i trên bể để câ m gây khoắ ng xuồ ng nước "khìa" cho chồ ng một trận, ông Phú đi xe điện từ Hà Đông ra tìm cho được chúng tôi. Đố biế t để làm gì? Ông Phú ôm lắ y bụng cười sắ ng sặc. Và ông nói rằ ng chính ông cũng được mục kích từ đầ u đế n cuố i câu chuyện ấy.

– Tôi tưởng rằ ng câu chuyện ấy cũng ít người được biế t. Tôi cứ định hôm nào ra chơi Hà thành sẽ tìm đế n các bạn kể nghe chơi. Không ngờ các bạn đã biế t cả chuyện ấy rồi, vậy nay xin đem ra một câu chuyện ghen khác để làm quà vậy.

Câu chuyện ấy không phải xảy về bằ y giờ nhưng tự đời Minh. Đời Minh, có một đại tướng quân tên là Thích Kề Quang rắ t tinh thông binh pháp. Vợ ông cũng là một bực anh thư có tài câ m quân ra trận, không phải bách chiế n bách thắ ng như một số lớn những bà vợ tân thời hiện nay nhưng 100 trận thì cũng đế n 90 trận được, bà thường lập riêng ra một hiệu cờ, thồ ng lĩnh từng đại đội và giúp tướng công không biế t bao nhiêu bận vào sinh ra tử nơi chiế n trường. "Trai khôn không nhờ vợ, gái hay tám vạn nghìn tư cũng nhờ chồ ng", – câu nói ấy thực đúng, nhưng ở vào trường hợp này, ai ai cũng phải nhận rằ ng sự nghiệp của Thích Kề Quang một phầ n nửa là nhờ công của phu nhân vậy. Có lẽ vì phu nhân giỏi, phu nhân gan dạ, cho nên phu nhân ghen nhắ t đời Minh! – Ấ y, cái trò đời vẫn thế, đa tài thì đa bệnh, đa tình thì đa... ghen! Mà chao ôi, nào có ghen xoàng! Phu nhân ghen tợn, mà đường gươm mũi kiế m lại cừ khôi, thành thử đức ông chồ ng là Thích Kề Quang mỗi khi phu

nhân "đền khuya chung bóng, trướng hùm sánh vai" thì ông nghiêm trang đáo đê, không thèm liếc dọc mà cũng chẳng dám trông ngang sang đám thể nữ thị tì hậu câ n chung quanh đấ y. Đó cũng là một nỗi khổ tâm cho những ông thích tòm tem tí tẹo, nhưng ông có câ n gì? Không làm ra mặt được, Thích Kế Quang làm sau lưng; ông lấ y riêng một vài người thiế p giấ u một nơi và Thích Kế Quang thích lấ m. Thích vì được có đũi non mà vẫ, cái đó là thường tình của những ông già thềm của chua nhưng thích vì mấ y cô thiế p của Thích Kế Quang lại sinh hạ được ba cậu con trông "khớ" cả; mà thích nhấ t vì phu nhân không biế t. Bởi vì trong khi â y thì Thích Kế Quang phu nhân bận rộn vì con, phu nhân cũng sinh được một cậu, nhưng vì cậu â y được trời độ thánh thương nên bị "vê miề n di lộ" trong khi ra trận. Phu nhân không còn có một người con nào nữa! May quá! Không lợi dụng cơ hội này thì lợi dụng cơ hội nào? Không biế t do ai xui khôn xui khéo, ông bèn làm cái dáng con người đứng đắ n nói với phu nhân rằ ng: không có người nô i dõ i tông đường, ông buồ n lấ m, muố n nói với một người bạn xin một đứa con trai về làm con nuôi để sau này nó lo chuyện hương khói, nô i dõ i tông đường vậy. Thích Kế Quang phu nhân nghe một hồ i lâu cũng thấ y xuôi tai, nhưng phu nhân không khỏi buồ n lòng khi thấ y chồ ng nói đế n chuyện khói hương nô i dõ i. Phu nhân chạnh nhớ đế n đứa con lớn của mình khi không lẫn cổ ra chề t oan chề t uổng, nế u nó còn số ng thì tướng công đâu đế n phải nói với bạn xin một đứa con nuôi như vậy. "*Bấ t hiế u hữu tam, vô hậu vi đạ i*" – bà không những khổ vì chuyện không con mà còn xấ u hổ với người khác nữa vì phu nhân lo rằ ng người ta sẽ cho phu nhân ác đức nên trời mới bắ t tội đoạ đày như vậy. Phu nhân là một nữ tướng có tài nhưng thoát sao khỏi nhi nữ thường tình. Về đế n phòng loan, phu nhân khóc tướng lên, và những tiế ng khóc â y lọt vào tai những con thị nữ hầ u cận chung quanh đấ y. Trong số , có một con nịnh chủ, thấ y thể lấ y làm thương xót phu nhân lấ m bèn tô cáo hế t cả những hành vi ám muội của tướng quân.



*Chả chả! Tức a! Tức a! Giận bây người háo sắ c phụ tình, (đá cái vạt áo giáp, xoay đi một vòng) duyên chẵn gô i đành quên (mà) đi theo với quân lộn chồ ng trồ n chúa.*

Vừa khóc vừa nói lồ i một chặp lâu, Thích Kế Quang phu nhân chồ ng ngọn giáo, tức giận ðùng ðùng ðem ðại ðội (nói thực ðá y, chứ chẳng văn chương hoa hoè gì ðâu!) ðem ðại ðội quân lính ðến vây kín lắ y chổ Thích Kế Quang giắ u má y người vợ lẽ, vây kín quá ðến nỗi một con mèo cũng không ra lọt khỏi ðược trùng vi. Tướng quân nghe thắ y tin á y khôn xiế t nỗi kinh hoàng, ngài bèn cho triệu ngay chư tướng lại ðể xem có ông quân sư vườn nào nghĩ ra ðược một mưu gì hay chẳng. Quân sư vườn thì bao giờ thiế u giớ ng? Tướng quân vừa trình bày câu chuyện thì ðã có tới bảy, tám người xông ra hiế n kế hay. Nhưng hầ u hế t, kế ðề u không hay cả, duy chỉ có hai người là hơi khờ khớ.

Một người bảo: Quan bà bây giờ là giặc rô i. Tướng quân ðể cho kẻ này ði quyế t chiế n với quan bà phen này, chỉ ðơn thương ðộc mã chứ không câ n nhiề u người làm chi!

Một người khác lại rắ ng: Kế á y cũng hay, nhưng không ổn. Ý kế này thì cho rắ ng bây giờ mà chiế n thì không hay, hại người hại súc. Ta chỉ nên nghĩ cách giải vây ðem tá t cả trồ n ði là ổn.

Trồ n ði, nhưng trồ n ði bằ ng cách nào? ðó là ðiề u khó nhắ t.

Rút cục, hai kế sau này cũng bỏ không ðùng ðược. Phải nghĩ một kế hay hơn là kế của tướng quân nghĩ ðược ngay lúc bây giờ nữa: Tướng quân nghĩ chín nục ra rô i, cởi bỏ nhung phục, tìm ðến phu nhân, cúi ðầ u quỳ xuố ng ðá t xin hàng... vợ! Mà các người thiế p của tướng quân xoắ tóc ôm con phủ phục xuố ng ðá t lạy như cô c ðế , xin tha tội chế t và thề xin ðem con ðưng lên lưỡ i gươm của phu nhân. Phải, phải, còn kế gì hay hơn thế nữa? – Xin hàng! Xin hàng!

Xin hàng là kẻ hay nhát. Y như rằng, trong giây phút phu nhân thấy máu *hoàng bào*<sup>8</sup> rỉ hắt đi, phu nhân truyền lệnh cho các người thiếp ôm con đứng dậy đem về nhà mà nuôi. Riêng đối với tướng quân thì phu nhân đã đành là tha cho tội chết, nhưng không thể không nghị phạt. Song đối với một người chồng đã hàng mình, mình là vợ, *trông xuông*, chẳng lẽ lại nghị phạt thẳng tay, phu nhân chỉ truyền cho quân lính đánh một chục roi nứt đứt.

Đó là câu chuyện ngày xưa. Tôi không biết Thích Kế Quang tiên sinh bị một chục roi nứt đứt có phản kháng điều gì như dân Mỹ phản kháng việc Đức đánh đắm tàu "Roobin Moore" vừa rồi hay không, nhưng cứ dựa vào những điều "mắt thấy tai nghe" bây giờ, chúng tôi dám chắc Thích tiên sinh cũng vị tất dám đôi lời cãi lại. Không cãi lại, nhưng chữa chắc thay tâm đổi tính đâu!

Chính tôi, tôi đã được biết một ông bị vợ đánh đến một chục lần như thế – mà không cứ là đánh vào đít, nhưng đánh cả vào mặt vào mũi và beo tai là khác! – mà nhát định vẫn không thêm chừa bỏ tính xấu đi. Tính xấu đây là tính hay đi hát – ấy, cứ nói thế cho các bà sư tử Hà đông vừa lòng – hay đi gõ, hay đi bù khú. Chao ôi, xấu quá, ông ôi. Muốn cho dễ gọi, tôi hãy tạm gọi ông ấy là ông Ba Tai đã. Ông Ba Tai sở dĩ được anh em đặt cho cái xước hiệu ấy, không phải vì ông có ba tai, hai tai ở bên cạnh và một tai ở giữa trán như Nhị Lang thần Dương Tiễn ngày trước có ba mắt đâu. Nhưng là vì ông thính tai lắm, thính như thể có ba tai vậy. Đương ngờ đánh trống ở nhà cô đầu với anh em, ông thính đến nỗi vợ đương đi lòng bặt và hỏi dò cô đầu nhà bên cạnh, ông Ba Tai ngờ trên gác nhà bên này cũng nghe thấy hết cả và vội tìm cách đào tẩu trước. Người ta kể chuyện rằng một bữa kia ông đương nặm hút thuốc phiện ở nhà Vạn Tám xóm Khâm Thiên. Vợ ông bò ở chân thang, nhin thờ để lên bặt quả tang, vậy mà tai ông thính đến nỗi bà mới bò lên được ba bậc ông đã biết, ông quăng dọc tẩu, xắn quần nhảy

sang ban công nhà bên cạnh, leo bôn lãn tường, chạy qua máy phốt như ma bắt. Bè bạn nhân thây câu chuyện ấy bàn tán là ông có một lá gan của giông vật trung thành nhât của loài người, bắt cứ lúc nào hể nãm sát ngực xuống mặt đất hay mặt sập thì những tiêng động ù xa đến nãm mươi thước ông cũng biết. Bởi vậy, ngoài cái xước hiệu Ba Tai, ông lại còn cái xước hiệu thứ hai là Hai Gan, nhưng đáng chùng cái xước hiệu thứ hai không làm cho ông bãn lòng lãm, bè bạn vì thế cũng sợ, chỉ dám gọi ông là Ba Tai.

Vậy thì ông Ba Tai của ta, đêm ấy, đi hát, và chính giữa lúc đào Vân đương lên giọng hát một bài *Gửi thư* thì ông giật mình một cái như vừa thây một điề u gì kinh khủng lãm. Ông Ba Tai không cần *toán độn*<sup>9</sup> như Không Minh ngày trước, cũng biết thừa ngay rằng "mụ vợ" ông đã *giở quẻ* rồi đây, chết số ng nó cũng sắp đến sinh sự và làm *sịt-căng-đan* ghê lãm.

Ông vội bí mật loan báo với khắ p thầy anh em và ông bắt họ phải nghĩ ngay một kế để phen này đố i phó, a! Chỉ năm phút mưu mô đã sắp đặt xong đâu đấy cả rồi. Vị nào cũng thu can đảm vào hai tay, chờ cái tai nạn để thi hành mưu kế thì lời tiên đoán của ông Ba Tai đúng chẻ hoe: bà Ba Tai, ngò i rình từ nãy và đã biết chắ c chắ n là chò ng ngò i chỗ nào rồi, hét *ai ai* lên ba tiêng và xông vào giữa trận tiêng bắt đưa sắ t phu tình phụ.

Cả chiế u hát đò ng thời bị khuấ y lộn cả lên. Người ta có cảm giác những ông quan viên ngò i đấy vừa nghe thây tiêng còi báo động. Phòng thủ thụ động đi chứ còn chờ gì nữa! Tức thì một ông trong bọn nhảy lên giường cầ m một cái tay thước choang một cái vào đèn điện. Gian buò ng tó i như bung. Cuộc phòng thủ thụ động bắt đầu. Mọi người tìm nơi trú ẩn.

## **IX. Rõ ràng mặt ấy mặt này! chớ ai!**

Trú ẩn ở đâu? Như các ngài đã biết, bọn quan viên Ba Tai không thể mặc áo sơ mi và mặc quần trong mà đi trú ẩn ở trong những hầm hào ngoài phố. Họ đành phải trú ẩn ở nhà, mà nhà gác thì làm sao mà có hầm ẩn được, họ đành phải chui cả xuống gầm giường vậy.

Đèn tắt, mà người nào người nấy đều chạy như vịt tìm cách ẩn thân, cái quang cảnh nhà bọn ông Ba Tai hát đêm ấy, lúc đó, thực buồn và rợn; ai cũng nhìn thờ ờ chờ cái tai nạn xảy đến, riêng có một người, một người trong bọn, lại coi thường và cứ đi đi lại lại trong nhà một lát rồi ngơ ờ đánh bẹt xuống chính cái chỗ lúc này ông Ba Tai ngơ ờ.

Trong nhà không tiếng động, người ta nhìn thờ ờ. Chờ thì cái gì chẳng đến. Chứa đây nửa phút đồng hồ một tiếng gầm bỗng vang lên và làm rung cả trần nhà: người ta có cảm giác tiếng gầm đó là tiếng gầm của trăm ngàn phi cơ oanh tạc hợp lại mà hai cái chân của người đàn bà vừa vào đó giẫm thành thịch trên sàn gác chính là những quả bom hạng đại rơi xuống đất.

Ai sống? Ai chết?

Có nhiên là những người ở dưới hầm, nghĩa là trốn xuống dưới gầm giường ghé ngựa thoát nạn không việc gì. Chỉ chết cái anh ngơ ờ ở trên. Thực tình tôi không hiểu cái ông ngơ ờ trên đó "đâm mặt liêu" ngơ ờ lý ra đó để "thử xem vàng đá có bền gan" hay định làm gì, những cảm tưởng thứ nhất mà ông này gây ra là làm cho những người biết chuyện nhớ đến ngay những người "coi trời bả ả vung" nghe thấy tiếng còi báo động liền khuynh ngay tay lại, vác mũi lên nhìn tàu bay trên trời...

Những người bú ồng bình (hay rô ờ đại?) trong khi còi báo động như thế tất phải bả ả về nhà. Ông ngơ ờ phê ờnh phê ờnh ở trên

giường không chạy trốn cô nhiên cũng phải theo công lệ ấy: ông bị một cái bàn tay tóm lấy, bắt đi... không được kêu nửa tiếng.

Biết làm thế nào được?

Ông bướng bỉnh của chúng ta chỉ còn biết theo người đàn bà ghê gớm nọ kéo đi bởi vì cưỡng lại mà làm gì? Càng cưỡng càng chế t, ông bướng bỉnh của chúng ta hồ mở miệng là bị vạ quạ ngay cổ lại, mà muốn mở miệng để phân trần lại cũng không xong nữa, bởi vì mở miệng ra liệu có mà chịu nổi sung mày sung mặt với cái bàn tay chuôi má n?...

Tôi không nỡ tả thêm cái cảnh xảy ra từ câu thang cho ra đến ngoài đường bởi vì sợ làm rách lòng những ông đã bị vợ bắt và bị vợ đánh vì đi hát. Chỉ biết rằng bà Ba Tai của chúng ta, – bởi vì người đàn bà ấy là bà Ba Tai chứ còn là ai nữa? – Chỉ biết rằng bà Ba Tai lôi được chôn ra đến ngoài đường, đêm lúc ấy đã khuya, mà hàng phố xúm lại xem đông như hội. Người đàn ông bị "áp chế" vẫn không nói gì. À! Mày ra gan! Mày ra gan! Bà Ba Tai day sấp lật ngựa người khôn nạn lên tôi tắm cả mặt mũi. Người ta không nghe thấy một lời van xin nào cả. Thế thì lại càng tức lắm. Bà tức giận, quyết về nhà phen này phải nhốt vào một chỗ mà người ta vẫn dọa nhốt những đứa trẻ con lười học, bà phải vạc mặt chôn ra phen này, bà phải... bà phải...

Bà còn phải làm nhiều việc ghê gớm nữa cho đỡ giận. Nhưng hiện giờ, người xem đông quá, – bà nổi cơn ghen lên nhưng bà cũng biết xấu hổ chứ không đâu? – bà không thể cứ kéo sênh sệch "kẻ" kia cho về tới tận nhà. Bà liền gọi ngay một cái xe lại và không mà cả lôi thôi gì cả, bà trèo ngay lên xe bảo chạy thật nhanh về phố...

Các ngài đã bao giờ được trông thấy một người lương thiện thuê xe áp giải một tên ăn cắp về cầm bao giờ chưa? Thưa các ngài, người

lương thiện ấy xử sự một cách cẩn thận không tả được. Mất la mảy lét chỉ sợ tên ăn cắp thừa cơ vùng chạy thì nguy, người ấy túm lấy áo về phía lưng của nó và cứ tống bừa nó lên chẳng có đòi hỏi gì cả. Đó, bà Ba Tai của chúng ta cũng tống chông bà lên xe như thế, bà túm lấy cổ áo, ấn nó vào lòng xe, còn bà thì ngồi móm ở mép nệm cho chắc chắn mà cũng để cho chân sát xuống sàn, để bề đập chân thành thạch cho xe chạy mau lên như kiểu các ông say rượu.

Tôi còn nhớ câu chuyện này xảy về mùa rét mà đêm bà Ba Tai đi bắt chông lại là một đêm mưa phùn. Cái xe tay chở bà và đức lang quân kéo mui sùm sụp, phăng phăng chạy trên những con đường vắng vẻ, soi sáng bằng những ngọn đèn điện vàng úa như những cái hoa tàn.

Giun dế ở hai bên đường cất tiếng lên ca những bản ngâm ngợi thiên thu không hết. Và bà Ba Tai của chúng ta ngồi trên xe cũng cất tiếng lên xi và đức lang quân chết gí ở đằng sau lưng bà.

– Cậu đã thấy đẹp mặt chưa? Hai bên hàng phố hôm nay rõ họ cười cho thối óc! – Không một tiếng trả lời. Những câu xi và mỗi lúc một nặng thêm, hết sáng đến ngọt, hết ngọt đến sáng, nhưng ông Ba Tai vẫn câm như cá, không trả lời gì cả. Bà Ba Tai thấy thế lại cho là ông đã hoàn toàn táng tận lương tâm "tức đến học máu ra được" vừa toan quay lại túm tóc dìm xuống thì xe chạy đến nhà và đỗ. Con sen và con gái bà Ba Tai bật đèn, mở cửa đứng đợi, thấy cái cảnh tượng như thế, sợ xanh cả mắt lên và nhìn.

– Quái! Làm sao thế nhỉ! – Chúng nghĩ như vậy và tỏ vẻ hết sức ngạc nhiên... – Làm sao cái gì? – Bà Ba Tai mặc, quay lại túm cà-vạt chông lôi xuống. Thì – giờ ơi là giờ! đấ t ơi là đấ t! bà Ba Tai ơi là bà Ba Tai! – cái người đàn ông ngồi cạnh bà là ai vậy? Hấn ở đâu hiện đến? Sao lại ngồi ở cạnh bà? Có thể chết đi được! Hời ơi! trong cơn ghen tuông tức giận vừa đây, bà đã bắt nhảm mấ t

chờ ng rô i; cái người bị bắt, bị đánh không là ông Ba Tai như bà đã tưởng, như chúng ta đã tưởng! Đó chỉ là ông Thông Máy Nước,<sup>10</sup> bạn của ông Ba Tai hôm ấy cũng ở trong đảng đi hát vậy. Hôm sau, anh em trong sở nhân lúc ông chủ đi khỏi, họp nhau lại uống cà phê hút thuốc lòn, ông Thông Lòn nói với ông Ký Ninh rằng:

– Con mẹ Ba Tai thực bị một vô đầu hơn hoạn! Cho thế nó mới đáng đời, ai bảo ghen lắm vào. Thằng Máy Nước nó "hại" một vô có thể chết đi được, gọi là từ giờ đến chết cũng không quên được.

Ông Ba Tai, tay cầm cốc cà phê, tay cầm điếu thuốc lá hăm, vừa nghe vừa lảng ra chỗ khác mà cười một cách tinh ranh. Thông

Máy Nước lúc ấy mới lên giọng đạo đức làm ra cái vẻ đàn anh sùng sỏ mà rằng:

– Quả thế, đến chết con mẹ ấy cũng không quên vụ đánh lắm. Thực tình, nào mình có muốn chơi oái ăm như thế làm gì đâu. Chỉ bởi nó làm mình tức quá. Chờ ng nó cứ động đi chơi là te tái đi bắt, mà bắt nó thì mặc xác nó chứ ai cần. Dẫn hiềm cứ mỗi lần đi bắt chờ ng nó lại chửi đổng hết cả anh em bạn chờ ng nó, nên mình mới tức, mình động lòng và cái ý muốn làm cho nó nhục một phen, quả là tôi có đã lâu lắm chứ không phải mới. Tôi hôm qua chính lúc tắt đèn là lúc tôi thi hành mưu kế của tôi đã định. Tôi biết rằng mẹ ấy ngồi rình ở bên ngoài và nhắm đích chỗ lão Ba Tai ngồi. Chính tôi, tôi bày kế đập vỡ đèn đi trốn dưới gầm giường, chỉ có tôi là tôi không trốn tránh gì cả, tôi cứ sùng sững ra ngồi ở chỗ lão Ba Tai. Và quả con sư tử Hà Đông ấy đã làm thực, như các anh đã biết. Tất cả anh em làm trong sở, nhớ lại và tưởng tượng lại câu chuyện hôm qua, bật ra cười ha hả như một cái nô i súp-de phì hơi vậy.

– Còn "ma phăm" nữa, hay ghen lắm thế nào giờ cũng cho bị một vô đón người như mẹ Ba Tai!

## **X. Người đàn bà thứ ba ở trên giường**

Những chuyện về ghen, đén số này, chúng tôi cho là tạm tạm đủ rồi. Vừa lúc chúng tôi định đập óc nghĩ ra một bài kết luận cho cái "tiếng cười dài" này, hoặc yêu cầu chính phủ cấm không cho đàn bà ghen vì ghen nguy hiểm lắm, hoặc hô hào các nhà hói trán nghĩ ra một thứ thuốc gì để trừ cái bệnh ghen đi thì một ông bạn ở Chiêm Hoá, ông Dương Thụy Phấn lại gửi về cho chúng tôi một tài liệu nữa: ma ghen người số ng.

Ừ mà, người số ng ghen thì sao người chết ghen, ta lại không nói đén, – nếu quả người chết có ghen với người số ng thực? Vậy tưởng nên thuật lại, cho thiên "tiếng cười dài" này đầy đủ, câu chuyện thực đó ở dưới đây, một chuyện thực mà ông Dương Thụy Phấn nói là của chính thân mẫu ông đã số ng bởi vì cụ là bạn thân của những nhân vật trong chuyện này.

Ba mươi năm về trước, – lời cụ thân mẫu ông Dương Thụy Phấn, – ở tỉnh Tuyên Quang ai là không biết ông ký Đ. làm kho bạc? Ở Sơn Tây đổi lên, ông đem theo một người vợ và hai người con một trai một gái. Lên Tuyên Quang được ít lâu, bà ký Đ. bị bệnh chết. Ông ký rất thương tiếc vợ, ông định vợ chết sau ba năm mới tục huyền. Nhưng cách một năm sau, người chị vợ thấy ông ký là người hiền lành tử tế, dưới nách hai đứa con dại không người chăm nom, bèn đem con gái gả cho ông tức là cháu người vợ cả. Cô ký – thời bấy giờ người ta đều gọi bà vợ lẽ ông ký Đ... như thế – về làm dâu, hết sức yêu quý chồng và chăm nom hai con chồng. Nhưng cô ký thấy rùng mình ghê sợ vì không đêm nào hai vợ chồng ông ký chung chăn chiếu là không thấy giường có vẻ chật chội như có người nằm giữa và một bàn tay to lớn lạnh ngắt sờ qua mặt. Hai vợ chồng



không hiểu ra sao, tưởng là ma quỷ ám ảnh. Thì ngay lúc ấy vợ cả hiện ngay ra trước mắt nhìn cô ký trùng trùng; lúc bảy giờ hai vợ chồng ông ký hiểu ngay là thế nào! Cô ký rờn người khấn: "Cháu cô đây không phải người ngoài, vì thầy cô mất, thương hai em nhỏ dại mà về trông thôi, xin cô phù hộ cho". Cô ký khấn như thế người vợ cả có thôi đâu; vẫn tôi nào cũng hiện lên nấp giữa ngăn đôi hần hai vợ chồng ông ký ra và còn báo mộng cho ông ký biết đại khái: Ông không được cho cô vợ lẽ nấp cùng, bắt cô phải xuống bếp và bắt phải nom hai con tử tế. Ông ký lại phải hết nhờ khấn khứa. Thậm chí hai vợ chồng ông ký muốn nấp chung cũng phải khấn người vợ cả xin phép mới được. Nhiều khi hai vợ chồng cùng quên không khấn người vợ cả, tự nhiên cô ký bị lôi ngay xuống chân giường và hai tay cô ký cứ vấp vào mặt mình đôm đốp. Từ khi về làm bạn với ông ký, cô ký không bao giờ dám mặc bộ quần áo hơi đẹp để một chút, vì một lần cô ký mặc cái áo mới ra ngoài về, vào đến trong nhà cô ký tự tay mình xé tan nát chiếc áo ấy ra và miệng xia xói: "Mày đáng mặc cái áo này à? Mày muốn làm dáng với chồng tao phỏng?" Ngày hai buổi ông ký đi làm, cô ký để phần cơm thì không kể. Còn ngày chủ nhật thì cô ký nhiên là hai vợ chồng ông ký phải ăn cùng mâm, cô ký vừa ngồi vào ăn, tay vừa nâng bát cơm thì như có một bàn tay vô hình hất ngay bát cơm xuống đất và cô ký bỗng tự mắng mình: "Chỗ mày ngồi đây à, con kia? Muốn sống tốt vào ngay trong bếp!" Thỉnh thoảng một vài bà bạn đến chơi là y như cô ký lại bị đau đớn khổ sở, vì các bạn đến chơi gọi lay chào cô ký thì tức khấc hai bàn tay cô ký tự tát thật mạnh như mưa vào mặt mũi mình, nhiều khi chảy cả máu mũi nữa và tự mắng: "Vào trong nhà ngay! Chém chẹn ra dáng bà ký lắm đấy! Mặt mày đáng là bà à?" Cho nên các bạn đến chơi, cô ký phải van xin đừng gọi mình là bà và chỉ xin đứng tiếp chuyện chứ không dám ngồi. Một hôm, hai vợ chồng ông ký cho vú em ẵm đứa con trai ngủ trong bếp. Cô ký vừa chợp mắt ngủ thì một bàn tay nắm tóc cô ký từ trên giường xuống đất rồi lại cứ tay mình tát mặt mình và miệng quát:

"Mày bảo trông nom con tao, mà mày lại giao cho vú em để mày sung sướng với chồng tao à; không phải con đẻ, mày không cần phải không? Rồi mày sẽ được chăm nom cho con đẻ mày nhiều!"

Tuy vợ chồng ông ký Đ. lập bàn thờ người vợ cả ngay cửa buồng, và không có ngày giỗ ngày tết nào, không có của ngon vật lạ nào là quên cúng người vợ cả, thế mà cô ký vẫn không đỡ khổ chút nào. Ông ký Đ. là một người rất thương yêu vợ, nhưng biết làm thế nào? Vì ở giữa còn người vợ cả, – một bức tường ngăn đôi, – nên tuy là vợ chồng mà ông ký phải cùng vợ vụng trộm ái ân. Nào có xong đâu, không bao giờ ông ngỏ được một lời yêu đương với vợ. Chẳng những thế, cô ký càng ngày người càng xanh xao vàng vọt. Cô đẻ đẻ n b n, năm l n, đẻ u không nuôi được vì cô ký toàn đẻ non tháng hoặc đủ tháng thì chỉ được vài tháng là chết. Có lẽ vì những chuyện buồng r u như thế, nên ông ký Đ. lại xin đổi về Sơn Tây. Từ khi ông về Sơn tới nay không nhận được tin tức gì, không biết người vợ cả – con ma ghen ghê gớm ấy – còn hiện lên quá y nhiều ám ảnh hai vợ chồng ông ký nữa không?

Cái đó thiệt tưởng không lấy gì làm quan hệ lắm. Cái quan hệ là, với câu chuyện thực này, ta thấy rằng cái thói ghen tuông làm cho ai cũng sợ, sợ lúc sống, mà sợ cả khi chết nữa, thành thử nhiều người đàn ông mất cả thú sống ở đời.

Bây giờ ai mà nghĩ được phương thuốc trừ bệnh ghen, tất hẳn sẽ được thế giới hoan nghênh lắm.

## **XI. Khoa học đã tìm ra phương thuốc chữa ghen?**

*(tôi mượn bài này của ông Quán Chi để làm kết cho Tiếng cười)<sup>11</sup>*

Mấy câu chuyện thuật trong bài trước đã tỏ cho ta thấy đàn bà coi sự ghen của họ cao quý tuyệt phẩm. Đẻ n nổi ở giữa những đời

quân chủ độc tôn thế` nọ, thánh hiền nói hay viết một lời gì cũng được thiên hạ xem như mực thước không thể dời đổi, chê bai, thế` mà cái ghen của đàn bà coi thường cả lệnh vua, mĩa mai cả lời thánh!

Nào phải chỉ có thế`. Sự ghen có lắm biến thái lạ lùng, ngoài hẳn ý liệu người ta có thể tưởng đẽ`n.

Các bà phải giữ độc quyề`n cái tình yêu của người mình yêu, không chịu để nó chia sẻ, roi rớt đi đâu một phân hào. Chia sẻ tình yêu với người, là kẻ hiện tại có thể đố`i địch với mình mà mình không chịu đã đành; lại còn ganh tị với cả mọi sự huyền tượng nữa mới kỳ.

Hoàng hậu Catherine nước Nga<sup>12</sup> thuở xưa ghen cả với một con chó ở trong cung, chính bà nuôi nấng, quý chuộng. Chỉ vì ngó thấy nhà vua hay nâng niu con chó ấy quá, bà nghĩ tình yêu đố`i với mình bị san sẻ thiếu`u kém hay sao không biết, đẽ`n nỗi bà đâm ghen, xử tử con vật vô tội.

Suýt nữa vì việc đó mà chẽ`t oan mạng một thi sĩ đang được nhà vua sủng ái. Nguyên nhân ở sự tình cờ thi sĩ với con chó trùng tên nhau. Buổi tối`i hôm trước, hoàng hậu viết huấ`n lệnh cho viên cận thân, vồn vẹn có mấ`y chữ: "Sáng mai dìm nước cho chẽ`t Sandras đi". Hôm sau, viên cận thân đẽ`n ngay nhà thi sĩ, đánh thức ông dậy, với giọng nói ngậm ngùi, ái ngại, bảo ông sửa soạn để ra pháp trường. Tội nghiệp thi sĩ ta, bao nhiêu hờ`n vĩa lên cả mây xanh, không hiểu mình phạm tội gì mà nhà vua giận dữ đẽ`n thế`. Cũng may, ông năn nỉ được viên cận thân cho hoãn chố`c lát để viết tờ khiế`u oan, tức thời dâng vào hoàng cung, bấ`y giờ mới ngã ngũ ra hoàng hậu bảo dìm nước con chó kia, không phải bảo xử tử thi sĩ!

Người chẽ`t ra ma, phỏng ma thì còn tình ái nước non gì, thế` mà có bà cũng ghen. Tức như chuyện bà quả phụ làm chay đố`t mã cho chồ`ng, vắn cổ mấ`y cô hình nhân, bạn tôi bảo đã mực kích. Với

người giấ y, mụ còn thê ; không biế t với người thật, chấ c mụ không sợ đi toà đại hình chút nào. Nế u có luân hồ i, tiề n thân của mụ này không chừng là vợ Viên Thiệu đời Hậu Hán.

Lúc còn sô ng, Viên có năm người ái thiế p, bị vợ cả, họ Lưu, hành hạ vô cùng ác độc. Đế n khi Viên chế t, Lưu thị vẫn chưa nguôi giận, vẫn chưa hế t ghen. Chồ ng chế t hôm trước, hôm sau Lưu thị xử tử cả năm ái thiế p của chồ ng, lại xẻo tai rạch mặt và khoét mắ t mỗi cô rô i mới cho chôn. Lưu thị bảo làm vậy để chúng nó xuố ng cứu nguyên không còn có nhan sắ c thân thể lành lặn cho Viên Thiệu nhìn nhận thương yêu được nữa.

Không những với ma, ngay với thầ n thánh cũng có bà đâm ghen, không từ. Nàng Đoàn Minh Quang vợ Liêu Bá Ngọc ở đời Tá n là người ghen có tiế ng. Chỉ một bài văn, một câu nói đủ làm cho nàng chế t ghen. Hôm đó, ngô ì trước mặt vợ, Bá Ngọc rung đùi ngâm nga bài phú *Lạc thầ n* của Tào Thực tán tụng vị nữ thầ n sông Lạc Thuỷ có sắ c đẹp tuyệt vời. Hình như Minh Quang đã không thích rô i, Bá Ngọc lại còn cao hứng vắn vợ, và nói cho vợ nghe: "Giá tôi lấ y được người đẹp như Lạc thầ n về làm vợ, thì mãn nguyện biế t bao!" Chỉ có thế mà Minh Quang ghen tức, hậm hực mãi chồ ng sao lại ngợi khen ao ước thuỷ thầ n, tức là khinh rẻ ta, để ta chế t cũng làm được thuỷ thầ n cho mà xem. Thế rô i ngay đêm hôm á y, nàng đi ra sông, đâm đầ u xuố ng giữa xoáy nước mà chế t.

Theo sách "*Dâu dương tạp ký*" chép thì bảy hôm sau Bá Ngọc nằ m chiêm bao thấ y vợ hiện linh báo mộng cho biế t rằ ng chàng ao ước thầ n nữ, giờ nàng cũng làm thầ n nữ rô i đầ y. Từ hôm á y trở đi, hễ đàn bà con gái nào nhan sắ c và y phục sang trọng, đi đò qua sông, đề u bị nàng làm sóng gió tròng trành chiế c thuyề n, hế t hồ n hế t vía. Duy có má y cô má y bà mặt mũi xấ u xí, qua sông yên ổn như thường. Người ta đò n nhau, ngay chỗ khúc sông Minh

Quang đã gieo ngọc chìm hương, đàn bà đẹp phải bôi lem mặt mũi rồi mới dám đi qua. Không thì sợ thằn lằn ghen.

Còn thiếu gì chuyện ghen đại thể cũng quái gở như thế. Nhưng mà thôi, góp nhặt cho hết, có lẽ đây đặc cả mấy tập báo này cũng chưa đủ. Giờ có một vấn đề hẳn ai cũng đồng ý: hỏi xem ghen có cách gì chữa khỏi được không?

Những người tin ở thiên lý định mạng tất nhiên bảo không. Trời bảm sinh con người ra làm sao thì con người phải ra làm vậy, không thể lấy nhân lực mà chữa được. Ghen chính là một phú tính tự nhiên, có người là có nó, và từ khi mới có loài người đã có nó rồi.

Ngay ông Trời đã là một đấng ghen. Ai đọc Cựu ước Thánh thư (*Ancien Testament*) chẳng thấy nhắc đi nhắc lại câu "*Dieu est jaloux*". Theo thuyết thiên nhân đồng thể đồng tính (*Anthropomorphisme*), thì trời để ra người, trời sao người vậy. Chẳng những trời cũng có đầu, có tai, có mắt, có chân tay, giống người một thứ, mà ngày xưa Tản Bật dẫn chúng với sứ thần Đông Ngô, hẳn ai xem *Tam quốc* còn nhớ; trời lại có cả những tính tình thị dục của loài người nữa. Nghĩa là cha nào con nấy, như kiểu ta thường nói. Nghĩ xem trời là cha đẻ ra chúng ta còn ghen thay, chúng ta làm sao bỏ cái tính bảm sinh ấy đi cho được.

Nhất là đàn bà. Chúng tôi đã nói đàn bà chỉ có ghen là thứ khí giới duy nhất để đối với đàn ông, trong khi ở địa vị gia đình xã hội đàn bà phải chịu thấp kém và bao nhiêu quyền hành lợi lộc, đàn ông nắm hết trong tay, hưởng lấy một mình. Các ông tự do đi khuya về sớm, tự do giao thiệp hành động, còn đàn bà chỉ ở ru rú trong nhà với những xiềng xích lễ giáo thị phi, nếu không còn chút khí giới ghen để kềm chế các ông thì còn lấy gì?

Song nhà khoa học họ nghĩ thể khác. Họ bảo sự ghen chỉ là một chứng bệnh, tự sinh lý và tự tập quán cũng có. Đã là một chứng bệnh, tất có phương thuốc để chữa. Không có bệnh gì là bệnh bất trị. Thử xem những chứng phong lao cổ lại, người ta suy xét tìm tòi mãi còn ra thuốc chữa hiệu nghiệm thay, nữa là bệnh ghen.

Tôi nhớ chắc chắn được xem trong nguyệt báo *Je sais tout* vào khoảng 1932 hay 1933 lối đó, có bài của một y khoa bác sĩ Pháp bàn về vấn đề này rất kỹ. Chỉ tiếc lâu ngày quên mất cả tựa bài và tên tác giả. Hẳn có bạn đọc ở xứ ta sưu tập để dành những quyển báo khoa học nói trên, giá ai tìm ra bài văn cũ ấy mà dịch cho đồng bào xem chung thì hay lắm.

Tôi chỉ nhớ đại thể là tác giả – có lẽ là ông y khoa bác sĩ Toulouse cũng nên – trước hết cực tả sự ghen di hại cho xã hội, vì nó mà lắm gia đình tan nát và hay phát ra án mạng luôn luôn. Xã hội phải tìm cách trừ nó hộ loài người, cũng như đã có cách trừ bệnh lao bệnh dịch vậy. Rồi ông nghiên cứu về mặt khoa học sinh lý, bảo người ta sở dĩ có ghen là vì trong cơ thể có một thứ hạch (*glande*) mà trong hạch ấy có một thứ nước nó trào lên và đánh vào bộ thần kinh những khi người ta bị ái tình phản động kích thích. Có ghen và đâm ghen vì đó.

Giờ phải làm sao chế ngự cái hạch ấy đi tự nhiên bệnh ghen phải mất. Một khi đã biết được bệnh căn, không khó gì tìm ra thuốc chữa. Cứ theo tác giả, thì khoa học đã đi tới chỗ phát minh thực nghiệm phương thuốc ấy rồi. Người ta có thể bào chế nó thành ra hoàn thuốc bao sáp cho dễ uống. Khi nào một bà nổi ghen, hung hăng, nóng nảy, chửi rửa bậy bạ, toan làm tới sự ẩu đả, lưu huyết, chỉ lấy mười viên thuốc cho bà ta uống một lát, sẽ thấy bình tâm hạ khí, cơn ghen biến đi tức thời.

Nếu quả có thuốc ấy đã phát minh và quả nó hiệu nghiệm như thế, mà đem sang bán ở xứ ta, chắc hẳn đắt hàng như tôm tươi.

Không thiê u gì ông râu quặ sẽ mua hàng tá vê` cho các bà xoi, nói là thuồ c bô!

## TIÊU LIÊU

*Trung Bắ c chủ nhật, Hà Nội, số 59 (4.5.1941); số 60 (11.5.1941);*

*số 61 (18.5.1941); số 62 (25.5.1941); số 63 (1.6.1941);*

*số 64 (8.6.1941); số 65 (15.6.1941); số 66 (22.6.1941);*

*số 68 (6.7.1941); số 70 (20.7.1941); số 71 (27.7.1941)*

# Cuộc đời lên voi xuống chó của vua diêm

*Đánh lừa mười mấy nước trên hoàn cầu, Kreuger là một người lương thiện đã hai bận cứu cho thế giới khỏi bị lôi cuốn vào vòng chiến tranh*

Không cứ mười mười lăm năm về trước, nghĩa là giữa lúc diêm Thụy Điển đương như một giòng nước lũ định làm lụt cả thế giới, ngay hiện giờ, một du khách cứ đặt chân lên đất Thụy Điển là mắt đã trông thấy những rừng bồ đề bát ngát tựa hồ vô cùng tận, mũi đã ngửi thấy một thứ mùi đặc biệt, hăng hăng và khó chịu, – mùi những gỗ ngâm lâu dưới nước. Và bên những bờ sông, những nhà máy trùng trùng điệp điệp, trong đó vang ra những tiếng băt diệt, – tiếng của những cây gỗ xẻ ra làm nghìn vạn que con, chúng ở nhà máy ra đã thành là những que diêm, một thứ nhật dụng tối cần của nhân loại.

Vào nước Thụy Điển, đâu cũng chỉ thấy diêm, diêm và diêm. Diêm là đệ nhất sản phẩm của Thụy Điển. Diêm cũng là cái sức mạnh của nước đó, là một cái đòn bẩy. Từ trước đến giờ, trong một thời kỳ khá lâu, một người đã đem dùng cái đòn bẩy ấy: Ivar Kreuger.<sup>1</sup>

Con ông chủ một nhà máy diêm, Kreuger dùng một kế hoạch kinh tế cực kỳ khôn khéo, nắm vào tay hết cả những nhà máy diêm khác của toàn quốc, rồi đem diêm vung ra, băt gần hết thế giới phải tiêu thụ. Nước nào cần tiêu, Kreuger sẵn đó. Bao nhiêu? Trăm triệu, năm trăm triệu? Kreuger không hề từ chối. Lãi? Rât hạ, miễn là nước đó vui lòng để cho độc quyền bán diêm cho dân dùng. Chính phủ sợ nhãn hiệu ngoại quốc ư? Không ngại. Nhãn



hiệu nào cũng được, miễn là cứ ruột diêm Thụy Điển. Với kế hoạch kinh tế đó, Kreuger đã mở đường cho diêm Thụy Điển vào Pháp, Đức, Tiệp Khắc, Ba Lan, Hung-gia-lợi, Hy-lạp, Lỗ-mã-ni, Thổ-nhĩ-kỳ, các tiểu quốc miền bể Ban-tích và ở Tân lục địa.

Đứng chủ 175 nhà máy và trong 21 năm mang đội quân diêm đi chinh phục gần khắp hai lục địa, Kreuger đã bắt được thế giới phải tôn mình lên ngang với các vị vua chúa: Ông vua diêm Ivar Kreuger. Danh vị ấy đối với Kreuger không phải là không xứng đáng. Nhưng không ai ngờ còn có một ngày, con người làm mưa làm gió được ở cả hai bán cầu, lại phải liêu thân với một viên đạn súng lục, chưa làm trọn hẳn cái công cuộc vĩ đại. Đó là năm 1932.

Cái tin vua diêm tự sát lan đi rất chóng như một ngòi thuốc súng, một giờ sau cả thế giới đều biết, và không người nào không sửng sốt. Nó là một trong những tin mà người ta không đợi nhất. Bởi vậy dư luận tân cựu bán cầu xôn xao bàn tán, cố tìm ra nguyên cớ; chỉ mãi nửa năm sau, cái chết của vua diêm lôi cuốn bao nhiêu công ty diêm khác đến sự phá sản, bấy giờ người ta mới rõ được những mưu toan có thể gọi được là quý quyết của Kreuger trong thương trường quốc tế. Rồi chỉ trông ở đó, người ta buộc liên Kreuger vào phường đại bọm.

Mười năm qua. Thời gian đã đem lại cho người ta ít nhiều sự thật. Những sự thật ấy đã thân oan cho ông vua diêm cái tiếng lừa đảo người ta buộc cho lúc ban đầu.

Căn cứ vào những lời phán đoán của Kreuger của những người có đủ thẩm quyền để phán đoán ở hai lục địa, chúng tôi viết bài này, chú ý để cho những độc giả hiểu rõ ông vua diêm, và cái nguyên cớ vì sao con người rất được tôn kính ấy lại có cái kết cục bất đắc kỳ tử.

Ivar Kreuger có phải thật là một tay đại bọm? Chỉ nhìn vào việc làm, người ta mới có thể gán cho Kreuger cái tiếng đó. Nếu xét về tâm lý và tinh thần thì lại không đúng. Kreuger không phải để ra để đi bọm bọm. Sinh ở một nước có tiếng là thật thà nhất thế giới, – nước Thụy Điển vẫn được tiếng là thế, – Kreuger là một người lương thiện làm ăn, nhưng khi ông còn là một chàng thiếu niên thì chàng thiếu niên ấy được thiên phú cho linh hồn sáng tạo, một trí quả quyết phi thường, một kỷ ức rất cường mạnh nhớ được rất dễ và rất lâu những hàng con số dài dằng dặc, một hoài bão rất lớn, vì được rèn cặp theo gương những vĩ nhân, lúc nào cũng mơ màng tính nghĩ hệt mưu kia kẻ nọ để cho mình cũng đến lượt là một vĩ nhân nổi. Tuy thế, Kreuger không phải là không có lòng hào hiệp. Trong đời tư hay ngoài đời công, ông rất hách, có oai, bắt được người ta phải tin mình mà không cần phải chứng cứ. Nói tóm lại, ông là một trong số ít thiên tài có đủ những đức tính để dù làm việc thiện hay việc ác cũng đều chắc chắn sẽ nắm được phần thắng. Ông là một nhà kiến thiết, làm cái gì cũng chắc chắn và to lớn, chỉ phải cái cao quá, cao quá sức người, mây có nhẹ chỉ hơi đè xuống cũng khiến cho đổ được. Sự giật gấu vá vai, "nửa người, giầy người mà tiếng mình" trong tất cả công việc của ông đều chứng cho lời đó. Việc tự sát của ông tỏ ra ông là một con bạc có khí phách, có tài hoa, biết các ngón chơi hơn tất cả mọi người, thềm ăn song lại không cho canh bạc làm hệ trọng. Thua hệt, ông tự tử, đó không phải là ông bị đè bẹp, bị xâu hổ, mà chính là tính kiêu ngạo và lòng tự ái của ông không chịu được sự thua kém vậy. Và đã đem thân thế ra đánh, nước bạc thua, thân thế phải hệt, – kể cũng là một lẽ rất thường.

Kreuger vốn là một nhà độc tài, theo đúng cái định nghĩa của tiếng đó. Ông lại độc tài mà chết. Ông không chịu để cho ai kiểm soát được ông.

Khi ông gâ`n đê`n bước phải tự tử, ở Thụy Điển, ở Bá Linh, ở Ba Lê, ở Nữ Ước vẫn có nhiê`u nhà lý tài sẵn lòng giúp lực, miễn là ông đê` cho họ được quyê`n kiểm soát các công việc và củ` hợp cả lại. Ông từ chớ`i. Đã chậm. Ông chính chỉ có một số` vớ`n, nó không những đảm bảo cho công ty nó, lại còn nhờ kê` hoạch kinh tế`, trá hình đôi lố`t đảm bảo nhiê`u lầ`n và cho nhiê`u công ty khác. Ai lại có thể ngờ nhà băng Kreuger-Toll đảm bảo cho công ty diêm Thụy Điển rồ`i công ty diêm Thụy Điển lại đảm bảo cho nhà băng Kreuger-Toll, rồ`i hai sở tài chính ấy lại đảm bảo cho bao nhiêu công ty khác mà số` vớ`n vẫn không thêm, rồ`i sau cùng chính số` vớ`n ấy lại Kreuger đứng ra đảm bảo? Thực là một công việc hữu danh vô thực. Nhưng Kreuger mua chuộc được một lòng tin triệt đê`. Hàng ngày ông nói lời là giữ được như lời, rõ ràng thật thà có một đơ`n sai không màng. Không ai là không rõ, trong cách ăn ở, ông tiê`t độ, không xa xỉ, không có một thói xấ`u nào. Tính hào hiệp của ông thực là hãn hữu. Hai lầ`n ông đã tỏ ra là trọng nghĩa khinh tài. Khi ông vua vàng thế` giới Pierpont Morgan không bắ`ng lòng cho nước Pháp chịu lại 1.875 triệu phậ`-lắ`ng mà ăn lãi tám phân, Kreuger mang quố`c thư Thụy Điển đê`n Ba Lê xin vào yê`t kiê`n ông Poincaré bắ`y giờ giữ chức thủ tướng và tài chính tổng trưởng, tự nguyện cho nước Pháp vay cũng số` tiê`n ấy mà chỉ tính lãi có năm phân rưỡi. Sự cho vay ấy không có một điê`u khoản nào bắ`t buộc. Nê`u nước Pháp vui lòng cho Kreuger được độc quyê`n diêm, Kreuger cũng không từ chớ`i, nhưng không cho cũng không có sự gì thay đổi.

Lại ở hội nghị quố`c tế` La Haye, những nước chủ nợ nước Đức thảo chương trình Young, bắ`t Đức phải phát hành quố`c trái lắ`y tiê`n trả nợ mà ngân khố` Đức sẽ phải đảm bảo cho quố`c trái ấy. Song những đại biểu Đức không chịu, lắ`y có ngân khố` Đức đã phải đảm bảo số` tiê`n Kreuger cho Đức vay là 3.125 triệu đê` được độc quyê`n diêm. Những nước chủ nợ và nước con nợ đương gắ`ng sắ`p có thể xảy ra chiế`n tranh thì ông Tardieu, thủ tướng và đại biểu Pháp,

mời Kreuger đến điếu đình. Vì hoà bình thế giới, Kreuger sẵn lòng tự bỏ quyền lợi mình đi, nghĩa là ngân hàng Đức không phải đảm bảo cho số tiền Kreuger vay nữa, một vấn đề quốc tế giải quyết xong, và nhân loại tránh được một phen làm mồi cho gươm đạn.

Nhân hai việc đó, danh tiếng Kreuger lan sang tới Mỹ châu. Dân chúng hoan nghênh Kreuger nhiệt liệt, và từ đó ông khiếm cho người ở lục địa này tin tưởng ông có một địa vị quan trọng ở lục địa kia, và trái lại.

Cờ đến tay, ông không phải là người không biết phát. Ông đã phát mà phát một cách oanh liệt, vĩ đại, thế giới này chỉ có vài người theo kịp. Trong tay đã sẵn có ngân hàng Kreuger-Toll, song tiền mặt đã chạy vào ngân hàng nhiều nước để đổi lấy cái giấy phép độc quyền buôn bán và chế tạo diêm, khi về đến Thụy Điển, ông chỉ ký một chữ là ngân hàng Skandinaviska Kredit cho ông vay liền

500.000 đồng vàng. Tiền có nhiều, ông chỉ thi hành một phương kế nhỏ là bao nhiêu những hội sản xuất diêm Thụy Điển đều nem nép đến nấp dưới bóng, nếu không sẽ bắt buộc phải phá sản. Công ty diêm Thụy Điển thành lập, một công ty của Kreuger, gồm hết các ông công ty khác. Thế là riêng ông có hai hội tư bản lớn, vốn liếng hẵn hoi, chắc chắn, vững chãi, có đủ điếu kiện để cho mọi người tin cậy. Nhưng ngay lúc lập nên hai hội tư bản ấy, ông đã biết rõ ông sẽ phải gian lận, túng phải tính. Quả thật. Thoạt đầu, ông gian lận một cách dửng dưng. Ông là người sinh ra để mưu toan những việc to lớn, tài sơ lược ít mà cứ muốn đem cả thế giới bỏ vào trong túi. Trong ngót mười năm, ông đã thi hành một thủ đoạn quỷ quyết, duy chỉ ông mới thi hành nổi, vì được lòng tin của hết cả mọi người.

Công việc to, tiền ít, muốn có tiền dùng, ông đem phát hành những trái phiếu không có gì đảm bảo; số tiền thu được đem mua hay trợ cấp cho những công ty khác gần vỡ nợ. Ông thành chủ những công ty ấy. Nói theo giọng ta, ông là một người buôn ba, bóc lột bỏ mũi. Ông lúng lẩy vì thế mà cũng thất bại vì thế.

Trong tay càng có nhiều công ty, số tiền cần đến càng nhiều, muốn giữ lòng tin của những chủ nợ cũ và mua lòng tin của những người sắp là chủ nợ, ông mạo giả y tờ, làm ra vẻ như đã xin được độc quyền diêm ở Ý-đại-lợi. Đã gian lận, phải dối trá, lừa đảo. Tuy vậy, cũng nên nói, ông cũng chắc chắn vào một căn bản vững chãi là diêm Thụy Điển, một nguồn lợi rất lớn do một tay ông nắm chắc.

Công việc của ông sẽ thông thoáng bèn rọt nếu không có sự ngăn trở phi thường xảy ra. Rủi cho ông, kinh tế gặp ngay hồ i khủng hoảng, buôn bán bị đình trệ, không có thu mà cứ phải tiêu. Trong lúc khủng hoảng, Kreuger lại cần tiền hơn bao giờ hết. Là vì những nước nợ không trả được (nhất là Ba Lan), là vì ông muốn nhân cơ hội ấy nắm lấy những công ty từ trước chưa chịu để tay ông chi phối. Ông đã đánh một nước cờ cực kỳ táo bạo mất nghiệp như chơi. Ông tính kinh tế khủng hoảng sẽ không lâu, rồi nợ sẽ đòi được, hàng sẽ bán chạy trước khi sự gian lận bị vỡ lở.

Ông đã tính lầm hay tại trời có ý hại ông thì không hiểu, kinh tế cứ khủng hoảng mãi. Ông đã đến lúc phải hỏi vay tiền của Mỹ châu. Nhưng thật ông ngỡ lòng chịu một số lãi nặng, những nhà tư bản Mỹ đâm ngờ, đòi được kiểm soát công việc của ông. Ông từ chối, vì sao ta đã hiểu. Ông trở về Ba-lê, thất vọng. Hôm 11 tháng 5 năm 1932, một bạn trung thành của ông là Kydbeck khuyên ông tùy cơ ứng biến, đem dùng những trái khoán của Ý-đại-lợi mà từ trước đến bấy ông vẫn cất kỹ trong két, lấy cơ không muốn lôi thôi cho hại nước Pháp, Ý, vì thủ tướng Mussolini vay tiền để bí mật mua

khí giới, chiế n cụ cho quân đội. Kydbeck thúc giục, luôn. Trả lời sao? Sự thật, những trái khoản ấy đê`u là những giấ y giả mạo. Ý không vay của ông một đờ`ng xu nhỏ. Tuy vậy, ông vẫn cô` chờ, nhưng cái may chưa thấ y đê`n mà sự xảy ra đã đê`n lúc phải xảy ra. Nước Pháp nợ không trả đượ c; Ba-lan nợ cũng không trả đượ c. Ý không vay đờ`ng nào; Mỹ châu lại từ chớ i không cho vay nô`t. Sự phá sản không thể tránh đượ c nữa rồ i.

Bấ y giờ ông mới nhận là quả có sô` mệnh. Sô` mệnh đã bắ t ông phải thấ t bại. Ông đi mua một khẩu súng, chĩa vào giữa tim bắ n một phát cho khỏi ô danh, khỏi phải chính mắ t chứng kiế n sự đổ vỡ của mình, và không một phút nào tỏ vẻ lo lắ ng, bắ n khoản, thấ t vọng hay tức giận. Giữa cơn vinh hiển gầ n đê`n bước phải trớ n nợ đời, ông lúc nào cũng bình tĩnh, chẩi chuố t và kín đáo.

Người ta phải mắ t nhiề u thì giờ mới hiểu đượ c ông. Bây giờ đã hiểu rồ i, ta không nên lẫn ông với những kẻ khác, những kẻ lừa đảo, bịp bợm chính thức, có chủ tâm, có ý địn h. Ông Kreuger, vua diêm trên thế` giới, dù sao cũng vẫn là một người anh hùng tài trí vậy.

**VŨ BẮ`NG**

*Trung Bắ c chủ nhật, Hà Nội, số` 70 (30.7.1941)*

# Tuồng cổ có còn hy vọng được trông thấy những ngày tốt đẹp nữa không?

Trong hơn mười bài báo chuyên khảo về tuồng cổ<sup>1</sup> mà các bạn vừa đọc xong, chúng tôi đã đưa các bạn đi xem hết cả về lịch sử, nghệ thuật, văn chương, lịch trình tiến hoá của nó với những chuyện vui buồn trên sân khấu. Ít ra, các bạn đọc cũng đã có một quan niệm về tuồng cổ như thế nào. Chúng tôi không muốn nói dài thêm, nhưng để kết luận số báo này, chúng tôi muốn độc giả chú ý đến đoạn kết của bài *Một thế hệ đào kép tuồng cổ* của bạn Nguyễn Hương Giang nói về sự suy thoái của tuồng cổ ít lâu nay trong xã hội Việt Nam ta vậy.

Như chúng tôi vẫn nói, tuồng cổ là một lối hát kỳ diệu tỏ rõ được hết cái tinh thần đất nước ta. Vậy mà buồn thay độ mười mười lăm năm trở lại đây, lối hát đó đã bị lu mờ hẳn. Có người cho là vì các đào, kép tuồng cổ đã bồi lợ nghệ thành ra nghệ tuồng cổ và lối hát tuồng cổ bị mất hẳn giá đi; có người lại cho là vì cái trào lưu tiến hoá bây giờ thiên hạ nhất nhất cái gì cũng theo mới cả nên họ hòa theo lối hát mới, bởi vậy tuồng cổ mới không được người ta trọng nữa.

Xét như vậy, theo ý chúng tôi, có điều phải mà cũng có điều không phải. Chúng ta không nên quyết đoán điều gì trước khi chưa xét kỹ càng. Riêng ý chúng tôi, chúng tôi chỉ cho rằng sự suy thoái của tuồng cổ chỉ là theo lẽ tự nhiên của trời đất, nó chỉ là một cái "mốt" mà thôi. Bởi lẽ tuồng cổ có ý vị, có cái hay thâm thúy, có ý nghĩa vô cùng, và nó là cái tinh thần của đất nước Việt Nam, thì cái "mốt bỏ làng tuồng cổ" chẳng bao lâu cũng sẽ hết và chắc chắn tuồng cổ thể nào cũng lại trông thấy những ngày tốt đẹp xưa kia,

và chưa biết chừng tuồng cổ sẽ được thấy những ngày cực hùng cực thịnh, mà nước ta chưa có bao giờ cả!

Chắc ai cũng còn nhớ một hôm, nước ta, đi đến chỗ nào cũng chỉ thấy hát cải lương và ngoài chỗ nào cũng chỉ thấy hát cải lương. Cải lương là thần thánh, hát cải lương là tất cả; đĩa hát cải lương, bà già hát cải lương, con trẻ hát cải lương, thiếu nữ mê những chàng biết hát cải lương và đàn ông mê những đào hát cải lương. Có người khuyển gia bại sản vì hát cải lương là thường. Thậm chí bao nhiêu rạp hát chuyên hát tuồng cổ dạo ấy vì theo phong trào đều đổi ra hát cải lương cả. Chúng tôi không dám bình phẩm đến cái lối hát ấy bởi lẽ chúng tôi còn chưa được biết cái hay của nó ở chỗ nào. Chúng tôi chỉ muốn nhận xét điều này là: lối hát cải lương nếu quả đã mê hoặc được một số người ưa mới trong một dạo, thì cũng đã gây ra những cái cực lộ liễu, nhất là tung ra kịch trường những lời văn thảm hại quá đến nỗi gâ n thành vô nghĩa:

*"Than ôi, nước chảy mây bay, trăng tà nguyệt xế (?), tiếng dế nỉ non như du cõi hồng tôi yào mộng ảo. Chẳng biết đêm nay là đêm gì, cảnh này là cảnh gì mà khúc đờn bên xóm, tiếng nhận bên này, sương trùm dưới gôi (!) khiến cho tôi ngấm cảnh thừa thừa(?) mà diễn nên tâu tuồng bi kịch này.*

*(Ca!) Than ôi, nguyệt xế non đoài, ngấm cảnh trăng khuya mà tâm hồng tôi thấy vô cùng lạnh lẽo..."*

Thế là cái nghĩa gì? Ai hiểu được chúng tôi xin chịu. Và chúng tôi xin chịu cả cái lối hát gì mà Bàng Quý Phi mặc quần áo đầm, chiếu projector tây, lại cầm cái quạt lông Anh, nói tiếng ta, diễn sự tích Tàu mà lại cho vào một điệu "con chó xóm cấn con chó lòi, gâu gâu gâu gâu gâu" trong khi vua Tô ng Nhân Tôn mặc áo long bào, đi giày tây trắng ca một bài – tôi không nói đùa – một bài theo



điệu "giò này giò nóng, ai muố n mua thì xin cứ ứ ứ ứ!" để xin "vời mầu hâu" (sic) cho Bàng Quý Phi thoát tội tam ban triề u điển... Thực là trào phúng, thực là mỉa mai cho nghề hát!

Kẻ viế t bài này ở má y năm đấ t Sài Gòn là một đấ t rấ t đẹp, rấ t dung người, xin thú thực lại càng ngắ y vô cùng với điệu hát cải lương nói trên kia. Chúng tôi nhớ lại những ngày cũ, đêm đêm trố n nhà đi xem tuồ ng, về khuya không gọi được cửa phải "má y" với những người nhà đầy tớ buộc một cái dây thòng lọng vào cổ chân chúng để đêm đêm đi xem hát về giăt cho chúng tỉnh dậy và mở cửa. Những buổi hát tuồ ng ngày á y không biế t có cái gì quyế n rũ mà đế n tận ngày sau kẻ thư sinh này vẫn chưa quên. Chúng tôi tưởng như tuồ ng cổ của ta nó có một linh hồ n, nó có thời kỳ oanh liệt như vị anh hùng vậy. Hồ i cực thịnh, nó biế t hưởng; mà đế n hồ i suy tàn, nó biế t buồn. Ai ai cũng đi tìm cái lạ, ai ai cũng xa lă ng hầ u như muố n bỏ quên những cái gì đã gây ra cái tinh thầ n văn hoá Việt Nam. Cho đế n một đêm kia...

Lúc ngô i viế t bài này ở dưới bóng đèn u uấ t, chúng tôi xin thành thực nói rằ ng lòng chúng tôi bồ i hồ i một cách lạ, chúng tôi tưởng như vừa số ng cái đêm á y hôm qua hay hôm kia gì đó, tuy cái đêm đó đã cách đây mười một năm nay rồi.

Hồ i á y vừa ở ghé nhà trường đứng dậy, cái tiế ng gọi của phiêu lưu lúc nào cũng thúc giục bên tai chúng tôi, một thân một mình với cái va li, đi dọc một dải Hoàn Sơn đế n thăm quê hương dân Hời. Sự thực, từ bé đế n năm hai mươi tuổi, chúng tôi chưa biế t tận mặt dân Hời là gì cả. Sự đọc sách chỉ cho chúng tôi biế t đó là một dân vong quố c, chúng tôi bèn đem họ ví với dân Do Thái và ao ước một ngày kia được biế t cách sinh số ng trong cuộc đời của họ. Đêm đó, xe ô-tô đưa chúng tôi đi từ Nha Trang vào Quảng Ngãi bị liệt máy giữa đường. Chúng tôi và bồ n năm hành khách ngủ giữa trời hai ngày một đêm. Đói, vào nhà Hời mua gạo đỏ; khát, ra uồ ng nước suố i và đi

bộ năm sáu cây sô' mua trứng vịt ăn qua lòng. Chiê' u ngày thứ hai ở giữa rừng, có một người Hời khoả thân, bện một cái khố' một ở thân, mang đê' n bán cho tôi một quả đu đu chín. Anh ta có vẻ đã sô' ng gâ' n với xã hội văn minh nhiê' u, ở lại và nói chuyện cho tôi về' cách sinh nhai của dân anh rô' i tiế' p đê' n chuyện hổ vằn thường xuô' ng đường cái và vào nhà Hời bắ' t lợn. Trắ'ng lên. Chúng tôi căng một cái phên lên sườn đô' i nằ' m ngắ' m cây cỏ lung linh dưới ánh trắ'ng. Người Hời ngô' i cạnh đầ' y gõ vào cái "bua" và hát khê' một giọng vô cùng thê' thảm:

*Mẹ già ở tâ' m lê' u tranh*

*Đói no chẳng quắ' n, rách lành chẳng hay*

*Ra đi công vụ nặng nề'*

*Nửa lo thê' tử nửa sầ' u từ thân*

*Bởi vậy cho nên con vợ tui nó mới biểu tui rắ' ng:*

*Ới anh ơi, anh ở đây làm chi cho vua quan sừu thuê' nặng nề' ...*

*Đĩa lên một, đĩa lên hai, đĩa lên năm, đĩa lên bảy*

*Tao biểu mày quắ' y, mày không quắ' y*

*Để phầ' n tao quắ' y, quắ' y, quắ' y, quắ' y về' cái đầ' t Phú ơn*

*Nặng nề' gắ'nh vác (sơn lại) giang sơn*

*Đầ' u con đầ' u vợ cái đầ' t Phú ơn ta lặ'ng về'*

*Kìa hời kia đắ'nh núi tứ bê' ,*

*Nhàn mai chớ' m chở ta về' xứ ta*

*Biết bao là... về tới (về tới) quê nhà...*

*Hết hòn Vây, ta qua hòn Cả*

*Hết hòn Trá, lại sang hòn Hành*

*Tác dạ bao đành dãi t con cùng vợ,*

*Biết no<sup>2</sup> nào trả xong nợ bên dương trần...*

*Nợ lân lân, tay bõng tay dãi t,*

*Tay đặt chân trèo, ta về xí ta*

*Biết bao là... về tới (tới) quê nhà...*

Câu hát ngụ ý thương con xót vợ của một người Hời không biết đến bao giờ mới tới quê nhà, làm cho tôi đã rợn gáy, một đêm trắng ở giữa rừng. Chúng tôi tưởng như sống lại những đêm xưa đi coi hát tuồng ở Hà thành, và cái câu nói của một người bạn tôi vẫn nhắc cho tôi ngày trước "Điệu hát bội nguyên là Chiêm Thành âm" lúc này nhớ lại tôi thấy không phải là vô lý. Nghe câu hát, người ta thấy như lưỡng lự ở quanh mình cái tinh thần nước Việt Nam, chúng tôi tiếc những đêm hát tuồng cũ và chúng tôi lại ước gì được nghe thấy một ông Cửu Giò, một ông Sáu Phú "thán" cho một câu cảm động trong tuồng *Dự Nhượng đả long bào* hay ngâm một giọng bạch trong đoạn ma hiện thành bóng đèn để đưa đường đi về bước cho Triệu Khuông Dã lúc đêm khuya tắm tội.

Cái mong muốn ấy tuồng như trời tựa kẻ đơn độc vậy: xe ô-tô chở chúng tôi liệt máy chữa được, chạy bất phân nhật dạ, đến ba giờ sáng thì đến Quảng Trị. Phớt xá vắng tanh. Le te ở bên ô-tô chỉ còn dăm ba cái quán leo lét ngọn đèn để tiếp khách đi đường. Buồn như một người sắp chết, tôi vào một cái quán lụp xụp ở bên đường

gọi tôi. Vội ăn để còn lên xe đi nữa, tôi đương băng khuâng về những ý nghĩ "ăn ở đâu, ở ở đâu" thì một người trẻ tuổi áo cánh quần thâm tiến đến tôi vái ba vái và diễn một tấn tuồng mà hiện giờ nghĩ đến chúng tôi còn thấy một mối buồn rất lạ tràn ngập trong lòng dạ.

Đêm thì tôi; cảnh thì lạ; phố xá như vừa trải một cuộc chém giết buổi chiều mà bây giờ thì nồm thổi hớn hên với những thầy ma, tiếng hát tuồng của nhà nghệ sĩ giang hồ "một mình đóng đủ các vai" làm cho tôi lưu luyến cảnh mới lạ kia và thấy như nó có một sức "lưu khách" rất kỳ, đượm một mối buồn rất thú mà cũng nào lòng người nữa.

Tuồng của anh ta diễn cho chúng tôi xem đêm đó là tuồng *Tam Hoàng* chúng tôi còn nhớ anh ta bắt đầu vào hô "Thuý Kiêu bỏ lều xanh đi trốn bị Tú Bà bắt lại" chúng tôi còn ghi được một đoạn vào sổ tay như sau này:

*Tú bà: Mi đã trốn tránh, tao dễ thứ tha, nắm tóc kéo lại nhà, đánh đòn cho biết mặt.*

*Hạ viêt: Nghĩ lại đã nên quá quắt, oan chi còn hỏi khóc la? Lột trần trụi nó ra, trói tay chân hãm lại. Ai đi khiên làm đi lỗ mồm bãi hải, đi lấy trai cái mặt trơ trơ! Ứ hừ hạ, trót mang râu mang nhơ, hệt khoe danh thực nữ; của tao dễ một đòng một chữ, công mụ lo bữa cháo bữa cơm; mi muốn thú không muốn thom, tao vả đon rô i vả kếp.*

*(Mụ nói và đánh vả nàng Kiêu tôi mặt, v.v...)*

*Kiêu viêt: Can tràng! đoạn tuyệt đoạn tuyệt; phê phủ bàng hoàng, bàng hoàng. Ai ta hô địa bạch, kham thán dã thiên thương.*

*Thán viê t: Một mình khừ quô c, ngàn dặm ly hương; mẹ cha cách mặt, non nước xa đường; chín chiê u ruột thắ t, đôi giọt luy thương; con sâ u khéo giục, nổi thắm vâ n vương.*

*Hựu viê t: Như tôi chừ đã đành thời vận, dễ trách ai vay, xin người hãy nói tay, cho tôi thừa sự thiệt; số ng thác thân này chi tiê c, nhưng mà vô n lời â y còn đâu?*

*Thân tôi chừ chừ, lươn ở bùn bảo quản lâ m đầ u, ô c phải cạn rày xin nạp xác...*

Đó, cái đoạn tuông văn hay mà ý nghĩa như vậy đó, tôi được nghe một đêm xa nhà ở Quảng; mà rô i sau vào đê n đầ t Nam Kỳ, đi từ Sài Gòn đê n vịnh Cà Mau chỗ nào cũng chỉ "Nơi gia chủ lệ từ thố ng khô, còn nơi hí trường thì hát xướng đờn ca, chậ như nêm lớn bé trẻ già, còn đặc như nước (?) gái trai là chồ ng vợ", cùng những bản ca "De-đờ-da-múa" và "Ma-đơ-loong" Kính trình đờ ng bang cùng chừ quý đê n xem cho vui, khỏi phải nói, các ngài cũng đã thắ y lòng chúng tôi chán nản và buồ n rầ u đê n bực nào.

Hát cải lương chứa chắ c đã không hay, nhưng những thắ y tuông khô đã làm dở nó đi nhiê u lắ m. Làm sao họ không nghĩ đê n chuyện đem tuông trung trình tiê t nghĩa, có những đoạn văn hay khôn xiê t tả, để cho người ta coi?

Chúng tôi tưởng tượng đê n những vị trung thầ n tiê t tháo bị quân vương bỏ quên đi một xó hoặc những người đàn bà có thời kỳ cực đẹp đi đê n đâu rắ c hương gieo hoa đê n đó mà đê n khi phắ n tàn hương lạt thì vồ vồ một mình với sự quên lãng của những người tình cũ.

Bởi vậy, từ khi ở Sài Gòn ra Bắ c, những buổi chiê u rầ u rĩ muồ n buồ n muồ n nhớ một cái gì chúng tôi ưa đi về vùng ngoại ô xem những gánh tuông rong diển ở giữa trời. Những khán giả rạp

tuồng này thường là hạng hàng nước, hàng rong, cây ruộng, những người hoàn toàn Việt Nam hiện giờ vẫn lưu luyến những cái gì của đất nước Việt Nam.

Những rạp tuồng rong áy có độ dăm ba kíp và một vai đào mặc áo the đi đất. Họ là những người bô-hê-miêng đi diễn tuồng, tất cả gia sản chỉ có một cái thúng trong có mấy cái áo tàng, nghiên mực, thỏi son và ít phấn. Chọn được nơi nào lợi địa họ ngả ra ở đấy, thả p đèn lên và gõ trống thanh la, gọi khách. Một người đóng hai vai, có khi đến bốn năm vai. Có đứa trẻ mười tuổi đóng hai vai lão tướng. Họ không có một cái phong, nhưng họ có giọng hát, nhưng họ hát tuồng nên được những người ngoại ô rất hoan nghênh, có đêm họ diễn hết ba tuồng *Son hậu*. Những rạp tuồng rong đó thường được người ưa tuồng gọi về hát ở sân nhà và chẳng bao lâu đã để ra ở thành phố Hà Nội một rạp hát tuồng kỳ lạ như rạp tuồng chúng tôi đã được xem ở Quảng: đó là một thảnh bé mà đủ các giọng tuồng, tay cầm hai thanh tre gõ nhịp, đi đến gần các quán nước, các trại lính, một mình mình diễn, một mình mình đóng tất cả các vai trong tuồng Tam quốc, Mã long, Mã phụng, Bạch Viên Tôn Các.

Những buổi chúng tôi được đi "dự" những buổi hát tuồng của vị tướng tuồng "đơn thương độc mã" đó chúng tôi mê lắm. Mà có lẽ cũng có nhiều người thấy như thế cho nên bu lại xem đông lắm. Có nhiều lúc chúng tôi thấy cái thời "hát cải lương" đã qua rồi, tuồng cổ đã bắt đầu lại là sự mới lạ cho công chúng Việt Nam. Hình như chỉ có tuồng cổ mới thật là món ăn tinh thần của người mình, nó đi rồi nó lại lại chứ không bao giờ mất, cũng như cây cao không sợ chết đứng mà người đã thực là có tài thì ít khi bị mai một tài đi; sự tràn lãn của những cái tài không vững chỉ là quăng đời của một con dạ điệp (papillon de nuit) mà thôi vậy.

Lúc nào, chúng tôi cũng tin rằng tuồng cổ không bao giờ tiêu diệt được. Thì quả độ vài năm trở lại đây, nghệ tuồng cổ xem chừng

ở nước ta lại có cơ vãn hò ì lại thực: cái lương đã hết thời rồi, hát tây tiêng An Nam xem chừng chỉ có một số ít các cô cậu thiếu niên ham thích, còn kịch và tuồng cổ lại được thiên hạ luôn luôn nhắc đến. Những rạp hát diễn tuồng nhiều. Đồng thời ở mấy cửa ô đã có những rạp hát tuồng mới lập nên, diễn những tuồng có ý nghĩa đả đố để xem chừng được thiên hạ ham lắm, mà ham là phải bởi vì nếu người ta cần giải trí thì chúng tôi cho xem tuồng còn có ích hơn là nhiều thứ khác mà tôi không cần kể ra đây làm gì.

Bây giờ, ta chỉ cần phải để ý đến những vở tuồng đem ra diễn mà thôi. Những vở tuồng, theo ý chúng tôi, hiện nay soạn ít có vở hay như những vở tuồng cổ nữa. Vậy cái việc khích lệ những người soạn những tuồng có ý nghĩa và lời văn hay, theo ý chúng tôi, một việc rất cần. Đồng thời ta cũng nên nghĩ đến cách tìm tòi sao lục các bản tuồng cổ lại, để in ra cho những người bây giờ được thưởng giám một lối văn đặc biệt Việt Nam, được đi sâu vào một lối văn chương cổ diệu hoàn toàn, thiết tưởng cũng là một sự bảo tồn xứng đáng.

Lúc đang làm dở số báo này một ông bạn lại đem tin đến cho chúng tôi biết rằng anh em hướng đạo sinh Bắc Kỳ cũng có một ý tưởng như chúng tôi là mong "làm sống" lại nghệ hát tuồng ở đây.

Nghe nói anh em định tổ chức một ban tuồng đi diễn khắp Đông Dương, các vai đào kép sẽ do anh em đóng lấy; vở sẽ do anh em soạn lấy, mà soạn công phu, ý vị; chuyện tuồng, sẽ toàn là những chuyện anh hùng liệt nữ Việt Nam đã gây dựng đất nước ta, đã để lại cho ta một bộ sử không thẹn với người ngoài, đã dành cho chúng ta một cái gia tài văn hoá không có cái gì xoá được.

Thực là một ý tưởng cực hay, *Trung Bắc chủ nhật* xin tán thành trước nhất. Chúng tôi trông đợi ở anh em và chúng tôi mong rằng,

trước khi soạn tuồng, anh em cũng nên lãnh nhận cái trách nhiệm sưu tập những tuồng cổ lại như trên kia đã nói.

Báo chí của ta, từ hồi *Nam Phong* trở lại đây, không còn có mở mục luận về văn chương tuồng cổ và đăng tải những vở tuồng có giá trị lên mặt báo. Bây giờ, nếu bạn nào sưu tầm được những vở tuồng cổ có chân giá trị, xin các bạn tin rằng *Trung Bắc chủ nhật* sẽ là tờ báo đứng ra trước nhất đăng tải lên mặt báo để cho quốc dân thưởng giám một lối văn đặc biệt như chúng tôi đã nói trên kia vậy.

**VŨ BÃNG**

*Trung Bắc chủ nhật*, Hà Nội, số 73 (10.8.1941)



# Rabindranath Tagore từ trần

Theo tin vô tuyến mới đây thì Ấn Độ vừa mất một nhà chí sĩ: Rabindranath Tagore.

Tagore tiên sinh chết đi, không những là một cái tang cho nước Ấn, nhưng ta có thể gọi là cái tang chung cho tất cả Á Đông và Âu châu, – nhất là Á Đông vì có người đã gọi Tagore tiên sinh là một hiện triết, khả dĩ là đại biểu nền văn hoá Á Đông trong thế kỷ XX vậy.

Cái đời tiên sinh và sự nghiệp tiên sinh, có lẽ dưới gầm trời này, không mấy ai không biết. Nay nhân lúc tiên sinh năm xuống, ta là một dân tộc đã được đón tiếp tiên sinh, đã được nghe chính tiên sinh diễn thuyết về sự cần phải và vì sao phải liên lạc người Nam và người Ấn với nhau, ta cũng nên nhắc lại tường tận cái đời cao thượng, cái trí óc tuyệt luân của tiên sinh, và sự quan hệ về tư tưởng của tiên sinh đối với văn chương hiện đại.

Tagore tiên sinh, sinh ngày mùng 6 tháng 5 năm 1861 (vị chi đến nay là tiên sinh được 81 tuổi) ở đất Bengal Ấn Độ là một nơi linh tú đã từng sản xuất nhiều nhà chí sĩ tuyệt luân mang nặng một lòng ái quốc như Anando Mahan Bose, sáng lập ra City College; Babu Bepin Chandra Pal, chủ nhiệm báo *New India*; Romesh Chunder Dutt đã từng làm hội trưởng hội nghị quốc gia Ấn Độ; Mohandao Karamchand Gandhi, một thánh nhân (mahatma), Bankim Chandra Chatterjea, tay đại thi sĩ, đại cách mệnh đã đặt ra cái tiếng hiệu riêng của đảng quốc gia Ấn Độ, là tiếng Bande Mataram mỗi khi hô lên một tiếng thì các đảng viên phải nhất tề chạy lại.

Tagore tiên sinh là con út một nhà giàu có; cha ngài là Debendranath Tagore cũng đã lừng lẫy tiếng tăm và được suy tôn làm một bậc triết nhân, còn chú ngài thì là đảng trưởng một đảng chánh trị phản đối Anh quốc

*(Kiểm duyệt bỏ)*

Người ta thuật lại rằng tiên sinh hồ i nhỏ, tuy là con nhà khá giả, nhưng có một cuộc đời cơ cực lắm than: thân phụ tiên sinh vì mải lo việc nước nên bỏ cả việc nhà, công việc giáo dục tiên sinh, ngài đề u giao phó cả cho tay người nhà đầy tớ. Lũ đầy tớ này phàn thì lười biếng, phàn thì khắt c nghiệt, giữ tiên sinh ở trong buồng đến năm lên sáu mới cho ra ngoài đi học. Tiên sinh học thì cũng chẳng giỏi gì cho lắm, nhưng từ bảy tuổi đã tỏ rằng có khiêu thông minh và bập bẹ làm được dăm bài thơ thất luật. Thân phụ tiên sinh thấy con học thì càng ngày càng dốt mà thơ thì mỗi ngày mỗi hay đành phải cho tiên sinh ở nhà. Lúc này ông đã học được tiếng Anh, tiên sinh nghiên cứu Phan văn và đọc nhiều sách lắm, nhưng chuyên chú nhất về quốc văn, bởi vì tiên sinh cho rằng nước nào cũng có một lịch sử riêng, một tiếng nói riêng, nếu dân tộc nào tự huỷ sử nước mình đi là nước ấy tự sát, nước nào bỏ lãng tiếng nước mình đi là nước ấy tự đưa mình đến chỗ tiêu diệt vậy. "Trí khôn ta sở dĩ được sáng tỏ là vì nhờ có tiếng của nước ta vậy" – đó là lời tiên sinh thường nói. Đến năm mười tám tuổi thì văn chương tiên sinh đã lấy lòng rồi. Từ đó đến sau tiên sinh viết rất nhiều thơ ca và tiểu thuyết, vừa bằng tiếng quốc âm, vừa bằng tiếng Anh. Những sách viết bằng tiếng quốc âm chính tiên sinh tự dịch ra tiếng Anh hết thấy, nên thế giới đề u biết tiếng và suy tôn tiên sinh lên làm một nhà hiền triết, một nhà tư tưởng, một nhà chuyên cổ động và hô hào hoà bình cho nhân loại.

Đương lúc này là lúc thế giới kéo nhau vào vòng núi xương sông máu, đâu đâu cũng như có châm ngà m ngòi lửa chiếu n tranh, mà

một người như tiên sinh má t đi và mang theo cả cái "chủ nghĩa hoà bình vĩnh viễn" thực là đáng tiê c. Quả thế, Rabindranath Tagore tiên sinh là một người ái quố c, ái quố c rộng rãi, chân chính lúc nào cũng nghĩ đế n dân tộc lâ m than, nhưng tiên sinh không bao giờ lại chịu rã ã ng chủ nghĩa quá khích là hay, là phải.

Tiên sinh chủ trương rã ã ng: "Toutes les grandes nations d'Europe ont leurs victimes en d'autres endroits du monde. Cela n'engour dit pas seulement leur sympathie morale mais aussi leur sympathie intellectuelle, si nécessaire à la compréhension des races différentes de la notre. Les Anglais, par exemple, ne peuvent jamais comprendre l'Inde, car leur esprit n'est pas désintéressé"! (Ở khắ p mọi nơi trên trái đấ t, những cường quố c đê u gây nên những tai nạn kinh hoàng. Việc đó không những làm cho người ta ác cảm, mà ngay về mặt tinh thầ n họ cũng không được tin yêu; vì không có lòng tin yêu đó họ không thể hiểu được các dân tộc khác dân tộc ta. Thí dụ như người Anh, óc họ lúc nào cũng vụ lợi, tinh thầ n họ lúc nào cũng có ý riêng tây, thành thử không đời nào họ có thể hiểu thấ u được tâm lý dân Ấ n Độ).

Cũng như bao nhiêu chí sĩ khác ở Ấ n Độ, tiên sinh oán trách cái chế độ hành hà khắ c nghiệt của người Anh. Tiên sinh cho là đại đê người Anh mà lời thôi dính líu vào đâu thì dân Ấ n tuyệt vọng "vì họ nghiệm ra rã ã ng cái hạnh phúc của họ giảm đi, hạnh phúc về tinh thầ n còn giảm tậ hơn là hạnh phúc về vật chấ t", nhưng tuyệt nhiên không bao giờ tiên sinh lại nghĩ đế n chuyện bạo động hê t. Bởi dân Ấ n Độ công luyện tập thì không có mà khí giới cũng không, nay nhấ t đán cứ bướng bỉnh nổi lên chố ng người Anh thì sự thể sẽ ra sao? Quyê t là kê t quả không tô t đẹp. Bởi vậy, một mặt tiên sinh khuyên người Ấ n Độ gia công gắ ng sức học hành đê có một trí óc hơn người, một mặt thì tiên sinh mở trường riêng đê đào luyện lấ y

dân tính: cái trường ấy là trường Shantiniketan tiên sinh chú ý dạy chuyên về văn hoá Đông phương vậy.

Trường Shantiniketan có ý nghĩa là trường Hoà bình, trường Shantiniketan tổ chức theo một phương pháp riêng, lấy khí trời làm chủ, lấy sự trầm tư mặc tưởng làm đích, có rất nhiều học trò đến theo đòi học tập. Năm 1913, sau khi trình bày nhiều kỳ công về văn chương tư tưởng với thế giới, tiên sinh được giải thưởng Nobel. Từ đó, danh tiếng tiên sinh vang lừng khắp mọi nơi, tiên sinh đi nhiều nước châu Âu để diễn thuyết; tiên sinh sang châu Mỹ nói chuyện về nhân cách; rồi quay về Tàu, sang Nhật tổ chức nhiều cuộc luận đàm ở Đông Kinh. Năm 1924, tiên sinh hạ cố đến đất Đông Dương này và nói chuyện ở Sài Gòn, các báo tây hồi đó có thuật lại cả bài diễn văn của tiên sinh nói, đại ý cho là Án Độ và Đông Dương là nơi phát sinh ra văn hoá Á Đông, người Án và người Nam cùng chung một cảnh ngộ nên cùng dắt nhau đi mà tìm lấy những cái đặc biệt cho tất cả các dân tộc Á Đông nó khác hẳn với Tây phương vậy.

Hội đó, có tờ báo Nhật đã gọi tiên sinh là "nhà đại biểu văn hoá Á Đông". Đồng thời các sách của tiên sinh như *Les oiseaux égarés*, *Les Reliques de la pensée*, *Réminiscences*, *Le cycle du printemps*, *Les pierres affamées*, *Le Naufrage*, *La maison et le monde* đều được thiên hạ tranh nhau mà đọc.

Cũng như đối với Mahatma Gandhi, chánh phủ Anh-cát-lợi cũng chẳng ưa gì tiên sinh, nhưng đến cái tài học, cái tư tưởng và cái triết lý của tiên sinh thì cũng phải chịu nên Anh hoàng, năm 1915, đã phong cho tiên sinh tước Chevalier nhưng vì hội ấy Anh quốc đương dự vào đại chiến, Án Độ thừa cơ nổi loạn, dân gian bị mẫu quốc giết chóc cực kỳ thâm nên tiên sinh nhất định không lấy tước Chevalier làm gì. Tiên sinh trả lời rằng "đương lúc đồng bào

đau khổ, mình có vui gì, những chuyện danh lợi tiên sinh không dám đầu màng đến".

Cứ xem những bài diễn thuyết và sách truyện của tiên sinh thì ta thấy rằng tiên sinh cực kỳ công kích cái văn minh vật chất, tuy tiên sinh công nhận khoa học là một việc cần phải có trong cuộc sống bây giờ; tiên sinh cho rằng một phần lớn người Âu Mỹ suy thoái về tinh thần là vì họ sung sướng quá, đầy đủ quá. Mà sung sướng như thế thì không lợi gì hết, nhất là trẻ con nhà giàu thì chẳng có hy vọng làm nên được trò trò gì đâu. "Duy có cái nghèo nó mới khiến cho ta được hoàn toàn tiếp xúc với sự đời. Sống ở trong chỗ phong lưu ấy là sống nhờ, sống mượn, nghĩa là sống một cách giảm thiểu, cách sống như thế có thể làm đẹp cái lòng tự cao tự đại hay là cái lòng lười biếng của ta, nhưng không làm thỏa mãn được sự cần dùng của cách giáo dục ta. Sự phong phú ví như một cái lồng bả vàng, con nhà giàu sinh trưởng trong đó theo một cách không tự nhiên làm cho năng lực yếu ớt đi".

Suốt một đời tiên sinh, tư tưởng của tiên sinh nở ra nhất nhất theo cái lẽ chính ấy cả; tiên sinh muốn rằng chân người ta trời sinh ra không đi bít-tết thì phải nên tập cho làm quen với đất, da thịt người ta trời sinh ra không có quần áo để che thì phải nên tập cho quen với gió sương. Tiên sinh là một triết nhân cực mạnh lúc nào cũng yêu đời, bao nhiêu tư tưởng, bao nhiêu ý nghĩa, tiên sinh đều muốn cho quy vào câu này cả: Phạm đã là người thì phải có thể ngửa mặt lên trời mà nói "Ta sống đây". Tiên sinh cho rằng vì đó người ta ở đời cần phải để dành một phần đời sống theo như người cỏ sọt. Bởi vậy, tiên sinh cực lực công kích cái lối giáo dục hiện hành; trường Shantiniketan do tiên sinh sáng lập có một phương pháp giáo dục riêng dựa vào cái phương pháp giáo dục mấy ngàn đời nay của Ấn Độ "Đem trâu bò đi ăn cỏ, nhặt cành khô về làm củi, hái quả, dưỡng dục cái bụng nhân từ đối với muôn loài sinh vật, khiến cho

mỗi ngày trông cách tu luyện của thầy mình mà tinh thần đạo đức được tăng tiến thêm lên... Tôi – tiên sinh nói – nghĩ đến cái tương lai eo hẹp của xứ Án, nghĩ đến cái hậu vận khôn khó bản cùng của nước tôi mà tôi phải phát nguyện thử thực hành mộng đó".

Ý tưởng của tiên sinh về xã hội, như thế; đến thi văn của tiên sinh thì mới lại càng nhẹ nhàng và thâm trầm. Hầu hết những tư tưởng đó đều dựa theo kinh Phật và đạo Bà-la-môn; tiên sinh ca tụng cái đẹp của trời, tiên sinh khuyên ta nên hành động, giữ mình cho sạch đừng để cho đục tính nó làm quáng mắt nhất là đừng nên vụ lợi quá bởi vì ai cũng đã thừa biết rằng tính vụ lợi từ xưa đến nay đã gây ra bao nhiêu sự xấu xa để tiện làm hèn nhân cách người ta vậy. Có người đã nói rằng ta có thể quy tất cả tư tưởng của tiên sinh vào câu nói này mà tiên sinh thường nói: "Đời người như thể một bát nước mà vũ trụ là con sông, đem bát nước đổ vào con sông ấy để hoà lẫn hai thứ nước cùng nhau, dầu ai cúi xuống nhìn cũng không tài nào phân biệt được".

**VŨ BÃNG**

*Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, số 74 (17.8.1941)*

# Cây chaumoolgra không có gì là lạ!

Vừa đây, nhân được đọc một tờ báo Pháp, chúng tôi thấy có một bài đề là *L'arbre qui guérit la lèpre (Thứ cây chữa khỏi bệnh phong)* đăng rất lớn.

Bài này là một bài khảo cứu của một vị cô đạo đã đi khắp Viễn Đông về. Theo ông thì bệnh phong là một trong tứ chứng nan y, ngày nay người ta đã có cách chữa cho tuyệt giống. Mà không phải đi tìm đâu xa; thứ thuốc ấy ở ngay nước ta đây cũng có: đó là cây chaumoolgra, to lớn như loại cây đa cây đề, lá nó to, sao vàng lên uóng thì có tính cách trừ trùng phong trùng hủi ẩn nấp trong các cơ thể của người ta; mà nhựa nó lấy đem xoa vào những chỗ lở loét gây ra vì phong hủi thì những chỗ lở loét ấy sẽ hàn miệng và lên da non liền. Theo như sự tìm tòi của vị cô đạo nói trên. Sở dĩ người ta tìm được cái cây thân chaumoolgra là vì một sự tích, từ ở Cao Miên vậy.

Nguyên, trước đây đã lâu lắm, xứ Cao Miên có một ông vua nuôi nhiều mỹ nữ cung tần lắm. Không hiểu vì trác táng quá hay là vì bọn cung tần mỹ nữ thù hận vì "xe dê không đén" hằng đêm, vị vua kia một hôm ốm liên miên mất một tháng trời, gầy gầy sột và sổ mũi, rồi da thịt cứ hằn đỏ cả lên. Chẳng bao lâu sau, những chỗ da thịt ấy vỡ ra đóng vẩy rất tanh tươi, bản thiêu, bao nhiêu ngự y đều không chữa được. Nhà vua thất vọng, một hôm kia bỏ cả ngai vàng, bỏ cả sự giàu sang phú quý trốn vào rừng để ẩn, đành rằng chết thì chết chứ không đời nào lại chịu quay về triều với cái bệnh quái ác kia.

Nhà vua cứ đi lang thang như thế mấy tháng trời ở trong rừng, đói thì ăn quả ăn lá mà khát thì uống nước suối. Cứ như thế... ít lâu sau, thì thấy những cái vẩy bong ra mà những nốt lở loét ở trên

người sâ`n lại, nhà vua để ý xem xét thì té ra mới biế`t sở dĩ mình khỏi được bệnh như thế` là vì đã ăn được một thứ quả và một thứ lá cây rấ`t to, không biế`t tên là gì.

Nhà vua ngày một ngày hai khỏi bệnh trở về` triề`u. Cả nước lấ`y làm lạ; các nhà y học hế`t sức tìm tòi xem xét cái cây kia xem là thứ cây gì mà lại có một tính cách mà`u nhiệm chữa được bệnh hủi một cách thầ`n tình như vậy.

Hồ`i đó ở Cao Miên và Xiêm La đã có nhiề`u ông cô` đạo đi truyề`n giáo ở khắ`p các chố`n thâm sơn cùng cốc. Một ông cô` đạo lúc đó mới khám phá ra rằ`ng cây đó là cây chaumoolgra, một cây có rấ`t nhiề`u ở vùng Mã Lai và Phi Luật Tân. Ông nói ở miề`n Nam Đông Dương cũng có nhiề`u thứ cây này. Từ đó ông cô` đạo nói trên mới nghĩ cách cổ động dân gian ở miề`n rừng rú trồ`ng thực nhiề`u cây chaumoolgra; sự ích lợi của giồ`ng cây này, đố`i với việc chữa bệnh phong hủi mỗi ngày một nhiề`u thêm; đê`n bây giờ thì người dân vùng Sumatra, Bornéo, đảo Antilles đã biế`t công dụng của cây này rõ lắ`m, họ không còn coi bệnh hủi là một bệnh nan y nữa.

Tác giả viế`t bài báo mà chúng tôi thuật lại vắ`n tắ`t trên kia kế`t luận rằ`ng:

"Theo như lời viên cô` đạo nọ thì giồ`ng chaumoolgra có ở Đông Dương. Vậy ta nên lấ`y làm tiế`c rằ`ng sao người Đông Dương và người Pháp ở Đông dương lại không tìm khảo xem cây chaumoolgra tên là cây gì và, nế`u quả những lời viên cô` đạo nói trên kia là đúng, ta đem quả, lá và nhựa cây ấy dùng trong việc làm thuố`c chữa bệnh phong hủi thì có phải là có ích không?"

Những lời nói của nhà báo kia thực quả là dễ nghe lắ`m lắ`m. Duy có đoạn dưới ta thấ`y rằ`ng có hơi thừa, bởi vì chính tôi, tôi biế`t rằ`ng cây chaumoolgra không có gì là lạ hế`t, người Pháp và người



Nhật đã biết đem dùng cây dó trong y học từ lâu rồi mà chính là họ đem cây ấy ứng dụng vào việc làm thuốc chữa bệnh phong hủi vậy.

Trước khi xét cái công dụng của cây ấy trong y học, âu là ta cũng nên nói đến một chút về bệnh phong trước đã.

Sự thực, vấn đề này đáng lẽ phải để cho các nhà có thẩm quyền về y học bàn đến thì phải hơn. Nhưng vì bài báo nói trên kia ra đã lâu rồi, cây chaumoolgra đem ra bàn luận được đã mấy tháng nay rồi mà mấy tờ báo y học ở nước ta vẫn chưa có bài đáp lại; vậy nay chúng tôi phải đương lấy cái trách nhiệm ấy vậy, tưởng các bạn cũng nên biết trước khi đọc hết. Và chẳng, câu chuyện bệnh hủi ở xã hội ta, chúng tôi cũng đã muốn nói tới từ lâu rồi, bởi vì có nhiều người thường vẫn đến phàn nàn với chúng tôi rằng ở các chợ hiện nay, nhất là chợ Mơ, chợ Bưởi và nhiều chợ thôn quê nữa, có nhiều người nghèo khó ăn mày ăn xin, không hiểu có phải là hủi thực hay không, dạo này hoành hành tệ quá, nhiều người đàn bà con gái đi chợ mua hàng sợ chúng quấy nhiễu phải cho chúng tiền mới yên. Chúng lở loét bản thủ một cách rất ghê gớm, chúng cứ sát lại chỗ đông người giờ những máu mủ hôi thối ở người chúng ra, ai cho thì thôi, bằng không thì chúng ngã lăn vào người; những người bán hàng trong chợ, nhất là những người bán gạo, thường bị chúng dọa và rình lúc vô ý lấy tay vạy vọc vào đồ bằng một cách bản thủ, gai mắt không chịu được.

Đã bao lâu chúng tôi đã định đem trình bày việc này lên báo để các nhà có trách nhiệm giữ gìn sự trị an cho dân chúng đề phòng, nhưng chưa có dịp nào.

Nay nhân vì chánh phủ mới mở trường Cao đẳng khoa học và chúng tôi nói về bệnh hủi, vậy tưởng cũng là một dịp nói ra những cái mắt thấy để cho những nhà có trách nhiệm thử để ý dò xem những kẻ kia có phải là hủi thực hay chúng làm ra như thế để dọa

dẫn người ta lây nhiễm. Dù thực dù giả, những việc như thế ta cũng nên biết, không phải đến ngày nay mới thấy. Nước ta từ xưa có bệnh phong bệnh hủi háu hết ở khắp nơi, nhất là máy tình ở theo dọc sông Hồng Hà: Nam Định, Phủ Lý, Thái Bình, Hải Dương... Dưới thời vua Minh Mạng, những người hủi mỗi ngày mỗi lắm. Nhà vua bèn ban chỉ dụ rằng những người hủi phải ở biệt lập riêng một, nơi không được giao thiệp với những người vô bệnh. Khi nào những người bệnh áy chết thì phải chôn thực sâu, còn đồ đạc quần áo thì cần phải đem thiêu huỷ. Kịp đến thời kỳ Bảo hộ, chính phủ mới lập riêng Trại Hủi (tục gọi là trại Gốc Sấu) ở Mũi Tía thuộc hạt Thanh Trì tỉnh Hà Đông. Trại hủi này nuôi nấng và điều trị những người đáng thương mắc cái chứng bệnh quái ác kia. Trại áy dù sao cũng vẫn không thể chứa hết được những người bị bệnh hủi, thành ra sau chính phủ phải lập thêm bốn trại nữa: trại Văn Môn (Thái Bình), trại Quả Cảm (Bắc Ninh), trại Liêu Xá (Hải Dương) và trại Hương Phong (Hưng Hoá). Cách tổ chức ở những trại này ngăn nắp lắm, nhiều bạn đồng nghiệp chúng tôi đã viết thành những thiên phóng sự kỹ càng đầy đủ, tương không cần phải thuật lại một lần nữa ra đây làm gì. Duy có một điểm ta cần phải biết là bệnh hủi do tại làm sao mà có?

Sách thuốc Tàu gọi bệnh hủi là "lệ phong", là "lại phong" hoặc "đại ma phong" và cho là sinh ra vì một thứ trùng xanh, đỏ, vàng, đen. Mỗi trùng mỗi màu ở mỗi tạng: có khi nó ở can thì làm cho lông mi rơi rụng, nếu nó ở tâm thì thịt da loét lở, nếu nó ở phế thì gãy xương mũi, trĩ mũi, v.v... Đó là theo lối xét bệnh của người Tàu. Bệnh hủi, theo con mắt nhà khoa học phương Tây thì cũng do một giống trùng, nhưng không phải ngũ sắc. Đó chỉ là một giống trùng sắc nhạt, do nhà bác học Hansen tìm thấy năm 1871 nên chi vi trùng hủi bây giờ gọi là bactérie de Hansen. Cũng như vi trùng lao, vi trùng hủi thon thon, hai đầu tròn sinh sản rất mau và ở nhiều nhất ở trong các cơ thể của người ta, nhất là trong nước mũi, cho nên muốn thử

xem một người có bị hủi hay không, người ta cứ lấy đinh bông ngoáy vào lỗ mũi phết lên mảnh kính đem ruộm thì thấy vi trùng Hansen.

Bệnh hủi chia làm nhiều thời kỳ: thời kỳ thứ nhất là thời kỳ khởi bệnh, lắm khi người bệnh không biết, chỉ thấy nhưc đầu sổ mũi như người thường mà thôi. Hết thời kỳ ấy đến thời kỳ nổi mụn: ở mặt mũi tay chân nổi lên những mụn lắm lắm đỏ, đen hoặc tím, không rúc buốt gì cả. Khi nào lấy tay ấn những mụn ấy xuống thì nó lặn hẳn, nhưng bỏ tay ra thì nó lại nổi lên. Trước sau, người bệnh vẫn không thấy đau đớn gì cả, có khi lấy kim nhọn, dùi nhọn châm vào cũng không biết đau đớn là gì cả. Thấy thuốc lấy nước ở trong mụn ấy ra đem thử mới biết là có vi trùng hủi. Chính vào thời kỳ này, người ta mới bắt đầu phân biệt được người bệnh mắc phải lèpre tuberculeuse, tégumentaire hay là lepre nerveuse ou anesthesique hay là lepre mixte. Bởi vì có ba thứ bệnh hủi, sinh ra cùng một thứ vi trùng, giống vi trùng này hoành hành một cách rất ác liệt ở trong cơ thể người ta. Theo như sự xét nghiệm của nhiều người thì giống trùng này hoành hành dữ dội về đêm và làm cho mình mấy đầu xương rúc nhói khó chịu lắm. Lông tóc của người bệnh ngã dần đi, da dẻ như co lại, cho nên môi hôi rất khó tiết ra ngoài. Thời kỳ này kéo dài có khi tới vài ba hay dăm bảy năm, chóng hay chậm là tùy theo người bệnh biết ăn ở hợp vệ sinh hay không, biết tiết chế sự dâm dục và kiêng kỵ trong sự ăn uống hay không. Có khi bệnh này lại kéo dài mãi tới mười hai năm. Tuy vậy, trong thời kỳ này bệnh vẫn cứ tăng lên rất mạnh, từ mụn nhọt đổi ra thành mụn hạch. Khắp người bệnh nhân có những hạch con lớn nhỏ ở dưới da dưới thịt, khéo tay ấn thì thấy. Có khi lấy mắt trông, người ta cũng phân biệt được những hạch này, nó thường lạnh hơn các bộ phận khác trong người, nhất là muốn biết một người có mắc phải bệnh hủi hay không thì cứ xem dải tai lạnh hơn các chỗ khác trong người và những cái hạch từ dải tai đến cổ, chỗ ăn sang xương bả vai. Cũng như những mụn trong thời kỳ trước, những hạch

này thường là màu xám, màu hồng, màu trắng, màu vàng, không nhất định.

Sau thời kỳ này là thời kỳ phá vỡ. Thời kỳ này là thời kỳ nặng nhất, những mụn hạch trong mình người hủ phá ra và vỡ, chảy máu chảy mủ rất hôi thối, vài ngày lại đóng vảy, ít ngày lại trật ra và mỗi lần đóng vảy như thế thì những vết thương ở trong người cứ loét ra và cứ lan dần ra mãi. Ở mũi, những hạch ấy loét ra thì sống mũi dẹp xuống và dần dần thịt sẽ tiêu đi mất hết, ở tay, ở chân máu mủ loét ra rất nhiều, vi trùng ăn đến đâu thì đốt tay đốt chân rụng đi đến đâu. Nếu là hủ tê liệt thì thời kỳ này kéo rất dài: da mặt bệnh nhân co rúm lại, có chỗ sưng phồng lên như mặt hổ phù, chân tay co rúm lại, bệnh nhân khổ sở vô cùng, có lắm khi không đi được cứ nằm một chỗ mà đợi chết hoặc có muốn đi lại chẳng nữa thì phải đi cà nhót rất là khổ sở. Lần lần người bệnh yếu đi, lông tóc rụng hết, trùng ăn đến mắt thành loà; nếu những hạch ở cổ sưng lên và vỡ ra, người bệnh sẽ căm khẩu, tắt thở và chết một cách vô cùng ai oán.

Bệnh hủ là một bệnh di truyền hay truyền nhiễm? Đó là một việc mà nhiều người vẫn muốn biết, như người ta thường vẫn muốn biết bệnh lao là bệnh truyền nhiễm hay di truyền vậy. Thoạt đầu các nhà y học chia làm hai phái: phái di truyền và phái truyền nhiễm; nhưng sau hậu hết người ta đều chịu rằng bệnh hủ là bệnh truyền nhiễm đúng hơn là bệnh di truyền.<sup>1</sup> Chúng có có nhiều người hủ đẻ con ra, những đứa trẻ ấy vẫn khoẻ mạnh như thường, vô tật bệnh, nếu đem nuôi riêng thì những đứa trẻ ấy suốt đời vẫn khoẻ mạnh không bị hủ. Người ta tính ra thì trong số 121 đám hủ lây nhau:

![][72]

Đó là nói về những cặp vợ chồng có bố mẹ hủi, còn những cặp vợ chồng hủi mà không có bố mẹ hủi thì trong 1.152 người có:

![] [73]

![] [74]

Nay nói về phương pháp trị bệnh. Trị bệnh hủi, người ta ở Đông phương hay Tây phương thực chưa có phương pháp gì thực thàn hiệu cả. Cây và quả chaumoolgra ép ra làm dầu, người ta dùng làm thuốc trị bệnh phong ở ngay đây cũng đã lâu đời rồi. Người Âu có dùng nhiều thứ thuốc khác nữa và người Á Đông lại khám phá ra một thứ cây có quả chaulurrogra (Tàu gọi là đại phong tử du) nhưng cũng chưa thấy có sự kiện hiệu như arsenic và bismuth chữa bệnh giang mai.

Kết luận, chúng tôi xin nói, trái với bạn đồng nghiệp, cây chaumoolgra không phải bây giờ người ta mới biết; người ta biết đã lâu đời rồi, nhưng đến tận bây giờ, kể cả bleu de métylène, gynocardate de soute, acide gynocardique, arsenic, quinquina, v.v..., y học Tây phương và Đông phương vẫn chưa tìm được một phương thuốc thực thàn hiệu để trừ bệnh hủi.

**TIÊU LIÊU**

*Trung Bắc chủ nhật*, Hà Nội, số 76 (31.8.1941)

## Gió mùa thu, lá vàng rụng bay...

Mây hôm nay, mây kéo đầy trời. Gió vàng bắt đầu thổi ban đêm, giờ lại thổi cả ban ngày; sự giá rét như đã chờ ngoài ngưỡng cửa; người đàn bà yêu chồng thương con đã sửa soạn những áo rét để cho chồng con mặc trong vụ đông sắp tới.

*Lạnh lòng giục kẻ tay dao thước*

*Thành Bạch gần xa bóng ác tà*

Câu thơ của nhà thi sĩ Tàu buồn thu thực đã khéo vẽ cái thời kỳ túc sái của một năm. Chẳng cứ ở Bắc hay Nam, chính ở Đông và ở Tây cũng vậy, mùa thu bao giờ cũng mang cho lòng người ta nhiều sự buồn não hơn vui vẻ, nhiều sự nhớ tiếc triền miên hơn sự tận hưởng cuộc đời vật chất. Người Âu có tiếng là hiểu động là bông bột, vậy mà đến mùa thu cũng thấy râu rĩ cõi lòng. Không nói đến bài *Les sanglots longs des violons* của Verlaine mà mọi người đọc văn Pháp đã biết rồi, trong rừng thơ văn của Pháp còn biết bao nhiêu bài réo rắt ví mùa thu với những kẻ sắp chết, với những tiếng thở dài, với sự kết liễu đen tối của một cuộc đời tuyệt vọng.

*... Un soupir vient des bois qui s'effeuillent, un glas*

*Pleure au loin sa douleur pleuse et monotone.*

*Et le jour va s'éteindre au pâle ciel d'automne*

*Qu'à l'horizon le soleil mort teinte en lilas.*

*C'est l'heure où les appels chantent dans l'ombre amie*

*Et les vierges, rêvant de tendresse et d'espoir  
Ouvrent leur âme heureuse aux caresses du soir.  
En sa quinzième année, elle s'est endormie...*

ANDRÉ RIVOIRE

Dịch:

*Phập phào thổi nấc giờ lâu,  
Lệ tuôn tâm tã, tâm sâu chứa chan,  
Trời thu ngày vắng hâu tàn,  
Chênh chênh ác giải bóng vàng nhuộm xanh  
Tiếng ai lạnh lạnh đêm thanh  
Ấy người tiết nữ tưởng vành ái ân  
Hồn bay phảng phất xa gần  
Mười lăm năm ngỡ n có gần ấy thôi.*

NGUYỄN VĂN AN

Không cứ người phương Đông mới buồn trông lá rụng. Millevoeye thấy lá rụng cũng xúc động tâm can mà thốt nên những vãn tuyệt tác:

*De la dépouille de nos bois  
L'automne avait jonché la terre;*

*Le bocage était sans mystère,  
Le rossignol sans voix  
Triste et mourant à son aurore,  
Un jeune malade à pas lents,  
Parcourait une fois encore  
Le bois cher à ses premiers ans;  
Bois que j'aime! adieu... je succombe;  
Votre deuil me prédit mon sort,  
Et dans chaque feuille qui tombe,  
Je vois un présage de mort.  
Fatal oracle d'  
Épidaure, Tu m'as dit:  
Les feuilles des bois  
A tes yeux jauniront encore,  
Mais c'est pour la dernière fois,  
L'éternel cyprès t'environne,  
Plus pâle que la pâle automne  
Tu t'inclines vers le tombeau;  
Ta jeunesse sera flétrie*



*Avant l' herbe de la prairie,  
Avant le pampre du coteau...,  
Et je meurs!... De leur froide haleine,  
M'ont touché les sombres antans  
Et j'ai vu comme une ombre vaine,  
S'évanouir mon beau printemps.  
Tombe, tombe, feuille éphémère;  
Voile aux yeux ce triste chemin  
Cache au désespoir de ma mère  
La place où je serai demain...*

MILLEVOYE

Dịch:

*Trời thu hiu hắt gió lay,  
Rừng thưa lá rụng cành gầy lơ thơ;  
Lâm tuyền cảnh đã trơ trơ,  
Hoạ mi tiêng hót bây giờ là đâu?  
Chiếc thân háp hời thấm sâu,  
Vàng đồng chửa rụng đã hàu tàn canh!  
Lên cùng nhớ thuở đầu xanh,*

Rừng kia luyê´n ái với mình xiê´t bao!  
Rừng ơi, ta mê´n mê´n yêu,  
Từ đây từ biệt ta theo lìa trậ`n.  
Ta, người số´ mệnh có ngậ`n,  
Một cơn lá rụng quye`n trậ`n là đây.  
Điê`m kia bảo trước thân này  
Lá vàng trông thậ`y lậ`n này nữa thôi!  
Gô´c thông làm bạn đời đời,  
Càng trông càng xám hơn mười màu thu.  
Hàn gia theo bước bước đi,  
Ngày xanh đoạn tuyết còn gì mà mong.  
Tậ`m thân nát trước cỏ đôn`g,  
Trước chòm nho nhỏ vun trôn`g đôn`i cao,  
Thôi thôi ta chệ´t chệ´t rôn`i,  
Gió nam lạnh ngắ`t lướt vào ta chơi.  
Xuân ta xinh đẹp tuyết vời,  
Kìa đang tiêu tán toi bời như không.  
Phù du lá rụng đi xong,  
Che đường lôn`i â´y, lậ`p vòng ai bi.

*Mẹ ta tuyệt vọng còn gì  
Lá ơi, lâ'p chôn ta đi sau này...*

VŨ ĐÌNH TUYẾT

Cảnh mưa thu, thi sĩ Pháp cũng ca tụng như văn sĩ Tàu và ta:

*O doux bruit de la pluie,  
Par terre et sur les toits;  
Pour un coeur qui s'ennuie,  
Oh! Le chant de la pluie Il pleure sans raison  
Dans ce coeur qui s'écoeure Quoi?  
Nulle trahison Ce deuil est sans raison.*

Dịch:

*Mưa thu thánh thót sầ'u đong  
Càng mưa lác đác nỗi lòng càng đau,  
Dạ buồ'n gặp cảnh mưa thầu  
Nhìn thôi lại nghĩ, nghĩ lâu càng sầ'u.  
Sầ'u này duyên có vì đâu,  
Vì đâu gặp nỗi xót đau thề' mà.  
Hay chẳng gặp kẻ phụ ta,*

*Nỗi thương tâm ngấm khó mà biết căn.*

(theo Đ. Q. Giao)

Rừng thu đởi với thi sĩ lại gọi nên những cảm tưởng mung lung  
lắ m: Lá vàng rụng, buổi chiề`u héo úa, tiề`ng chim chóc ðiều hiu. Ta  
nghe những câu thơ nảo nuột này của Lamartine:

*Oui, dans ces jours d'automne où la nature expire,*

*A ses regards voilés, je trouve plus d'attraits;*

*C'est l'adieu d'un ami,*

*C'est le dernier sourire*

*Des lèvres que la mort va fermer pour jamais*

*Ainsi prêt à quitter l'horizon de la vie,*

*Pleurant de mes longs jours l'espoir évanoui,*

*Je me retourne encore et d'un regard d'envie,*

*Je contemple ces biens dont je n'ai pas joui.*

*Terre, soleil, vallons bell et douce nature*

*Je vous dois une larme aux bords de mon tombeau.*

*L'air est si parfumé! la lumière est si pure!*

*Aux regards d'un mourant le soleil est si beau!*

LAMARTINE

Dịch:

*Ngày thu cảnh tượng tiêu sơ,  
Càng xem ử dột, càng ra điệu dàng;  
Khác chi bạn già lên đàng.  
Hay người gâ`n xuô`ng suô`i vàng nuô`i ai  
Như ta đành phải xa đời,  
Lòng sâ`u mệnh bạc; lụy rơi cõi già.  
Chạnh tình ngảnh lại ngó qua,  
Cửa chưa hưởng trước, quở đà theo sau.  
Trời thanh đâ`t lịch một bầ`u  
Mô` hoang hầ`u gởi, giọt sâ`u xin dâng!  
Gió thom ngát! Bóng trắng ngầ`n!  
Kẻ gâ`n thác, ngắ`m dương trầ`n tô`t thay!*

NGUYỄN NGỌC AN

Những văn thơ thu của Pháp, nếu trích ra mãi không bao giờ hết, nhưng đơn cử mấy bài trên làm thí dụ tinh thần thi ca của Pháp chứa đựng trong mùa thu, các bạn tất cũng thấy tạm đủ rồi.

Dưới đây các bạn còn sẽ thấy quan niệm của thi sĩ Đông phương về mùa thu và cũng sẽ thấy đơn cử nhiều thí dụ như thế nữa.

Các bạn đọc sẽ thấy rằng, phương Đông hay phương Tây cũng vậy, mùa thu là bắt đầu một thời kỳ chết chóc, một thời kỳ tàn tạ, túc sái làm rã rời lòng người ta.

Những cái hay cái đẹp, cái nào nùng, chứa đựng trong những lời châu ngọc ấy, không cần bình phẩm, các bạn đọc nhân một ngày thu âm đạm đem ra ngâm cũng đã thấy tuyệt tác như thế nào, lựa là phải bình phẩm làm gì. Duy ta nghiệm thấy rằng, ở vào thế kỷ trước, và bao giờ cũng vậy, những bài thơ ấy chỉ là những cánh hoa tô điểm cho một khoảnh vườn mà thôi chứ không ích lợi cho ai hết.

Ít lâu nay, ở xã hội ta những văn như thế còn nhiều, cái thú văn rã rời làm nát lòng người ta, làm cho người ta mất cả tinh thần phấn đấu, xét ra thực có hại mà hại nhất là những chuyện ấy lại được nhiều người ham thích, thành ra cái tinh thần người mình dù làm thế nào cũng vẫn bạc nhược, sự tuyệt vọng, sự sa ngã, sự chiến bại lúc nào cũng bàng bạc trong không khí xã hội quốc dân.

Chúng tôi không phải không nhận rằng một số lớn những sách, truyện ấy không phải không có nghệ thuật. Không, chúng tôi nhận rằng đôi khi họ viết có tài lắm nhưng thuần tả những việc rất phù phiếm như bướm trắng hay vườn thu, con gái ho lao, cậu thanh niên ném sỏi vào cửa sổ để báo hiệu cho cô gái ra nhận thư tình ướp hoa nhài, thành ra cái hại của họ gieo rắc trong dân gian thực gớm ghê, họ vút sự lạnh lùng vào tâm hồn những người đàn bà goá trẻ, họ tả những cảnh rã rời nên thơ quá nên người ta buồn rĩ đi không biết làm gì cả. Họ thực là những người đả c tội vì tâm hồn của họ, vì tâm thư của họ viết ra, nhưng chắc nếu đọc những dòng này, họ sẽ bảo rằng:

"Thế anh không thấy đó hay sao? Văn sĩ Pháp, văn sĩ Anh hay văn sĩ nước nào cũng vậy, đều viết những sách, truyện héo hắt

buôn như thế mà nước họ có làm sao đâu? Chúng có là những bài thơ đàn cử ở đâu bài này vẫn được thiên hạ hoan nghênh lắm".

Những người nói như thế là nói lếu. Văn chương râu rĩ làm nát ruột người ta, gieo sự thất vọng, gieo cái tinh thần chiến bại vào trí óc người ta lúc nào cũng cần phải bài trừ. Đừng tưởng rằng văn sĩ Pháp viết thế là phải: họ sâu thu, họ gieo những vắn chết lòng người như thế, họ cũng đáng trách; ta chỉ nên biết mà không nên nhớ, ta chỉ nên đọc mà chớ nên cho những quan niệm của họ về mùa thu là chân chính vậy.

Cái gì mà mỗi câu lại nói đến sự chết chóc? Cái gì mà mỗi câu lại nói đến cái mô phỏng lá vàng? Ôi! Những thú văn ấy ngày nay không thể để cho sống nữa! Sống cuộc đời mới này người ta hoạt động thì mới tiến, chứ không phải ho khan mà được bả người vậy.

Mới đây, ở Nhật chính phủ Đông Kinh có ra lệnh tịch thu những sách của văn sĩ Guy de Maupassant. Văn chương Maupassant hay vào bực nhất, ai cũng nhận thấy thế rồi; nhưng vì muốn duy trì nền đạo đức, văn chương phải chịu thiệt đi một chút để nghĩ đến sự ích lợi lớn lao hơn, rộng rãi hơn.

Về những văn chương thu hiện nay cũng vậy, chúng ta thấy rằng đã đến lúc phải hy sinh một chút sự râu rĩ, sự nát lòng rât thơ mộng, rât được người ta mê thích đi. Gió mùa thu lá vàng rụng bay, ở cuộc đời mới này không thể đem sự bạc nhược, sự hèn yếu đến cho tinh thần ta nữa.

Nhà thi sĩ Tản Đà nhìn lá rụng, trước đây đã có những ý tưởng rât đôn hậu: Đại ý gió mùa thu lá vàng rụng bay, ấy là rét sắp tới, mẹ ngồi trong cửa sổ lo cho con áo, mong cho con học mỗi ngày mỗi hay. Gió mùa thu lá vàng rụng bay, con cắp sách đi học thấy hiu hiu

gió phải nên nghĩ cách thế nào học hành cho khỏi phụ công áo mẹ may.

Ước ao rằng từ giờ, ngọn gió mùa thu sẽ đem đến cho người đàn bà những tư tưởng tốt đẹp như thế, nhân đạo như thế; gió mùa thu sẽ không còn làm cho người ta muốn chết, muốn ho lao và xui những cậu bé bỏ nhà bỏ cửa đi tìm những thú vui láo lếu.

Gió thu! Gió thu phải trong sạch! Gió thu phải thanh cao! Gió hè mang bụi cát, mang hơi người, mang những cái tanh tươi, cái vật dục ở các nơi về làm bẩn tư tưởng của người ta đã nhiều lắm lắm rồi, ước ao rằng gió thu từ giờ đừng hại người ta nữa, nhưng sẽ mang cho người ta một sức mạnh để người ta tiếm tàng ở trong lòng, trong những ngày giá rét, – một sức mạnh không đem ra phí phạm vô ích nhưng phải như cái mô-i lửa, người ta mỗi ngày nhóm thêm một tí để cho mai mô-t sẽ chiếu sáng ngời được quả Tâm.

Sức mạnh tinh thần là kết quả của sự mài luyện ý chí, của sự tập trung tư tưởng, điều đó đã đành rồi; nhưng không thể bảo đó không phải là do sức mạnh về vật chất đem lại cho chúng ta vậy.

Bởi thế mùa thu của chúng ta từ bây giờ trở đi không thể là mùa cho chúng ta "xin chết" như Lamartine đã muốn, nhưng là mùa chúng ta "đòi sống". Mùa thể thao bắt đầu tự vào thu: người ta thấy lạnh, người ta hoạt động, người ta sẽ không còn thấy rét cóng, chán đời, khôn nạn đến sinh buồn muốn chết. Cho nên chúng tôi cho rằng mùa thu là mùa của thanh niên, chính là mùa thích hợp với sự luyện tập thân thể, luyện tập ý chí tinh thần vậy. Thân thể mà khoẻ thì tinh thần phải tốt mà tư tưởng phải đẹp. Người ta sẽ ít nghĩ đến chuyện chết chóc, đến sự thù hận ti tiện, người ta sẽ thấy có lòng nhân đạo hơn và yêu đời hơn bây giờ.



Viết đến đây, tôi chợt nhớ đến chuyện *Gió mùa*<sup>1</sup> của đại gia văn sĩ Bromfield, lấy một ngọn gió làm chủ đề cho một thiên tiểu thuyết vĩ đại, nay nhân nói đến gió thu thiết tưởng có nhắc lại câu chuyện gió mùa ấy cũng không phải là vô ích:

Truyện tả một xứ nhỏ ở Ấn Độ thuộc quyền Anh cai trị, xứ Ranchipur. Vua Ranchipur giao quyền cho Hoàng hậu. Hoàng hậu và vua yêu mến một chàng là Ransoure. Ransoure là một gã chán đời đến tìm sự quên lãng ở nơi đất trời xa lạ. Ở đó, dân Anh cũng mến chàng. Anh và Ấn Độ tuy cùng sống cạnh nhau mà cách biệt vô cùng. Bên Anh, ta thấy vài ông thiếu uý trẻ khinh người, coi dân Ấn như những vật chỉ biết nai lưng ra đóng thuế; những đàn bà Anh mặt bự phàn chỉ rờng nghĩ đến chuyện ngoại tình. Còn bên Ấn thì ta thấy vua và Hoàng hậu Ranchipur, thiếu tá Safti và một ông quản gia rất cổ.

Bây giờ trời nóng, rất hanh. Người ta thấy không khí bao phủ người Anh và người Ấn rất là khó thở. Người Ấn lạnh lẽo chờ. Người Anh cũng uống rượu chờ. Trời đất và không khí khó chịu như thế, thế nào cũng có cái gì sắp xảy ra đây. Họ chờ mãi bởi vì họ nghĩ chờ mãi thì cái gì mà chẳng đến? Cái việc phải xảy đến quả đã xảy đến thực: gió mùa nổi lên, thổi tự ngoài bể khơi vào. Mưa, gió, gió mưa rồi tiếp đến, một trận động đất kinh thiên động địa, người chết trôi như củi, trâu bò không còn lấy một con; ở trên những mái nhà, người ta trông thấy những người đàn bà Ấn nhai trầu đỏ tía xác chôn bình tĩnh hơn cả người Anh-cát-lợi. Lúc đó người ta mới biết thương nhau. Ông cố người Mỹ tận tâm cứu những người xấu số. Vua Ranchipur bị nước cuốn đi. Hoàng hậu một mình đứng lên gánh vác giang sơn được người Anh giúp đỡ. Thiếu tá Safti đứng lên trông nom một nhà thương. Ransoure quên cả chán đời lăn lưng vào coi sóc những người bệnh trọng nằm ở trong nhà thương ấy. Estetb phu nhân bỏ cả sơn phấn đi cứu người.

Anh và Ấn thương nhau, xót xa nhau. Trời lại quang, mây lại tạnh. Một làn không khí nhân đạo bao phủ Ranchipur. Ransoure ngồì hút thuốc lá ngoài vườn thấ y Hoàng hậu đi trên một cái xe có hai con trâu kéo, chung quanh có người Anh, người Mỹ và bình dân. Ransoure mỉm cười, khoái cảm: "Đây là bà Hoàng hậu cuối cùng đi chơi với những người bình dân cuối cùng của nhân loại".

Chao ôi, nhân đạo thay là câu chuyện. Sự thù hằn oán giận đé n có thể gié t nhau, mà chỉ có một ngọn gió mùa giải quyé t xong, đem sự "ái nhân như kỷ" đé n cho nhau, chúng ta cũng nên ước rằ ng ngọn gió thu cũng đem đé n chúng ta những tư tưởng bác ái, cao thượng và đáng tôn sùng như vậy!

**VŨ BẮNG**

*Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, số 81 (5.10.1941)*

# Nạn khan giấy, một nguy cơ không nhỏ cho làng văn và làng báo ở đây

Ít lâu nay một bọn người trong xã hội ta chiế'n đầ'u không ngừng để làm lợi ích cho quố'c dân mà tuồ'ng như quố'c dân không biế't, mà ví dụ có biế't nữa cũng ít ai để ý. Đó là việc gì? Đó là một việc có quan hệ mật thiế't đế'n quố'c dân, một việc sinh tử: việc chiế'n đầ'u để cho có đủ com gạo nuôi tinh thầ'n vậy. Cái thứ com gạo này, cũng quan hệ như com gạo nuôi xác thit, á'y là nề'n tư tưởng Việt Nam. Muố'n cho cái thứ com gạo á'y chu lưu trong các bộ phận để nuôi người, muố'n cho cái thứ com gạo á'y làm được hế't cái chức vụ của nó, nó câ'n phải có những xe cộ chở đi. Mà xe cộ đó còn là gì nữa, nế'u không phải là báo chí và sách vở? Một nước muố'n cho tin tức được nhanh chóng, những tư tưởng hay được phổ cập, muố'n cho những điề'u thương thức được nhiề'u người biế't, muố'n cho cái chí tiế'n thủ của quố'c dân được phấ'n phát, lẽ tấ't nhiên là câ'n phải có nhiề'u báo chí và sách vở. Nhưng những báo chí và sách vở á'y câ'n phải bán bằ'ng những cái giá phù hợp với cái túi tiề'n của người đọc, dẫn hậu những người đọc mới ham mua, mới không lè lưỡi lắ'c đầ'u chề đắ't quá. Giá sách, giá báo muố'n không cho đắ't quá, chúng ta chỉ trông vào một điề'u này: giá giấ'y rẻ đi, và giá giấ'y rẻ đi chưa đủ, phải câ'n có nhiề'u giấ'y để dùng trong việc in sách báo để truyề'n bá tư tưởng nữa.

Cứ như tình thề' ngày nay thì sách báo má'y độ rày không còn là một thứ đồ' ăn phổ thông trong xã hội. Mà tờ báo hằ'ng ngày có bớ'n trang dày quảng cáo ngày trước hai xu bây giờ bán tới năm xu mà vẫn chưa có lãi; tờ báo hằ'ng tuầ'n độ 40 trang trước bán 0\10 là đắ't mà bây giờ bán 15 xu không ăn thua gì. Lại sách, nào giấ'y

nào mực nào á n loát, lại thêm bao nhiêu thứ phí tổn khác cứ theo thời giá thì 50-60 trang có bán độ tám hay một đô ng cũng phải. Một đô ng bạc một cuốn truyện! Năm xu một tờ báo hă ng ngày! Và mười lăm xu một tờ báo hă ng tuâ n! Đừng nói đê n những người nghèo, hay anh em thuyê n thợ, nói ngay đê n các ông công chức làm bảy tám chục trở lên liệu có đủ tiê n mà mua được ba thứ mà không sợ hao hụt tiê n "công quỹ"?

Chúng tôi đã từng biê t nhiê u gia đình một vợ một chồ ng, một vài đứa con, ai nâ y cũng thích đọc sách và xem báo, vậy mà hă ng tuâ n không dám mua một tờ báo để xem. Nê u có thích quá, họ đành phải chung tiê n nhau mỗi nhà vài xu mua sách báo để xem chung. [.....]<sup>(1)</sup> Bao nhiêu cái nguy á y, thử hỏi do từ đâu mà khởi lên?

Từ giấ y. [.....]

Nước ta, [.....] báo chí xin được phép rô i đê u được nhà Đoan câ p cho một cái *licence*<sup>2</sup> mua giấ y ngoại quố c, mà mua được giấ y ngoại quố c như thê thường là rẻ lắ m. Á y là nói về dăm năm trước kia chứ không phải bây giờ. Trước kia một ram giấ y tô t có khi chỉ vài đô ng bạc, chứ bây giờ thì không có để mà dùng, cày cục đê n hê t hơi hê t sức cũng không làm sao mà có.

Lúc bắ t đầ u chiế n tranh, mỗi ram giấ y từ một vài đô ng đã tăng dầ n lên đê n vài bô n chục, bây giờ thì hê t hă n giấ y ram ngoại quố c, chỉ còn giấ y cuộn, mà giấ y cuộn á y lại mới càng đắ t làm sao. Một tờ báo hàng ngày, nói thực, bán năm xu không có lăi, nê u số in ít quá. Những tờ tuâ n báo ít người đọc, tự phải đào thải đi; số người đọc giảm; nhiê u nhà khổ vì giấ y, mà có giấ y rô i, in được thành sách thành báo, lại bị cái khổ là người đọc không được mắ y vì giá bán đắ t gắ p năm gắ p mười khi trước. Chúng tôi không muố n nói đê n nghê làm giấ y ở đây, nghê làm giấ y tây ở Đắ p Câ u và nghê làm giấ y bản, giấ y lệnh ở Bưởi, Nghĩa Đô, vì nói

đến việc đó thì phải nói dài, cần phải một số báo đặc biệt mới trình bày hết được.

Thực đến lúc này chúng ta mới thấy sự chua xót vô chùng của nước ta: bao nhiêu người du học, bao nhiêu người giàu có, ở cạnh người Pháp hàng trăm năm, có bao nhiêu là rừng, có bao nhiêu là tre mà tự người mình không có lấy được một cái xưởng làm giấy [.....] để tự mình cung cấp một phần nhu cầu rất nhỏ nhoi của mình. Thôi, nhưng mà điều đó còn là chuyện xa, chứ cái chuyện thiết thực hiện nay ai cũng cần phải biết là *làng báo ta thiếu giấy*. Vì thiếu giấy, chánh phủ ở đây vừa rồi có ra lệnh rút bớt các trang báo hằng ngày đi: trước sáu trang, tám trang bây giờ chỉ còn được bốn; báo tuần lễ ra hai lần, tuần lễ ra ba lần cũng không được xuất bản quá một số trang đã định, và chưa biết chừng còn phải rút đi nữa, nếu nạn thiếu giấy cứ kéo dài ra mãi. [.....]

Những nhà báo, nhà văn chân chính ngay tự bây giờ không khỏi vội đầu tìm hết các cách để làm giảm cái tai họa ấy đi: họ hoan nghênh việc tiết kiệm của chánh phủ đã thi hành và họ muốn rằng chánh phủ sẽ thi hành ý kiến ấy đến triệt để. Những nhà buôn giấy đầu cơ trục lợi cần phải lôi ra ánh sáng mặt trời; những nhà báo in ít khai nhiều để mua cho lắm giấy cần phải bắt được tay đay được trán. Mới đây, một vài nhân viên nhà Đoan, vì muốn xét lời khai xin licence hư thực thế nào đã đến từng nhà báo để xem số giấy in. Thiết tưởng làm như thế chưa đủ và không thể nào chắc chắn được. Ví dụ những tờ báo xuân thu nhị kỳ mới ra một số, nhân viên nhà Đoan đến khám, họ không có báo in sẵn để cho nhà Đoan xét. Lần sau họ biết rồi, họ in hàng tạ để đầy để chìa cho nhà Đoan xem thì lúc đó sẽ ra sao?

Không, chúng tôi biết lắm. Chúng tôi biết chắc rằng hiện ngay bây giờ đây, ở suốt dải Đông Dương này có nhiều người không phải là nhà báo, lợi dụng hai chữ nhà báo buôn giấy cho được rẻ. Họ

là những ai? Có lẽ họ có nhiều hạng lắm, có lẽ họ tự do lắm. Báo họ mỗi kỳ ra một mảnh, tuần có tuần không, trích những bài cũ rích; báo họ ra tháng hai kỳ, nghỉ vài tháng lại ra; báo họ in 50 tờ để đưa cho những nhà quảng cáo Tây lấy tiền còn ngoài ra không bán; báo họ không phải là báo, họ là những người nhiều mưu mẹo hơn lòng thành thực, vậy mà mỗi khi khai ở Thông sứ xin licence mua giấy thì nói mỗi tuần lễ ra hàng vài ba vạn số! Ấy vậy mà họ được licence đó và họ lại nhiều giấy hơn cả những người chỉ có lòng thành thực để làm việc cho nước Pháp và Đông Dương! Thưa các ngài, giấy mua rẻ đó, họ đem bán ra ngoài lấy lãi, họ kẻ vở bán cho học trò, họ in nhãn thuốc lậu gương<sup>3</sup> và nhất là đem bán từng manh một. Ai lại còn không biết giấy độ này buôn lãi lắm, dễ làm giàu bằng giấy lắm!

Chúng tôi yêu cầu người có bổn phận về việc này phải đi điều tra cẩn thận, phải làm cho công bình. Chớ người làm việc thực thà mà không có giấy để in; giấy để in lại trút vào cho những người không làm việc, không có trí óc, không có lương tâm nhà nghề, nếu cái tình trạng ấy mà còn mãi thì thực buồn vô hạn.

Nghề báo ở đây mà không tiến hơn được theo sức của nó – vì nó còn có sức tiến hơn, – lỗi ấy ta phải nhận có một phần tại giấy. Ai có trách nhiệm về việc tiến kiệm giấy, xin chú ý những lẽ chúng tôi trình bày trên kia.

**VŨ BẮNG**

*Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, số 88 (23.11.1941)*

# Hội chợ Nữ Ước năm 1939

*Nói đến hội chợ, người ta phải kể đến hội chợ này trước nhất: một hội chợ khổng lồ, có tượng hình thế giới tương lai, khắp hoàn cầu đến dự. Phí tổn hết 155 triệu đô-la Mỹ, vị chi 6 ức quan.<sup>1</sup>*

Số báo này ra trước hôm khánh thành hội chợ mấy ngày. Chúng tôi không phải chỉ ra một số trong dịp hội chợ này mà thôi. Số này chỉ mới là số đầu trong một tập số đặc biệt về *hội chợ*. Những số sau chúng tôi sẽ nói hết về hội chợ, chúng tôi sẽ có đặc phái viên làm những phóng sự rất tỉ mỉ về các gian hàng, về sự tiến hoá của công nghệ mỹ nghệ Việt Nam. Một bạn nhà văn có tiếng sẽ ghi chép hết những điều tai nghe mắt thấy. Các bạn yên tâm. Chúng tôi tin rằng chúng tôi sẽ ghi được một phần rất quan trọng của hội chợ trên tờ báo thân yêu này. Hôm nay, với số này, chúng tôi chỉ muốn nói về những điều "trước hội chợ".

Hội chợ năm nay to đến thế nào, ai cũng đã biết đại khái thế nào rồi. Những bài tường thuật ở trong những số sắp tới sẽ đem lại cho các bạn đọc một quan niệm chắc chắn về sự to tát ấy như thế nào. Hôm nay chúng tôi hãy nói riêng về ý nghĩa của hội chợ và mục đích của hội chợ. Các bạn sẽ thấy tất cả lợi ích của hội chợ ở đây, nhưng trước khi biết đến lợi ích ấy, chúng tôi nghĩ rằng ta nên kể một cái hội chợ vĩ đại nhất từ xưa đến nay ra cho các bạn đọc xem đã, nhiên hậu đọc đến những bài sau, các bạn mới lại càng thấy rõ ràng và cảm biết tất cả ý nghĩa của hai chữ này: *hội chợ*.

**World's Fair New York 1939**

Vậy thì cái hội chợ vĩ đại nhất từ xưa đến nay trong thế giới là hội chợ nào? Đó là Hội chợ quốc tế, Hội đầu xảo quốc tế mở vào tháng Juin năm 1939 ở Nữ Ước, có Anh hoàng và Anh hậu sang khánh thành. Chúng tôi không nói dài về cái kinh thành ma quái của tân thế giới này làm gì, bởi vì các bạn đều đã biết. Nữ Ước, kinh đô của những mô t lạ, kỷ lục siêu phàm; Nữ Ước, cái tỉnh mặc sơ mi một bận thì vứt đi, có người nhặt sơ mi cũ đem lại để bán mà thành triệu phú; Nữ Ước, một mảnh đất có phép tiên, một phần tư thế kỷ trước đây còn hủ lậu chưa có nhà chiếu bóng và xe ngựa mà bây giờ có tiếng là sang nhất hoàn cầu. Đó, cái Nữ Ước đó đã mở một hội chợ mà khắp thế giới đều kính phục và đến dự, trừ có nước Đức không muốn đến và nước Tchecoslovaquie (lúc ấy vừa bị nạn xâm lăng) không buồn đến. Nói cho đúng thì Tcheco. cũng có đến dự nhưng công việc làm các gian mới được nửa chừng thì trong nước gặp hời biếm thiên thành bao nhiêu công việc đành bỏ dở.

Tính ra thì trong hội chợ quốc tế này có 58 cường quốc, 33 liên bang và 1.500 bọn người các nước chung sức lại giúp công. Phí tổn là 155 triệu đô-la Mỹ (6 ức quan). Phải gọi là đầu xảo mới đúng, nhưng vì người Mỹ muốn gọi nó là hội chợ nên thành tên là "World's Fair" – Hội chợ quốc tế, và còn tên là Hội chợ của "thế giới ngày mai" nữa.

Còn nhớ hời ấy, thế giới đương mai bàn luận với nhau về hội chợ này thì Đức chiếm Tchecoslovaquie. Bây giờ việc Đức chiếm một nước, người ta coi là thường bởi vì nó như là chuyện cơm bữa rồi, người ta quen đã lắm. Chứ như hời ấy thì phải biết đó là một chuyện đổ trời lệch đất. Ấy vậy mà không ngày nào không báo nào quên dành những trang tốt nhất để nói về hội chợ Nữ Ước; những nhà báo lớn trên thế giới đều cử đặc phái viên đi làm bài tường thuật và chụp ảnh gửi về báo đăng hàng tháng trời không hề t.

## **6 ức quan tiền tây vứt ở trên đồng rác**



Trên kia đã nói Nữ Ước có phép màu. Thực thế, cái phép của Nữ Ước kỳ lạ thật nhưng không thoát khỏi tiên. Vàng, Nữ Ước đã vút 155 triệu đô-la vị chi là 6 ức quan lên trên một đống rác và phép màu là ở chỗ đã làm cho đống rác biến thành một cảnh thần tiên, thiết tưởng Giao Trì, Lãng Uyển của người Tàu vẫn tả cũng tân kỳ điểm ảo đến thế là cùng vậy.

Nguyên là ở ngoài châu thành Nữ Ước có một miền đất mông mênh ở đầu đảo Brooklyn xưa nay vẫn bỏ không, bùn lầy đến cỏ chân, suốt ngày không có một người đi lại, duy có buổi sáng thì một vài chục tên phu hót rác của thành phố ra đây để đổ rác và những cặn bã của thành phố vậy. Cái khoảng đất ấy, người Mỹ coi như là một cái *no man's land*, một đất không sinh vật, một khoảng đất bị bỏ quên mà hầu hết các thành phố lớn đều không lấy làm hãnh diện; người ta gọi nó là là một cái *flusing*, một chỗ bùn lầy nước đọng. Muốn được tiếng là một thành phố mỹ lệ nhất thế giới, Mỹ quốc há lại chịu để cái sọt rác ấy lù lù ở trước mắt mọi người ru? Nhà chức trách ở đầu nghĩ ngợi và sau người ta quyết định phải lấp nó, san nó cho bằng, tẩy uế nó. Đó là một công cuộc khổng lồ, một công việc vĩ đại, phải áp dụng hàng mấy mươi ngàn nhân công và máy móc. Đó, ở chỗ, đất ấy, người ta đã xây nên hội chợ quốc tế làm cho cả thế giới phải đổ dồn con mắt về và coi như là một công cuộc của thần minh vậy. Bây giờ xong hội chợ rồi, các gian nhà đã phá đi, nhưng thành phố Nữ Ước vẫn được lợi cái là có một bãi đất mênh mông để làm bãi chơi đùa tập thể thao, một khoảng đất tạo sức khỏe và tương lai cho nước Mỹ. Một phần khoảng đất ấy dùng để làm chỗ đậu tàu bay. Người ta đã tạo ra thế giới tương lai ở trên khoảng đất thanh tân ấy. Thanh niên nam nữ chạy nhảy và cất cánh bay hàng vạn triệu dặm. Ý nghĩa của hội chợ quốc tế ở Nữ Ước năm 1939 là cuộc đời tương lai, là thế giới ngày mai vậy.

## Quả bóng và cái tam giác trụ

Thoạt vào hội chợ, khách sẽ thấy lù lù trước mắt một cái quả tròn trắng to như một trái núi. Bên cạnh cái tròn ấy là một trụ tam giác rất cao. Cái quả bóng và trụ tam giác ấy hợp nhau lại thành một cặp bạn bí hiểm, một câu đố bất khả, một cái đầu lạ lùng làm cho ai cũng phải nghĩ ngợi rất lâu. Hình tròn là cái gì? Mà trụ tam giác là cái gì?

Về kỹ hà học, có hai cái hình ấy người ta có thể làm thành được tất cả các hình khác. Về vật lý học, cái hình tròn kia làm cho ta nghĩ đến quả trứng của Christophe Colomb: cái gì đã làm cho nó đứng? nó đứng ra làm sao? Đó là điều làm cho ta nghĩ ngợi. Khách vừa đi vừa nghĩ ngợi thì có một cái loa thét mạnh vào tai khách rằng: ai muốn vào cái quả bóng kia chơi thì trả 50 xu Mỹ hay là 19 quan. Trong ấy có cái gì? Có cái Democratopolis. Democratopolis là cái gì? Các bạn đọc xuống quá dưới này sẽ rõ. Ai trả tiền thì sẽ trèo lên cái trụ tam giác kia, đi qua một cái cầu nhìn xuống nước. Cái trụ tam giác ấy là cái Trylone, tượng trưng của thể chất và tinh thần mà văn minh là sự kết hợp (synthèse) vậy.

## Những gian của thế giới trong hội chợ

Muốn vào xem hội chợ người ta phải trả tiền vào cửa 75 xu Mỹ (28f 50). Nhưng mà được xem mấy trăm triệu bạc vàng ở trong đó. Nước nào cũng có mặt và nước nào cũng khoe khôn khoe khéo, bởi vì hội chợ chính là một dịp để cho các cường quốc quảng cáo nước mình với mọi người.

Hội chợ có một phần chính để điếm bình, rước đèn, tên gọi là bãi hoà bình. Cái bãi ấy ăn thông sang một cái bể cả ngày đêm nước réo lên âm ầm, đó là hồ Vạn quốc. Những gian nhà của các cường quốc trên thế giới, các lâu đài xứ sở đều xây đắp cực công phu mỹ

lệ ở chung quanh cái hồ ấ y: Pháp, Anh, Nhật, Hoà Lan, Ba Lan, Nga,... Nhấ t nhấ t không thiế u mặt một nước nào, trừ Đức. Cái hội mà nhiề u người nói đế n không thể nhin cười được là hội Quố c liên cũng góp mặt vào đấ y cho vui luôn thể. Phàm cái gì là cái quý giá nhấ t của một nước, người ta đem ra trưng bày ở đấ y để khoe mẽ với hoàn câ u: nước Pháp thì lấ y văn chương ra làm người ta khiế p phục và người ta khiế p phục cả về mấ y hàng cao lâu ở đó. Nước Anh thì trưng những hợp ước này hợp ước nọ, những sách về nhân quyề n, những thánh thư về chế độ dân chủ ra để cho người ta coi.

### **Ông có muố n nhìn một tí cái thế giới năm 1960 không?**

Không ngại, ông chỉ phải trả ít tiề n thì cái gì muố n xem cũng có. Ở trong hội chợ quố c tế Nữ Ước, người ta đã nghĩ đế n những người hiế u kỳ rô i nên ban tổ chức đã đặt ra cái Democratopolis ở trong quả bóng tròn mà chúng tôi đã nói trên kia. Trả 50 xu Mỹ, người nào vào trong quả bóng tròn sẽ thấ y một sự kỳ lạ nhấ t từ xưa đế n giờ. Ông bà nào đã đọc truyện Trạng Quỳnh xin chớ vội tưởng sự kỳ lạ đó là một dòng chữ tục tã n mà không ai dám nhấ c lại cho ai. Không, đây là một sự kỳ lạ về khoa học, ai bỏ tiề n ra thì sẽ được chui vào quả bóng tròn. Bạn đi qua một cái câ u và sẽ thấ y có hàng trăm người đứng đấ y đợi sẵn. Đủ số người rô i, ai ngô i xuố ng ghế của người ấ y và quả bóng tròn sẽ quay đi chung quanh một cái địa đô châu Mỹ. Cái thế giới năm 2000, cái Futurama có

500.000 nhà cửa lâu đài, một triệu cây cô i và 50.000 xe cộ sẽ hiện ra trước mắ t bạn: sự đi lại ô ạt như nước, nhà chọc trời cái nào cái nấ y cao 100 tâ ng, cửa hàng và hệ đường cho khách bộ hành đi lại để ở tâ ng thứ hai. Có bạn tá t sẽ hỏi rằ ng: bấ y nhiều nhà cửa xe cộ mà nhét vào trong một khu hội chợ, làm thế nào cho xuể được? Bạn chớ ngại, ban tổ chức đã lo xa nên cái Futurama, cái thế giới năm 2000 đây họ thu nhỏ lại nghìn vạn lâ n, những cây cô i nhà cửa chỉ bé có 80 phân tây mà nhà chọc trời chỉ cao ngắ t ngẫu độ... một

thước. Trong 20 phút đô`ng hồ`ngồ`i trên ghề` bạn thấ`y hàng nghìn hàng triệu phong cảnh khác nhau, tấ`t cả những cái kỳ quan của thế` giới ngày mai, những đô`ng ruộng khổng lồ`, những hoa màu tươi tồ`t, sông Mississippi, sông Gang, sa mạc châu Phi, những dải núi Pyrénés và Rocheuses, những câ`u cô`ng xé`p đặt không thứ tự trong như những nhánh nhỏ của một con sông khổng lồ`. Xe cộ đi lại như trong một giấ`c mơ quái dị, bao nhiêu xe cộ đi lại dập dìu như những hồ`ng huyế`t câ`u trong một thân thể khổng lồ`.

### **Văn minh thế` giới cho vào trong hộp cả**

Đáng chú ý nhấ`t trong hội chợ quố`c tề` còn là cái hội "ô`ng thời gian" (la capsule du temps) nữa. Chính vào giữa hôm khánh thành hội chợ, M. Whalen đứng đầ`u ban tổ chức dự một cái lễ cực kỳ lạ mà từ thượng cổ có lẽ chưa ai nghĩ tới. Đó là việc chôn ở chính giữa hội chợ quố`c tề` 1939 một cái ô`ng hình thoi trong đặ`ng tấ`t cả cái toát yế`u của nề`n văn minh hoàn câ`u hiện nay do mấ`y vị bác học ghi lại, trong số` đó có Einstein, Thomas Mann và giáo sư Milikom. Cái ô`ng thời gian này ban tổ chức hội chợ quố`c tề` làm bằ`ng kính pyre không vỡ được, để mấ`y mươi đời cũng không giập nát, dài 2 thước 30, rộng 20 phân, cân nặng 363 cân; cái ô`ng này đặ`ng giấ`y má gồ`m tấ`t cả 10.000.000 chữ; hội chợ quố`c tề` có ý muồ`n để lại cho con cháu về` sau, dặn rằ`ng chỉ đế`n năm 6938 người ta mới có quyề`n lấ`y lên mà xem thôi. Những người xem những di chú trong cái ô`ng này sẽ biế`t tấ`t cả cái tinh hoa, cái văn minh của thế` giới từ năm 4000 trước Thiên Chúa giáng sinh đế`n bây giờ có những gì. Ngoài ra ô`ng thời gian đó lại còn ghi lại những phát minh sáng kiế`n hiện kim: ban tổ chức không quên nhét vào đó một cuố`n phim chiế`u bóng dài 325 thước có giá trị ngang 100 cuố`n sách. Thêm vào đó lại có những hạt thóc hạt lúa để làm mẫu nghề` nông bây giờ, một cái mũ đàn bà kiêu mới. Nế`u nói đại mà chiế`n tranh thế` giới nay mai đây sẽ tàn phá hế`t thì cháu chắ`t chúng ta cũng không sợ không

còn một chút gì di tích của chúng ta để lại, chúng cũng không sợ không biết một chút gì về cái văn minh vật chất và tinh thần của chúng ta. Cái ông thời gian sẽ làm sót lại hết cả những thời đại văn minh hiện nay. Người ta đã làm đủ cách để cho bọn người mai sau đó sẽ hiểu nghĩa những chữ ghi trong cái ông thời gian đó. Cái gì trong đó cũng nhất tề thu nhỏ lại, duy có một cuốn Kinh Thánh và một cuốn dạy tháo từng ngăn cái ông ấy là bình thường mà thôi. Hiện nay trong nhiều thư viện có tiếng nhất hoàn cầu đều có cuốn sách thứ hai kia vì lúc in ban tổ chức hội chợ quốc tế in những 3.350 quyển.

### **Cha ông Sấm, mẹ bà Thiên Lôi**

Từ trước đến nay, người mình phàm muốn tỏ cái gì kỳ lạ thường nói "thật là phép tiên", mà ông nào hay bà nào muốn nạt người ta thường nói: "Ta con ông Sấm cháu bà Thiên Lôi". Người ta tưởng con ông Sấm và cháu bà Thiên Lôi là to lắm rồi, nào ai ngờ đâu ở trong hội chợ quốc tế đây, người ta đã không muốn là con cháu mà người ta cũng không muốn là chính ông Sấm hay bà Thiên Lôi nữa. Không, người ta muốn là cha ông Sấm mẹ bà Thiên Lôi kia, cho nên họ mới khinh thường, họ làm ra sấm sét, và trong hội chợ quốc tế có một gian suốt ngày đêm có sấm chớp nhân tạo nổi lên âm âm không dứt. Nói cho thực ra, trong hội chợ quốc tế người ta đã sai khiến điện một cách cực kỳ quái lạ, điện thực là một tên đầy tớ trung thành giúp ích người ta vô kể. Nhất loạt cái gì cũng cử động bằng điện hết, thậm chí đến trâu bò ở thế giới tương lai đây cũng ăn uống một cách điện cả. Nghĩa là trâu bò cứ ở trong chuồng, đến giờ ăn thì máy điện sẽ đem đồ ăn đến tận mõm cho chúng nó xoi. Không những sung sướng thế mà thôi, chúng không cần lợi xuồng sông xuồng ao để làm gì cho nhọc. Máy điện sẽ tằm cho chúng, mà đến việc vắt sữa chúng cũng lại do điện nữa thì mới là hoàn toàn chứ!

## Đá u hảo... sắ c đẹp

Phô trương những cái đẹp khoa học trong hội chợ quốc tế, ban tổ chức xét ra chưa đủ cho nên họ lại nghĩ cần phải phô trương cái đẹp xác thật cho hoàn toàn nữa. Bởi vậy tại hội chợ quốc tế lại còn có một cái bể bơi tên là Aquacade mỗi ngày có 40.000 người tới coi và thu được đồ đồng mỗi hôm 1.200.000 quan. Cái bể bơi này là nơi tập trung các sắc đẹp của hoàn cầu và được coi là một tác phẩm vĩ đại về sự mát mẻ và cái đẹp. Nước ở đây là một phần tử chính, nước rất xanh rất mát rất trong. Các tay danh kỹ danh hoa đều đến đó dấn mình ngà ngọc vào trong nước để phô trương da thịt của mình và nhân thể cũng để trình bày cái tài lợi khéo bơi giỏi nữa. Được chú ý nhất trong bọn đó là đào Eléanor Holm được bà là hoa khôi của bể bơi (aquabelle Ê 1) và chôn là Billy Rose.

Sau đến ngôi sao đã thủ vai Tarzan là John Weissmuller mà ai ai cũng đã biết tài bơi lội trong phim chàng đã đóng với con khỉ đột; Oct. Desjardins, Gertrude Ederlé, Jain Patterson, v.v... Tính ra thì tất cả bể bơi trong hội chợ quốc tế lúc nào cũng có sẵn 300 cô tuyệt sắc giúp vui cho thị giác người xem, 300 cô này đều là tay bơi thạo cả, cô nào cũng có vài ngón tuyệt vời, nhưng về mặt *plongeon*<sup>2</sup> thì ai nấy đều phải nhường cho Ray Twardy giữ chức quán quân *plongeon* ở Aquacade. Trên bờ Aquacade, những đàn bà rất tự do (về đủ các phương diện) đá u gươm đỡ mộc và đánh nhau loạn xạ làm sớ ng lại cả một thời thượng cổ. Chung quanh, hàng trăm cô mỹ miều mặc những áo "đu đờ" đi dẫn diều, làm cho những ông đạo mạo hết lời công kích và họ suýt xướng lên việc tẩy chay hội chợ.

Những cô này làm cho người xem chú ý bằng cách nào? Bằng cách ăn mặc đã đành. Bằng cả những dáng điệu. Nhưng thứ nhất là họ làm cho người xem chú ý đến mình bằng chim.

Nguyên các cô này có nuôi được những con chim lạ lắm. Người ta kể chuyện rằng ở Nữ Ước và Anh người ta thường luyện được một giống vẹt rất khôn để làm quảng cáo. Nhà bán rượu whisky V. chẳng hạn nuôi độ 50 con vẹt dạy cho nói sõi mấy câu cần. Vẹt thành thuộc rồi, họ nhốt mỗi con vào một cái lồng rồi đem gửi ở các nhà đại lý bán rượu whisky V. Thế là từ hôm đó trở đi, ai đi qua những nhà đại lý ấy đều sẽ nghe thấy con vẹt nói sa sả cả ngày "Tôi chỉ uống rượu whisky V.! Tôi chỉ uống rượu whisky V.!"

Đó, chim vẹt mà dạy làm quảng cáo đến thế tưởng đã là khôn tuyệt trần rồi; vậy mà ở hội chợ, cô Yvette Dare lại còn dạy được một con vẹt khôn hơn: con vẹt này mỗi ngày ra trò cho trăm vạn người xem và các ngài có biết nó làm gì không? Nó cởi quần áo cho cô chủ! Rosita Royce, một đào nhảy có nhan sắc tuyệt trần, lại có một nửa tá chim bồ câu làm trò trong hội chợ cũng được người ta chú ý. Sáu con chim đó đậu chằng chịt lấy người cô và mổ phở-mát, bơ và hoa quả đến mớm cho cô. Cô quý báu những con chim đó lắm nên tự tay tắm rửa cho chúng và tự tay tìm đồ ăn cho chúng. Chúng sẽ đáp ơn cô, nghĩa là mỗi khi chúng thấy cô không có quần áo che mình thì chúng bay vào phòng lấy quần áo ra mặc và lấy mũ đội và không quên cả vòng cổ vòng tay và hoa tai cùng giày dép. Đó, cái trò đó hàng vạn người đứng hàng mấy tiếng đồng hồ để đợi xem hằng ngày. Đã đành rằng ý nghĩa hội chợ không phải duy ở chỗ đó mà ra, nhưng tất cả ai cũng nhận rằng những trò chơi đó đã làm cho hội chợ thu tiền vô kể vậy.

Không biết đến bao giờ thế giới lại có một hội chợ thứ hai như thế.

**VŨ BẮNG**

*Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, số 89 (30.11.1941)*

# Đi xem kỹ nghệ và tiểu công nghệ Bắc Kỳ

*Đi xem kỹ nghệ và tiểu công nghệ Bắc Kỳ, chúng tôi đã có những cảm tưởng gì?*

Phải nói ngay rằng cảm tưởng của chúng tôi là những cảm tưởng hoàn toàn tốt đẹp. Thật chưa lúc nào chúng tôi thấy kỹ nghệ và tiểu công nghệ của xứ Bắc Kỳ phát triển mạnh như chúng tôi đã thấy ở trong cuộc hội chợ trưng bày năm nay. Thứ hàng gì cũng tỏ ra rất tinh xảo, những gấm, những lụa và những vóc bày tại những gian Lai Châu, Sơn La, Cao Bằng, Hà Giang có những màu sắc chọn rất khéo và dệt một cách rất mỹ thuật, tương hàng ngoại quốc cũng không hơn là mấy.

Tiền nhứt có lẽ nghề thêu và nghề dệt trên vải, có mấy bức hình dệt bằng chỉ ngũ sắc và thêu bằng tay trông tinh thần đảo đẽ, chẳng khác gì những bức vẽ bằng sơn. Chúng tôi nghĩ đến những người thợ dệt Việt Nam cần cù gò bó làm không mấy ai được biết, những cô gái Bắc thủy mị nét na suốt ngày gò bó ở cạnh khung dệt làm việc một cách khiêm nhường để kiếm ít tiền nuôi cha mẹ già yếu, giúp chồng và đỡ con. Những người thợ ấy, những đàn bà ấy có lẽ đã bỏ nhiều cuộc vui chơi, đã bỏ không đi xem nhiều đám hội để làm ăn, họ không biết rằng chính họ đã giúp nước, chính họ đã có công không nhỏ trong việc nâng cao trình độ thương mại, kỹ nghệ và tiểu công nghệ xứ Việt Nam ta vậy. Đáng khen nhứt là những phương tiện để cho họ làm những việc ích quốc lợi dân ấy lại không phải là do những ông bác sĩ, kỹ sư đã dày công ăn học ở ngoại quốc chế ra hay đem ở xứ ngoài về cho họ. Những đồ dùng của họ phần nhiều là cổ xưa. Họ phần nhiều không được đi học, họ không biết những lối ăn chơi ở các nơi đô hội [.....] họ biết



cảm thấ u cái đẹp của đò i núi, của đò ng ruộng nước Việt Nam. Họ biế t cái đấ t này là đấ t của ông cha để lại cho họ, họ phải làm việc để giữ lấ y, để làm cho cái hương hoá á y mỗi ngày mỗi đẹp, mỗi ngày mỗi hơn. Vậy họ làm việc. Họ là những người bé mọn, công việc của họ làm họ cho là bé mọn nhưng chính thực ra thì có những kế t quả rấ t to – [.....]

Nhưng tiêu công nghệ này ta có thể chia ra làm hai thứ: một thứ để luôn luôn áp dụng vào sự nhu câ u của nhân dân, một thứ do đại kỹ nghệ để ra hay là do những trường hợp đặc biệt khởi nguồ n từ cuộc chiế n tranh giữa Tàu và Nhật và cuộc chiế n tranh tàn phá Âu châu vậy. Những tiêu công nghệ thứ nhấ t mang ra so sánh thì không lấ y gì làm quan trọng lấ m và phát triển một cách từ từ nhưng được một tồ t là đê u. Trong hạng này ta nên kể nghệ làm lưới, làm vải, làm võng, làm đay, nghệ sơn, nghệ thêu, nghệ sùng, nghệ làm khay trai và khay đò ng, nghệ làm màn, làm lược, nghệ đan phen. Điề u đáng mừng nhấ t là nghệ đúc đò ng và nghệ làm chai cô c, các thứ đò thuỷ tinh, trong hầ u hế t các tỉnh Bắc Kỳ đê u tiế n đê u nhau lấ m lấ m. Bây giờ ta đã có thể tự phụ là những cô c chén của ta làm đê u đã tạm dùng được cả rô i, nhấ t là những bát, đôn, chậu của huyện Thanh Trì thì lấ m thứ nước ngoài cũng không hơn là má y. Mà lợi một cái là rẻ lấ m. Trong hạng thứ hai, ta phải kể nghệ dệt sợi, nghệ dệt lụa và ray-on, nghệ đắ ng-ten, nghệ dệt chiế u, nghệ thuộc da, nghệ nhuộm, nghệ làm đò máy và nghệ làm mạng tóc. Những người làm nghệ này ít lâu nay đã chịu biế n báo và nghĩ ra nhiề u cái máy rấ t khéo, giá những ông kỹ sư có học giúp đỡ mà chế hoá đi thì những máy á y có thể bảo là rẻ nhấ t và tiện nhấ t. Tiế c rằ ng nhiề u như nghệ dệt sợi, nghệ dệt lụa má y năm gầ n đây được tiế n một cách rấ t nhanh thì xảy ra có chiế n tranh thế giới: một mặt thì nguyên liệu ở nước khác không đem vào được, một mặt thì thị trường ở Âu châu và Viễn Đông đóng cửa, nên một ít nghệ bị đình trệ và không thể nào tiế n được hơn: đó thực là một sự

đáng tiế c. Nhưng đó cũng là một sự may bởi vì có thiế u nguyên liệu như thế nhiề u người mới chịu moi óc ra những thứ mới để bù vào chỗ thiế u kia. Bởi vậy, không lúc nào bằ ng lúc này, tiểu công nghệ nước ta bước vào một thời kỳ rấ t lạ. Tư nhân tạo được người ta để ý một cách đặc biệt. Lại ít lâu nay vì đò hàng ở ngoại quố c không vào Đông Dương được nên nhiề u nghề mới ở khắ p Bắ c Kỳ nảy nở ra. Chúng ta nên lấ y làm mừng mà thấ y ở phầ n nhiề u gian hàng trong hội chợ thuộc về khu vực Bắ c Kỳ đê u có những sản phẩm mới ấy: này là những cái ô ng thuỷ tinh, này là xà phòng, này là ngòi bút, giấ y thấ m, đò dùng bàn giấ y, đèn thắ p, đèn treo, "phanh" xe đạp, yên xe đạp, nan hoa bánh xe, những đò dùng làm vườn, thùng rượu vang, bao gạo, bàn chải, nhấ t nhấ t những thứ ấy đê u do người Việt Nam chế ra toàn bằ ng những nguyên liệu ở trong nước Việt Nam.

Riêng về bàn chải mũ, bàn chải răng và bàn chải giày thì, chúng tôi nhận thấ y và có thể cam đoan rằ ng hàng nội hoá tốt gắ p mười lầ n ngoại hoá. Chúng tôi nói tốt chứ không nói đẹp. Phải, nội hoá cố nhiên là không thể đẹp bằ ng ngoại hoá, cái đó ai cũng biế t; nhưng đã dùng bàn chải nội hoá thì có thể chắ c chắ n mười cái bàn chải ngoại quố c có khi không dùng được lâu bằ ng một cái bàn chải ta. Tốt nhấ t một cái là bàn chải ta lại rẻ, có khi một cái bàn chải ngoại quố c đắ t gắ p năm sáu lầ n tiề n một cái bàn chải ta.

Những thùng rượu vang của mình làm cũng tài lắ m. Từ trước, những thùng ấy ta vẫn phải mua của ngoại quố c. Cái máy làm thùng giản dị lắ m, không nhiề u khê một tí nào. Cứ xem cách làm như thế thì kỹ nghệ làm thùng còn tiế n lắ m, mỗi ngày một xưởng vừa có thể sản xuất hàng chục cái. Đáng mừng nhấ t là gỗ thùng này không phải mua từ ở ngoại nhưng chính là một thứ gỗ chúng ta có rấ t nhiề u ở Trung Kỳ, vì thế thùng của ta bán rẻ bằ ng nửa số tiề n ngoại quố c.

Kỹ nghệ khác ở nước ta năm nay cũng nhiều thứ khả quan lắm. Những tấm thảm, những mảnh chiếu cói và nhất là các thứ vải đẹp và bền có phần trội hơn ngoại quốc nhiều. Xét xem phần nhiều đều tạo nên bởi những cái máy do người mình nghĩ ra cả, thật là đáng phục và đáng nên khích lệ. Nghệ thuật, ai cũng phải khen, nghệ thuật thì sự cần cù chịu khó và cái tài khéo chân khéo tay của những cô gái nhà mình không biết có thể liệt vào bậc nhất không?

Chúng tôi nhắc lại là dưới mắt chúng tôi, cái ngành thương mại, kỹ nghệ ở trong hội chợ Hà Nội đều chứa đựng một vẻ lạc quan không ngờ. Dân ta là một dân khổ, nhưng cần lao, và đáng phục nhất là ít học mà có tài sáng nghĩ. Nếu những thanh niên được ở trong cảnh sung sướng, được ăn học ở nước ngoài về mà ai để chút thì giờ nghĩ đến sự tiến bộ của quốc gia mà gia công giúp giùm để cho các ngành mỗi hơn lên thì chắc thương mại, kỹ nghệ và tiểu công nghệ nước ta còn tiến nhiều nữa, mà chẳng mấy chốc nước ta cũng theo kịp bước người, không đến nỗi đốn hèn như người ta vẫn tưởng.

Một nước mà bất cứ chỗ nào cũng làm việc, cũng nghĩ, cũng cố gắng, còn triệu chứng gì làm vui lòng người ta hơn? Chúng tôi thấy ngay từ giờ nước ta đã chiếm một địa vị rất khả quan về mặt Viễn Đông rồi vậy.

**VŨ BẮNG**

*Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, số 90 (7.12.1941)*

## 450 ngàn triệu về việc quốc phòng

*Một năm nay Hoa Kỳ tiêu 450 ngàn triệu về việc quốc phòng.  
Một chương trình vĩ đại đang đem thực hành thì nổi lên chiến  
tranh Nhật – Mỹ*

Cuộc chiến tranh Nhật – Mỹ nổi lên ở Thái Bình Dương không phải là chuyện lạ; từ bốn mươi năm nay, ai cũng có thể biết rằng Nhật – Mỹ phải có phen xô đụng nhau ở trên mặt Thái Bình Dương, nhất là từ khi có Âu chiến đến nay, Mỹ và Anh hết sức giúp chánh phủ Trung Khánh và Nga Xô Viết. Những cuộc điếu đình Nhật – Mỹ vừa đây càng làm cho ta thấy tình thế Nhật – Mỹ quá căng rồi, nhưng nhiều người vẫn tin rằng nếu chiến tranh có bùng nổ giữa hai nước ấy thì cũng phải sang đầu 1942. Tình hình thế giới đã làm cho cái ngày khói lửa kia đến sớm hơn một chút: nó đến một cách gần như bất ngờ. Tuy vậy, ta có thể nói chắc rằng Nhật, Mỹ đều đã sửa soạn đâu đây cả rồi. Về phần Nhật, các bạn xem một bài khác nói kỹ hơn, còn riêng Mỹ thì ít ra cái chương trình phòng thủ và tăng binh bị trong năm 1941 cũng đã gần hoàn hảo. Từ trước đây Mỹ đã để ý đến Hồng Kông, Tân-gia-ba, Mã-lai, Úc châu và Nouvelle Zélande.<sup>1</sup> Đó là một trở ngại lớn cho Nhật. Nhật muốn huy trương thanh thế ở đó cần phải rất đả đốn, nhất là cần phải đợi xem hải quân Anh ra thế nào. Nếu trong cuộc Âu chiến này hải quân Anh bị thiệt hại không thể nào trở tay ở Viễn Đông, tất nhiên là những miền bể và đất nói trên kia sẽ bị vào tay những nước trong hợp ước tam cường vậy. Lúc ấy Anh chỉ còn cách là trông đợi ở hải quân Mỹ. Vậy hải quân Mỹ liệu có thay Anh mà làm tròn phận sự không? Chúng ta đã biết rằng từ trước đến nay Mỹ chỉ đứng ở địa vị khách quan mà nhìn thời cuộc và đợi giờ cuối cùng xem tình thế ra thế nào lúc đó mới ra tay. Cái chánh sách của Mỹ là

một chánh sách khôn ngoan đến cùng cực, vì tuy Mỹ có một hải quân mạnh nhất, đầy đủ nhất thực đầy nhưng Mỹ không có những nơi căn cứ cần dùng trong lúc chiến tranh bùng nổ.

### **Một cái thành bọc sắ t hay là Gibraltar ở Viễn Đông**

Muôn bù vào chỗ khuyết điểm ấy, từ cuối năm ngoái, Décembre 1940, những đại biểu của ba cường quốc, Mỹ, Anh và Úc đã họp bàn ở Hoa Thịnh Đốn. Người ta không biết đích cuộc bàn luận ấy có những tình tiết bí mật gì, nhưng cứ những lời suy đoán của chính giới thì Mỹ, Anh và Úc đã thoả thuận về nhiều điều, mà vấn đề Tân-gia-ba là một điều quan trọng. Mỹ đã để ý đến Tân-gia-ba là một nơi căn cứ quan trọng không kém gì Pearl Harbour và Hawaii. Từ trước, hàng trăm triệu đô-la đã vút vào đó để làm một chỗ căn cứ bền vững và mạnh nhất. Bây giờ người ta có thể nói Tân-gia-ba là một cái Gibraltar ở phía tây Thái bình Dương vậy.

Tân-gia-ba có một trở lực hơi quan hệ. Nếu ta nhớ lại cuộc tấn công của Nhật đêm 8 Décembre 1941 thì sẽ thấy rằng Nhật đánh Hawaii đồng thời ném bom ở Pearl Harbour, đánh Phi-luật-tân và Mã-lai. Nhật không đánh Tân-gia-ba trước có lẽ vì cần phải cân trọng trong việc này, chứ không bao giờ lại đánh Mã-lai, Phi-luật-tân mà không đồng thời đánh Tân-gia-ba. Bởi như trên kia đã nói, Tân-gia-ba là một nơi căn cứ phòng thủ kiên cố nhất, ở đó hải quân Anh và Mỹ hợp tác với nhau. Người ta phòng thủ Tân-gia-ba bằng những súng từ 40 đến 45 phân, bắn xa 50 cây số. Tân-gia-ba ngoài ra lại có một cái bể cạn có thể che chở những tàu chiến to nhất và một cái bể nổi chứa được những tàu chiến nặng 5 vạn tấn. Những công cuộc phòng thủ ở đây không ai biết rõ ra sao, nhưng ai cũng quyết rằng kiên cố và đầy đủ một cách lạ lùng. Tuy vậy, ta cũng nên biết rằng Anh Mỹ cũng gặp đôi điều khó khăn ở chỗ căn cứ ấy vì ở đây không có thợ chuyên môn để sửa chữa chiến cụ lớn. Dân ở đây hầu hết là người Đông phương, nên lúc này là lúc Nhật – Mỹ

chiến tranh, việc cần nhất trong công cuộc giữ gìn Tân-gia-ba là phải tải thợ từ Anh, từ Mỹ hay từ các thuộc địa của hai nước nói trên để làm cho hoàn toàn, đầy đủ. Trong cuộc Nhật – Mỹ chiến tranh này, Tân-gia-ba quan hệ lại còn vì có Hồng Kông bây giờ đã gần như thuộc quyền chi phối của hải quân và không quân Nhật rồi.

Chiếm Tân-gia-ba có dễ không? Muốn được địa vị ưu thế ở miền tây Thái Bình Dương, Nhật cần phải chiếm Tân-gia-ba. Chiếm Tân-gia-ba là một công việc khó khăn chứ không phải không thể được. Và lại, ví dụ có chiếm được Tân-gia-ba đi nữa thì nước đi chiếm cũng phải tổn hại nhiều: không quân, trong lúc này, giữ địa vị quan trọng nhất. Cứ theo như những tin tức sau cùng thì riêng Tân-gia-ba có 1.200 phi cơ đủ các kiểu, 400 đạu ở Mã-lai, lúc động dụng Úc-đại-lợi và Nouvelle Zélande có thể tải những binh khí tiếp cứu. Nếu Mỹ có thể đặt ở Tân-gia-ba những căn cứ không quân thì phi cơ sẽ rất nhiều bởi vậy từ đầu năm nay các xưởng chế tạo khí cụ chiến tranh đã bắt đầu làm việc dữ. Tuy các cuộc đình công nổi lên tiếp ít lâu nay người ta cũng cứ ước đoán rằng cái chương trình tăng binh bị của Mỹ ít ra cũng thành một nửa.

Sáng nay, 12 Décembre 1941, tin Arip báo cho ta biết rằng thợ thuyền ở Mỹ đã bắt đầu làm việc như thường, mà làm việc mỗi ngày 24 tiếng đồng hồ. Không hiểu trong mấy tháng nữa thì chương trình của Mỹ sẽ hoàn thành?

### **450 nghìn triệu quan dùng để tăng binh bị**

Có thể nói năm 1939 Mỹ chưa xong gì cả, nhưng từ 1940 Mỹ đã hết sức chuyên chú vào việc phòng thủ nên hết sức làm thế nào cho thực hiện được bản chương trình đã định. Cái chương trình này, đã được ưng chuẩn, sẽ dùng tới 10 triệu đô-la và tổ chức nên một đội quân 1.200.000 người, có tới 50.000 phi cơ. Muốn thực hành đúng cái chương trình này, Mỹ đã bắt đầu làm việc và người ta tính từ ba

đến năm năm nữa, Mỹ sẽ hoàn thành hai đội hải quân: một đội ở Thái Bình Dương và một đội ở Đại Tây Dương. Hiện giờ người ta cứ đoán rằng lực lượng hải quân, không quân và lục quân Mỹ như sau:

Phi cơ vận quân:	1er Juillet 1939:	2.000 phi cơ
	15 Août 1940:	3.200 phi cơ
	Đặt làm:	8.245 phi cơ
Phi cơ hải quân:	1er Juillet 1939:	1.648 phi cơ
	15 Août 1940:	1.897 phi cơ
	Đặt làm:	2.428 phi cơ
Lục quân:	1er Juillet 1939:	174.074 người
	15 Août 1940:	299.000 người
Hải quân:	1er Juillet 1939:	364 tàu chiến
	15 Août 1940:	408 tàu chiến
	(kể cả 50 khu trục hạm nhường cho Anh)	
	tàu chiến hiện đang làm:	138
Số quân hiện có:	23 Mai 1940:	136.164 người
	15 Août 1940:	147.513 người

### **Thêm 5 triệu đô-la nữa**

Hội Đức chiếm Pay-Bas và Belgique<sup>2</sup> khoảng 1940, Quốc hội Hoa Kỳ đang bàn bạc về ngân sách dự tiêu về lục quân và hải quân. Những ngân sách này phá hết các kỷ lục khác về thời bình nhưng Tổng thống Roosevelt cho thế là chưa đủ, lại còn tăng gấp đôi lên và thêm vào đó 5 triệu đô-la, vị chi là 450 nghìn triệu quan. Từ Juin 1940 những xưởng chế phi cơ hết sức làm việc để thực hành cái chương trình nói trên kia và nhiều trường ở Californie mở ra để luyện lấy nhân công vào làm những xưởng chế tạo chiến cụ. Như trên kia đã nói, đến ngày 15 Aout 1940 thì Mỹ sẽ có tất cả là 5.087 phi cơ. Làm suốt năm 1940 sang năm 1942 đáng lý nếu bình yên không có đình công ra thì Mỹ phải có 50.000 phi cơ. 7.674 phi cơ đã

đặt năm nay có lẽ sẽ hoàn thành từ Mai đến Juin 1942. Trong số 50.000 phi cơ ấy, lục quân sẽ có 25.000 và hải quân 15.000.

### **24.000 phi cơ**

Tính trung bình, là kẻ không có đình công này đình công nọ, Mỹ sản xuất mỗi tháng được 10.000 phi cơ. Nếu tin các công xưởng làm việc đều không đình công nữa mà là tin thực, thì mỗi tháng Mỹ sản xuất được 13 hay 14 nghìn vào khoảng đầu năm 1942, và tới 36.000 cuối năm 1942. Ấy là chỉ kẻ thợ thuyên làm việc 8 giờ một ngày chứ làm việc tới 24 giờ thì không biết Mỹ sản xuất tới bao nhiêu phi cơ hàng tháng!

Cứ theo sự xét nhận của các nhà chuyên môn thì tháng giêng 1939 Mỹ làm được 7.270 bộ máy phi cơ (tính hàng năm), tháng ba 1940 được 19.280; đến tháng chạp 1940 được 29.280 bộ. Ấy là chỉ kẻ những bộ máy nặng từ 1.000 mã lực trở lên.

Ban phòng thủ đã ưng thuận 7 cái hợp đồng, mà cái quan hệ nhất là 17.000 phi cơ tiêu Pratt và Whitney Wasp, giá 160.000.000 đô-la. Muốn thực hành công cuộc này, từ tháng Septembre năm nay người ta đã mở rộng những xưởng Howtford ở Connecticut.

Packard Motor Company nhận một com-măng 44 triệu đô-la làm những bộ máy phi cơ kiểu Rolls-Royce giúp Anh. Bây giờ Nhật – Mỹ giao tranh, số phi cơ này sẽ đem dùng vào hải quân Mỹ. Đồng thời Wright Aeronautica Corporation nhận làm hai vạn bộ máy phi cơ dùng cho lục quân và hải quân. Hải quân Mỹ định rằng đến 1er Juillet sang năm phải có 18.500 phi công. Còn lục quân, ít ra mỗi năm phải có 7.000 phi công lành nghề và dạy lấy 3.600 người ném bom.

### **Mỗi tuấn lễ 8.000 lính**



Hiện giờ lực quân Mỹ có độ 289.000 người. Tháng Mai 1939 có 230.772 và tháng Juillet 1939 có 174.074 người. Vậy là cứ mỗi tuầ n lễ Mỹ tuyển được 8.000 lính.

Đầ u Janvier năm nay có 50 chiế n xa và đã đặt làm 2.200 cái nữa, ước định nội năm nay sẽ có 6.000 chiế n xa. Hiện đã đặt 1.000 chiế c ở American Car and Foundry Company. Những chiế n xa lớn hiện nay dùng được là những chiế n xa 22 tấ n. Hãng Baldwin Locomotive Company đã bắ t đầ u làm những chiế n xa 100 tấ n, như những chiế n xa Đức đã dùng trong trận đánh miề n bắ c Âu châu. Bây giờ Nga dùng những chiế n xa 200 – 250 tấ n, không biế t Mỹ có theo đó mà làm những xe tăng khổng lồ hay không?

Hải quân Mỹ hiện có 15 chiế n hạm, 6 hàng không mẫu hạm, 37 tuầ n dương hạm, 201 khu trục hạm và 103 tiề m thủy đĩnh. Từ Mai 1941 Mỹ đặt làm 2 thiế t giáp hạm 45.000 tấ n, 15 tuầ n dương hạm, 4 hàng không mẫu hạm, 38 khu trục hạm và 28 tàu ngầ m. Vê` thủy quân Mỹ có tới ngày 23 Mai 25.045 người hiện số` â` y tăng lên

30.000. Nghĩa là hơn số` đã định là 3.500 người. Mới đây lực quân lại có ý định lập một dải 60 xưởng đúc súng đạn và chiế n cụ giá đế n 700 triệu đô-la, làm đủ đồ` dùng cho một đội quân có 2 triệu người.

**VŨ BẮ`NG**

*Trung Bắ c chủ nhật, Hà Nội, số` 92 (21.12.1941)*

# Nữ Ước phen này liệu có bị ném bom không?

Theo tin điện *Arip*, hôm 14 mới đây, thành phố San Francisco có nỗi còi báo động, nhưng rút cục chẳng có một máy bay nào bay đến để ném bom hết cả. Thế là từ hôm 8 Décembre đến nay, thành phố San Francisco phải hai lần sợ vụ vơ nạn máy bay đến ném bom, hai lần đều không việc gì cả, nhưng không phải vì thế mà người ta không tìm cách ngăn ngừa, phòng thủ.

Bởi thế, trong thế giới hiện nay mới nổi lên câu hỏi: Dân thành San Francisco sợ ném bom như thế có chánh đáng không? Và San Francisco, Nữ Ước có thể rồi đây sẽ bị ăn bom Nhật không? Không ai dám trả lời quả quyết cũng như ba năm về trước đây, người ta cũng đã thường băn khoăn về câu hỏi ấy mà kết cục vẫn không biết tin quyết ra sao cả.

Còn nhớ hồi đó là năm 1939, Đức quốc xã thẳng thế với những đội binh thần tượng hỏ đương ủa vào thành Prague. Nhiêu tờ báo Anh, Pháp, Mỹ đăng một cái tin khá ghê sợ: "Nữ Ước, thành phố ánh sáng đêm cũng như ngày liệu phen này có phải tắt đèn phòng thủ như kinh đô Pháp?" Thoạt kỳ thủy, tin ấy không làm cho ai tin cả, nhưng khắp mọi nơi người ta nghe thấy đồn rằng các quan chức trong thành phố đã rút bớt dân cư ở trong những cái nhà chọc trời bắ t ra ở ngoại ô và đào hầm hỏ để phòng nạn ném bom của những máy bay ngoại quốc. Nữ Ước bị ném bom! Cái Empire building bị tan nát? Cậ Brooklyn sẽ gãy và tượng thần Tự do sẽ trón ở dưới những túi cát? Dù thế nữa cũng không ai tin được, nhưng không phải là không có thể xảy ra. Ông René Wild phóng viên báo *Partout Magazine* bởi nghĩ thế nên đã vội vàng tìm tới toà lãnh

sự Mỹ ở Pháp để hỏi, bởi vì chính ông Wild cho chuyện này là chuyện thực mà cái tin "San Francisco và Nữ Ước rồi sẽ bị ném bom" không phải là một tin bịa đặt.

– ... Nhưng, nghề hàng không bây giờ dù tiến mau cho tới bậc nào đi nữa, chúng tôi cũng chưa tìm được lý lẽ gì để tin rằng lại có thể có một đội phi cơ bay từ nơi căn cứ ở Âu châu để sang tàn phá San Francisco hay Nữ Ước rồi lại bay trở về. Một quãng đường nào có phải nhỏ nhoi gì? 12.000 cây số không có chỗ nghỉ, mà phi cơ nào cũng chở nặng. Có thể nào như thế được?

Đó là lời ông Wild hỏi ông lãnh sự Pháp.

.....

note1 Nhưng dù sao đi nữa thì Mỹ quốc cũng đã phòng thủ kỹ càng rồi. Từ lúc trước khi xảy ra sóng gió ở Thái Bình Dương, công cuộc phòng không của Nữ Ước đã làm kiên cố lắm. Theo báo *New York Herald Times* thì thành phố ấy có tới 200 thứ súng cao xạ riêng chờ sẵn phi cơ bên địch. Vậy là về mặt phi cơ phóng pháo Nữ Ước đã tạm yên tâm rồi. Sự lo sợ chính của Nữ Ước không phải là ở chỗ đó, nhưng ở chỗ khác, chỗ quân địch dùng "pháo thăng thiên" để xuống kinh đô Mỹ vậy. Nguyên ít lâu nay khoa học tiến bộ một cách lạ lùng; có nhiều nhà bác học kỳ khu ngò ì trong phòng thí nghiệm chế ra được một thứ khí cầ u đi lên hành tinh gọi là *astronautique*. Những phi công cưỡi cái thứ khí cầ u này dự định sẽ đi từ hành tinh này sang hành tinh nọ để tìm những thế giới tốt đẹp hơn (hay xấu xa hơn?) cái thế giới mà chúng ta đang ở. Họ định làm như Jules Verne và Wells là làm sao thì làm cũng phải có một bữa đi dạo chơi Cung Quảng rồi rẽ vào Hỏa tinh mới được. Thoạt đầu, những ý tưởng kỳ khôi đó của Verne của Wells người ta còn cho là bông lơn, nào có biết đâu rằng đến ngày nay đã thành sự thực, tuy rằng những người bây giờ không thực hành đến triệt để những phương pháp "du lịch" của hai nhà bác học nói trên.

Như chúng tôi đã nói trong số báo "Hè", Jules Verne định cho hành khách lên thăm trời vào một viên đạn khổng lồ. Wells thì nhã hơn, muốn ngòi vào trong một quả bóng; quả bóng sẽ nhờ cavorite đẩy dần lên không bởi vì thứ cavorite có tính cách làm cho mọi đồ vật mất hẳn sức nặng đi. Đến các phi công đi astronaughtique nói đây thì mỗi người họ ôm lấy một viên đạn thường và sẽ do súng bơm hơi lên (projectiles-fusées) bắn lên. Đừng tưởng cái thứ khí cầu này là một trò đùa và đừng nhạo những nhà sáng chế ra astronaughtique là những người lảm cẩm. Nhà bác học phát minh ra thứ khí cầu này là một người Pháp rất sành về phi cơ tên là Robert-Esnault Pelletier, ông ta tin chắc rằng chẳng sớm thì chầy cái hơi đun người (la fusée autopropulseur) này cũng đưa người ta đi chơi từ hành tinh này sang hành tinh nọ như thể ta đi chơi xứ này sang xứ khác. Trước khi muốn tới cái kết quả ấy, những tay aéronautes này luyện tập dần dần. Họ chế ra cái "hoả tiễn" có thể đưa người ta lên cao khỏi mặt đất, đi tới lớp tầng-tinh-khí và dạo chơi rất lâu mới trở về mà không ngã rập đầu vỡ sọ.

Người Đức rất chú ý đến việc bay trên không khí này cho nên từ 1939 họ đã nghĩ cách chế ra những thứ xe riêng như những xe hai bánh của Bát-tý Na-tra ngày xưa. Trong bọn những nhà bác học ưa thích lối đi ngang vân giá vũ (không phải nhảy dù) này, bác sĩ Opel, một ông Citroen Đức, đã tìm thấy cái chết rất thảm khốc ở trong buồng thí nghiệm. Nhưng người Đức không nản chí, họ cứ ra công tìm mãi cách đi ngang vân, không đi ngang vân được lên tới chín tầng mây để tìm được bà Tây vương mẫu thì ít ra cũng phải đi ngang vân hoá vũ được chút xíu, bay cao độ vài chục cây số trên mặt đại dương, như thế họ có thể vượt biển được rất nhanh, nhanh như chúng ta chèo từng thây bao giờ cả. Biết đâu trong khi Đức tìm cách chế ra cái hơi để đi ngang vân được như thế thì ở một nước khác họ đã tìm ra được cái lối ôm lấy đạn mà từ ở trên trời bay xuống như quỷ cả? Nói thế này, có nhiều người tặc sẽ phải cười om, mà chính ngay cả

người Mỹ nữa, nhưng biết đâu, theo lời ông René Wild, sự đó lại chẳng có thể là sự thực...

Tuy vậy, – lời nhà báo Pháp, – chúng tôi cho dù sao cũng là dự đoán mà thôi. San Francisco và Nữ Ước chuyế n này phòng không thực vội và lo nạn ném bom ta có thể tìm thấ y những nguyên nhân rấ t gầ n [.....] Bởi vậy Nữ Ước phải phòng không rấ t kỹ càng mà chính ngay từ Canal de Panama<sup>2</sup> công việc phòng thủ đã kiên cố lấ m.

**VỮ BẮ`NG**

*Trung Bắ c chủ nhật, Hà Nội, số 93 (28.12.1941)*

# Hết hội chợ triển lãm Hà Nội 1941

Sau một tháng trời mở cửa để tiếp đón hàng chục vạn du khách ở khắp mọi nơi, Hội chợ triển lãm 1941 đã bế mạc hôm chủ nhật 28 Décembre vừa rồi.

Mọi người nay đã về cả. Một công cuộc tiêu tốn hàng mấy mươi vạn bạc, do hàng mấy mươi nghìn nhân công giúp sức đã dần dần tháo dỡ ra. Một vài gian hàng còn chậm chưa về được, còn thì hầu hết đã đóng rồi. Ngồi viết bài này, chúng tôi nhớ lại hôm chưa khai mạc hội chợ, chỗ này còn khuôn gỗ để làm rui, chỗ kia mấy ông đầu khoán còn đọc suốt thuyên thợ quét vôi, kẻ biển. Người ta hoạt động như một đoàn chim xây tổ và cái tổ ấy đã hoàn toàn xong vào chính lúc cần phải xong: quan Toàn quyền khai mạc; đoàn rước đuốc từ Cao Miên chạy về; thi công nghệ; những đợt sóng người liên tiếp ngày đêm không dứt. Suốt ngày, tiếng máy truyền thanh hét vào tai ta những lời quảng cáo, những sản phẩm do chính người mình chế ra. Ta thấy náo nức trong lòng và nhiều khi ta thấy nước ta cũng không đến như nhiều người vẫn tưởng. Chúng tôi nhận thấy điều này. [...] Người mình lúc nào cũng nhũn nhặn quá. [...] Sự thực hội chợ đã giác ngộ chúng ta: chúng ta là một dân nước văn hiến có một lịch sử, văn hoá và một nền tiểu công nghệ nếu không hơn thì ít ra cũng tạm đứng ngang hàng với nhiều nước ở Á Đông. Chúng tôi thấy sự ích lợi của hội chợ ở đó. Chúng tôi vì vậy ngày nào cũng có mặt ở hội chợ, và chúng tôi đã hết sức trình bày mặt trái và mặt phải để các bạn đọc xem.

Bây giờ hội chợ bế mạc rồi, chúng tôi ngồi nhớ lại những ngày tấp nập, hoạt động vừa qua mà còn tưởng như đang sống trong một giấc mơ cực đẹp. Cực đẹp mà vĩ đại. Chúng tôi cảm ơn những người đã cho chúng ta sống giấc mơ đó, chúng ta nhớ mãi và chúng

ta sẽ đem dùng cái kế quả chưa hề có mà hội chợ triển lãm đã đem lại; chúng ta sẽ nhớ tất cả những nhà công nghệ, những nhà xuất sản, những nhà thương mại đã giúp cho hội chợ triển lãm thành công một cách đích đáng, một cách vẻ vang như vậy.

### **Trước khi bế mạc hội chợ hai ngày**

Hai ngày trước hôm bế mạc hội chợ, hội chợ lại hoạt động thêm lên nhiều lắm. Những người vào xem càng đông hơn, tiếng nói ở máy truyền thanh càng mau hơn.

Thứ sáu 26 Décembre là ngày quan Toàn quyền Decoux chủ tọa cuộc phát thưởng kỳ thi tiểu công nghệ vậy. Từ 9 giờ sáng, hàng ngàn người đã đứng chờ trong hội chợ, từ chỗ cửa vào đến lầu đài trung ương. Lễ phát bằng cử hành trong lầu đài đó cực kỳ long trọng. Mọi người đều cảm động khi nghe thây quan Toàn quyền nói: "... Công chúng đã nhận chân thây cái ý muốn mạnh mẽ của xứ này để duy trì lực lượng kinh tế của mình mặc dầu những nỗi khó khăn hiện tại, để luôn luôn tăng gia lực lượng kia, mong ngăn ngừa những trở lực của ngày mai. Cuộc đấu xảo triển lãm này đã trình bày sự kế hoạch và tập trung những kế quả chính các sức hoạt động chính của chúng ta; cuộc thi công nghệ kế liễu hôm nay cho phép chúng ta khái luận một cách lạc quan về những khả năng của chúng ta..."

Có hàng trăm người được thưởng hoặc bằng tiến hoặc được lĩnh bằng ngợi khen trong cuộc thi này. Chúng ta thây rằng về bất cứ ngành tiểu công nghệ nào nước ta cũng có những người tài, kỳ khu nghĩ ngợi để khuếch trương nền thương mại và kỹ nghệ trong nước. Chúng ta không bao giờ quá tin mình, song nhân ngày thi tiểu công nghệ vừa rồi chúng ta có thể chắc chắn rằng chúng ta đã không phụ lời khen ngợi của quan Toàn quyền Decoux. "... Sự thông thương với hầu hết các thị trường ngoại quốc bị cắt đứt, xứ Đông Dương phải nghĩ đến những việc dùng tài nguyên của mình để chế ra

những phẩm vật cần cho đời sống của mình và trong việc khai thác những tài nguyên bản xứ, nên tiêu công nghệ, trợ lực bởi một nhân công vừa tinh xảo, vừa nhuần, cố nhiên là phải giữ một địa vị thượng đẳng". Thực vậy, có nhiều người lo rằng nên tiêu công nghệ của nước ta rồi sẽ bị đại kỹ nghệ bỏ xa. Sợ như thế là quá xa; chúng ta nên biết rằng tiêu công nghệ sẽ giúp một phần quan trọng trong việc kỹ nghệ hoá Đông Dương. Bởi vậy nên tiêu công nghệ cần phải khuyến khích và khuyến khích trưng, mà muốn khuyến khích trưng dân Đông Dương hiện trông vào chánh phủ nhiều lắm: trông vào sự mở mang việc cho vay tiền.

### **Thứ bảy 27 Décembre thi xe đạp Hà Nội – Sài Gòn**

Cuộc thi tiêu công nghệ hôm trước, hôm sau là cuộc thi xe đạp Hà Nội – Sài Gòn.

Cuộc thi xe đạp có một không hai này bà con năm xưa<sup>1</sup> trông đợi đã lâu lắm. Không những nó là một chứng cứ tỏ ra rằng trong lúc để ý bồi đắp nên văn hoá cho xứ ta chánh phủ lại đồng thời để ý khuyến khích trưng cả về thể dục để luyện cho chúng ta có một thân hình khoẻ mạnh khả dĩ sau này có thể đem ra làm việc hữu ích cho nhà cho nước, nhưng nó lại còn là một cuộc vui ý nhị trước hôm bế mạc cuộc đấu xảo triển lãm Hà Nội năm nay vậy. Hà Nội – Sài Gòn tuy xa nhau nhưng bao giờ cũng chỉ là một: cùng một dân, cùng một nước, cùng một ông tổ và cùng chịu ơn khai hoá của nước Pháp, Sài Gòn, Hà Nội bao giờ cũng là hai thủ đô chính của Đông Dương; một tình thân bất khả xâm phạm sẽ nối mãi, nối mãi những đồng bào ở trong dải đất hình chữ S giữa khoảng Hà Nội và Sài Gòn vậy.

Đúng bảy giờ rưỡi khởi hành, Trung tá thủy quân Ducoroy phát cờ ra lệnh, anh em cua-rơ Cao Miên đi đầu tiên còn anh em Bắc Kỳ đi đoạn hậu.



Lúc chúng tôi viết bài này thì chỉ mới có tin đoàn cua-rơ đi hết chặng đường thứ nhất Hà Nội – Thanh Hoá 181 cây số. Nhân (Bắc Kỳ) về nhà ở Cầu Giấy. Sơn (Bắc Kỳ) về nhà ở Phủ Lý và Nam Định, Thêu (Nam Kỳ) về nhà ở Ninh Bình.

Như trên đã nói, cuộc đua xe đạp này rất long trọng được anh em năm xưa cực lực hoan nghênh nên số sau chúng tôi ra một số riêng nói rất kỹ càng và không quên làm quà cho các bạn những tài liệu và chuyện xe đạp vui mà có ích.

### **Chính hôm bế mạc hội chợ triển lãm Hà Nội 1941**

Hội chợ Hà Nội đã bế mạc trong một bầu không khí tung bừng và náo nhiệt. Nhưng nếu nói những người đi xem hội chợ hôm đó chỉ là vì hội chợ sắp giã thì có phần không đúng hẳn. Đã đành sự hội chợ sắp đóng cửa thúc giục người ta đi xem một lần thêm nữa, nhưng cũng phải kể sự đi xem ấy còn hàm một ý nghĩa khác. Hôm đó là ngày "Cứu tế quốc gia". Như vậy những người đi xem hội chợ hôm bế mạc, phải nói là những người đã nghĩ đến cả bản phận của mình trong khi du hý. Và sự đông đúc, tấp nập ấy chứng rằng người ta lúc này đã vui vẻ làm những việc thiện, vui vẻ nghĩ đến cả người trong lúc nghĩ đến mình.

Hội chợ hôm bế mạc vẫn giữ được cái bộ mặt tươi tỉnh như hôm khai mạc. Buổi sáng không có gì khác; chỉ lúc gần chiều gian hàng của tỉnh Móng Cái có lẽ vì đường đất xa xôi nên đã bắt đầu thu dọn. Những người đi xem vẫn háo hức, những người bày hàng vẫn đôn đả. Những người đi xem chú ý hơn và những người có hàng bày sẵn sóc những đồ hàng hơn ngày thường.

Hôm khai mạc hội chợ, người ta đến xem cho biết; những hôm sau người ta đến nếu không phải là tìm một thứ hàng cần dùng thì ta để mua vui cho mắt; chỉ hôm bế mạc hội chợ, người ta mới ngắm

nghe đến cái ý nghĩa của hội chợ, mới hiểu cho cái công khó nhọc của những người tổ chức, rồi vì sợ không biết bao giờ mới lại có hội chợ nữa, người ta không ngại công đi khắp các gian, ngắm nghía từng thứ hàng một. Đã không ngại công, người ta lại còn e thì giờ đi mau nữa. Chừng hiểu cái tâm lý chung ấy, những người tổ chức hội chợ vào gần tối đã luôn luôn dùng ống truyền thanh nói ra: "Hội chợ hôm nay mở cửa đến tám giờ, mời các ngài cứ đi xem đi!"

Mở cửa đến tám giờ! Tôi đã gặp những người đang mãi miết ngắm một thứ hàng gì, vội rút đồng hồ túi ra xem cho biết mình còn được ở lại trong hội chợ trong bao nhiêu lâu nữa. Một ông bạn đồng nghiệp của tôi đã quanh quẩn luôn mấy giờ ở nếp nhà gỗ của sở Công chính Đà Lạt vẻ kiêu, hết ra lại vào, lại đi khắp bốn bề không biết là bao nhiêu lượt. Nếp nhà ấy có mấy buồng, bao nhiêu cửa và chập bảng bao nhiêu thanh ván, dễ thường ông bạn tôi đều nhớ hết.

Ở những gian hàng các xứ và các tỉnh, thứ thổ sản nào cũng được người ta ngắm rất lâu và người đứng trông hay bán luôn luôn phải trả lời những câu hỏi rất tỉ mỉ.

Trong những gian tiểu công nghệ và những nội hoá, người đến xem không kém gì những ngày đông nhất. Những bộ máy giản dị mà thân tình sáng tạo bởi những khớ óc thông minh của những người thợ vô danh sống âm thầm ở một nơi heo lánh, những bộ máy ấy đều được người ta không hết lời khen ngợi, chân thành khen ngợi. Khi cầm lên xem những chai rượu do người ta cất, những đồng dùng về việc bơm nước do người ta đúc, nói tóm lại là tất cả những thứ có thể thay được những ngoại hoá đương khan, người ta giữa lúc Hội chợ triển lãm sắp tan này, mới nhận thấy hết cả cái giá trị của những gia đình công nghệ. Những nội hoá ấy đã trả lời một cách thắm thía cho những người từ trước đến giờ có cái thiên kiến chỉ cho ngoại hoá là tốt, là đẹp.

Hội chợ triển lãm sắp tan, những người chung bày lúc đó cùng với những người đến xem một tâm lý, cố làm cho hàng mình để lại một kỷ niệm tốt cho những người đã biết đến. Người ta sắp lại những thứ bày trong nửa tháng đã xô lệch; người ta quét đi những lượt bụi đã bám lên; những cành hoa héo cớm trong những lọ dùng để trang hoàng cho gian hàng đã được thay. Tất cả từ người đến hàng như đều tươi lại, mới mẻ lại. Trong khi đó, những trò giải trí để thêm vui cho hội chợ sắp hết, lần lượt theo như chương trình đã định, diễn ra ở trong khu hội chợ. Được người ta để ý đến hơn cả là cuộc bán những thứ hàng đã quyên được để giúp vào quỹ cứu tế. Chúng tôi đã thấy nhiều người vui vẻ trả mua một thứ hàng đắt gấp ba bốn cái giá thực của nó. Vui vẻ với hội chợ ngày chót, người ta cũng vui vẻ làm việc thiện.

Cuộc rước đèn vòng quanh khu hội chợ báo cho người ta biết hội chợ đã bế mạc hẳn. Nhưng dù hội chợ đã bế mạc, dù từ mai đây những gian hàng sẽ là những gian bỏ trống, những bộ máy của những người bày hàng sẽ lại quay về để chạy trong những gian nhà tô i tằm, những nội hoá sẽ chở về để bày ở những nhà không lấy gì làm xán lạn cho lắm, song những nhà tổ chức hội chợ đã đạt được cái ý nguyện. Là làm cho chúng ta, – theo lời quan Toàn quyền Decoux đã nói trong bài diễn văn đọc hôm phát bằng cho những nhà tiểu công nghệ, – làm cho chúng ta hiểu rằng ta có thể tự cung cấp đủ cho ta, ta có thể dùng những tài nguyên của ta để chế ra những phẩm vật cần cho đời sống, nói tóm lại một câu là Hội chợ triển lãm Hà Nội đã làm cho ta tin được ở tương lai ta vậy.

**VŨ BẮNG**

*Trung Bắc chủ nhật*, Hà Nội, số 94 (4.1.1942)

## Bông, quán quân xe đạp 1933-1934

*Trong khi đoàn cua-rơ xe đạp Bắc – Trung – Nam và Miền  
đương đo bánh ở trên đường thiên lý, chúng tôi đã gặp Bông,  
quán quân xe đạp 1933-1934, chạy hàng vạn cây số mà chưa  
hề nổ lốp. "Ông Bông, ý kiến ông về cuộc đua Hà Nội – Sài  
Gòn – Cao Miên này ra sao?"*

"Tôi lo quá, ông ạ!" – "Cái gì? Lo cái gì?"

Nhà quán quân xe đạp Bắc Kỳ là Bông hiện bây giờ là chủ nhiệm xe tải khách đường trường. Ông ở một cái nhà rộng. Ông có vài chục người giúp việc. Suốt ngày trong nhà ông có tiếng máy kêu. Tôi đến nhiều lần tìm ông không gặp. Đến tận hôm nay, một ngày thứ sáu mưa dầm, tôi mới bắt được ông. Ông định đi Phú Thọ. Thấy chúng tôi đến, ông đành phải hoãn cuộc đi ấy lại. Và câu nói trước tiên của ông khi chúng tôi lên gác gỗ xuống ghé là câu này: "Tôi lo quá, ông ạ". Thì ra nhà quán quân xe đạp của chúng ta vừa mới trông thấy tôi đã biết ngay là tôi đến có việc gì. Nguyên tôi với Bông gặp nhau lần này không phải là lần thứ nhất. Từ 1925 đến 1936, chúng tôi đã gặp nhau luôn ở trên đường. Bông hôm ấy là một ông tướng trong làng xe đạp Bắc Kỳ mà kẻ viết bài này thì là một phóng viên bé nhỏ của báo *Trung Bắc tân văn*, thường đi theo các cuộc đua xe đạp lớn để viết bài tường thuật. Tôi đã trông thấy cái tài của Bông. Tôi biết rằng Bông đã có một thời xứng đáng làm một tay đàn anh trong làng đua. Vì vậy, trong khi đoàn cua-rơ Bắc – Trung và Miền rong ruổi trên đường thiên lý để so vanh bánh, người có thẩm quyền nói về cuộc đua ấy, theo ý tôi, là Bông vậy.

Cuộc nói chuyện của Bông với tôi hôm nay trên một cái gác phố Rollandes vừa là một câu chuyện thành thực giữa hai người bạn cũ đi hai đường đời mà lại gặp nhau, vừa là một câu chuyện tò mò của một người làm báo đã nghe chuyện hộ cho trên dưới mười vạn người đương trông chờ kết quả cuộc đua Hà Nội – Sài Gòn và luôn luôn muốn biết ý kiến của những người khác đối với cuộc đua ấy ra sao. Tôi hỏi Bông và sẽ còn có dịp nói chuyện với những tay đã lập được những thành tích vẻ vang trong làng xe đạp năm 1941-1942 vậy.

### **Tuần trà vừa cạn**

Tuần trà vừa cạn, câu chuyện bắt đầu. Bông mỉm môi lại nói với một giọng hăng hái và sôi sảng như người cua-rơ xe đạp mười năm về trước lúc sắp chạy đường trường vậy:

Tôi lo vì tôi không hiểu tại sao anh em Bắc Kỳ đến chặng Đông Hới lại chậm tới mười lăm mười bảy phút. Các báo hàng ngày ở đây đăng không rõ thì giờ. Tôi, đêm nào tôi cũng nghe radio Sài Gòn, bởi vì tôi nóng ruột quá, có lẽ nóng ruột hơn cả. Tôi muốn biết kết quả ngay. Tôi thú thực với ông, tôi đã tưởng tôi nghe lầm nhưng bây giờ thì đích rồi, không thể sai được nữa. Thật là một điều không may cho anh em Bắc Kỳ. Nếu tôi không bận công việc làm ăn, tôi quyết đi ngày đi đêm vào trong đó để xem công chuyện của anh em ra thế nào.

Tôi tưởng công việc của ông không để cho ông nghĩ đến việc ấy...

Ông nghĩ vậy chứ chính tôi, ngay từ hôm đầu tôi đã muốn đi theo anh em rồi. Đi theo như thế thì thú lắm. Tôi vừa được số ng lại những giây phút hồi hộp mười lăm năm trước vừa có hy vọng bàn bạc với anh em chúng bạn nhiều điều hay. Thật, làng xe đạp ở xứ ta mấy độ nay tiến quá. Các bạn tôi chơi hay lắm, hay không tưởng tượng được. Thân còn nhiều hy vọng về tương lai. Tôi biết rõ anh

ấy lắm. Bước tương lai của anh ta còn dài. Anh ta đang giữ chức quán quân làng xe đạp xứ ta hiện giờ về tài chạy mà vừa về tuổi nữa. Thân mới có 17 tuổi. 17 tuổi mà lại được nhiều thành tích vẻ vang như thế, có lẽ xứ Đông Dương này chẳng có ai. Tôi dám cuộc rằng chỉ trong hai năm nữa, nếu Thân cứ giữ gìn sức khỏe và tập dượt luôn luôn thì làng xe đạp Đông Dương không có một ai theo kịp hẳn. Hiện giờ, bởi vì Thân ít tuổi nhẹ cân và sức khỏe chưa phát triển được hoàn toàn nên cũng bị đôi phần thiệt hại. Tôi còn nhớ hồi tôi còn chạy trên vòng, một hôm Mégy có đưa cho tôi xem một tờ báo Pháp nói về những chuyện thi xe đạp. Tôi nhớ báo ấy có viết rằng ở các nước Âu châu, những cua-rơ xe đạp 18-20 tuổi mới chỉ bắt đầu dự những cuộc thi vi-tét.<sup>1</sup> Từ 22 đến 25 bắt đầu thi đường trường nhưng giới lắm chỉ chạy được từ 100 đến 200 cây số là cùng. Mà cua-rơ từ 22 đến 40 mới dự những cuộc chạy vòng quanh nước Pháp. Ở xứ ta, cua-rơ số ng không được phong túc lắm, lại thường dùng tài trước tuổi, đã đành là một điều hay, nhưng nếu những ông bà không biết chăm nom vỗ về thì những thiên tài ấy rất sớm bị mai một với thời gian vậy.

Thân được hơn anh em vì y rất có công phu luyện tập. Thân hay đều cả, còn Cư, Sênh cũng hay lắm nhưng có cái trội có cái không. Cư và Sênh làm cho người ta sợ vì nước rút. Còn về Nhân thì quả anh ta không thẹn với cái tên "con sên leo dốc" mà làng thể thao đã gán. Chơi được với con sên này còn có con cuốn chiếu Hắc, – Hắc đen, đen như con cuốn chiếu mà ta vẫn thường thấy về mùa hạ khi trời sắp đổ mưa! Cua-rơ xứ Bắc còn nhiều người giỏi nữa, có những cái tài khôn nói xiết, nhưng tôi chỉ nói về bốn anh trên này bởi vì tôi biết rõ mấy anh này lắm lắm. Tôi quý các anh ấy và tôi chắc các anh ấy còn đi xa, – đó là nói cả nghĩa bóng – đi xa nhiều nữa.

### **Khổ vì đôi lốp**

– Ông Bồng, chúng tôi nghiệm thấy rằng trong cuộc đua Hà Nội

– Sài Gòn – Cao Miên này, anh em Bắc Kỳ ta bị nổ lốp luôn luôn. Trong nửa tiếng đồng hồ tiếp chuyện, Bồng không kém hăng

hái một lúc nào. Nhà quán quân xe đạp đã có hồ i giữ luôn máy năm áo vàng liền, lúc nào cũng hăng hái hơn lên. Theo như lời ông nói thì người ta đã làm lắm khi cho là ông đã già. Ông hết sức cải chính những lời nói ấy:

– Tôi năm nay còn trẻ lắm. Mới có ba mươi bảy. Ở nước khác, 37 tuổi chính mới là lúc sức lực người ta phát triển và có thể đem hết tài trí ra để dự những cuộc đua dài. Tôi vẫn còn khoẻ lắm. Tôi vẫn còn đi xe đạp. Bởi vậy, dù bây giờ đã tạm gác giò rồi, tôi vẫn để ý xem xét về xe đạp và học về cách chạy của những nhà quán quân trong hoàn cảnh. Theo những sự hiểu biết của tôi thì xe đạp lúc thì phần nhiều bị nổ lốp vì người cua-rơ bơm bánh tham quá, bơm căng quá. Tôi không bao giờ bị vào trong "ca" này. Trong suốt một đời chạy thi của tôi, tôi có thể xin phép ông tự hào một chút rằng chưa bao giờ tôi bị nổ lốp ở trên đường trường. Đó là vì tôi cẩn thận trong sự tổ chức các cuộc dự thi cũng như tôi thận trọng trong việc tổ chức cuộc đời của tôi. Tôi ăn đúng lệ và ngủ rất sớm. Không bao giờ tôi trác táng, thức đêm. Tôi giữ thân thể, sức khoẻ thế nào thì mỗi khi dự một cuộc thi nào tôi cũng coi sóc cái xe của tôi như thế. Tôi chọn một đôi vành bánh tốt nhất để dùng. Lốp cần phải là thứ lốp hảo hạng. Mà những cái boyau đem sơ-cua, bao giờ tôi cũng chọn lọc rất kỹ mất mấy ngày. Nhưng không phải tôi đem những cái boyau mới nguyên như thế để mà dùng đâu. Những cái boyau secours<sup>2</sup> bao giờ bao giờ tôi cũng tập dượt trước lấy độ vài bốn trăm cây số cho quen đi đã. Thứ nhất là cần phải chọn cái đầu van nào thực ngọt để lúc cần đến thì bơm cho dễ. Còn nhớ có một lần đua lấy championnat<sup>3</sup>

ngày mừng hai tét tôi chạy nhá t về đến Hải Dương. Cùng một tốp với tôi có mấy người nữa trong có X. là bạn tôi. X. và mấy người kia rủ tôi xuống một cái nhà ở lề đường uống nước. Họ thì uống nước chanh. Tôi vừa đói vừa khát, lại không có tiền, đành phải vào một túp lều tranh xin một hơi nước lã. Uống xong, lúc ra tôi nhảy lên xe đạp chạy thì được một quãng đường, cái bánh sau của tôi nổ lốp, – đây là một sự nổ lốp đặc biệt, các bạn đọc ở dưới này sẽ biết. – Tôi vội nhảy xuống xem thì té ra là một cái đinh mới. Tôi vội nhổ ngay ra và việc tôi thay bánh chỉ làm trong chớp mắt. Tôi đã tập từ nhà. Cái đầu van đã ngọt, tôi chỉ tính đúng mấy nhát bơm thì đủ chạy. Tôi không phải nấn bánh như nhiều người, như thế mấy nhát nhiều thì giờ lắm. Đành này đã biết mấy nhát bơm là đủ, tôi cứ bơm đủ gần ấy nhát, vặn đầu van lại rồi đi luôn. Tiện và nhanh quá. Chẳng mấy lúc, tôi lại đuổi được bọn cua-rơ đi trước.

Câu chuyện này tưởng cũng nên kể lại để ông nghe vì trong đời đua xe đạp của tôi, chuyện này làm cho tôi thích mà cũng làm cho tôi tức nhá t. Đuổi được bọn cua-rơ đi trước rồi, tôi lại vượt họ. Gió lúc ấy nhiều, tôi mệt nên được độ một cây số tôi lùi lại đi sau. Cái môn bám là môn hay nhá t của tôi, tôi đem ra dùng. Kết quả đương tốp thì dùng một cái bánh xe đã ngang trước của tôi lại nổ. Thật là lạ, trong đời đua đi xe đạp tôi thực chưa bao giờ gặp cái "ca" như thế này. Tôi nhảy xuống, thì lại là một cái đinh nữa, dài bằng cái đinh thứ nhá t. Tôi giữ lấy hai cái đinh ấy và sau này các bạn sẽ thấy tôi làm gì. Nhưng ngay lúc đổi lốp ấy, tuyệt nhiên không có ai biết cả. Chỉ già một phút! Từ Hải Dương về Hà Nội, hai lần tôi nổ lốp mà đến đầu cầu Sông Cái tôi lại bắt được X. Đó là bởi tôi không bị nổ lốp luôn nhưng tôi chịu khó tập như mình bị nổ lốp luôn. Như thế có lợi lắm.

Tại sao trong suốt một đời đi xe đạp của tôi không nổ lốp bao giờ hết mà lần ấy tôi lại bị tới hai lần? Biết chuyện hai cái đinh rồi,



bây giờ tôi chắc ông không lạ nữa. Trong buổi họp của Tổng cuộc và các cua-rơ, tôi trình trọng đặt hai cái đinh vào một cái đĩa của hotel Coq d'Or và tôi thuật lại lúc tôi gác xe đạp chung với bọn cua-rơ nói trên kia để vào trong một cái lều tranh xin nước uống. Nhân tiện, tôi lại nhắc ông rõ luôn đến cuộc đua năm 1934 mà có người dám nói là anh em cua-rơ cũng đã dùng đinh để hại nhau. Tôi bây giờ cũng đã giải nghệ, tôi không cần phải giấu hay cần phải nói dối làm gì. Tôi có thể nói quyết anh em Bắc Kỳ không bao giờ phải làm những chuyện hèn hạ để tiện thể. Chính tôi trong một cuộc đua năm 1934 hay 1932 gì đó, tôi đã xuống chữa xe giúp một bạn trong Nam và bởi vì tôi chữa xe cho anh ta, tôi thấy cần phải coi cái xe ấy cho tới lúc về đích để khỏi mang tiếng là làm hại. Thực lắm lúc người đua xe khổ lắm: nghĩ đến xe, nghĩ đến mình và nghĩ đến cả người, có khi nghĩ đến người hơn là nghĩ đến chính bản thân mình nữa. Một nguyên nhân chính của sự nổ lốp xe, theo như ý tôi, thì do ở người cua-rơ. Ông có để ý nghiệm mỗi khi ta đi xe đạp, phớn lên, ta lái guidon<sup>4</sup> sang bên này quay guidon sang bên kia hoặc là nhấc bánh trước lên chơi thì hai bên cạnh cái lốp dẹp hẳn xuống không? Đó, như thế là cái lốp hại đi chứ còn gì? Nếu lúc ấy trên đường lại có hòn sỏi nhọn hay mảnh thủy tinh thì tất nhiên phải đâm vào lốp và cứ mỗi khi rún thêm một tí thì hòn sỏi hay mảnh thủy tinh đó đâm vào càng mạnh. Người cua-rơ đạp xe ở trên đường trường cũng thế. Biết mình hơn tốp khác rồi hay là tin chắc thế nào mình cũng đánh lừa bọn khác bằng cách lái bánh lái của mình rồi, người cua-rơ thường hay rùng mỡ đi gheo bên này gheo bên kia cho sướng. Có khi đi chậm, có khi lại cúi đầu cảm ổ đạp dấn, để không làm gì cả. Theo ý tôi, người cua-rơ xe đạp cần nhất là phải điềm tĩnh. Điềm tĩnh để vừa đạp vừa nghĩ mưu, cái đó đã đành rồi; nhưng điềm tĩnh để cho đừng rùng mỡ lên như thế dễ hại lốp lắm và nổ lốp là thường khi. Tôi không dám khoe chút thực trong bao nhiêu năm chạy trên đường, lúc nào, dù hơn hay kém người, tôi cũng giữ gìn đôi bánh

như bản mệnh và nhìn xuôi ng đường để tìm chỗ phảng phiu nhấ t để đi chứ không đi quàng đi bậy. Tôi nghiêm trang với chính tôi và không bao giờ tôi khinh chiế n với ai cả. Ngay từ lúc bắ t đầ u một cuộc đua nào cũng vậy, tôi cứ thấ y anh nào, dù có tiế ng hay không, mà vượt thì tôi cũng phải cố đuôi để bám cho kỳ được. Phương châm của tôi là: Chế t thì chế t, lúc nào cũng phải bám như một con... móc rách!

### **Cua-rơ Bắ c Kỳ có rấ t nhiề u mánh lối hay**

Điề u thuố c lá châm lên, câu chuyện nở trong một làn khói xanh huyê n ảo. Bồng nói:

– Đấ y, rô i ông xem, cua-rơ Bắ c Kỳ còn được. Qua đèo Hải Vân thì có lẽ không bắ ng anh em Trung, Nam, Miên, nhưng cứ ở trên đường trường, nế u anh em lúc nào cũng đờ ng tâm hiệp lực như lúc đầ u thì đừng nói Hà Nội – Sài Gòn làm chi, nói ngay như có chạy Hà Nội – Sài Gòn aller et retour<sup>5</sup> anh em Bắ c Kỳ cũng có nhiề u hy vọng chiế m nhiề u giải nhấ t. Đế n đây tôi xin ngừng câu chuyện lại mà nhận một điề u này: anh em trong Nam liề u lắ m, có khi đã định tranh ai thì quyế t tranh cho kỳ được, ngã chí tử không cầ n. Anh em Nam Kỳ vì thế có thể gãy xe đạp như chơi; nế u Bắ c Kỳ không giữ thì cua-rơ ở sau lên sẽ vấ p phải người đi trước và cũng bị ngã đè lên và rấ t có thể cũng bị gãy xe đạp nố t.

Anh em Miên có tài leo đố c, mà anh em Trung thì phầ n nhiề u chơi lịch sự. Bắ c Kỳ ta kém về leo đố c, có lẽ vì ngoài ta ít đố c mà cũng có lẽ vì ta ít tập leo. Không biế t trước cuộc đua này anh em có tập riế t leo đố c không? Nế u tôi có dự cuộc đua này thế nào tôi cũng để hàng tuầ n ra tập aller retour Ba Vì, aller retour Tam Đảo, tập cả ngược gió và xuôi gió. Ông ạ, tôi biế t, leo đố c ta đừng nên tham. Cầ n nhấ t phải đề u chân, chân này xuôi ng thì chân kia lên, chậm thì chậm nhưng đề u mà lâu mới. Chứ cứ làm cái lố i "ông sâu

róm" ở trên vòng ngày xưa thì... ché t không kịp ngáp! Dù sao, tôi bao giờ cũng tin rằng anh em Bắ c Kỳ đã không tập môn gì thì thôi chứ đã có công tập thì bao giờ cũng mau tấ n tới, không khó khăn gì cả. Tôi chắ c chỉ một năm nữa cua-rơ Bắ c leo đố c cũng giỏi như đi đường trường vậy.

Nói đê n đây, Bồng xoa tay nhỏm nhỏm ở trên ghê , như kiểu sắ p làm một sprint, <sup>6</sup> vù cười lên ha hả, tưởng có thể vớ cả nhà ra được: "Thích quá, thích quá, ông ạ. Làng xe đạp nước ta tiế n quá. Thú nhấ t là anh em xứ Bắ c ta không những đã tài lại có nhiề u mảnh lói và biế t đờ ng tâm nữa".

Tôi nói: Tôi biế t rằng trong các cua-rơ xe đạp cũng như bất cứ trường hợp nào trong đời người ta sự đờ ng tâm cũng là câ n.

– Chính thế . Không đờ ng tâm là hỏng hế t. Nế u có cách gì nhắ n ngay được cho các cua-rơ hiện giờ đương rong ruổi trên đường thiên lý, ông làm ơn nhắ n hộ với các anh em tôi rằng ở Hà thành hiện nay có một người bạn thân của họ lúc nào cũng câ u chúc cho họ luôn luôn đờ ng tâm hiệp lực với nhau và ăn ý với nhau trong tất cả các trường hợp đem thi hành mảnh lói. Ông ạ, trong các cuộc đua xe, tài sức là câ n nhưng mảnh lói cũng quan trọng không kém gì. Tôi có thể kể hế t mảnh lói tôi dùng mà tôi vẫn thường nói cho các anh em tôi biế t, nhưng có lẽ ông không nên viế t ra làm gì.

Bồng cười và nói thêm:

– Bí mật nghề nghiệp mà lại! Vâng, ông Bồng. Hôm nay ngô ì thuật lại câu chuyện giữa ông và tôi, tôi xin nhớ lại lời hẹn, không nói về các mảnh lói đó trên mặt báo.

Nhưng ông có thể cho tôi biế t rằng một phầ n lớn sự đắ c thắ ng của ông ngày trước là nhờ vì đâu không?

Vì mảnh lối. Những mảnh lối này không có quy tắc nhất định. Mình còn phải tùy ở cuộc đua dài ngắn, tùy ở những cua-rơ chạy với mình giỏi về môn nào rồi suy luận, rồi tùy mình thay đổi. Thi xe đạp có cái thú không tả được. Chân thì đạp, mắt thì nhìn, mà óc thì nghĩ mưu. Có khi bí, óc không nghĩ ra mảnh lối; có khi có mảnh lối mà mãi không thi hành được; có khi vừa mang thi hành thì kẻ tranh với mình đã biết ngay, mình lại phải biến báo đổi mảnh lối này sang chiến thuật khác ngay. Phần nhiều khi một mình thì không thể thi hành mảnh lối được. Ít ra phải có hai người nữa vào cánh với mình: người thì dẫn cho đối thủ mù trí đi. Khi đối thủ đã mù rồi, đã mệt rồi, theo một hợp ước riêng, sau khi đã ký sổ riêng với nhau rồi, anh nào nhất đạp về nhất, anh nào nhè cứ việc lên nhè... để cho đối thủ ăn bụi ở đằng xa.

Tôi xin thú thực rằng trong cuộc thi lấy giải quán quân 1934 (có cả cua-rơ Nam Kỳ ra dự) tôi ốm đẫy, thế mà chỉ vì có mảnh lối bọn Bắc Kỳ ăn giải hết, thứ tự nhất, nhì, ba, tư, năm không lấy gì làm khó khăn.

Như trên kia tôi đã nói, mảnh lối sẽ tùy nghi thay đổi từng giờ từng phút nên không thể nói hết, mà cũng không nên nói hết làm gì. Anh em Bắc Kỳ đi chuyên này đều là những tay mảnh lối cha cả, tôi yên chí lắm, nhưng nhân câu chuyện mảnh lối đây, tôi kể lại một câu chuyện mảnh lối giữa tôi và một người Pháp, tưởng cũng không phải là vô ích.

Hồi ấy, có lẽ là năm 1932 thì phải, vòng đua La pédale tonkinoise vừa phá được bốn năm, tôi toàn chạy đường trường nên lúc nào cũng chỉ nghĩ đến mưu. Xứng đáng chọi với tôi nhất có Mégy. Hồi ấy Hà Nội – Hải Phòng – Hà Nội. Đến khách sạn Métropole cua-rơ nào cũng phải xuống ký giấy. Tôi, Mégy và mấy người bạn đi một tốp. Chúng tôi quay lại nhìn đằng sau thì chưa thấy tốp thứ hai đâu. Chúng tôi bèn bảo nhau: Thôi, hay là bây giờ

chúng ta đạp từ từ để nghỉ và cứ thong thả xuống xe đạp mà ký, không việc gì phải vội. Thoả thuận. Mấy anh bả`ng lòng. Lúc ấy có độ 500 thước thì đến khách sạn. Nửa đùa nửa thực, tôi bèn cúi xuống rún, rún chơi thôi, rún hờ hờ. Bất ngờ thế` nào các tay đua kia tưởng tôi rún thực, cũng rún, rún thật lực và rún đến nỗi không đỡ được ở trước khách sạn Métropole nữa. Tôi giả vờ rún thành tôi xuống không khó khăn gì cả. Tôi ký giấy trước nhất. Đến lúc tôi nhảy lên xe đi, các cậu kia mới lấy đà quay lại được thì đã chậm bét ra còn gì!

### **Giang hồ` thoả` t đã động lòng bốn phương**

Trời đã về` chiều. Mà lại rét nên chóng tôi. Tư nhện hình như là giăng đầy trời. Bông ra nhìn trời mưa, đột`t một điều thuở`c nữa lên hút rồi nói nửa như với khách mà nửa như với mình:

– Cái thời ấy sung sướng quá. Tôi sống hoàn toàn là một nhà thể thao. Bây giờ vì sinh kế`, vì các cháu, tôi phải bỏ nghề` mà lắ`m lúc ngò`i nghĩ lại thì vẫn tiể`c quá, tôi tưởng như mình đã đánh mất một cái gì đẹp nhất. Những khi có những cuộc thi to nào, máu tôi lại sôi lên. Tôi lại muốn đánh một cái quầ`n đùi, lấy tay trở móc cái xe lên đem ra đường tập, tập như tôi chưa tập thế` bao giờ cả.

Mắ`t Bông mờ đi. Tôi nhớ lại lúc Từ Hải về` ở với Kiề`u ít lâu, một buổi sáng nọ thắ`y cò xí rọp trời bóng loa dây đắ`t mà: *Trượng phu thoả`t đã động lòng bốn phương!*

Bông lại nói:

– Tôi không biể`t về` nghề` báo nhưng tôi vẫn nghe thắ`y đồn` rằng nghề` báo là một nghề` bạc bẽo. Nhưng ai để chân bước vào nghề` thì không thể nào thoát được ra. Đố`i với tôi, xe đạp cũng vậy. Thắ`y anh em hoạt động, xin thú thực với ông rằng má`y hôm nay óc tôi lại sôi lên, tôi chưa già, tôi còn khoẻ, thế` nào từ nay đến sang

năm tôi cũng cố tập để chơi với anh em chuyên nữa. Nếu Tổng cuộc còn tổ chức một cuộc đua lớn như Hà Nội – Sài Gòn – Cao Miên này hay một cuộc vòng Đông Dương, xin ông tin chắc rằng kẻ này thế nào cũng có mặt ở cạnh các anh em cũ: Thân, Cư, Hắc, Sênh, Nhân... Ông Bắ`ng ạ, tôi trông đời đẹp quá!

**VŨ BẮ`NG**

*Trung Bắ`c chủ nhật, Hà Nội, số 95 (11.1.1942)*

# Con sên leo dốc

*Con sên leo dốc, bò từ miền nam Trung Kỳ ra Hà Nội; nói về cuộc đua Hà Nội – Sài Gòn – Phnom-Penh. – Mọi người đều tốt cả, chỉ trừ có trời và đường không tốt mà thôi! – "Ông Michaud thật xứng đáng làm một ông bầu xe đạp".*

Trong kỳ trước thuật lại câu chuyện của nhà quán quân xe đạp Bông, tôi có nhắc các bạn mấy tên quen biết: Nhân, Cu, Hắc, Sênh, Tandinh Lộc, Tê, Toàn và Kỳ.

Nhân, các bạn chắc đã biết rõ lắm rồi. Cái hôm anh chàng này còn ở Hải Phòng, anh ta "trù" Bông dữ. Mỗi cuộc thi dài, anh ta chỉ nhất định "chơi" có Bông thôi. Chỉ từ sau cuộc đua Hải Phòng – Hà Nội – Hải Phòng hôm 1932 hay 1934 gì đó, hai tay lão tướng này mới chịu bắt tay "ký giấy". Từ đây, người ta thấy Nhân hợp với anh em thành một khối bất diệt; Nhân hết sức giúp đỡ anh em trong các cuộc thi và cũng từ đó, cái anh chàng già tuổi mà cũng già già ấy được bè bạn đặt là con sên leo dốc. Con sên leo dốc, ai cũng nhận thấy là một tay cứng trong cuộc đua Hà Nội – Sài Gòn – Phnom-Penh. Anh đã giúp cho anh em Bắc Kỳ nhiều lắm. Thì đột nhiên, một buổi sáng thứ hai kia người ta thấy điện tín đánh từ Nha Trang về, báo Nhân thôi không chạy nữa. Các báo đều nói "Nhân về, làng xe đạp Bắc Kỳ thiệt rất nhiều". Chúng tôi, chúng tôi là những người nghĩ trước tiên như thế. Bởi vậy chúng tôi muốn tìm Nhân để hỏi tại sao Nhân lại quay về không đi trọn đến Sài Gòn – Phnom-Penh. Chúng tôi định hỏi nhiều việc khác. Nhưng vừa gặp, Nhân lại là người hỏi trước chúng tôi: "Thế nào? Đã có tin B'la – Sài Gòn chưa?" Hôm ấy là ngày chủ nhật, điện tín đánh kết quả chặng B'la – Sài Gòn vừa gửi ra. Tôi nói: "Ông không đoán được, ông

Nhân ạ. Mà các cô thiế u nữ câ m hoa đứng đơi cua-rơ về Sài Gòn cũng không đoán được đâu. Nam Kỳ không về nhấ t. Bắ c Kỳ không về nhấ t. Nhấ t là Nguyễn Phát Giá (Cao Miên), nhì là Sế nh (Bắ c), ba là Thêu và Đượ m (Nam Kỳ)". Nhân thở mạnh: "Tố t quá! Tố t quá! Tôi không được dự cuộc đua này nhưng ngô ì ở đây, tôi đã biế t. Giá về nhấ t là chính đáng lắ m, không nói chuyện may rủi được. Sế nh kém 1/3 bánh xe đạp về nhì, cũng hay. Thôi thế là cũng tạm yên tâm rồ ì ông ạ. Nói cho thực, cuộc đua Hà Nội – Sài Gòn – Phnom-Penh này không có điề u gì đáng cho chúng ta phàn nàn lắ m. Rắ t công bình. Mà anh em Nam Kỳ trọi như thế, thực đáng hoan nghênh lắ m. Riêng với anh em Cao Miên, chúng tôi có một cảm tình đặc biệt. Anh em chơi lịch sự và có tinh thầ n thể thao, đáng để chúng ta suy nghĩ.

### **Tại sao ta kém?**

Nhân là một người đứng tuổi, gầ y, và ăn nói giữ gìn. Điề u người ta nhận thấ y trước nhấ t ở anh là tính thành thực, nghĩ sao nói thế. Những người trọng sự thực, những người thực muố n biế t sự hay dở trong cuộc đua này sao lại không muố n nghe những lời anh nói?

– Tôi không phải không gắ ng sức. Tôi gắ ng sức lắ m để ở được với anh em cho đế n hế t cuộc thi, nhưng quả tình không thể được. Tôi ô m, ông ạ, hình như bị sớ t rét thương hàn thì phải. Không về, mình chề t ở dọc đường, ai thương mình? Tôi bây giờ ngô ì ở nhà nghĩ lại những chặng đường đã qua mà sợ. Không phải sợ sự trá c trở, sự đua ganh, không! Tôi sợ những con đường, như ở Đồ ng Hói chẳng hạn, góm! sao mà quý thế! Anh em cua-rơ ta kém 20 phút ở chặng này. Thật vì không may cũng có mà vì đường cũng có. Đá lỏm chỏm như bàn chông. Đường chưa rải cát nổi lên những hòn sỏi to bằ ng cái bát điế u, bằ ng cái á m bình tích vậy. Thân nỏ lồ p ở chặng á y bớ n năm lầ n. Tôi đơi hắ n cho có bạn ở nhiề u nơi. Tôi giúp anh em và anh em cũng giúp tôi. Tôi lắ y làm thú mà nói rằ ng anh em



Bắc Kỳ ta đoàn kẹ́t lắ́m, chơi hay lắ́m mà Tổng cục Bắc Kỳ cũng săn sóc đẹ́n cua-rơ lắ́m, chỉ phiề̀n một nồi... Nhân mời chúng tôi uớ́ng nước. Câu chuyện thân mật giữa ba người lúc này đã đẹ́n đoạn hăng. Tôi hỏi:

– Thề̀ thì ông bảo tại sao chúng ta lại kém, lại bị lự́t trong bảng thứ tự từng đoàn như vậy?

– Tại sao? Tôi xin nói thẳng: tại chúng ta giỏi lắ́m. Không tập và không được ăn ngủ đẹ̀u mà thẳng như thề̀ đã là pho<sup>1</sup> lắ́m. Thân chơi một lúc năm, sáu cái nhắ́t đã làm nổi tiế́ng tá́t cả làng cua-rơ Bắc Kỳ. Cả Đông Dương đẹ̀u sợ. Nhưng ta nên biế́t rằ́ng cua-rơ ta chạy không đẹ̀u, có người giỏi quá, có người tồ̀i quá. Ví dụ bây giờ mình có mười lăm người đi. Thì trong số́ á́y tôi xin cuộc với ông rằ́ng sáu người là hạng khỏ́, bớ́n người là vừa chơi, hoạ chỉ có năm, sáu mộ́ng là xoi được. Nam Kỳ và Cao Miên không thề́. Họ có người chơi rắ́t hay như Các chẳng hạn, có thể gọi là hoàn toàn được. Nhưng toàn bọn của họ thì cũng không phân nần được: họ có mười lăm người thì xin ông chắ́c chắ́n với tôi rằ́ng mười người của họ chơi rắ́t ăn ý với nhau, hai người vừa, còn chỉ ba người tồ̀i.

### **Cho tôi biế́t cái nguyên do!**

– Nguyên do? Nguyên do sao lại thề́. Thừa với ông bạn, nguyên do chỉ vì cua-rơ Bắc Kỳ ta không được tập đẹ̀u đó thôi. Ta phải chịu cái hay của người để biế́t cái dở của mình. Anh em Nam Kỳ chịu tập hơn. Và được các ông bầ̀u săn sóc. Anh em Miên thì tháng tháng tập bảy ngày liề̀n, nghỉ vài ngày rồ̀i lại tập bảy ngày liề̀n. Như thề́, không những họ quen chân, dai sức, họ lại còn ăn ý với nhau nữa, đi rắ́t dễ. Họ đi hàng tháng cũng thề́. Họ không chề́t gồ̀i.

Này ông, nhân tiện đây tôi xin nói cho ông biế́t một chuyện: ở Bắc Kỳ ta có những kẻ rắ́t buồ̀n cười lố́ linh. Họ cho rằ́ng tập

dượt luôn như thế ́ hại sức, cho nên họ không hoan nghênh sự tập dượt của anh em. Hai tháng dượt một lầ ̀n thì chơi thế ́ nào được? Văn câ ̀n ôn võ câ ̀n luyện mà bảo là tập dượt sợ hế ́t sức, lắ ́m lúc tôi tự hỏi có phải là họ điên không? Tôi biế ́t, ông ạ. Từ cuộc thi Lạng Sơn đế ́n cuộc đua Hà Nội – Sài Gòn – Phnom-Penh, nghĩa là từ đầ ̀u mùa đế ́n giờ, anh em Bắ ́c Kỳ không tập một lầ ̀n nào. Không tập lắ ́y được hai ba trăm thước, chứ đừng nói tập dượt như anh em Nam Kỳ, hay bầy ngày luôn như anh em Cao Miên làm gì. Sự thua kém của ta là ở đố ́.

### **Những nỗi dục đường**

Nhân uô ́ng nước rô ̀i nói tiế ́p:

– Ít tập mà thắng luôn năm, sáu chặ ́ng một lúc như thế ́, ta phải nhận rằ ́ng đố ́ là cái chân tài của anh em Bắ ́c Kỳ. Chúng tôi không quên sự săn sóc của Tổng cục đố ́i với chúng tôi, nhưng xin thú thực chúng tôi đã ao ước số ́ phận của anh em Nam Kỳ lắ ́m.

Cứ đế ́n mỗi tỉnh, anh em Nam Kỳ lại vào ở những phòng rộng rãi, nghỉ ngơi và ăn uô ́ng trong khách sạn. Họ ký bông và lúc về ̀ Tổng cục của họ sẽ trả tiề ̀n cho họ. Ở Bắ ́c, anh em cua-rơ mỗi người được tặng mỗi ngày 1p, nhưng tiề ̀n á ́y chỉ đủ đi xe và ăn cháo. Ở tỉnh nào cũng vậy, chúng tôi phải ngủ ở trại, ở nhà thương. [.....]<sup>2</sup>

Sau, thực là vì cảm cái ơn của trung tá Ducoroy và ông Eminent coi cua-rơ như con cái trong một nhà nên chúng tôi lại phấ ́n khởi mà đi nữa. Ông Ducoroy và ông Eminent thực là ân nhân của chúng tôi. Xin cảm ơn vạn bội!

Riêng ông Scrépel cũng tô ́t lắ ́m. Nhưng tiế ́c rằ ́ng ông bận thì phải. [...] Trong khi á ́y thì ông bầ ̀u của các cua-rơ Sài Gòn, – ông Michaud – lắ ́n vào các cua-rơ mà săn sóc như một người cha thân ái săn sóc con thơ vậy. Ông đắ ́m bóp cho cua-rơ của ông, ông bỏ cả

com, ông dậy từ bốn giờ sáng để sửa m sửa cho họ và bàn với họ hôm nay nên chạy như thế nào. Có hôm tôi đã thấy ông chạy gọi hàng quà cho cua-rơ ăn lót dạ. Ông Michaud được các anh em Nam Kỳ quý lắm. Mà anh em Bắc Kỳ cũng quý ông. Ông làm cho cua-rơ đáng lẽ chạy được bảy cũng chạy lên được mười.

### **Trước khi ra cửa**

Chiều. Chúng tôi ngồi nói chuyện đã lâu xin phép ông Nhân ra về. Mâm cơm để ở trên giường ghế ngựa trời này mà nguội, ăn không ngon nữa. Ông Nhân bắt tay chúng tôi và nói thêm:

– Thêu Nam Kỳ bền sức, Các thì hoàn toàn hơn. Nói sự thực, họ có tài cả mà thú thật là họ hay thì hay đều, mà đoạn nào may thì cũng may đều. Bắc Kỳ ta chuyên này về chắc sẽ học được nhiều điều tốt. Mà những người cho rằng tập dượt là surmener<sup>3</sup> chắc sẽ xấu hổ vì điều mình đã nhận làm. Tổng cục Bắc Kỳ chắc hoan nghênh ý kiến này lắm lắm. Chúng tôi bắt tay nhau từ già. Nhân giữ chúng tôi ở cửa và nói thêm:

– Mà còn điều này nữa, ông ạ. Anh em Bắc Kỳ đã thua thiệt đủ điều rồi, áy thế mà ông phải biết lại có những hạng người răn gan răn ruột bóp chẹt anh em nữa. Tôi muốn nói đến một số nhà buôn xe đạp ở đây; họ đầu cơ, bán một cái boyau xe đạp tới tám chín mươi đồng bạc. Nghèo thì chơi xe đạp thế nào được, phải không ông? Mà giàu, tôi tưởng cũng không phải dễ, đã đành giàu có thì một cái roue libre<sup>4</sup> 12\$, cả cái xe 250 – 300\$ chẳng làm gì, nhưng ông phải biết mua được cái xe đạp đi được bây giờ mình chỉ còn cách lạy từ anh chủ hàng lạy đi. Tôi quyết là ở Nam Kỳ không có chuyện đau lòng như thế. Ở Bắc, trước hôm đưa hai hôm tôi đi vận động mua hai cái boyau 70\$. Nó bắt tôi đặt tiền trước để nó com-măng. Trước hôm đưa tôi đến lấy. Nó bảo tôi không có. Tôi van lơn nó, nó tăng lên 10 đồng nữa. Đành vậy chứ biết làm sao? Tôi phải cắn

rằng chịu vậy nhưng thực tôi oán chúng lắm, tôi cho một phần sự  
kém sút của anh em mình cũng do ở chúng, – chúng đồng tội với  
giống rệp giống muỗi đã làm kiệt sức chúng tôi ở những tỉnh Vinh,  
Đồng Hới, Huế, Quảng Ngãi, Tourane và vân vân!

**TIÊU LIÊU**

*Trung Bắc chủ nhật*, Hà Nội, số 96 (18.1.1942)

## Xuân không có tuổi

Từ má y hôm nay, cái rét căm căm đã cùng với gió bấc bay đi trốn ở một phương trời khác. Mưa thưa hạt, không đục nữa nhưng xanh mà dịu. Ánh sáng hồng chan hoà ở trên những cánh đồng mạ non có những con cào cào mặc áo cánh sen bay từ mô đất này sang chuôm nước khác. Cây đào ứ nhựa đẩy ra ở đầu cành những cánh hoa gửi gắm thơm như đường. Và ở khắp trên đồng trên núi, từ phố xá chật ních người đi sắm tết đến bờ ao ruộng lúa quanh năm êm ả, lá thắm chen vào hoa tươi; màu xanh ngút ngàn ở trước mắt người ta; ai cũng biết là trời tình cảnh đẹp và chim ca hay quá. Người ta thấy vũ trụ như giãn ra; đất mở rộng để kêu sự sống; gió như mang một thứ âm nhạc mới của trời lại cho đám thế nhân. Ai cũng biết có sự gì đổi thay đây, nhưng chưa ai dám tin chắc thế ... Thì hôm nay, một tia sáng gõ vào mặt kính cửa sổ một cái gác cao trong một phố hẻo lánh kia. Người trẻ tuổi bừng mắt chạy ra mở cửa. Và thực đến tận lúc ấy người ta mới dám tin chắc là mặt trời đã đem mùa xuân lại cho ta, mùa xuân tươi tốt bao giờ cũng trẻ, mùa xuân êm ái không có tuổi nên chẳng bao giờ già.

Khách hít mạnh khí lành vào trong người và đưa mắt nhìn sang phòng của người đàn bà trẻ tuổi ở gác trước cửa đương ngó xem báo: một điểm hồng ở đâu vẻ hiện lên trên đôi má ngày thường vẫn trắng của người đàn bà ấy. Tóc hình như xanh thêm. Trên bàn, cánh hoa thủy tiên thứ nhất soi gương trong cốc nước; gió dịu hiền và những bông cúc vàng thôi không ngậm ý nữa đã bắt đầu thả cái tình thoang thoang trong gian phòng mờ ảo như sương.

Người trẻ tuổi thấy lòng căng nhựa sống. Y đã viết xong những bài tất niên để đăng trên số báo xuân. Và hôm nay thấy rằng, in như những bông cúc nở, số báo xuân đã thả những ý của y đi khắp

nước, y thấy lòng nhẹ hẳn. Đã bao đêm, người viết báo thức thâu canh với gió để tìm một màu xuân? Đã bao đêm, y thức một mình, khổ một mình để lo Tết... lo Tết cho người khác! Hôm nay, thấy mình đã đem được ý Tết đến cho người rồi, đã thấy mình làm cho người ta quên được trong giây phút những buồn khổ trong một năm qua, y khép cửa sổ lại và gieo mình ngủ yên xuôi ngoảnh.

Thôi, thiên hạ họ sung sướng rồi. Để cho họ đón Tết cười xuân! Trên thượng tầng căn nhà bé nhỏ kia, người viết báo lúc đó mới ôm đầu dựa vào cái ghế mây để ngủ.

Mưa lã tã rơi đều đều xuôi mái nhà. Ở những chòm lá cây ngoài đường chĩa vào căn gác nhỏ, một mùi thơm huyền ảo tiết ra; nụ hoa, như có bàn tay thần bí đung vào, hé nở, và trông tựa như những cái trứng tí hon bằng vàng bạc. Hoa và lá đu đưa, tiếng vàng tiết bạc xen lẫn nhau tạo nên một khúc nhạc lạ lùng không có ai nghe thấy cả, chỉ có người viết báo mộng một buổi sớm xuân nghe thấy rõ mà thôi:

– Chàng trẻ tuổi ngủ mà làm gì nữa! Anh ca tụng chúng tôi trong những bài báo xuân tốt đẹp, lẽ nào anh lại không có lúc tin rằng xuân đẹp thực ư? Anh có nghĩ rằng bao nhiêu cây mai cây mận ở ngoài trời kia đều trắng tinh như tuyết, những lá non bắt đầu tãi ra và nụ đào nụ lý nụ hồng nụ hải đường nụ cúc đã hàm tiếu và bắt đầu đem phấn hương bay khắp trời. Ở trên những bờ tre ruộng lúa, cảnh vật đẹp như một tấm thảm của thần tiên dệt. Rêu mịn mà xanh bực lầy những lối đi vào làng; ao chuôm sáng rọi và im lặng ôm những cái bèo cám bèo tấm bèo cái xanh như ngọc thạch; làng nào cũng mở hội trò ngêu đờ t pháo, tế lễ và khói hương nghi ngút.

Chàng trẻ tuổi! đôi lúc, anh cũng cần phải nghĩ đến thân anh một chút. Anh há lại không biết rằng Tết đến người nhà quê cũng

ngủ tay bừa một hôm để ăn miêng cá, nếm hạt gạo và, – nếu biết chữ – thì ngâm ngợi mấy vần câu đố i đố?

### 386 CÁC TÁC PHẨM MỚI TÌM THẤY

Tết là cái mốc của thời gian đánh dấu một đời người. Xuân về để nhắc lại cho ta rằng dù chân lấm tay bùn, người ta đôi lúc vẫn phải nhớ tôn thờ cái Đẹp. Bởi vậy, dù không muốn, đâu xuân cô gái quê nhìn xuống nước soi gương cũng thấy đẹp thêm ra. Miêng trâu cau mới, một tí hồng điều khe xoa lên đôi má đỏ, cái cười làm chết mệt anh Nhiêu. Chàng trẻ tuổi! dậy mà đi về đồng nội, đừng quên rằng hôm nay là Tết, hôm nay là Xuân, và muốn tận hưởng tết, tận hưởng xuân, anh cần phải quay về chỗ đồng quê nội cỏ...

Quê hương! ta ghen với số phận của mi! Từ lúc có hơi xuân thổi tới, người đã lấy lại được hết cả những cái gì người mất, mà ta thấy rằng cũng từ lúc ấy, ta đã mất hết cả những cái gì ta có.

Đất phì nhiêu thở căng những khí trời; lòng đất ứ nhựa; sữa đất tràn lan ra khắp chỗ để nuôi người và cây cỏ. Lá vàng úa phải rụng để cho một lớp lá xanh khác lên thay; mây mờ phải đi nơi khác nhường chỗ cho một bầu trời trong trẻo; con sâu tình giặc, thấy mình đã hoá bướm, rung nhẹ đôi cánh và bay lên đậu trên những cánh hoa e lệ.

Chỉ có ta, – người viết báo trẻ tuổi nói như vậy một mình – chỉ có ta là khác. Cứ mỗi độ xuân về, mỗi phen tết đến, ta lại mất đi một chút. Hy vọng thì cứ hy vọng, tin tưởng thì cứ tin tưởng, nhưng ta phải thú thực rằng ta thấy buồn thêm một chút và úa héo cần cỗi đi một chút.

Cũng có lúc ta thấy sướng cái sướng của người khác, như buổi sáng hôm nay lúc ta trông thấy người đàn bà nọ xem báo tết; nhưng trông hậu hết ba trăm sáu mươi ngày vừa qua, ta đâu thấy

sự buồn thương nhiều thêm lên, những nỗi chua chát gây ra ở trước mắt dày thêm lên. Những kẻ thân yêu của ta đi và nhiều kẻ không về. Hy vọng của ta không nở lên như hoa trà; sự sung sướng của ta không sáng ngời như màu trắng lóng lánh của hoa mai, hoa mạn.

– Một năm lại qua rồi, một mùa lại hết rồi, một ngày lại bay đi rồi.

Ôi, nếu cứ đến mùa xuân thì trời lại mang chân hạnh phúc đến cho người ta nhỉ, – dù hạnh phúc đến chỉ trong giây lát! Giá

mùa xuân cũng như chuyện thân kỳ làm cho người già trẻ lại, người còng hoá ngay, người ác hoá lành, người xấu hoá đẹp, người ngu hoá tài!

Chỉ trong một ngày thôi, hay chỉ trong một giờ thôi, người chết sẽ sống dậy và lại tươi trẻ như thường; người cách biệt sẽ gặp nhau để hàn huyên tâm sự; người đang đâm chém nhau sẽ nghỉ tay bom tay súng mà ôm lấy nhau thương xót. Chao ôi, nếu được như vậy thì mùa xuân đã ấm áp xiết bao, mùa xuân tươi tốt còn bút nào tả được.

– Chàng trẻ tuổi, anh buồn nhưng cái buồn của anh không phải là cái buồn kẻ chiến bại, trời sẽ tha thứ cho anh.

Người viết báo có chỗ khác đời, vậy có một lúc được phép buồn cái buồn mà những người thường không có. Nhưng dù sao, đã là người thì không ai được đòi quá ở Hoá công một điều gì.

Tết đến, xuân về... Chúng ta nếu không muốn là những người khó tính, những người đơn bạc, ta nên lấy làm may mà có được một ngày trong một năm, – một ngày tết, một ngày mà ta nên cầu cho nhau quên hết cả sự đau khổ, lòng dục vọng và những sự thù hận ghen ghét đến sinh ra tương tàn. Lúc đó, ta có thể êm



đề m nă m xuô ng một bãi cỏ non tươi ánh mặt trời xuân để tận hưởng sự tái tạo như lá như hoa vậy.

Người trẻ tuổi nhìn ra đồng nội và thấy mấy cánh hoa nhỏ đu đưa trước gió. Y nghĩ thầm:

– Những cánh hoa kia chỉ vài ngày nữa sẽ tàn úa và rơi xuô ng đất, nhuộm với đất để rồi lại nuôi đất cho bao giờ cũng tốt. Sang năm, quay trở lại nơi này, biết đâu ta lại chẳng thấy cũng ở chỗ này vài bông hoa khác. Những bông hoa khác đó sở dĩ nở ra được là vì được ăn màu của đất này, mà màu của đất này chính là thịt đã rã của những hoa năm trước...

**VŨ BẮNG**

*Trung Bắc chủ nhật, số Tết Nhâm Ngọ, Hà Nội, số 99*  
(22.2.1942)

# Tết năm nay có gì lạ?

Hừ! Thế là xong cái tết. Đỡ lo! [.....]<sup>1</sup>

Chẳng biết ở các nơi khác thế nào, chứ riêng nhà kẻ ngu này bảng chi về tết không thấy kê món rượu li-co<sup>2</sup> như những năm trước nữa. Đồ ng tiền khó kiếm, rút được cái gì là hay cái ấy. Và lại nói cho thực, ông và tôi là cái hạng Việt Nam bình thường, tôi có cần phải làm cái tính này để ông thấy rằng nếu chúng ta không tiết kiệm như thế thì không ổn được?

Này nhé, cái hôm mừng 9 tháng chạp nghe đâu ở nhà có đủ một trăm đồ ng lo tết. Ai chẳng tưởng thế cũng tạm đủ dùng? Ấy, vừa nghĩ thế một chút thì đánh đùng một cái, có tin không hay lắm ở hai bên xóm giềng đưa lại. Ông Cả Khoang đã cho bà ấy và các cháu về quê. Dãy bên kia, ông Ba Qua lại cũng hòm xiềng đâu đấy định nửa đêm thì dọn cả về Sét ở cho chắc chắn. Thấy thế, ông cũng sốt ruột lây, {.....}<sup>3</sup> ông cũng dọn về ở với bà nhạc ở Hà Đông chẳng hạn. Thừa ông sự đi lại ấy tôi ít cũng vài chục bạc. Ông gan lắm thì mua được ít trứng muôi, lạp xường là hết. Rượu, bánh, kẹo và pháo ai lại còn hoài hơn đâu mà nghĩ đến?

Về nhà quê ở ba hôm, ông đọc báo lại thấy tình thế "nên thơ" lắm; ông tưởng như ông vững lòng hơn hết cả bao giờ. Ông lại bàn với bà ấy và các cháu và ông quyết định: "Bàn thờ ở ngoài tỉnh. Tôi nghĩ rồi, ta không thể ăn tết được ở đây. Thôi liệu mà xếp dọn, mai sớm, hễ gà công con lên chuồng là vợ chồng ta đem các con ra tỉnh".

Thế là ông tôi thêm vài chục nữa. Số 100, ông giờ bót-tâm-pho<sup>4</sup> ra điêm lại bây giờ chỉ còn độ năm mươi thôi là hết sức. Lạp

xường trứng muôi mua tết, nhưng vì nhà quê không có cái ăn ông đã xoi tiết hết cả rồi. Ông lại phải mua nữa, nhưng vừa nghĩ thì bà ấy đã bảo: "Gạo cao lắm không mua trữ thì đến hai bảy, hai tám tết không thể mua được nữa đâu". Ấy, cái chuyện ấy là cần nhất. Ông phải nghĩ đến nó và ông thây số 100 của ông găm từ đâu chạp để sắm tết đến bây giờ đã gần như không còn gì. Mấy đứa trẻ uơ đòi áo mới. Lại tên người nhà ra vay trước một tháng công để gửi người làng cặm về hộ để giúp bà mẹ năm nay 78. Người đàn bà lo tết thây phờ người. Có trăm đồng bạc lo tết hẳn hoi mà kết cục sáng ngày 28 chỉ mua được có chậu cúc, ba cành hoa la-dơn,<sup>5</sup> hai xe cát đổ ngoài sân để phòng thủ thụ động và giữ được đồng bạc mở hàng cho trẻ... trời ơi là trời! Dù không là thi sĩ, bà cũng muốn bắt chước Tản Đà tiên sinh:

*Ngoảnh đi ngoảnh lại đã đến tết,*

*Bà đến năm nay mới thật chết.*

*Phi cơ bay chẳng không cầm môm,*

*Hầm hồ chạy têu, chẳng ấm đít.*

*Ngoài sân lù lù đồng cát cao,*

*Pháo đót tịn không mà khét lẹt.*

*Thì ra năm "Ngựa" chỉ "chạy" nhieu.*

*Ôi tết! ôi tết ơi là tết!*

Người ta vẫn thường nói: "Ở thành thị, người ta bị nhieu cái thiệt". Thật không đúng gì bằng cái đêm ba mươi, theo lời ca dao là một đêm rât lạ: Anh hỏi em, em chẳng biết gì, em chỉ biết rằng trời đen tời tời là đêm ba mươi. Cái đêm ba mươi tết đen sì ấy,

hỏi người thành thị đã mấy ai được biế t? Hay là chỉ thấ y hàng năm cứ đê n đêm â y thì thành phố lại sáng hơn vì đèn thắ p nhiê u hơn bởi kẻ đi lại đông hơn? Không, ba mươi tể t năm nay, đèn lửa không sáng như năm khác. Phòng thủ thụ động vẫn kéo dài. Từ bảy giờ tồ i, cô tiểu thư và anh bán than đê u câ m như nhau cả, nghĩa là đen như mực. Xe đi lại ít. Ở Hàng Đào và Hàng Buồ m có má y người đi xe đạp đâm phải khách bộ hành và đánh nhau một trận tắ t niên hằng đáo đê. Chỗ Hàng Ngang rẽ ra Hàng Giép, má y bà hỏi chuyện với nhau: "Góm, bóng năm nay hiế m quá". – "Mà mợc nhĩ sao mà cao lạ". – "Thế còn bà nọ thì sắ m sửa gì mà có một cái bọc lớn thế kia?" – "Em sắ m tể t lồ i mới đấ y, các bà chị ạ. Cái này là cái mặt nạ phòng hơi độc đeo hôm mừng một tể t. Cái này là ruố c để ăn dầ n với cơm nắ m, bánh tây, chỉ còn thiế u một cái ghế con để lúc chạy xuố ng nơi trú ẩn thì kê ngồ i cho khỏi bắn cái quầ n lụa mới may mặc tể t".

Độ hơn mười giờ phố xá đã thưa người. Có cúng giao thừa thì phiên phiế n lên nhé. Không có... nhỡ ra thì khô n. Thôi đèn nhang không sáng sửa thì đừng. Các cụ ở dưới â y xin cũng biế t cho con cháu ở trên này: đèn thắ p sáng phải phạt chín đờ ng đấ y ạ! Bị phạt lâ n thứ hai mươi sáu đờ ng, còn như hoá vàng mà để cháy bùng lên, thì tôi khuyên thà đừng đớ t. Các cụ ở dưới â y không tiêu cũng chẳng sao chứ con cháu trên này mà giữa đêm mừng một bị đội xé p gọi cửa vào biên phạt thì liệu có muố n làm ăn gì nữa không. Dù là nhận nhạo cũng không ai muố n rồ ng cá.

Đèn đóm tắ t cả từ lúc cúng giao thừa xong. Pháo đớ t. Pháo cũng đớ t chứ. Nhưng cái mùi thuố c pháo năm nay khét quá, có phải không ông Phó?

Không câ n. Cứ tể t như thường. Áo mới, quầ n mới, giày mới và cũng mở hàng xông đấ t như thường lệ. Chỉ phiề n một cái thầ n hồ n nát thầ n tính, tiế ng ô-tô chạy ngoài đường luôn luôn làm cho

người ta tưởng là tiếng máy bay khôn nạn sắp làm điề u càn dỡ. Còi tàu thủy làm cho người ta sồn da gà. Mà tiếng còi mười giờ, góm chề t, lại cứ ngỡ là tiếng còi con nồm ấ y.

– Năm mới năm me... Biế t mừng tuổi thề nào đây hở trời? Chẳng lẽ năm mới, tôi lại mừng ông không chề t! Tôi đành phải chúc: "Thưa ông bà, chúng tôi chúc cho... chúng ta bình yên cả". Anh đầ u cơ chúc cho nhau làm thêm đượ vài mươi việc như việc sửa việc đườg việc diêm việc vài việc sơi việc xà phòng chẳng hạn. Những người buôn bán lương thiện không dám chúc cho nhau quá lắ m, họ chúc cho nhau đủ tiêu là mừng. Má y ông cua-rơ xe đạp Bắ c Kỳ chúc cho nhau không bị một vài ông nhà báo trong Nam mặt sát dữ tợn trong khi nhiề u bạn đờ ng nghiệp khác ở trong ấ y phê bình rấ t chiế t trung. Còn phụ nữ? Như thường lệ, họ chúc đễ nhiề u con cho nước.

Nói cho cùng, cái tình hình nghiêm trọng của thề giới năm nay, nế u đem cho ta một chút lo sợ phấ p phỏng, không phải không đem cho ta nhiề u điề u hay đáng kể.

Đườg phố đã thua bóng những ông áo gắ m điề u, đi giày ta, ngậm xì-gà, đội nón dứa và cười trên con ngựa sắ t. Lại như cũng vắ ng bóng má y cô áo bánh bao bánh bẻ mang những cái khăn quàng hình con cú con cáo ở trên cổ đễ toét miệng ra cười lớ i... lớ i gì? lớ i vui vẻ trẻ trung!

Không, điề u ta đáng mừng là thanh niên nam nữ năm nay đã biế t cái trọng trách của mình không đùa láo nữa nhưng biế t nghiêm ngay chính với mình. Họ biế t những bổn phận họ phải làm và đáng lẽ làm trò hề cho thiên hạ xem gơ-ra-tuýt,<sup>7</sup> họ nghiêm lại đễ hàm dưỡng, họ vội vàng làm nhiệm vụ và họ đã biế t rằ ng: "Cái văn minh của một nước không phải ở lâu đài hay câ u cô ng nhưng ở tư cách và lễ độ của người dân, cả trai và cả gái".

Ngày mừng một tết năm nay, sự thực, không được tấp nập như mọi năm. Ai đi lễ tết như cũng chân trước chân sau để vội về nhà cho chắc dạ. Có anh chàng rể, vừa lễ bàn thờ, nghe thấy trẻ ở ngoài đường bắt chước tiếng còi phòng thủ, bỏ cả ông vải đầy, toan chạy, nếu không tốt người dìu lại.

Ông chèn nội hoá. Ông rượu nội hoá. Ăn bằng phua-xét, cùi-diu<sup>8</sup> nội hoá. Câu chuyện tết năm nay không phải là câu chuyện phiếm về sự ăn chơi tư lợi. Người ta nói đến kỹ nghệ, đến tiểu công nghệ và thật ta nên lấy làm mừng mà nhận rằng hậu hết mọi nơi người ta không còn nghĩ cái thành kiến nội hoá là tôi là kém nữa. – "Ông phải biết chú, chiến tranh mà cứ kéo dài ra nữa thì ta rồi làm được tuốt chẳng thiếu thức gì đâu!" Người ta đã thấy tự phụ được làm người An Nam, không như mấy năm trước họ còn phong trào vui vẻ trẻ trung ai cũng cho làm An Nam là xấu. Thế giới chiến tranh đã mở mắt người ta ra. Á, Âu không phải là chuyện lạ nữa. Một bà cổ nhất cũng biết chuyện quân Nga lại lấy được Mo-dát và Nhật chỉ có nửa tiếng đồng hồ mà đánh đấm được hai cái "phòng không mẫu hạm" (ý chừng là hàng không mẫu hạm của Anh và Mỹ). – "Ừ thế thì tôi đồng, lúc chung cục, anh nào sẽ thắng?" Này thôi, nói gì thì nói chứ đừng đánh đồng nhau việc ấy. Năm mới năm me, ở phố Hàng Bạc đã có đám to tiếng về vấn đề ấy đây.

Mùng hai. Như ngày hôm mừng một. Mừng ba. Như ngày hôm mừng hai. Và hết tết. Mừng bốn nhiều nhà làm thang hoá vàng. Vàng hoá ở sân, sợ có ánh sáng bốc lên phải phạt. Người ta phải hoá từng thoi vàng một như kiểu trẻ con đốt pháo sù. Nhưng sang đến mừng năm thì con đường vào Đông Quang thật là tấp nập, thật là đông đúc. Ngày ấy, còn người Việt Nam nào lại còn không biết là ngày kỷ niệm vua Quang Trung Nguyễn Huệ?

Thì ra cách đây hơn trăm năm, cũng vào má' y ngày tề' t này, ở nước Việt Nam đã có khói lửa bô' c lên rô' i. Nhưng ngày â' y là ngày ta được Tàu. Ta tiề' n đánh giề' t Tôn Sĩ Nghị...

## **TIÊU LIÊU**

*Trung Bắ' c chủ nhật, Hà Nội, số' 99 (22.2.1942)*

# Thiên đường của báo chí

*Trong thời kỳ chiến tranh chỉ có báo chí Anh là không mất tay bà kiểm duyệt*

Vừa đây, điện tín Transocéan báo cho ta biết rằng chính phủ Mỹ dự định thu những bánh ô-tô của tư gia để dùng vào việc quốc phòng. Vẫn theo lời hăng thông tấn trên kia, dư luận Mỹ đố i với việc này rất sôi nổi. Họ không những tỏ ý bất mãn về việc này mà thôi, lại còn ra vẻ khó chịu vì trong nước hiện giờ đã thi hành việc dùng đèn phòng thủ rô i. Người dân Mỹ vốn quen sống trong những thành phố đầy ánh sáng, đêm cũng như ngày, ngày cũng như đêm, nay nhất thiết bị lạc vào trong một thứ ánh sáng vàng ửng, rầu rầu tất cũng phải khó chịu, đó là lẽ tất nhiên. Sự đó thực chẳng khác gì việc ở nước Anh, cách đây ít lâu, có tin báo chí sẽ bị qua tay bà lão kiểm duyệt trước khi đưa lên máy. Báo chí Anh, cũng như dân Mỹ, đã cực lực phản đố i việc này. Có khác điều dân Mỹ phản đố i việc dùng đèn phòng thủ không ăn thua, còn báo chí Anh thì công kích việc kiểm duyệt đã có nhiều kết quả hay: từ đó đến nay, báo chí Anh vẫn xuất bản như thường, không bắt buộc phải theo cái chế độ như của các nước tham chiến ngày nay nghĩa là phải qua một lần kiểm duyệt. Sự đó chẳng có gì là lạ. Báo chí ở Anh, hơn tất cả các nước nào khác trên thế giới, có một thế lực rất lớn đố i với chính phủ và quốc dân. Bởi vậy dù là lúc chiến tranh chính phủ cũng nể báo chí, mà sở dĩ có sự nể như thế là bởi vì chính phủ tin ở báo chí, báo chí không bao giờ lại có thể đăng những tin tức hay dư luận có thể làm tổn hại đến quyền lợi của quốc gia xã hội.

Thường thường, như chúng ta đã biết, thái độ của báo giới trong một nước tham chiến là một vấn đề quan hệ. Vấn đề quan hệ



Ấy, nhiều nước như Đức, Ý giải quyết dễ lắm: báo chí cũng như tất cả các cơ quan khác đều phải tùy thuộc chính phủ, để chính phủ dùng làm lợi khí giúp cho việc theo đuổi chiến tranh. Chính phủ dùng báo chí để làm những cơ quan tuyên truyền, chính phủ bảo gì thì làm thế, không được làm khác những điều chính phủ đã vạch sẵn. Những tin tức có hại cho tinh thần quốc dân không được đăng, phải giữ kín cho đến khi những tin có hại đó bị bại lộ không giấu quanh được nữa thì mới thôi. Tuy các báo giấu không đăng những tin đó nhưng nếu cứ để cho dân nước vẫn được tự do nghe máy vô tuyến điện vẫn biết hết như thế việc các báo vẫn giấu giếm hoá là vô ích. Bởi vậy ta không lấy làm lạ, trong thời này, nhiều nước cấm những người có máy vô tuyến điện không được nghe tin ngoại quốc, ai trái lệnh sẽ bị phạt nặng và có khi lại bị tòa truy tố.  
[.....]<sup>1</sup>

Vị tổng trưởng bộ thông tin sẽ trông coi về việc này và sẽ định trước thế nào là tin có hại, thế nào là tin vô hại. Chẳng cứ vậy, những người đã làm báo, đã hiểu nghề một chút, đưa mắt qua cũng hiểu, lựa là phải làm một bảng thống kê những tin nguy hiểm. Những tin tức về thời tiết có thể để cho phi quân bên địch lợi dụng được, từ khi bắt đầu có chiến tranh, đều nhất tề phải bỏ đi. Tình hình quân sự đã đành là phải giữ bí mật, trừ khi nào chính phủ công bố thì không kể. Những cách phòng thủ cũng phải giữ kín cũng như các kiểu phi cơ mới chế, những kiểu tàu chiến mới làm; những phóng viên nhiếp ảnh cũng không được chụp. Máy bay bên địch tới đánh phá chỗ nào, không được tường thuật. Bởi vì nếu quân địch ném bom trúng, mình nói ra họ sẽ quay lại ném chính những nơi ấy; còn nếu họ ném không trúng mà mình nói, lần sau họ sẽ tìm cách ném trúng hơn.

Bởi vậy ta không nên lấy làm lạ khi thấy chính phủ Quốc xã Đức luôn luôn khích dân Anh phải yêu cầu chính phủ Churchill cho

biết kết quả rõ ràng của những trận ném bom Đức ra thế nào. Mặc, những báo Anh-cát-lợi đã có quy tắc nhất định để làm việc, không bao giờ đi sai đường cả. Báo nào cũng chỉ đăng những tin xét là chắc chắn mà thôi. Cái thiên chức của báo chí Anh trong thời kỳ khói lửa là thế đó. Họ phải đặt hạnh phúc của quốc gia lên trên hết thay mọi việc khác, bởi vậy họ không thể đăng bất cứ một tin gì, dù là tin nhỏ, có lợi cho quân địch. Chính ra thì ở Anh ngay chính lúc này đây cũng không có kiểm duyệt. Nhưng trong làng báo thế nào chẳng có một vài người hồ nghi những tin tức hay ý kiến của mình sẽ viết. Những việc về quân sự, những sự lầm lẫn trong khi tường thuật những nạn máy bay thế nào chẳng có? Những người trợ bút, phóng viên thực cẩn thận, nếu sợ xảy ra những chuyện lôi thôi đáng tiếc sau này, có thể hỏi ý kiến một ban riêng đứng coi về báo chí. Ban này không kiểm duyệt nhưng giải quyết giúp người khác những tin nào vô hại, và những tin nào có hại. Những đoạn nào có hại, người ta sẽ xóa đi; những chữ nào dùng lầm, người ta sẽ bảo để cho mình chữa. Như thế, người ta sẽ được yên tâm và chắc chắn là những bài báo ấy sẽ không đưa những người viết ra trước vành móng ngựa.

Những báo hằng ngày Anh-cát-lợi hiện giờ vẫn đưa bài ra hỏi ý kiến như thế trước khi in để cho đỡ lo sợ. Nhưng cũng có nhiều trợ bút phóng viên tự làm lấy kiểm duyệt cho mình.

Ông Wilson Harris, chủ bút báo *Britain Today* kể chuyện rằng từ khi có chiến tranh đến giờ, tờ báo của ông chủ trương ra có đến hơn trăm số mà từ trước chí sau ông chỉ phải đưa một bài ra hỏi ý kiến ban chuyên môn nói trên kia.

Dù sao, ta cũng phải nhận rằng, trong thời kỳ chiến tranh, báo giới Anh có hai cái đặc điểm mà ít báo trong hoàn cảnh có. Đó là: 1) Báo chí Anh có thể đăng cả những tin tức có hại cho chính phủ. Họ tin rằng không có gì hại cho nhân dân bằng cách đánh lừa họ, lúc nào cũng làm cho họ lạc quan không chính đáng. Dân chúng Anh

cần phải biết cả cái xấu cái tốt, bởi vậy họ cần phải rõ mỗi tuần Đức đã đánh đắm mất bao nhiêu tàu buôn của họ. Họ muốn biết rõ tình thế để sửa soạn lòng can đảm đối phó với thời cuộc, dù là thời cuộc ấy không lấy gì làm tốt đẹp. 2) Ở Anh, người ta không kiểm duyệt về dư luận, về tư tưởng. Chính phủ không hề bắt báo chí phải viết theo ý kiến của mình. Đã đành cũng như ở các nước khác trong thời kỳ chiến tranh, báo giới và chính phủ luôn luôn trực tiếp với nhau, nhưng báo giới có quyền cứ tỏ bày ý kiến riêng của mỗi người, quan niệm riêng của mỗi báo. Về điều này báo giới Mỹ cũng không khác báo giới Anh mấy chút.

Các bạn thử đọc đoạn này của ông Sheelan viết trong báo *Current History* xuất bản ngày 20 Octobre 1940:

*"Ở Mỹ, chỉ những tin tức là bị kiểm duyệt. Còn về dư luận thì người ta được phép tỏ bày ý kiến một cách rất tự nhiên. Bởi vậy nếu tôi không ưa chính sách của Churchill, Chamberlain, Beaverbook, tôi có quyền công kích họ rất hăng hái và muốn dài bao nhiêu cũng được".*

Trong thời kỳ chiến tranh, nước Anh cũng như tất cả các nước khác trên thế giới đã phải hy sinh nhiều thứ có quan hệ đến đời sống thiết thực của dân chúng. Nhưng điều thiết thực nhất mà họ cho là quan hệ nhất là tự do báo chí, thì vẫn không bị hạn chế gì cả, thực cũng là đặc biệt.

## TIÊU LIÊU

*Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, số 103 (22.3.1942)*

# Con đường đầy ánh sáng

(chúng tôi kể t luận)<sup>1</sup>

Chúng tôi còn nhớ lúc mới độ mười chín, hai mươi tuổi, vừa từ giã trường trung học để đi học nghề "làm tân văn ký giả", một ông bạn già có vút vào mũi chúng tôi một cuốn sách dạy nghề làm báo của một tay viết báo cừ khôi người Pháp. Một cuốn sách nhỏ thôi, trên dưới một trăm trang giấy, nhưng chúng tôi đã đọc say sưa xiết bao mà cũng thắm thía xiết bao. Cuốn sách ấy dạy người ta làm báo trong hai mươi bài học. Tác giả Robert Jouvenel, đã dùng một lối văn hoạt kê châm chọc để phê bình một kỹ nghệ tôn nghiêm. Ông thực là một người làm báo có tài có khéo. Cái tài vốn đã là cần nhưng cái khéo làm báo có khi lại cần hơn, bởi vậy cho nên đọc hết trăm trang giấy rồi đi đến khi gập sách lại chúng ta không thể chê được một điều gì cả. Bởi vì tác giả không có một lúc nào hờ hênh hay tự phụ. Chính ông, ông muốn đem tất cả cái hay, cái đẹp cùng sự cao cả của nghề báo ra ca tụng với quốc dân, nhưng sợ rằng trong khi đó bụng mình quá thiên chảng, gần hết quyền sách ông đem nghề mình ra giễu cợt trước, không đợi cho người đời chê bác. Giễu cợt nghề mình mà lúc nào cũng tỏ được cho độc giả thấy nghề mình là cao quý tôn nghiêm, việc ấy thiệt tưởng không phải là ở tầm tay bất cứ người nào vậy.

Đó, nghề làm báo, chỉ kể về phương diện rất nhỏ nhất ấy thôi, cũng đã khó như thế đó. Huống chi lại còn bao nhiêu việc khác nữa rồi như canh hẹ, người không có khớ óc sáng suốt không thể nào làm được. Người làm báo vì vậy cần phải biết rõ tâm lý người đời như biết rõ những chỉ tay của mình. Biết người ta ưa gì, biết người ta ghét gì, biết người ta tin tưởng gì...

Ông Robert de Jouvenel quả đã bắt đúng mạch dư luận vậy. Ông biết rằng những cái tục cũ lúc nào cũng ăn sâu vào trí óc của quốc dân, quốc dân Pháp cũng như quốc dân Nam tin rằng: "Phàm người nào làm việc gì, làm nghề gì tất phải nói xấu nghề mình trước và khuyên người khác chớ nên theo".

Làm như thế, người làm nghề có ý muốn tỏ ra rằng nghề của mình làm là nghề ăn cay ngậm đắng, lời lẽ không bao lại ốm thân nhọc xác, thà đi làm nghề khác còn hơn. Nhân đó, người ta lại còn bỏ nhỏ vào tai những kẻ đứng bên ngoài rằng: "Đấy các ông cứ ao ước mãi, thèm khát mãi. Bây giờ đã biết rồi nhé. Thôi, đi đi, đừng có vào tranh giành với chúng tôi".

Chúng tôi không có quyên hành gì cả, nhưng giá hôm nay là ngày "cá tháng tư" (poisson d'avril) chúng tôi cũng xin phép bạn đọc nói chơi một chút. Chúng tôi nói chơi rằng: "Anh thợ giày, anh đi đi, đừng trông quá cái mũi giày của anh. Anh bán tranh! anh biết nghề báo rồi nhé, thôi chi nên bôi lọ chứ đừng viết truyện! Còn anh, anh rang "hàm sôi phá sa" để bán buôn, tôi chúc cho anh đừng bị ma quỷ rủ anh vào rừng báo để cho báo nó vô anh ăn thịt".

Nói thế rồi, chúng tôi xin thanh minh với các bạn đọc rằng: Không, chúng tôi đã làm khác Jouvenel một chút. Như các bạn đọc đã thấy, trong suốt một tập báo mà các bạn vừa coi, chúng tôi không một chỗ nào dám nói đùa hay là nói xấu nghề. Đó không phải vì chúng tôi không biết cái tục cũ của nước Pháp, nước Nam chúng ta đâu, nhưng chính là bởi vì chúng tôi thấy nghề báo tôn nghiêm quá. Phải, người ta nói xấu nghề gì kia chứ đến nghề báo thì không thể được, người ta sợ kẻ khác vào tranh giành nghề gì kia, chứ đến nghề báo thì không cần giữ. Nó là một cái nhà trống không có cửa. Nhiều bạn thường phàn nàn về chỗ cửa ngõ không chắc chắn đó và lo rằng đêm hôm kẻ gian phi sẽ nhón gót đi vào mà làm việc đồ ỉ phong bại tục. Lo như thế là phải, nhưng có lẽ là lo xa quá!

Chúng tôi thiếp t tưởng một cái nghề mà đóng bịt cả cửa lại, không có ai ngáp ghé, thềm muôn, không có ai tức tởi ganh ghen thì nghề ấy

chỉ là một nghề thường mà thôi, chẳng có giá trị gì cho lắm. Nghề báo cứ mở rộng cửa đây, cho người ta cứ vào. Nhưng này đợi đó mà xem. Thằng ăn cắp lấy một tấm lụa giấu vào trong người để lúc đi ra cửa sẽ bị lính mã tà giữ lại thì cái ông thợ giày, thợ vẽ hay ông bán "hàm sôi phá sa" chẳng hạn hôm nay vào làm báo có gì để ngày mai lại không xuất hiện nguyên hình?

Không, người có tài vẫn là người có tài mà anh giàu nổi óc rộng như đất bụt chỉ có thể là anh giàu nổi óc rộng như đất bụt. Chúng ta há đã chẳng thấy có nhiều người mặt mũi đầy đặn phúc hậu lắm, chít khăn trịnh trọng ôm một đồng tiền quẳng vào tờ báo tưởng là làm nổi cơ đồ mà kết cục vẫn bị ngã vẹo cổ vì thất bại?

– Người ta không đọc được những bài văn bố yểng của anh ta. Chúng ta há đã chẳng thấy có anh thòn bơn chề nghề báo là

đễ, thế mà để lúc xắn tay áo làm thì báo của anh ta hoá ra một rổ rau diếp, rau cải xoong, rau lủ bủ?

– Người khoẻ mạnh và lương thiện không thể đọc được những bài rau sớ ngậy dù là những cái rau sớ ngậy đã phết rất nhiều bơ.

Chúng ta há đã chẳng thấy... Nhưng thôi, kể như thế mãi không biết đến bao giờ mới hết. Chỉ biết rằng trăng đen bao giờ cũng khác nhau, vàng thau dù lẫn lộn nhưng đem vào thử lửa thì biết nhau ngay đấy.

Những kẻ đem tiền ra giải chỉ loè được những độc giả có thứ thông minh như họ. Ngày tháng qua đi, giấc mộng buồn cho dài lắm đến lúc bình minh cũng phải hết. Vậy thì không lo: những

người không biết đọc báo mỗi ngày sẽ giảm dần, cái trình độ hiểu biết của quốc dân mỗi ngày phải tăng lên, tăng lên mãi. Cho đến một ngày kia chúng ta sẽ thấy những tờ báo tồi sẽ bị đào thải dù tiền bạc có đổ vào chẳng nữa cũng không ai buồn đọc hay bị người ta khinh rẻ. Mà chỉ còn những báo đứng đắn do những người có tài học chủ trương xứng đáng làm đồ ăn tinh thần cho quốc dân, những tờ báo ấy là những tờ báo phụng sự một lý tưởng gì, những tờ báo xứng với tên gọi là "cơ quan dư luận", những tờ báo đáng là những

sản phẩm dùng để tuyên truyền những ý tưởng tốt đẹp trong dân chúng.

Một tay kỳ cựu trong làng báo Pháp có viết rằng: "Cái gì cũng muốn biết để kể cho người khác biết; cái gì cũng muốn học để thuật lại cho những người chưa học; cái gì cũng muốn hiểu kỹ càng để chỉ bảo cho những người chưa hiểu; phạm điều gì là điều đẹp, điều xấu, điều dở, điều hay cũng muốn tường thuật trên giấy không chịu bỏ qua một phương diện nào của cuộc đời không xét đến; phú quý không cảm dễ được, bần khổ không thay đổi được, uy vũ không khuất phục được; mà biết rằng mình càng có tài, có lẽ phải thiên hạ lại càng nói xấu mình, ganh ghét với mình: đó, cái nghề báo đó. Tuy vậy, nó vẫn là một nghề đáng để cho ta hy sinh thân thể mà theo đuổi".

Thực vậy, cái nghề đó đáng cho ta gia công theo đuổi lắm, vì lúc này hơn hết cả lúc nào, ta đã thấy nhiều ánh sáng trên con đường mới. Những đám mây đen hậu như đã qua rồi. Nghề báo ở nước ta, trong mấy năm gần đây đã tiến một cách không ngừng, nhất là từ khi có mấy ông bạn của chúng tôi đã đem một thứ máu trẻ, cải cách từ hình thức đến nội dung tờ báo. Từ một vài nghìn, số báo xuất bản hàng kỳ đã tăng lên một vài vạn. Tuy vậy cái đó cũng chưa đáng kể bằng cái không khí ồn ào, hoạt động, hăng hái của làng báo

ít lâu nay. Chúng tôi không dám quyết định rằng đó là công riêng của ai, nhưng nhiều người nhận rằng tờ báo mà có thể là tờ báo không thẹn, làng báo đã phải chấn chỉnh và luôn luôn cố gắng để bồi bổ tinh thần các bạn đọc thân yêu, ấy là từ lúc tờ *Trung Bắc chủ nhật* của chúng của các bạn ra đời vậy.

Về mặt báo hằng ngày, có nhiều bạn phê bình một cách chi tiết trung rằng tính cách có đổi thay, phần nghị luận kém hẳn, chỉ tin tức là nhiều, có lẽ cũng là một sự biến to trong báo giới.

Xét cho kỹ thì chẳng cứ gì ở nước ta làng báo mới có sự đổi thay như thế. Các bạn đọc những bài trên tất đã nhận thấy rằng ở các nước tân tiến văn minh bên Âu Mỹ báo giới cũng đã trải qua bước ấy: báo nghị luận ít đi, những tay danh sĩ có cái hoài bão nâng cao trình độ người đọc mỗi ngày mỗi hiếm. Cột báo phần nhiều để dành cho những tin tức miễn là kêu gọi được tính hiếm kỳ của người đọc thì thôi.

Đó là một trạng thái của báo chí hiện nay, ta nhận lấy để mà biết chứ cũng đừng nên vì thế mà định đó là hơn hay là kém. Theo ý chúng tôi thì đó chẳng qua chỉ là do chỗ các ông nhà báo ấy muốn chiểu theo thị hiếu của quần chúng mà thôi vậy. Đời này lấy ý dân làm trọng. Mà dân thì cố nhiên không phải người nào cũng có cái học ngang với tiến sĩ, cử nhân, cho nên không thể dọn những món ăn tinh thần đắt quá, hay quý quá, cứ thường thường có lẽ được người ta ăn ngon miệng hơn các thứ cao lương mỹ vị.

Những thứ sau này đắt tiền quá mà ăn không quen miệng lại khó ăn, thành thử ít khi có ai dám dọn vào mâm cơm hằng ngày. Người ta chỉ có thể mỗi tuần đem ra dọn một hai món để cho đọc giả vừa xơi vừa nghĩ.



Đó cũng là một lẽ tất nhiên ta không thể trách ai được cả, nhưng ta có thể nhân đây mà nhận ra rằng: Ở vào lúc quốc dân nghiêm nghị mà nhận chân lấy bốn phận của mình đối với nước, với nhà, ở vào lúc người ta cao thượng một chút, muốn tìm học tìm biết thì tuấn báo có giá trị được ưa chuộng và được nhiều người ham đọc.

Cho nên tuấn báo thiên về dư luận vẫn được dư luận chú ý hơn; xem tin tức thì xem tin tức báo hằng ngày, còn muốn biết con đường sáng để mà theo có lẽ bây giờ, với báo giới nước ta, người ta tìm đến những tờ tuấn báo, bởi người ta tin rằng tuấn báo để ý về ngôn luận bàn bạc kỹ hơn.

Dù sao, báo hằng ngày và báo hằng tuấn ở nước ta hiện nay cũng đã có hy vọng tiến mau hơn, mau nhiều hơn nữa. Chẳng cứ về cách làm, cách viết, cách soạn bài đã tài hơn, ngay như cách sắp đặt, cách trình bày và ấn loát cũng đã có vẻ mỹ quan lắm lắm. Trông một tờ báo bây giờ, một người dù bi quan đến bực nào cũng phải vui lòng mà hy vọng vào ngày mai, – cái ngày mai tốt đẹp, sáng sủa sẽ thấy báo giới ta tiến những bước thên, chẳng mấy chốc mà theo kịp những người đi trước. Chỉ tiếc rằng, báo giới nước ta đương lúc tiến như thế thì thế giới lâm vào vòng khói lửa. Súng đạn tứ bề, chiến tranh làm bế tắc cả lại: giấy in báo không có; mực in báo không có; chữ in báo không có; máy in báo không có; báo ngoại quốc để đọc cũng không có nữa[.....].<sup>2</sup>

Làm báo mà gặp phải sự khó khăn như thế cố nhiên sức tiến phải ngừng lại, làng báo Việt Nam đáng lẽ lúc này tiến không biết thế nào mà kể, than ôi, đành phải dừng bước lại đợi, đợi cho tình thế dễ chịu hơn, [...] giấy có, mực có, chữ có, có những vật liệu thô i tân để tạo ra những tờ báo đẹp về cả nội dung và hình thức.

Trong khi chờ đợi, người Việt Nam hết sức làm cho chữ quốc ngữ phổ thông hơn trong nước để tạo lấy những độc giả tương lai cho

làng báo tương lai.

Không cần phải nói, làng báo lúc ấy tất phải đi trên một con đường mới chan hoà ánh sáng.

**VŨ BÃNG**

*Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, số 103 (22.3.1942)*

# Mấy ý nghĩ về Trời

(nhân cuộc tế giao năm nay)

Mấy hôm nay, nhân có việc tế giao ở kinh đô, trong dân chúng có nhiều nơi nổi lên một cuộc bàn luận xét cũng có nhiều thú vị. Ấy là cuộc bàn luận về ý nghĩa tế giao. Người ta chia làm hai phái. Phái thứ nhất, hầu hết là thanh niên có óc khoa học, chủ trương rằng tế giao là cớ tục của một thời đại chuộng hư văn và thần quyền còn sót lại, không có bổ ích cho ai cả. Hạng này là hạng tuyệt đối.

Hạng thứ hai, hạng hoài nghi, thì lại rằng: Giao của ta là theo của Tàu. Tàu là một nước huyền bí mà lại như cao siêu, ta không hiểu. Đã không hiểu được hết cả tinh thần văn hoá của Tàu thì làm thế nào hiểu được việc tế trời có bổ ích gì không? Ấu là ta chỉ nên biết rằng: Tế giao là tế trời, vua thay quyền trời, thì để việc ấy tùy vua, ta không thể biết mà cũng không cần biết. Chỉ biết rằng dân ta tế thần thế nào thì vua cũng tế trời như vậy.

Hai phái trên này bàn luận, xét cho kỹ thì phái nào cũng có cái phải, nhưng không phái nào tin tưởng là có Trời. Đó thực là một cái hại. Mà truy nguyên ra thì cái hại này khởi từ cái óc quá thiên về khoa học mà ra vậy. Chúng tôi không dám không nhận rằng khoa học ngày nay căm quyền bá chủ trong doanh hoàn. Nhưng ta phải biết rằng nói đến trời là ta bước vào miếu đất tôn giáo không thể khảo sát chỉ nên nhìn nhận mà thôi. Cái khổ của nhà văn sĩ Nga Dostoievsky một phần lớn là do ở câu hỏi này: "Có trời hay không có trời?" lúc nào cũng ám ảnh người. Tolstoi, đứng nghiêng về mặt tôn giáo hơn, nhìn nhận là có trời nên tinh thần có vẻ được thư thái hơn Dostoievsky nhiều lắm. Tolstoi đứng về miếu đất tôn giáo vậy.

Ta không lầy thê làm lạ bởi vì lúc trở về già bao nhiêu tác phẩm của Tolstoi thiên về luân lý và đạo giáo hơn là về nghệ thuật.

Bởi vậy, cô tìm cách xem có trời hay không là một việc không bao giờ có thể làm được mà chỉ thân làm tội đời mà thôi. Nói đến trời là nói đến tôn giáo, ta chỉ nên tin là có mà không nên ngờ gì hết. Ở đời bất luận người nào cũng cần phải tin như thế. Người đàn bà ở trong gia đình không biết sợ phật sợ trời không còn là một người đàn bà nữa, sao mà còn điêu khiển được một gia đình. Nói rộng ra một nước, nếu người dân không biết sợ một cái quyền gì thì nước không thể có trật tự được. Luật pháp là do người đặt ra không hẳn đã có quyền vạn năng. Người dân cần phải biết ơn và sợ một cái quyền to hơn thế: việc thờ trời, tế trời và tin là có trời chính là do sự biết ơn và sợ phép đến cực điểm mà ra vậy.

Tại sao lại biết ơn? Người ta không phải do một cái bấp cái sinh ra nhưng là do huyết thống của cha mẹ chung đúc nên. Vậy có mình, mình phải nghĩ đến ai đã sinh ra mình, ai đã sinh ra người sinh ra mình... Cứ trở ngược lại thời gian như thế, ta sẽ thấy rằng ông thủy tổ ta do một vị ra đời trước hết cả tạo nên. Vị ấy có từ triệu triệu năm nay, một tay gây dựng ra thế giới, vị ấy mới thật là có quyền vạn năng vậy. Vị ấy là *Trời*. Mỗi nước bây giờ đều có tên riêng để gọi Ngài, nhưng nhất tên chữ nào tên nào cũng có nghĩa như nhau. Ngài sinh ra loài người, sinh ra tổ tông ta để cho tổ tông ta tạo ra ta ngày nay, ta biết ơn trời là thế. Có thể nói rằng những người càng yêu gia đình và yêu nước bao nhiêu thì lại càng kính mến và biết ơn trời bấy nhiêu.

Tại sao lại sợ phép? Lẽ này cũng do ở lẽ trên mà ra. Người ta kính nể ai tôn trọng ai thì tất nhiên phải sợ phép người ấy. Và lại, cứ ngờ i mà nghĩ thì người ta sống ở dưới trời trên đất này có bao nhiêu là điều huyền bí ở chung quanh. Một tia chớp, một làn sáng, dĩ chí đến cái sống cái chết, cái buồn cái vui, cái còn cái mất

đều là thuộc tay trời cả thì sao mà ta không thấy nảy ra một lòng sợ được? Sợ như thế thật là chính đáng.

Một nước mà dân chúng biết ơn và sợ Trời như thế thì nước mới có thể tồn tại được. Bởi lẽ nước tồn tại được là do ở dân mà dân biết ơn trời và sợ phép trời thì bao nhiêu tâm tính trời phú cho mới giữ được. Sách Trung dung có chép: "Biết giữ theo tâm tính trời cho, ấy tức là đạo đức".

Lập một nước cũng như xây một nhà. Nhà cần nền móng thì nước cần đạo đức. Đức Khổng Tử khi xưa gặp Cảnh Công nước Tề, Cảnh Công hỏi: "Làm thế nào mà trị nước?" Khổng Tử đáp: "Trong nước lúa gạo là cần mà thực không cần lắm. Đạo đức cần hơn vì nếu trong nước vua không ra vua, tôi không ra tôi, cha không ra cha, con không ra con, không còn trật tự nữa, sinh ra loạn lạc thì hỏi có ai ngờ yên mà ăn được không?"

Xem vậy, đạo đức là cần cho một nước. Cái gì gây ra đạo đức? Đó là do lòng tin trời mà người dân biết giữ theo tâm tính trời phú cho.

Nói rộng ra một nước thì lúc nước mạnh người dân cảm ơn trời, lúc nước yếu thì người dân kêu van trời; nói hẹp lại một người, thì lúc người ta sướng người ta biết ơn trời, lúc người ta khổ người ta than trời; nhât nhât, buồn vui sướng khổ, người ta đều muốn tỏ cáo với trời vì sợ phép trời.

Ta vẫn thường kêu lúc vui: "Nhờ trời tôi khoẻ!" hay than: "Giờ ơi!" khi ta khổ để nhẹ được lòng. Nhưng xét như thế thực không đủ. Nhiều khi ta thấy cần phải trực đạt với trời nữa. Tiếc thay trời lại không thể trực tiếp với dân, bởi thế phải dùng một người làm trung gian: người ấy là vua vậy. "Trời thương muôn dân, đặt ra có vua, có thấy" là thế! Bởi vậy ở các nước quân chủ mà vua có quyền, có nhân thì dân biết ơn vua và sợ vua như trời. Lịch sử ta thường chép

hàng trăm ngàn chuyện như thế: vua cởi áo ra đắp cho người nghèo, vua mở kho để bố thí cho dân. Đến tận bây giờ ở nhiều nước quân chủ như nước Nhật chẳng hạn, vua vẫn có oai quyền như thế: Thiên hoàng vẫn là đại biểu của trời để tiếp xúc với dân. Dân muốn điểu gì thì truyền đạt lên vua để vua chuyển đạt lên trời. Bởi thế dân muốn là vua muốn, trời muốn là vua muốn.

Những nước như nước Đức ngày nay, tổng thống tức là vua. Trước khi khai chiến, tổng thống Hitler đọc diễn văn có câu kết "Xin Thượng đế phù hộ cho chúng tôi!" ta nên hiểu rằng đó là lời van trời của tất cả dân Đức vậy. Lính Nhật lúc đánh Mã Lai lội qua sông có cá sấu mà không sợ chết, ta nên hiểu rằng họ không phải vâng theo mệnh lệnh của người nào cả nhưng là vâng theo mệnh lệnh trời, do Thiên hoàng đứng làm đại biểu ban ra.

Ý nghĩa của tế giao là ở đó.

Vua tế trời không phải là tế cho mình đâu, nhưng là tế cho dân, chuyển đạt lời của dân lên với trời. Trước mặt trời, vua tức là dân đó. Trời theo ý của dân mà quyết định.

Vì lẽ đó Tây ngạn có câu: "Vox populi, Vox Dei" – Dân thanh tức là thiên ý.

Xem vậy thì biết cái quyền của dân vô cùng, vua mà thương dân là theo đúng lẽ trời, còn bỏ mặc dân tức là đã phụ cái quyền trời đã trao cho vậy. Trên kia ta đã nói bất cứ người nào cũng phải sợ trời. Ta nên nói rõ thêm: hơn hết cả mọi người, vua lại càng phải sợ trời lắm lắm. Không sợ trời mà biết thương dân và được dân yêu, xét trong lịch sử mấy ngàn năm, ta chưa thấy một vị vua nào như thế.

**VŨ BẮNG**

*Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, số 104 (29.3.1942)*

# Ấn Độ huyền bí

## Một nước nhiều tôn giáo nhất

Nói đến Ấn Độ, ai cũng phải công nhận đó là nước bí mật cả về phương diện chính trị và tôn giáo. Trong xứ Ấn Độ rộng lớn có rất nhiều tôn giáo thường chủ thuyết trái ngược hẳn nhau. Trong số 327 triệu dân Ấn Độ thì số dân theo về đạo Bà-la-môn và Ấn Độ giáo (Hindouisme) tức là đạo Bà-la-môn cải lương giảm đi hơn nhiều, đã có tới 240 triệu còn dân theo Hồi giáo, Thiên chúa giáo chỉ có độ 80 triệu. Ngay trong đạo Bà-la-môn và Ấn Độ giáo cũng đã chia ra nhiều phái khác nhau. Đạo Bà-la-môn là tôn giáo tối cổ ở Ấn Độ, tiếp với thời kỳ Védisme là thời kỳ thứ nhất trong lịch sử Ấn Độ.

Bà-la-môn không những là một tôn giáo mà còn là một tổ chức xã hội và chính trị của Ấn Độ thịnh hành nhất vào hồi bảy thế kỷ trước Thiên Chúa giáng sinh. Cái cốt yếu của đạo Bà-la-môn là chế độ các giai cấp. Bốn giai cấp truyền thống ở Ấn Độ là giai cấp thầy tu "Brahmanes", giai cấp "Kchatryas" gồm các võ sĩ, giai cấp "Vaçyas" gồm bọn trưởng giả, các nhà thương mại và giai cấp "Soudras" gồm các nhà tiểu công nghệ và nông dân. Ngoài các giai cấp đó là hạng cùng khổ, hạng người không trong sạch, không có nghề nghiệp và kế sinh nhai, bị khinh rẻ bạc đãi đủ cách. Hạng này ở riêng hẳn một khu và khi đi ra đường phải đánh lệnh báo hiệu để cho các hạng người khác tránh xa. Hạng cùng đinh đó rất đông, chiếm tới 60 triệu dân Ấn Độ. Đạo Bà-la-môn không bao giờ tha thứ cho bọn họ nên gần đây họ phải theo các tôn giáo khác nhiều.

Trong bọn thầy tu Bà-la-môn cũng có nhiều hạng mà cách tu hạnh khác nhau. Hạng thì tu phép khổ hạnh, hạng thì tu theo phép Tăng Kiu (Samkhya) hạng thì tu theo phép Du-ca (Yoga) tức là phép

Thiền na (Dhyana). Những hạng thầy tu này đề u tu với mục đích sống lâu và có thể lên cõi trời. Trong các phái thầy tu đó hạng tu theo phép khổ hạnh nghĩa là giữ giới, nhịn ăn nhịn mặc, mỗi ngày chỉ ăn cầm hơi một hạt gạo rồi ngồi tĩnh tọa suốt đời và hạng thầy tu Yogi tu theo phép Du-ca nhiều hơn cả. Hiện nay ở Ấn Độ cũng đang còn nhiều các thầy tu Yogi đó.

Còn "Fakir" là hạng thầy tu thường làm trò quỷ thuật và dùng các thuật đó làm kẻ sinh nhai. Các nhà văn, các nhà báo Âu tây sang du lịch để khảo cứu về Ấn Độ thường nói đến các thầy tu đó luôn.

Trong cuốn *Inde secrète (Ấn Độ bí mật)* tác giả là Paul Prunton đã nói nhiều về các thầy tu đấng đạo (Yogi) và bọn Fakir thường đem pháp thuật để làm trò cho công chúng xem.

### **Mười năm ăn một hạt gạo mà sống**

Theo lời tác giả, các bậc chân tu đấng đạo được một số nhiều người tôn sùng không có má y. Còn hạng thầy tu "vườn" thì nhan nhản khắp nước, đâu đâu cũng có, cả ở thành thị và thôn quê. Có những bậc thầy tu hàng má y chục năm không nói một tiếng, khi muốn bày tỏ ý nghĩ gì, thì chỉ dùng ngón tay chỉ vào các chữ trong Phạn tự hoặc một thứ chữ Ấn Độ nào rồi có các đồ đệ thông ngôn cho người ngoài biết. Lại có hạng thầy tu ngồi tĩnh tọa, nhập định hàng bao nhiêu năm, lúc đầu còn ăn một ít cơm gạo để cầm hơi rồi sau dần tuyệt thực hẳn, có hạng lại chỉ sống về các thứ hoa quả.

Lúc nhập định thì bọn thầy tu ngồi yên nhắm nghiền mắt lại, óc chỉ nghĩ đến một mục đích gì nhất định, còn ngoài ra không để ý đến các vật xung quanh mình nữa.

Nhiều vị thầy tu đấng đạo được coi như những bậc hiền triết, những vị tiên tri, những bậc cứu dân, độ thế, cả dân Ấn ai nói đến



tên đề u tỏ lòng kính trọng một cách thành thực. Một vị thầy tu tu ở một nơi tĩnh xá gần thành Calcutta lại theo đuổi một mục đích tối cao và tối nhân đạo là cải tạo cả thế giới cạnh tranh này. Thầy tu đó đã tuyên bố với văn sĩ Anh tác giả cuốn *Án Độ bí mật* là vài ba năm nữa khi nào nhân loại đánh nhau chán thì vị đạo sĩ đó sẽ đi du thuyết thiên hạ để truyền những lý thuyết hoà bình, nhân đạo rất cần cho nên hạnh phúc của loài người. Thầy tu Án Độ đã nói một cách chắc chắn vững vàng hình như tin chắc hẳn thế.

Lại có những thầy tu được tôn là đứng đầu một phái tôn giáo và được người Án coi như là một vị cứu thế, một vị thần minh ai đến gần thầy diện mạo bình tĩnh, có vẻ siêu phàm cũng phải đem lòng kính nể và tin theo.

### **Những nhà thôi miên và những người có phép ảo thuật ở Án Độ**

Tác giả cuốn *Án Độ bí mật* lại có thuật lại rằng khi ông vừa bước chân vào Án Độ, trọ trong một khách sạn lớn ở thành Calcutta thì ông có gặp một thầy tu người Ai-cập rất giỏi về ảo thuật và thôi miên. Người Ai-cập đó không rõ là theo phép "thần giao cách cảm" (auto suggestion) hay phép thôi miên mà đoán được những điều bí mật rất tài. Người đó bảo tác giả viết một câu gì vào một mảnh giấy con rô-i vò lại nắm trong tay, thế mà người đó có thể đoán đúng câu đã viết không sai chữ nào. Người đó lại có thể đoán đúng những chỗ ở và công việc mà tác giả đã từng làm và ý nghĩ của tác giả. Phép ảo thuật này đã đem thí nghiệm nhiều lần đều đúng.

Người Ai-cập đó sang Án Độ để kiếm tiền về ảo thuật và mỗi lần vẫn kiếm được những món tiền khá lớn.

Tác giả cuốn *Án Độ bí mật* lại thuật có được gặp một vị tiên tri như thầy bói của ta đoán tiền vận hậu vận bằng cách xem các sao

chiếu mệnh rất đúng, như người Việt Nam lấy số tử vi nhưng còn thần diệu hơn nữa.

Vị thần bói đó ở trong một phố hẻm ở Bénarès và trong một nếp nhà cỏ lúc nào cũng tối om, muôn vào phải thắp nến. Thầy bói Ấn Độ đó từ bao nhiêu năm chỉ chuyên nghiên cứu về khoa đó, trông người gầy gò và xanh dợt như một con ma vừa ở dưới mà chui lên.

Ở Bénarès lại có một thầy tu đã cạo râu rất giỏi về cách xem các vị tinh tú trên trời để tiên đoán và quan sát mọi việc. Thầy tu có làm một ngôi nhà lợp và bao bọc toàn bằng thứ kính dày và

trong suốt không có một vết và một tí không khí nào. (Thầy tu có nhờ tác giả về Luân-đôn đặt hộ ít kính đó nhưng không một nhà chế tạo thủy tinh nào làm được).

Sau cùng tác giả lại có gặp một vị Fakir rất giỏi các phép ảo thuật, có thể làm được những trò rất màu nhiệm như sai khiến những người giả bằng cao su hoặc bằng chì, bằng sắt, xiên kiếm vào thịt mà không chảy máu vân vân... Thầy phù thủy Ấn độ đó đã thí nghiệm những phép màu nhiệm trước mặt tác giả mà tác giả không thể nào hiểu được cách hành động bí mật của họ. Các phù thủy đó thường làm trò để kiếm tiền của công chúng tại các thành phố và các chợ thường gặp họ làm trò luôn. Cũng có người thì dùng cách giả dối để che mắt người xem kiếm tiền (như cách có thể trồng cây trong một lát sẽ có lá, có quả) nhưng cũng có kẻ thì họ tự bào chữa là không hề dùng cách giả dối và tự xưng là những kẻ chân tu chuyên học các phép riêng. Dối với các nhà tiên tri và thầy tu đó dấu giả dối hay chân thành, người thường cũng khó lòng mà phân biệt được.

### **Đến bọn phù thủy**

Đã nói đến bọn fakir, ta không thể không nói đến bọn phù thủy Ấn Độ, bọn này đã giúp bọn fakir và bọn yogi nói trên làm nước Ấn Độ thành một nước vô cùng huyền bí.

Nói cho thực, ở các nước Á Đông hầu hết nước nào cũng có phù thủy cả mà cả Âu châu nữa nhưng chúng tôi cảm chắc rằng không ở một nước nào người phù thủy lại đáng sợ bằng ở Ấn. Họ sống một cuộc đời huyền bí lạ lùng và nhiều khi thường đem dùng pháp thuật một cách công nhiên, có khi chẳng kiêng nể gì luật pháp. Ông Jean Marquès Rivière, một nhà báo đã từng viết nhiều thiên phóng sự về các nơi huyền bí ở Á châu, một nhà thám hiểm có chân trong Á Đông đại hội luôn luôn tìm hiểu tâm hồn của giống da vàng, tác giả của những cuốn sách giá trị như *A l'ombre des monastères tibétains*, *Vers Bénarès*, *La Chine dans le monde*, *l'Inde secrète et sa magie*, đã có hồi viết về bọn phù thủy Ấn như sau này:

*"Không, phù thủy Ấn Độ không phải là một chuyện thường. Họ sống một cách bí hiểm mà có tổ chức và ít khi họ để cho người ta có thể nghi ngờ được những pháp thuật cao cường của họ".*

Thật vậy. Không cứ một ông Rivière nhận thế mà thôi. Hầu hết các báo và văn sĩ ngoại quốc đi khảo sát về tính tình phong tục và những sự cao siêu huyền bí của dân Ấn đều công nhận rằng người phù thủy Ấn Độ biết đoán kết lắm, cho nên cái trật tự trong phái họ không có hai ở trên trái đất. Người dân Ấn sợ họ như những vị thần minh, nhất là vào khoảng đêm 20 tháng 10 thì mỗi lo sợ ấy lại càng tăng gấp bội. Bởi vì đêm đó vắng trăng mà vắng cả sao, sự tối tăm thật hoàn toàn. Bọn phù thủy mở cửa đi ra và dọc theo những con sông đen tối, họ rẽ lau vạch lá đi ra một bãi tha ma lớn nhất để luyện âm binh và nấu nước phép để dùng quanh năm.

Sự đó ở Trung Ấn Độ không ai là không biết. Một truyện mười, mười truyện trăm, trăm truyện nghìn, người ta đến tận bây giờ

vẫn kể những chuyện đó cho nhau nghe như cổ tích và bao nhiêu những cái đó đều vẫn chỉ là những chuyện vô bản năng, khó tin, có thể là bịa đặt nữa, nếu một hôm không có một người Pháp can đảm đi theo bọn phù thủy nọ để xem cử chỉ và hành tung của họ ra thế nào.

"Tôi, – lời nhà báo Jean Marquès Rivière, – tôi đã t một khẩu súng và đi theo họ, đi mãi, đi mãi, đến một khu rừng rậm rạp. Đây là một cái hồ không biết bao nhiêu là cá sấu; nọ là một cái làng có tám trăm xuất đỉnh ở chui rúc trong những căn phố tối tăm chật hẹp. Một điều đáng chú ý là tối nay ở khắp những dãy phố đó không có lấy một con mèo. Trẻ con người lớn đều trốn vào trong nhà cài then cửa cẩn thận, sợ những linh hồn xấu nó nhập vào người (như thể kiểu đàn bà nước ta sợ hồn Phạm Nhan nhập vào quần áo phơi ở ngoài sân vậy). Không một người nào dám thò đầu ra xem ở ngoài đường có những gì. Khách đi đường chỉ thấy ở những căn phố đó xông ra một mùi phân bò khô người ta phơi trên tường.

Đến khu rừng tôi vừa nói trên kia, một cảnh ghê gớm hiện ra dưới mắt tôi. Tôi đã trông thấy gì? Các ngài cứ giở một cuốn truyện trẻ con có tranh vẽ những phù thủy về thời trung cổ ngồ i luyện âm binh ở trong một khung cảnh tranh tối tranh sáng, các ngài sẽ thấy ngay cái cảnh tượng tôi được nhìn lúc đó.

Ở giữa rừng có một cái chòi tranh. Trong chòi chính mắt tôi được trông thấy bốn mụ đàn bà đã già ngồ i quây quần ở chung quanh một bếp lửa đỏ: các mụ ấy đang đun một cái nồi gì rất to, lửa liếm vào thành nồi như muôn bô c lên đến tận mái chòi. Trên mái chòi có một ống to để thông khói ra ngoài. Tuy vậy trong gian nhà ấy khói vẫn tỏa ra mờ mịt như sương và lẫn vào mùi khói đó, ta thấy một mùi hôi rất lạ, một người không can đảm không thể nào ngồ i được lâu.

## Luyện bùa tà phép ngải

Bốn người đàn bà áy, – vẫn lời ông Jean Marquès Rivière, – bốn người đàn bà áy tôi đều quen biết cả. Họ là những thợ phù thủy có tiếng là pháp thuật cao cường nhất trong làng, vừa thấy tôi đẩy cửa bước vào, họ đều giương những con mắt cú vọ lên nhìn tôi nửa ra đáng tức giận, nửa ra chiề u sợ sệt. Họ sợ sệt tôi có lẽ là vì tôi là một người bạn thân viên cô đạo vùng đó và ở đây hầu hết đều biết tôi có biết một chút ít về pháp thuật nguy hiểm của dân Ấn Độ. Tôi lại có cả một quyển sách nói về cách làm bùa mê phép ngải là khác nữa. Thường thường gặp tôi ở ngoài đường, họ đố i với tôi cũng có cảm tình lắ m lắ m. Nhưng đêm nay thì tôi xin thú thực là họ lấy sự có mặt của tôi ở đó làm vô cùng khó chịu. Mặc. Tôi cứ cất tiếng lên chào họ: Salam, aleck! Tức thì, các thợ trả lời tôi: Abkum salom. Chủ khách thì lễ xong rồi, tôi bèn lễ phép hỏi các thợ làm gì đêm nay mà tụ họp có vẻ "long trọng" thế? Các thợ đáp rằng: Tum ziya d'mangte ho (Sao ông tò mò thế?). Tôi lấy thế làm phật ý lắ m, bởi vì tại sao họ lại giấ u tôi, – tôi, một người cũng có thể tự coi như là anh em với họ? (bhen bhai). Tôi há chẳng thờ chung những nữ thần với họ ru? Tôi chẳng có sách phép là gì? Tôi chẳng đã học montrams là những câu thần chú phù thủy là gì? Không ngầ n ngại, tôi bèn nói hết cả những ý nghĩ của tôi ra, thì các thợ phù thủy kia, sau khi đưa mắt hỏi ý nhau, gật đầu cho phép tôi ngồi lại trong gian chòi áy.

Được chúng ta cho phép, nhưng chỉ một tiếng đồng hồ nữa chúng ta sẽ thoát xác ra ngoài bãi tha ma để luyện âm binh cả. Vậy ông có hứa với chúng ta rằng trong khi chúng ta làm việc áy thì ông sẽ đi khỏi đây không?

Atcha, Mâgna, thưa mẹ vâng. – Và tôi ngồ i xỏm dưới đất miệng lâm râm khấ n vái như họ còn mắt thì đưa khắ p gian nhà không bỏ qua một tí cử chỉ nào của họ. Ôi! lúc đó không biết tôi đã ở đâu? Ở châu Á, ở châu Âu, ở thế kỷ XIV hay thế kỷ XX vậy? Tôi cũng không

biết nữa. Bọn phù thủy lúc giờ những cái đũa giắt trong người ra, vừa chỉ vào cái nõi đưng đun, vừa lâm râm tụng niệm. Có khi họ lại nghỉ khấn khứa trong một lúc, rút ở trong lung ra một chuỗi tràng hạt đẻo hình những cái đũa lâu nhỏ bằng quả hạnh nhân. Tuy bấy giờ gian phòng mờ mờ ảo ảo tối tăm hơn sáng, nhưng mắt tôi cũng trông rõ thấy bọn họ ăn mặc rất xuềnh xoàng: quần áo như thường, bên ngoài họ quàng một cái khăn choàng đỏ. Mặt họ răn reo, già xọc và mắt người nào cũng đỏ như trong một cơn sốt rét lạ lùng: có lẽ họ đã làm phép lâu lắm trước khi tôi đến. Mồ hôi họ chảy ròng ròng, nhưng cả bốn mục phù thủy đó đều có cảm giác dễ chịu, không thấy không khí trong gian chòi này khó thở.

Bỗng một mục trong bốn mục không làm phép nữa, đứng lên, và bấc cái nõi đưng lớn ở trên bếp lửa ra ngoài. Tôi ghé mắt nhìn vào xem trong nõi thì, chao ôi...

### **Một cái nõi đưng răn rết và cóc nhái**

Trong một thứ nước xanh lè như rêu, sôi sùng sục như thể đũa ta đun vậy, mắt tôi thấy quần quai giầy giữa không biết bao nhiêu là răn rết, cóc nhái, xương cốt và tôi lại thấy cả các thứ cỏ và lá nữa. Ngọn lửa chập chờn ở trong bếp lò chiếu vào nõi, lúc mờ lúc tỏ làm cho những con ếch, con nhái luộc chín lên kia, lúc ẩn lúc hiện, khi còn khi mất, linh lung huyền ảo lắm. Tôi không còn nhớ rõ lúc bấy giờ là mấy giờ nữa. Đêm khuya rừng rợn ở Án Độ lắng xuống lòng người ta như một tiếng cú lắng vào đêm khuya, một giọt nước lắng vào chỗ trống. Tôi bấc đũa thấy mệt, đưng sửa soạn nõi nghỉ một chỗ ở trong xó thì đưng một cái tôi thấy một tiếng kêu quái dị. Thì ra một mục trong bốn mục phù thủy đó lăn đùng ra ở bên cạnh nõi nước phép, mắt trợn ngược, bọt mép phun phì phì. Người cao tuổi nhất trong bọn, chúng tôi gọi là mẹ, lúc ấy liền tiến về phía tôi mà bảo: – Đấy, em xem. Mục này vừa thoát xác để cho linh hồn đi dự hội nghị của đấng Chí Tôn Chí Kính.

Chúng ta rồi cũng lần lượt phải đi đây, vậy em nên thu xếp mà về để cho chúng ta được tự do làm việc.

Không cãi lại một câu, tôi vâng lời bà chị. Không khí ở bên ngoài làm cho tôi dễ chịu và đuổi tan sự khó chịu mà tôi vừa thấy ở trong gian nhà chòi. Đêm ấy tôi vô cùng, không có một mảnh trăng sao. Khí trời như chết. Và tôi từ từ lê gót đến nhà ông bạn cô đạo Shiva của tôi. Bạn tôi lúc ấy đang làm lễ ở trước ban thờ Shiva ở trong một cái đền cổ hoàn toàn im lặng. Tôi bèn kể hết cả đầu đuôi sự thể những điều tôi vừa thấy thì bạn tôi nghiêm trang giảng giải cho tôi nghe rằng:

– Phải, đêm nay là đêm những người phù thủy luyện phép thực, mà cũng là để thoát xác đi về hậu thổ của họ.

– Tổ sư của họ là ai vậy?

Bạn tôi trầm ngâm một lát. Vợ bạn tôi, mỹ miều trong cái khăn sari tím trả lời thay cho chồng:

– Tổ sư của bọn phù thủy Ấn Độ không phải chỉ có một ông nhưng là nhiều ông. Có ông là người da trắng, có ông là người da đen.

– Thế cái nô ìi đó kia là nô ìi gì? Vợ bạn tôi cười và nói:

– Trong cả một năm, người phù thủy chỉ có thể luyện phép để dùng trong có một đêm nay. Cái mà ông vừa được trông đó là bùa yêu vậy. Lúc ông đến, họ đã làm xong bùa chết bùa sống bùa hộ mệnh, bùa trừ tà ma, bùa cầu tài rồi đó. Những bùa này làm bằng gì? Chắc ông không biết. Những bùa này làm bằng một thứ nước phép riêng. Họ cho nước ấy vào nô ìi đun một lát rồi cho những thú vật và cây cối riêng của họ vào: rắn rết, cóc nhái, xác người, xương thú, – nói tóm lại tất cả những cái gì mà họ xét có thể giữ được cái

ting anh người ta lại. Xong rồi họ đem đun sôi lên tới 300 độ, và không bao giờ họ có thể đun ban ngày được.

– Nhưng làm như thế thì có kết quả gì không? Bạn tôi đỡ lời cho vợ:

– Tôi là cô ở đây, không những có bốn phận phải giữ linh hồn cho dân chúng nhưng còn có bốn phận trừ tiệt những phường phù thủy kia đi. Nhưng tôi có thể nói chắc chắn với bạn rằng những cái bùa phép của họ có một thứ gì huyền bí quá, chính tôi cũng không hiểu nữa. Bởi vì những cái bùa ấy có một công dụng rất gồm ghê, không ai tưởng được. Đây, xin ông nghe một câu chuyện thực mới xảy ở vùng này ít lâu nay.

Một hôm, tôi đương lễ thần Shiva như hôm nay thì có người đến mời tôi đến làm lễ cho một nhà nợ trong làng bên cạnh; một người thiếu phụ 16 tuổi vừa đâm đầu xuống sông tự tử. Nhà người con gái sợ rằng cái churel, cái hồn người con gái sẽ cứ lẩn quất trong nhà mãi để báo hại người nhà nên họ mời tôi đến để làm lễ siêu thoát cho hồn người con gái. Lúc tôi đến thì xác người bạc mệnh đã được người ta vớt lên trên bờ rồi. Nhìn kỹ thì xác chết đã bị cá sấu ăn gần hết hai đùi và một tay. Theo tục lệ ở đây, người ta vùi vàng làm lễ cứu vớt vong hồn người xấu số rồi lẳng lẳng không trình báo gì cả, – bởi vì trình báo sở cảnh sát Anh làm gì, vô ích, phải không ông? – người ta đem thiêu xác người xấu số và ba hôm sau, một hiện tượng rất kỳ lạ xảy ra ở nhà chôn người con gái đó. Nhà chôn người con gái đó có ma: đêm đêm người ta thấy gạch ngói ném ở trên trời xuống; tường vách có tiếng kêu; thú vật thường kêu rợn và không dám ở trong nhà. Người ta thấy vậy biết ngay là có bàn tay của phù thủy đặt vào bèn để ý dò la thì quả thế, cách đây ba dặm có một phù thủy thật. Tôi bèn phụ đồ làm lễ và hoá phép hòn than; đặt một hòn than lên một cái lá, hòn than nảy lên và vẽ thành những cái vạch riêng. Tôi xem những cái vạch ấy và thấy rằng mụ



phù thủy nọ có liên can đến cái chết của cô gái nọ. Tôi bèn tìm đến mộ ta bởi vì ở đây ai cũng biết tôi quen biết hết các mặt phù thủy. Thì mộ phù thủy nọ cũng chẳng giấu gì tôi điều gì. Mộ ta nói: Gần đây có một người thanh niên mê nàng thiếp u phụ kia, một hai xui cô ả trở nên chông đi bày chuyện hoa nguyệt ở bụi tre bờ suối. Ấc thay, thiếp u phụ kia lại yêu chông, quyết giữ trọn chữ thủy chung, vàng bạc cô không màng mà lợi danh cũng chẳng tưởng: trái lại, cô còn phỉ nhổ vào mặt gã trai kia là khác. Phẫn thì tức giận vì lòng tự ái bị thương tổn, phẫn vì bị dục tình chi phối một cách mù loà, gã thanh niên đi tìm mộ Yobini là mộ phù thủy nhờ làm hộ bùa yêu để phá đổ ả chung thủy của thiếp u phụ nói trên. Không khó khăn gì mà cũng chẳng hỏi han căn vặn một câu mộ Yobini lấy một cái công bằng đất nung đựng bùa phép bán cho gã si tình nọ. Bùa phép ấy là một thứ nước tanh nhờn, không có mùi vị gì cả. Gã trai sẽ nhờ gia nhân đầy tớ nhà cô gái lừa lúc nào thuận tiện pha vào nước hoặc đồ ăn của cô gái, không cần nhiều chỉ một vài giọt cũng đã thấy kiến hiệu ngay. Cái kết quả của bùa yêu đó thực là tai hại. Sau tám ngày hết sức trăn giữ cõi lòng, cô gái nọ thấy chịu thua người phù thủy. Cái bùa yêu đó làm cho cô ta điên cuồng, và một hôm, thừa lúc chông đi vắng, người đàn bà trẻ tuổi khôn nạn đó hiến thân cho gã trai si ngốc. Con thú dục vừa qua thì cô gái nọ tỉnh ngay: cô gào khóc, cô cào cào mặt mày, bò ra để về nhà và sau một đêm kêu khóc, sáng sớm hôm sau, cô ra ven rừng đêm đầu xuôi bờ suối, quyết không đội trời chung với kẻ đã phá tán đời mình, chà xéo hạnh phúc của gia đình. Chỉ một loáng, cá sấu kéo lại xâu xé thể xác cô ta.

Người phù thủy nói đến đây, ông cô Shiva hỏi:

Thế còn người đàn ông đã mua bùa yêu kia sau kết cục ra thế nào?

Này này, không có pháp luật nào của người đời lại có thể trừng phạt một cái tội ấy cho xứng đáng. Trời, trời xử thẳng tay những

người đã cả gan cướp quyền của thiên công để làm lợi riêng cho mình. Không lâu đâu, ông ạ, chỉ sau đó nửa tháng thì có việc báo ứng nhõn tiền ngay. Nếu ông muốn biết thì cứ đi lại làng Sriga, tìm nhà gã thợ phủ Govindor Mehta thì thấy những nữ thần và ma quái Churel trả thù cho người thiếu phụ xấu số kia ra thế nào.

### **Người chết trả thù**

Hôm sau, tôi đi, – đây là lời của nhà phóng sự Jean Marquès Rivière, – tôi đi tìm nhà gã thanh niên si tình ở làng Sriga và tôi cố tìm cách được gặp mặt người đàn ông đó. Tôi bịa ra một chuyện buồn thóc để cho người nhà dắt tôi vào gặp mặt ông ta. Đó là một nhà giàu có nhất ở trong làng, nhà cửa rất đẹp, gia nhân đầy tớ có đến mấy chục; những người vay công lĩnh nợ đến chục ở cửa có đến hơn trăm người.

Một tên đầy tớ chạy ra đứng trước mặt tôi và xin lỗi thay cho chủ nhân không thể tiếp được khách. Tôi nhân danh là một người da trắng lại đến nói chuyện về việc buôn bán nên sau một lát thì tôi được người "đặc cách" tiếp chuyện tôi trong phòng kín. Chủ nhân, Govinda Mehta lúc ấy nằm trên giường, chung quanh toàn chăn nệm. Anh ta run cầm cập như sốt rét và có vẻ co ro cúm rúm và già nua như thể một ông lão già nê miệng lỗ rò, nói chuyện về việc buôn bán. Gã Govinda run rẩy cầm một cái bút chì làm tính. Để ý thì tôi thấy mắt gã ta đỏ song lúc nào cũng trông ngang như thể một người sợ ai đánh trộm. Câu chuyện nợ dắt câu chuyện kia, chúng tôi bước sang chuyện phù thủy và các ngài cần phải ngò ở đây mới có thể biết lão ta mặt sát bọn phù thủy như thế nào. Anh ta lại công kích luôn cả ông cố Shiva, bạn tôi. Lúc bấy giờ tôi mới vỡ lẽ ra rằng ông cố đạo Shiva, bạn tôi, đã dự một phần quan trọng trong việc phục thù cho linh hồn thiếu phụ đã đâm đầu xuống sông.

Hai tuần lễ sau thì cả làng Sriga có tin Govinda Mehta đã chết một cách vô cùng khổ sở.

**VŨ BẮNG**

*Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, số 108 (26.4.1942)*

## Săn rẻ, tậu rẻ, lòng rẻ, bán đấu giá rẻ đây!

Này nhé, tôi nói để ngài biế t, họ sợ là phải lắ m. Họ đây là những nhà có con gái lớn gả chồ ng. Gả chồ ng cho con? Sự đó, không dễ như người ta vẫn tưởng. Để ra con gái, giữ nó đế n lúc mười lăm mười tám như giữ súng, công trình kẻ biế t má y mươi. Nế u bây giờ ta chỉ kiế m cho nó một *anh chồ ng*, thật là phí của. Ta phải lắ y cho nó một *ông chồ ng* ra phê t để cho mình bỏ công nuôi dạy chứ, để cho đẹp mặt đẹp mày chứ?

Những bực cha mẹ muồ n "đẹp mày đẹp mặt", bởi vậy không ngại dùng đủ các cách để mà đi săn rẻ cho con.

Mình là thắ ng chân trắ ng, thề mà tự nhiên chỉ vì có một cô con gái đẹp, được nhảy lên địa vị cụ lớn, cụ đố c, cụ kỹ, được gọi bác sĩ, kỹ sư, quan huyện, đố c học là "thắ ng cả", "thắ ng hai", á chà chà! còn gì vinh dự bắ ng. Họ phải hàm dưỡng, họ phải có một chương trình làm việc.

Hôm qua, tôi đã dò hỏi má y cách làm việc của bọn người đi lòng rẻ, săn rẻ, tậu rẻ cho con. Tôi đã nghe chuyện, và tôi đã chề t khiế p về cái kiểu mẫu số một của tôi.

Ông này là thông phán. Ông có con trai làm quan và ba cô con gái, một cô đã lắ y chồ ng làm giáo học. Một cô đã lắ y chồ ng làm nhà buôn. Hai cô á y không "nước non" gì cả. Ông nhắ t định rắ ng cô ba phải lắ y cho kỳ được một ông quan huyện, hay ít ra cũng phải một ông kỹ sư bào chề . Bởi vậy, ông thảo sẵn một cái chương trình năm năm (*plan quinquennal*). Ông để ý lòng rẻ từ khi

cô út mới có... mười bớ n tuổi. Hồ i cô mười bớ n tuổi, chúng ta mới ở năm 1938. Khói lửa chưa nổi lên ở Âu châu. Tàu bè còn đi lại

được. Thỉnh thoảng ông thông của chúng ta lại xuông Cảng. Ai không biết sẽ tưởng ông ta trốn vợ xuông hát ở Cánh Gà, Phong Bóp. Không, ông đợi những chuyên tàu ở Pháp về. Chuyên tàu nào có chở những ông tân khoa về, ông niêm nở ra đón họ, gạ làm quen và cho cái địa chỉ để một khi họ nghỉ ngơi xong rồi thì đến chơi ông. Đánh chết, trong những dịp đến chơi ấy ông cũng cho con gái ăn bận sang trọng để ra tiếp khách. Và nếu ngộ nhà có mở tiệc mừng "ghe" ông tân khoa thì xin các ngài chắc chắn với tôi rằng bao giờ cũng vậy, ông cũng xếp cho con gái ngồi một đầu bàn còn ông tân khoa một đầu. Ông dạy cho con gái cách ăn nói mời chào. Nếu cô gái không bằng lòng, ông mắng: "Con ngò nghếch lắm, Trâm ạ (hay Đào ạ, Sinh ạ, Thủy ạ). Bây giờ vận hội mở mang, mình phải bắt chước người Âu mới được. Người Âu khi con gái đã lớn cần phải lấy chồng, họ cho đi sục lòng đình đám để làm quen với con trai. Hay lắm. Thầy phục. Thầy tiếc ở đây người mình không có tổ chức những buổi hội hè làm quen như thế, đừng có để phí đi, vừa hại của vừa lỡ dịp được quen biết những thanh niên có địa vị có tiền tài mai sau vậy"! Ông thông nọ dạy con như thế xong, cho mình là phải, ôm bụng cười như nấc nẻ.

Nhưng đó là ông chỉ phải với ông thôi. Cụ Hoè Lợi không hoan nghênh ý đó. Theo cụ, người ta có trăm nghìn cách săn rẻ kín đáo hơn mà... không tốn tiền. Cụ nguyên chỉ là một ông ký lục. Bớ cụ hay ông cụ, cụ cụ không bao giờ làm quan cả. Không hiểu vì lẽ gì giờ đến cụ, cụ lại khát quan và thêm rẻ quan đến thế. Kinh Kha xưa ở sông Dịch Thủy ngựa mất lên trời thế rằng nếu đi mà không làm được việc lớn thì không bao giờ còn trở lại khúc sông kia. Cụ Hoè Lợi nhà ta cũng thế. Cụ soi gương, chỉ ngón tay trở vào mặt mà thế rằng: "Nếu con tư nhà mình mà không lấy được chồng quan mà anh (tức là cụ) anh nếu không được là bố vợ quan, tôi bảo cho anh biết thà cái mặt anh đừng làm bố vợ nữa còn... còn con gái anh thà để mồ côi chứ còn hơn đem cho một đứa thường dân"!

Cụ Hoè Lợi, vậy, đã sẵn rẻ như thế nào? Cụ chỉ chuyên mua năm báo hàng ngày! Xin các ngài chớ nóng. Báo hàng ngày quả có quan hệ mật thiết đến việc cụ Hoè tôi kén rẻ. Cụ mua báo để đọc tin, cái đó đã đành rồi. Nhưng mà những tin gì! Một năm cụ chỉ cần nhất có một hai cái tin nhỏ: đó là tin thi tri huyện. Cụ đọc thuộc lòng tất cả tên những bậc tân khoa. Cụ lòng số nhà họ, cụ tìm hết các cách để làm quen với gia đình nhà họ. Bởi thế liệu hồn cho những báo nào quên đăng kết quả cuộc thi tri huyện. Lập tức, cụ trả tiền rồi "*désabonner*<sup>1</sup> ngay, chứ xem làm quái gì, hở ông". Cụ lòng có phương pháp như thế không tốn tiền gì má y. Cái phương pháp tất cực hay. Chỉ phí một nỗi bây giờ cô con gái cụ đã ba mươi mốt tuổi rồi mà chưa có ông quan nào rước đi.

Cụ Hoè Lợi nhớ lời thế như gã Kinh Kha vậy. Dù năm hai mươi tám, con gái nhà cụ đã "nhỡ" với một cậu học sinh trường thuộc, cụ cũng nhất định bắt con gái đợi, đợi cho khi nào có chếت xuống âm phủ thì cụ đổт xuống âm phủ cho một người chôn mặc cân đai bó i tử bảnh chọe. Thế cũng là lậy chôn quan chứ gì? Cái ngày ấy dù sao cũng còn xa. *Còn nước còn tát*, cụ tuy già lão nhưng không lúc nào chịu kém hoạt động trong việc săn chôn cho con gái. Cụ uống rượu cắc-kè và khi nào choạng vạng, cụ chửi om cả nhà lên. Cụ chửi những nhà có con gái lớn đi sẵn rẻ dữ quá lậy tranh mất cả rẻ quan của cụ. Cụ chửi nặng nhất bà Xã Lợi, trong có vền vền một năm trời *ăn không ăn hỏng* của cụ hai đám tri huyện mới bỏ ra, tuy cụ không biết bà Xã Lợi mà bà Xã Lợi cũng không biết cụ.

Ai ở phố H.K. mà còn không biết bà Xã Lợi là một bà nhà giàu, của chìm của nổi có đến bốn năm chục vạn? Bà có ba cô con gái. Cô lớn có cái lưng tôm và hình như có cái số bị ăn cướp thì phải nên mới có mười tám tuổi mà đã bị ăn cướp tới hai bận rồi: hai tên thanh niên lạ mặt ăn cướp cái trình tiết của cô. Nhiều người bảo: con nhà tử tế ai mà thềm lậy? Bà Xã Lợi không cần. Bà giờ tài sẵn rẻ ra

trong có một tháng đã bắt ngay được một ông tri huyện nhỏ. Ông này hay nói, bà tọng cả một nhà gạch và ba vạn vào miệng ông. Bao nhiêu công việc đều ôn hệt.

Cô thứ hai đi học ở Pháp về. Ấng chừng ở đó cô học văn chương thì ít mà học giao thiệp nhiều hơn. Về đến nước, không thanh niên tử tế nào giao thiệp kịp cô. Cô đánh đàn, họ hát lớp sang dài bài Tứ đại.

*"Thế nhưng... đó chỉ đó chỉ để chơi."*

*"Nợ... anh nào dám đem về làm vợ..."*

Bà Xã Lợi tức dựng đứng bộ đuôi gà ở trên đầu. Bà hét: Bà sẵn cho con gái tròn một ông tri huyện. Rồi chúng mày biết tay! Bà nói thế và làm thế thực. Năm vạn và một cái nhà sang tên cho con gái đã đem đến cho cô này một ông rể làm tri phủ. Ba ngày sau khi cưới, bà hét lên ba tiếng: tiếng thứ nhất để tỏ sự tức giận, tiếng thứ nhì để tỏ nỗi buồn còn tiếng thứ ba tỏ sự tiếc của.

Ông con rể của bà đánh con gái bà một trận kịch liệt rồi bắt về nhà lấy năm vạn nữa. Nếu không thì bỏ. Bà Xã Lợi hiện chưa biết xử ra sao, nhưng không lúc nào bỏ cái ý tưởng sẵn cho cô con gái thứ ba một ông chồng bác sĩ. Ngày nào bà cũng đọc báo để xem hôm nào thì vụ bác sĩ X. bị lôi ra xử ở toà án về tội làm tiền vợ! Và trong khi chờ đợi đó, bà ngời đánh bạc và kể to những công dụng của sự kén rể danh giá cho chị em bè bạn nghe.

Không cần phải nói, một đồng một cô t, cái bọn đàn bà cò bạc này đều hoan nghênh ý kiến kia. Họ bắt chước bà (bởi vì bà giàu) và cũng nhất định chiếm cho con gái họ những ông chàng rể danh giá bởi vì cái danh giá của con gái họ nếu đem ra so sánh thì cũng to ra đáng, chẳng kém của con bà mấy tí. Thứ nhất là bà tham Y. Bà

này có con gái đã nhận trầu cau của một cậu học sinh ở Hải Phòng nay mai sắp thi tú tài tây. Từ khi được nghe cách săn rử của bà Xã Lợi, bà tham Y. kiể m hể t cách "lật" thông gia. Và cái việc tham vàng bỏ nghĩa của bà đã có kể t quả: nhà thông gia của bà chử bà một trận rồ i thôi. Bà tham Y. nhận lời của một đám khác. Đám này làm bác sĩ, không biể t có tài chữa thuồ c không nhưng có tài hát cải lương Nam Kỳ. Chính bà Y. cũng mê tiể ng hát cải lương Nam Kỳ của cậu! Bà hứa bỏ ba ngàn ra để cưới cái tên bác sĩ và tiể ng hát cải lương Nam Kỳ đó. Cưới xin, nhà gái chịu hể t cả phí tổn tuy con gái bà đẹp mà hình như vẫn còn trinh tiể t. Nế u anh rử câ n dùng bà không ngại *các*<sup>2</sup> thêm 2.000 nữa. Và nế u câ n bà lại may thêm cho một cái áo gấ m và một bộ *spincer* thật bốp. Lúc cuồ i cùng, chúng tôi chưa hiểu viên bác sĩ kia đã nhận lời chưa. Nhưng cứ theo như lời bạn hữu cậu nói thì hình như cậu còn đợi... Đợi xem còn có người nào trả giá cao hơn!

Clément Vautel, nhà trào phúng Pháp quồ c, muồ n giểu những cô gái kén chồ ng đã viể t một truyện *Đàn bà bán đầ u giá*. Cứ cái hiện tình hôn nhân ở nước ta, tôi lầ y làm lạ sao những nhà văn có tài chưa viể t một cuồ n sách để trả lời Clément Vautel<sup>3</sup> *Bán đầ u giá rử đầ y!*

Nói không phải phụ trời chứ quả cái việc mua bán trai gái thời nay, không những các cô gái mới là một món đồ hàng. Chính một số cậu trai có bằ ng câ p cũng chỉ có giá trị như một con lợn béo đem bán rao ngoài chợ, ai trả giá cao thì đợc... Để mà đem về ... dùng!

## TIÊU LIÊU

*Trung Bắ c chủ nhật*, Hà Nội, số 111 (17.5.1942)



# Dưới bóng mặt trời không có gì lạ!

*Cả đến việc phát minh cũng vậy!*

Danh sĩ La Bruyère<sup>1</sup> nước Pháp bàn về văn chương thập thớt thế kỷ có phần nản rằng bao nhiêu cái hay cái đẹp đều bị người ta viết mất rồi. Lời than ấy có ngụ một ý thành thật nhưng không có ý rằng từ đó sắp sau người ta không thể viết được cái gì hơn thế nữa. Trái lại. Cái mới bao giờ cũng ở trong cái cũ mà ra. Thế kỷ XVII, XVIII, XIX, XX đã đem cho ta bao nhiêu áng văn hay đẹp hơn hơn thế kỷ XVI, XV và trước đó. Là bởi vì những cái hay cái đẹp tuy đã bị người ta viết mất cả rồi thực đấy, nhưng với sự cần lao gắng sức, sự làm việc, người ta lúc nào cũng vẫn có thể tìm những cái đẹp đẹp hơn, những cái hay hay hơn, nói tóm lại có thể tìm được rất nhiều điều mới hơn và lạ hơn.

Cho mới biết dưới bóng mặt trời thực không có gì là lạ. "Cái mới cái lạ đều ở những cái cũ mà ra" – câu nói đó mới nghe như có ý tương phản; nhưng thật không có gì xác thực bả ãng, cũng như cái chết, ai cũng tưởng là hết nhưng có biết đâu là nguồn sự sống. "Nếu bông lúa không chết đi..." câu nói ấy bao giờ có thể mờ được trong Sấm truyền! Cho nên bảo rằng đời này là một sự luân chuyển của cái cũ cái mới theo nhau, thực đúng. Nhiều cái mà ta tưởng bây giờ là mới chính chỉ là những cái cũ của ngày xưa mà ra vậy. Để chúng tỏ cho những lời nói ấy, chúng tôi xin đan cử ra đây một thí dụ lớn nhất là cái thí dụ của nước Pháp, một nước có nhiều người tài nhất thế giới, mà ví dụ có bảo là đáng liệt đứng hàng đầu thế giới về những chuyện phát minh cũng chẳng phải là ngoa ngôn.

Đọc lịch sử Pháp, điều mà chúng ta chú ý nhất là người ta nói về Trung cổ thời đại không lấy gì làm kỹ. Nhiều kẻ lại còn công

nhiên bảo rằng Trung cổ thời đại là một thời đại tối tăm của lịch sử Pháp, cho nên người ta mới đặt cho cái thời đại kế tiếp đó một cái tên có nghĩa là "Phục hưng thời đại". Làm như tuồng trong thời đại Trung cổ tất cả cái gì là cái hay cái đẹp, cái tinh túy của đất Pháp đều chết cả!

Sự thực, không phải thế. Những người đã hạ lời xét đoán trên kia đã tỏ ra mình quá vội vàng. Về lịch sử, người ta không có cách giải quyết liên tiếp được. Ngày nào cũng có ngày hôm trước. Những cuộc cách mệnh chỉ là những kết quả hơn là những quy tắc quy thức. Lây Trung cổ thời đại đối với Phục hưng thời đại ra mà so sánh với một thời đại khác thì ta phải so sánh với thế kỷ XVIII đối với thời cách mệnh 1789. Thế kỷ XVIII sửa soạn và sắp đặt cuộc cách mệnh mà không định. Nếu thế kỷ XV và XVI của Pháp đã công hiến cho thế giới những sự phát minh vĩ đại về hàng hải và những cái mới lạ về nhân sinh trong văn học, ta đừng tưởng đó là do hai thế kỷ ấy sản ra nhưng chính đó là kết quả của những thế kỷ về trước vậy.

Không, Trung cổ thời đại của nước Pháp không phải là thời đại tối tăm. Chính vào thời đại ấy, bao nhiêu cách giao thông tiến bộ đều thay đổi theo phương pháp tối tân; việc thông thương bằng thủy cũng mở rộng, người ta biết dùng kim chỉ nam và người ta đã thay cái tay lái bơi chèo bằng lái tay lái thẳng (gouvernail vertical). Về cách giao thông trên sông, người ta biết công nước hai cửa và nhiều thì tiện lợi vô chừng khác. Về kỹ nghệ người ta biết đem sức gió của cối xay để áp dụng và việc cưa, việc xay bột, xay hạt, việc ép sợi, ép vải, việc nghiền, việc làm giấy v.v... Do đó, những điều kiện sinh tồn cũng được tốt đẹp thêm, người ta sống một cách êm đềm vì có kính, có lò sưởi, có đèn nến, có sập, có kính đeo mắt và cả kính hiển vi. Chính vào thời đại này người ta lại phát minh ra thuốc súng, máy in, chữ in, khắc gỗ, đồng hồ treo, đồng hồ lò xo,

– tất cả những sự phát minh đó, những thời đại trước không thể nào ngờ lại có được. Đó là không kể về mặt tinh thần, văn hoá người ta lại tiến đến vô cùng: sáng lập những trường đại học Sorbonne, Oxford, Bologne...

Ngoài ra, văn chương cận đại bắt chước văn chương hồi Trung cổ thời đại rất nhiều. Những tính tình mà người thường thấy tả trong những sách, truyện hồi Trung cổ như óc nghĩa hiệp, lòng danh dự, cách xã giao với đàn bà v.v... hiện nay lại được người ta nói đến nhiều. Cứ theo chỗ chúng tôi biết thì cái không khí bình dân trong văn chương bây giờ không khác cái không khí của Trung cổ thời đại, cái không khí đã thổi vào những ông Shakespeare, Rabelais, Dante.

Âm nhạc bao giờ cũng đi đôi với thi ca. Cái đại phong cách của người Hy-lạp chính đã thấy ánh sáng vào hồi thế kỷ thứ IX và được liệt vào làm đồ âm nhạc dùng trong nhà thờ hồi Trung cổ. Vì thế kỷ thứ XI, Trung cổ thời đại được trông thấy một sự phát minh vĩ đại: đó là tấu nhạc, chính do sự đó mà âm nhạc của Âu châu sau này được là một nghệ thuật tối cao tối đại.

Phạm vi bài này không để cho ta nói hết về cái "nợ tinh thần" của đương kim thời đại chịu của Trung cổ thời đại. Ở đây chúng tôi chỉ muốn tỏ ra để các bạn đọc thấy rằng trong những trận chiến tranh bây giờ, những sự phát minh mà người ta gọi là mới sự thực không có gì là mới cả.

Đọc những bài của các bạn tôi ở dưới đây các bạn sẽ thấy bao nhiêu chiến cụ và khí giới giết hàng trăm hàng triệu người, các người xưa đã nghĩ ra; có điều khoa học hiện nay đã làm cho những khí giới, chiến cụ ấy hoàn toàn hơn và có lẽ còn tiến không biết bao nhiêu nữa. Tưởng tượng những thứ đó tiến ra sao là việc ta không thể nào biết trước.

**VŨ BÃ`NG**

*Trung Bả́c chủ nhật*, Hà Nội, số́ 116 (21.6.1942)

# Đồ Sơn

*Ngài có biế t lịch sử Đồ` Sơn không? Cái bãi biển thu hàng triệu bạc mỗi vụ hè, nguyên là một ổ trộm cướp không đáng đồ`ng xu nhỏ!*

Đó là một sự thực mà khắ p thấy Bắ c Kỳ đê`u biế t: hiện nay, cứ mỗi khi mùa hè đé`n, hô` bàn nhau đi tắ m bể và lâ y gió, người ta đã tính ngay chuyện đi đé`n Đồ` Sơn. Nguyên do không phải là vì Đồ` Sơn kém đẹp hay làn sóng ở Đồ` Sơn khéo lượn hơn các chỗ n thừa lương khác. Cũng không phải vì Đồ` Sơn đã mắ t giá rô`i. Đó chẳng qua chỉ là vì người ta ham lạ, cái gì cũ quá thì chán, muố n tìm cái mới hơn. Người ta đi nghỉ mát ở Đà Lạt, Chapa, Tam Đảo, Kiênchinh, Văn Lý, Đồ`ng Châu, Bãi Cháy<sup>1</sup>... nhưng dù sao ta cũng phải công nhận rằ`ng đã không nói đé`n nghỉ mát thì thôi, chứ đã nói đé`n nghỉ mát bãi biển thì Đồ` Sơn hiện ra trong trí óc chúng ta trước hế t. Tại sao? Đó là bởi Đồ` Sơn là bãi biển có trước nhắ t ở Bắ c Kỳ hay, nói cách khác, thì người Bắ c Kỳ mình sở dĩ biế t đi tắ m biển như người Âu Mỹ, â y cũng là vì Đồ` Sơn vậy.

Trước khi người Pháp đé`n bảo hộ xứ ta, Đồ` Sơn chưa có mà cũng chẳng có bãi biển nào để cho chúng ta đi nghỉ mát về` mùa hạ. Riêng nói về` Đồ` Sơn thì lúc â y Đồ` Sơn chỉ là một mảnh đấ t hoang vu có lưa thưa mắ y làng đánh cá nhỏ chui rúc dưới chân những trái đò`i cắ n cọc chỉ có ròng lau sậy. Ở đắ`ng sau những trái đò`i â y, những ruộng bùn và những vũng nước hôi thố`i chạy ngút ngàn. Người ta không thắ y một con đường đi, một cái nhà gạch. Chỉ toàn là những túp lều dựng tạm để cho dân chài tạm trú lúc đêm hôm, còn thì toàn là những cái bí mật chờ người ta bởi vì Đồ` Sơn lúc đó thực là nhiề u trộm cướp ở Cát Bà và những nơi lân cận đé`n tụ họp nhau ở đó. Ông

Jean Dupuis, do đường Hồ`ng Kông đi lại đã lao tâm khổ tứ vô cùng mới đến được đất này. Địa đò` thì chưa có, hay có mà vẽ không được rõ. Sông ngòi thì nhắ`ng nhịt chẳng rõ cái nào vào cái nào. Lại những quân cướp tìm hế`t cách để cản trở công cuộc của nhà thám hiểm. Ông Jean Dupuis để chân lên Đò` Sơn từ 1880 thực đắ`y, nhưng phải đến mãi tận năm 1886, người Pháp trong số` đó có các ông Georges Vlavianos, Costa và Gouma, mới nghĩ làm Đò` Sơn thành một nơi nghỉ mát trong những ngày viêm nhiệt. Ô`i, nói đến chuyện nghỉ mát hồ`i á`y thì thực là giản dị: người ta đi từ Hải Phòng ra ở với bọn dân chài lưới. Một vài người gan lắ`m mới dám cắ`t ở trên những ngọn đò`i một vài cái nhà lá đáng giá dăm đò`ng bạc; người ta chèo thuyề`n ra hoặc là đi ngựa qua những con đường đắ`t nhỏ; người ta nghỉ mát ngay ở những bờ ao bụi rậm và tiế`ng là *nghi đắ`y* nhưng không lúc nào không phải *ngĩ*: nghĩ lo về` trộm cướp. Nghỉ mát ở Đò` Sơn như thế`, trước sau người ta tính má`t có đến mười năm lận!

Mãi sau, vào khoảng 1896, một công ty buôn mới tổ chức những cuộc đi Đò` Sơn bắ`ng *sà-lúp*. Hồ`i á`y mỗi vụ hè, người ta đã thắ`y số` người đi nghỉ mát lên tới cái mức hai, ba mươi người. Riêng sở thương chính mỗi tuầ`n lễ vào chiề`u thứ bảy lại tổ chức một cuộc đi Hải Phòng Đò` Sơn đến sáng thứ hai về` sớm, cũng đi bắ`ng *sà-lúp*; cái *sà-lúp* á`y hồ`i bắ`y giờ người ta gọi là *sà-lúp của những ông chò`ng*. Người nào muố`n đi nghỉ mát Đò` Sơn khởi hành từ Hải Phòng vào ló`i ba, bô`n giờ chiề`u; độ tám, chín giờ tó`i thì đến Đò` Sơn, những hôm thuận buồ`m xuôi gió thì đi chỉ má`t độ hai, ba giờ. Đến Đò` Sơn, *sà-lúp* không vào bờ được, người ta phải đem những thuyề`n nan ra "túc trực" để cho "những ông chò`ng" *đổ` bộ*; những ông nào nóng muố`n gặp mặt vợ con thường nhảy phura cả xuố`ng nước để lội vào hay thuê dân chài lưới cõng như cõng trẻ. Người ta ở suố`t một ngày chủ nhật như kiểu *Lữ Bình Sơn phiêu lưu*

ký, đến sáng thứ hai thì cái sà-lúp của các ông chôn lại để đón để đem trả cho công việc của các ông ở Hải Phòng.

Nói cho thực thì đi nghỉ mát như thế mãi cũng vất vả, cũng ốm xác. Người Pháp đã sống quen với sự dễ dãi phong lưu, tìm hết cách để cho những cuộc đi nghỉ mát ấy dễ chịu hơn một chút. Cái khách sạn thứ nhất được dựng lên, bằng lá: đó là "Khách sạn của những người đi tắm biển" (Hôtel des Baigneurs). Ít lâu sau chính khách sạn có sà-lúp chở khách đi đi lại lại, nhưng tuy vậy người ta vẫn thấy sự bất tiện nên dân Pháp ở Hải Phòng hồi ấy nhất loạt yêu cầu chính phủ đắp cho một con đường đi cho tiện. Đó là vào năm 1891. Đồng thời người ta bắt đầu phá những cái nhà lá lụp xụp đi và xây dựng nhà gạch; cái nhà gạch thứ nhất xây năm 1888. Đến 1891 thì khắp Đèo Sơn đã có tới 11-12 cái nhà gạch trông có vẻ khả quan rồi. Toà sứ cũng xây cái biệt thự Joséphine, cái biệt thự này sau đổi lấy cái biệt thự St Mathurin của một người Pháp trở về quê ở Trung Kỳ. Con đường nối liền Hải Phòng với Đèo Sơn khởi công từ 1891 và khánh thành năm 1892. Bây giờ thì tiện lợi lắm rồi: muốn đi từ Hải Phòng đến Đèo Sơn người ta chỉ mất độ một hai tiếng đồng hồ mà thôi, đi lại chảnh chảnh không sợ những nạn sông nước nữa. Hồi ấy người ta đi xe độc mã, đi xe kéo, nhưng phần nhiều là cưỡi ngựa. Nhưng gọi là chảnh chảnh đó thôi, chứ thực ra lúc mới có con đường Hải Phòng – Đèo Sơn đất hay lún lắm, người ta thường được chứng kiến lắm vụ xe bò và xe kéo tưng-bê cùng là cả người và ngựa tụt hố và lăn bò xuống ruộng. Con đường ấy mỗi ngày được sửa sang thêm; đến khi khá khá rồi thì sà-lúp mất hẳn. Đến năm 1906 thì người ta thấy bóng những cái ô-tô đầu tiên. Đến năm 1914 thì ô-tô ít hẳn vì chiến tranh nổi lên ở trời Âu, có mấy ngàn bạc trong túi thực đấy, nhưng mua được cái ô-tô không phải dễ. Mãi đến tận hết chiến tranh, vào khoảng 1920, 1921 thì ô-tô mới đi lại đông đúc; những người sang trọng không đi xe thổ mộ ra nghỉ mát ở Đèo Sơn nữa, xe thổ mộ lúc ấy để cho người An Nam ít xu dùng. An

Nam đây là kẻ cả những người cực phú quý đi nghỉ mát lẫn những người chở rau chở hoa và đồ ăn thức đựng từ Đô Sơn về Hải Phòng và từ Hải Phòng đến Đô Sơn. Đồ ng thời nhà nước lúc ấy hết sức mở mang Đô Sơn cho mỗi ngày mỗi đẹp hơn mỗi rộng hơn. Bao nhiêu nhà lá nhát loạt đều bị dỡ hết; đâu đâu cũng là nhà gạch; là biệt thự; Đô Sơn không cằn cọc nữa, người ta đã thấy ở trong những căn vườn của người Pháp những cây cối xanh tươi mọc xum xuê. Nổi gót khách sạn *Les Baigneurs*, nhiều khách sạn khác được lập ra. Đô Sơn vui hẳn lên, tươi hẳn lên và từ đó Đô Sơn bắt đầu xứng với câu hát này: *Đô Sơn vui thú xiết bao...*

Nhưng đến tận lúc ấy, Đô Sơn cũng chưa có nhiều đường lộ làm. Trong một thời gian khá dài, người ta chỉ có thể đi được tới biệt thự Marty là hết. Mười năm sau mới có con đường đến biệt thự Saint Mathurin và mãi tận gần đây người ta mới làm những con đường đến Hòn Dấu vậy.

Tại sao những cái đường đó lại chậm làm như thế? Đó là bởi vì người ta không thấy cần dùng. Đi lại ở trong Đô Sơn, thời ấy, người ta thường đi bằng song loan như kiểu những cái song loan mà các bà các cô vẫn ngồi về vụ trẩy hội chùa Hương bây giờ: trên hai cái đòn dãi có một cái ghế mây; bốn người đàn bà, hoặc cả đàn bà đàn ông khênh ghế nghện lên vai đi hết cả bờ tre bụi rậm. Bây giờ, người ta đã bỏ cái lối người nghèo vác người giàu lên vai rồi. Đó là một sự tiến hay lùi về nhân cách con người, ta không bàn đến làm gì vội. Chỉ biết rằng song loan mà bỏ thì Đô Sơn cũng có mất vui đi chút ít: người ta không còn được thấy cái quang cảnh những người khiêng song loan đứng ở trước cửa những khách sạn đợi những ông tây bà đầm đi chơi[.....].<sup>2</sup>

Đến thời này, Đô Sơn đã tiến một bước dài. Đồ ng ruộng như bàn cờ, dân cư ngày đông đúc; người ta dặt lựa và trồng khoai tây mỗi năm lợi tức có hàng vạn. Lúa má tốt, dân nhiều. Người Pháp



lấy làm lạ về cái tài làm ruộng của người nhà quê Việt Nam, về đức tính cần lao của họ. Vì thế ở Nam Kỳ một phái bộ đã được cử ra để học nghề nông tang của người Bắc Kỳ ở Đô Sơn. Số làng mạc tăng lên trông thấy. Người ở Hà Nội về nghỉ mát mỗi ngày một đông hơn. Có lẽ vì sự đông đúc ấy mà cách đây ngót ba chục năm một chuyện rất tức cười đã xảy ra ở đó: chuyện quân cướp tàu đến đánh phá Đô Sơn.

Đã đành đó chỉ là chuyện bịa, chuyện vu vơ. Ấy thế mà nghe đầu hồ i đó ở Đô Sơn cũng nặng lên má t má y ngày, góm quá.

Những chuyện đó rút lại chỉ làm cho không khí Đô Sơn mỗi ngày mỗi vui hơn. Trừ má y trận bão lớn ra không kể, Đô Sơn tiến một các rất êm đềm từ một cái bãi hoang vu không đáng đồng xu nhỏ đến một chỗ thừa lương mỗi năm thu hàng triệu bạc, có năm cây sô đường rải nhựa và hàng trăm ngàn nhà gạch, biệt thự và hiệu buôn.

**VŨ BẮNG**

*Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, số 117 (28.6.1942)*

# Vụ lụt sông Mississippi

*Vụ lụt sông Mississippi đã được liệt làm một trong hai mươi tai nạn khủng khiếp nhất hoàn cầu*

Làm số báo này chuyên nói về việc "Nước" chúng tôi không thể quên không nhắc lại ở đây một vụ lụt kinh khủng nhất thế giới, vụ lụt của sông Mississippi bên Bắc Mỹ. Nói về lụt, người Á Đông ta thường cho vụ lụt sông Dương Tử ở Tàu đã gớm ghê lắm lắm. Nhưng cứ theo những tài liệu của chúng tôi lược được thì đứng đầu hàng lụt, người ta phải đặt lên trên cùng vụ lụt sông Mississippi. Trong cuốn *Les grandes catastrophes* của hai ông Engène Szaimari và Nicolas Aranyossi, hai ông cũng nhận như vậy và dựa vào những chuyện của những người đã được "tai nghe mắt thấy" hai ông đã tường thuật vụ lụt kinh thiên động địa ấy như sau. Chúng tôi xin phiên dịch lại đây để các bạn biết cái sức mạnh vô lượng của nước thế nào, cái thảm họa của lụt có thể gớm ghê đến mức nào. Nhưng trước khi bước vào truyện, chúng ta tưởng cũng nên biết sông Mississippi ra sao đã.

Như các bạn đã biết, sông Mississippi ở Bắc Mỹ đã được thế giới mệnh danh là "cha của các con sông". Nó là một trong mấy con sông to nhất thế giới. Chiều dài đo được hơn 5.000 cây số, vị chi dài gấp bốn lần sông Rhin và gấp năm lần sông Hồng Hà của ta. Nó chảy từ bắc xuống nam trong một khu vực gồm 3.000 dặm vuông, chia đôi Hiệp chúng quốc ra làm hai mảnh không đều nhau. Sông Mississippi rất thoải nên nước phải từ bốn đến sáu tuấn lễ mới chảy suốt được từ nguồn tới bể, mà số nước không lên 80.000 thước khối mỗi giây, gần gấp mười sông Hồng Hà, rót ra bể bằng một cái cửa rộng chỉ có ba phần tư cây số. Như thế, những

năm mưa nhiều, nạn lụt khó lòng mà tránh nổi. Nhiều lần, con sông Mississippi đã gây nên những cuộc thủy hoạn ghê gớm, như năm 1913, lụt hết cả tiểu quốc Ohio (Hiệp chúng quốc là liên bang 48 tiểu quốc), 500 người phải gửi xác trên ngọn ba đào và thiệt hại tới 120 triệu đô-la (ngót 500 triệu bạc ta). Nhưng chưa vụ lụt nào lại tai hại bằng vụ lụt năm 1927.

Mùa xuân năm đó, ở miền bắc Hiệp chúng quốc, mưa gió thất thường và nước đá trên các ngọn núi đổ xuống một cách đột nhiên đến nỗi các mặt sông đều nổi lên bờ những đá chưa tan hết. Cảnh tượng ấy thật chưa bao giờ thấy. Sang đầu tháng ba, mực nước các sông nhánh của sông Mississippi đã lên khá cao và cứ mỗi ngày, mỗi tuần lại còn lên cao hơn nữa. Tuy vậy người ta vẫn chưa tin ở miền hạ lưu lại có thể lụt được; người ta chắc chắn ở các đê xây hai bên bờ. Mà những đê này phải nói là một đại công trình của Hiệp Chúng Quốc. Hai nghìn năm trăm cây số chạy dài hai bên bờ sông cho mãi đến bể Mê-tây-cơ, những đê này có chỗ cao tới 10 thước, ngang 50 phân đúng. Quanh năm hàng ngàn thợ trông nom sửa chữa, và cứ một quãng lại đặt một cái còi báo hiệu nếu đê bị sạt hay thấm lậu. Mỗi tuần lại một ban kỹ sư chuyên môn đi khám xét. Bởi cần phải săn sóc đê như vậy nên mỗi năm ngân khố phải trích ra tới vài chục triệu. Và cũng vì săn sóc kỹ lưỡng như vậy nên trong luôn 14 năm, đê đã giữ nổi cho nhân dân khỏi bị lụt. Song đến năm đó, năm 1927, các đê ấy cũng đến lượt vỡ nốt. Không có một công cuộc kiến thiết nào do tay người làm ra lại có thể thách được cái sức phá hoại mạnh vô cùng của tạo hoá.

Hôm 16 tháng tư, lần thứ nhất có điện tín báo nước đã tràn khỏi đê, song những tin tức đều không có vẻ gì là khẩn cấp nên ở Hoa Thịnh Đốn, người ta vẫn chắc có thể ngăn được tai nạn. Người ta đã lầm. Mực nước cứ mỗi giờ lại lên vọt, những đê thành vô hiệu, và vụ lụt người ta cho là vô hại trong có vài ngày đã thành ra một cái quốc

hoạ. Hai hôm sau, bảy tiểu quốc đã ngập nước. Ở đô ùng quê có chỗ nước cao tới bảy, tám thước; dân hàng chục tỉnh, hàng trăm làng bị đô ùn đi các nơi khác. Mực nước sông Mississippi vẫn cứ lên. Mặt sông ngày thường ngang độ một cây số hay một cây số rưỡi, lúc đó lắ m chỗ ngang tới 30 cây số . Cả ở những sông

nhánh, những đê xây hai bên, khúc nọ vỡ liề n khúc kia. Số ÷ nạn dân trong hai ngày lên tới 35.000. Đã có độ hai ba trăm người chết t. Đã thê ÷ chồ c chồ c trời lại giáng một cơn bão làm ngăn trở cuộc cứu cá p và phá hoại những đường điện thoại thông tin đê ÷n nỗi những tiểu quốc Oklabama, Nebraska và Texas bị cắ t đứt tin tức với chính phủ trung ương. Bắ y giờ chính phủ Hoa Thịnh Đố ÷n mới đem hê ÷t cả nghị lực ra để chồ ÷ng nạn nước. Hàng má y sư đoàn đem ra để cừ đê, bao nhiêu đoàn tàu tồ c hành đê ÷u chỉ dùng để chở binh lính. Hàng đôi phi cơ cũng bắ t đầ u vào việc cứu cá p. Giồ ÷ng người đem hê ÷t tài đắ m ra để chồ ÷ng lại với trời. Nhưng tình thê ÷ cũng chẳng khá hơn chút nào. Hôm 20 tháng tư, Nữ Ước công bố ÷: "Nê ÷u trong 24 giờ, quân đội không cừ lại được đê ÷ thì số ÷ thiệt hại sẽ vô kể".

Dân Mỹ là một dân giàu, trời đã bắ t phải chịu số ÷ thiệt hại vô kể đó. Bảy hôm sau, ở vùng Mississippi đã có 175.000 người không có nhà trú ẩn và vào khoảng 260 người thiệt mạng. Tá t cả độ 30.000 dặm vuông đô ùng ruộng bị ngập dưới nước. Vậy mà mực nước cứ cuồ n cuộn lên nhanh một cách đáng sợ, những đê nào còn lại cũng đê ÷n lượt bị vỡ nô ÷t, nước tràn vào khắ p các tỉnh thành, gặp câ ù cuồ n câ ù, gặp nhà phá nhà, giồ ÷ng người hình như đã đê ÷n lúc phải khoanh tay quy hàng. Tổng thồ ÷ng Coolidge hô hào quốc dân tổ chức công cuộc cứu tê ÷. Trong lúc đó, ở miê ÷n Bắ c, mưa suồ t ngày đêm như câ ùm chĩnh nước mà trút xuồ ÷ng và ở những nơi đã bị lụt, cơn bão này qua, cơn bão khác lại tiế p tục luôn, không má y lúc ngó t. Nhiê ÷u khu vực bị nước vây, đoạn tuyệt đường giao thông với ngoài, dân tình đưòng chịu nạn nước lại phải chịu thêm cả nạn đói

nữa. Chính phủ phải cho phi cơ bay suốt đêm ngày để vận tải lương thực. Vài chục vạn người phải ở giữa trời, đã không nhà cửa, không lương thực, không số ng áo, lại thỉnh thoảng bị một cơn gió lạnh thít đến tận xương: hình như trời có sức hình phạt giống người vậy. Gần tỉnh Greenville 6.000 người chạy lên một mỏm đất, nước đuổi theo vây mất lối ra, họ cơ hồ chỉ còn đứng mà đợi chết nếu không có hai sư đoàn luân ba đêm ngày làm việc gập để đem họ ra thoát. Hội Hồng thập tự dùng tới 40.000 xe hơi, 50.000 tàu bè vào việc cứu cấp, và chính phủ cần để chở người, tịch thu đến cả những du thuyền (yachts).

Hôm 26 tháng tư, người ta dự đoán số người chết đã tới 500 và số thiệt hại tới nghìn triệu đô-la (hơn bốn nghìn triệu bạc ta), một nửa là hoa màu vì bao nhiêu đồng lúa, mía và bông đều bị ngập hết, suốt một dải từ tỉnh Memphis cho xuống tới cửa sông Mississippi. Những nhân viên ban cứu tế phải liêu mạng mới vào được những nơi bị lụt. Một viên chỉ huy và một số lớn thủy thủ một chiếc tàu của chính phủ bị nước cuốn đi trong lúc đánh đấm tàu chở đầy xi măng xuống để cản giòng nước. Hôm 27, nước đã tràn vào tỉnh Arkansas. Quan tổng trưởng Hoover (sau này là tổng thống) thân chinh đến nơi bị nạn để xem xét và tự đứng chỉ huy việc cứu cấp. Từ tỉnh Arkansas, nước sắp rót sang tỉnh Nouvelle Orléans, ở tả ngạn sông. Mà tỉnh này thì bao nhiêu lương thực đều tích trữ ở đó cả, nếu để ngập, cả nước sẽ bị đói. Bởi vậy người ta phải ngăn nước lại ở Arkansas để giữ. Ở Arkansas, mực nước đã lên cao tới năm thước, những nhà đồ hàng trăm, và ngoài số dân định và quân lính người ta phải gọi thêm tới 50.000 thợ nữa và xem chừng cũng không lại với sức nước. Bất ý giờ muốn cứu tỉnh Nouvelle Orléans, người ta chỉ còn cách cuối cùng là phá vỡ những đê ở hữu ngạn sông cho nước rót sang những đồng ruộng. Những kế hoạch đó bị bọn điên chủ cực lực phản đối, nhiều nơi họ vác cả súng ra chống cự với bọn lính đến phá đê, họ thà liêu mạng chứ không chịu liêu để

cứu ruộng tỉnh. Chính phủ phải thi hành chính sách độc đoán, ra lệnh thiét quân luật, kẻ nào bắt được mang khí giới trong người sẽ bị tống ngục và cử đại tướng Parker để đàn áp bọn điền chủ buớng binh. Quan tổng trưởng Hoover bị kẻ âm mưu ám sát, nhưng may không việc gì. Chính phủ cũng không lậy thế làm sòn lòng, cứ ra lệnh phá 48 quấng đê và mộ 10.000 người để làm đập ở những quấng đê bị phá.

Tỉnh Nouvelle Orléans nhờ được sự cương quyết của chính phủ, không bị lụt, nhưng vì thế nạn lụt lại càng lan rộng. Mười vạn dặm vuớng đờng ruộng bị ngập nước, số nạn nhân lên tới nửa triệu. Tỉnh Alexandrie bị tàn phá hết và ở miền tiểu trấ n không một cái nhà nào còn nguyên. Tỉnh Louisiane và một phầ n tiểu quố c Texas hình như mấ t tích trên mặt đấ t, và chỗ hai tuầ n lễ trước còn là những tỉnh phồ n thịnh, đông đúc, bây giờ nước phủ mênh mông tựa hồ một làn biển rộng. Sáu tháng sau nước mới rút ra.

## **TIÊU LIÊU**

*Trung Bắ c chủ nhật*, Hà Nội, số 124 (23.8.1942)

# Những nạn động đất

**Trận động đất kinh khủng nhất đã làm xáo động cả Âu châu và làm tan nát cả một kinh thành lớn**

Tin *Domei* ngày 31 Aout 1942 báo cho ta biết ở Nhật người ta sắp làm lễ kỷ niệm thập cửu niên trận động đất năm 1923 là trận động đất dữ dội nhất ở Kanto. Những cơ quan cứu hoả ở trong nước sẽ diễn những cách dập tắt lửa và nhân dịp đó, người ta sẽ không bỏ qua cơ hội bày tỏ cho mọi người thấy những cách chống với lửa trong những vụ ném bom nảy lửa ra thế nào. Bốn mươi đoàn người chữa cháy phân nhiều lựa chọn trong các học sinh trung học và cao đẳng sẽ dự vào cuộc biểu diễn này.

Chúng tôi tưởng nhân dịp này chúng ta cũng nên biết đến trận động đất ở Kanto ra thế nào, huống chi vừa đây hằng thông tấn OFI lại báo cho ta biết rằng hôm 1/9/1942 ở Đức lại vừa có nạn động đất trong ngót nửa tiếng đồng hồ, thiệt hại chưa biết ra sao, nhưng động đất mà tới ngót nửa tiếng đồng hồ, đó cũng không phải là một cuộc động đất không quan trọng vậy. Nói cho thực, trận động đất ở Kanto không phải là trận động đất ghê gớm nhất trong lịch sử loài người từ trước cho tới bây giờ. Trận động ghê gớm nhất, ta phải kể là trận động đất ở Lisbonne ngày 1er Novembre 1755. Trong suốt một năm đó, những núi lửa làm xáo động cả mặt đất như báo trước cho người ta một thiên tai sắp xảy ra. Vào khoảng Juin-Septembre, đây đó có vài nơi động đất xoàng như ở Perse,<sup>1</sup> ở Italie chẳng hạn. Đến hôm 11 Septembre thì ở Islande, núi Hecla phun lửa và cả xứ Groenland rung chuyển; sang đến Octobre, ở miền tây nước Pháp và ở Thụy Sĩ có những trận *mưa ra máu*. Những hạt bụi đỏ li ti rơi từ ở trên trời xuống; những người mê tín thấy vậy bàn hết cách này đến cách nọ rồi kết luận rằng trời sắp ra tai.

Ngày 14 Octobre ở Locarno người ta thấy hơi nóng bốc lên đầy trời và họp lại thành những đám mây đỏ rồi rơi xuống thành hạt nước đỏ: lại *mưa ra máu* nữa! Tuyết ở trên những đỉnh núi lân cận đều đỏ hồng cả ra. Ở Thụy Sĩ và ở khắp trong nước Ý-đại-lợi, mưa dòn dọt hết ngày này sang ngày nọ, nhiều nơi bị lụt.

Emmanuel Kant thuật về cái nạn động đất này, – "nạn động đất lạ lùng đã làm rung chuyển một phần lớn quả địa cầu vào cuối năm 1755", – có kể chuyện rằng: tám ngày trước khi xảy ra nạn động đất, mặt đất loài người ở có không biết bao nhiêu là côn trùng mà con mắ t thế nhân chưa từng được mục kích bao giờ cả. Ở những ngò n sông Lebrijia có hắ ng hà sa số loài bò sát; ở Carmona giố ng chuột chạy cuố ng cuố ng như sợ sệt; ở Cadix và Gibraltar người ta hò i hộp lo âu, người và vật linh cảm rằ ng hoá công đang sửa soạn một thiên tai mà kắ t quả chắ c chắ n là bi khố c rùng rợn lắ m. Kinh đô Portugal lúc ấy đương hò i cực thịnh, nó là trung tâm điể m nề n thương mại thế giới, một tỉnh thành ăn chơi xa xỉ, có những lâu đài đồ sộ nguy nga. Không câ n phải lâu la gì, chỉ một ngày, phải, một ngày thì cũng đủ tàn phá hắ t. Sáng mố ng một Novembre, hò i chín giờ rưỡi, ba tiế ng chuyển động làm rung cả tỉnh. Tiế ng rung chuyển thứ nhắ t độ chừng mười phút, tiế ng thứ hai và tiế ng thứ ba ngắ n hơn, chỉ độ hai phút mà thôi, nhưng kắ t quả thật khố c liệt. Bao nhiêu lâu đài nhà cửa đều đổ hắ t. Lisbonne chỉ còn là một đố ng vôi gạch ngổ ngang bừa bộn. Thêm vào đó, một con nước ở sông Tage phun lên và tàn phá không còn để lại một tí gì ở hải cảng; rồi tiế p theo đó là một vụ cháy góm ghe đắ n nổi sáng hôm sau không còn tỉnh Lisbonne nữa.

Scyfarth tả cảnh rằ ng sau tiế ng động thứ nhắ t, mặt đất vỡ ra một tảng to, 4.000 cái nhà và tá t cả những người ở trong những nhà đó đều bị chôn trong hố . Tại một cái bê n, lúc động đất có 800 lính thủy và người đánh cá chìm xuố ng dưới bể; gió to mưa lớn nổi



lên và cuốn 12 cái thuyền câu và tàu thủy. Ngọn sóng cao nhất đánh vào Lisbonne cao 13 thước. Nước tràn vào tỉnh như thác và cuốn không biết bao nhiêu là người đi mất; đến khi nước rút ra thì lòng con sông Tage cạn hẳn; sức nước mạnh quá đã đem cả nước sông đi mất rồi.

Không cần phải nói, ta cũng có thể hình dung được sự khổ sở và nỗi lo sợ của dân Lisbonne lúc ấy như thế nào: có người phát điên; ai cũng tìm đường chạy trốn; những gian phi cường bạo tha hồ mà hoành hành, đi lật xác chết để tìm của rơi và bóc lột. Người ta kinh khủng đến nỗi không biết làm gì cả; phải một tuần lễ họ mới định thân lại được để nghĩ cách tạo tác lại cái tỉnh thành trù phú kia. Số dinh thự lâu đài và nhà cửa bị tan nát ước độ 25.000 cái. Bao nhiêu nhà thờ bị đổ gãy hết. Số người chết không biết đích là bao nhiêu. Người ta ước chừng số đó ít nhất cũng từ 25.000 đến 35.000 cái. Có người nói chắc là độ 60.000 cả thảy. Tuy vậy, trận động đất này không phải chỉ tàn phá có một tỉnh Lisbonne mà thôi đâu. Thủ đô của xứ Portugal chỉ là trung tâm điểm của nạn động đất ấy. Chính nạn động đất làm rung chuyển một chu vi rộng hơn Lisbonne mấy ngàn lần. Chu vi đất bị động là hai triệu rưỡi cây số vuông. Từ xưa cho tới nay, 1942, chưa hề có một trận động đất nào to như thế. Đất động đến tận bờ bể Maroc một phần, và đến bờ bể Andalousis và Pháp một phần. Những tỉnh Cadix, Xérès và Alyérisas đều bị tàn phá gần hết. Gibraltar và Malaga thiệt hại vô kể. Ở Séville, những nhà gác chuông cong queo cả lại như "những cây lau sậy bị gió tấp", ở một cái nhà thờ Madrid, một cây thập tự bằng đá dựng trên nóc nhà thờ rớt xuống đất và làm vỡ đầu hai đứa trẻ chết ngay. Trong triều, hoàng thân quốc thích chạy trốn ra cánh đồng và dựng lên vài lều để ở. Tại Mogador và Fez, nhà cửa và nhà to đổ vỡ đầy đường. Đến tận bờ bể Algérie, sự thiệt hại cũng ghê gớm lắm. Tại Villa de Gaya, rất nhiều tàu bè bị đắm, các hải cảng nhỏ đều bị tan nát. Tại Cadix, nước cuốn 500 người mang đi. Ở dọc

bờ biển Phi châu, nhiều đoàn người bị sóng cuốn; ở Centa và Tanger hàng triệu cá và súc vật chết nhả ra trên đường.

... Cho đến tận Hambourg, nạn động đất này còn để lại những vết quạ cực kỳ rùng rợn. Nhà thờ bị đổ, đèn treo bị văng đi, chuông không có người kéo mà cứ kêu vang lên đồ hồ i. Ở Lubeck, ở Travemude, ở Rendsburg, đất cũng động; động rất mạnh ở Soltabe và ở Bavière. Đến tận Teplitz, bể cũng vẫn còn chao, nhiều người đi tắm bị chết. Đất rung động mãi đến tận bờ bể Mỹ châu, đến tận tháng Mars 1756 mới hết.

### **Núi Vésuve phun lửa gây nạn động đất khủng khiếp ở Ý-đại-lợi năm 1906**

Đã lâu, người ta hầu như quên mất núi lửa Vésuve ở Naples bởi vì sau trận động đất 1872 thì cái núi lửa đó yên rồi không lộ vẻ gì là hung hăng nữa. Mọi người đã tưởng lầm. Đầu Mars 1906, mây đen mù mịt phủ ở trên đỉnh Vésuve, núi gầm thét và kêu như tiếng súng. Lòng núi đất mỗi ngày mỗi kêu to và giáo sư Matteuci báo rằng một cuộc động đất lớn thế nào cũng xảy ra, núi Vésuve sẽ phun lửa. Lời tiên đoán đúng. Ngày 4 Avril, những phún thạch (lave) từ trong lòng hoả sơn phun ra và chảy xuống theo hai triền núi. Đồng thời ở Naples có những trận mưa ra tro than. Dân làng ở những vùng lân cận bắt đầu lo sợ, người ta dắt nhau đi trốn và rủ nhau đắp những con đê kiên cố để ngăn cản phún thạch, nhưng than ôi, quá chậm. Ngày 7 Avril, phún thạch đã chảy đến làng Boscatrecase. Ở trong nhà, người ta đã thấy nóng không chịu được. Đất bắt đầu rung động; lòng núi kêu sùng sục lên như một cái lò vôi, từng loạt khói mù trời bốc lên và che phủ hết cả thành phố. Đến đêm chủ nhật 8 Avril thì cái thiên tai đi tới cái độ hoàn toàn của nó. Cả trái núi Vésuve đỏ rực lên như một cái lò than hồng vĩ đại; đất gầm lên, hét lên làm cho nhiều người phát điên; khói bốc cao 150-200 thước. Những phún thạch trắng xoá phun ra cao 500 thước,

tiếng rung chuyển âm ầm ầm làm cho nhiều người ở Naples ngã lăn ra và điếc tai. Tro bụi và than rơi xuống cùng với nước nóng. Từ 2 giờ sáng trở đi, phun thạch chảy tràn hết cả vào làng Boscatrecase. Cả làng đang im lặng thì đất rung chuyển dữ dội, bao nhiêu cửa sổ đều tan vỡ hết. Lớn bé trẻ già dắt nhau chạy trốn. Cùng lúc ấy, hoả sơn Vésuve lại do hai cái miệng khác phun phun thạch ra và phủ kín cả vùng Caramella. Lính sen đã phải vào từng nhà để thúc giục dân đi tránh nạn. Đến khi cả dân cả lính vừa đi khỏi thì phun thạch đổ xuống, sau đó mười phút, cả tinh bột lửa rồi đất nứt ra. Núi lửa thêm một miệng nữa và mỗi lúc càng phun lửa ra dữ dội thêm. Ở Naples, tất cả mọi nhà đều rung chuyển. Bao nhiêu người đều phải chạy trốn về vùng quê hết và phải ngủ ở ngoài trời. Đến 7 giờ sáng thì bao nhiêu thành phố ở gần chỗ núi lửa đều bị chôn vùi ở dưới trận bão phun thạch, tiếng kêu tiếng nổ mù trời; phun thạch bắn lên cao tới 1.000 thước rơi xuống đất và lại hợp thành những cái núi lửa con. Đất, trong lúc ấy, luôn luôn bị rung chuyển. Sự thiệt hại không thể nào mà ước lượng được. Đường xe hoả núi Vésuve tan nát, những đường sá mạn Torre Anunziata và Torre del Greco cũng vậy. Mua than, mua nước nóng, mua lửa rơi xuống khắp mọi nơi; hai người đứng cách nhau một sải tay không thể mà nhận ra nhau. Người ta cố sức ngăn phun thạch lại nhưng không được. Ở Naples người ta tưởng như đương sống vào một thời kỳ mà quân địch đến cướp thành: 150.000 người không có giường ngủ, thức ăn. Số đó mỗi lúc mỗi tăng thêm. Tiếng kêu khóc như ri. Nhà vua và hoàng hậu phải lập tức từ Rome đến Naples để phủ dụ. Người ta tổ chức những lễ cầu yên ở dưới những trận mưa tro; hàng triệu người khóc âm ầm lên như quỷ sứ ở dưới địa ngục giận dữ người trần gian vậy.

Ngày thứ hai, núi Vésuve lại phun lửa dữ dội hơn. Ở Ottayano, năm nhà thờ bị tàn phá không còn sót lại một thứ gì; người ta tính có hơn 100 người chết. Số bị thương ước lượng trong trong tất cả

vùng độ 700. Nhà vua muố n ngự giá đi thăm tá t cả những vùng bị nạn, nhưng không được, đành phải trở về vì trận mưa ra đá, vôi, than, lửa đỏ cũng càng ngày càng dữ. Tro và đá rơi vào trong nhà người ta, than và lửa bay vào tai, vào mũi, vào miệng và làm cho nhiề u người ngạt thở. 10 giờ sáng hôm á y, phố Via Toledo là một phố sâ m uấ t nhấ t Naples giấ y lên như một con vật bị chọc tiế t, cái chợ Monte Otevito sụp đổ vì đấ t rung chuyển dữ quá. 12 người chấ t ngay. Hàng trăm người bị tử thương. Đờ ng thời những người lính đi cứu tỉnh Boscotrecase về thuật lại chuyện rằ ng cái tỉnh này đã bị xoá hẳn trên mặt đấ t. Vùng Torre Annunziata có 100 người chấ t. Tại nhà thờ San Giuseppe trong khi ông cô đạo cho gọi các con chiên lại để câ u yên thì bên ngoài vẫn mưa ra nước nóng, ra than, ra lửa. Mọi người đang câ u kinh thì trận mưa đỏ làm vụt mái nhà thờ và làm chấ t hế t cả những con chiên: 100 người chấ t liề n tại chỗ, trong đó có nhiề u đàn bà và trẻ con. Portici bị chôn hẳn xuố ng dưới làn phún thạch. Ở Soumara than tro cao tới hai thước, năm cái nhà và ba nhà thờ mấ t tích. Torre del Greco, San Gennaro và Sarno không còn sót một người. Cây cỏ bị cháy sém hế t. Mùi cháy và mùi diêm sinh bay phủ cả gầ m trời. Trên đỉnh Vésuve từng đám mây đen nặng nề bao phủ, trời đen và đục, và suố t ngày suố t đêm như thế . Rạng ngày 11 Avril núi Vésuve vẫn cứ gầ m hét lên. Bụi và than bay trong những phố xá, dân gian bỏ tro ấ n, xe lửa không còn toa mà chở khách. Thấ y "thầ n núi" ra oai không ngừng, dân gian xô cả vào trong nhà thờ để cướp tượng thánh Janvier để nhờ ngài che chở cho. Bảy vạn người khóc, kêu và chen chúc đè lẫn nhau, lính cảnh sát bá t lực, dân chúng làm như thể xâm chiế m nhà thờ vậy. Mười bô n vạn cái tay giơ lên trời. Người ta nghe thấ y những tiế ng kêu này ran lên: "Lạy thánh Janvier, chỉ có thánh cứu được chúng tôi thôi. Xin ngài thương đế n thành phố Naples này!" Rô i những cánh tay khoẻ mạnh cướp lấ y tượng thánh Janvier đem đi rước ngoài đường. Hình như núi lửa Vésuve nghỉ gầ m hét độ mười mười lăm phút. Rô i mưa than, đá và bụi lửa lại bắ t đầ u và có phầ n lại dữ dội hơn trước

nữa. Những người gác nhà thương bèn bỏ cả bệnh nhân mà chạy mất. Người ta phải đem hai chiếc thuyền đến chở 800 tội nhân ở San-Francesco đi Palerme. Naples hoàn toàn là một tinh thành chết. Thỉnh thoảng lại có một đoàn người vừa khóc vừa kêu đi loạng choạng ở giữa đường. Người ta phải đeo mặt nạ để phòng than lửa và đá khối bay vào mặt.

Phóng viên báo *Berhsier Tageblut* là bác sĩ Hano Barth đi điếu tra về cái nạn "kinh thiên động địa" này đã viết rằng: "Lúc tôi đến San Giovanni, hàng chục toa xe lửa bị tan nát nằm trơ ra đây. Bên trái, bên phải, cây cối bị cháy xém hết; nhà nào nhà nấy đều bị phủ dưới một lớp phún thạch trắng như tuyết vậy. Phía sau Giovanni, có một cái tường khói màu vàng đục. Xe càng đi gần đến cái tường ấy thì màu sắc cái tường ấy lại càng gớm ghê mọi rợ. Rồi người ta bắt đầu trông thấy núi Vésuve. Ở miệng núi phun ra những luồng hơi tím dày đặc, vung ra ở xung quanh những trận mưa than và đá. Ở ga Portica hàng ngàn hàng vạn người đứng đợi tàu đi Naples. Cái cảnh chết chóc làm cho người can đảm nhất cũng phải rợn tóc gáy. Màu trời thay đổi luôn. Thỉnh thoảng đỏ rực lên như mười tinh thành cùng cháy một lúc, có lúc lò mờ huyên ảo như núi lửa gầm lên không ngớt. Ngồi trong toa xe lửa, tôi thấy mặt kính xe vỡ hầu hết. Than và tro bay vào khắp tàu, người ta nhắm mắt lại không dám trông, bịt mũi lại không dám thở. Ở ga Torre del Greco hàng ngàn hàng vạn người đứng trú chân. Vô ích. Xe lửa không chạy được, than, tro ngập lên đến nửa thước tây cản tàu lại, bánh xe không quay được. Cả tỉnh Torre del Greco chạy trốn, 12.000 người định *do đường biển* ra khơi. Bề sáng lên một lát rồi lại sôi lên sùng sục. Người ta phải đi bộ đến tỉnh Naples".

Ngày 14 Avril, cuộc động đất bớt sức mạnh đi. Núi Vésuve không phun lửa nữa. Những tỉnh Torre Annunzia và Torre del Greco hoàn toàn không còn gì cả.

## Trận động đất đã tàn phá cả tỉnh San-Francisco

Đêm thứ ba 17 Avril 1906 tỉnh Golden Gate ở Nữ Ước<sup>3</sup> vẫn còn ăn chơi vui vẻ thì sớm tinh mơ, hồ i 5 giờ 15, một tiếng động làm rung chuyển cả nhà cửa. Bao nhiêu ống khói đều đổ hết. 10 phút sau đất rung chuyển một cách góm ghê, gạch lát hè tung lên trời, nhà cửa sụp xuống, bao nhiêu nhà chọc trời đều rụi cả xuống và chao đi chao lại. Có nhiều cái đổ. Lúc ấy, hầu hết dân trong tỉnh hãy còn đang ngủ. Họ giật mình thức dậy và cứ nguyên quần áo ở trong nhà họ chạy cả ra đường. Trong một tiếng đồng hồ những tiếng gầm của trái đất nổi lên không ngớt. Đất động dữ dội quá đến nỗi không còn một người nào đứng vững. Người nào như cũng phát điên lên. Số người chết chưa lấy gì làm nhiều lắm. Nhưng họa vô đơn chí, ngay lúc ấy một trận hỏa tai lại nổi lên. Lửa đốt cả một tỉnh ra tro, mà một tỉnh như thế nào? Một tỉnh trù phú nhất của Mỹ châu, có tới 400.000 người ở. Lửa phát ra bắt đầu từ đâu? Không ai biết rõ, nhưng người ta biết chắc lửa phát ra cùng một lúc ở nhiều nơi khác nhau. Động đất làm đổ cả ống khói, bể, lửa, ống dẫn điện, – chắc chắn những cái này đã gây nên cuộc hỏa hoạn, không sai. Chỉ trong một tiếng đồng hồ cả tỉnh thành bốc cháy không tài nào mà dập tắt được ngọn lửa. Bởi vì ngọn lửa bốc dữ dội quá, đã đành, mà còn vì lẽ người ta không có nước; bao nhiêu ống dẫn nước đều đã bị trận động đất vừa rồi phá tan hết cả. Thoạt đầu người ta còn lấy cốt mình phá đổ vài nhà mà ngọn lửa bốc to để cho không cháy lan được sang những nhà bên cạnh, nhưng lửa cứ bốc lên. Đến trưa đã có tới 200.000 người không có nơi trú ẩn, không có áo mặc. Đồng thời đất lại chuyển động dữ, khách sạn Valencia năm tầng sụp đổ; khách sạn Kingsley cũng vậy, đè chết 80 người. Một nhà nuôi trẻ mồ côi tan nát, 200 trẻ con chết. Một cái bình dân sạn điếm nổ bung lên giết 70 người. Hầu hết những nhà băng lớn đều bị tàn phá. Cái nhà chọc trời 12 tầng Western Union Telegraph tan ra từng mảnh vụn, nhà ngân hàng Mutual Bank

8 tầng, cũng vậy. Nhà Union Trust 11 tầng chỉ còn là một đống vôi gạch, hai cái lâu đài báo chí của "ông vua báo chí" là Hearst không còn để lại một di tích còn con gì; nhà San Francisco Call 20 tầng của một nhà đại điền chủ Đức cũng tan nát hết, cả cơ nghiệp của ông này, trong một phút, chỉ còn là một đống tro. Nhà hát đồ nát không biết bao nhiêu mà kể; người ta phải lấy cốt mình làm nỏ nhà Columbia để ngọn lửa khỏi lan ra thêm nữa. Lính cứu hỏa tỏ ra bất lực. Đến đêm, lửa vẫn cháy ngùn ngụt như thường, 20 vạn người không có nhà ở, không có thức ăn, không có áo mặc. Những người điên trong nhà thương San José chạy nhảy cả ngoài đường, ác thú của một gánh xiếc gặm thết phá lò ng ra định ăn thịt người nhưng chết cháy cả ở trong lửa đỏ. Cả tỉnh không có đèn. Cướp trộm như rươi. Mùi hôi khét lộn mửa. Lửa bén vào khu buôn bán. Hàng vạn người chết.

Đến sáng lửa lan sang khu phố Khách. Có một điều lạ nên chú ý: đêm ấy ở San Francisco có 160 đứa trẻ ra chào đời.

Đến sáng thứ năm, lửa vẫn cháy. Đứng xa 25 dặm người ta còn trông thấy ngọn lửa bốc lên. Dân đói khóc như ri. Người ta tổ chức ngay những cuộc cứu tế. Xe lửa chở lương thực đến San Francisco chạy với tốc lực 120 cây số một giờ. Chiều thứ năm, nghĩa là 36 giờ sau vụ động đất, người đã có cơ thoát lửa. Lính cảnh sát làm việc rất hăng hái. Những kẻ trộm cướp, những người nhờ gió bẻ măng bị xử tử có đến ba bốn trăm. Đến sáng thứ sáu, lửa mới thật tắt. Dân chúng bắt đầu thở được, nhưng ba phần tư tỉnh San Francisco đã tiêu huỷ ra than mạt rôi. Số người được chôn cất ngay là 2.000, còn bao nhiêu người bị đè bẹp mà người ta chưa tìm thấy xác! Số thiệt hại tính ra tới 400 triệu đô-la. Cuộc nghĩa quân mở ra ngay, bốn ngày đầu thu được 12 triệu. Các ông Mackay, Carnegie và Rockefeller quyên mỗi ông 100.000 đô-la. Một người vô danh tự xưng là "bạn của nhân loại" quyên 25.000 đô-la. Dân Mỹ cho cái tai nạn

này là một tai nạn của riêng quốc gia nên nhất định không lấy tiền quyền của nước ngoài. Đến tận sáng 20 Avril, lửa mới thực tắt hẳn. Nhà triệu phú Cooker tuyên bố rằng chỉ năm năm nữa thì San Francisco sẽ lại trù phú và đẹp đẽ như xưa, có khi lại đẹp hơn là khác. Lời nói ấy đến nay nghiệm lại thì đúng thật.

### **Động đất ở quần đảo La Sonde: núi Krakatau và núi Temboro phun lửa**

Ở gần Java trong quần đảo La Sonde có một cái đảo tên là Krakatau. Đó là một cái núi lửa ăn thông với lòng bể. Chính cái núi lửa đó cao 859 thước, vào hồ i 1680 đã một lần phun lửa rồi. Từ đó người ta cho rằng núi lửa đã tắt. Nhưng một hôm nhân dân Batavia bỗng nghe thấy những tiếng nổ kinh thiên động địa. Người ta đưa mắt hỏi nhau, người ta đi điều tra xem những tiếng nổ kia ở đâu ra trong hai ngày trời. Đến mãi tận lúc những cái tàu từ Sumatra lại báo rằng núi lửa Krakatau phun lửa suốt trong hai tháng Juin và Juillet. Ngày 11 Aout, một người Âu tên là Tezenaar lên thăm dò trên núi đến lúc về có thuật lại rằng núi Krakatau do ba miệng đã phun lửa lên ngút trời. Đến 26 Aout, núi lại phát mấy cái miệng nữa, khói bốc lên nghi ngút, rồi đến 27 thì mặt đất rung chuyển, tiếng kêu dậy lên suốt ngày suốt đêm, không một người nào nhắm mắt được. Đảo Krakatau vỡ ra. Cái chỗ trước kia là đất bây giờ hoá ra biển mênh mông sâu thẳm; người ta đo có chỗ sâu đến 300 thước. Thật là lần thứ nhất trong lịch sử nhân loại mà lòng cả một cái vỏ trái đất bị tiêu ma đi như thế. Sóng đánh mỗi lúc một cao, 12 làng bị tàn phá, hàng ngàn người chết. Núi lửa phun phún thạch lên dữ dội đến nỗi không khí rên âm âm lên. Tro than rơi xuống cao tới 30-40 thước, nhiều làng mất tích. Những gạch đá do miệng núi lửa phun ra có hòn to bằng đầu người; những chất nước và những vật linh tinh phủ cả mặt bể cho đến đảo Sumatra và Java. Người ta đã cho tai nạn này là tai nạn ghê gớm nhất về thế kỷ thứ XIX. Số



người chết độ 30.000, một nửa chết ngay ở đảo Krakatau, một nửa chết ở những đảo lân cận. Những cái cột khói bốc cao lên trời đến 40-50 thước.

Trước nạn động đất do núi lửa Krakatau phun lửa, cũng trong quần đảo La Sonde có một núi lửa gây một tai nạn không kém phần kinh khủng: đó là núi lửa Temboro cao 2.760 thước, đứng trên đảo Sumbawa, có độ 150.000 người ở. Cũng như núi Krakatau, đã lâu lắm, có lẽ đến 100 năm, núi Krakatau yên tĩnh không phun lửa gì cả, những người thổ dân vẫn trèo lên hái củi và đập đá. Đột nhiên ngày 5 Avril 1815 núi Temboro gập hết lên và miệng núi lửa phun ra những đám khói khổng lồ dày đặc. Núi gập hết luôn năm ngày năm đêm tung đá, vôi và những chất khác ra những vùng lân cận. Đến 10 Avril, tai nạn ấy đến cái độ hoàn toàn của nó. Chính núi Temboro chao đi chao lại và làm nghiêng cả đảo Sumbawa. Phún thạch tung ra và chảy xuống cả hai triền núi, đốt cháy hết mùa màng, cây cối, nhà cửa, người và vật. Trận động đất dữ đến nỗi một phần quần đảo La Sonde bị lay chuyển. Ở Java và Celebes, người ta còn trông thấy lửa phun rất rõ ràng, tiếng nổ to đến nỗi ở xa 400 dặm người ta còn nghe rõ. Cùng một lúc với bão bề, trời lại gia thêm cho dân đảo một trận bão gồm ghê nhỏ hết cả cây trong rừng. Tỉnh Sumbawa là tỉnh to nhất trong đảo có 12.000 người chết. Lửa phún thạch, động đất, bão, gió và sóng bề chỉ trong có ít tiếng đồng hồ đã làm cho một cái đảo phì nhiêu là thế trở nên một đống gạch vụn, vôi cát đầy dẫy, người chết ngổ ngang, chết vì tai nạn mà cũng chết vì đói nữa. Sau cùng người ta tính ra rằng có tất cả 24.090 người chết trong nạn này. Dân đảo phải đóng bè và lên tàu đi trốn sang những đảo khác. 20 năm sau người ta mới kiến thiết lại được đảo thành một xứ làm ăn thịnh vượng.

**Nước Nhật, một nước có nhiều nạn động đất nhất**

Không phải chỉ bây giờ ở Nhật Bản mới có nhiều nạn động đất. Từ mấy mươi thế kỷ trước, Nhật vẫn là một quần đảo mà nạn động đất xảy ra luôn. Năm 1703, trận động đất ở Yeddo giết hại

37.000 người, riêng tỉnh Sagami có 10.000 người chết. Sau trận động đất ấy một thế kỷ rồi đất thường rung chuyển luôn. Cho đến ngày 10 Novembre 1855 thì một trận động đất khác dữ dội hơn tàn phá cả một kinh thành Tokio. Luôn trong nửa tháng, đất rung động không lúc nào ngớt, luôn trong nửa tháng, một trận nữa lại dữ dội nổi lên, tiêu huỷ hàng mấy vạn nhà bằng gỗ; người ta ước lượng số người chết lần này là 100.000 người. Nhưng người Nhật vốn có đức cần lao, kiên nhẫn, nên họ không chịu thua cái tai nạn khủng khiếp kia. Họ xây dựng lại kinh thành Tokio, nhưng ác thay, ngày 28 Octobre 1891, lại một trận động đất khác xảy ra, tàn phá giữa đảo và nhất là những cánh đồng Mino Owari. Bốn tỉnh lớn là Ogaki, Gifu, Kasetnaisu và Takegabarna bị phá huỷ, 200.000 nhà đổ nát,

12.000 người chết. Năm năm sau, một trận động đất kinh người do từ lòng bể đưa lại nuốt chửng cả thành phố Kamaishi. Hôm ấy là 15 Juillet 1896, dân chúng đương vui chơi, vì đó là ngày hội trẻ con. Đến 2 giờ chiều thì trời đất gập lên như báo trước một cơn giông tố. Không khí nặng nề, khó thở; không có một ngọn gió; màu trời xám như chì; mưa dữ dội; người ta bắt đầu thấy mặt đất lay chuyển,

nhiều người ngã quay ra. Đến 8 giờ tối, một cây nước cao 25 thước vọt lên cuốn cả nhà cửa, người chạy thoát được nhưng đồ vật thì mất cả. Đến khi sóng rút ra thì cả tỉnh đã ở dưới làn nước bạc,

23.000 người chết. Từ 1855, ở Tokio, những nhà gỗ được thay đi hầu hết. Người ta bắt đầu xây những nhà chọc trời nhỏ bằng đá và sắt, nhưng sức người thách thế nào lại với sức trời, ngày 1er Septembre 1923, vào khoảng trưa, một tai nạn kinh khủng lại xảy ra

và làm cho hết thấy mọi người còn nhớ như in trong óc. Giữa một ngày trong sáng, kẻ đi người lại dập dìu ngoài phố, đất tự nhiên rung chuyển âm âm và chỉ trong chớp mắt, thấy thấy đổ vỡ hết, tan nát hết. Những phố xá đông vui là thế bây giờ chỉ còn là những gạch ngói và đá vụn. Tokio có hàng mấy ngàn người chết, số người bị thương không đếm được. Những toà lãnh sự Mỹ, Hoà Lan, Pháp và Ý, những ngân hàng tan nát hết, duy chỉ có cung điện nhà vua là sót lại mà thôi.

Nhiều người trong hoàng phái bị chết, bao nhiêu ga xe lửa đều bị phá huỷ, 8 xóm tan tành không còn lại một tí gì, 200.000 nhà đổ:

50.000 đổ vì động đất và 150.000 vì bị cháy. Cái tai nạn này không những chỉ tàn phá Tokio mà thôi, nhưng cả Yokohama nữa. Cây nước đổ xuống tỉnh này làm gãy nát hết những ống dẫn hơi và dẫn nước, dây điện ngổn ngang cả ngoài đường, 50 cái thuyền đã đắm. Lập tức 40.000 lính được gọi ngay đến để cứu cấp, nhưng hoả hoạn dữ dội quá nên không tài nào dập được. Ngay hôm sau, nhà quay phim Mỹ, Ariel Vargas đi một cái máy bay riêng thăm hai tỉnh Tokio và Yokohama hãy còn đang cháy và động đất, có thuật với hai ông Eugène Szalinari và Nicolas Aranyossi, – là những người cho chúng tôi rất nhiều tài liệu trong số báo này, – như sau này:

"Ở Kobe đi, trời xanh và không mây. Bay được nửa giờ thì trời tối i sẫm hẳn lại, sương mù bay khắp mọi nơi: từng đám khói phủ kín cả trời. Chúng tôi thấy ở chân trời một chấm đen ở giữa đỏ, tựa tựa như một cái nấm khổng lồ mọc ở dưới đất lên. Cái nấm ấy to trong thấy, cứ từ từ bay lên cao và hình như tãi ra trên mặt đất, cho đến khi những đám mây xám hoá ra những luồn khói đen, bay lượn nặng nề. lát sau, cái lòng nấm đương màu đỏ hoá ra một cái biển lửa. Chúng tôi bay cao 700 thước đến kinh đô Nhật Bản lúc này đương cháy dữ. Chúng tôi vượt qua hai cái bể: trên đầu chúng tôi là khói, khói mù mịt, ở dưới chân chúng tôi là bể đỏ, đỏ những lửa.

Người ta không làm thế nào mà nhận ra lâu đài, nhà cửa, người và vật nữa. Thật là một cõi địa ngục bốc lửa rực lên ở trước mắt chúng ta, một cõi địa ngục dài hàng trăm cây số từ nam lên bắc, từ đông sang tây, một cõi địa ngục nóng đến nỗi bay cao 700 thước trên trời, chúng tôi cũng không chịu được, phải cho máy bay lên cao hơn nữa. Ôi, cái đẹp mới khốc liệt thay, ai mà trông thấy còn quên làm sao cho được!"

Tám ngày sau, trận hoả hoạn mới dịu đi, người ta phải kéo đổ những xác nhà xuống, nên tỉnh Tokio phải hy sinh 150.000 cái. Sự thiệt hại không bút nào tả được. Nửa triệu người chết, những cái hại trông thấy tỉnh nhảm cũng đã 5 ức (milliards) Mỹ kim. Lập tức, người ta mở cuộc lạc quyên, và đức Minh Trị thiên hoàng quyên 1 triệu yên, chánh phủ quyên 10 triệu.

Năm năm sau, Tokio lại đẹp đẽ như thường. Ở chỗ những nhà cửa đổ nát bây giờ những nhà cửa đẹp hơn thay vào. Trận động đất hậu như bị quên lãng. Người ta chỉ thấy rằng trong việc chống cự lại với những thiên tai, dân Nhật đã tỏ ra là một dân tộc can đảm và kiên nhẫn.

**VŨ BẮNG**

*Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, số 128 (20.9.1942)*

# Gốc tích xe hoa và hoa giấy trong các chợ phiên

Chẳng phải tìm kiếm đâu lâu la gì, ở ngay nước ta đây vào khoảng mấy năm về trước còn năm nào là dân ta không từng chen nhau để đi xem những cuộc thi xe hoa ở trong cuộc chợ phiên? Các bạn đọc còn nhớ đâu: những cuộc thi xe hoa đó đã hấp dẫn không biết bao nhiêu là người đến xem, – xem cho thỏa tính hiếu kỳ, mà cũng vì cái "món" xe hoa lại là một "mô-tơ chơi" mới nhập cảng, ít người biết đến.

Vậy trong những cuộc thi xe hoa đó, người ta đã thấy những gì? Cứ kể thì cũng có cái làm vui mắt cho những người đi xem: này là cái xe bò tết lá chuối và lá gõ mà thành ra hình một con rồng; này là một cái ô-tô có mui treo đèn kết hoa và mắc mấy quả dưa mà thành ra hình con phượng; lại này một cái xe sắt tết bằng lá ổi và cành nhãn mắc thêm mấy miến gõ mà trông như hết một cái thuyền độc mộc. Ngộ hơn hết là những người ngồi trên những cái xe hoa đó lại khéo bôi mặt vẽ trò và giả trang để gây hứng thú cho những người đi xem. Vì thế, thường thường ta vẫn thấy những thanh niên trường này trá hình ra làm Thập tự quân, thanh niên trường nọ ăn mặc thành người Mông Cổ, hay bọn thiếu nữ kia đeo mặt nạ như những nữ tì của mục Lữ Cách Bạo Gia!<sup>1</sup> Những người đi xem được "thay đổi không khí", tha hồ mà vui vẻ, tha hồ mà cười nô. Các ông già bà cả thì cho đó là "quảng mỗ". Còn các người trá hình kia thì được một dịp thoát ly bản ngã của mình, chỉ biết đó là một trò giải trí, hơn nữa, một trò chơi lý thú, trẻ trung, cần có để cho dòng huyết thanh niên được lưu động, được thêm phần hăng hái. Sự thực, rất ít người biết được rằng những cuộc thi xe hoa đó,

những hội giả trang (carnaval) đó có một gốc tích khá kính hơn, một lịch sử thuộc về tôn giáo.

Thi xe hoa và giả trang nguyên là một trò chơi của người La-mã thời cổ bầy đặt ra. Khởi sơ, có hai thứ hội giả trang khác nhau: một thứ hội của thành La-mã theo tà giáo và một thứ của thành La-mã của các giáo hoàng. Hội giả trang của thành La-mã theo Công giáo có một ý nghĩa rất rõ ràng trong chữ Pháp "carnaval". Như chúng ta đã biết, trong chữ *carnaval* có *carnis* nghĩa là thịt, và *vale* là biệt giả; *carnaval* nghĩa là thời kỳ mà người ta kiêng thịt. Có người lại bảo *carnaval* bắt nguồn từ chữ la-tinh. *Carnelevarium* nghĩa là cái thời kỳ trong một năm mà người ta phải *levare* (bỏ) thịt (*carnis*). Hai cách phân tích chữ *carnaval* vừa kể trên tuy có khác nhau nhưng kể về nghĩa chọn thì ngày hội *carnaval*, ngày hội giả trang, ban sơ ở thành La-mã theo Công giáo thì bắt loại là một ngày kiêng thịt.

Còn như kể về cái gốc tích xa xôi của nó, cái gốc tích thuộc về tà giáo của nó, thì ngày hội giả trang bắt nguồn từ những ngày hội mục đồng mở vào hôm 17 Fevrier mỗi năm để lễ thần diên dã. Ngày xưa, trong những ngày hội này, người La-mã cổ thường vẫn giết hai con dê trắng để làm vật hy sinh cho Chó Sói đực là con vật vẫn ăn thịt trâu bò của bọn mục đồng và cả Chó Sói cái là con vật, theo thần thoại, đã nuôi sống hai anh em Rémus và Romulus. Hình như ngày xưa những vật hy sinh đó không cứ phải là dê, nhiều khi là người; họ giết đàn bà đàn ông để tế thần, nhưng hầu hết thì giết những người trai trẻ. Những ngày hội giả trang vốn có một tính cách nghiêm trang như thế; về sau này, nó biến tính dần đi, thành những hội trai gái ăn chơi đàng điếm hợp với sở thích của La-mã theo tà giáo.

Về sau này, La-mã theo Công giáo đem ngày hội đó làm sống lại nhưng khéo gây cho nó một tinh thần khác, một ý nghĩa khác.

Vào Trung cổ thời đại, phạm tỉnh nào to ở Âu châu người ta cũng truất bỏ ngày hội xe hoa và giả trang của thành La-mã theo tà giáo mà cùng vui chơi với nhau ngày hội xe hoa và giả trang của các đức Giáo hoàng. Những đức Giáo hoàng Clément IX, Clément XI và Benoit XIII hết sức khuyên ngăn người ta thời đó không nên uống nhiều rượu; nhưng cho phép người ta được vui đùa thoải thích trong vòng lễ nghĩa. Những nhà du lịch đến xem nhiều, việc giao thông nhộn nhịp mà cả về sự buôn bán cũng vì thế mà vui hơn, và kiếm được thêm nhiều lợi. Bởi lẽ đó, những hội buôn của người Do Thái đứng nhận thuế được bán hàng trong hội phải trả nhà nước một thứ thuế riêng là 1.100 đồng vàng, sau tăng lên 1.300 đồng, sau tăng lên 1.330 đồng. Riêng đức Giáo hoàng Jules III thì ngài hết sức mong muốn cho những ngày hội giả trang và thi xe hoa ngày một vui vẻ, tập nập hơn. Paul IV, vốn là một người rất nghiêm, cũng muốn giúp vui thêm cho ngày đó và đặt ra một bữa tiệc rất long trọng ở cung điện Giáo hoàng.

Vào hội cuối thế kỷ XVI, ngày hội giả trang của người La-mã biến hình đi, người ta ăn tiêu tốn kém lắm nên chỉ những người giàu có sung sướng mới đến dự được. Những người đó ở khắp mọi nơi ở Âu châu đổ đến xem, và, như người ta đã đoán biết, những bọn giang hồ, ăn cắp, làm bạc giả, cờ bạc bịp cũng không bỏ qua cơ hội tốt! Đức giáo hoàng Sixte III thấy cái nạn cờ gian bạc lận hoành hành dữ quá, phải cho dựng ngay ở trong thành phố những cái giáo đầu dài, phạm tên ăn cắp ăn trộm cờ gian bạc bịp nào bị bắt quả tang thì bị treo cổ ngay tức khắc. Đồng thời những tỉnh to ở Ý như Venise, Turin, Florence, Milan, Naples, v.v... đều bắt chước Rome mà mở hội giả trang. Văn sĩ, thi sĩ tha hồ mà ca tụng những ngày hội đó: nên văn học Ý-đại-lợi vì đó cũng được giàu thêm tài liệu.

Ở Tây-ban-nha, những ngày hội thi xe hoa và giả trang kéo dài hơn ở Ý; người ta vui đùa như cuồng dại. Ở Pháp, ở miền bắc và

nhất là ở Côte d'Azur hình như người ta vẫn coi ngày đó làm trọng, trong khi ở Paris người ta đã coi thường ngày Mardi-Gras.<sup>2</sup> Ở Nga, từ lúc cộng sản nổi cuộc cách mệnh thì những ngày hội giả trang và thi xe hoa xưa cũ không còn được người ta nhắc đến. Muốn tìm một nước mà lúc nào cũng như lúc nào, ngày hội thi xe hoa và giả trang cũng được người ta coi trọng thì ta phải kể nước Belgique. Những ngày hội ở tỉnh Binche được thế giới nhắc đến luôn. Một ký giả người Pháp là ông Léo Claretie đã soạn riêng một cuốn sách nói về những ngày hội đó, và ông thấy rằng hình như ngày hội đó lại còn một ý nghĩa cao hơn là kỷ niệm ngày Pizarro đã xâm lược được Pérou năm 1540. Để kết mục này, ta cũng nên biết rằng tên hề Pierrot đánh đàn dưới ánh trăng xuất xứ từ ở hội giả trang của tỉnh Binche nước Belgique vậy.

Đó là về thi xe hoa và giả trang. Trong những cuộc chợ phiên chúng ta lại còn thấy người ta tung những hoa giấy (confettis) vào nhau, vậy nhân đây chúng tôi tưởng cũng nên biết gốc tích của thứ hoa nhân tạo đó.

Thế kỷ thứ X trước Thiên Chúa giáng sinh, ở thành Jérusalem, vua David rất buồn. Không phải là ngài buồn vì không có hoàng nam nối dõi, nhưng chính ngài buồn vì đã có một hoàng nam. Vị đó tên là Absalon mi thanh mục tú, tướng mạo khôi ngô, tóc xanh mà dài, các cô gái đẹp trong nước không thể nào ăn đứt. Nhiều người đã bảo rằng Absalon có kém thì chỉ kém sắc thân Narcisse mà thôi. Lậy chỗ đó làm tự phụ, chàng chỉ rong chơi hết chỗ nọ đến chỗ kia, và, muốn trêu chọc những cô gái qua đường thường có tiếng là đẹp, chàng mua từng chợ hoa để ném cho các cô ngừng mặt lên xem có đẹp bằng mình không. Thấy thế vua David bèn quở rầy, nhưng những lời khuyên ngăn của đức vua không những không thức tỉnh được đứa con hư, lại làm cho nó giận thêm, chỉ nghĩ đến chuyện làm mưu phản. Absalon đánh đuổi vua cha ra khỏi thành Jérusalem. Nhà



vua chạy dài và ngày đêm đi tìm người cháu là Joab, cho quân đốc đội binh tiêu trừ Absalon, nhưng, cốt nhục tình thâm, vua David hết lời căn dặn quân sĩ đừng hại đến tính mệnh của thằng con bất hiếu. Đứa con bất hiếu đó vốn quen ăn mặc và vui chơi đàng điếm, nào có bao giờ quen với hòn đạn mũi tên, nên thua trận chạy dài. Joab phi ngựa đuổi theo đến kỳ cùng, và Absalom bỗng chốc chạy đến một con đường cụt, ở cuối đường có một cái cây. Tóc Absalon vốn xanh và dài, bay phấp phới, vướng phải cành và không hiểu có phải là hoàng thiên định trừng phạt đứa con bất hiếu kia không mà xui cho chính lúc ấy có một ngọn gió nổi lên và treo tòn ten tên bất hiếu lên trên cành cổ thụ. Joab chạy đến kêu lên: "Hỡi thằng bất hiếu, để sống mà làm gì!" rồi lập tên bắn một lúc luôn ba phát.

Về sau này, muốn khen tặng sắc đẹp của một thiếu nữ nào, người ta thường ném hoa thật vào thiếu nữ đó, theo kiểu hoàng tử Absalom. Rồi dần dần vì hoa thật mua tốn tiền, người ta mua giấy ngũ sắc cắt thành những bông hoa con để tung lên trời hay rắc vào người đẹp. Sau này muốn giản tiện hơn, những hoa giấy (confettis) đều cắt theo hình tròn.

## TIÊU LIÊU

*Trung Bắc chủ nhật*, Hà Nội, số 136 (15.11.1942)

# Dân cư và thành thị Algérie

## Làng Algérie rộng tới 500.000 mẫu tây

Bình định xứ Algérie rồi, hoàng đế Napoléon III nước Pháp liền nghĩ cách tổ chức việc cai trị xứ ấy. Trước hết hoàng đế bãi chức toàn quyền và ngày 24 Juin 1858 hạ dụ lập thêm một bộ trưởng nội các, gọi là bộ Algérie, nghĩa là ngài sáp nhập cả Algérie vào nước Pháp. Hai năm sau, bộ ấy bị bãi bỏ, hoàng đế lập lại phủ toàn quyền. Rồi tới năm 1863, hoàng đế lại định lập Algérie thành một nước A-rập tự trị, đặt dưới quyền kiểm soát của nước Pháp, nhưng kết quả chẳng được vui lòng.

Cuộc cai trị Algérie hiện thời là dựa vào đạo sắc dụ ngày 24 Octobre 1870. Đứng đầu toàn xứ là quan toàn quyền do quan thượng thư nội vụ tuyển bổ (chứ không phải do quan thượng thư thuộc địa), có quan phó toàn quyền và hội đồng chánh phủ giúp việc.

Xứ Algérie chia làm ba phần: một là các hạt phía bắc, rộng 230.000 cây số vuông, gồm có ba quận Alger, Oran, Constantine, mỗi quận do một quận trưởng và các quan quận phó cai trị, như các quận nước Pháp; hai là các hạt phía nam, gồm có bốn hạt Ain Sefra, Ghardaia, Touggourt và các mậu lâm (oasis)<sup>1</sup> ở sa mạc. Bốn hạt này đặt dưới quyền cai trị trực tiếp của quan toàn quyền. Ngài chia các hạt ấy ra thành từng "khu vực" (cercle) do các quan coi việc bản xứ cai trị. Theo luật ngày 14 Décembre 1900, các hạt phía bắc có một ngân sách riêng, được hưởng pháp nhân tư cách và quyền mở công thái để làm những việc công ích lớn. Từ năm 1898, có các đoàn đại biểu tài chính (cũng như viện dân biểu ở ta) và thượng đình hội nghị bàn xét dự toán của chánh phủ.

Xứ Algérie gồm có 359 thị xã (tức là làng) chia làm thị xã cụ thể và thị xã giáp tạp (commune de exercice et commune mixte). Thị xã cụ thể tổ chức và quản trị giống hệt các thị xã nước Pháp, có xã trưởng đứng đầu và hội đồng thị xã giúp việc. Thị xã giáp tạp thì do một viên chức đứng đầu gọi là quan cai trị. Những thị xã ở đây diện tích rộng lớn vô cùng, có thị xã đất rộng tới 500.000 mẫu tây. Các thị xã giáp tạp ở miền nam, giáp các cao nguyên và sa mạc thường thường rộng lớn hơn thế nhiều.

### **Trong 50 năm, dân cư tăng lên gấp đôi**

Dân cư Algérie tăng lên rất mau, có thể nói là mau hơn hết thế giới. Trong có 50 năm, từ 1876 đến 1926, dân số xứ ấy đã tăng từ 2.867.626 lên tới 5.981.221 người. Thật là một con số vô địch về sự sinh sản. Dân số đó gồm 5.147.872 người bản xứ và 833.359 người Âu. Họ sống cách biệt nhau, nhưng rất hoà thuận. Và tại các thành thị lớn, mỗi ngày người ta thường thấy có nhiều cuộc kết hôn giữa người Âu và người bản xứ.

Dân bản xứ thì gồm có dân Berbères là dân cổ thổ ở đây, dân A-rập, dân Maures và dân Koulougbris là dân lai Thổ-nhĩ-kỳ và người bản xứ. Dân Berbères là phần tử cốt yếu xứ Algérie, cũng gọi là dân Kabyles. Trong 5 triệu thổ dân thì 2 triệu dân nói tiếng Berbères. Tất cả đều theo đạo Hồi, có điều là dân Kabyles không mê đạo bả ãng dân A-rập. Tuy họ theo đạo Hồi song họ vẫn giữ nhiều cổ tục, nhiều dị đoan mê tín đồng bóng, có đầu tù trước đời Hồi giáo tràn vào. Dân miền núi Tell thì ở trong những nhà cửa bả ãng đá hay bả ãng cành cây, gọi là "gourbi" (y như những nhà của người thượng cổ) hoặc trong những mạc trướng (tente) như những dân giang hồ, nhưng họ đều ở lý một chỗ và chuyên về nghiệp nông. Dân miền cao nguyên là dân giang hồ nay đây mai đó, vì họ phải đuổi mục súc đi ăn cỏ từ nơi này đến nơi khác luôn luôn. Họ ở trong những túp lều bả ãng vải căng (tente). Tất cả các lều vải một

nơi hợp lại thành một chòm gọi là *douar*; bao nhiêu *douar* đó thuộc quyền cai trị một viên *cheik*; đứng đầu các viên *cheik* là viên *caid* là tù trưởng một bộ lạc. Mỗi bộ lạc có một khu đất mục súc ấn định giới hạn sẵn.

Tới năm 1926 dân số người Âu ở Algérie tính được 833.359 người trong số đó có 657.641 người Pháp và 175.718 người ngoại quốc. Người Pháp thì có 540.146 người Pháp chính tông, còn 70.993 người là người ngoại quốc nhập tịch dân Pháp và 37.502 người bản xứ có Pháp tịch. Người ngoại quốc thì có 135.032 người Tây-ban-nha, 28.594 người Ý và 13.068 người các nước khác. Những người ngoại quốc ấy di cư đến đây chỉ sau một thế hệ đã thay đổi thành một giống người khác hẳn, thân thể cường tráng đẹp đẽ, hoạt động, thông minh, nói tiếng Pháp, chịu văn hoá Pháp. 9/10 dân số Algérie đổ xô vào miền bắc, nghĩa là tại ba quận hay ba tỉnh Alger, Oran và Constantine.

### **Ở Alger có trường đại học có tới 3.000 sinh viên**

Tại Algérie có tất cả 545 trường sơ học bản xứ, dung được 48.000 học sinh; 45.000 nam học sinh và 3.000 nữ học sinh. Phải thêm vào số ấy 12.000 nam nữ học sinh vào học các học đường Pháp. Tại Alger có một trường đại học, đông tới 3.000 sinh viên vừa người Âu vừa người bản xứ. Tiếng Pháp hiện giờ rất phổ thông trong các giới bản xứ, họ cho tiếng nói đó là tiếng lịch sự văn minh. Nhiều người bản xứ đã thích nói toàn tiếng Pháp.

### **Thành Alger, một thành phố đẹp nhất Phi châu, dài tới 12 cây số**

Trong ba tỉnh miền bắc thì tỉnh Alger ở trung ương, đông tới 1.866.714 dân cư trong số đó có 307.795 người Âu, gồm có xứ Grande Kabylie, nhân dân rất trù mật, có chỗ mật độ tới 224 người

một cây sô` vuông; và xứ Mitidja cùng các cánh đò`ng bằ`ng các sông Chélif và sông Serson, hiện giờ khai thác rấ`t phong phú. Ở phía nam giáp với các cao nguyên, mậu lâm Bou-Saada cũng thuộc vào quận Alger. Tỉnh lỵ Alger là thành phố Alger, một thành phố lớn đẹp, đòng tới 273.500 dân cư, uổ`n cong bán nguyệt theo hình hải cảng, dài tới hơn 12 cây sô`, phong cảnh rấ`t nên thơ. Nhà cửa ẩn hiện dưới các chùm cây xanh cheo leo trên sườn núi xen lẫn với những khu vườn cam vườn quýt, coi đẹp như một bức tranh tàu. Thành phố chia làm hai khu, cũng như thành phố Hà Nội ta, nửa kim nửa cổ. Khu kim thời thì phố xá rộng rãi thẳng bằ`ng, nhà cửa năm bảy tầng cao vót, chắ`c chắ`n, đẹp đẽ, vệ sinh. Khu cổ thì vẫn không mắ`t cái vẻ A-rập, tồ`i tằm, bí mật và lặ`ng lẽ. Khách du tha hồ` mà so sánh, nghĩ ngợi, trông tìm. Phủ toàn quyề`n và các dinh thự trong quận đẽ`u ở đó. Thành phố du lịch và buôn bán, đò`ng thời lại là một thành phố mỹ thuật và học thuật, Alger hiện nay là một thành phố đẹp vào bậc nhấ`t châu Phi và có cơ trở nên một thành phố quan trọng nhấ`t miề`n Địa Trung Hải. Phía sau Alger là một miề`n toàn những đò`i rải rác những biệt thự và đò`n điề`n, coi thật đẹp mắ`t. Đó là miề`n Sahel, một chữ A-rập, nghĩa là miề`n phụ cận, miề`n duyên hải. Dưới chân các đò`i này là đò`ng bằ`ng Mitidja, một cánh đò`ng lằ`y lội, bản thủ mà người Pháp đã làm thành một cánh đò`ng trồ`ng trọt (nho, mì, rau, v.v...) rấ`t đẹp. Thị trấ`n có công nhấ`t miề`n này là thị trấ`n Beida đòng 36.687 dân cư, nổi lên giữa những khu vườn cam đẹp tuyệt. Ở phía nam Alger, trên con đường từ Mitidja đi các mậu lâm có thị trấ`n Médéa, 15.000 dân cư, trứ danh về` các thứ rượu nho trắ`ng. Ở phía đòng có Tizi-Ouzou, một làng bản xứ, là lớn nhấ`t xứ Kabylie. Từ Tizi-Ouzou có đường lên Fort-National và lên đĩng núi Michelet và một nơi nghỉ mát cao

1.080 thước tây, khí hậu rấ`t tồ`t. Ở phía tây Alger, trong thung lũng sông Chélif, có thị trấ`n Miliana và Orléansville (17.538 dân cư); ở bờ biển có thị trấ`n Tipaza phong cảnh đẹp tuyệt, và Cherchell tức

là thành Césarea thời xưa, là thủ đô xứ này hờ i thuộc quyề n đô hộ nước La-mã. Cherchell có một viện tàng cổ phong phú và đầ y đủ nhấ t miề n Bắ c Phi.

Quận Oran hay là tỉnh Oranie có 1.380.801 dân cư, trong số đó có 351.000 người Âu (100.000 người ngoại quố c, hầ u hế t là người Tây-ban-nha). Tỉnh này là tỉnh đông người Âu nhấ t trong xứ Alger. Tỉnh lỵ là thành Oran, phồ xá thẳng băng, nhà cửa lổ i mới san sát. Hải cảng Oran sầ m uấ t vào hạng nhì xứ Algérie, chở ra ngoài nào rượu nho, nào cừu, nào len, nào thuố c lá, v.v... Quận này có những thị trấ n lớn đẹp không khác gì quận Alger như Mascara 30.669 dân cư, Sidi-Bel-Abbès 43.700 cư dân, toàn là những thị trấ n canh nông rấ t phồ n thịnh và thị trấ n Tlemcen, 43.747 dân cư, ở trên đầ i cao 800 thước là một thị trấ n đẹp đẽ và cổ kính nhấ t Bắ c Phi, với nhà đạo lớn (Grande Mosquée) và rấ t nhiề u nhà đạo nhỏ khác, toàn là những lâu đài A-rập với tấ t cả các vẽ lộng lẫy cổ kính của thời xưa.

Quận Constantine là quận ít người Âu nhấ t, cứ 12 người bản xứ mới có một người Âu (tại Oran cứ 3 người bản xứ có 1 người Âu), nhưng lại là quận đông dân cư nhấ t. Tính tới năm 1926, quận này có 2.273.756 dân cư, trong số đó có 2.077.781 người bản xứ và 170.544 người Âu, hầ u hế t là người Ý. Tỉnh lỵ là Constantine,

193.781 dân cư, trong số đó có 41.500 người Âu. Đó chính là thành Cirta thời cổ. "Cirta" là một tiế ng Carthage có nghĩa là thành trì. Mà thật, có ít thành trì có địa vị thiên hiểm kiên cô như thành Constantine. Thành này lập trên một trái núi cao 650 thước tây. Trái núi này ba bê có những khe sâu thăm thẳm tới linh 100 thước tây đứng dựng thành vại, và chỉ nồ i liề n với các cao nguyên bằ ng một thỏi đá t hẹp. Tại thành này còn sót lại điện Hadj-Ahmed do các tiể u vương cuố i cùng dựng lên. Giáp tiế p với miề n núi Tell và miề n cao nguyên, Constantine một ngày một mở mang thêm. Khí hậu thành này tồ t đã có tiế ng.

Ngoài Constantine ra, những thành phố biển như Bône 52.000 dân cư hiện nay còn nhiều bể nước làm từ thời thuộc La-mã. Ở nội địa thì có thị trấn Guelma ở gần biên thủy xứ Tunisie, sản một giống bò rất khỏe; thị trấn Timgad với nhiều di tích thời thuộc La-mã như di tích Khải Hoàn Môn Trajan, rạp hát lớn dung tới 4.000 khán giả, 12 bể tắm công cộng, có bể rộng bát ngát, dung được 20.000 người; thị trấn Lambère ở vào giữa thành phố Timgad và Batna (12.225 dân cư) và thành Tébessa cũng có nhiều di tích cổ như Khải Hoàn Môn Caracalla và đền thờ Minerve.

Ở phía nam núi Aurès, qua khe El-Kantara, người ta tới thành Biskra. Ở phía này, Biskra là thành phố thứ nhất của miền sa mạc. Ở giữa một khu rừng 150.000 gốc chà là, Biskra thật giống một hải cảng ở sa mạc, nơi mà các đoàn lạc đà sau ba bốn tháng đường trường mệt nhọc tới tỉnh dưỡng nghỉ ngơi. Thành này ngày nay thành một thành phố tị nạn. Từ tháng Novembre tới tháng Avril, các khách sạn, nhiều nhà rất lịch sự sang trọng, chật ních những người tứ xứ tới tránh rét. Vì mùa đông, khí hậu ở đây cũng dễ chịu như tại bờ biển vậy. Ban ngày hàn thử biểu trở 10 độ. Buổi chiều mát mẻ dễ chịu. Ban đêm thì trăng sao vắng vặc, tạnh ráo như ở sa mạc Sahara (xem bài riêng của Tùng Phong).<sup>2</sup> Có lẽ chỉ có ở Sahara và ở đây là có những trời sao xán lạn trong sáng.

Các hạt miền nam tức là bắc bộ sa mạc Sahara (nam bộ Sahara thuộc Tây Phi thuộc Pháp) rộng tới 2 triệu cây số vuông nhưng dân cư chỉ vãn vãn có 545.000 người, trong đó non 5.000 người Âu. Vì đó là sa mạc. Dân cư chỉ tụ tập được ở các nơi mậu lâm (oasis). Từ năm 1902, chính phủ Pháp đặt ra đội quân canh gác sa mạc và đào các giếng khơi, số mậu lâm ngày một mở mang ra và đất trồng trọt đồng thời cũng tăng lên vì có đủ nước.

Các hạt miền nam đặt dưới quyền cai trị trực tiếp của quan toàn quyền, gồm có bốn thị trấn Ain-Sefra, Onargla, Laghouat,

Tonggourt, mỗi nơi có một vị quan võ đứng đầu, và các viên chức coi việc bản xứ quản trị các "khu vực".

## **TIÊU LIÊU**

*Trung Bắc chủ nhật*, Hà Nội, số 137 (22.11.1942)



# Tết cùng

Nói đến tết, người dân Việt Nam nào không nghĩ ngay rằng theo âm lịch thì từ Nam đến Bắc người mình, giàu cũng như nghèo đều cùng phải ăn vào ngày mùng một đầu năm. Cái đó đã thành một tập tục phổ thông khắp nước từ hơn ngàn năm nay rồi, ai cũng biết. Nhưng hình như chúng ta chưa mấy ai biết rằng ở vài tỉnh Bắc Kỳ như Hà Đông, Sơn Tây và nhiều tỉnh miền thượng du, dân ta không ăn tết như thế mà lại ăn vào một ngày cuối tháng giêng.

Đó là tục ăn "tết cùng". Theo tục đó, trong mấy hôm tết Nguyên đán đầu năm mới, những nơi đó dù cũng có nghi ngơi, ngày mùng một cũng làm lễ ở đình chùa cúng nhà thờ tổ tiên để cáo yết, nhưng không rộn rịp tung bừng. Mãi đến cuối tháng giêng, nhà nào nhà nấy mới sắm sửa các thứ bánh trái, cỗ bàn để đến ngày ba mươi cùng nhau ăn tết; ăn uống xong mới đi lại mừng tuổi nhau và bày đủ các trò vui chơi, làng thì một ngày, làng thì ăn đủ ba ngày như các nơi đã ăn tết chính. Vì họ ăn tết như thế nên gọi là ăn "tết cùng".

Cái tục ăn tết cùng không phải là họ cố ý lập dị đâu. Đó là một cái ấn tượng cảnh đời loạn ly mà tổ tiên họ đã trải qua, hàng năm lại diễn ra để kỷ niệm vậy. Theo lời các vị cố lão ở một làng có tục đó kể lại, thì hồ i sáu bảy mươi năm về trước, vào đời vua Tự Đức nhân có việc giao thiệp với người Pháp, các giặc cỏ nổi lên khắp nước. Đảng Cờ Đen lầy có sang giúp quan quân ta, chia đi các nơi, xông vào các làng cướp của giết người và hãm hiếp đàn bà con gái. Vào ngày 30 tết một năm, không nhớ rõ năm nào, nhà nào nhà nấy đang túi bụi sắm sửa các thứ để ăn tết, lý trưởng bỗng nhận được giấy tờ của một tên tướng giặc cỏ trong vùng, hạn đúng đến ngày hôm sau là mùng một tết, phải biện đủ mười con bò, hai mươi con lợn cùng

mấy chục thúng vừa gạo nếp gạo tẻ, lại kèm thêm cả ba trăm cặp bánh chưng, mười lăm vò rượu. Những thứ này lý trưởng phải mang cả ra để sẵn ở đình làng để chúng đến lấy cho quân ăn tết. Tại sao quân giặc yêu sách nhiều thứ như thế? Đó là vì chúng biết rõ làng này là một làng trù phú. Cũng vì sự trù phú đó, các đàn anh trong làng đã tổ chức được cơ quan phòng thủ, các nhà giàu bỏ tiền ra sắm đủ khí giới và chu cấp cho các dân nghèo, lập thành được một đoàn hương dũng để giữ làng. Đã có sẵn cái lực lượng ấy, lại biết rõ thế lực tên tướng kia chẳng có gì, không đáng sợ, bọn đàn anh liền cự tuyệt lời yêu sách của bọn giặc, sai đóng chặt các cổng làng, dự bị cuộc chống giữ, rồi bảo cả làng cứ vui vẻ ăn tết như thường. Bị cự tuyệt, tên tướng kia lấy làm căm tức lắm. Nhưng liệu sức mình không thể hành động được, chúng liền tìm đến kết hợp với một toán giặc Cờ Đen, nói làng ấy giàu có những thế nào, và có nhiều con gái xinh đẹp, xui giục đến ăn cướp và xin tự đem quân bộ hạ đi dẫn đường. Vôn là những quân dâm ác đến đâu cũng chỉ chăm đi sục tìm những món "hầu phở", giặc Cờ Đen thấy nói thế thì múa chân hoa tay, hứa ngay đêm hôm 30 ấy sẽ kéo một toán đông đến làng kia cướp phá.

Thật cũng là may cho làng đó. Trong khi tên kia chục giờ thủ đoạn "công răn cản gà nhà" thì đã có người hay tin. Tin này làm cho đông dân đều thất đảm kinh hồn, vì đã biết rõ thế lực giặc Cờ Đen, nhất là cái tính tàn ác dâm tà của chúng. Đàn bà con gái trẻ con kêu khóc như ri, không còn lòng nào nghĩ đến tết nhất nữa. Sau một hồi bàn bạc của các đàn anh trong làng, mọi người đều quyết bỏ làng tạm tránh đi nơi khác. Lập tức nhà nào nhà nấy thu vén các thứ cho vào buồng khoá cả lại; các đồ quý báu nặng nề đều cho vào bồ; có thứ họ đem vớt cả xuống ao sâu, kể cả bánh trái, giò nem để khỏi làm mồi ngon cho quân cướp. Thu xếp xong, họ chỉ để những dân nghèo ở lại trông, còn thì già trẻ lớn bé bồng bề dấp tấp nhau, bỏ làng chia đi ẩn trú các ngả. Quả nhiên, đêm 30,

chùng độ hết trốn hai sang trốn ba, quân cướp àm àm như ong kéo đến. Vì không ai chống cự, chúng cứ tự do vào thẳng trong làng, chia đi sục vào các nhà. Chẳng nhà nào có bóng người. Chúng được mặc sức tung hoành, muốn lấy gì thì lấy. Riêng có bọn Cờ Đen lại cho là tên kia nói dối, vì chẳng còn lấy một món "hầu phở" nào, sục sạo khắp nơi, quanh quần chỉ có mấy bà già má hóp lưng còng, quần áo rách rưới, chui rúc trong những cái nhà chập hẹp bản thủ ở cuối làng. Chúng xúm lại vặn hỏi. Tên giặc cỏ hết sức biện bạch là cả làng biết tin chạy trốn cả rồi, chúng cũng không tin. Tức mình vì chẳng được thỏa lòng, một tên cừ khôi, sau mấy tiếng "tiu-nà-ma", đá thóc cho tên kia một cái "song phi" chệch thẳng. Vì thấy làng này hiểm trở, có nhiều nhà ngói rộng rãi, bọn Cờ Đen liền chiếm đóng, định ở luôn làm một nơi căn cứ. Thì vừa may lúc đó quan quân Pháp chia đi dẹp các toán giặc ở các nơi, bọn Cờ Đen dù người đông sức mạnh cũng không chống nổi. Các nơi căn cứ to của chúng như ở Sơn Tây, Tuyên Quang đều bị phá tan cả. Các toán nhỏ chia đi các nơi; toán đóng ở làng này liệu thế phải tìm đường chạy trốn. Vì vậy, nhân dân đâu đấy dần dần lại được yên ổn làm ăn. Được tin bọn giặc đã bỏ đi, làng này lại kéo nhau về. Trước cảnh điêu tàn, ai nấy dù đau xót, nhưng lại mừng từ đây lửa binh đã tắt, đều được an cư lạc nghiệp, không còn phải cái nạn bỏ làng chạy trốn. Dọn dẹp và sửa sang lại nhà cửa rồi, họ cùng đi với những thức giầu ở các chuôm ao lên, ai nấy đều reo mừng: trừ những thứ bị hư hỏng vì ngâm nước lâu ngày, còn đều vẫn nguyên vẹn cả. Lại có điều lạ nữa, nhiều nhà có những bô bánh chưng ném xuống đáy nước tới gần một tháng, vớt lên bóc ra vẫn thấy xanh dẻo như bánh mới luộc không hề biến dị. Một nhà thấy thế, các nhà khác cũng đều thấy thế, xét ra mới biết bánh chưng gói lá vừa mới luộc xong, còn đang nóng hổi, quăng vào nước lạnh, hơi nóng mìn lại ở trong, nước không thấm vào, bánh vẫn cứ dẻo mãi.

Hôm ấy là 30 tháng giêng, các nhà thầy còn được bánh chưng, còn cái màu tết, liền bàn nhau lại bày ra ăn uống vui chơi, trước là mừng cả làng được yên toàn, sau để cho bố với những ngày phải long đong chạy trốn. Họ bảo nhau đó là *ăn tết cùng*. Vì có một ý nghĩa đáng kỷ niệm đó, tục ăn tết cùng mới thành một tục riêng, lưu truyền cho tới ngày nay và mãi mãi.

**VŨ BẮNG**

*Trung Bắc chủ nhật, số tết Quý vị, Hà Nội, số 143 (31.1.1943)*

# Có hải quân mạnh chưa đủ, còn cần cả hải thương...

Nói về hải quân mà không nói đến hải thương là một sự khiếm khuyết không nhỏ. Vì, trong thời chiến tranh, hải thương chẳng những có thể cung cho hải quân nhiều tàu bè phụ thuộc, mà lại còn cần thiết cho việc giao thông trên đường biển và việc tiếp tế lương thực quân nhu cho toàn thể nhân dân và quân đội.

Đã đành rằng hải thương lớn mạnh đến đâu cũng chẳng làm được trò gì nếu không có một đội hải quân cũng lớn mạnh như vậy. Nhưng chỉ có hải quân mạnh mà hải thương không có gì, thì thời chiến cũng như thời bình nhiều khi hải quân phải chịu thiệt thốn và thành vô dụng. Nếu trong thời chiến tranh, chiến thuyền phải hộ tống tàu buôn là vì tàu buôn rất hệ trọng cho nhân dân và quân đội về phương diện tiếp tế. Nếu tàu ngầm Đức trong cuộc đại chiến trước và trong cuộc đại chiến hiện thời, chỉ rình đánh đắm tàu buôn Anh là vì biết rằng vận mệnh Anh quốc và kết quả cuộc chiến tranh quan hệ ở đoàn tàu buôn đó.

Như vậy, tưởng chúng ta cũng cần biết qua về hải thương trong khi nói về hải quân liệt quốc.

Năm 1905, số trọng lượng toàn thể hải thương hoàn cầu là 36 triệu tấn. Đến năm 1914, số đó tăng lên tới 49 triệu tấn. Qua bốn năm chiến tranh, đến năm 1919, tính trừ số tàu buôn bị đánh đắm và hư hỏng và tính thêm các tàu đóng trong thời chiến tranh, nhất là tại Mỹ và Nhật thì số trọng lượng hải thuyền hoàn cầu được 50,8 triệu tấn.

Đến đầu năm 1939, số đó tăng lên tới 69.400.000 tấn, nghĩa là gần gấp đôi số trọng lượng năm 1905. Mà số trọng lượng sở dĩ tăng vọt lên như vậy là cố nhiên để ứng dụng cho đủ vào sự hoạt động kinh tế trong hoàn cảnh. Nhưng chẳng phải các nước đều tăng số trọng lượng tàu buôn lên cùng một lúc đều nhau đâu.

Từ năm 1929 đến năm 1939, đế quốc Anh tăng số trọng lượng tàu buôn từ 21 triệu lên 21,3 triệu tấn, và nước Pháp tăng từ 2,3 triệu lên 2,95 triệu tấn; cả hai nước cộng lại chưa tăng được tới 1 triệu tấn, tức là tăng được có 4% số trọng lượng cũ. Trái lại, nước Nhật tăng lên tới 228%, nước Ý tăng lên 116%, Hoa Kỳ tăng 122%, Hoà Lan 107% và Na Uy 52%. Duy có nước Đức là không tăng thêm được tấn tàu buôn nào nữa, vì bị hoà ước Versailles hạn chế, vừa vì bận việc dự bị chiến tranh. Song đội hải thương Đức vẫn không vì thế mà mất địa vị. Thật vậy, chỉ tính các tàu buôn từ 100 tấn trở lên thì số trọng lượng của đội thương thuyền liệt kê như sau đây:

Anh và các thuộc quốc	21.300.000 tấn
Hoa Kỳ	12.000.000 tấn
Nhật Bản	5.600.000 tấn
Na Uy	4.900.000 tấn
Đức	4.500.000 tấn
Ý	3.500.000 tấn
Hoà Lan	3.000.000 tấn
Pháp	2.950.000 tấn
Hi Lạp	1.800.000 tấn
Thụy Điển	1.600.000 tấn
Nga	1.300.000 tấn
Các nước khác	<u>7.600.000 tấn</u>
Tổng cộng	69.400.000 tấn

Tàu chạy bằng hơi nước chiếm 74,3%; tàu chạy bằng máy 24,4%; tàu chạy bằng buồm chỉ còn lại có 1,3% tổng số. Trong 100 chiếc chỉ 46 chiếc chạy bằng dầu mazout. Những tàu chạy bằng

máy diesel dần dần tăng thêm và thắng thế. Trong 444 chiếc tàu buôn đóng năm 1938 thì 60% chạy bằng máy đó. Nước đóng nhiều tàu máy nhất là nước Anh, vốn là nước đóng tàu đã chuyên môn xưa nay. Tại nước Anh có tất cả 190 xưởng đóng tàu luôn luôn bận việc.

Trong các hạng tàu buôn chạy trên các mặt đại dương, có một hạng tàu chế tạo chu đáo nhất và có tiếng là chạy tốt hơn hết là hạng tàu chở dầu hỏa (pétrolier). Trong 25 năm nay, số tàu hạng này tăng lên rất mau, vì rất thông dụng. Năm 1914, chỉ có 3% tăng số trọng lượng là tàu chở dầu; đến năm 1930 số đó tăng thêm 11%; năm 1939 thì số đó vọt lên 16,5%, tức là 11.400.000 tấn tất cả. Hạng tàu này hiện giờ hơn bù kém là những tàu trọng lượng từ 8.000 tấn – 10.000 tấn, chạy nhanh từ 12 tới 13 hải lý một giờ.

Số trọng lượng các tàu chở dầu, nước có ít nước có nhiều, và không phải là nước có nhiều tàu buôn là nước có nhiều tàu hạng đó, xin liệt kê như sau này:

Anh và các thuộc quốc	3.360.000 tấn
Hoa Kỳ	2.801.000 tấn
Na Uy	2.117.000 tấn
Hoà Lan	538.000 tấn
Panama	470.000 tấn
Nhật	430.000 tấn
Ý	426.000 tấn
Pháp	318.000 tấn
Đức	256.000 tấn
Các nước khác	818.000 tấn
Cộng	11.534.000 tấn

Về tàu chở dầu, riêng ba nước Anh, Hoa Kỳ và Na Uy đã chiếm mất 70% tổng số trọng lượng rồi. Các thuộc địa Anh chiếm tới 2/3 dân số các thuộc địa của liệt quốc hoàn cầu, vậy nếu hải

thương có trội hơn các nước khác thì đó cũng là theo lẽ tất nhiên. Nước Anh nếu không có con số trọng lượng lớn nhất hoàn toàn về hải thương, thì sau một cuộc chiến tranh đầy biển với tàu ngầm

Đức, có lẽ ngày nay trên mặt biển không còn một chiếc tàu buôn nào. Vì có nhiều tàu buôn như vậy nên tàu ngầm Đức kế tiếp phá hoại mãi mà vẫn không cắt đứt được đường giao thông tiếp tế của nước Anh.

Coi đó người ta đủ thấy mối liên lạc giữa hải thương và hải quân một nước mật thiết với nhau như thế nào. Có hải quân mạnh chưa đủ, nếu không có một đội hải thương cũng tương đương.

## **TIÊU LIÊU**

*Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, số 152 (11.4.1943)*



# Cô Kiều không hề lẫn chữ tội với chữ công

Hồ i *Đông dương tạp chí* còn xuất bản dưới quyền giám đốc của ông Schneider, ông Tản Đà Nguyễn Khá c Hiế u bình phẩm về Truyện Kiề u có trích hai câu này:

*Xét mình công ít tội nhiề u,*

*Số ng thừa, tôi đã nên liề u mình tôi.*

Và nhà thi sĩ đã bình phẩm: "Chữ công, trong câu này, nghe không được yên nghĩa: vì sự giế t Từ Hải, tự Kiề u không nên nói là công".

Trong cuố n *Vương Thuý Kiề u chú giải tân truyện*, cũng Nguyễn Khá c Hiế u viế t, từ sách Tao Đàn xuất bản năm 1940, ông Nguyễn Khá c Hiế u vẫn giữ cái luận điệu ấy. Cùng đờ ng ý với ông, có nhiề u người, mà trong số đó ta có thể kể ông Hoài Thanh là một.

Vừa đây, ông Hoài Thanh diễn thuyế t ở Huế về "*Một phương diện của thiên tài Nguyễn Du: Từ Hải*" lại nhắ c lại ý kiế n đó một lâ n nữa như sau này:

"Bởi vì Nguyễn Du vẫn là một nhà nho, vẫn không quên cái nghĩa lớn nhấ t đố i với một nhà nho, cái nghĩa tôn quân, Nguyễn Du không để Kiề u thoá mạ Hồ Tôn Hiế n, vì Hồ Tôn Hiế n là đại biểu của triề u đình, Nguyễn Du còn để Kiề u nói cùng Hồ Tôn Hiế n một câu rá t khó nghe là câu *Xét mình công ít tội nhiề u*. Kiề u đã đại dột làm thiệt mạng một người ân nhân, một người tri kỷ, tưởng không còn có quyề n kể công, dầ u công ít cũng vậy".

Ông Hoài Thanh lại còn viế t:

"Hơn nữa, *Đoạn trường tân thanh* đã y dẫn triết lý nhà Phật. Những người tu hành đạo Phật tất được cảm tình của Nguyễn Du. Thế mà Nguyễn Du đã để trong miệng một nhà sư, sư Tam Hợp, một câu rất chớng về chuyện Kiêu khuyên Từ Hải ra hàng: *Hại một người, cứu muôn người. Biết đường khinh trọng, biết lời phải chớng*"<sup>1</sup>

Trở lên trên là ý kiến của ông Hoài Thanh về đoạn Kiêu mắc mưu Hồ Tôn Hiến, giết oan Từ Hải. Tôi sẽ không nói rằng, khi phát biểu ý kiến ấy, ông Hoài Thanh đã quá nghiêm khắc với cô Kiêu và Nguyễn Du biết bao nhiêu. Tôi cũng không dám có cái mong ước bào chữa cho Nguyễn Du về một điểm mà người ta có thể làm về cụ. Không. Tôi chỉ muốn, trong phạm vi của cái bài nhỏ mọn này, giải bày một ý kiến về Từ Hải trong *Minh sử và Ngu sơ tân chí* với Từ Hải của Nguyễn Du, và lạm bàn về cái "tình" của Thuý Kiêu và Từ Hải. Có lẽ do đó, tôi sẽ nói được ra cái ý mọn của tôi về câu: "*Xét mình công ít tội nhiều*", và nếu vì đó, mà tỏ được ra rằng câu nói của Kiêu không khó nghe một chút nào, mà Nguyễn Du không chớng một chút nào, thiết tưởng cũng là một điều may cho tôi vậy.

Trước hết, ta hãy xem Từ Hải theo người Tàu là một người như thế nào, nhiên hậu ta mới có thể biết cái lòng của Kiêu đối với Từ Hải ra sao.

Theo thuyết bộ *Ngu sơ tân chí*, thì trong *Vương Thuý Kiêu* chính truyện, Kiêu không phải chỉ khuyên Từ Hải ra hàng mà thôi. Chính Kiêu đã có ý âm mưu với Hồ Tôn Hiến xui Từ Hải ra hàng, mà xui như thế không phải chỉ vì có mỗi một mục đích là mong "phu quý phụ vinh".

Nguyên Kiêu vốn họ Mã, người ở Lâm Tri. Vì gia biến, nàng phải đem mình dấn vào làng ca kỹ ở Giang Nam. Người chủ nàng đòi

nàng ra họ Vương và bắt tiếp khách vì ai cũng hâm mộ tài sắc của nàng. Nhưng vốn là một người thông minh mà phong nhã, Kiêu rất chê những người giàu mà tục. Mục chủ ca viện lấy thể làm bận lắm, năm lần bảy lượt đã định tâm kiếm chuyện. Thì vừa may lúc đó có một ông khách lái buôn nhà giàu nhưng hào nhã lắm tên là La Long Văn người huyện Hấp tìm đến Kiêu; và La xem ra đã ý hợp tâm đầu lắm. Cái khó của La là lúc này La đã có một người nhân tình là Lục Châu. Biết làm thế nào để cho vẹn đôi đường được? Đương khó xử thì La Long Văn gặp Từ Hải.

Đúng như lời ông Hoài Thanh, Từ Hải vốn là sư chùa Hồ Báo ở Hàng Châu, người ta thường gọi là Minh Sơn hoà thượng. Đó là một nhà sư mà cái đạo tâm hình như không vững lắm nên trai gái, cò bạc hoang toàng, đến nỗi chủ nợ phải đến tận nhà để bắt. Từ Hải đâm liêu chạy trốn vào nhà hát của Thuý Kiêu và ở lý ở đây, không dám trành mặt ra. Chính ở đây, Từ Hải đã gặp La Long Văn vậy. La Long Văn đem Lục Châu biết Từ Hải. Cái tình của Từ và La vì đó càng thêm khăng khít. Bởi vậy, trong một bữa tiệc kia, Từ đã ghé vào tai La mà bảo: "Cái đất Giang Nam này nhỏ lắm, không dung khách anh hùng được. Chúng ta cần phải mưu những việc lớn hơn".

Cách đó ít lâu, – vào năm Gia Tĩnh thứ 35 – Từ Hải, hợp với bọn giặc Oa Oa (Nhật Bản) nổi lên đánh phá các nơi và vây dinh quan tuấn phủ Nguyễn Ngạc ở Đông Hương và bắt được Vương Thuý Kiêu. Hải yêu mến Kiêu lắm, bảo Kiêu đánh đàn và gọi là phu nhân. Vốn là người thông minh, khéo ăn ở, chẳng bao lâu Kiêu được Hải tin dùng, có lẽ hơn hết cả tướng lĩnh ở dưới quyền. Bởi vì chỉ có một mình Thuý Kiêu được dự vào quân cơ. Bao nhiêu công việc của Từ, Kiêu biết hết. Giá cứ dằn ng thẳng ra, Hải được một người giúp việc đắc lực như Kiêu mà Kiêu ăn ở ngay thẳng thực, thì vận hội của Từ không biết còn rộng đến đâu. Đáng tiếc thay, Kiêu lại không thực lòng với Hải. Bởi vì nàng lúc nào cũng chỉ nghĩ

đến chuyện về quê với bố mẹ và gặp chàng Kim Trọng! Chính Hồ Tôn Hiến đã lợi dụng chỗ yếu đó để mà ám hại Từ Hải vậy.

Họ Hồ đã hại họ Từ như sau này:

Hồ Tôn Hiến muốn gây sự bất hoà giữa Từ Hải và các tướng tá, có ý xui Từ Hải về hàng với triều đình. Muốn được thế, Từ Hải cần phải lấy đầu hai viên tướng về làm tin. Điều kiện là như thế.

Nhưng giờ ai là người sang làm thuyết khách với họ Từ được bây giờ? Hồ Tôn Hiến sai Hoa lão nhân sang làm thuyết khách. Hoa vừa đến trại Từ Hải thì Từ Hải thét người đem chém. Vì lời xin của Thuý Kiều, Hoa lão nhân thoát chết và lại còn được Từ Hải cho thêm tiền để ra về. Hoa bèn chạy tuốt về dinh Hồ Tôn Hiến báo cái tin không hay đó và bảo Hồ rằng: Cứ ý tôi thì khó mà ai dụ Từ Hải về hàng được. Trừ phi một người là Vương Thuý Kiều. Chính Kiều đã xin Từ tha chém cho tôi. Tôi lại xem tình ý, cách nói năng, dáng điệu và con mắt thì biết rằng ta có thể dụ Kiều giết Từ Hải được.

Hồ Tôn Hiến, nghe kể, lấy làm mừng lắm, nhưng chưa tìm ra ai để nhờ sang thương thuyết với Kiều được. Thì tin ấy, vì một sự tình cờ, lọt ra ngoài và đến tai La Long Văn, La bèn nhờ một người là Từ Vy dắt vào ra mắt Hồ Tôn Hiến. La Long Văn hứa với Hồ Tôn Hiến sẽ lung lạc được Vương Thuý Kiều, người yêu cũ của mình. Hồ Tôn Hiến vốn là người đồng hương với La Long Văn, tin lắm, giao cho La cái "sứ mệnh" kia, và quả vậy, La được giáp mặt Thuý Kiều, bởi vì có phải La chỉ biết có Kiều mà thôi đâu, La lại là bạn thân thiết của Từ Hải nữa.

Giữa hai ngậm rượu, Hải cười mà hỏi La rằng:

Túc hạ đến du thuyết ta đây ư? La cũng cười:

Tôi đến làm trung thân cho cô nhân thì có. Hải hỏi tại sao thì La đáp rằng:

– Cô nhân còn lạ gì. Vương Trục đã hàng rồi, còn cô nhân, cô nhân chẳng cũng nên giải giáp hay sao?

Nghe câu chuyện, Hải lấy làm ngạc nhiên lắm lắm, nhưng hiện lúc đó đương là bữa rượu, Hải cứ xếp câu chuyện lại một chỗ uống đã. Hải lại cho vời Thuý Kiêu và Lục Châu ra chào La Long Văn. Câu chuyện trao đi nói lại giữa bốn người này không có gì là quan trọng. Đến mãi tận khi Lục Châu đi vào, mà Từ Hải đã tàng tàng chén cúc, Từ Hải mới đem chuyện "về với triều đình" ra nói với Thuý Kiêu.

Như trên kia đã nói, bởi vì Thuý Kiêu lúc nào cũng chỉ nghĩ đến chuyện về quê hương để hội ngộ với cha mẹ, hai em và chàng Kim Trọng nên nghe thấy Từ nói thế thì Kiêu xui ngay Từ Hải nên nghe lời La Long Văn. La có hy vọng lắm, từ già, về báo tin cho Hồ Tôn Hiến biết. Năm lấy cơ hội, Hồ Tôn Hiến bèn mật đem vàng bạc sang lễ Thuý Kiêu, và Hồ Tôn Hiến đã được hài lòng. Bởi vì tiền bạc đã làm tối mắt Kiêu thêm một tầng: ngay đêm, Kiêu gia súc xui Từ Hải:

*Làm chi để tiếng về sau,*

*Nghìn năm ai có khen đầu Hoàng Sào.*

*Sao bả ngọc lộ trọng quyên cao,*

*Công danh ai dứt lối nào cho qua.*

Từ Hải đã chuyển lòng vì những lời nói đó. Bởi thế, ta mới thấy Từ bắt trời Ma Diệp và Trần Công đem đến thành Đông Hương để hàng Hồ Tôn Hiến. Lúc Hải vào, có mặt những người này ở trong dinh họ Hồ: quan Tổng đốc Hồ Tôn Hiến, quan Tri phủ Nguyễn

Ngạc và một hoạn quan tên là Triệu Văn Quan. Trước mặt ba người này, Từ Hải đã quỳ xuống xin chịu tội. Hồ Tôn Hiến xoa đầu vỗ về Từ Hải và đã có ý thương Hải không muốn giết. Nhưng viên tổng lĩnh Du Đạo Du cương quyết quá, hết sức phân trần và kể tạc xin Hồ cho phép được phục binh đánh Hải. Quân Từ Hải vỡ. Giáp trụ đã cởi rồi, Hải đành phải nhảy xuống sông. Quân quan vớt được lên, chém đầu, và bắt Kiêu đem về dinh Hồ Tôn Hiến. Trước sắc đẹp mê hồn của Kiêu, họ Hồ cũng thấy ngất ngây, bởi vậy đã làm lắm trò suông sã. Đến khi tỉnh rượu, biết rằng mình làm mất thể diện của quốc gia, Hồ Tôn Hiến bèn đem Thuý Kiêu gán cho Vĩnh Thuận tù trưởng. Thuý Kiêu khóc lóc không biết bao nhiêu trong khi đi đường. Đến sông Tiên Đường Kiêu than: "Giết một tù trưởng để lại lấy một tù trưởng khác, còn sống làm gì nữa!" rồi đâm đầu xuống nước.

Ấy đó, Vương Thuý Kiêu chính truyện là như thế. Xem vậy, ta thấy Từ Hải không phải một vị anh hùng cái thế, một vị anh hùng hoàn toàn nếu không muốn nói là hèn, – hèn vì muốn hưởng lộc của triều đình, Hải đã không ngại bắt hai vị tướng giỏi của mình đem nộp Hồ Tôn Hiến. Vậy thì ta không nên lấy làm lạ rằng tại sao Kiêu lại có thể nhẫn tâm ăn tiền của Hồ Tôn Hiến mà hại Hải, bởi vì cứ xét ra thì chính Kiêu cũng không phục gì Hải, cũng chẳng yêu gì Hải lắm mà không bao giờ cho Hải là tri kỷ. Chẳng qua là bước phong trần đưa dấn lối đi, xui cho Kiêu gặp Từ Hải cũng như một cô gái nhảy, một đào nương bây giờ gặp một khách làng chơi hơi "lạ". Hơn thế, Kiêu lại còn muốn lợi dụng Hải để làm một cái thang trèo lên đài vinh hoa phú quý, một cách tiến thân mà cũng là để có lối tìm về quê hương nữa. Một người đàn bà như thế rất có thể nói một câu như: "*Xét mình công ít tội nhiều*" lúc Hải bị Tôn Hiến âm mưu giết hại.

Mà Từ Hải, vì nghe lời của Kiêu u, vô n không phải là tri kỷ của mình, cũng rấ t có thể bị gọi là "dại gái" như trong câu thơ trào phúng: "*Bô n bề anh hùng còn dại gái, Thập thành con đĩ mắ c mưu quan*".

Nhưng đó là Từ Hải và Kiêu u trong "*Ngu sơ tân chí*".

Ở Nguyễn Du, Từ Hải và Kiêu u khác hẳn.

Thật vậy, khác hẳn. Từ Hải, vào tay Nguyễn Du, đã từ một tên cướp bề ươn hèn, phản trá c và để cho Hồ Tôn Hiế n... xoa đầ u, hoá ra một vị anh hùng cái thế . Ở *Ngu sơ tân chí*, Hải là một tâm hồ n đáng thương. Nguyễn Du, như một đầ ng tạo hoá thứ hai, đã làm Hải thành một đứ a con tinh thầ n khả kính.

Có người bảo rằ ng Nguyễn Du tạo ra Hải như vậy, ý cô t để gỡ tội cho nàng Kiêu u; có người bảo Từ Hải là một nhân vật lý tưởng của Nguyễn Du nên Nguyễn Du o bế ; có người lại bảo sở dĩ Nguyễn Du làm cho Từ Hải anh hùng quấ c thước như thế , chính bởi vì Nguyễn Du đã thiế u những đức tính của Từ Hải vậy.

Lý nào phải? Lý nào trái? Chúng tôi sẽ không bàn về việc đó, bởi vì chúng tôi đã nói ở chính trong báo này một lâ n rồ i, – bao nhiêu những lý thuyế t kia chỉ là "đoán" mà thôi, mà đoán thì biế t thế nào là đúng? Không đúng, có thể có hại lắ m, nhấ t là khi những lời đoán â y lại không có lợi cho người đã khuấ t.

Khoa học có một cái tự phụ là cái gì cũng biế t. Sự thực khoa học biế t ít lắ m, mà có khi lại biế t lâ m. Bởi vậy trong bài này, một bài nói về văn trong một cuố n văn, ta chỉ nên đứng về phương diện văn chương mà nói, không câ n xét xem vì những động lực gì mà Nguyễn Du đã tạo ra một nhân vật khác thường như Từ Hải.

Người ta có thể nói rằng trong truyện Vương Thuý Kiê`u của Nguyễn Du, chỉ có một người làm cho ta yêu thương là Kiê`u và cũng chỉ có một người làm cho ta kính mê`n: đó là Từ Hải. Suố`t trong cuố`n truyện, Nguyễn Du không lúc nào không dùng một lời văn trang trọng, và mượn những danh từ tồ`t đẹp để nói về` ông khách họ Từ.

Bắ`t đầ`u giới thiệu, Nguyễn Du đã cho ta thấ`y Hải là một người xuấ`t chúng:

*... Bồng đầ`u có khách biên đình sang chơi.*

*Râu hùm, hàm én, mày ngài,*

*Vai năm tấ`c rộng, thân mười thước cao.*

*Đường đường một đầ`ng anh hào,*

*Côn quyê`n hơn sức, lược thao gồ`m tài.*

*Đội trời đạ`p đầ`t ở đời,*

*Họ Từ tên Hải vồ`n người Việt Đông.*

*Giang hồ` quen thói vấ`y vùng,*

*Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo.*

Một người có một vẻ uy nghi đường bệ như thế` tấ`t phải có một tâm hồ`n khác người, cho nên vừa trông thấ`y, vừa nghe thấ`y

*Một đời đượ`c má`y anh hùng,*

*Bỏ chi cá chậu, chim lô`ng mà chơi.*



thì Kiêu đã biết ngay:

*Thưa rằng: Lượng cả bao dong,*

*Tân Dương được thấy mây rồng có phen.*

Nhất kiến vi kiến, Kiêu và Từ Hải đã biết nhau và như đã hiểu nhau từ kiếp trước nào; Kiêu thì muốn ngay chuyện gửi thân mình mà Từ Hải thì nhận ngay thấy Kiêu là tri kỷ. Chính Kiêu, Kiêu cũng cho Hải là tri kỷ nữa.

*Hai bên ý hợp tâm đầu,*

*Khi thân chẳng lọ là cầu mới thân.*

Kiêu yêu Từ Hải và trọng Từ Hải, còn đối với Kim Trọng thì nàng chỉ có một tấm lòng yêu mà thôi vậy.

Kiêu tin tưởng ở sự thành công của Từ Hải nên trong khi Hải ra đi:

*Sân rêu chẳng vẽ dấu giày*

*Cỏ cao hơn thước, liễu gãy vài phân*

Mà niêm thương nhớ của nàng, có chẳng chỉ quay về với cha mẹ, em Vân; và Từ Hải:

*Cánh hồng bay bóng tuyệt vời*

*Đã mòn con mắt phương trời dăm dăm*

Dem hết cả một tấm lòng ra phụng sự tình yêu như thế, Kiêu chỉ mong có một ngày

*Kéo cờ lữ, phát súng thành*

## Từ công ra ngựa, thân nghênh cửa ngoài

*Rõ mình lạ vẻ cân đai...*

Cứ lầy tâm lý ra mà xét, thì Kiêu u mong có thể lại được thế, đời nào lại âm mưu với Hồ Tôn Hiến để cô ý giết chồng mình đi, háu có hội ngộ với cha mẹ, anh em và chàng Kim Trọng?

Không. Kiêu u chỉ bị lừa. Cái tội giết hai mạng người là Kiêu u và Từ Hải, Hồ Tôn Hiến sẽ mang lầy một cách xứng đáng và đau xót. *Minh sử* đã chép rõ ràng về cái chết của ông quan tổng đốc lừa người đàn bà đẹp một cách vô cùng tàn nhẫn đó.

Phàm người ta ở đời mà đã có lòng với nhau thật, thì cường quyên, người ta chẳng coi ra trò gì cả. Người ta có sợ chỉ là sợ lẽ phải mà thôi, còn bất cứ bao giờ cũng vậy, đố i với những tham quan ô lại, những bậc hôn quân, tà thần, người ta đều khinh ghét và nếu có dịp, người ta không ngại gì mà không tiết sự tức giận ra.

Có lẽ ông Hoài Thanh đã nghĩ lầ m một chút khi viết câu này: "Bởi vì Nguyễn Du là một nhà nho vẫn không quên cái nghĩa lớn nhất đố i với một nhà nho, cái nghĩa tôn quân, Nguyễn Du không để Kiêu u thoá mạ Hồ Tôn Hiến..." Tôi nghĩ hơi khác ông Hoài Thanh một chút. Bởi vì nhà nho vẫn không quên cái nghĩa tôn quân, nên lúc nào cũng muố n kẻ làm tôi cũng phải giữ lễ với vua quan, nhưng đó là chỉ nói về vua minh, quan chính. Nếu vua không minh, quan không chính thì chính nhà nho lại càng mặt sát nhiề u bởi vì nhà nho luôn luôn muố n giữ cho cái nghĩa quân thần tốt đẹp, hoàn toàn, nên hồ thấ y sự gì xấu xa, tồ i bại ở trong phái đó thì muố n thẳng tay trừng trị ngay cho tiết nọc.

Đức Mạnh Tử khi nói: "quân hữu đại quá tắ c gián, phản phúc chi nhi bất thính, tắ c dịch vị", chính là bảo ta rằng vua không phải lúc nào cũng là một vật bất khả xâm phạm đâu. Vua mà làm điề u lỗi thì

quan có thể đuổi đi được. Vua Thang giết vua Kiệt, Võ Vương giết vua Trụ, Tần vương Chính giết Lao Ái, Cao Cù Di giết Vệ Tuyên công. Tô ng vương lấy tranh vợ của dân; Trịnh Trang Công đào hầm cho mẹ ở; Tô ng Trang Công không sang hội ở đất Hư Qui mà còn bị nhà nho mặt sát, thoả mạ thay, huống chi là Hồ Tôn Hiến chỉ mới là một quan tổng đốc quèn!

Ông Hoài Thanh bảo Nguyễn Du không để Kiệt u thoả mạ Hồ Tôn Hiến là lầm. Theo tôi, thì trong suốt một cuộc đời phong nhã hào hoa của cô Kiệt u, tôi chỉ thấy cô mặt sát tận mặt có một người, mà người đó là Hồ Tôn Hiến.

*Rã ng: Từ là đất anh hùng*

*Độc ngang trời rộng, vẫy vùng bể khơi*

*Tin tôi nên quá nghe lời*

*Đem thân bách chiến làm tôi triều đình.*

*Ngõ là phu quý, phụ vinh.*

*Ai ngờ một phút tan tành thịt xương!*

*Năm năm trời bể ngang tàng*

*Đem mình đi bỏ chiến tròng như không.*

Tôi không rõ Vương Thúy Kiệt u ở *Ngu sơ tân* chí có dám nói với Hồ Tôn Hiến gì không, chứ cứ lối i phu diễn tâm lý ở trên và những câu thơ của Nguyễn Du đã cho Kiệt u nói mà tôi vừa trích đó thì quả là Kiệt u đã không cần nhớ Hồ Tôn Hiến là đại biểu của triều đình mà thoả mạ Hồ Tôn Hiến đến tận tận vậy.

Duy có Kiêu là một người lịch sự, thông minh nên cách thoả mạ cũng thông minh, lịch sự. Hồ Tôn Hiến là người kinh luân giỏi, tài, và đã làm đến chức tổng đốc chắc phải hiểu câu "mắng" đó, nhưng chỉ vì Nguyễn Du đã làm cho Kiêu mắng tài tình quá nên Hồ Tôn Hiến đành câm miệng đó mà thôi. Chính vậy, Từ Hải vừa chết thì Kiêu được đem vào trước trung quân. Hồ Tôn Hiến hỏi nàng muốn xin gì.

Thì, thưa các ngài, Kiêu không lay mà cũng chẳng cảm ơn họ Hồ, nhưng khóc mà ca tụng ngay Từ Hải, một kẻ thù của Hồ Tôn Hiến, mà Hồ Tôn Hiến đem quân đánh bao nhiêu trận không thắng nổi, mà còn thua là khác:

*Ngẫm từ gây việc binh đao,*

*Đông xương vô định đã cao bả ngọc đầu*

Chỉ một việc ca tụng Từ Hải ở trước mặt Hồ Tôn Hiến như thế cũng đã mắng tàn nhẫn Hồ rồi, làm nhục đến cùng cực Hồ rồi. Thế mà đã đủ đâu. Kiêu còn giận, và nói tiếp: "Từ Hải là một người trí dũng có thừa, cứ đánh thắng ra thì khó mà có ai hạ nổi. Sở dĩ mà hôm nay xảy ra cơ sự này, ấy chỉ là bởi vì các ngài thúc thủ, đã phải mượn đến một người đàn bà là tôi làm nội ứng. Tôi khuyên Từ Hải ra hàng là vì lòng thành thực, *ngõ là phu quý phụ vinh*, không ngờ các ngài lại xử khốn nạn, đi lừa tôi và phục binh giết Từ Hải một cách man di, ám muội". Chính ông Tản Đà Nguyễn Khái Hiên là người đã chê Kiêu, cũng phải nhận rằng Kiêu đã nói những câu cay đắng chua chát vô cùng. Phê bình hai câu: "*Ngõ là phu quý phụ vinh, Ai ngờ một phút tan tành thịt xương*", ông Tản Đà đã viết rằng: "Hai câu này lời lẽ tự nhiên, mà cũng đáng thẹn cho người khác".

Kiêu thoa mạ Hồ Tôn Hiến như thế, thế đã là tàn tệ lắm, nhưng chưa đủ. Chính cái câu mà ông Tản Đà bảo là không yên nghĩa và ông Hoài Thanh bảo là rất khó nghe, tôi thấy là một câu mật sát vô cùng chua chát, nghe được lắm.

*Xét mình công ít tội nhiều,*

*Sợ ng thừa, tôi đã nên liêu mình tôi.*

Không, Kiêu không kể công đâu. Tưởng rằng chữ công đây là kể công, ông Hoài Thanh đã quên mất rằng trước khi nói như thế, Kiêu đã nghe thấy Hồ Tôn Hiến nói những gì. Ta hãy trở lại đoạn Kiêu ngất đi ở bên cạnh Từ Hải, được quan quân vục vào dinh tổng đốc Hồ Tôn Hiến. Hồ Tôn Hiến đã nói như thế này với Kiêu:

*Rằng: "Nàng, chút phận hồng nhan,*

*Gặp con binh cách, nhiều nàn cũng thương*

*"Đã hay thành toán miếu đường,*

*Giúp CÔNG cũng có lời nàng mới nên..."*

Xem vậy thì ta biết rằng chữ công không phải tự Kiêu dùng trước. Chính Hồ Tôn Hiến, một lão tổng đốc khôn ngoan quý quyết, đã buộc chữ công vào cái tội giết chồng của nàng Kiêu. Sau này, nếu Kiêu trả lời rằng "*Xét mình công ít tội nhiều*" đó chẳng qua cũng chỉ là để trả lời lại câu nói của Hồ Tôn Hiến vậy. Hơn thế, câu trả lời đó, theo ý riêng tôi, lại còn ngụ một ý mỉa mai Hồ Tôn Hiến nữa: Kiêu có ý muốn mỉa mai Hồ Tôn Hiến đã dùng chữ "công" không phải chỗ.

Đến đây, ta phải đánh một cái dấu ngoặc. Chữ "công" mà ông Tản Đà bảo là không đả t nghĩa, chính cụ Nguyễn Du dùng đã khéo vô cùng. Không cần phải dùng một chữ bất nhã, cụ Nguyễn Du chỉ

cho Kiề u nhắ c lại chữ "công" của Hồ ò dùng cũng đủ cho ta thấ y cái lòng khinh bỉ của Kiề u đố i với Hồ ò Tôn Hiế n như thế ñ ào. Nghĩ như một sự "chơi cái chữ công", cụ Nguyễn Du ñã sắ c nhọn và tài tình lắ m vậy.

Hồ ò Tôn Hiế n vừa bảo: "Giúp công cũng có lời nà ng mới nên" thì Kiề u bẻ lại Hồ ò ngay.

*"Khéo khuyê n kẻ lắ y làm CÔNG!*

*Kẻ bao nhiê u lại ñau lòng bắ y nhiê u*

*Xét mình công ít tội nhiê u,*

*Sồ ñg thừa, tôi ñã nên liê u mình tôi"*

Bẻ rắ ñg câu "xét mình" rắ t khó nghe "vì Kiề u ñã ñại ñột làm thiệt mạng một người tri kỷ, tưởng không có quyê ñ kẻ công"; bẻ rắ ñg chữ "công" không ñắ t nghĩa, hai ông Tản ðà và Hoài Thanh ñã quên mắ t hai câu trên câu ñó. Thật là ñáng tiể c.

Kiề u không hê ñ bao giờ lại kể công mình giế t Từ Hải. Nà ng chỉ lắ y làm lạ sao Hồ ò Tôn Hiế n lại lắ y việc nà ng vô tình giế t Từ Hải làm công. Và nà ng nói: Quan lớn dùng chữ công là quan lớn lắ m lắ m. Quan lớn mĩa tôi. Tôi nghe thấ y quan lớn nói mà ñau lòng ñứt ruột. Thừa, công tôi có gì ñâu. Chỉ có tội đố i với chồ ñg. Tôi là người ñàn bà ñáng chể t. Xin thương tôi mà cho một doi ñắ t cho tôi chôn chồ ñg. Xong rồ i, tôi sẽ xin chể t ñể tạ lòng tri kỷ".

Lời nói như vậy kể cũng ñã là chí tình và xót xa lắ m; bảo là câu "xét mình công ít tội nhiê u" khó nghe lắ m thì có lẽ quá nghiêm khắ c vậy. Kể riêng chữ "công" ra, tôi thấ y cũng ñắ t nghĩa lắ m vì những lẽ vừa nói trên kia mà còn vì những lẽ sau này nữa:

Chữ "công" trong câu "*Xét mình công ít tội nhiều*" không ai có thể lấy lý gì mà bảo là công giết Từ Hải được.

Dùng chữ "công" đó, ý Kiêu chỉ muốn nói về cái công của Kiêu đối với Từ Hải mà thôi. Như chúng ta đã biết, Kiêu được Từ Hải yêu chuộng lắm, thường cho dự bàn về quân cơ. Kiêu cũng có giúp ít nhiều trong sự thành công, trong việc "*Huyện thành đập đổ năm toà cõi Nam*" của Hải. Lại đến việc Từ Hải ra hàng, đó cũng là cái công của Kiêu nữa bởi vì Kiêu có cái ý muốn giúp Từ Hải trở nên một người lương thiện, một người nhân đức.

*Ngẫm từ gây việc binh đao!*

*Đóng xương vô định đã cao bằng đầu,*

*Làm chi để tiếng về sau,*

*Nghìn năm ai có khen đầu Hoàng Sào.*

Đó, cái công của Kiêu đối với Từ Hải. Công đó thì ít, nhưng Từ Hải đã trả lại rất nhiều cho nàng Kiêu. Thế mà Kiêu vì vụng suy, vì quá tin người, đã giết oan Từ Hải.

Bây giờ ngộ ý mà làm một cái bảng thông kê công và tội của đời mình (*xét mình*) Kiêu thấy rằng công Kiêu đối với Từ Hải không là gì cả, nhưng cái tội thì cao bằng núi, chỉ có một cái chết thì họa may mới tạ được lòng tri kỷ mà thôi. Cái công và tội mà Kiêu nói đó chính là công, tội đối với Từ Hải.

"*Khéo khuyên kẻ lấy làm công*" câu ấy, Kiêu gạt cái công với triêu đình ra. *Xét mình tôi đã nên liêu mình tôi*, thì tỏ ý Kiêu muốn chết. Nếu mà chữ công đó chỉ về công với triêu đình, sao Kiêu lại phải đợi đến lúc ấy mới chết?

Hai lý lẽ trên có thể tỏ cho ta biết rằng Kiêu không hề lần chữ tội với chữ công chăng? Có thể tỏ cho ta biết rằng Nguyễn Du đã không chướng và hạ một câu văn không khó nghe một chút nào chăng?

Cái lẽ khả, phủ chúng tôi xin trông ở tâm lòng rộng rãi của bạn đọc; nhưng trước khi chấm hết bài này, tưởng ta cũng nên nói thêm một vài câu về cái đoạn nhà sư Tam Hợp thuật về cái đời Kiêu cho Kim Trọng nghe.

Ông Hoài Thanh kể hai câu:

*Hại một người, cứu muôn người.*

*Biết đường khinh trọng, biết lời phải chăng,*

Và cho câu đó là chướng, Nguyễn Du để trong miệng một nhà sư, không được. Có lẽ không được, vì má y chữ "*Hại một người*". Chúng ta đã biết rằng *Đoạn trường tân thanh* đầy rẫy triết lý nhà Phật, những người tu hành đạo Phật tất được cảm tình của Nguyễn Du" nhưng xét một chữ *hại* của Nguyễn Du thực không có hại gì đến cái triết lý nhà Phật trong *Đoạn trường tân thanh*. Tam Hợp, từ trước đến sau, không hề được chứng kiến lúc Từ Hải bị chết và cũng không hề biết sự Kiêu mắc mưu Hồ Tôn Hiến ra thế nào.

Tam Hợp bất quá chỉ là nghe người ta nói chuyện lại mà thôi, mà ai còn lại gì cái sự nói đi nói lại dễ làm cho câu chuyện sai lạc lắm. Và chẳng, cái oan khiên của Kiêu chép vào sử xanh, hơn một trăm năm sau, còn có người đọc xong rồi suy nghĩ cẩn thận mà còn không hiểu thay, còn có người lầm mà kết tội nàng thay, huống chi là người ở ngay trong thời ấy, có lẽ không bao giờ suy nghĩ về việc ấy cả, vì người ấy đi tu không giới ý đến những việc trong cõi tục.

*Hại một người, cứu muôn người*



Lúc nói câu này, sư Tam Hợp có lẽ chỉ trông thấy cái chết của Từ Hải chứ không suy xét xem Từ Hải vì sao mà chết. Sư chỉ biết rằng Từ Hải bị hại, thế thôi. Mà bị hại, như thế đã, đành là đáng thương, nhưng biết làm thế nào? Một bên là một người chết, một bên là muôn người chết, (*Đông xương vô định đã cao bằng đầu*) người ta, dù là nhà sư, cũng phải thiên về một bên, mà thiên về bên nào, ta đã biết. Nếu Từ Hải mà còn sống thì quan quân của Triều đình còn phải đánh nhau, mà đã có đánh nhau thì còn nhiều người chết nữa. Ấu là ta đành chịu chết một người mà cứu lấy trăm vạn sinh linh, để mà cứu nước. Cái lòng thương người như thế, thiệt tướng cũng chẳng có gì là chật hẹp.

Đó là ý kiến của sư Tam Hợp, chứ tôi không nói rằng đó là ý kiến của Kiêu. Ông Hoài Thanh, nếu rộng rãi hơn một chút, sẽ không cho cho câu nói của sư Tam Hợp là chướng mà chỉ nên cho đó là ý kiến riêng của một người ngoài cuộc xét một việc hơi rắc rối. Để như ông Tản Đà lại chêm thêm một câu lúc Kiêu đâm đầu xuống sông Tiền Đường thì làm lắm.

*Rằng: Từ công hậu đãi ta*

*Chút vì việc nước mà ra phụ lòng.*

Ông Tản Đà chua rằng: "Bốn chữ này cũng như chữ "công ít" ở câu "nghĩ mình công ít tội nhiều". Bỏ ý của Thuý Kiều khuyên Từ Hải ra hàng không phải là "vì việc nước". Chỗ đó chẳng là tác giả "vẽ rắn thêm chân" mà đã làm cho người trong truyện mang thêm tội lỗi trong ân nghĩa vợ chồng ru?"

Bỏ ý của Thuý Kiều khuyên Từ Hải ra hàng không phải là vì việc nước? Tôi thì thấy chính là việc nước. Kiêu đã nghĩ như nhà sư Tam Hợp vậy. Từ Hải mà còn làm giặc thì chiến tranh còn

kéo dài, mà còn nhiê`u người chề`t, mà nước thì không yên được. Khuyên Từ Hải ra hàng, Kiê`u có ý muố`n 1) làm Hải thành một người lương thiện; 2) cho Hải được tiế`ng là người trung, biế`t phục lễ trời và phép nước (*Bình thành công đức bắ`y lâu. Ai ai cũng đội trên đầ`u biế`t bao*); 3) cho hế`t chiế`n tranh đi (*Ngẫm từ gây việc binh đao. Đố`ng xương vô định đã cao bắ`ng đầ`u*); 4) cho vợ chồ`ng được hưởng lộc trọng quyê`n cao, để lắ`y tiế`ng tô`t cho vua (*Sao bắ`ng lộc trọng quyê`n cao. Công danh ai dứt lô`i nào cho qua?*). Có bốn cái ý định á`y để khuyên Từ Hải ra hàng mà bảo là bốn ý Kiê`u không phải vì việc nước thì thế` nào mới là vì việc nước?

Nói rút lại một câu. Kiê`u không đáng nhận những lời nói nặng của ông Tản Đà rồ`i đề`n ông Hoài Thanh, mà Nguyễn Du, ở đoạn Hồ` Tôn Hiế`n,<sup>2</sup> ở đoạn Kiê`u tự trầ`m, ở đoạn sư Tam Hợp, không *chương* như người ta đã tưởng.

Theo như tôi thắ`y, Nguyễn Du có cái ý định lắ`y Kiê`u và Từ Hải làm hai người lý tưởng. Kiê`u thì hiế`u nghĩa, trung trinh và hiểu chữ quân thắ`n một cách có lý chứ không sợ những đại biểu của triề`u đình một cách mù mắ`t; còn Từ Hải thì anh hùng, can đảm. Chính Nguyễn Du đã o bế` Từ Hải vậy. Tôi không dám chắ`c, nhưng đoán rắ`ng Nguyễn Du làm cho Từ Hải khác người như thế` chỉ là vì Nguyễn Du muố`n có ý khôi phục nhà Lê mà xét ra muố`n khôi phục như thế`, phải một người trí dũng biế`t lên lui mới được.

Nguyễn Du phải chắ`ng là cô Kiê`u? Kim Trọng phải chắ`ng là nhà Lê?

Muố`n khôi phục nhà Lê, người ta không thể` trông ở một thư sinh túi đàn cặp sách, nhưng câ`n phải có một vị anh hùng xuấ`t chúng như Từ Hải.

**VỮ BẮ`NG**

*Trung Bắc chủ nhật*, Hà Nội, số 160 (6.6.1943); số 161  
(13.6.1943)

# Một nhân vật thời chiến quốc: Kinh Kha

Ít lâu nay, nhiều văn gia, kịch sĩ nước ta quay lại cổ học Á Đông, thường mượn những nhân vật trong lịch sử để làm tiểu thuyết và kịch bản. Trong số nhân vật đó, người ta thấy kể nhiều đến Kinh Kha. Tại sao? Có lẽ không ai biết.

Xét về dũng sĩ, trí sĩ và kiêu khách cùng thời với Kinh Kha thì nhiều: Chuyên Chư, vì cái ơn Công tử Quang, đi sang tận Thái Hồ học nghề nung cá về để lấy cơ mà vào hành thích Vương Liễu; Yêu Ly, vì tình Hạp Lư một tay cầm giáo đâm suốt vào bụng Khánh Kỵ; Dự Nhượng ba lần tự đâm đóa thân mình để sau xin đánh vào cái áo của Triệu Tương Tử trả thù cho chủ cũ là Trí Bá; Nhiếp Chính đâm chết Hiệp Luỹ rồi tự bầm mặt mình ra để báo thù cho Nghiêm Toại.

Kể về trí, Kinh Kha không bằng Chuyên Chư. Chư, tuy cảm cái ơn của Công tử Quang nhưng vẫn chưa dám đi giết Vương Liễu ngay, bởi vì còn mẹ; đến khi mẹ chết cũng không đi giết Vương Liễu ngay, bởi vì chưa học được nghề nấu cá. "Muốn làm việc gì cũng tất phải nghĩ cho kỹ mới vạn toàn được". Kể về mưu, Kinh Kha không bằng Yêu Ly bởi vì Yêu Ly chỉ dùng mấy lời nói mà giết được dũng sĩ Tiêu Khâu Tô, sau lại vào được phủ Khánh Kỵ mà đâm Khánh Kỵ. "Giết được người ta, cốt ở trí khôn, không ở sức khỏe. Tôi được đến gần Khánh Kỵ thì lấy mưu giết hấn như cắt tiết con gà mà thôi".

Kể về dũng, nhất định Kinh Kha không thể hơn Nhiếp Chính. Nhiếp Chính một mình sẵn thẳng vào dinh Hiệp Luỹ, gián sĩ đều bị gạt bỏ cả đi. Chính vào thẳng đến công đường, rút con dao nhọn để đâm Hiệp Luỹ. Hiệp Luỹ sợ chạy. Chạy chưa khỏi chỗ ngõ thì bị

lưỡi dao đâm trúng vào bụng mà chết. Trong phủ náo động cả lên, đèn kêu có giặc rồi đóng cửa phủ lại để bắt Nhiếp Chính. Nhiếp Chính đánh chết mấy người nữa rồi liệu biết mình không thể ra thoát được, – khác hẳn Kinh Kha, – lại sợ người ta biết mình là ai, mới vội vàng đâm nát mặt ra và khoét bỏ hai con mắt, sau lại đâm cổ mà chết. Xem thế, về trí, về mưu cũng như về dũng, Kinh Kha không phải là một người xuất sắc nhất đời. Vậy mà người đời sau nhắc đến Kinh Kha nhiều. Vì đâu? Vậy nhân có nhiều người, mấy ngày rày, nhắc đến Kinh Kha luôn luôn, ta thử xem Kha là dũng sĩ như thế nào, có xứng đáng với cái tên dũng sĩ không và cái gì đã làm cho Kinh Kha được người ta nói đến hơn Yêu Ly, Chuyên Chư, Dự Nhượng và Nhiếp Chính.

Sự thật, Kinh Kha không phải là người nước Yên. Kha là dòng dõi quan đại phu nước Tề tên là Khánh Phong. Khánh Phong chạy sang nước Ngô, ở đất Chu Phương. Sở đánh giết Khánh Phong. Họ hàng lại chạy sang Vệ, đem kiếm thuật bảo vệ Nguyên quân. Nguyên quân không dùng, Kha bỏ sang Yên, đổi họ Kinh.

Trước sau, sách không hề chép rằng Kinh Kha có ý muốn trả thù cho tổ phụ. Chỉ hay nói rằng tính Kha ham rượu; yêu mến một người Yên là Cao Tiệm Ly. Rượu say, Tiệm Ly khéo đánh cái trúc, Kinh Kha theo dip hát theo, hát xong chảy nước mắt khóc rồi lại than thở, cho là thiên hạ không ai biết mình. Thế thôi. Cái lòng yêu nước và chí phục thù nước cũ của Kha chưa chắc đã bằng Ngũ Viên vậy. Nếu không có Điền Quang giới thiệu với thái tử Đan, người ta tự hỏi Kinh Kha sẽ làm những gì hay là cứ uống rượu và khóc vì không ai biết mình. Kinh Kha không biết tạo thời thế và có một quan niệm rất sai lầm về đời.

Việc Kinh Kha nghe lời Điền Quang đi về giúp Yên không có gì là lạ. Chưa chắc Kha giúp Yên vì yêu nước Yên đâu, nhưng vì Điền Quang; bởi Điền Quang có nói rằng: Vì Kinh Kha nghèo, tôi vẫn

phải cho ăn uống, chắ c phải nghe lời tôi mà đế n ngay. Nế u Kinh Kha chỉ vì thê mà theo Điề n Quang về với thái tử Đan thật, tướng cũng không phải là một điề u vinh dự lắ m. Nhớ lại Chuyên Chư, cái vũ dũng còn cao biế t bao nhiêu! Công tử Quang cũng chu câ p cho Chuyên Chư, Chuyên Chư từ chồ i, mãi mới nhận. Nhưng lúc Quang muồ n nhờ việc, Chuyên Chư còn nghĩ mãi và hỏi vặ n Quang để xem công việc mình sẽ làm có phải hay không. Nế u không phải, chưa chắ c đã làm. Kinh Kha không thê . Kinh Kha nhận lời giúp Yên vì ghét Tầ n cũng có, nhưng một phầ n chính muồ n giúp Điề n Quang vậy. Thê là trước vì chịu ơn Điề n Quang, sau vì chịu ơn thái tử Đan mà Kinh Kha nhận lời hành thích vua Tầ n; sau mới đế n việc trả thù cho nước Yên vì ghét bạo Tầ n.

Nguyên hô i đó, thái tử Đan nước Yên làm con tin ở Tầ n. Thầ y quân Tầ n đại cử đánh Triệu, biế t hoạ tắ t lây đế n nước, ngầ m sai người đưa thư cho vua Yên bảo nên phòng bị việc chiế n thủ. Lại bảo vua Yên nói dồ i có bệnh, sai người sang đón; sứ giả đế n Tầ n, vua Tầ n nói: "Vua Yên không chề t, thái tử chưa có thể về đượ c. Muồ n cho thái tử về , trừ phi bao giờ đầ u quạ trắ ng, ngựa mọc sừng mới đượ c". Thái tử Đan ngựa mặt lên trời kêu to. Một luồ ng oán khí thẳng xông lên trời, đầ u quạ đầ u trắ ng. Vua Tầ n vẫn không cho về . Thái tử Đan bèn đổi quầ n áo, huỷ hình dung, giả làm đầy tớ nhà người ta, đánh lừa ra khỏi Hàm Cô c quan, đang đêm trở về nước Yên. Giận vua Tầ n lắ m, bán gia tài, họp tân khách để mưu việc báo thù. Nhờ Điề n Quang giúp kế , Quang tiế n cử Kinh Kha.

Nói cho thực ra, Kinh Kha chỉ là một tân khách như hàng nghìn hàng vặ n tân khách của Mạnh Thường Quân hay Bình Nguyên Quân. Thê thôi. Người ta chưa thầ y Kinh Kha là dũng sĩ ở một cử chỉ hay giọng nói nào cả. Chỉ mãi đế n khi thái tử Đan bày tỏ công việc nhờ Kha, Kha mới nói đượ c câu hay: "Tôi hèn kém, e không làm nổi việc ấy". Đó không phải một câu nói nhún. Chính là sự thực. Người dũng

sĩ đáng lẽ "biết mình hèn kém, không làm nổi việc ấy", nên thôi là phải. Đáng này không. Thái tử Đan dập đầu cô xin rằng: "Vì trọng tâm lòng có nghĩa của ngài, Đan này xin uỷ sinh mệnh vào ngài đó, xin chớ chối từ". Kinh Kha lại hai ba lần từ chối rồi mới nhận lời. Như vậy Kha có một cái hơn người là *tự tri*, nhưng ta không thể không trách Kha là một người mê m mê u quá, đi làm việc lớn, biết là mình không làm được việc lớn mà cứ làm, chỉ vì nể một người anh em. Người dũng sĩ không bao giờ xử việc đời như thế. Muốn làm việc gì cũng tất phải nghĩ cho vẹn toàn mới được. Cái chết sau này của Kha không có một ý nghĩa cao bằng cái chết của Nhiếp Chính và Yêu Ly có lẽ vì thế chẳng? Ngày nay ta có thể ví cái chết đó với cái chết của của người không biết bơi, thấy bạn sắp chết đuối kêu cứu, cứ nhảy bừa xuống nước. Bảo rằng biết đâu sự may rủi không xui cho người không biết bơi cứu được bạn là nói lẽ u. Sự tất nhiên phải thấy là hai người sẽ ôm nhau mà chết. Nể bạn như thế là rõ dại, cứu bạn như thế là điên cuồng. Kẻ trí không bao giờ làm như thế. Cái chết đó là cái chết buồn cười mà vô ích. Kẻ cứu bạn đó lại còn đáng bị khiển trách nữa, vì không biết tự tri, lại đi huỷ thân mình đi cho đấng tội với cha mẹ đã sinh ra mình! Cái dũng đã không được, cái trí đã không có, lại mất cả cái hiểu nữa, lại mất cả cái nhân nữa (vì Kinh Kha mà Điện Quang, Ô Kỳ chết, Tần Vũ Dương mất xác nước người), thế thì còn gọi là dũng sĩ sao được nữa?

Thực ra Kinh Kha không đến nỗi như người không biết bơi nhảy xuống nước cứu bạn chết đuối nói trên kia. Không, Kha cũng là một kẻ sĩ biết tiên lui phải lúc, không nhanh quá không chậm quá. Kha bảo thái tử Đan rằng: Tôi có một người bạn quen là Cáp Nhiếp chưa đến, muốn đợi bạn tôi giúp sức mới có hy vọng thành việc được. Kha nói thế, tại sao Kha lại không cố đợi? Ấy chỉ bởi vì cái hoạ Tần đến mau quá, vua Tần đã sai đại tướng Vương Tiễn đi lặn đã t đã sang đến nước Yên, sắp qua sông Dịch Thủy. Thế là

Kinh Kha phải liêu đi, không đợi Cáp Nhiếp nữa, nhắm mắt mà đi, mà trong bụng thì gằn như tuyết vọng. Đi như thế, ấy chỉ là vì Kinh Kha cảm cái tình tri ngộ của thái tử Đan. Nguyên từ khi được Kha, Đan đãi Kha như Điền Quang vậy. Ngày đêm thờ phụng, kính cẩn tôn lên làm thượng khanh. Xây một cái quán để Kinh Kha ở. Thái tử Đan ngày đêm đến thăm, cung phụng ăn uống rất hậu, lại hiến xe ngựa và gái đẹp tùy ý Kinh Kha sở thích. Kha một hôm cùng thái tử đi chơi ở đông cung, thấy ở dưới ao có con rùa lớn nổi lên. Kha toan nhặt viên ngói để ném rùa. Thái tử liền đưa thoi vàng để thay hòn ngói. Lại một hôm, cùng thì cưới ngựa, thái tử có con ngựa quý ngày đi nghìn dặm, Kha bỗng nói gan ngựa ăn ngon lắm. Sau, thấy nhà bếp đem món ăn đến, tức là gan con ngựa quý mà thái tử đã sai giết cho Kha ăn. Đan lại làm tiệc đãi Kha ở Hoa Dương đài, đem một mỹ nhân yêu quý của mình ra mời rượu, lại sai mỹ nhân gảy đàn làm vui. Kinh Kha thấy hai tay mỹ nhân trắng muốt như ngọc, khen rằng: "Hai tay đẹp quá!" Tiệc tan, Đan sai nội thị đem cái ngọc bàn đựng đồ vật biếu Kinh Kha. Kha mở xem thì là cái tay của mỹ nhân mà thái tử đã chặt ra để tỏ cho Kha biết là mình không còn tiếc gì!

Kha ra đi hành thích vua Tần, không đợi Cáp Nhiếp; đi hành thích vua Tần mà biết trước là có đi không về; đi hành thích vua Tần chỉ mang theo có một con dao nhọn vào cái nước Tần nguy hiểm, chung quy chỉ vì nể thái tử Đan, vì cảm cái nghĩa khí và tâm lòng đãi khách của thái tử vậy. "Thái tử đãi Kha này hậu đến thế kia ư?" Xét ra thái tử Đan thờ phụng kính cẩn Kinh Kha chưa chắc vì đã được thấy cái vũ dũng và trí lược của Kha, nhưng chính là vì thấy Kha có thể làm việc cho mình. Cái lòng trọng khách đó có lẽ so với Mạnh Thường Quân và Bình Nguyên Quân còn kém xa, nhưng tâm lòng "vị tri kỷ" của Kinh Kha, than ôi, quả đã to tát quá, nên thơ quá và cũng ai oán quá! "Ồ đời, được một kẻ tri kỷ, chết cũng sướng đời". Ta không nhận cái chết của Kha là hoàn toàn hay, nhưng chịu rằng tất cả cái uy dũng, cái khảng khái của Kha đều gói cả vào trong câu



nói này lúc Kha bước ra đi. "Nay mang một con dao nhọn, đi vào cái nước Tầ n rấ t nguy hiểm là chỉ có đi mà không về . Tôi sở dĩ chậm đi là muố n đợi bạn tôi để làm cho chấ c chấ n. Thái tử đã không đợi được thì tôi xin đi". Ta trọng Kinh Kha về chỗ đó. Biế t là nguy hiểm mà cứ đi, đi mà biế t sẽ không về , cái nghĩa ở với bạn như thế thật là quý báu. Chỉ tiế c rằ ng cái chề t đó hơi phí quá, và không hẳn đã phải là cái chề t của dũng sĩ. Trên sông Dịch Thủy, Tiệm Ly đánh cái trúc, Kinh Kha uố ng rượu và hát rằ ng:

*Gió hiu hắ t nước lạnh tê;*

*Phen này dũng sĩ đã đi không về .*

Kinh Kha ngửa mặt lên trời, thở đánh phì một tiế ng. Hơi xông thẳng lên trời, hoá thành một cái câ u vô ã ng trắ ng, ai nắ y đề u lắ y làm lạ. Kinh Kha câ t tiế ng hát:

*Hang hùm quyế t chí xông pha,*

*Một luô ã ng hơi thở hóa ra câ u vô ã ng*

Bao nhiêu tân khách và các người đi theo tiễn trên sông Dịch Thủy ôm mặt khóc Kha, vì cảm cái nghĩa của Kha dám sang hành thích vua Tầ n? Hay vì tại họ thắ y cái chề t của Kha phí quá, "giá mà đợi Cáp Nhiế p thì có khi thành việc"?

Tắ t cả cái hay cái đẹp của Kinh Kha là ở đó và chỉ ở đó mà thôi. Việc hành thích vua Tầ n thành hay bại, không quan hệ. Vậy ta có thể kế t luận: Kinh Kha đi sang Tầ n vì yêu nước Yên, vì ghét Tầ n Doanh Chính một phầ n nhỏ, mà phầ n lớn là vì cảm cái nghĩa cái tình của Điề n Quang và thái tử Đan.

Có người bảo Kha qua Dịch Thủy sang Tầ n là vì cảm thái tử Đan đã hy sinh tiế n của, – người â y đã gán vào linh hồ ã n của Kinh Kha

một cái xâu mà chính Kinh Kha không có. Có người lại cho rằng chính Kinh Kha đã thúc thái tử Đan làm việc mau lên. "Tâu thái tử, việc gấp lắm, chờ đợi tìm người thì không tiện, thôi cũng được". Kinh Kha sợ dĩ còn được là dũng sĩ chỉ là vì biết việc cần phải đề chậm, không thể làm mau được. Bất Kinh Kha giục thái tử Đan như thế tức là làm mất cái phần trí của Kha, tức là đánh mất cái lẽ lên lui của Kha vậy.

Còn nữa. Có người lại cho rằng Kha thấy lính Tần ức hiếp con gái Yên thì nổi nóng, ba lần toan rút gươm khỏi vỏ để giết. Nóng nảy như thế, phải đâu là dũng sĩ? Kinh Kha hơn Hạ Phù là người máu hăng, giận thì mặt đỏ, hơn Tô Ng Ý là người mạch hăng, giận thì mặt xanh, hơn Tần Vũ Dương là người cốt hăng, giận thì mặt trắng. Tức giận mà hình ra mặt để cho người ta biết thì làm sao nên việc được? Người ta cứ tưởng phàm người vũ dũng thì làm âm lên, chém thót, nói to, rút gươm ra âm âm, mà cái không khí ở chung quanh người ấy thì loạn xạ lên. Không. Người vũ dũng không nói to, không hò hét mà cũng không nói lời kiêu ngạo. Tự câu nói của người vũ dũng tiết ra hùng khí chứ không phải cố tìm ra hùng khí. Kinh Kha là dũng sĩ. Cái hùng khí của Kha tiết ra rõ nhất, không phải ở việc sang Tần rút kiếm ra đâm Tần Thủy Hoàng mà chính là ở chỗ Kha *dám* làm, Kha *đã* làm. Bởi vậy, việc hành thích ở cung Hàm Dương không đáng kể.

Cho người ta thấy Kinh Kha, chỉ cần từ chỗ Kha đi theo Điền Quang về với thái tử Đan, cầm vàng ném rùa, nhận tay mỹ nhân rồi đến chỗ tân khách mặc quần áo trắng tiễn Kha trên sông Dịch Thủy. Nhà làm tiểu thuyết có thể viết thêm cho vui chuyện. Nhưng nhà làm kịch Kinh Kha gặp một điều khó: nếu không thuật chỗ hành thích thì bỏ phí nhiều sự hoạt động, mà viết ra, chính đã không làm bật được lên cái tinh thần đặc biệt của người tráng sĩ trên sông Dịch.

Soạn kịch Kinh Kha đã khó thế, diễn kịch Kinh Kha, xem vậy, lại càng khó biết bao nhiêu. Nếu có ai không lột được tinh thần Kinh Kha, không làm được cho Kinh Kha nổi không phải là điều lạ vậy. Việc đó không phải bất cứ ai cũng làm được đâu; không phải vì cứ thấy chuyện Kinh Kha hay vì có máu, nước mắt, và gió, là đem lên sân khấu mà thành công đâu.

**VŨ BÃNG**

*Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, số 178 (10.10.1943)*

北闕休上書	Xuân già
南山歸敝廬	<i>Bắc khuyết hưu thượng thư</i>
不才明主棄	<i>Nam sơn quy tậ lư</i>
多病故人疏	<i>Bất tài minh chủ khí</i>
白髮催年老	<i>Đa bệnh cố nhân sơ</i>
青楊逼歲除	<i>Bạch phát thôi niên lão</i>
永懷愁不寐	<i>Thanh dương bức tuế trừ</i>
松月夜窗虛	<i>Vĩnh hoài sầu bất my</i>
	<i>Tùng nguyệt dạ song hư.</i>

Mạnh Hạo Nhiên bốn mươi tuổi vào Trường An thi tiến sĩ, vì thất ý vua Huyền Tôn phải đuổi về. Cảm khái gieo mấy vần thơ này, ý nói: Thi đã hỏng thì thôi, chớ nên đề thơ lên Bắc khuyết nữa. Về cái nhà tôi của mình ở núi Chung Nam mà ở. Vua sáng bao giờ cũng vẫn cần người tài, chỉ vì mình bất tài nên vua không dùng đó thôi! Người cũ vẫn yêu thương, chỉ vì mình đau ốm luôn nên họ thưa vắng thăm đó thôi! Tóc bạc đưa cái già đến; ngày xuân lại giục cái năm cũ hết đi. Bâng khuâng quá, năm không sao mà ngủ được. Trong lúc đó thì cửa sổ bỏ ngõ, vầng trăng ở trên cây thông chiếu vào buồng, kết bạn với mình.

Mấy câu thơ trên tả cái buồn của người già lúc năm tàn tháng lụn, cho ta thấy hết cái trơ trẽn của làn tóc bạc trước cảnh tam dương khai thái.

Ngoài kia, cây thông xanh mà trắng thì đẹp, mùa xuân đến như một khúc nhạc véo von. Mà trong này thì mình đã hết thời quách mà t ròi, lại bệnh tật. Nhưng thật ra thì người già có vô dụng không? Mà thợ trời có hẳn là khe khắ t với làn tóc bạc, không cho người già hưởng một tí gì sự đầ m á m và vẻ tươi đẹp của mùa xuân không?

Không. Vua sáng bao giờ cũng ưu đãi kẻ hữu tài; bè bạn bao giờ cũng vẫn trung hậu, thì hoá công kia bao giờ lại yêu ai mà ghét bỏ ai. Cái kho vô tận của mùa xuân đầ y, ai cũng có thể thu vào mà hưởng được, cũng như hạnh phúc, đâu phải là của mua mà có nhưng chính là phầ n thưởng cho ai gây được nó. Cái khó ở đời là ở chỗ biế t nhận lấ y biế t thu vào, biế t tìm hưởng vậy.

Ý tưởng trên đây đã đế n với tôi một đêm gió xuân đẩy cành mai, ngò i trong tậ lư nghĩ một bài văn tắ t cho tờ báo mình làm. Ồ, từ trước đế n nay, nói về xuân, về tắ t, làm sao người ta lại gác hẳn người già ra bên ngoài, chỉ nói ròng đế n thiế u niên khách và thiế u niên hôn? Làm như thế những người già là những người bỏ đi ròi, ai nói đế n họ thì làm giảm má t cả cái vẻ đẹp của mùa xuân đi vậy!

Sự thực, không thế. Ở dưới bóng mặt trời, người nào cũng có một cái đẹp riêng và hàm những vẻ nên thơ riêng. Nhưng hiểu biế t được hết cả cái đẹp của mùa xuân và những sự biế n chuyển vô cùng của trời đầ t, hình như không phải là thiế u niên khách và thiế u niên hôn thì phải. Không, chỉ có tuổi già mới hiểu biế t sự nghiêm trọng của sự đổi thay của tạo vật, tuổi già mới biế t nhận và do đó mới biế t tận hưởng hạnh phúc của trời cho. Đố i với họ, ván cờ đã chơi ròi, cái chắ t gầ n kê đầ y, sự khổ sở vắ t và không làm cho họ sồn lòng nữa. Những thú vui đã trải cả ròi, bây giờ họ tận hưởng những cái thú vui gì mà trời còn để lại cho, vậy nên mỗi khi xuân đế n, nhìn một mảnh trăng, hay ngắ m một bông hoa nở, nghe con chim hót, họ có thể còn sảng hơn những người thanh niên reo hò à m ĩ để chúc mùa xuân vạn tuế.

Tuổi già vốn trầm. Có lẽ một phần vì thế nên người già bao giờ cũng được kính trọng, trừ những dân tộc lạc hậu ra thì không kể.

Người ta thuật chuyện rằng ở về những vùng biển, miền Nam Á Đông, mỗi khi mùa xuân đến, người ta giết người già đi để đãi cho những người trẻ ở mà vui đời. Cho nên một khách du, bữa kia đến Phi châu, gặp một ông già đã nghe thấy ông nói rằng:

– Thưa tôn ông sinh phúc cho tôi một ít thuốc nhuộm tóc. Nếu "chúng nó" trông thấy tóc tôi đã bạc thì chúng sẽ giết tôi.

Có danh sĩ lại thuật rằng một mùa xuân kia ông đến chơi một miền hoang vu ở miền Nam. Ở đó, người ta có tục hễ trong nhà có ông già bà cả, thì bắt treo lên một cây dừa rồi con cháu đứng ở dưới rung cây. Nếu các ông già bà cả mà còn bám được vào cây không ngã, họ còn quyên số ng; nhưng nếu họ rơi xuống đất thì lòng trời đã định đoạt rồi, con cháu họ sẽ trói ghì cánh khuấy những ông cụ bà cụ ấy lại đem ra chém. Lại có nơi còn có cái tục rất kỳ khôi nữa: ông giám quốc, cuối một năm, bắt bao nhiêu vị tổng trưởng của mình nhảy qua vòng lửa để xem gân cốt của các vị tổng trưởng có còn dẻo giang không; nếu còn dẻo, thì dùng; mà nếu gân cốt đã suy nhược, không dùng được nữa thì phế bỏ.

Những cách đố i đãi với người già vừa kể trên kia mới nghe thì tàn nhẫn, nhưng không phải là những chuyện lạ lùng quá sức tưởng tượng đâu. Chính trong các sách vở mà ta học ở trường đã từng cho ta biết rằng giống thú vật cũng đã từng xử với những con già như thế: con Akela trong "Sách rừng" được kính trọng là thế mà đến khi không vô được con hươu non nữa, chẳng bị những con vật trẻ xông vào giết đó ru?

Những người mọi rợ đố i với người già cũng như thú vật vậy.

Người văn minh thì khác. Càng những nước lớn, người ta càng thấy người già làm việc nhiều. Clémenceau và Gladstone đến tám mươi tuổi mới làm giám quốc; Fabius đã cứu thành Rome cũng là một ông già; trận chiến tranh 1914 giữa Đức và Pháp, hai bên đều là những tướng tá già chỉ huy; Agammemnon không cần có mười người giúp việc trẻ như Ajax nhưng cần có một ông bạn già như Nestor. Há chẳng phải Cicéron đã nói rằng: "Những việc lớn ở đời sở dĩ mà thành tựu được không phải do sức khoẻ và sự nhanh nhẹn, nhưng chính là vì lời khuyên răn, quyết tâm hành và sự chín chắn khôn ngoan mà tuổi già rất phong phú đó ru!"

Phương Đông ta, những thí dụ về tuổi già đã c dụng, kể rất nhiều. Ta thường thấy họ dự vào việc phụ chính, việc điều dân quốc dân, bởi vì trong một xã hội đã lâu không thay đổi thì sự kinh nghiệm là một thứ rất quý. Người Anh-cát-lợi, cũng vậy, bao giờ cũng nghĩ đến các bậc tiên bối: họ cai trị bằng thói tục và sự niên cao tuổi tác thường bảo đảm cho đức hạnh. Nhất là nước Tàu từ xưa đến nay bao giờ cũng kính trọng những người già cả. Sách há chẳng chép rằng người Tàu không muốn trông thấy một con ngựa già lông rụng phải chờ hành lý nặng quá đi ngoài đường? Đạo làm người, trọng nhất là *trung* và *hiếu*. Con phải hiếu với bố mẹ, cha mẹ còn thì không được đi đâu xa. Bất hiếu là những kẻ nào lúc cha mẹ già cả năm xuống mà không có mặt để hầu cận. Từ gia đình đến xã hội, mỗi khi có cuộc hội họp, chỉ người già mới được lên tiếng; con cái phải nuôi dưỡng bố mẹ, để cho bố mẹ giận thì khóc mà hối hận.

Sách *Nhị thập tứ hiếu* chẳng có những lời khuyên tha thiết phải phụng dưỡng cha mẹ già yếu đầy ư?

"Mùa hè, phải quạt cho cha mẹ mát, đuổi ruồi và đánh muỗi. Mùa đông, phận làm con phải chăm nom săn sóc giường màn cho bố

mẹ, lò than được hơ`ng luôn; phải xem kẽ liế`p mạch dùng cho cha mẹ lúc nào cũng vui sướng và yên ổn".

Nước ta, không đé`n nỗi mọi rợ, nên mỗi một mùa xuân, không đem gié`t người già đi như những dân tộc ở vùng bẻ miê`n Nam. Nhưng biế`t kính trọng người già thì thực quả cũng không bắ`ng được dân Tàu và những nước văn minh miê`n Tây Âu vậy.

Mỗi khi xuân đé`n, ta chỉ nghĩ đé`n bọn trẻ thôi, không bao giờ nói đé`n người già, cho người già là những cái máy cũ, hỏng rồ`i và do đó suy ra rắ`ng: mùa xuân là mùa của ái tình; ái tình chỉ thanh niên mới có: vậy nói đé`n mùa xuân mà lại nói đé`n người già thì mâu thuẫn và trào phúng quá.

Sự thực, trời có bao giờ cá`m những người già yế`u thương yêu không? Có phải thật mùa xuân, mùa ái tình, thì người già không nên hưởng không? Không. Một cặp vợ chồ`ng già yêu nhau cùng vui hưởng cảnh xuân không có gì là buồ`n cười cả. Họ chỉ hiểu nhau hơn, yêu nhau thành thực hơn và họ tiế`p tục cái yêu mà họ đã yêu thời trẻ. Sự triu mê`n, sự thương cảm, sự luyế`n ái không bao giờ có tuổi. Hơn thế` nữa, nhiề`u khi những mớ`i tình trải qua một thời sóng gió không được hoàn toàn khoảng ngày xanh, về` già thường đượm vẻ trong sạch hơn, nghiêm trang mà dịu ngọt hơn. Lòng già lạnh đi rồ`i, những sự lâ`m nhau về` xác thịt cũng trôi theo; lòng ghen ché`t đi với tuổi xanh; sự cuồ`ng mạnh cũng bớt đi cùng sức khoẻ. Với hai cái thiế`u thời sóng gió còn sót lại, người ta có thể tạo nên hai cái già đáng yêu. Đòi số`ng ái tình của một cặp vợ chồ`ng già nhắ`c ta nhớ đé`n những khúc sông dài, ở chỗ phát nguyên thì mãnh liệt là thế`, diên cuồ`ng và thay đổi là thế`, mà đé`n gần bẻ thì thông thả và trong suố`t, dịu dàng và dịu hiu phản chiế`u bóng dương liễu trên bờ và ánh trăng sao trên tít từng không thăm thẳm.



Bảo rằng tuổi già không biết yêu nữa là nhầm. Mùa xuân là mùa của thanh niên đã đành, nhưng cũng là mùa của những lứa đôi móm mém nữa bởi vì những cái ái tình của người già cũng có thể cảm động và thành thực như những cái ái tình của thanh niên. Những cái tình già có sự trong sạch hoàn toàn của tình bạn, sự lo sợ thiệt tha và êm ái của tình trai gái. Victor Hugo đã từng cho ta thấy rằng ông cảm động vô cùng khi được trông thấy bà Récamier đã loà ở bên cạnh ông de Chateaubriand bán thân bất toại.

"Hàng ngày, vào hồ i ba giờ chiều, người ta cho ông Chateaubriand đến giường bà Récamier. Thật là cảm động. Người đàn bà đẹp, bây giờ không còn nhìn được nữa rồi, lấy tay sờ người đàn ông liệt bại, và hai bàn tay họ gặp nhau! Trời xét soi cho họ! Họ sắp chết đến nơi rồi mà họ vẫn còn yêu nhau".

Sự trung thành tiệt liệt coi khinh cái già. Chiều chiều, ông Disraeli lê cái thân tàn đi để gặp vợ là bà Bradford và hai ông bà nói hết cả những chuyện gần xa không biết chán. Thật thế: có những cuộc ân tình mà ta thường tưởng tượng rằng đã chết hẳn rồi, ấy thế mà tự nhiên, giữa lúc không ai ngờ nhất, lại bùng lửa lên cũng như những cái củi ai cũng tưởng đã tắt lại loè ánh sáng và reo lên trong lò.

Bài *Câu chuyện dẫn* của Nguyễn Du vẽ cho ta thấy một cái tình già rất đẹp, nên thơ hơn cả những cái tình trẻ nữa, giữa cụ và một người hồng phấn hay đàn cầm.

*Cô đầu trong tiệc hát chơi,*

*Trẻ thơ mê y áo mây ngài mặt hoa.*

Mà cụ Nguyễn không để ý đến ai hết, chỉ ngây ngất vì:

*Cuô' i tiệc có một bà già cả  
Hình gâ'y mòn đầ'u nửa hoa râu.  
Nét mày son phâ'n biê'ng chẳm  
Ai hay là chính chị  
Câ`m ngày xưa  
Hát má'y khúc thầ'm đầ'ra giọt lệ  
Tai lắ'ng nghe, dạ tẻ ngắ'n ngơ  
Cuộc vui sực nhớ ngày xưa,  
Bên hồ` tầ'ng đầ' bao giờ gặp nhau<sup>1</sup>.*

Gầ'n đây, bài thơ Tình già của ông Phan Khôi vẽ lại một cái tình giữa đôi người đầ'u bạc, thử hỏi tình của khách đầ'u xanh đã đẹp bắ'ng chưa?

*Hai mươi bô'n năm sau  
Tình cò' đầ't khách gặp nhau  
Đôi mái đầ'u đầ'u bạc...  
Liê'c đầ'ra nhau đi rô'i, Con mắ't còn có' đầ'ôi!*

Nói cho cùng thì một cuộc ân tình có phải chỉ do những tình cảm của trai gái tạo ra đâu! Cái tình của người già về` mùa xuân lại còn phong phú hơn cả của những người trẻ tuổi nữa. Nhân tiế't xuân đầ'm á'm, cả nhà sum họp, người già còn thắ'y nở ra ở trong lòng một cái tình thom đẹp hơn: á'y là cái tình thương yêu con cháu, mà

cái tình đó đủ để làm kín cuộc đời thừa của họ. Còn gì sung sướng hơn là ngày xuân ngày tết, trong khói thơm của trâm, dưới ánh sáng lay động của đèn nến, người cha già được thấy cậu con trai hay cô con gái đi làm ăn xa về sum họp trong mâm cỗ ngày ở dưới bóng thông huyền. Nghĩ rằng ngày trước mình cũng đã từng sống một cách hoạt động như thế, mình cũng đã từng trải con đường đời như thế rồi, còn gì húng hởi và nên thơ bằng! Ta chung hưởng cái hạnh phúc của họ, ta đau khổ cái đau khổ của họ và ta hoà mình vào với cuộc chiến đấu của họ. Ngày trước ta đã chơi cuộc chơi đó rồi, bây giờ ta không thể nào đứng ở ngoài vòng được. Thấy chúng sung sướng với nhau, vui vẻ với nhau, ta hởi nào cũng thấy lòng ta sung sướng và vui vẻ lây vì chúng?

Sau khi xem thấy ở rạp xiếc những trò vui lạ thích mắt, cái sướng của người ta chẳng phải là dắt con cháu cho chúng đi xem làm thú nhốt đó chẳng? Sau khi đã ngâm ngợi những vần thơ hay và làm bạn với những danh bút, hạnh phúc của người ta chẳng phải là thấy con cháu cũng ham mê, khi đọc những quyển sách, bài thơ mà ta chọn cho chúng đó chẳng? Và một khi tiền bạc đã hết làm cho ta say sưa bởi vì tuổi già làm cho ta không còn có thể có bất cứ sự sôi nổi gì nữa, thú vui của ta chẳng phải là thấy mắt chúng sáng ngời ở trước của cái đó chẳng?

Một sợi dây thiêng liêng và bền kết chặt cha mẹ với con, nhốt là ông bà với cháu bé. Cả một đời đã bận rộn lo nghĩ nhiều rồi, người già cả bây giờ dùng thời giờ để nghỉ ngơi và nghĩ đến sự nhẹ nhàng với tất cả thi vị của buổi thiêu thời. Chơi với cháu, bày đình bày chùa, rồi kể chuyện cổ tích cho cháu nghe. Ông không thể chạy nhưng nhặng cùng cháu thì vẫn có thể ngả nghiêng đùa ở ngoài sân; vuốt râu pha trò; và giả vờ ngã xiêu ngã vẹo ở bên một đứa cháu mới tập đi. Những bước đi đầu tiên và những bước đi cuối cùng cũng đều một nhịp như nhau. Những bước đi đầu tiên và những bước đi

cuối cùng có một giới hạn chung trong một cái vòng tròn chung. Một bên bước vào đời, một bên sắp từ già đời: hai cái sướng đều cùng chung vậy. Bởi vậy, ông già nước ta đến bảy tám mươi vẫn vui đời. Cụ Tam nguyên Yên Đỗ năm bảy mươi tư còn hào hứng ngâm rằng:

*Lúc hứng đánh thêm ba chén rượu*

*Khi buồn ngâm lão mấy vần thơ*

*Cũng muốn sống thêm trăm tuổi nữa*

*Cuộc đời say tỉnh tôi cùng bác*

*Cõi thọ ngắn ngang bác với tôi*

Gần đây ông Nguyễn Hữu Chu, tục kêu là Đô Liên, cũng ngâm nên câu hay lắm:

*Già không đời tạt cũng là tiên*

Nếu có các cụ già Á Đông lúc già thường thả một con thuyền đi tìm nơi nước trí non tiên để di dưỡng tính tình thì cái số người già mắt đã loà chân đã chậm mà hãy còn đem thân ra giúp nước phò vua cũng không phải ít. Ta đã từng thấy các cụ mỗi khi gân chùng mắt kém chỉ uống rượu ngâm thơ và hội họp đôi người cô nhân lại cười ha hả những cái thiên hạ khóc và khóc tâm tức những cái thiên hạ cười, song những người già mà có tâm hồn trẻ, sống vui vẻ giữa bọn thanh niên, và hoà hợp mình vào với bọn thanh niên không hiếm. Thanh niên và các ông già lúc đó họp thành những khối bạn vong niên không ai chia rẽ được, thanh niên thì nói những ước vọng của mình cho các ông già nghe mà các ông già thì đem những sự kinh nghiệm của cả một đời mình ra kể lại cho thanh niên học.

Ở xã hội ta hiện nay những cái tình bạn như thế lại còn nhiều điều lợi hơn nữa bởi vì những người già theo Hán học mà bọn trẻ thì theo Tây học; già trẻ mà chơi với nhau, hiểu biết nhau thì hai cái học có thể dung hoà lại được mà văn minh, văn hoá của nước mình sẽ nhờ đó mà tăng tiến.

Ở xã hội Tây Âu, những người trẻ tuổi khôn ngoan không bao giờ chia rẽ già trẻ ra làm hai phái như ta vẫn thường thấy ở xã hội ta. Già trẻ thường cộng sự với nhau. Thống chế Lyautey đã bắt tuấn rồi mà bọn thanh niên không ngớt đến chung quanh ngài để phỏng vấn, để học hỏi, để ngài chỉ bảo cho những lý lẽ để tin tưởng và hy vọng. Ông hàn Maurois, hơn bốn mươi, vẫn cho mình là mới bắt đầu vào thời kỳ thanh niên nên hàng năm vẫn tìm về một ông già, cụ Gabriel Hanotaux, để hỏi chuyện dưới một góc cam cỏ thụ. Cụ Gabriel Hanotaux thường chỉ bảo cho ông Maurois nhiều điều hay lẽ phải, và tuy đã ngớt cử tuấn, cụ vẫn tỏ ra người can đảm và mạnh mẽ. Mấy lời này của cụ được ông Maurois coi làm châm ngôn:

"Ông ơi, đây là mấy tư tưởng mà ông nên đem ra nhảm mỗi khi nản chí. Tâm thường lắm nhưng bỏ ích. *"Cái gì cũng đến... Cái gì rồi cũng bị quên đi... Cái gì rồi cũng được xếp đặt đâu vào đâu... Chẳng ai hiểu gì vào gì cả. Nếu ở đời ai cũng biết người đời nói gì về người đời, chẳng ai sẽ nói với ai..."*

Đoạn, cụ lại tiếp:

"Còn nhất, là ta không bao giờ nên sợ hãi. Kẻ thù đã làm cho ông lùi, ngay lúc đó, cũng sợ ông".

Tuổi già xem vậy không phải là vô ích như người ta đã tưởng và chúng ta nên hiểu rằng ở trong tuổi già không phải là không có mùa xuân đâu. Cái xuân của tuổi già có khi còn ý vị hơn cả cái xuân của tuổi trẻ nữa.

Bên Mỹ, có một ông bác sĩ đã lập ra một cái trường để dạy các người già tìm ra cái xuân ở trong tuổi già lão của mình. Trường có bày ra nhiê`u công việc và lắ`m trò chơi để cho học trò tìm thắ`y cái thú sướng ở đời. Mỗi mùa xuân, cũng bày ra những tiệc tùng, hò hát, nhảy đầ`m, uố`ng rượu. Châm ngôn của trường là "Hắ`y số`ng một thề` kỷ" và trường á`y, trước khi xảy ra chiế`n tranh, năm 1939, có tới 909 học trò mà 300 đã móm mém, bát tuầ`n trở lên.

Chúng tôi không muố`n lắ`y thí dụ đó để mời những ông già ở nước ta cũng vui chơi ô`ạt như thề`, nhưng bản ý chỉ muố`n tỏ ra rắ`ng: Ai mà yêu số`ng thì sẽ có sức khoẻ để mà số`ng. Và cũng để chứng tỏ rắ`ng không phải chỉ có thanh niên mới đáng hưởng cái xuân, mùa xuân không phải là mùa của thanh niên mà thôi đâu.

Đó là mùa của tất cả các hạng người, của tất cả sinh vật trên mặt đấ`t, miễn là người nào cũng biế`t cách tìm mà hưởng lộc của trời cho. Riêng với người già, muố`n được hưởng cái lộc đó, người ta phải có một cái đạo số`ng. Đó là cái đạo già, cái nghệ thuật già mà ông Nguyễn Hữu Chu đã gói ghém trong bài đường luật dưới đây:

*Già không đỏi tậ`t cũng là tiên*

*Phải biế`t tu từ lúc thiế`u niên*

*Nuôi khí tiế`t linh bô`i đại địa*

*Tu tâm, luyện tính bổ tiên thiên*

*Trẻ phòng sinh đễ, già phòng chề`t*

*Ăn đượ`c điề`u hoà, ngủ đượ`c yên*

*Già chẳng trót đời thiên hạ khô`i*

*Cái gương tà`y liế`p vẫn treo bên.*

Sự thực, cái đạo già, nói như thế, chưa đủ. Muốn già cho có nghệ thuật, ta còn phải biết một điều cần hơn: đó là không nên bỏ việc luyện tập thân thể sớm quá, nhất là không nên bỏ phê những vấn đề tình cảm. Quả tim cũng như thân thể cần phải cho vận động luôn luôn. Nghĩa là phải cho nó đập luôn luôn và yêu luôn luôn.

Vậy thì hỏi các cụ, mùa xuân đến, các cụ chớ nên nói "Bọn mình già rồi, còn thiếu nỗi gì; thôi, để nhường sự vui vẻ cho bọn thanh niên". Không, các cụ nên yêu và hưởng lấy cái lộc trời, yêu nhiều, không phải yêu mãnh liệt nhưng yêu chan chứa.

Chúng tôi không dám rước các cụ hò hét như các ông học trò Bành Tổ ở bên Mỹ, mỗi khi mùa xuân đến; nhưng nên kết hợp với thanh niên mà làm việc và thưởng xuân trong phạm vi của tuổi già và chia vui với họ.

Mà thanh niên thì khá nhớ rằng mùa xuân không phải là mùa riêng của họ như các nhà văn nhà báo son trẻ đã viết lắm, hiểu lắm đâu. Mùa xuân tươi tốt làm cho lộc cây nảy nở và làm cho lòng yêu thương nảy nở. Đó là một dịp cho trẻ và già hiểu nhau hơn, yêu nhau hơn, cho trẻ tỏ cái sức mạnh của mình ra và cho già truyền lại những sự kinh nghiệm lớn và những đức cao, gương sáng.

Khi nào mà trẻ già không hiểu nhau nữa, biết cộng sự với nhau và đem cái thừa của phái này bù vào cái thiếu của phái kia, tạo được một đại khối bền chặt, ấy tức là lúc xã hội có xuân bốn mùa, xuân bất diệt.

**VŨ BẮNG**

*Trung Bắc chủ nhật, số Tết Giáp thân, Hà Nội, số 188  
(30.1.1944)*

# Nhân ngày 2 Mai là ngày giỗ Nguyễn Văn Vĩnh

## I. Dấu nhà

2 Mai 1936 – 2 Mai 1944! Tám năm! Tám năm đã qua đi trên cái ngày thảm đạm mà một bức điện tín từ Tchépone ở xứ Lào đánh về cho báo *Trung Bắc tân văn* cái tin Nguyễn Văn Vĩnh từ trăn. Cái tang chung cho các giới quốc dân. Linh cữu đưa về Hà Nội. Cuộc hội họp của các nhà báo bàn định về tang lễ. Việc túc trực bên linh cữu quàn tại hội quán Tam Điểm ở gần ga Hàng Cỏ. Hai vạn người đi đưa đám. Điếu văn. Câu đô i. Truy điệu. Còn nhớ ngày đó cái cảm tình của làng văn làng báo ba kỳ đô i với Nguyễn Văn Vĩnh thật là xôn xao, sự thương tiếc của quốc dân thật là chan chứa: già có, trẻ có, không quản đường xa trời nắng đổ thành tâm đưa Nguyễn Văn Vĩnh về nơi yên nghỉ cuối cùng. Thật là một cái tang lớn giản dị mà trọng thể ít thấy trên đất Đông Dương vậy. Năm tháng sau, người ta vẫn còn nói đến đám tang này, không những vì làng báo luận bàn nhiều, nhưng còn vì ai ai cũng thấy rằng, với cái tài hoa đó, một cái gì mạnh mẽ và quý giá vừa tắt không còn tìm đâu ra được nữa. Ấy vậy mà cái người được thương tiếc đó không phải đã xứng xuất ra những tư tưởng khả dĩ làm thay đổi cách cảm xúc và nghĩ ngợi của một thế kỷ hay của cả một dân tộc. Cái mà ông đứng làm tiêu biểu một cách rõ rệt, đó là một phương pháp; mà phương pháp đó cũng không phải ông tạo ra đâu; nhưng chính là do sự kết hợp của nhiều đức tính thượng đẳng và bác tạp; đồng thời ông lại đem khuếch trương phương pháp đó ra, làm cho nó hoàn toàn, luôn luôn có những kết quả mới mẻ; ông đem cá tính của ông hoà trộn vào phương pháp đó và truyền cho nó một thứ đẹp lạ lùng. Sự hoà hợp



thân mật và sự đem ứng dụng một phương pháp đó, – phương pháp truyền bá chữ Quốc ngữ và "mang cái tinh thần Việt Nam cho người Pháp xem, mang cái tinh thần Pháp cho người Việt Nam biết" – đã làm cho Nguyễn Văn Vĩnh có một công lao đặc biệt<sup>1</sup>. Bón phận những nhà văn nhà báo đi trước sau này là phải làm thế nào trình bày ra ánh sáng phương pháp đó, cách làm việc đó, công cuộc đó. Và người ta đã không phải đợi lâu. Tám năm qua, biết bao nhiêu người đã đem Nguyễn Văn Vĩnh ra bình luận! Có người, không hiểu cố ý hay vô tình, gác hẳn cái đời viết báo ba mươi năm của ông ra để nhát định nhận với mình rằng ông chỉ là một nhà văn và họ ngây thơ phê bình từng chữ của một trong số mấy mươi vạn bài văn ông đã viết. Có người quên hẳn cả cuộc đời chính trị sôi nổi của ông, bảo ông là "một nhà buôn, óc quen tính sự lỗ, lòi, nghĩ chuyện ăn thua". Có người cho ông là một nhà làm việc, "đời ông không có cái thi vị đủ cho ta say mê hoặc có phong thái đủ cho ta cảm phục". Có người trách ông mới quá, bạo quá và hỏi rằng có phải "cái chương trình trực trị của ông chỉ có những người biết đọc văn Tây mới đủ tài thưởng thức" nên ông đã bỏ báo giới quốc văn mà chủ trương báo chữ Tây. Trái lại, lại có người rằng ông tòn cổ một cách sai lầm, "chẳng những dung túng cho sự dị đoan của công chúng lại lợi dụng cái mê tín của quốc dân là khác".

Những lời bình luận về Nguyễn Văn Vĩnh thật sôi nổi và bác tạp; đúng cũng có nhiều, nhưng sai cũng không phải ít. Bây giờ Nguyễn Văn Vĩnh đã là người thiên cổ rồi, tên đã vào lịch sử; luận bàn là việc của quốc dân, khen chê là điều mà ai cũng có phép được làm, miễn là đừng để cho người dưới chín suối phải tủi thân hay tức bực vì người ta hiểu lầm.

Vậy, Nguyễn Văn Vĩnh là người thế nào? Nhân hôm nay là ngày giỗ ông, thiết tưởng chúng ta cũng nên tìm biết "Nguyễn Văn

Vĩnh thực" ra thế nào. Có biết cái đời thực của ông, cách sống của ông và tất cả sự gắng sức bất khuất trong suốt một đời ông, ta mới có thể hiểu rõ được ý nghĩa của những công cuộc ông làm, dẫn hậu mới có thể phê bình một cách thấu triệt đến sự nghiệp của ông về phương diện văn chương, tư tưởng, xã hội, chính trị cũng như về báo chí.

Đó là điều mà chúng tôi ước mong được thấy, nhưng vì mãi không thấy ai làm, nên hôm nay thử bắt đầu. Lấy tư cách là một người đã từng được gần ông và giúp việc một cách hèn mọn trong một tờ báo mà ông là người sáng lập, tờ Trung Bắc tân văn, chúng tôi không có ý đem ca tụng một người mà chúng tôi kính trọng tin yêu, nhưng chỉ có ý nêu Nguyễn Văn Vĩnh lên; theo đúng như ông, và luôn đó nói về những ý nghĩ của ông, hoài bão của ông, việc làm của ông để mọi người cùng rõ. Biết đâu vì thế mà những người bình luận về Nguyễn Văn Vĩnh sau này chẳng tìm được những ánh sáng mới hơn, có những kết luận xác thực hơn! Nếu nhân đó mà những bạn thanh niên tin ở chủ nghĩa trực trị của ông, soi tấm gương cần lao và nhẫn nại đó, tiếp tục được những công việc ông bỏ dở, bắt tay làm những công việc ông chưa làm, đó cũng là một việc ích cho xã hội Việt Nam ta vậy.

Như mọi người đã biết, Nguyễn Văn Vĩnh sinh ở làng Phượng Vũ, tổng Phượng Dực, phủ Thường Tín tỉnh Hà Đông ngày 30 tháng tư năm Nhâm Ngọ, tức là năm thứ 35 triều Tự Đức, tây lịch 15 Juin 1882. Gia đình ông không lấy gì làm sung túc. Mới lọt lòng ra đời, đã phải trông thấy cái cảnh loạn ly của nước nhà và những cuộc binh hoả gây nên nên bảo hộ ở xứ này, ông Nguyễn, ngay từ tấm bé đã sống trong một xã hội vào thời kỳ cải cách, quen với những hoàn cảnh đặc biệt, những cảnh điêu bái do khói đạn gây nên với những sự hiểu lầm thế tất phải có hòi bất ý giờ đã in sâu vào trong trí Nguyễn Văn Vĩnh và rèn cho ông một tâm hồn cứng rắn, một quả

tim sôi nổi. Đầu óc ông cũng như chân tay ông cần phải làm việc luôn luôn. Ông mắc cái "bệnh hoạt động" ngay từ khi còn ít tuổi. Hoạt động nhưng không nóng tính, trái lại, lại quả quyết, nhẫn nại, thêm vào những tư tưởng ưa mới, cấp tiến, đó là những đặc điểm của đời ông sau này.

Ông là một người trong những người Việt Nam thứ nhất được hấp thụ văn minh mới và được tiêm nhiễm văn hoá Âu Tây. Ông hấp thụ thế nào? Tiêm nhiễm ra sao? Những ông giáo nào đã vỡ lòng cho ông và những ông thầy nào đã giúp ông mở mang trí khôn một cách công hiệu nhất? Những điều đó, không có ai biết rõ. Chỉ biết rằng năm 1892, mới mười tuổi, cái tuổi còn ngây thơ, Nguyễn Văn Vĩnh đã thi tốt nghiệp trường Thông ngôn và đáng lẽ đậu thứ 12 nhưng vì tuổi trẻ quá, nên bị đánh hỏng và phải học thêm bốn năm nữa nên mãi đến 1896, ta mới được thầy ông thi tốt nghiệp. Lúc này ông đã đầu và được bổ ngay làm thư ký toà sứ Lao Kay. Xem vậy, đủ biết ông thông minh đến bậc nào. Đã thế, ông lại là người hiểu học đệ nhất. Bây giờ chưa có thư viện, các sách tây còn hiếm, mà ông đã mua đủ các sách báo của Pháp để xem; đọc báo, xem sách suốt ngày, ai cũng phải chịu là một người hiểu học. Đến tận bây giờ, những người quen thân với ông từ hồi trẻ, thường vẫn kể lại rằng ông ham sách hơn ham đàn bà. Ông có mặt ở khắp các thư viện Hà thành và có người đã nói "Bình dân thư viện" – ở vào chỗ phố Francis Garnier bây giờ – không có người học trò nào chăm hơn ông. Muốn đi chơi khuya đến mấy giờ sáng thì đi, nhưng cứ về đến nhà, nằm lên giường, là ông phải đọc một cuốn sách gì, nếu không thế thì không ngủ được. Đọc như thế không bao giờ chán, đọc bất cứ cái gì rơi xuống tay. Cái học như thế cốt lấy ở bề rộng như lời ông thường nói. Sau này ta sẽ thấy cái học đó có ích như thế nào cho cái đời làm báo của ông, và ta có thể suy ra tự bây giờ Nguyễn Văn Vĩnh, lúc bắt đầu xếp dọn cuộc đời mình, không hề có ý muốn làm một người thợ văn gọt chữ hay đọc sách thầy tu

tướng đẹp, câu văn hay nào thì chép ra hâu có để sau này "biên khảo" như một nhà... học giả. Nguyễn Văn Vĩnh học một cái học phổ thông, cái học rất cần thiết cho một nhà làm báo. Không một vấn đề gì ông không biết, không một vấn đề gì dù nhỏ mọn đến đâu mà ông không viết được thành một bài duyên dáng, thâm trầm và ý vị. Tôi sẽ tìm cách giới thiệu từng mẫu văn, hoặc viết bằng quốc âm hoặc viết bằng Pháp âm, khi nào cần dùng đến, ở những chương sau này. Đó là cuộc đời ông về sau này. Ở đây, ta mới biết ông hồi 14 – 15 tuổi.

Năm 1897, tức là năm ông mười sáu, ông được đổi về toà sứ<sup>2</sup> Kiến An, khi đó còn ở Hải Phòng. Một cái Hải Phòng rất mới, hỗn tạp và đô hội, mỗi chiều thứ bảy lại có những ông tây vác súng – vì có nhiều trộm cướp – vác súng chèo thuyền, đi cực kỳ vất vả ra Đồ Sơn... nghỉ mát.

Trong tập nhật ký của ông để lại mà chúng tôi đã được đọc hết trước khi viết tập này, Nguyễn Văn Vĩnh không nói gì mấy về cách sinh sống và cách nghĩ ngợi của ông khi tòng sự tại đây. Chỉ biết rằng ở đây, ông có dịp được giao thiệp với khách ngoại quốc nhiều nên bắt đầu học tiếng Tàu và tiếng Anh.

Ông là người xướng xuất lên phong trào diễn thuyết; phong trào viết báo Nam báo Pháp; phong trào phổ thông chữ Quốc ngữ và truyền bá văn minh văn hoá Âu Tây; phong trào đem cái hay cái đẹp của văn minh văn hoá Nam diễn ra cho người Âu Tây biết; phong trào mở hội giúp những người thanh niên đi Tây du học; phong trào Phật giáo, phong trào thể thao, v.v... nhất nhất bao nhiêu những thứ đó, ông cũng là người thủ xướng hay ít ra cũng là một người lính tiên phong hăng hái.

Một cuộc đời lộng lẫy mà nhiều khê như thế, tất nhiên phải ảnh hưởng đến thân thế và sự nghiệp của ông. Muốn xét ông mà xét

theo lối đại thể rồi do đó tìm những lời kết luận thì rất khó. Cái thân thể đó, cái sự nghiệp đó cần phải xét theo nhiều phương diện khác nhau. Đó là công việc mà chúng tôi thử làm dần ở những chương dưới này.

## II. Nhà diễn thuyết

Ở toà sứ Kiển An, Nguyễn Văn Vĩnh sang toà sứ Bắc Ninh rồi về toà Đô đốc lý Hà Nội năm 1904. Sang đầu 1905, ông thôi việc, về sống một cách gần như yên vui với gia đình, với bạn bè mà ông khéo chọn với sách vở mà lúc nào ông cũng coi như những thân hữu không bao giờ phụ bạc. Ông càng ra sức học hành, nhưng không chịu chỉ học cho mình mà thôi, học một cách lặng lẽ và tìm tòi những sự thật để một mình mình biết. Không, hoạt động, ông bao giờ cũng vẫn là người hoạt động. Cả cái học của ông, ông cũng muốn cho nó hoạt động nữa, nên ông đã từng có mặt luôn luôn ở trong những cuộc hội họp của hai trường: Trí Tri và Đông Kinh Nghĩa Thục. Ở đó, ông đã có bao nhiêu dịp cho đồng bào ta được thấy cái tài học cao rộng của ông; ông dùng lời nói hùng hồn, những dáng điệu thực thà, tự nhiên và duyên dáng của ông để làm cho người ta vui vẻ mà phấn khởi. Bởi ông có sức lại lạnh lẽo nữa, nên có khi suốt buổi họp, ông nói thao thao bất tuyệt và có khi không ngại tranh luận một lúc với hai ba người. Ai nói đúng đắn, ông trả lời đúng đắn; ai cười cợt, ông biết náo và có ngay những lời nói ngộ nghĩnh, và châm chọc. Những học trò cũ trường Trí Tri, đến giờ học có ông dạy, vui vẻ như được hội diện với một người anh thân mật. Thoạt đầu, ai cũng tưởng ông là một người bộp chộp, họ ngờ rằng có hỏi ông điều gì thì ông giải nghĩa qua loa lúc đó rồi thì thôi. Thế nhưng mà không. Có một câu gì khó hay ai có một trường hợp gì khó giải quyết mà hỏi ông, ông biên vào trong trí và về suy nghĩ tìm tòi kỹ cho được một câu trả lời xác thực. Thế rồi, sau đó một vài hôm, dăm bảy bữa, giữa lúc không ai ngờ nhất, thì người hỏi nhận được của ông một bức thư chứa đựng

hoặc một phương pháp giải quyết cảnh ngộ, hoặc cách diễn dịch một câu văn khó hiểu, hoặc một chữ Nam dùng để giải cho thật đúng một chữ trong văn Pháp. Trong những bức thư đó, trong những buổi dạy học đó, trong những cuộc tranh luận đó, Nguyễn Văn Vĩnh không làm vẻ hùng hồn. Ông nói dễ dàng và tìm những chữ thông thường để diễn tả một cách khoa học những điều rất khó nói. Lời ông không chậm mà cũng chẳng mau, vừa vừa, nhưng khi nào đến đoạn chính của vấn đề thì giọng nói cũng như lời văn của ông sôi nổi, đằm ấm và mau hơn một chút.

Ai đã biết ông tất còn nhớ cái giọng nói sang sảng âm âm, rõ ràng từng chữ. Ông đọc một câu thơ hay kể một chuyện cổ tích cũng rành rọt như khi ông bàn về một chuyện trong gia đình vậy. Giọng ông vui mà hơi có vẻ nhạo đời. Thỉnh thoảng lại sâu cay, làm cho người nghe, nếu có quên cũng còn phải là lâu lắm. Nhất là ở những nơi công cộng thì ông nói lại càng tài lắm. Lời văn ông dễ dàng, ý tưởng ông biến hoá, nhưng không bao giờ tỏ ra rằng ông sắp đặt trước hay học thuộc lòng sẵn từ nhà. Những chữ, những câu của ông hình như nở ra một cách tự nhiên từ một ý tưởng vững chắc, có tin tưởng; nở ra một cách bất thành hình, không ai ngờ, làm cho câu chuyện của ông càng có vẻ đậm đà thú vị.

Những đức tính đó, ông đem ra ứng dụng một cách bình dị hơn, dễ dãi hơn, trong những cuộc giảng kinh ở các đền chùa, ở những buổi nói chuyện của hội Đông Kinh Nghĩa Thục và những buổi diễn thuyết của trường Trí Tri ở hội quán Đông Kinh ở Hàng Đào và Hàng Bạc. Đến tận bây giờ, người ta vẫn còn nhớ đến những bài diễn thuyết đó, hùng hồn mà không thiếu vẻ thân mật, dồn dập mà thiếu tha, thật đã có ích cho cái đám đại chúng hăng hái yêu nước, thiếu tha yêu nước lúc đó vô cùng vậy. Hội đó, nước ta chẳng thiếu người thành thực, sốt sắng, không ngần ngại, mỗi khi có một vấn đề gì hữu ích cho quốc dân, là đăng đàn diễn thuyết

ngay; nhưng đại đa số là các ông nhà nho không hiểu má y về cái thuật thuyết pháp, cái phép thôi miên đại chúng và tâm lý của thính giả nên bao giờ Nguyễn Văn Vĩnh, một người mới nhấ t trong đoàn đó, cũng được hoan nghênh hơn. Chúng tôi rấ t tiếc không thể thuật lại nhiê u những buổi diễn thuyết đó ở đây, chỉ xin nhắ c một vài vấ n đề mà ông đã nói ở hội quán Trí Tri trong má y năm 1904, 1905, 1906, 1907. Câu chuyện ông đem nói đi nói lại rấ t nhiê u lâ n là vấ n đề ca dao tục ngữ ở thôn quê Việt Nam, – câu chuyện mà sau này ông Phạm Quỳnh sẽ nhắ c lại trên diễn đàn và đem in thành sách. Ông rấ t chịu khó sưu tâ m các phong dao tục ngữ, các câu hát nhà quê, những câu hát gặt lúa, dặm vè, phường nón, phường vải, vãn vãn, và tá t cả những cái đó, ông gọi chung là "nê n văn chương truyề n khẩu của Bắ c Kỳ" (La littérature orale du Tonkin). Về sau này, ta sẽ còn thấ y ông viế t nhiê u về vấ n đề này; ông đem dẫn giải những câu hát nhà quê, – về điể m này ông cũng lại là một tên lính tiên phong nữa, – ông giới thiệu ta trăm ngàn câu vè, câu ví mới do một nguồ n cảm xúc khác chảy ra (1914) và đã làm cho nhiê u thính giả ngạc nhiên thán phục cái hay êm đẽ m, dịu dàng có rấ t nhiê u thi vị của những câu hát miê n Hà Đông là chỗ ông sinh trưởng (xem *"Trẻ con hát, trẻ con chơi"*). Đó là việc sau. Năm 1905, Nguyễn Văn Vĩnh nổi tiế ng nhấ t về hai bài diễn thuyết mà thời đó, và ngay cả bây giờ nữa, nhiê u người chịu nhận rằ ng ông khảo cứu rấ t công phu. Đó là bài diễn thuyết về phong tục của các nước trên doanh hoàn, những sự tín ngưỡng và cả cái trí óc thông minh của con người ta nữa.

*"Muồ n khảo về vấ n đề này, ta phải nhìn vào nê n văn học, cùng những truyện cổ tích, truyề n kỳ và những câu hát bình dân trước đã. Ta sẽ nhận thấ y rằ ng cái trí khôn con người ta ở đời giồ ng nhau một cách tài tình. Các sự tích của người Hi-lạp nói về Cronos nuồ t con, ở Úc châu Phi châu và nhiê u nơi khác cũng có. Chuyện xuồ ng Địa-ngục là một đoạn chuyện dũ ng mãnh mà nhiê u*

nước trên địa cầu này vẫn kể đến luôn. Nhiều chuyện thần tiên của Perrault và Grimm na ná với những chuyện cổ tích của Á Đông và của Polynésie<sup>3</sup>. Thần thoại là một hiện tượng toàn cầu, khắp cả hoàn cầu đều có, mà nước nào cũng bịa đặt giống nhau. Người ta có thể ngờ rằng những sự phát biểu của các bản năng bịa đặt ấy là do những luật lệ chi phối, giống như những luật lệ đã chi phối việc lập ra những ngôn ngữ vậy. Tìm hiểu những cái lệ luật đó ra sao, đó là công việc của tương lai. Trong khi chờ đợi, chúng ta hãy xét về việc đã và chúng ta thử cố tìm hiểu xem ra thế nào.

Cái thời chúng ta ở bây giờ có vẻ muốn thiên về những cái gì thuộc đời cổ sơ. Sơ dĩ có sự khuynh hướng như thế là vì lòng người bao giờ cũng có tính tò mò về khoa học, đã đành rồi; nhưng còn vì những phong tục của tinh thành nó giam hãm người ta ở trong những phạm vi đông đúc, trói buộc người ta vào bao nhiêu những công việc xã hội, làm ngăn trở sự phát triển của những bản năng về sinh lý của người ta. Chúng ta cảm giác mơ hồ như thương nhớ một cái gì đã qua mất, qua đi mất đã lâu rồi: cái đó là đời sống tự nhiên của giống ta. Cơ thể cổ truyền của ta khao khát sự hoạt động của ông cha ta ngày xưa nên bây giờ ta săn bắn, ta đi du lịch, ta tập thể thao. Ngay những người tưởng như thoát khỏi những tâm tính di truyền đó cũng ưa gọi lại những thời gian đã qua bằng cách xem văn, đọc truyện. Ngồi chễm chệ trong một cái ghế bành, cửa sổ đóng kín, mà ngoài kia thì phố xá được lính cảnh sát giữ gìn sự trị an cẩn thận, chúng ta sống lại một cách sống khoái cái đời của những người chết khổ sở dưới nanh vuốt của hùm beo, những người bị aurochs<sup>4</sup> chà đạp hay bị chết đói chết rét ở trong hang đá.

Những nhà phong tục học còn cho ta biết rằng cái đời cổ sơ của ông cha ta còn rớt lại nhiều trong cái đời mới của chúng ta. Đồ vật với họ, họ không phân biệt một người đàn bà botocudo, đút một



miếng trâm qua mũi với một bà mệnh phụ xỏ lỗ tai để đeo kim cương, giữa một cái vòng bằng ngọc trai và một cái vòng bằng răng cá mập; họ không phân biệt một bà đài các đánh phấn trắng lớp với một cụ mọi ở xứ Polynésie bôi mỡ hồng và thuốc súng vào mặt cho đen như đất chảo.

Những nhà phong tục học bày tỏ rằng cái bà chúa của ban ngày mà ta thường gọi là cái mặt trời quá chỉ là cái rớt của một quan niệm man dã dùng để chia đẳng cấp và sự giàu nghèo trong xã hội. Nói về những cảm tình trái ngược của người đàn bà ban ngày thì e lệ thẹn thùng mà đêm đến thì bận những quần áo ngắn để khiêu vũ, những nhà phong tục học đó đã có nhiều luận thuyết".

Bài diễn thuyết đó đối với thời bấy giờ là một sự thú vị khó tả, những lời tha thiết mà tài tình. Những người đi bước sau này không thể nào tưởng tượng được ảnh hưởng của bài đó lớn lao như thế nào, dư luận chung quanh nó xôn xao như thế nào!

Còn nhớ lúc đó, cuộc bình định mới xong, dân ta chưa bỏ cái lối học nhờ của người Tàu, mà một người Nam trên dưới hai mươi tuổi lên diễn đàn nói được như thế kể đã đáng làm cho người ta kính phục.

Và Nguyễn Văn Vĩnh diễn thuyết bằng tiếng Pháp như thế luôn luôn. Một bài nữa mà người ta còn nhớ đến bây giờ là một bài bàn về luân lý và khoa học như gọi họ những người thông trị và cả những người bị trị trên hoàn cầu:

"Giả sử ta hiểu rõ hơn được sự nhu cầu về vật chất của người ta, và biết cách lợi dụng cực khôn khéo các tư cách của cá nhân, mà lại có lòng thiết tha, tôn trọng các hình thức cuộc phát triển và tiến bộ của cá nhân, thì tất nhiên là có thái độ luân lý. Nhưng luân lý là ở cả trong tâm lòng thiết tha ấy. Tuy khoa sinh vật có

thể giúp ta thích dụng cái chí làm điê`u thiện một cách thiê`t thực hơn, nhưng đố`i với cuộc hành động của cá nhân tuyệt nhiên nó không có cái quan hệ nhân quả vậy. Sinh vật học chẳng qua chỉ vạch cho ta biê`t đâu là điê`u hay lẽ phải theo nghĩa là người, cái công â`y kể cũng đã to lắ`m rô`i. Duy luân lý mới có quyê`n sai khiê`n ta thực hành điê`u hay lẽ phải â`y. Khi nào luân lý chỉ bảo ta biê`t đưọc rằ`ng điê`u hay lẽ phải â`y phù hợp với điê`u hay lẽ phải theo nghĩa luân lý.

Nay chúng ta phải theo gương các nhà học giả người Pháp mà giải quyê`t vắ`n đề` sau này nó đã làm họ bắ`n khoắ`n bô`i rô`i. Ta vịn vào đâu mà bắ`t buộc người đời phải tuân theo các điê`u luân lý? Phải chẳng vì tôn giáo không đủ` thế` lực? Ta e rằ`ng khoa học cũng chẳng hơn gì! Vẫn biê`t khoa học có một cái thế` lực không ai chỉ nghị nỏi, nhưng khoa học chỉ phô`i một địa hạt riêng biệt, khác hẳn địa hạt của luân lý. Khoa sinh vật học chuyên về` nhân sinh cũng chẳng hơn gì khoa tổng sinh vật học, đề`u không trả lời đưọc câu hỏi trên kia. Là một khoa học, sinh vật học chỉ quan sát cái hiện có. Luân lý, trái lại, yêu câ`u cái phải có. Nhận thắ`y cái luật tiế`n hoá của xã hội loài người, chưa phải ta tôn trọng các luật â`y dù hiểu biê`t cái ích lợi của sự tôn trọng â`y cũng vậy.

Luật tiế`n hoá â`y đố`i với lương tâm tuyệt nhiên không có tính cách ứ`c bách. Lương tâm chẳng qua chỉ tuân theo cái nghĩa vụ tự mình đề` khởi mà thôi, lương tâm không đi tìm phương châm ở bên ngoài. Lương tâm cũng câ`n công ích, nhưng chỉ câ`n công ích khi nào đã nhận ra rằ`ng xã hội và bản thân đề`u có giá trị đạo đứ`c.

Trong một bài thuyê`t trình của Bergson tiên sinh mà tâ`t cả các ngài đã đưọc biê`t, tiên sinh tự hỏi nê`u học thuật hiện đại ngay từ lúc phát nguyên, không noi theo con đưòng toán học, với thố`ng truyê`n Hi-lạp, với các nhà bác học như các ông Kepler, Galilée, Newton, để` khuynh hướng về` khoa trọng học và sử dụng vật chắ`t,

mà trái lại khởi thủy dùng ngay phương pháp tâm lý mà thăm dò tâm trí, thời không biết lý ứng, tư tưởng hiện đại sẽ ra thế nào? Theo ý tiên sinh, nếu có chuyện ấy, tất nhiên ta có một khoa sinh vật chuyên khảo về sức sinh hoạt, tính cách và phương pháp hoàn toàn khác hẳn với phương pháp, tính cách khoa sinh vật học ta hiện có. Khoa sinh vật học ấy lý ứng sẽ mò mẫm dưới những trạng thái hữu hình của các giống sinh vật để truy tầm cái năng lực vô hình tiềm tàng ở đó. Lý ứng sẽ phát sinh ra một khoa y học chuyên trị các trạng thái bất toàn của sức sinh hoạt. Nhưng nếu vậy, biết đâu lại chẳng là chuyện thả mô-i bất bóng. Ta sẽ không có được như ngày nay trí minh bạch, thiết thực, tính ra kiểm soát, dẫn chứng và thói hay phân biệt cái có thể, cái có lẽ với cái có thực là những cái sở đắc quý báu quá, ta chẳng còn bụng nào mà tiếc một sự quyết đoán đã đem lại cho ta những cái kết quả tốt đẹp như thế nữa..."

### **III. Nhà diễn thuyết (tiếp theo)**

Dù sao, diễn thuyết bằng tiếng Pháp như thế cũng chỉ có thể có ích cho một thiểu số người Việt Nam, một thiểu số may mắn theo kịp phong trào mới, nghe và hiểu được chữ Lang-sa. Và chẳng, có nhiều vấn đề đem bàn không cần thiết cho người Pháp lắm, nói bằng tiếng Pháp không lợi gì; Nguyễn Văn Vĩnh tổ chức những cuộc nói chuyện bằng tiếng Nam để trực tiếp với đại chúng và những cuộc nói chuyện này càng nhiều hơn những cuộc nói chuyện bằng tiếng Pháp.

Một số nhiều những bài diễn này sau đây đều đem đăng tải ở trong *Đông Dương tạp chí*. Xem lại thì những ý tưởng của những nhà bút thiết bây giờ cũng chả hơn gì những ý tưởng của Nguyễn Văn Vĩnh lúc bấy giờ. Như bài diễn thuyết về việc học mà chúng tôi xin trích lại dưới đây một đoạn:

"... Học để mà học, chớ không phải là học để làm quan, thì nước Nam ta thực hiệ́m. Có một vài ông là vào bực học cho lấ́y hay, lấ́y nghiệp gồ đầ\_u trẻ làm cái vinh hạnh nhấ\_t trong thiên hạ, nhưng chẳng qua biế\_t nghệ` học là nghệ` nhàn, dạy đàn trẻ cũng chỉ muố\_n cho nó như mình mà thôi, hai nữa là trong gia thực gây nên đượ\_c mắ\_y thầ\_y cử thầ\_y tú, về` sau có ai làm nên quan nọ quan kia thì mình cũng nhờ vào cái nghĩa học trò phải đội ơn thâm mà thờ suố\_t đời, mà chắ\_c không phải khô\_n khó, đã có lũ học trò phải tư giúp. Còn như học để tìm lấ́y điề\_u hay cho xã hội, học để tra khảo tạo hoá cho tạo hoá có điề\_u gì bí hiểm phải xưng ra cho nhân loại thêm kiế\_n thức mà bỏ cách sô`ng ở đời cho thêm sung sướng, bớt tật bệnh, hế\_t khổ não, thì cái học â\_y ở nước Nam ta không có ai. Mỗi người đi học, là thiệt cho việc câ`n lao chung một người. Hế việc học của mình có công hiệu, có đắ\_c dụng đượ\_c cho thiên hạ thì mới thực là đáng đượ\_c trừ cái khó nhọc chung, chớ người đi học mà không hay đượ\_c việc gì, thì thực là ăn lương cơm mặc lương áo của xã hội. Nói tổng lại, thì trong nước Nam ta câ`n mắ\_n nhấ\_t chỉ có người làm ruộng, người làm ruộng xứ Bắc Kỳ với Trung Kỳ mà thôi, nhưng mà sự câ`n mắ\_n â\_y, nhà làm ruộng không biế\_t lấ́y làm vinh hạnh. Tay câ`m cày mà mắ\_t vẫn trông bọn dài lưng tồ\_n vải, lúc nào quẩng đượ\_c cái cày có ích mà câ`m lấ́y cái bút lông thỏ vẽ hươu vẽ vượn, tả cảnh trên gò dưới biển, thì cũng quẩng đi ngay. Người đi buôn, người làm thơ thì lúc nào bắ\_t đắ\_c dĩ phải vắ\_t vắ thì vắ\_t vắ. Đế\_n khi nhờ cái chàng cái đượ\_c, cái kim cái chỉ, mà có đồ`ng dư, thì đi lo ngay cái hàn cái bát chi chi, nghệ` nhà giao cho lũ đầ\_y tớ, không thêm làm nữa. Còn nhà nho thì khô\_n học, ra công đèn sách, cũng chẳng qua cô` lấ́y đôi hia cái lọng, khi đã đượ\_c rồ\_i như người đượ\_c câu thầ\_n chú mở cái cửa công đường. Làm đế\_n quan chữ nghĩa xưa không dùng đầ\_u đế\_n nữa, thì cái câ`n lao đó có gọi là câ`n lao hữu dụng đượ\_c không? Vậy thì nên kế\_t rắ`ng người An Nam, thực có nế\_t siêng năng, chịu khó; nhưng mà cái nế\_t â\_y nên khiế\_n cho nó có nghĩa lý, có ích lợi cho

đời, mà phải biết quý cái siêng năng, chớ đừng có cho là một cái tội để dành cho kẻ kém âm đức mà thôi".

Lại như bài diễn văn về vấn đề "Chữ Nho nên để hay nên bỏ?"

"... Học có hai bậc, một bậc sơ đẳng để cho trẻ con mới lớn lên, học lấy biết gọi là mỗi thứ một chút. Trong bậc ấy, học có ba năm, tưởng không nên dạy chữ Pháp một tí nào. Còn bậc trung đẳng, để đi thi cử, để nên những bậc có tài riêng ngày sau, chẳng phải hay chữ Nho, mà cũng chẳng phải thông chữ Pháp, thực là những người thông Quốc văn, thì phải có học chữ Nho và chữ Pháp, chữ Nho để am hiểu sử nước mình, văn chương nước mình do ở đó mà ra, chữ Pháp là chữ của nước Bảo hộ ta ngày nay, là chữ của ông thầy mới mình trông mong mà học lấy thuật hay. Trung đẳng học ta thì nên bắt học cả chữ Nho và chữ Pháp, nhưng Pháp Việt học thì lại nên bỏ đứt chữ Nho đi. Lỗi học ta mới, còn gần lỗi học Nho ngày trước, cho nên học chữ Nho được kỹ. Mà chữ Nho đã học không học dốt được, ở các trường Pháp Việt mà đem dạy chữ Nho buổi nào, học trò thiệt mất buổi ấy.

Phàm con trẻ An Nam đã vào học Pháp Việt, toàn là đi học cướp gạo cả, chỉ muốn cho chóng thông tiếng Đại Pháp mà đi làm việc hoặc để buôn bán với người Đại Pháp. Họ là mới có một hai người học tiếng Đại Pháp để mà tốt nghiệp chi hậu, lại còn chăm vào việc học cho quán thông lịch sử, luân lý cũ nước Nam. Bởi thế ở các trường Pháp Việt, cứ hôm nào đến phiên thầy giáo chữ Nho dạy, thì học trò cho như là một buổi phải nghỉ, ngồì mà ngủ gật, trong khi thầy giáo viết lên bảng những bài học nhỡ nhàng, dễ quá cho kẻ biết rồi, khó quá cho kẻ chưa biết.

Tổng kết lại, thì chữ Nho chỉ nên còn giữ lại để mà dạy ở khoa trung đẳng Nam học mà thôi, đợi mai sau khi nào có cả khoa cao đẳng Nam học hoặc khoa ngôn ngữ văn chương ở cao đẳng, bây giờ

*mới lại có nơi khác phải dùng đến chữ Nho. Bây giờ, trẻ con xin nhất quyết đừng cho học chữ Nho nữa, mà các trường Pháp Việt cũng xin bỏ lối dạy chữ Nho".*

Có người nông nổi nghĩ và viết rằng Nguyễn Văn Vĩnh bởi vì ít học chữ Nho nên viết Quốc văn thường sai và họ viện lẽ đó mà bảo rằng Nguyễn Văn Vĩnh không bao giờ chủ trương nên dùng chữ Nho để dạy ở các trường.

Xem bài diễn văn mà chúng tôi trích đăng ở trên đây, ta thấy rằng những người nói như vậy không có gì sai hơn.<sup>5</sup> Ta không nhận rằng trong ba mươi năm tận tụy với báo giới Quốc văn và Pháp văn, Nguyễn Văn Vĩnh không nhàm lẫn bao giờ (cách làm việc của ông, sẽ có nói đến ở những chương dưới), nhưng chắc chắn rằng mới học nho của ông cũng đủ dạy cho cái người đã viết sách công kích một chữ trong bản dịch "*Ba người Ngự lâm pháo thủ*" của ông dịch trong khi bộn bề công việc. Nguyễn Văn Vĩnh theo mới và mới lăm, nhưng không bao giờ chủ trương bỏ những cái hay cũ của nước ta đi: "*Trước khi bảo tiên nhân nghĩ quẩn, thì cần phải biết tiên nhân nghĩ thế nào. Vì nếu chưa hiểu cái lý thuyết của ông cha ra làm sao, mà nói rằng những lý thuyết ấy nhảm nhí, – bởi vì thấy những lý thuyết của người khác kết quả nên sức mạnh trước mắt, – thì có lẽ vốn liếng của ta có bao nhiêu đem vứt đi hết, mà vốn liếng của người thì mình chưa thấu lầy được. Cũ thì mất rồi mà mới thì không được, bởi vì cái mới của người nó chỉ hay cho người, mà ta không dùng được tiện lợi".*

Đó là lời Nguyễn Văn Vĩnh vẫn thường nói với các nhà bình bút Trung Bắc tân văn và có lần chính ông đã tuyên ngôn như thế với phóng viên của một tờ báo trong Nam trong khi phỏng vấn ông về vấn đề "trục trị".

Xem vậy, Nguyễn Văn Vĩnh rất mới nhưng lại rất cũ; ông không hề cố động bỏ chữ Nho để hoàn toàn theo tây bao giờ. Nguyễn Văn Vĩnh nhận rằng chữ Nho cần lắm, nhưng dạy ở trường Pháp

Việt thì vô ích, "đợi mai sau khi nào có cả khoa cao đẳng Nam học hoặc khoa ngôn ngữ văn chương ở cao đẳng, bây giờ lại có nơi khác phải dùng đến chữ Nho".

Thật không có gì chi tiết trung và xác thực hơn cái ý tưởng đó. Chúng có lẽ chính mắt ta đã thấy sự thất bại của công việc thử đem chữ Nho để dạy con trẻ ở các trường tiểu học: sách Hán học in nhiều, các trẻ ra công mà tập đọc và tập viết mà kết cục chẳng ăn thua vào đâu cả. Chữ Pháp và chữ Hán trộn lộn ở trong đầu chúng thành một thứ sà-lát khó tiêu, ai cũng biết thế; nhưng ngay lúc bài diễn thuyết đó ra đời, có lẽ nhiều người cũng chưa lấy làm tin lắm. Chúng ta phải đợi đến hai mươi năm sau, mới thấy Nguyễn Văn Vĩnh nói đúng như thế nào và đến bây giờ, nếu Nguyễn Văn Vĩnh còn, tất ông phải lấy làm sung sướng được thấy cái mộng tưởng của ông về chữ Nho đã thành trong muôn một. Theo nghị định quan Toàn quyền Decoux ký ngày 5 Mai 1942, Đông Dương lập nên học cổ điển Á Đông, dạy 6 năm, từ lớp sáu đến lớp nhất như các ban Trung học Pháp, Chương trình có một khoa học đặc biệt là khoa chữ Nho dạy trong 5 giờ một tuần lễ (l'enseignement de caractère chinois) dạy chữ (langue) cùng kinh truyện, sử sách, văn minh cổ Việt Nam và Trung Hoa.

#### **IV. Xuất dương**

Tuy vậy, muốn lấy tài học ra giúp ích cho xã hội, mà chỉ diễn thuyết suông thôi, không đủ. Nguyễn Văn Vĩnh muốn hoạt động một cách thiết thực hơn.

Lúc đó, phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục gặp một hô ì vấp váp. Nguyễn Văn Vĩnh không thể làm việc gì khác được, ngoài cái việc đi làm kiế m mỗi tháng lấ y mười hai đờ ng để số ng một cách có thể gọi là kham khổ ở cái căn nhà tô i tằm nhỏ bé ở số 39 phố hàng Mã Mây. Cơm ăn thường bữa chỉ có má y xu chả trâu với cà. Thịnh thoảng lại có một hai người bạn thân như T.T.K., P.D.T.<sup>6</sup> đê n chia bữa cơm rau; má y anh em số ng một cách nghèo nàn nhưng vui vẻ; không giàu tiề n nhưng giàu sách vở, giàu học thức, giàu lý tưởng.

Sợ rằ ng cứ số ng như thế ́ thì rô i cái chí của mình đê n tiêu ma, Nguyễn Văn Vĩnh xoay cách hoạt động: ông lấ y ngọn bút làm lợi khí để nói rõ ý tưởng của mình, để hô hào quố c dân, để bênh vực đờ ng bào. Ba chữ ký "Tân Nam Tử" bắ t đầ u xuấ t hiện từ đó, không phải ở dưới những bài báo quố c văn, nhưng chính là ở dưới những bài báo Pháp do người Pháp chủ trương và xuấ t bản. Những bài báo hùng hô ì n có những lời bàn xác đáng làm cho người đọc phải tò mò muô n tìm biế t Tân Nam Tử là ai. Thật là một buổi thử thách, là một buổi thành công vậy.

Dưới đây là một bức thư của Nguyễn Văn Vĩnh gửi cho Ô. T. chủ báo C.F. về ề việc các bạn đọc hỏi về ề cái tên Tân Nam Tử (nguyên văn bằ ng chữ Pháp, đê ề ngày 10 Décembre 1905).

*Kính ông chủ nhiệm,*

*Tâ m lòng quý hoá của ông đờ i với bức thư ngày 7 Décembre của tôi và cái tính quảng bác của ông thường tỏ với đờ ng bào tôi, đã bắ t tôi phải có một cái phận sự là không được ỏn danh với ông nữa.*

*Vậy, má y hôm nữa, tôi sẽ xin có dịp đê n hầ u ông ở ngay tại buồ ñg giấ y.*



*Trong khi chờ đợi, tôi thiết tưởng cũng nên trình để ông biết tại sao tôi lại phải ký trên báo bằng biệt hiệu. Không phải tôi lo ngại gì đâu, nhưng chính là vì tôi nghĩ rằng ký bằng biệt hiệu như thế, người đọc không biết tôi là ai, tôi sẽ có thể viết công nhiên những ý tưởng của tôi mà không sợ ai chế cười những điểm lầm lẫn trong khi tôi diễn giảng bằng một thứ ngôn ngữ không phải ngôn ngữ của nước tôi...*

*... Tôi tưởng cũng nên thưa để ông biết rằng tôi rất hoan nghênh bản thỉnh cầu của đồng bào tôi, nhưng đó không phải là một cố để bảo rằng tôi là tác giả bản thỉnh cầu đó. Riêng tôi, tôi chịu ơn nước Pháp nhiều, không bao giờ lại đến nỗi bạc bẽo; và tôi lại yêu cả nước tôi quá, không bao giờ lại muốn cho nước tôi gây thù gây oán với những người cần thiết và không có không thể được.*

*Bây giờ tôi nghĩ cũng chả nên giâu tên tuổi và chức nghiệp của tôi làm gì nữa; bởi vì tôi đã tin ông. Tôi là Nguyễn Văn Vĩnh, thư ký sở Đô đốc lý (phòng coi về Đâu xảo Marseille) ở 59 phố Hàng Mã Mây, Hà Nội".*

Vừa bắt đầu nghề báo mà tự mình đã gây cho mình được một cái tên như thế, được một nhà viết báo Pháp lâu năm nhất ở Đông Dương thiết tha như thế, lại được độc giả Pháp Nam xôn xao hỏi han như thế, Nguyễn Văn Vĩnh nức lòng và thường viết bài có những ý kiến đáng để người ta chú ý.

Một nhà báo Pháp, ông Marc François Rey, bình bút báo Est thường vẫn nói rằng: "Cái địa vị của một tờ báo Nam viết bằng chữ Pháp là phải làm thế nào bày tỏ cho người Pháp không đọc được quốc ngữ biết một cách rõ ràng, thành thực cái tinh thần Việt Nam trước mọi vấn đề sinh hoạt bản xứ và quốc tế. Nếu không thế, thì tờ báo đó là thừa ở trước những tờ báo Pháp do người Pháp

chủ trương". Thì, Nguyễn Văn Vĩnh từ lúc mới bắt đầu viết báo đã chủ trương như thế, cho nên bao nhiêu bài báo của ông viết hôm đó rành nói về những điều gì có liên quan đến xã hội Việt Nam. Đáng chú ý nhất là một bài trả lời ông H.Đ.M., tác giả bài "Une leçon de patriotisme" (Một bài học ái quốc) mà chúng tôi xin dịch dưới đây mà ý đoạn:

*"Chúng tôi không chối cãi rằng người Nam chúng tôi khổ lắm, nhưng nước nào ở trên thế giới này lại không có những cái khổ riêng. Chính lúc người ta khổ nhất, một đôi người thỉnh thoảng điều này điều nọ, người ta thường nghĩ cách để mà tìm phương chữa chạy.*

*... Chúng tôi trông đợi các ông đến để dìu dắt lên con đường sáng sủa. Thảng hoặc có áy cũng là vì nóng lòng muốn cho nước họ khá hơn, và thiết tưởng cái điều ước muốn đó cũng chả có gì đáng trách... Người nhà quê Việt Nam nhắc lại thời các ông chưa đến vẫn có câu cửa miệng "Lúc bình thì". Vậy thì theo họ bây giờ ra là thời khó khăn. Áy thế ông H. D. M. có còn nói rằng "cái tình trạng người nhà quê Annam bây giờ đã khá hơn trước" nữa không.*

*Ông M. lại nói rằng từ khi làm đại biểu hai xứ Trung Bắc, ông đã làm cho chúng tôi sung sướng... Có chúng tôi sung sướng thật, nhưng đó chỉ là một số rất nhỏ nhen; mà muốn xét người Nam chúng tôi thì không thể xét như vậy được, ta phải nhìn vào người nhà quê. Còn về phần những người đi học thì các ông trách chỉ trông tưởng làm quan, không biết học để mà giúp ích cho nước, nhưng các ông làm cho họ chỉ có thể mơ ước như thế mà thôi...*

*... Những ý tưởng trên này, phàm người Việt Nam chân chính nào cũng có... Các ông dạy dỗ chúng tôi đi và giúp sức cho chúng tôi tìm ánh sáng. Điều cần nhất là các ông nên thành thực và muốn thế thì các ông cứ tưởng tượng là đang ở địa vị chúng tôi".*

Đó là thời kỳ thử thách. Nghề báo, tuy là một nghề không trường, không thầy thật, nhưng người làm nghề không thể cứ làm liêu được. Ông Nguyễn Văn Vĩnh có cái tư tưởng học tập để viết báo từ đó, nhưng học tập ở đâu được? Vẫn biết rằng hồi đó, ở Bắc Kỳ, cũng đã có vài nhà báo tây rồi đấy, nhưng bây giờ người ta vẫn có vẻ như muốn giữ nó làm một nghề bí mật, xếp chữ, lên khuôn, đặt bài, viết báo, nhứt nhứt mà mấy người tây đều làm cả. Muốn làm nên một tờ báo hoàn toàn để bán cho công chúng, người mình chưa có ai biết tới. Nguyễn Văn Vĩnh chưa có ý tưởng làm một tờ báo của riêng mình, – một ông thư ký lương tháng 12p50, bao giờ lại dám có ý tưởng đứng chủ trương riêng một tờ báo cho mình, nhưng quả thực là từ hồi đó ông đã biết cái ảnh hưởng và sức tuyên truyền của một tờ báo lớn lao như thế nào. Nhưng làm thế nào được? Khi mà người ta ở một nước Việt Nam 1906, mà lại không có tiền...

Thì may sao, giữa lúc đó ở Pháp mở ra cuộc đấu xảo Marseille.

Nguyễn Văn Vĩnh cùng với mấy người nữa như Trần Trọng Kim, Đào Huống Mai, Đỗ Thận, Nguyễn Hữu Phúc, Chi, Kiên, Thụy, v.v... dưới quyề'n chỉ dẫn của một người Pháp tên là Hauser được cử sang Pháp với những thuyề'n thợ đi đấu xảo.

Ngày đó, đi Pháp là một chuyện đi sang nước Thục "khó khăn như đi lên gò"; nhưng phầ'n có bạn đồng hành, phầ'n lại

*"... sự đòi muốn trải một ly gọi là*

*Mơ màng qua đất Âu-la,*

*Ngó coi một ít nào là văn minh..."*

nên dù vợ con có ngăn giữ, – lúc đó Nguyễn Văn Vĩnh đã có hai con là Vòi nhón, Vòi con, – ông cũng quyết chí không bỏ lỡ cơ hội

tốt.

"Những điều trông thấy" của Nguyễn Văn Vĩnh có ích cho kiến thức của ông thế nào và mở con đường tiến thủ của ông ra sao, sau này ta sẽ biết. Chỉ biết rằng, ngay khi bước chân xuống Cảng để đáp tàu vượt trùng dương, cái mê mải làm báo đã nảy nở mạnh ở trong ông và, chẳng biết hữu ý hay vô tình, ông đã thành một nhà phóng sự. Bài phóng sự thứ nhất của ông là một bài kiểu *Notes de voyage* của Albert Londres viết bằng thơ, xin trích mấy đoạn như sau:

*... Mơ màng qua đất Âu-la,*

*Ngó coi một ít nào là văn minh.*

*Xem sao lại kẻ hơn mình,*

*Thử xem con tào có tình gì chẳng.*

*Mà đông lại điểm sắc vàng,*

*Tây thì để trắng, Nam màng mịt đen.*

*Xem cho đến tận ý trên,*

*Thử xem vàng đỏ trắng đen nghĩa gì.*

*Hay là châu hạt biệt ly*

*Hay là lá ý sắc để bì trí khôn?*

*Cớ sang đến tận lang môn*

*Để xem người trắng bán buôn thế nào?*

*Ngoài cường trong nước làm sao*

*Dạy người thế ấy, luật nào trị dân?*

Lân bang giao thiệp xa gần?  
Văn chương bác học phú bần thế nào?  
Dân gian hưởng thái thế nào?  
Luân thường phong tục làm sao khác mình?  
Thử xem hai chữ văn minh,  
Có làm dân đảng hiển vinh hơn người.  
Kể từ ước đã mấy mươi,  
Bỗng đâu hồng chín được mười rõ may!  
Nhân kỳ đầu xảo Mac-xây,  
Nghìn chín trăm sáu tới ngay thật vừa.  
Nhớ ơn bảo hộ linh thừa,  
Theo đoàn thuyền thợ dân đưa mọi người,  
Đầu năm vừa quá mười mươi,  
Xếp thu hòm xiêng để xuôi Hải Phòng.  
Bạn xưa đưa đón mừng lòng,  
Đó đây vài chén ước hồng nhiều câu.  
Họ hàng kẻ túi người sây,  
Tiễn chân cho đến thang tâu "Cachar".  
Thuyền vừa quay mũi giờ ra,

Một giờ đã điểm chuông nhà Sáu Kho.  
Trên thuyề`n chưa dứt lô bô,  
Lườn sông đã quá biển to đưong vời.  
Vừa may sóng gió thuận giời,  
Gác tâ`u chễm chệ trông giời nước xanh.  
Bô`n bê`ngó quâ`t ngó quanh,  
Ngàn giời xanh với nước xanh một rờng.  
Sớm chiề`u nhật nguyệt đôi vừng,  
Cứ quen lý cỏ mọc đông lặn đoài.  
Lườn thuyề`n tiế`ng nước êm tai,  
Nhấ`c thời vùn vụt canh dài ngắ`n không.  
Mặt giời vừa tỏ hai đông.  
Trước nơi Đà Nẵng đã trông thấ`y bờ.  
Đế`n chiề`u, vừa đúng bảy giờ,  
Trông vào còn thấ`y mạp mờ Tourane.  
Đỗ tàu xuô`ng chiề`c tam ban;  
Ghé qua thăm tỉnh Quảng Nam một hồ`i.  
Các tàu lẻ tẻ dăm đôi,  
Đi quanh một dạo vừa thôi hế`t đưong.

Sáng ngày mờ tỏ thái dương,  
Mũi tàu đã giở theo đường Quy Nhơn.  
Ngang đường ngắm cảnh núi non,  
Vài ngày lại ghé bên đôn Nha Trang.  
Nhà tranh lệt đẹt dăm hàng,  
Ngắm xem rìng núi lại càng buôn thay!  
Rút neo đi suốt một ngày,  
Saint Jacques Giác<sup>8</sup> đã thấy ngay kê kê.  
Nhìn quanh nhìn quất bốn bề,  
Pháo đài chia chia, quả đê đỡ người.  
Cỏ cây nhan nhản tốt tươi,  
Quả hoa xanh đỏ như cười với xuân.  
Tỉnh vừa chưa hết một tuần,  
Sài Gòn đâu đã như gần tới nơi.  
Lừ lừ tàu chạy sông Nhoi,  
Bồng đầu đã thấy đò bơi trước cầu.  
Linh thành neo kéo hồ i lâu,  
Ngánh đi ngánh lại đã mau lên bờ.  
Một hồ i quanh quất bơ vơ,

Thăm dò một lát, ngẩn ngơ tìm đường.  
Địa đồ` mua lấ y một truong,  
Tỉnh thành lầ u các phồ` đường phân minh.  
Xe hòm ngô` i tựa đình ninh,  
Qua câ` u sông Mới qua hình d'Adran.  
May chiề` u vừa có bóng giăng  
Hề` t ra chợ chính lại đầ` ng Cát-na, Gồ` m nhà giầy thép to. Cha!  
Giồ` ng thay vườn cảnh ngã ba đầ` u đường. Nor'dom phồ`  
mấ y<sup>9</sup> rộng nhường,  
Charner thăm thăm hai hàng giò` ng cây.  
Quan' a mấ y<sup>10</sup> lại đẹp thay,  
Dãy toà Thồ` ng đồ` c đẹp tày dinh vua.  
Nhà Chung đứng giữa lừng lơ,  
Hai chòi ngắ t ngẫu vắn vơ cổ quyề` n.  
Hoả xa cùng mấ y hoả thuyề` n,  
Chúu cho ngang phồ` , liên miên đầ` y phòng.  
Khen ai ghê gớm phu công  
Làm cho bãi vắ ng bổng đông nên thành.  
Nơi này khi trước nhà gianh,  
Bây giờ san sát lầ` u dinh cao dài.



Chỗ kia xưa túp thuyê`n chài,  
Bây giờ quan lộ lâu đài giảng giảng.  
Hai ngày quanh đạo tung tăng,  
Khi chơi phồ` rộng, khi thăng cao lâ`u.  
Hê`t phồ` tây, lại phồ` tàu,  
Ta thì lác đác không đâu có nhiê`u.  
Đó đây vài đám tụy tiê`u,  
Hoặc là xe kéo, hoặc chèo tam ban.  
Hoặc là thông ký xì xoàng,  
Hoặc là bô`i bê`p chí gian thoi mà.  
Ban chiê`u đạo phồ` la cà,  
Khăn quàng xanh đỏ, áo là cổ cao.  
Đĩ ..... lêu lao,  
Khi vào Nhà-xét, khi vào Café.  
Xì gà, rượu mạnh tử tê...  
.....  
... Trừ ra văn học, kém gì?  
Trừ ra buôn bán ai bì đưọc em,  
Nghĩ tình Nam, Bắ`c anh em.

Cùng người bản xứ liê`n đem sự tình

Hỏi từ Tây đê`n dạy tình,

Gâ`n đây thế` kỷ học hành những chi?

Nam rã`ng Trương Vĩnh<sup>11</sup> là gì!

Quan binh cai trị, thiê`u chi người mình.

Nào thâ`y kiện, nào y sinh,

Người tài giồ`ng giọt, người tinh đo đường

.....

... Giã từ hai sự ước ao Bên buôn bên học bên nào cũng tình.

Văn nhân má`y bực thông minh,

Liệu bài sao khởi của mình người thu. ....

.....<sup>12</sup>

Còn bê` chề chén ăn chơi

Kém người dăm bực cũng thôi chịu nhường.

Tình ngay dức mọng<sup>13</sup> dững cường,

Can qua thôi hã*i*<sup>14</sup> chịu nhường vài thương.

Ngoại keo thôi cũng nên mừng,

Sức dùng đâ`u vật giữ lưng cày bừa.

Đời gâ`n qua buổi gió mưa

Thiê`t tâ`n lời thô`ng (?) đô` thừa nay mai.

*Đồ`ng bào gắ`n bó một hai,  
Rời chân Chợ Lớn dạo vài giờ chơi.  
Trông mà gan quặn ruột sôi,  
Đầ`t nhà rành mạch, của người dinh cơ.  
Quan mình cai trị sờ sờ  
Lợi dân không biế`t dân nhờ ai trông?  
Người Nam khô` rách đầ`u không,  
Chú Tàu đầu đế`n dinh trong dinh ngoài.  
Bán nem cho chí thuyề`n chài,  
Cu ly cũng phải dụng tài chú... đuôi.  
Miề`n Nam bán ngược buôn xuôi,  
Nước rừng cây núi để` nuôi miệng người...*

Đọc xong má`y đoạn bài du ký *Đi Tây* trên đây, chắ`c các bạn đọc không khỏi mỉm cười mà cho đó là một lờ`i văn quá thực thà, vậ`n điệu dớ` dẫn, mà nhiề`u đoạn tồ`i nghĩa là khác nữa. Ta có cảm tưởng đó là một bài về của sầm chợ, một thứ thơ lục bát rẻ tiề`n, nhưng có ai biế`t rằ`ng, muố`n làm được một bài văn như thế`, vào khoảng 1906, người ta đã khó khăn biế`t bao nhiêu và phải gắ`ng sức biế`t bao nhiêu!

Trong một bức thư quố`c ngữ có xen nhiề`u chữ Pháp của Nguyễn Văn Vĩnh gửi cho một người bạn thân là Tr. Trg. K., người ta lại thấ`y má`y câu này:

"... Sao không gửi cho tôi một cái thư? Được thư anh, giả như là ngay. Nói cho tôi biết "chú bán bánh" có tin cần được không? Tin cần được thì tôi sẽ viết chữ pha-lang-xa cho dễ hiểu"<sup>15</sup>

Xem vậy thì đủ biết viết quốc văn lúc đó thực khó khăn; muốn bày tỏ điều gì văn ta có vẻ như không đủ chữ; vả lại, người ta đối với quốc văn không có bụng kính trọng, nên thường lười không muốn nghĩ ngợi để tìm chữ, tìm câu là khác.

Trong những mớ tài liệu (thư từ gửi cho bạn bè, thư giao thiệp, thư doanh thương, những bài báo viết dở, những bản chương trình thảo sơ lược, những điều lệ hội xuất bản *Trung Bắc tân văn* v.v...) mà chúng tôi hiện có dưới tay, bảy phần mười, Nguyễn Văn Vĩnh đề u thảo bằng chữ Pháp. Ngay cuối nhật ký của ông ghi những điều u mắt thấy tai nghe hôm đi dự cuộc đấu xảo Marseille ở Pháp, cuối nhật ký viết để cho mình đọc, Nguyễn Văn Vĩnh cũng viết bằng tiếng Pháp và suốt từ đầu đến cuối không có một dòng bằng quốc văn. Dưới đây, chúng tôi xin trích dịch mấy đoạn nhật ký và thư trát vãng lai giữa Nguyễn Văn Vĩnh và anh em bè bạn để chúng ta xem cho biết vang bóng thời đại lúc đó ra thế nào: y phục, phong tục, tâm lý, giáo dục, v.v... nhất thiết bây giờ đều khác cả, mà chữ khác khác như thế thì là điều dở hay là hay?

"... Từ sáng nay, chúng tôi vào sông đào Suez. Đẹp lắm, dài độ 161 cây số, ngang độ 30 và sâu độ 10. Bên tay phải là sa mạc Ấn Độ, bên tay trái là sa mạc Phi châu, đó đây có vài ốc địa (oasis). Bên tả thỉnh thoảng lại có một cái ga con. Từ Colombo trở đi, chúng tôi dễ chịu lắm với những hành khách người Âu có vẻ chế nhạo chúng tôi. Họ thấy có người Annam đi cùng tàu với họ thì có vẻ không bằng lòng..." (Thư gửi cho Ng. V. Thọ)

"... Ở Marseille, không có gì lạ. Trời hơi lạnh mấy hôm nay. Ở bên ta có lẽ lúc này đang kéo quạt, ở đây người ta mặc quần áo nỉ.

Anh nói giúp hộ với nhà tôi rằng bắt đầu dĩ tôi đã may quần áo tây rồi. Ăn mặc như thế, người ta mới không ngạc nhiên và đờ bình phẩm về mình. Quần áo may xong, tôi sẽ chụp ảnh và gửi ngay về cho anh một bức..." (Thư gửi cho Ng. V. Thọ)

"... Kèm theo bức thư này, tôi gửi một bức hình do một nhà nhiếp ảnh tài tử chụp giúp. Anh thấy tôi đứng ở trước một cửa hiệu ở phố Hà Nội trong đầu ngõ Marseille. Lạy kính hiển vi ra mà xem, anh sẽ thấy từ ngày sang Pháp tôi thay đổi ra thế nào.

Trước mặt tôi là một ông tên là Phúc, làm ở sở Musée Commerciale ở Hà Nội; mà theo lời ông ta nói thì hình như có họ hàng với ta, chả biết họ hàng xa hay gần. Dù sao, ông ta cũng quán tại Phương Dục và cùng họ: Nguyễn Hữu Phúc. Trong cùng trong bóng tối là ông Chung, nhà họa sư ở phố Hàng Bát cũ mà tôi cùng kéo đi đầu ngõ.

Cùng với bức hình này, lại còn cả một cái carte postale.<sup>16</sup> Anh trông thì thấy tôi đội mũ rơm, đứng trên Văn Chỉ phố Hà Nội. Đầu ngõ sau tôi là ông Đào Huống Mai, rồi đến ông Chung, dưới cầu thang là ông Kiên cũng đã cắt tóc như tôi vậy. Người mặc quần áo tây là Kim (Trần Trọng Kim) còn hai người kia là thợ.

Hình như người Pháp họ chụp nhiều ảnh cartes postales kỳ đầu ngõ này lắm và trong nhiều bức ảnh có tôi, nhưng tôi chưa có thì giờ đi tìm xem để mua.

Tôi hiện ở thuê một cái buồng trên tầng gác thứ năm số 109 phố Lieutaud và làm việc từ 9 giờ sáng đến trưa và chiều thì từ 2 giờ rưỡi đến 5 giờ rưỡi. Nhưng riêng đối với tôi thì chả có giờ giấc gì cả, tôi làm việc cả đêm và cũng chả được rồi rãi mà đi xem thành phố nữa.

Chính đầu xảo bây giờ đương vui. Anh nói giúp hộ với nhà tôi rằng có thầy tôi cắt tóc ngắn thì đừng giận nhé. Ý tôi thì tôi không thích gì mặc quần áo tây đâu, nhưng cứ để cái búi tóc lù lù, bện lả m mà người ta nhìn mình một cách chế riễu. Không chịu được. Nên tôi mới đành phải bắt chước người ta.

Anh xem đầu y thì biết: Kiên, Kim đều làm như thế cả. Ông Đào còn ra dáng ngắn ngắn nhưng chắc chắn bao lâu rồi cũng bắt chước tôi thôi.

... Trong khi tôi cập bến Hải Phòng, tôi có gặp ông Thu (Nguyễn Hữu Thu) và ông ta có ý muốn vận động cho tôi ở lại Pháp sau khi đầu xảo Marseille bết mặt. Ông Thu có ý muốn cho tôi thành một ông giáo dạy một cái trường Bảo hộ riêng, hình như sắp thành lập dưới quyên bảo trợ của quan Kinh lược, mà cái tinh thần của trường này hình như thiên về cái học mới của Tây phương. Ở Hà Nội cái ý kiến đó, tôi xem chừng như còn mới lả m vì tôi xin thú thực rằng vẫn đề giáo dục thiếu niên còn quá chậm, nhưng ở Hải Phòng này thì khác hẳn. Cái cảnh tượng học hành ở đây an ủi ta rất nhiều. Còn gì vui mắt bằng được trông thấy một bọn trẻ hai ba chục đứa lên năm lên sáu, ăn vận Âu phục, nói tiếng Pháp, đứa nào đứa nào nãy đề đều có vẻ thông minh nhanh nhẹn, cái vẻ thông minh nhanh nhẹn nó là đặc tính của tuổi thiếu niên mạnh dạn, chứa chan hy vọng. Trẻ con ta cho học với trẻ con tây có cái lợi này: là trẻ con ta sẽ có cảm giác bình đẳng, không rút rút.

Xưa nay tôi vẫn chủ trương phải bảo tồn quốc phục, nhưng đến bây giờ thì tôi bắt đầu nhận thấy rằng sự thay đổi bên ngoài có một ảnh hưởng rất to tát cho cái bên trong. Tôi sẽ có dịp nói rất nhiều về vấn đề này một cách kỹ càng hơn và tôi sẽ không quên trưng những tài liệu triết lý và những hiện tượng tâm lý mà tôi đã nhận xét được..." (Thư cho Phạm Duy Tồn)

Xem má'y đoạn thư trích dịch trên đây các bạn tá't đã thấ'y, trong vài nét phóng, tâm lý một bọn thanh niên 1906 thế' nào. Đó là những người số't sắ'ng đi tìm cái mới, cái lạ, cái lớn, lòng trong sạch và thanh thản chứ không buồ'n rầ'u và chán nản như một số' nhiề'u người ngày nay. Họ thiế't tha yêu nước và hô' đem được một điề'u gì mới lạ thì họ sôi nổi, họ sung sướng. Nguyễn Văn Vĩnh, hơn hẳn một số' anh em đương thời, mạnh bạo làm những cái gì mà ông xét có thể có ích cho nước, cho quố'c dân đờ'ng bào chứ không rụt rè hoài nghi, như phầ'n nhiề'u thanh niên bây giờ. Bởi vì Nguyễn Văn Vĩnh biế't con đường mình phải đi, biế't vạch sẵn một phương châm nhấ't định, cứ thế' mà tiến để đi cho tới đích. Chính bởi thế', ông làm được rấ't nhiề'u việc, gây được nhiề'u phong trào mà chúng tôi sẽ nói dầ'n ở dưới đây. Trong việc đê' xướng lên vấ'n đê' cắ't búi tóc, mặc quầ'n áo tây, ông là một trong những tên lính tiên phong hăng hái nhấ't.

#### **IV. Nhà viế't báo**

Như chúng ta đã biế't, Nguyễn Văn Vĩnh viế't báo từ hô'i chưa đi Pháp, nhưng viế't hô'i đó chỉ là viế't chơi, chứ thực chưa có gì ham thích cả.

Muồ'n thấ'y cái tài viế't báo của ông chớm nở như thế' nào ta phải đợi đê' n lúc ông tạm bỏ cái xứ sở này để vượt trùng dương đi nước ngoài, mắ't trông thấ'y nhiề'u sự lạ, tai nghe thấ'y nhiề'u điề'u lạ, nhấ't nhấ't cái gì cũng đê' n làm xáo lộn giác quan và ý nghĩ của ông.

Trong tập thư trát của ông và cuồ'n nhật ký ông còn để lại, nhiề'u đoạn có giá trị như những bài báo của một người đã lành nghề' : sự nhận xét và cách diễn tả ý kiế'n thực lạnh lẹn, ý nhị và mới mẻ.

*...4 giờ chiề'u 20 Février. Đê' n Nha Trang, không có thì giờ lên bộ vì tàu sẽ phải đi hô'i 5 giờ. Trước tỉnh, một dấ'y đờ'i hợp*

thành một cái mà các nhà địa lý gọi là cái án. Cảnh rất buồn. Dân cư thưa thớt không lấy gì làm văn minh lắm. Đàn bà xấu quá, ăn vận lố i Sài Gòn.

Trong khi ở Nha Trang, có việc cũng nên nói. Một người Âu (không biết Hồng Mao, Đức hay gì gì) bắt chúng tôi phải bỏ nón lòng ra chào họ. Chúng tôi không chịu, họ trật nón của chúng tôi ra. Đã đành là để cho họ làm được mình như thế thì cũng chẳng lấy gì làm mạnh bạo, nhưng biết làm sao được? Khi người ta mạnh, người ta có quyền bướng và ngu một chút...

**21 février 1906.** Sài Gòn (xin nhớ đây là Sài Gòn 1906) Đẹp nhưng bẩn quá. Trừ một vài phố lớn có người Pháp ở, còn thì đâu đâu cũng có mùi thối tha, hay béo ngậy chứng tỏ rằng có nhiều chú con trời quăn cư. Người Nam, chỉ thấy có cu-li xe, bắt-tê, bò i, còn hầu hết là Tây, Khách, Ma-la-bà và người ngoại quốc. Đàn bà hiêm quá. Họ đi vớ t vớ và đeo kiềng vàng, cà-rá vàng đỏ rực. Muốn nói ngay cái cảm giác của tôi về Sài Gòn; phải nói rằng người Sài Gòn khổ lắm. Ở Lục tỉnh, người mình cũng có nhiều nhưng các anh phải lấy làm lạ mà nhận rằng tại sao một cái thành phố to rộng như thế, hoạt động như thế, có thể làm được bao nhiêu việc mà chẳng có qua một người Nam nào đứng tay vào làm gì.

... Về việc thông thương, người ta đi xe ngựa ma-la-bà (tại sao lại có cái tên đó? Không ai hiểu), ba cắc một giờ hay xe cao-su 25 xu một giờ...

**22 Février 1906.** Đi Chợ Lớn. Từ Sài Gòn, đi mất sáu giờ.

Tỉnh Chợ Lớn là một tỉnh Khách bản một cách khôn nạn, chung quanh có cái rạch Tào Hủ hôi thắm hôi hạn. Nhà Khách trông có vẻ tráng lệ lắm nhưng bản vô cùng, người ta lấy làm lạ sao bệnh dịch



tả lại không đóng đô ở đây. Trên một cái xe thổ mộ, lẩy tay bịt mũi, chúng tôi đã đi vòng quanh tỉnh dưới một bầu trời nóng bức lạ thường, giữa một đám người bán thú, mà Hà Nội không thể dung tha được.

Phố nào cũng có chùa, đẹp như chùa Tàu Hải Phòng. Dinh ông Đô c phủ Phương tráng lệ lắm.

Ở Chợ Lớn gần như không có một người Nam nào cả, trừ mấy nhà buôn đồ chơi trẻ con. Tìm được căn phố của các ông thông ngôn ở thật khó khăn quá chừng. Lại một bọn người chướng lạ chướng lùng, có vẻ hợm mà bả t chước tây hệt chỗ nói<sup>17</sup>.

Những ông thông ngôn ở Hà Nội đã làm cho mình phải buồn, các ông thông ngôn ở đây làm cho mình kinh tởm. Nói chuyện với nhau, họ dùng những ngôn ngữ tục tằn. Họ không chơi với người Bắc và nhìn chúng tôi một cách khinh bỉ, có vẻ như tự phụ về cái khăn phu-la quàng trên đầu, cái quần thâm và cái áo bà ba trắng. Những người ở giai cấp trên thì lên mặt nghiêm trang một cách giả dốt. Người ta vô lễ quá, đến cả tên phu xe cũng vậy. Một anh mời chúng tôi đi xe mà như chửi chúng tôi: "Đồ bưng! Trời nắng chệch cha không đi xe!" Lại có một anh cho chúng tôi một bài học ái quốc (đã đành là ái quốc theo lối riêng của họ): "Quân, người An Nam với nhau mà đi xe trả theo lối ta-rip".<sup>18</sup> Bởi vì chúng tôi đi xe lại trả theo giá tiền đã biên sẵn trên thẻ mã c trên xe...

... Đó, vài nét về cái chỗ chúng tôi vừa đi qua. Lúc mới đặt chân đến, người ta sung sướng vì tưởng rằng được về một góc xir sở thân yêu của mình; không ngờ, đến khi đi người ta lại thấy sung sướng vì vừa được từ giả một cái xir mà tất cả đều gây sự đau khổ cho lòng người ta.

Trần T. Kim luôn miệng nói mấy câu này như điệp khúc của một bài ca: "Áy vậ mà của mình đầ y! Thê mà không còn có cái gì của mình nữa!"

**9 Mars 1906, 12 giờ trưa, viê t từ bể ở eo Aden.** ... Sau, bẻ lạng, đêm đén dịu dàng. Người ta tưởng như đang đi trên một cái hồ mông mênh. Một vầng giăng tươi cười chiếu ánh sáng lên boong tàu. Nằ ở trên ghề chao, có một ngọn gió bẻ hắ t hiu phe phẩy, chúng tôi nhớ đén các anh ở nhà, chúng tôi nhớ đén họ hàng lúc này chắ c cũng buồ n vì chúng tôi vắ ng mặt<sup>19</sup>. Chúng tôi nhớ đén Tô n hắ n lúc này rắ t tiể c không đượ c đi với chúng tôi; đén Cánh, đén Thanh có lẽ đã quên má t chúng tôi rô i và đén biể t bao nhiêu người khác đã đặt biể t bao nhiêu hy vộ ng vào hai người<sup>20</sup> mà họ cử đi xâm lược cái lớn lao và đứ ng mắ nh (... qui ont mis tant d'espoirs dans ces deux hommes qu'ils envoient à la conquête du grand et du fort). Chính nhữ ng lúc chúng tôi nhớ đén nhữ ng người đó thì chúng tôi lại thắ y xôn xao trong bụng, chúng tôi sợ cái tươ ng lai bá t trắ c và chúng tôi lo rắ ng mình đã xây ở trong đầ u óc quá nhiề u mơ tưở ng

(nguyên văn: la crainte de n'avoir fait que trop de chateaux en Espagne).

(Thư viê t ở Marseille về cho Phạm Duy Tô n, 2.5.1906).

**2 Juin 1906.** Má y hôm nay, tôi đã có thì giờ dạo phố. Sở dĩ dám đi chơi, á y là vì tôi đã vận quầ n áo tây. Buổi chiề u, ngồ i ở hàng cà-phê Cannebière (phố chính ở Marseille) nhìn cái đám người đi đi lại lại, chen lắ n nhau ở giữa đám xe pháo và tàu bè, thích lắ m... Ở đây, vài ông trườ ng giả nói chuyện về tiề n nông, đánh bạc đượ c; kia, một bọn vươ ng tôn công tử ăn mặc diêm dúa lắ m, đầ u đội mũ pa-na-ma bẻ cúp xuồ ng che ánh điệ n khỏi làm loá má t. Đó là nhữ ng cậu con nhà giàu, ăn bám vào bố mẹ, quanh

năm suốt tháng chỉ sống ở cao lầu nhà hát hoặc những anh đại  
lãn suốt ngày đêm quanh quẩn ở trong sòng để tìm cách sinh nhai  
về cò bạc. Giữa đám đó, nhưng ở trong những chỗ tranh tời tranh  
sáng bọn gái non đi lại nhờn nhờn, cái hạng gái mà tôi đã nói với anh  
trong thư trước. Giữa đám đông trộn lộn hàng trăm màu sắc đó,  
hàng ngàn thứ tiếng đó, người ta nghe thấy bọn trẻ bán báo rao  
râm rời "Le Matin", "Le Journal", "Marseille Républicain",  
"Le Radical" "Gomne Russe" v.v... làm cho ta lại nhớ đến những  
tiếng rao "ngầu nhục phàn"... "Nem Saigon" và "mía muaaa" ở  
nước ta.

**27 Juin.** Đêm qua, Đ. T. Kim<sup>21</sup> và tôi đi xem diễn kịch *Le Cid*<sup>22</sup> ở  
nhà hát lớn, đi xem không mất tiền, vì có ông Vierge mời.

Sương quá, nhất là vì là tại lầu đầu tôi được đi xem diễn một  
tích hát cổ điển mà chúng ta chỉ mới được đọc thôi. Cách họ ngâm  
thơ, làm cho người ta hiểu thêm cái hay của văn chương, cái cao  
thượng của tình cảm thường thường người ta không được thấy rõ  
lắm trong khi đọc sách.

Duy có một điều đáng tiếc là Đ. và T. hình như không hiểu  
lắm nên đứng đưng coi thường. Nhưng ông Đ. dù không hiểu, cũng  
còn làm ra cách muôn hiểu chứ đến ông T. nhà họa sĩ, thì đứng  
đưng đờ i với những cái đẹp khó trông thấy đó: ông quan niệm cái  
đẹp một cách khác chẳng. Lão T. của chúng ta thấy tôi vỗ tay tán  
thưởng thì lại cho là bớ vớ là giả đờ i và ông nói to lên với tôi như  
thế. Cảm tưởng: người mình bướng quá. Muôn làm cho họ nhận  
thấy sự tiến bộ, thật là khó quá. Chúng ta không bao giờ chịu nhận  
chúng ta thua kém các dân tộc khác. Và lại, nhận tội lỗi của mình có  
phải là một sự nhục nhã gì cho cam! Trong cõi đời này, ai lại chẳng  
có tính xâu? Người nào mà đã trông thấy nhiều điều làm lỗi  
của mình, người ấy gần đi đến chỗ hoàn toàn. Hình như đức  
Khổng đã dạy ta như thế.

*Đôi với họ, đem giã u những nết xấu của mình đi rồi lấy đó làm tính tốt, thế là yêu nước, thế là làm vẻ vang cho nòi giống đó!*

*Chao ôi! nhớ lại những tư tưởng đó, tôi lại càng cảm phục ông Nguyễn Hữu Thu. Ừ thật, những hạng to đùng ấy<sup>23</sup> thì không thể làm gì được thật. Muốn có một lớp người khá, muốn có một lớp người hướng dẫn về con đường khoa học, ta phải trông mong ở lớp người đến sau, ở những hạng thiếu niên bây giờ. Ốc họ chưa bị những thành kiến cổ hủ, đôi bại ăn sâu đục thủng. Ngồi mà nghĩ rằng tôi sẽ là người thứ nhất để làm cái công việc đó, để mà gây lấy một tương lai tốt đẹp đó, tôi sung sướng vô cùng. Cha mẹ, anh em, vợ con, tất cả đều phai nhòa ở trước tư tưởng đó để nhường chỗ cho một lòng vui thích êm ái nhất".*

Như đã nói ở trên, những bức thư, những đoạn nhật ký mà chúng tôi lược trích ở trên đây có thể coi như những mẫu potins<sup>24</sup> giá trị trên những tờ báo ngày nay.

Ta thấy rằng Nguyễn Văn Vĩnh ngay hôm đó đã đề tâm đến việc báo chí lắm. Trong những bức thư gửi cho Nguyễn Văn Thọ và Phạm Duy Tô n, không mấy lạ là ta không ghi những cảm tưởng sau khi đọc những bài báo hay. Ông mua năm nhieu thứ báo, ngay khi ở nước nhà. Sang đây, ông đọc nhieu báo *Humanité*, *Journal* và *Matin*, đọc không phân những chủ nghĩa trái ngược nhau, có lẽ bởi vì ông muốn biết những chiến sĩ ở các đảng chính trị bên Pháp làm báo khác nhau thế nào, mỗi đảng có một cái hay ra làm sao, người thủ cựu viết bên chủ nghĩa ra thế nào và kẻ quá khích hô hào dân chúng ra sao. Những báo đó, xem xong, ông lại gửi về cho Thọ và Tô n và Tô n và Thọ lại gửi báo ở nước nhà sang cho ông.

*"... Tôi vừa đọc thấy ở trong báo Avenir du Tonkin câu chuyện tình cảm động của Thọ Bính. Dù người phóng viên viết tin ấy có ý*

bệnh Bính, nhưng tự tôi ở bên này tôi cũng đoán được ra hết cả đầu đuôi câu chuyện. (Thư ở Marseille gửi cho Thọ 17 Aout 1906).

... "Từ tuần này tôi sẽ gửi đề u báo *Le Matin* về cho anh, anh đọc đi và anh muốn đưa cho ai xem thì đưa". (Thư ở Marseille gửi cho Thọ 17 Aout 1906).

"Những việc xảy ra ít lâu nay trong hoàn cảnh u không thể không làm cho bất cứ người nào ngạc nhiên. Bên Ý, núi *Vésuve* phun lửa. Bên Mỹ, cái thiên tai *San Francisco*. Ở Pháp và ở Đức, đình công và đình công.

Ngày 1er Mai mà y lâu nay được coi như là một ngày cách mệnh xã hội. Tôi muốn tả kỹ để cho anh thấy những việc gì đã xảy ra... Cùng với thư này, tôi gửi luôn cho anh xem cho biết kỹ cái tình hình quốc tế ra sao vậy..." (Thư cho Phạm Duy Tô n 2 Mai 1906).

Trong khi đó, Nguyễn Văn Vĩnh hàng tháng có bài đăng ở trong *Revue de Paris*, phần nhiều bài là để biểu dương cho thế giới thấy nên tiểu công nghệ và quan niệm về mỹ thuật của người Việt Nam. Những bài đó, ông gửi về cho bạn xem và không quên giục bạn hữu gửi những số báo có bài họ sang cho ông xem với. Họ bình phẩm tư tưởng của nhau và rất thiết tha để ý đến sự tiến của tinh thần và văn chương.

... "Tôi đọc thấy trong *Avenir du Tonkin* một bản dịch bài "Atia năm châu là bực nhất" của Đ.V.S. Có phải là bạn Đào Văn Sĩ của chúng ta không?

Bài cuối cùng của *Hàn Thái Dương* về những ông quan sang Pháp có vẻ hay hơn những bài trước.

Còn về tập nhật ký, anh bảo rằng có người muốn sưu tập những thư từ của tôi để đăng tải lên mặt báo. Đừng, tôi xin anh.

*Tôi thấy rằng mỗi ngày ý kiến của tôi mỗi thay đổi, nếu đăng lên bây giờ tôi sợ sau này chính tôi lại phản đối tôi".*

Nguyễn Văn Vĩnh thiết tha về nghề báo ngay từ lúc bảy giờ, nhưng ông chín lăm, và, dù có nhiều bạn bè thúc giục, ông cũng vẫn chưa muốn chuyên tâm viết.

*"... Ở đây, tôi rất có nhiều dịp tốt để viết báo, nhưng tôi không làm, sợ dĩ nhiên là vì từ bây giờ cho đến khi đạt được mục đích, tôi muốn hoàn toàn là vô danh, không ai biết tôi là ai cả. Cái mục đích ấy, tôi đã nói với anh nhiều rồi..."*

Trong khi đó, Nguyễn Văn Vĩnh không ngớt đọc báo và dù công việc về đầu xảo cực kỳ bận rộn, ông cũng có thể thì giờ đi thăm những nhà báo Pháp và bài tường một cuộc đi thăm đó cho Phạm Duy Tồn đã cho ta thấy rằng chưa bước chân hẳn vào nghề ông đã say mê nghề như thế nào:

*"... Cuộc đi thăm lý thú nhất của tôi trong Đầu xảo là cuộc đi thăm gian báo "Petit Marseillais". Tòa báo đó có những tài liệu xác thực nhất, lý thú nhất về nghề in từ khi nghề đó bắt đầu nảy nở hay nói cho đúng từ khi nghề đó bắt đầu được nhập cảng vào Âu châu. Một cái ma-két vẽ Guttenberg đứng trong cái nhà in thứ nhất của ông ta. Trong tủ kính, bày những sách vở và tài liệu linh tinh in từ ngày mới có nghề in đến bây giờ. Khách đến xem có thể theo dõi từng bước cái lịch trình tiến hoá của nghề in, của cái nghề nhân những bản thảo lên thành nghìn thành vạn.*

*Trong một buổi riêng, có bày những máy móc tôi tận tâm cho ta cái quan niệm của sự cố gắng khổng lồ trong ba thế kỷ. Ai đã từng được trông thấy một người thợ xếp chữ tìm từng chữ một xếp với nhau, buộc thành bát rô-i cho vào khuôn, ai đã từng thấy thế mà cho nhìn vào chỗ này thì sẽ phải ngạc nhiên vô cùng. Không*

cà`n xé`p chữ, không cà`n buộc, không cà`n lên khuôn gì gì cả. Một người chỉ cà`n điề`u khiến một cái cà`n, như kiểu đánh máy chữ, trong vài tiề`ng đô`ng hô` là có một tờ báo in xong. Đó là máy linotype. Máy linotype khác máy đánh chữ ở chỗ này: đánh máy chữ thì những cái cà`n có chữ đập vào cái băng, chữ hã`n vào băng mực rô`i in chữ lên mặt giấ`y. Ở cái máy linotype những cái cà`n nâng lên hạ xuô`ng và làm cho những khuôn chữ ở trong những cái ô rơi vào trong một cái rãnh. Cái rãnh â`y dài rộng theo chiề`u mỗi giòng chữ, khi nào cái rãnh có nhiề`u khuôn chữ rô`i, người thợ á`n vào một cái, làm chuyể`n một cái bánh xe trong có đứ`ng chì lỏng và làm cho những khuôn chữ xé`p thành hàng thẳng trong cái rãnh. Trước cái rãnh, có lỗ thủng để cho chì chảy ở trong bánh xe rô`i. Rô`i chì lỏng â`y ôm lâ`y những khuôn. Một cái khuôn đặc rơi ở trong rãnh ra và rơi vào trong ngăn. Thê` là giòng chữ thứ hai đã đứ`ng xé`p hàng ở cạnh giòng chữ thứ nhấ`t, rô`i giòng chữ ba, giòng chữ tư... cho đế`n khi thành một cột báo. Kèm thư này, tôi gửi về` cho anh mẫu mấ`y chữ in bằ`ng máy linotype. Máy này in chóng lắ`m, y như ta đánh máy. Có chậ`m dăm ba cái tích tắ`c mỗi giòng là vì cái công việc chì chảy mà tôi gọi là coulage. Tôi còn có dịp nói với anh về` cái máy in báo xong lại gắ`p báo luôn của nhà Petit Marseillais..."

\*

... tập bài Nguyễn Văn Vĩnh đế`n đây tạm hoãn. Những tài liệu còn nhiề`u, chúng tôi sẽ còn ghi chép nữa, và nế`u cơ hội thuận tiện hơn, chúng tôi sẽ in ra thành sách.

**VŨ BẮ`NG**

*Trung Bắ`c chủ nhật, Hà Nội, số` 201 (7.5.1944); số` 202 (14.5.1944); số` 203 (21.5.1944); số` 204 (28.5.1944); 205 (4.6.1944); số` 206 (11.6.1944).*

# Gánh chung việc nghĩa liêu ra mặt

Họ làm việc nghĩa và chúng tôi đã thấy mặt họ đêm thứ bảy vừa rồi. Không phải ai xa lạ. Toàn là các bà nổi tiếng về cung đàn nhịp phách. Vạn Thái, Khâm Thiên, Ngã Tư. Bà Hồ, bà Hậu, bà Phúc, bà Năm, bà Sen, bà Liên, bà Bích. Những mặt quen biết cả. Thừa các ngài, muốn gặp mặt các bà để nói một câu chuyện văn chương hay nghe một bài cung bậc, các ngài cứ việc xuống chơi nhà. Nhưng gặp mặt được đủ các bà ở một nơi, cùng một giờ, cùng làm chung một việc, này, xin thú thực là chưa bao giờ tôi được thấy.

Thấy được hôm vừa rồi, ấy là vì các bà "liêu" <sup>1</sup>. Liêu ra mặt. Liêu ra mặt trên sân khấu Nhà hát Lớn. Cái công việc đã hội họp tất cả các bà lại ở đây có một mục đích đáng yêu và đáng phục: cứu giúp đồng bào đói rách và mua quà tặng quân lính Nhật bị thương.

Ý kiến của ban tổ chức: tuyệt.

Quả phúc của các bà: to.

Các ông đi xem: há.

Xin thành thực mừng các bà. Thử một keo, thành công ngay lập tức. Thì chúng ta vẫn biết rằng các bà từ xưa vẫn có tài tổ chức hơn đàn ông chúng mình.

Thôi, im đi, đừng cười. Màn mở đây kia. Mười sáu cô thiếu nữ đứng ở sau một cái quạt to, lộ mặt ra chào các quan. Áo voan lóng lánh trang kim. Hoa trắng quàng tóc. Bít tất trắng. Quạt, một mặt vàng, một mặt chàm đỏ, cầm tay. Các cô múa, các cô hát, các cô vừa múa vừa hát, các cô vừa hát lại vừa múa nữa.



Vé hạng nhấ t, nghe như bán có năm mươi đò ng. Ông nào có nhân tình trong bọn mười sáu cô này, phải trả một ngàn đò ng để xem cuộc bắ t bài này, chắ c không cũng tiế c, rên.

Cứ múa nữa đi các em. Bắ t bài lớ i mới, trông tình lắ m. Trước bắ t mười sáu cô như thế này, chỉ có vua xem. Thường chỉ có tám. Các người bắ t bài phải đội mũ vận xiêm, đeo hai đèn hai bên vai. Phiề n lắ m. Bắ t lớ i tân thời, có vẻ bình dân, nhẹ nhàng. Ánh sáng đổi màu. Tà áo rung rinh. Thật chả khác mười sáu con bướm con ra ràng. Đáng tiế c một điề u là các cô hát hơi nhỏ. Không. Các cô hát không nhỏ đâu. Ấ y là tại tiế ng trồ ng câ m khí to. Nhỏ đi một chút, không ra rầm thì tô t. Giá tiêu lại lên tí nữa, còn hay đáo để. Tuy vậy, không sao. Cứ trông thắ y các cô múa hát người ta cũng đã muố n rô i. Muố n xem hế t buổi diễn từ đầ u đế n cuố i.

Sau khi bà Bạch Liên đạo một bản đàn tỳ và bà Quách Thị Hồ ngâm một bài thơ bát cú giáo đầ u, đế n vở chính: *Lưu Bình – Dương Lễ*.

Tại sao lại *Dương Lễ – Lưu Bình*? Ta phải tìm ban tổ chức.

Bà Hồ , để râu theo lớ i Mac Donald, uố n tâ m thân "liều bô " thành cái thế võ "lường sà pát pảo", bảo tôi:

Tôi đố ông biế t đắ y.

Tôi cam đoan rằ ng nế u có ai bắ t tôi đoản hai mươi năm thọ thì đành, chứ đoán những cái bí mật của các bà ra thì chịu. Bà nói:

– Vậy thì được, tôi bảo cho mà biế t. Chọn diễn vở chèo cổ *Lưu Bình – Dương Lễ* chúng tôi không phải là làm một việc cao húng nhắ t thời đầ u. Nguyên bà Năm và bà Phúc ở nhà vẫn thường đóng hai vai Dương Lễ và Châu Long. Chị em tôi nghĩ ngợi. Và một ý tưởng

này đã xuất hiện ở trong đầu óc chúng tôi: Ừ phải, tại sao nhà xuất bản sách bán sách để cứu dân nghèo đói, nhà làm thuố c quyền thuố c để phân phát đi các trại, nhà làm báo viết báo để hô hào người ta quyền tiề n, mà chúng tôi hy sinh cho nghề hát lại không thể lấ y tiề ng hát ra làm việc nghĩa? Chúng tôi nhấ t định chơi vở *Lưu Bình – Dương Lễ*. Tôi xin cái vai hê của Dương Lễ là vai tôi ưa nhấ t cũng như bà Hậu xưa nay thích cười cợt đứng nhận vai tiêu đồ ng của ông Lưu Bình. Tiên sinh tính, nế u người ta không cười cho vui thì cuộc đời này buồ n biế t bao nhiêu.

Bà Hồ vẫn đẹp và vui như ngày trước.

Nghe câu bình phẩm về cái vui, cái buồ n của cuộc đời, tôi chợt nhớ đế n một đêm thu xanh ở một kỹ viện V.T. vào quẩ ng bảy tám năm về trước: chán ngắ y tỳ bà, cung bắ c, Hồ thủ vai Đào Hiế u và chúng tôi đã lăn cả ra mà cười. Bà này cười khoẻ mà làm cho người ta cười dễ. Thủ cái vai tiêu đồ ng chắ c khá. Vai này quả đã làm nổi tồ i hát đêm thứ bảy vừa rồ i. Tự nhiên, pha trò khá. Duy có một điề u hơi tiề c là giọng bà là giọng kim, bà không làm bật được bài *Trắ n thủ lưu đồ n* xưa nay tôi vô n thích. Bài này hát to lên mà làm cho toàn thể đượ m một vẻ buồ n xa vắ ng, thì còn thú biế t bao nhiêu!

Bà Hậu sắ m cũng tài. Bà Liên, bà Bích, bà Phúc, bà Sen, bộ nào ra bộ á y, lịch sự lắ m, đượ nhiề u phen tán thưởng. Bà Phúc hát yế u. Bà Năm hát công phu. Giọng hai bà vẫn tồ t, hát nhiề u điề u lạ và hay. Kể trong chị em, lấ y hai người khác để hát thay những giọng rắ t khó như vai Lưu Bình và Châu Long, dễ không bà nào hơn đượ. Kể cả bà Sen nữa.

Hoa sen, độ này đương mùa nực, tha hồ mà phô sắ c khoe hương. Ở gầ n bùn, không chịu hôi tanh mùi bùn. Cứ vượt lên, nghĩa là cứ cố ngoi lên mặt nước để đứng cho thật thẳng. Ở trên sân khắ u

cũng vậy, bà Sen đứng lúc nào cũng thẳng tắp, rõ ra một ông quan lớn. Xưa nay một số quan vẫn thế mà. *Ngày thì quan lớn như thằn lằn, đêm thì quan lớn tầm ngạ cầm như ma.* Bà Sen đã lọt được tâm lý một ông quan vậy. Cái tiếng của bà chọn để đóng cũng khéo. Trinh trọng mà chua. Gắt mà lại như mon trón. Giá có vợ Kiêu để đóng Hoạn Thư thì có lẽ không ai ăn được bà.

Có cần phải nói thêm rằng hai bà Liên và Bích đóng vai vợ cả và vợ hai Lưu Bình, từ bộ điệu đến giọng hát, đều vững chắc như thành? Bà Bích hát có vẻ "buồn giọng", bà Liên thì lười nhưng ta phải thành thực khen rằng chứng chạc. Hai bà đã hát to nhất trong cả đoàn. Các bà khác hát hơi nhỏ, nghe không được rõ. Đó không phải là một điều chê. Trái lại. Các bà là đàn bà kia mà, ăn nói mềm mỏng chứ có phải sinh ra để làm những việc xấu xí như hét vào tai người ta đâu. Đóng cửa lại, êm ái với nhau để cho các bà rỉ tai ta mà hát, đó mới thật là sở trường của các bà. Và lại, nghĩ đi phải có nghĩ lại. Các bà không phải là voi. Các bà mệt chứ. Nghe lời ban tổ chức kể lại, tự lúc tập cho đến lúc diễn, có ngót hai tháng trời. Nay diễn thử mai đóng thử, này học vở cho thật chứ, này chơi cái vai của mình cho thật đúng, rồi lại ông dàn cảnh này bắt bẻ, rồi lại nhà hoá trang kia làm tội làm tình trong khi kẻ một cái lông mi, ngài đã thấy mệt chưa? Mà hàng ngày lại còn phải làm ăn buôn bán nữa, sai bảo kẻ ăn người làm nữa, nói chuyện nói trò, bán vé bán việc nữa, tôi bảo thật, nếu phải địa vị các ông thì đã mệt lử thờ chả ra hơi rồi!

Vâng thật thế! Đứng trước tâm lòng quý hoá của các bà, tôi nhận thấy rằng tất cả mọi người đều quy phục. Việc bán đấu giá theo lối Mỹ một bó hoa *la-don* và cái lọ cổ (chưa vỡ) được đến hai vạn đồng là một bằng chứng thành thực tỏ rằng người ta hoan nghênh hết sức công việc và tối hát của các bà. Ước ao rằng các bà vì việc nghĩa sẽ còn đứng ra tổ chức những cuộc vui hứng thú như thế nữa để tỏ rằng trong những đêm sung sướng người ta bao giờ cũng biết

nghĩ đến những kiếp vận buồm râu, trong những lúc đàm đạo với những ông no đủ, các bà vẫn không quên những đồng bào nghèo khó.

Thưa các bà, bao giờ các bà cho chúng tôi xem vở *Đào Huệ*,  
*Tuần Ty*?

**VŨ BÃNG**

*Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, số 243 (6.5.1945)*

# Quốc kỳ

Ba việc mà Nội các bắt tay vào làm ngay là chọn quốc hiệu, nghĩ quốc kỳ, tìm quốc ca.<sup>1</sup>

Quốc hiệu ta là Việt Nam. Quốc ca đang đặt. Còn quốc kỳ, theo một tin trước, toàn một màu vàng. Nhưng theo một tin Domei mới đây thì đức Bảo Đại vẫn chưa ưng chuẩn.

Ai lại còn không biết rằng quốc kỳ là biểu hiện tinh thần một dân tộc, một quốc gia, vậy ta không thể cầu thả được.

Có người cho rằng màu vàng, theo luật quốc tế, là màu bệnh tật. Sự thực, màu vàng và hai ô đen mới là màu báo bệnh tật truyền nhiễm; cờ toàn màu vàng là một dấu hiệu tỏ ra rằng tàu phải đỗ bốn mươi ngày mới được vào bờ. Nghĩa là phải đợi.

Nước ta muốn tiến, không muốn đứng, – bởi vì đứng là lùi, – không thể dùng được sắc toàn vàng làm quốc kỳ.

Có người, trái lại, lại cho rằng theo luật hướng đạo quốc tế, thì màu vàng tỏ sự chớm nở, sự bắt đầu của một cuộc đời, sự sinh sống, cũng như màu xanh biểu hiện thiên nhiên và màu đỏ là màu hy sinh quyết liệt. Vậy dùng màu vàng cũng được không sao.

Bên nào hữu lý? Gác chuyện ý nghĩa của màu sắc theo luật quốc tế, ta để ý nhìn vào thực sự xem sao. Đối với nhà mỹ thuật, màu vàng là màu quảng cáo, nhưng cứ mắt nhiều người trông thấy thì những lá cờ vàng treo trong các phố gần đây gợi cho ta một ý buồn tẻ phẳng lặng không được vui mắt hứng khởi lòng cho lắm. Màu vàng không "thực thà". Những cờ đỏ, dải dàu mưa nắng, sẽ phai đi và thành ra màu gì? Màu trắng. Có ai lại muốn rằng khắp nước ta

sẽ treo cờ màu trắng cả không? Đó là màu cờ hàng. Buồn lắm. Xét về phương diện nhiếp ảnh, những lá cờ màu vàng, dù là vàng thẫm, một khi lên ảnh, cũng không có gì làm vui mắt ta hơn. Bởi vì lên ảnh màu vàng hoá ra màu xám. Ta muốn vui mà sống, mạnh bạo mà hy sinh cho tổ quốc chứ có muốn quanh năm suốt đời buồn thảm đâu.

Vì những lẽ đó, nhiều người bàn rằng không nên dùng cờ sắc toàn vàng, cũng như ta không nên dùng cờ giữa đỏ hai bên vàng của Pháp chế ra hồi trước đây. Cờ vàng có tua chung quanh, viền hai chỉ đỏ, giữa có mây và rồng xanh là cờ cúng lễ, không thể dùng làm quốc kỳ được.

Theo chỗ biết của chúng tôi thì hiện nay chính phủ Việt Nam đang nghĩ về chuyện đó và có nhiều người gom góp nhiều ý kiến khá hay. Người thì chủ trương dùng màu đỏ viền vàng, lấy cờ dân tộc Việt Nam quyết liệt hy sinh mà vẫn giữ được cái tiêu biểu tinh thần của nước Việt Nam từ hai ngàn năm trước. Người thì chủ trương cờ đỏ ba sao vàng, lấy cờ rằng ba sao là ba kỳ, ba kỳ hợp nhất để quyết liệt hy sinh cho đất nước.

Đáng để ý, còn ý kiến của ông tá lý Nguyễn Đình Lân, tòng sự tại viện bảo tàng Khải Định (Huế). Ông Nguyễn lấy bốn câu thơ "*Nam quốc sơn hà nam đế cư / Tiết nhiên định phận tại thiên thư / Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm / Như đẳng hành khan thủ bại hư*" của Lý Thường Kiệt làm đích và chủ trương rằng quốc kỳ nên đặt theo ý nghĩa hai câu thơ đó. Thụ mệnh nơi trời. Hy sinh cho nước. Và ông chủ trương nên lấy màu đỏ và màu xanh làm quốc kỳ, ý rằng màu xanh là màu thiên nhiên, màu trời, còn màu đỏ, màu máu, là màu hy sinh cách mệnh.

Ý nghĩa cũng hay, nhưng màu xanh đi với màu đỏ "giết nhau", dưới con mắt nhà mỹ thuật. Không biết các nhà cầm quyền đó

với ý kiến của ông Nguyễn Đình Lân ra thế nào?

Quốc kỳ nên dùng màu sắc gì? Đỏ, sao vàng; đỏ viền vàng; xanh và đỏ hay xanh, đỏ viền vàng?

Đã đành việc đó là việc của chánh phủ giải quyết, nhưng các tầng lớp dân chúng, nhất là các nhà mỹ thuật, cũng nên góp gom ý kiến vào. Quốc kỳ phải có ý nghĩa, đã đành; nhưng việc chọn lựa xếp đặt màu sắc cho nhịp nhàng, cũng cần phải để ý cho đẹp mắt, để cho người ngoại quốc có một cảm tưởng tốt về dân tộc mình.

**VŨ BÃNG**

*Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, số 245 (20.5.1945)*

# Từ việc dùng Việt ngữ trong kỳ thi sơ học bỏ túc đến việc soạn sách giáo khoa cho các trường

Câu chuyện của miệng của mọi tầng lớp dân chúng lúc này là việc dùng Việt ngữ trong kỳ thi sơ học bỏ túc từ trong Nội các đưa ra. Không ai có thể tưởng tượng được tin đó đã làm yên lòng dân thế nào. Từ hôm đảo chính đến nay, nhà nào có con em đi học cũng băn khoăn về việc đó. Cho học tiếng gì? Để thi cái gì?

Tin dùng Việt ngữ để học và thi lan ra chưa được mấy hôm thì trong thành phố đồn đi rằng có một bọn người lén lút vận động cho cứ phải thi chữ Pháp. Có hay không? Sự hoài nghi nặng nề thêm, cái sống mù mịt quá, người ta chán nản và buông tay chờ đợi.

Nhưng ngay từ bây giờ người ta đã biết rằng phải làm thế nào rồi. Tôi vừa đi sáu tỉnh vùng xuôi về và tôi đã lượm lặt được rất nhiều ý kiến của các bậc phụ huynh có con em đi học. Không một người nào lại có thể tưởng tượng được rằng các nhà đương chức lại ủng hộ chuẩn được lời yêu cầu của bọn vận động lén lút kia. Không một người nào bẻ lòng việc dùng chữ Pháp trong kỳ thi sơ học bỏ túc. Không một người nào bẻ lòng cho con em họ dự kỳ thi đó, nếu không cho thi bằng Việt ngữ.

Ai cũng biết rằng nền độc lập của nước ta chưa hoàn toàn. Ta còn phải làm việc nhiều để củng cố nó. Nhưng người Việt Nam, trong tất cả các tầng lớp, đã biết rõ lắm rồi. Biết rằng người Việt thì phải dùng Việt ngữ chứ không thể lấy lẽ gì mà bắt học tiếng Pháp nữa, bởi vì đó là cái học mất nước.



Hồi mới mà chính phủ Pháp, họ chia việc học ở nước ta làm bốn bậc: ban sơ học, ban cao đẳng tiểu học, ban trung học và ban cao đẳng đại học. Mục đích không có gì khác hơn là kéo dài niên khoá ra để làm tê liệt sức phát triển của học sinh. Thế rồi thì bó buộc những thí sinh bằng tú tài phải học đủ ba năm! Thế rồi thì bó buộc những thí sinh cao đẳng tiểu học phải bốn năm học khoá! Thế rồi thì chia ban sơ học làm tiểu học và sơ cấp, chương trình không khác gì nhau!

Tuy vậy bao nhiêu cái ác ý đó đều không thấm vào đâu với cái mưu thâm họ dùng để làm mất hết cái bản chất của dân mình. Chưa học hết Việt ngữ đã bắt học chữ Pháp. Chưa học sỏi chữ Pháp đã học thuộc lòng "Tổ tiên ta là người Gô-loa" và yên trí thế rồi ra sức mà học về những kỳ công của người Pháp đã ban cho dân bảo hộ!

Thật là đau đớn ê chề.

Một người biết tự trọng, đi ngoài đường, gặp một người bị đè nén áp bách thảy có bốn phận phải ra tay can thiệp mà không mong có lợi lộc gì.

Một nước cũng vậy!

Tôi không thể tưởng tượng được rằng một nước mạnh, thảy tình cảnh nước ta như thế mà lại đành làm lơ hay là giúp cho kẻ bóc lột làm hại ta thêm tầng nữa.

Người ngoại quốc đối với ta còn thế, huống chi chính ta đối với ta. Phải hăng hái đánh đổ sự vận động lén lút kia, phải chiến đấu cho Việt ngữ, phải đòi cho được thi bằng Việt ngữ, đó là khẩu hiệu chung của nước Việt Nam hiện giờ. Khẩu hiệu đó, các tầng lớp dân chúng đã hô rồi, còn đang hô và sẽ hô mãi mãi.

Tôi không bao giờ lại chủ trương không nên học tiếng Pháp. Tiếng gì cũng nên học, học tiếng Pháp, học tiếng Anh, học tiếng

Nhật, học tiếng Đức, học tiếng Tàu. Nhưng bao nhiêu tiếng đó chỉ có thể dùng làm sinh ngữ. Tiếng chính của nước ta dùng để học để thi cần là Việt ngữ, phải là Việt ngữ.

Còn dùng chữ Pháp trong các kỳ thi tức là còn nuôi cái óc nô lệ cho bọn thiếu niên, còn muốn cho nước này bị diệt vong. Còn dùng chữ Pháp trong các kỳ thi tức là còn mong nước Pháp sẽ chiếm cứ tinh thần dân tộc này, còn muốn dân tộc này quý bọn thực dân Pháp hơn bọn thực dân khác.

Người Việt Nam biết lắm rồi: Việt ngữ còn thì Việt Nam mới còn. Còn nước Việt Nam thì phải học và thi bằng Việt ngữ. Đã đành rằng những học sinh các ban cao đẳng như trường luật trường thuốc phải học và thi tiếng Pháp nốt cho xong, nhưng ở các khóa dưới, còn cho con em học và thi tiếng Pháp tức là còn muốn cho con em mình làm tôi tớ, làm trâu ngựa, làm nô lệ.

Không. Dân không muốn, nhà đương chức nên tiên liệu. Tôi tin rằng không ai lại muốn mất lòng dân trong lúc này.

Việc học và thi bằng Việt ngữ không thể khác được. Nhưng bổn phận của chúng ta không phải chỉ chiến đấu có đến thế mà thôi. Lúc này hơn lúc nào hết, chúng ta phải làm việc rất nhiều cho Việt ngữ.

Chúng tôi đã nói: việc soạn sách giáo khoa là việc mà chúng ta phải nên làm trước nhất.

Tôi muốn nói thêm rằng: Đừng bao giờ nên để cho ý kiến đó chỉ là một ý kiến suông. Chúng ta cần phải bắt tay ngay vào việc vì công việc bây giờ cần cấp lắm. Đã biết rằng ông Tổng trưởng bộ Giáo dục hiện giờ đang chuyên chú vào việc soạn chương trình giáo dục mới; đã biết rằng ban Văn học hội Khai Trí phải đảm nhận lấy công việc trước tác tu thư bằng Việt ngữ; nhưng thiếu tưởng các nhà

giáo dục cũng nên gom góp nhiều ý kiến vào; và trong khi đó, các nhà trí thức hãy lưu tâm đến việc học của con em cũng nên bắt đầu soạn ngay sách để học khóa sắp tới đây, thiếu niên còn tạm tạm một ít sách bằng Việt ngữ để dùng trong sự học.

Theo ý chúng tôi, ở trong các công sở hiện nay có nhiều ông tham ông đốc đầu cử nhân luật, cử nhân văn chương, kỹ sư canh nông, kỹ sư cầu cống, v.v... không đem dùng cái học cái biết của mình được một phần nào. Người thực dân Pháp ở đây cho họ làm những "công việc máy": tính toán, vẽ kiểu, đánh máy hay viết những thư từ đã có sẵn kiểu mẫu rồi. Bây giờ chữ Pháp ở các công sở không cần đến nữa, ta chỉ phải một ít kiểu mẫu thư từ bằng Việt ngữ để sẵn đây, rồi thì cho những người có bằng cao đẳng tiểu học thay làm cũng được. Những ông đồ bằng cao cấp có thì giờ rộng rãi, sẽ tìm những sách chuyên khoa của Âu Mỹ và theo sở trường sở đoản mà phiên dịch ra Việt ngữ để giúp cho cái thư viện các sách giáo khoa của nước ta. Ban Văn học hội Khai Trí Tiến Đức sẽ đệ lên bộ Giáo dục để lựa chọn cuốn nào nên in sau cuốn nào nên in trước.

Có một điều này tưởng cũng nên nói rõ: nhiều người lo rằng lúc này giầy đương khan, làm gì ra cho đủ giầy để in đủ sách giáo khoa cho học trò.

Có thể cũng phải, nhưng điều đó tưởng không đáng để cho chúng ta thắc mắc. Nếu giầy không đủ, ta có thể hãy cứ tạm in lấy mỗi thứ độ dăm trăm, một ngàn cuốn cho các ông giáo dùng mà thôi. Các ông giáo sẽ giảng cho học trò và nếu cần thì học trò học đến bài nào sẽ chép lại bài đó tưởng cũng không sao cả.

Bây giờ tôi xin mời các nhà có trách nhiệm về việc giáo dục bắt tay vào làm việc ngay đi.

**VŨ BẰNG**

*Trung Bắ c chủ nhật*, Hà Nội, số 246 (27.5.1945)

# Sẵn sàng để đợi

Tôi không ưa những cái tin như thế mà không có đôi ba câu phê bình ở dưới.

Năm trăm quân Pháp đổ bộ lên Syrie và Liban! Raymond Offroy, phát ngôn nhân đoàn đại biểu Pháp tại hội nghị San Francisco tuyên bố tại sao Pháp lại phải chiếm hai xứ đó!

Những tin như thế, vút trog tron vào giữa nước ta lúc này, đã làm hại gân cốt của người mình.

"Chao ôi là những lời hứa nhân hứa nghĩa của những kẻ chông cường quye`n, hô công lý!"

Thật buo`n. Sao lại có thể như thế được? Đe`n tận bây giờ người mình vẫn chưa hê`t trog vào người khác!

Trông vào người khác mà đưoc thì mừng.

Trông vào người khác mà hổng thì "xì hơi" ra.

Triê`t lý của kẻ yê`u.

Triê`t lý của bọn người bạc nhược.

Thê` rô`i thì chán nản! Thê` rô`i thì yê`m thê`! Thê` rô`i thì bỏ cái việc bôn phận của mình phải làm gấ`p lúc này, khoan tay lại, ngô`i đợi một cái gì không bao giờ đê`n, ngô`i đợi một lời tuyên bố nào đó của một trong bôn cường quoc` không bao giờ tuyên bố ra!

Có ai còn nhớ chuyện nàng Tô Thị bê` con lên đỉnh núi trog chồ`ng rô`i hoá đá đấ`y không? Ấ`y chính vì đợi đấ`y.

"Đợi thì cái gì mà không đợi?" – Louis Bromfield nói thế. Nhưng lần này ông đã nói sai. Dù ta đợi một trăm năm nữa một ngàn năm nữa quân Pháp cũng không thể nhảy lên cái dải đất này được nữa.

Cuộc chiến tranh thế giới lần này không có mục đích giết giết người chết hết đâu. Không. Cứu cánh của nó phải là sự phá đổ những chế độ mục nát đã giết chết giống người chúng ta. Nước mà làm được công việc đó mới là nước có thể nói tiếng nói sau cùng vậy.

Còn sự áp bức thì còn có sự chống cường quyền. Còn thế giới thì còn có nước biết tôn thờ công lý.

Tôi tin rằng trong thế giới hiện nay, thế nào cũng có một cường quốc dựa vào cuộc chiến vì mục đích muốn phá hoại những chương trình của các nước muốn phân chia đất đai không thuộc về họ. Tin như thế nhưng tôi không đợi bởi vì tôi nghĩ rằng không phải cứ ngò i đợi thì tự do độc lập sẽ rơi xuống trước mắt ta như một quả sung.

Không đợi ai! Không đợi người nào giúp cả!

Bực hiên giả ngày xưa khuyên ta đừng nhanh quá đừng chậm quá nhưng cần biết đợi. Tôi muốn nói về cái "nghệ thuật biết đợi" ở đây. Tôi không muốn đợi người ngoại quốc cứu mình. Tôi không muốn đợi một cái gì không thể đợi. Sung sướng thay là những kẻ chỉ biết tin ở mình, chỉ biết trông đợi ở mình, trông đợi ở đồng bào mình, ở nước mình!

Tôi muốn đợi cách đó. Tôi muốn tranh đấu, tôi muốn làm việc,

nhưng trong khi đó tôi vẫn sẵn sàng đợi một cái gì để thi gan.

Đợi mà sợ trước, là hèn.

Đợi mà hết sức làm việc, hết sức tranh đấu để khi việc xảy đến, mình phải cầm phần thắng, chỉ làm cho tinh thần mạnh hơn lên.

Người Việt Nam ta thấm nhuần cái triết lý mạnh của Khổng Khâu, của Nietzsche, từ xưa đến nay vẫn biết đợi có nghệ thuật, nhưng hơn cả lúc nào hết, lúc này cần phải biết đợi có phương châm, nhất là sau khi có cái tin quân Pháp đổ bộ lên Syrie và Liban.

Tôi nhắc lại rằng việc đó không thể nào tái bản được ở đây. Nhất định không. Nhưng chúng ta chớ nên vì thế mà không sửa soạn. Ta sửa soạn đợi bất cứ một trở lực gì khác đến làm hại nền độc lập của ta. Ta sửa soạn tinh thần để đợi bất cứ một việc gì phạm đến quyền lợi nòi giống ta.

Thanh niên Syrie và Liban có sửa soạn để đợi cuộc đổ bộ của Pháp không? Dân Bắc Phi có sửa soạn để đợi cuộc nội loạn ở xứ Algérie của Pháp không? Tôi không biết. Nhưng tôi biết rằng hai cuộc xâm phạm đến nền tự do đó là hai điểm báo trước cho ta: nếu không biết sửa soạn trước thì không thể tồn tại được.

Nước ta là một nước đàn em yếu thế, – việc đó ai cũng biết. Nước ta không có một bộ binh và cả một đội quân chính thức; – điều đó ai cũng biết nữa. Nhưng dân ta, hai mươi triệu người như một, có một thứ mà ta gọi là tâm lòng: chúng ta rất có thể sửa soạn ngay từ bây giờ để đợi bất cứ một trở lực gì xâm phạm đến quyền độc lập của ta.

Ta biết hy sinh khi cần đến sự hy sinh. Ta biết liêu khi gặp bước phải liêu. Ta biết chết khi cần phải chết.

Các tầng lớp dân chúng Việt Nam! Lúc này là lúc ta phải đoàn kết hay là không bao giờ. Lúc này là lúc phải tự tạo lấy một tinh thần sẵn sàng chờ đợi. Lúc này là lúc phải coi cái chết như lông hồng, cố động nhau chết, rủ nhau mà chết để giữ chặt lấy đất đai, để ném bọn thực dân xuống biển, để bảo vệ nền độc lập Việt Nam.

Hai vạn thanh niên Syrie và Liban đã nhảy ra giết quân ngoại quốc xâm lăng. Toàn dân Algérie đã đứng lên tổ chức thành dân quân dũng mãnh giết chết hàng ngàn quân Pháp. Chết! Chỉ có chết mà thôi. Một dân tộc biết chết không bao giờ chết được. Vẫn biết rằng xương thịt không thể chơi được cùng đại bác, nhưng đến lúc thật cần thì hai mươi triệu đồng bào như một, chúng ta phải biết rằng một con dao một lưỡi gươm của một kẻ tin ở mình, của một kẻ có tinh thần dũng mãnh còn giúp ích hơn là một bộ súng cối xay do một kẻ gian ác có một tâm hồn rối loạn (vì đầy tội ác) chỉ huy.

Sống cũng như chết, cần phải có nghệ thuật. Chết vì nước, chết chính vào lúc cần, chính là biết chết theo nghệ thuật.

Chúng ta phải biết rằng, nếu có một cuộc xâm phạm đến nền tự do độc lập của nước ta mà chúng ta không đổ ra mà chết thì quân tàn bạo cũng không để cho chúng ta được sống.

Kinh Thánh há chẳng có câu rằng: "Nếu hạt lúa không chết đi..."

Những nước sống được đến ngày nay đều là những nước có những người dân biết chết. Nước Tàu còn ghi chuyện năm trăm nghĩa sĩ chết theo tướng Điện Hoàng của nhà Tề, chuyện Lục Tú Phu ấm vua Tường Hưng nhảy xuống bể, hơn mười vạn người cũng nhảy xuống tự trầm theo; chuyện vua Minh thất cố ở Môi Sơn, ba



ngàn người đâm vợ giết con rồi cùng tự tử theo để khỏi bị nhục về quân giặc.

Ai quên được những cái chết im lặng của dân Ấn Độ về chuyện Đền Bạc, Đền Vàng? Quân thuộc dân Anh muốn chia rẽ dân Ấn, gây chuyện để cho họ xích mích nhau; họ biểu tình, và quân Anh bắn giết họ như sâu bọ. Nhưng dân Ấn sẵn sàng chờ chết; họ im lặng, mỗi ngày họp một trăm người, đi từ Đền Vàng đến Đền Bạc để cho quân Anh giết. Và kết cục quân Anh giết mãi góm tay đành nhượng bộ ông Cam Địa.

Đảo Bali bị Hoà Lan chinh phục còn treo một tấm gương sáng cho những dân bị trị. Ở Bandoung, ở Kloung Kloung, ở Taman Sari, ở khắp các nơi trên đảo, dân gian sẵn sàng chờ chết, vui cười mà làm một cái *poupoulan*, một cái chết "công cộng", chết say sưa, đeo vàng bạc, ngậm hương hoa mà chết, chết cho nước, chết cho nhà, chết oanh liệt một cách góm ghê. "Không có một cái gì ở đời này ngăn được họ nhảy vào cái chết". Ba lần, người Hoà Lan phải ngừng tay súng lại, như để cho những người hoá dại kia tỉnh ngộ ra để cứu họ, để cho họ đừng chết nữa. Vị quan võ Hoà Lan chỉ huy việc này nhìn thấy quân Balinais chết mà rùng mình, phải quay đi, bịt mắt lại để cho khỏi phải nhìn cái cảnh tượng góm ghê. Bởi vì họ liêu chết không biết đến thế nào mà kể; họ chỉ có gươm dao nhưng cứ nhảy vào miệng súng để cô đâm quân lính Hoà Lan, họ đâm vào cổ họ; đàn bà, trẻ con, bà già, nông nô, cài hoa trên tóc, xúc nước hoa trên áo, nhảy lên mà chết một cách sung sướng, chồng giết vợ, mẹ giết con, để cho khỏi làm nô lệ cho quân giặc.

Nhà lịch sử tiểu thuyết bàn về việc đó có câu rằng: "Cùng với bác sĩ Fabius tôi nghĩ rằng sự hy sinh của bao nhiêu dân Balinais ngày trước có một ý nghĩa thâm trầm và đã dạy cho dân Hoà Lan nhiều điều tốt".

Những chuyện biê't chệ't như thế' hiện nay vẫn còn nhiê' u vô cùng, những cường quô'c lại càng có nhiê' u dân biê't hy sinh cho đấ't nước, biê't chệ't cho đấ't nước.

Lúc quân Đức tiế'n vào gâ'n Moscou, dân quân chồ'ng giữ từng tá'c đấ't; một đứa trẻ con từ đố'ng gạch ra đâm chệ't kẻ thù; một ông cụ nhảy lên mái nhà bắ'n xuô'ng đầ'u quân giặc; một người đàn bà chữa ẵm con điề'u khiến một cỗ súng cớ'i xay.

Quân Nga tiế'n đê'n Berlin, dân Đức liê' u chệ't để chồ'ng đánh một cách anh hùng không kém. Ai đã quên đượ'c thế' nào những chuyện mới đây của bao vị anh hùng quô'c xã tuần tiế't vì nước, rồ'i sau đó, sau khi Berlin đã thấ't thủ rồ'i, không một người dân Đức nào không cớ' chệ't đánh đê'n kỳ cùng. Họ xông ra chồ'ng quân địch như hổ đói, và, xem chừng cơ thấ't bại đã rõ ràng, bắ'n súng vào đầ'u tự tử, chồ'ng giế't vợ, mẹ giế't con, cùng chệ't chứ không chịu sớ'ng nhục để làm tôi mọi cho Anh Mỹ.

Vẻ vang thay là một nước có những người dân như Nhật như Đức như Nga như Tàu như Ấ'n Độ và Bali!

Muô'n đượ'c sớ'ng như người, dân ta câ'n biê't chệ't.

Lịch sử ta còn để lại rấ't nhiê' u cái chệ't vì nước vì nhà như thế'.

Duy ở lâ'n này, sự vinh thân phì gia với phong trào cá nhân tư kỷ đã làm cho ta có một lúc sợ chệ't và ham sớ'ng.

Không thể như thế' nữa.

Ngay bây giờ chúng ta phải sẵn sàng chinh bị lâ'y tâm hờ'n, chúng ta phải gây lại cái tinh thầ'n cớ' hữu, chúng ta phải sửa soạn chệ't để đi tìm cái sớ'ng cho mai hậu.

Cái số'ng từ ở trong cái ché't đi ra. Né'u hạt lúa không ché't thì không thể có bông lúa được. Phải chié'n đầ'u, phải liê`u ché't với bọn xâm lăng, phải là một trong đoàn dân quân anh dũng tiên phong!

Tự nó, cái số'ng cũng như cái ché't không nghĩa gì hê't cả! Cái nghĩa, ta phải tạo cho nó, và chỉ có cái số'ng và cái ché't có nghĩa mới làm cho người đời kính trọng mà thôi.

"Bực hiê`n giả không khóc người số'ng mà cũng chả khóc người ché't bao giờ. Phàm cái gì có sinh mệnh đê`u vô cùng. Phàm cái gì đã có, không bao giờ tuyệt diệt. Không có sức gì phá hoại được sự số'ng. Làm gì có thọ, yếu? Mà muố'n thọ hay muố'n yếu cũng không được nào. Chỉ có thể phách ché't thôi. Tinh anh thì bất diệt, trường tồ`n và không thể tiêu tan được".

Câu sách đó ở trong kinh *Bhagavad Gita* của Ấ'n Độ, tôi xin mượn làm câu kế't bài này.

**VŨ BẮ`NG**

*Trung Bắ'c chủ nhật, Hà Nội, số' 247 (3.6.1945)*

# Lấy máu trong tim ra để vẽ tranh

*Hoạ sĩ Việt Nam đã trưng bày ngót 200 hoạ phẩm "cổ động nên độc lập" ở Nhà hát Lớn từ 2 đến 11.6.1945 và được hoan nghênh đặc biệt.*

Tôi không nói điều. Nhưng quả thực là nhà văn ta mơ màng. Nay, cuộc đảo chính vừa xong, hoạ sĩ thi sĩ nghệ sĩ họp hội nghị má y lầ n để tính chuyện tham gia công cuộc này, ủng hộ phong trào khác, mà đến bây giờ văn sĩ và thi sĩ vẫn chưa làm gì cả. Súng bắ n vào tai cũng chả câ n. Nhưng hoạ sĩ thì đã bắ t tay ngay vào việc. Có lẽ vì ít nói chẳng? Điề u đó tôi chưa có dịp hỏi một ông nào cả.

Vì hoạ sĩ nào cũng bận. Bận vẽ tranh cổ động cho nên độc lập Việt Nam. Và những tranh đó, từ chiề u 2.6.1945 đã trưng bày tại tâ ng gác thứ hai Nhà Hát Lớn cho công chúng vào xem không lắ y tiề n.

Tôi đã đi dạo nhiề u lầ n ở trong phòng triển lãm đầ y một vẽ "nghệ thuật vị nhân sinh" đó. Không. Ngót hai trăm bức vẽ đầ u thực cả. Mơ màng thì số ng thế nào được vào cái lúc này.

À, bức nào màu cũng ít mà trông toàn thể thì rực rỡ vô cùng. Ta xem loại nào trước nhỉ? Cứ thứ tự là hơn. Đi xem từ lúc hãy còn đeo cái ách của bọn thực dân Pháp đã. Bức tranh "Lịch sử cuộc khai hoá dân Việt Nam" có thể tóm tắ t được hế t cả công cuộc của người Pháp ở đây. Một ông tây gầ y như con mắ m, quầ n loè xoè kiểu Sác-lô vác một cái va-li lép kẹp trèo lên đấ t Đông Dương. Đầ y là ông á y "đế n". Đế n đoạn "ở" thì ra tuồ ng: mặt phị gầy gục, có vẻ dâm ác, miệng hút xì-gà, hai chân vắ t lên bàn, có con chó nằ m mèo trước mặt. Thế rô i thì "đi": béo tướng, va-li đầ y tràn, có viế t ba chữ

"Vàng, Bạc và Máu". Sướng lắm. Ác lắm. Ý quay lại bảo một người Tây khác: – *Thôi, anh ở lại mà làm việc, chúng nó còn béo lắm.*

Dưới đây, một người Việt Nam chết đói năm nhe răng...

Nhe răng thì mặc nhe răng. Không biết. Những người Pháp ở Đông Dương không trông thấy những quân chết đói của ông Trần Văn Cẩn. Xem bức tranh kia thì biết: tây đâu thì vẫn cứ ôm nhau mà nhảy hát ở "đăng-xinh". Ta cũng nhảy: hai thằng bé đâu to bằng cái sành mà thân thể róc hết thịt, chỉ còn bộ xương tham hại nhảy xuống ao... tự tử vì khổ quá. Bên cạnh đó, một bức tranh thân tình: một viên đội xếp béo, cái lưng to bằng cả một cái giường, giắt súng lục, giờ gần bò lồi một người Nam sắp chết, mặt mày xanh lét như đít con đom đóm:

*Ta: Văn minh đâu? Sắp đến chưa hở ông?*

*Tây: Làm gì mà vội thế? Đây kia rồi.*

Đó là một cái nghĩa địa chôn cất những mô con mả lớn.

Tự do! Bình đẳng! Bác ái! Làm cho dân các tiểu quốc chết cả đi: bác ái đấy mà! Bức tranh này làm cho ta buồn rã rời và căm giận vô cùng cho cái óc của bọn thực dân giả nhân bỏ nghĩa. Cột tam tài, tranh thông chế Pê-tanh, Pháp Việt phục hưng. Một người Tây dắt một người Nam đi trên đường tiến bộ... tởm như hũ nút.

*Tây: Đấy, ngài cứ tha hồ tự do muốn nói gì thì nói, muốn đi đâu thì đi.*

Nhìn lại ông Việt Nam thì mắt có băng buộc mà chân thì bị xích!

Bị bịt mắt, bị xích chân, như thế phải cách mệnh. Đúng đấy. Nhưng coi chừng. Một bức tranh vẽ một căn buồng khám bệnh của ông bác sĩ Pháp. Đủ các thứ lọ thuốc: thuốc trị bệnh thông minh,

thuốc trị bệnh đòi bình đẳng, thuốc trị bệnh đòi tự trị, thuốc trị bệnh đòi tự do ngôn luận.

*Bác sĩ Pháp: (bảo bệnh nhân Việt Nam) Anh mắc bệnh yêu nước, phải đi nghỉ mát Côn Đảo ít ra năm mươi năm mới khỏi.*

Ai không muốn đi nghỉ mát thì ở nhà để cho Tây và quan đê gót lên đầu lên cổ, như đã vẽ trong bức "Tôn ti trật tự", hay để Tây làm trò úm-ba-la cho mà xem. Tứ là cái trò "cải hoá người Việt Nam".  
Trang nhât: ông Tây gầy, ông Ta béo. Tranh nhì: Hai ông làm xiếc, che một cái vải. Úm-ba-la... ba ta cùng hoá. Hoá ra cái gì? Ông Tây hoá ra béo xù, đội cái mũ lệch một cách hỗn xược, hút xì-gà, mũi đỏ như một con tôm rim; còn ông Nam thì hoá ra một cái xác chết nhe răng ra vì đói!

Tại sao đương béo lại chết như thế được? Một ông đi với tôi xem thứ tự những bức tranh giầy này. Một ông Tây diễn thuyết: "*Người Pháp tốt vô cùng. Người Pháp tặng quà người Việt Nam luôn luôn*". Nhìn lại thì ra quà đó là thuốc phiện, rượu, báo *Lire à deux, Paris magazine, Séduction*, nhảy đầm, phòng cho thuê. Nhà họa sĩ chua: "Kết quả đem lại cho đất nước ta là một hạng thanh niên trụy lạc, ăn bám vào xã hội, làm cản trở cuộc tiến hoá của đất nước".

Rượu họ làm quà cho mình cũng là một câu chuyện tức... cười. Một ông Tây béo, mặt đánh ác, – báo *Gringoire* vẽ mặt Vincent Auriol cũng chỉ ác được đến thế là cùng! – ngồ i vấp hai chân lên bàn. Chung quanh: bợ, phó-mát, sâm-banh và một cái biển "độc quyền Phong-ten". Mỗi suất đình phải uống mỗi ngày một lít rượu. Một tên Pháp nhà đoan giờ một chai rượu bỏ đổ vào mồm vào mũi một người nhà quê mặt đỏ:

*Người nhà quê: Lạy ông, con chết sặc mât.*

*Tây đoan: Được tự do... uống rượu, mày lại còn kêu ca gì?*

Trong khi đó, ở nhà trường, thầy ng con xã Bình vẫn ê a học: "Rượu là thuốc độc, thuốc phiện là thuốc độc".

Thuốc phiện độc? À, Tây mong cho mình hút rất nhiều. Tiệm mở đầy như nấm, cổ động truy lạc, cổ động cá nhân chủ nghĩa. Chơi cho thích vào, cô ơi và cậu ơi! Mệt, đã có thuốc phiện kia trợ lực. Nhà họa sĩ đề dưới bức tranh vẽ một bọn thanh niên ta hút thuốc phiện dưới quyên chỉ huy của một người Pháp (có phải Ducoroy không?) và đề: "Những người bỏ đi".

Những chuyện đó, bọn thực dân Pháp làm công nhân ở nước ta, nhưng không lúc nào quên hò "Tự do, bác ái và bình đẳng".

Tự do? Một người Nam sắp chết bị ba người Pháp bịt miệng. Tự do... giết người?

Bác ái? Ba người Pháp bóp cổ lè lưỡi một người Nam, trong khi con chó tây được ngửa lên bàn ăn súp. Bác ái với vật chứ không bác ái với dân thuộc địa.

Còn Bình đẳng? Một ông Tây béo trương béo nứt ngô ì và t chân chữ ngũ trên xe do một người Nam lè cổ ra mà kéo. Cái bình đẳng lạ lùng! Bức tranh đó còn có thể lấy đề là: "Nghĩa chữ *cần lao* ở dưới thời Pháp thuộc".

Tự do, bác ái và bình đẳng vạn tuế!

Quân giả dõ ì đó không lúc nào quên hô to ba chữ thiêng liêng kia, mà càng làm việc tàn ác thì lại càng hô dữ.

Bốn bức tranh. Bức tranh thứ nhất vẽ một ông Tây tiến đến gần một ông Nam: "An Nam tốt". Bức thứ nhì, lồi mũi: "An Nam tốt nhiều". Bức thứ ba, lấy gân bò đánh túi bụi người Nam: "An Nam tốt lắm". Bức thứ tư: "An Nam tốt quá. Pháp Nam phải đoàn

kết chặt chẽ với nhau". Thì ra đoàn kết chặt chẽ thật: Ông Pháp mắ m môi mắ m lợi bóp cổ ông Nam thật chặt, chặt lè cả lưỡi và trọn tròn cả mắ t! Tự do, Bác ái và Bình đẳng vạn tuế !

Một cái nhà to, cửa sắ t, có lính canh rắ t ác. Đó là nhà pha Hoà Lò? Không. Đó là nhà Bảo hộ. Cửa mở, người ta trông thắ y có những kiện hàng "Tự do, bác ái và bình đẳng" chồ ng đồ ng lên. Một người dân Nam bước vào. Cửa khoá lại 61 năm. Đế n năm 62 cửa mở rộng ra, thì, ông đoán đúng đắ y có một cái xác chế t cồng queo trong đó. Xác người Việt Nam chế t vì tự do, bác ái và bình đẳng của người Tây. Tự do, bác ái và bình đẳng vạn tuế !

Một triệu người gắ y trơ còn có bộ xương, đứng ngửa lên nhìn một tên thực dân Pháp ngồ i trên những bì gạo, giơ lên một cái biển đề` mắ y chữ: "Défense de donner à manger". Tự do chế t đời.

Bình đẳng? Một tên thực dân khác lắ y tay móc họng một người Nam có "nố t" đàn nhảy nhót chung quanh: bình đẳng mà bị coi khinh hơn con vật.

Còn Bác ái? Nhà tù đắ y rắ y kia, chánh trị phạm đợi hàng lũ đề` chờ đem bắ n. Người ta có thể lấy câu Kiề u này của Quang Phòng đề` ở dưới bức tranh Tây giế t chánh trị phạm Việt Nam:

*Hoành hành hơn sáu mươi niên*

*Làm nên động địa kinh thiên ðùng ðùng*

Văn và hoạ xưa nay vẫn đi với nhau. Ở trong cuộc triển lãm này có những bức hoạ lấy Kiề u được nhiề u người chú ý. Để mĩa quan lại Việt Nam ăn lễ dân đen để đút cho Tây:

*Mười anh quan lại cả mười*

*Bòn nơi khô` rách đắ nơi quầ n hồ`ng*



Đề mĩa mai bọn thực dân ăn hế t xương tuỷ dân Việt Nam. Một bên thì chề t đỏi, một bên thì dắ t tay nhau nhảy nhót:

*Quâ n là áo lượt rong chơi,*

*Tiê n An Nam đã cung rô i lo chi!*

Đề mĩa mai bọn người quên thù mấ t nước, đi với Tây để hại người mình (tranh vẽ một người Nam bị nhố t vào chuồ ng chim, Tây ngồ i giữa, có hòm súng dao, bên cạnh có một cô gái Việt Nam):

*Trong vòng súng dựng gươm trầ n*

*Kê lung hùm sói gửi thân tôi đòi.*

Đề dưới bức vẽ một người Tây đé m vàng:

*Lừa dân dồ i nước hế t đường*

*Quý hồ có ngọc có vàng thì thôi.*

Đề dưới bức vẽ Tây béo đứng trước mấ y người chề t đỏi:

*Bao người chề t đỏi vì tôi*

*Thân sau ai chịu tội trời â y cho?*

Đề dưới bức vẽ Tây đeo mặt nạ cười mà tay thì bóp cổ người dân Nam:

*Mưu ma chước quỷ có thừa*

*Mượn màu đạo đức đánh lừa dân đen!*

Kể cho hế t những mưu thâm độc của người Pháp và những câu Kiề u lầy, cung oán lầy của ông Quang Phòng chề riều họ ra đây, còn dài. Thôi, ta không nói đé n họ nữa. Cho đi về , cũng như người Nhật

đã cho họ đi về nhà bò vậy. Cái chính sách thực dân tàn ác, thâm hiểm, nguy hại đến như thế, tồn tại làm sao cho được? Không nước này can thiệp thì cũng phải có nước kia lên tiếng. Chả nhẽ thế giới này chỉ toàn là bọn ăn người cả hay sao?

Ta có thể tin rằng một tương lai tốt đẹp đã mở rộng ở trước mắt ta. Quân tàn bạo không thể nào trở về đây được nữa. Bản phận của người dân lúc này là phải rèn đúc lấy một tinh thần tự trị, gạt bỏ các nô lệ, phải hy sinh dũng mãnh để bảo vệ tự do như trong những bức vẽ của các ông Lê Văn Đệ, Lương Xuân Nhị, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Gia Trí, Nguyễn Văn Ty, Trần Văn Cẩn... Phải yêu thương giống nòi, đừng chia rẽ, nhưng phải tìm cách để đoàn kết thân mật lại với nhau hơn. Làm gì có ba kỳ? Làm gì có năm xứ? Chỉ có nước Việt Nam thôi.

Nước Việt Nam, qua cái ách Pháp thuộc nặng nề, bây giờ bắt đầu bước vào một kỷ nguyên mới tràn trề ánh sáng. Từ nghệ sĩ đến người thợ, từ bác nông phu đến một chị học sinh, ai ai cũng phải góp sức lại để làm việc cho nhà cho nước cường mạnh hơn. Mà muốn thế, bản phận cá nhân cấp của ta phải thế nào? Một bức tranh đã trả lời: Chính quyền của người Pháp ở đây như cái cây bị long rễ trơ gốc kia, không thể hồi sinh được nữa. Nhưng cây đó còn rất nhiều rễ con, còn để còn nguy hại. Vậy người Việt Nam kiếm củi phải làm ngay công việc này. Chặt bới cho hết tuyệt những cái rễ con của nó đi: rễ Việt gian, rễ vong bản, rễ xu thời nịnh thế, rễ ham chuộng hư danh, rễ bán nước cầu vinh, rễ thực dân, rễ tham quan ô lại, rễ cường hào những lạm, rễ lý dịch sâu mọt, rễ nghèo, rễ đói, rễ rét, rễ ngu và rễ dốt.

Một trăm một nghìn thứ rễ đó, một người không thể trừ bỏ được, mà một chánh phủ cũng không thể nào làm được nốt, nếu không có dân làm hậu thuẫn.

Vậy tất cả dân nước cả n phải bắt tay vào công việc phá hoại này để xây đắp một nền móng quốc gia mới lên trên.

Không phải nói ta cũng biết rằng việc cổ động này không thể làm trong một phạm vi nhất định để cho một thiểu số người xem, nhưng phải làm trong toàn quốc, từ thành thị đến thôn quê, để cho toàn thể dân chúng cùng xem cùng sốt sắng và cùng căm rắng lại để mà làm việc cho xã hội.

**VŨ BẮNG**

*Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, số 248 (10.6.1945)*

# Nghệ sĩ trước những sự cải cách của đất nước cần phải làm gì ngay?

*Một vài ý nghĩ nhỏ về việc cải cách chương trình trường mỹ thuật, nhân đi xem trưng bày tranh ảnh cổ động nên độc lập Việt Nam*

Từ ngày quyết tâm xếp đặt nước Nam không ở tay người Pháp nữa, hầu hết các ngành đều đã có sự cải cách để cho hợp với tình thế và cũng là để giúp ích cho sự tiến bộ bị cản trở trong một thế kỷ nay.

Sự cải cách đầu tiên có liên lạc với mỹ thuật, ta thấy ở trên những tấm biển hăng quảng cáo. Ngoài những lý do chính đáng khác, sự cải cách đó còn đem cho ta một điều lợi là đỡ được hàng chữ tây: tấm biển sáng sủa hơn.

Những sự cải cách khác hoặc do nhiệt huyết của người mình, hoặc vì trước kia bị bắt buộc phải theo một đường khác, đều lục tục xuất hiện để trở nên công việc hàng ngày.

Nhất là ở các trường, những môn nhồi sọ để hãm sức tiến hoá của học trò đều được thay bằng những môn thiết thực có ích hơn. Cái hại của môn nhồi sọ đó càng to, sự cải cách càng nhanh chóng. Có ai biết chuyện cải cách ở một trường công nghệ nó mới đây không? Trường có ba giáo sư, cả ba đều không phải là nhà nghệ; sở dĩ họ giữ chức đó là vì... thế lực. Muốn trách, họ mua sách công nghệ để học đến đâu dạy học trò đến đó. Sau vì chỉ xem không, không có thực hành, họ bị học trò vượt hẳn. Làm thế nào? Họ kiếm các cách ghìm sức học của học trò lại để thầy có thể theo kịp được

trò. Và việc đó cũng đã kéo dài ra cho mãi đến tận hôm xảy ra cuộc chính biến ở đây: học trò đã xin truất ba vị giáo sư bất lực và bất chính kia, và từ đó, sự học ở trường này đã được hoàn toàn cải cách.

Nói đến đây người ta không thể không nhớ đến trường Cao đẳng Mỹ thuật. Ta hãy xét kỹ lưỡng xem ở trường này có điều gì cần phải cải cách không?

Ta nên nhớ rằng trường Cao đẳng Mỹ thuật đào tạo nên những nghệ sĩ. Mà trong lúc quốc gia cần đến hay sắp cần đến kiến thiết thì bốn phận nghệ sĩ là phải sửa soạn để dìu dắt nên công nghệ về phương diện mỹ thuật. Muốn dìu dắt nên công nghệ cho hiệu quả, nghệ sĩ cần phải liên lạc với những ngành đó và phải am hiểu đến những chi tiết nhỏ của mọi nghề. Mà nghề, nào có phải là ít, ấy là chỉ nói riêng về công nghệ có liên lạc đến mỹ thuật thôi.

Ta hãy kể thử ít nghề: nghề thêu, dệt, đan, khảm, chạm, trở, sơn, nghề đồ gốm, đồ sứ, đồ gỗ, thủy tinh, nghề in, nghề đóng sách, nghề làm đồ chơi trẻ con, nghề làm mũ, đóng giày, nghề đúc đồng, hàng thiếc, nghề làm quạt, nghề rèn sắt, xây nhà, nghề thợ may, nghề diễn kịch, và còn bao nhiêu nghề nữa!

Những nghề đó đều có liên lạc mật thiết với mỹ thuật, một nghệ sĩ tự trọng phải hiểu thấu đến cả những chi tiết con con. Và đó mới là những nghề mà trong nước đã có sẵn, chỉ cần chỉnh đốn lại và khuyến khích thêm. Ngoài ra lại còn những nghề cũng cần mà hầu hết các nước Á Đông có rồi, chỉ riêng nước ta chưa có, như nghề đúc sắt, đúc thủy tinh, in màu trên sắt tây, nghề chế thuốc, nghề dệt len, nghề chế đồ nhựa, v.v. Tất cả những nghề đó, chỉ có một "nghệ sĩ lý tưởng" mới hiểu biết hết, nghĩa là chỉ có nghệ sĩ nào hiểu biết cho hết được, việc đó ra ngoài sức của một người, dù người đó là nghệ sĩ.

Vậy thì bốn phạm tội thiếu của một nghệ sĩ ta bây giờ phải thế nào? Trước hết ta phải biết rõ những nghề mà chính người làm nghề ấy cần đến đã.

Họa sĩ cần đến những thứ đồ dùng để vẽ như giấy, phẩm, bút lông, bút chì, than, tẩy, sơn, dao để mài sơn, bay để trát sơn, đó là những thứ thiết dụng nhất. Còn những thứ như khung căng vải, đinh đóng, giá vẽ ba chân, hộp đựng đồ dùng, có thể cứ thuê thợ làm vì vật liệu xấu hay tốt không hệ trọng gì cho lắm.

Những thứ kể trên như bút, phẩm, giấy... là những thứ có ảnh hưởng lớn đến công việc của nghệ sĩ. Chỉ hơi xấu một tí là nghệ sĩ có thể bực mình, mà chỉ hơi tốt hơn một tí là họa sĩ vui mừng trông thấy. Từ trước đến nay, nghệ sĩ vẫn đi mua giấy, phẩm, bút của nước ngoài. Được thứ nào dùng thứ đó, nhưng cũng may mà tìm được những thứ vừa lòng cả. Từ khi xảy ra cuộc thế giới đại chiến tàu bè khó đi lại, không còn tìm đâu được thứ tốt nữa. Có người bỏ nghề, có người không thể sống không vẽ được thì dùng vật liệu bản địa. Người ta đã vẽ than vào giấy bản, vẽ phấn bột vào những tờ bìa thay cho vải. Rồi vừa vẽ vừa tức, kết quả tất nhiên là không đúng được như ý nguyện: sự tấn tới thì còn mong đợi gì?

Trung gian, nhà sản xuất giấy trong nước cứ theo khuôn sáo cũ mà chế, miễn là tiêu thụ được, có lợi thì thôi. Cũng đã có nghệ sĩ thừa riêng hạng giấy nhưng vẫn là hạng bột xấu, chỉ có dày hơn và mịn hơn thứ thường vẫn bán khắp chợ thì quê.

Người thợ mộc biết chế lấy cái bào cái đục thì nhà nghệ sĩ, một hạng người trí thức lại chả nên tự nghiên cứu để chế lấy những vật liệu mà dùng rồi khi nào có kết quả hay, sẽ giao cho nhà công nghệ đem chế tạo để mang bán trên thị trường ru?

Nói cho đúng thì kỹ thuật điểm này một phần do ở sự thiếu hụt vốn, không hoàn toàn *quy cũu*<sup>1</sup> vào tính chệnh mảng, lười biếng được. Nhưng đó lại là một vấn đề khác, dù là khó, nhưng không phải là nan giải.

Để đủ tư cách dìu dắt người khác, nghệ sĩ phải cần tự phụng cho thoả mãn. Thoả mãn trong phạm vi bốn phạm về nghệ thuật, việc đó rất chính đáng, dù một người khó tính cũng không thể chỉ trích được vào đâu.

Và muốn tự phụng cho thoả mãn, nghệ sĩ cứ việc nghiên cứu tìm cho ra những thứ thích hợp với công việc của mình để mà dùng.

Trong hai đứa trẻ, một đứa nhặt nhanh mảnh gỗ mảnh sắt làm lấy đồ chơi với một đứa đem tiền đi mua đồ chơi ở hiệu, ta vẫn mê n đứa tự chế lấy đồ chơi hơn. Huống chi nghệ sĩ lại ở vào những trường hợp đặc biệt mà vật liệu dùng hàng ngày không có không xong. Có tự mình nghiên cứu mà cải cách dần dần mới có thể mong một ngày kia chế ra được những thứ giầy, phẩm, bút như ý mình mong muốn.

Đó là về phần riêng nghệ sĩ.

Về việc mở những xưởng con con để chế những thứ đó, là phần nhà trường, trường Cao đẳng Mỹ thuật. Nếu nhà trường và cả nghệ sĩ đều lãnh đạm, chỉ đợi bao giờ ở hiệu có giầy, phẩm và bút tốt mới mua dùng, không thì thôi, thì với tình thế này sự tiến bộ về mỹ thuật và công nghệ nước nhà, có lẽ sẽ không được nhanh chóng như nhiều bạn hằng mong ước.

Tuy vậy, nếu nhà trường có hậu ý đặt ra xưởng mới để nghiên cứu, mà trong nghệ sĩ không ai chịu nhận một phần việc thì cũng chỉ là phí tiền toi thôi. Vì vậy nghệ sĩ cần phải yêu cầu trước, và cần phải thành thực yêu nghệ, yêu sự cải tạo nghệ mình trước tiên.

Nói đến giấy bút tôi lại nhớ đến cách viết chữ nho.

Khác hẳn với chữ nước khác, chữ nho là một thứ chữ tượng hình, tự nó có ý nghĩa như những hình vẽ vậy. Không do các vằn ghép lại với nhau, chữ nho có nghĩa nhất định của mỗi chữ. Trông chữ "mộc" người ta nghĩ ngay đến cái cây; trông chữ "điều", người ta nghĩ ngay đến con chim, trông chữ "vũ" người ta nghĩ ngay đến bộ lông cánh, bao nhiêu chữ là bấy nhiêu hình vẽ, mà những hình vẽ đó đều được người ta thu xếp cho gọn, thêm bớt cho đẹp, tự mấy nghìn năm nay. Nước ta trong ngoài ngàn năm nay vẫn theo Khổng giáo, lấy chữ nho làm nền học quốc gia. Chữ nho du nhập vào nước ta đã thành ra chữ Nam như nhiều người đã gọi. Gọi thế không phải là không chính đáng vì thứ chữ đó đã được đọc theo một cách riêng của ta mà chính người Tàu nghe không hiểu. Với một nền văn hoá rập theo đạo Khổng, nước ta đã có hòi trở nên hùng cường cả với nước Tàu to lớn và đông dân gấp hai ba mươi lần. Xem vậy đủ biết cái sở đắc của chữ nho đã đến một trình độ khá cao rồi vậy.

Trước đây sáu mươi năm, vì bị đè nén dưới chế độ đô hộ, ta bỏ nền tinh thần đó mà theo đuổi một cái văn minh bên ngoài (tôi xin nói ngay rằng tội đó không ở khoa học Tây phương mà chính là cách ta học không chu đáo), đến nỗi tinh thần ngày càng kém mà vật chất chỉ tiến ở những phương diện xa xôi xa đáng tiếc. Những chuyện cha hiền con hiếu, vợ chồng nghĩa, bạn bè tín và những chuyện thanh cao, nghĩa khí, quân tử, hy sinh hậu như cùng biết với chữ nho vào chỗ hư không để cho chữ Tây tràn khắp trong đất nước.

Chữ Tây, ta vẫn học, nhưng cần phải chuyên về khoa học, học có phương châm, có mục đích tốt đẹp. Còn chữ nho, xét theo tình thế hiện thời thì có thể nói rằng sẽ lại khôi phục được một địa vị cao quý nếu không được bẻ gãy thì cũng chẳng kém lắm khi xưa.



Thực vậy, nước ta là láng giềng trực tiếp với nước Tàu và cùng là một giống với nước Nhật ở Á Đông. Hai nước này vẫn dùng chữ nho, không lẽ ta lại lãnh đạm được. Thêm một lẽ nữa là trong khoảng sáu mươi năm trước đây, chữ Pháp có thay thế chữ nho cũng mới chỉ là thay thế trong nền học ở các trường công và các nơi thành thị thôi, chứ ở chốn thôn quê, mà thôn quê là một phần lớn của nước, chữ nho vẫn thịnh hành, duy có kém ngày xưa đôi chút. Gặp phong trào này, cái mầm bị vùi dập bấy lâu sẽ lại trở lên với một sức mạnh lạ lùng. Sau này chữ nho sẽ lại xuất hiện, nhưng điều cần chắc là không đem đến cho ta cái lỗi học từ chương khoa cử.

Tuy nhiên về phương diện mỹ thuật, chữ nho vẫn là những hình tươi đẹp ngang hàng hoặc hơn những bức tranh Tàu tranh Nhật.

Thì hơn ai hết, nghệ sĩ cần phải viết được thứ chữ đó, hơn thế, phải viết cho thực tốt.

Nay ta cứ thử tài một nghệ sĩ cách này xem: Ta chọn một nghệ sĩ có tài trông cái gì vẽ được ngay cái đó, người giống hệt người mà con sâu con bọ không sai một mảy lông, con mắt. Bấy giờ ta đưa nghệ sĩ đó chép một dòng chữ nho. Nghệ sĩ sẽ chép được ngay, nhưng cả khuôn cả nét, so với bản chính sẽ không giống nhau chút nào. Đó là chuyện chép chữ. Nay nêu đề cho nghệ sĩ cứ tập viết dăm chữ thôi, cho tập trong mười ngày, đến ngày thứ mười một viết ra vẫn còn xấu lắm. Có giỏi chỉ cũng mới là "thành tự" thôi, chưa thể bảo là tốt được.

Muốn viết tốt, cần phải tập luôn luôn chứ không thể cậy có tài vẽ giỏi mà tưởng rằng mình có thể viết tốt trong mười tuần, dăm tháng.

Người viết chữ tốt thấy có sự tấn tới cũng mê mải như họa sĩ đang đi trên con đường thành công. Võ luyện văn ôn. Nêu họa sĩ

thường nói không ngày nào là không cầm đũa bút vẽ, thì trong những tay bút thiếp, đây là một tài liệu tôi lược được trong một cuốn Revue de Shanghai, - cũng lắm người phải viết ít ra một trăm chữ mới đỡ thềm.

Do những lẽ kể trên, thiếp tưởng trường Cao đẳng Mỹ thuật cũng nên lưu ý mở một lớp dạy và viết chữ nho cho đẹp.

Nhân nay nghệ sĩ ta chú trọng vào tranh lụa, cầm được những nét đậm đà già dặn, cách tập viết chữ nho cho đẹp và có gân cũng giúp được vào đó một phần khả quan.

Kẻ làm nghề bút thiết này mong rằng sẽ thấy xuất hiện ở nước ta những sách vở, những tạp chí mỹ thuật vừa có tranh đẹp vừa có chữ tốt mà người Tàu vẫn gọi là "thư họa đồng trên" – viết và vẽ cùng quý cả.

**VŨ BẮNG**

*Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, số 249 (17.6.1945) tr. 19*

# Cứ cho họ uống!

Câu chuyện các ngài sắ p đọc đây là chuyện một tâ m lòng. Tâ m lòng tô t bị vùi dập phũ phàng; tâ m lòng tô t bị người ta chà xát giày xéo; tâ m lòng tô t được báo đê n bằ ng sự bạc ác, bắ t nhân.

Chuyện vật trả ân, nhân trả oán. Ngày xưa có một vị sư ngô i dựa một cụm bô` đê`, xây có một bác thợ săn đuổi thú chạy qua. Bác ngã xuô ng một cái hang và một con quạ một con rắ n hoảng sợ cũng lăn theo bác. Cả ba ngó lên trời mà khóc và kêu. Khó câ m được lòng thương, vị sư bèn kiế m một sợi dây thòng xuô ng đáy hang đê cho cả ba cùng bám lắ y trèo lên mặt đấ t. Cả ba đê u quỳ lạy. Bác thợ săn nói rắ ng: Lúc nào ngài đi qua xin ghé vào tôi, tôi được thê t đấi theo phậ thắ p hèn thì vạn hạnh. Con quạ nói: Tôi tên là Bô. Gặ việc không may, ngài cứ kêu một tiế ng là tôi đê n liề n. Và con rắ n nói: Tôi cũng thê, ngài cứ kêu "Trắ ng". Nói xong cả ba đê u lạy tạ, mỗi giồ ng đi mỗi ngắ. Và rừ ng cây đấ đỏi lá sáu lầ n. Sắ c đê p, tiế ng tô t, mùi thơm, mỹ vị, áo quầ n chắi chuồ t và dục vọng, nhà sư của ta còn cho là sáu lưỡi gươm chém nát thân, câ n phải quên đi, thì còn nhớ đầu đê n một buổi chiề u nào ở bên gồ c bô` đê` cứu số ng ba mạng nọ. Nhưng một sự tình cờ xảy đê n: bữa hoàng hôn kia, đi tâ m đạo quá chậ n, ngài bị lạc trong rừ ng tô i và phải vào nhà bác thợ săn xin ngủ trọ. Sợ phiề n hà và cũng lo phải thê t cơm đấi nước, bác thợ săn đố ng cửa cài then. Cả đê m nhà tu hành phải ngủ ở ngoài trời và sáng sớm tinh sương lại đứng dậy đi nồ t con đườ ng vô tậ n của mình thì bắ t thình lình gặ quạ. Thắ y nói bác thợ săn ắ n ở tô i tàn như thê, quạ không ngó t miệng chê bai và nói: Phầ n tôi, tôi không có nhà đê ngài ở, không có cơm đê ngài dùng, nhưng xin rắ n đợi, lát nữa tôi quay lại. Nói đọan quạ lỏ n vào cung vua, lắ y một hạt kim cương đeo nơi cổ hoàng hậu, lúc đó đườ ng thiề m thiế p giắ c nô ng. Quạ

đem về biếu nhà sư và nhà sư lại đem tặng cho bác thợ săn làm kỷ niệm. Không may, hoàng hậu lúc tỉnh dậy biết rằng mất kim cương lại tâu vua; vua bèn truyền rao trong dân chúng ai bắt được thì thưởng cho một ngàn cân vàng, một ngàn con ngựa, một ngàn con bò; ai bắt được mà không đem nộp thì bị tru di cả họ. Không dễ lắm dịp may ít có, bác thợ săn bèn trối vị sư lại nạp vua và tức khắc kể tu hành bị đem xử trượng rất nặng nề. Ngài chấp tay vào ngực tụng kinh và tình cờ đã nói đến chữ "Trăng" tức là tên con rắn. Sau khi hỏi hết đầu đuôi câu chuyện, rắn quyết chí báo thù. Nó nói: Nhà vua đây chỉ có một thái tử đông cung, để tôi vào tôi cắn cho hắn chết, rồi ngài lấy thuốc của tôi mà trị cho sống lại thì thể nào cũng được tha. Đêm đó thái tử bị rắn cắn chết, nhờ viên thuốc của rắn cho, vị sư chữa cho thái tử hồi sinh thực. Vua bèn vái nhà sư và xin chia nửa giang sơn, nhưng nhà tu hành nhất định khước từ. Tức thì vua hiểu hết và phán rằng: Bạch đại đức, nếu ngài không nhận phần nửa giang sơn của trẫm thì đâu có thể nào ngài lại ăn cắp hạt ngọc kim cương? Lúc đó vị sư mới đem hết cả câu chuyện ra kể lại, vua thương chảy nước mắt, và lập tức truyền gọi bác thợ săn vào hầu: Người đã làm một việc ích quốc, hãy về đem hết bà con lớn nhỏ trong chín đời lại đây để trẫm thưởng cho. Bác thợ săn đem hết cả họ hàng nội ngoại lại trước đền; vua phán: Sự hung ác và lòng bạc bẽo là hai cái tội lớn hơn hết. Rồi truyền lính giết chết, họ hàng nhà bác thợ săn không còn lại một người nào sống sót.

\*

"Sự hung ác và lòng bạc bẽo là hai cái tội to lớn hơn hết". Câu sách đó của nhà Phật, dân nước ta vẫn nhớ; bất cứ đối với ai, chúng ta như vị sư kia, cũng đối đãi bằng cả một tấm lòng chân thật; và mặc dầu ở vào trường hợp nào chúng ta cũng đã cư xử không có thể nào tốt hơn.

Vậy mà câu chuyện vật trả ơn, nhân trả oán, một lần nữa lại xảy ra với chúng ta, câu chuyện não lòng, nhưng lần này thì "nhân" không là một người nữa, mà là mười người, trăm người, cả một bọn hèn đớn đã nở cá t miệng lên chửi trời, đã lấy những tư cách thấ t phu ra chế nhạo lòng đại lượng và rũ gá u váy để trả ơn những kẻ đã thương họ, không đâm ché t họ trong khi họ ngã. Muô n cho rành mạch, ta nên kể lại từ lúc bắt đầ u thì hơn.

Trung tuầ n tháng ba dương lịch năm 1945, Pháp kiê u ở miê n Bắc Việt Nam sục tỉnh một giấ c mơ dữ dội. Đùng, vỡ sâm-banh! Đùng, tan bí-tê t! Đùng, đi đòi cả pho-mát và bơ! Cái ngai thực dân cồ t sắ t mạ vàng tải từ kinh đô Pháp-lan-tây sang giải đấ t này, tưởng là vững chắ c không bao giờ đổ đượ c, vậy mà chỉ có một đêm, quân Nhật Bản bắ n tan, bán làm sắ t vụn cũng không có hàng lông vịt đờ ng nát nào muô n rước. Thê t là hế t thời của viên cai trị mũi lõ ký một chữ làm cho hàng ngàn người ché t trong mười sáu tiế ng đờ ng hò ; hế t thời của viên quan võ mắ t xanh ngò i lên đồi gái ở trên ô-tô để chỉ huy quân lính; hế t thời của tên sát nhân người miê n Nam nước Pháp đặt đên đầ u lạc lên bụng đĩ để hút thuố c phiện với một bọn đầ m trá ng lôm lố p như những con lợn cao. Hế t, hế t thời của bọn mật thám Pháp bắ n ché t hàng chục nhà cách mệnh mà không động một cái gân mặt nào; hế t thời của những mụ đầ m nê u không đi ngoại tình thì lại đú đờn ngoài phố , chửi cả giố ng da vàng là bản; hế t thời của những tây con lắ c lắ c chửi cả nước người ta, âm à ậm ệ đi hút thuố c phiện quịt tiề n rô i nằ m lơ mơ chửi cả tổ tiên của chúng là người người Gô-loa nữa.

Không, cái thời của họ hế t thật rô i. Văn minh quá sức đê n như thê t, một trăm năm nữa cũng chưa thể cá t đầ u lên đượ c, vậy thì cứ cho tự do ở ngoài này làm cái trò gì? Một số người Pháp, vì thê t, đã đượ c trình trọng đem bê vào cá t trong những buồ ng giam. Trong khi đó, một số khác đông hơn, xét ra giam câ m cũng chỉ đượ c cái

nghe` ăn hại cơm hại gạo thôi, nên vẫn còn được buông thả ở bên ngoài, đi lại ăn uống và... huế` ch cái mũi lõ lên chờ đợi bọn đờ-gôn, đờ-gôn-lit, đờ-gôn-liên, đờ-gôn-la đem một cái tàu lông vịt đổ bộ độ một trăm quân lính, mang súng lông ngỗng, đeo kiế` m gỗ Hàng Trố` ng, đé` n giải cứu và lấ` y lại chủ quyề` n cho họ!

\*

Người ta kể chuyện rằ` ng lúc quân Nhật đổ bộ ở Phi-luật-tân, ở Tân-gia-ba, ở Nam Dương quầ` n đảo, thổ dân không chậm trễ một giờ, đã đi tìm quân thực dân Anh Mỹ và Hoà Lan để giế` t. Có kẻ bị trôi sông, có người bị đâm chém, lại có anh bị bêu đầ` u.

Sau đêm 9 tháng 3 dương lịch ở nước ta, ta cũng có thể nhân lúc quân hô` i vô phèng xử sự như thế` và hơn thế` nữa. Bởi vì cái ách thực dân mà họ đeo vào cổ dân ta có lẽ còn nặng nề` , ác liệt gắ` p má` y mươi Anh Mỹ và Hoà Lan nữa. Nhưng chúng ta không làm thế`. Không phải chúng ta không biế` t nóng nảy đâu, không biế` t thù giằn đâu; mà cũng không phải chúng ta hèn nhát đâu; nhưng cái khí hậu của xứ sở này, cái luân lý cô` hữu của đấ` t nước này, cái lòng vị tha đã thành phương ngôn của dân tộc này đã luyện cho dân ta một tính thâm trầ` m, biế` t suy trước nghĩ sau, một lòng tha thứ và một bụng thương người mông mênh.

Con cháu của Nguyễn Huệ, của Trưng Trắ` c Trưng Nhị, của Trầ` n Hưng Đạo, của Hoàng Diệ` u của Phan Đình Phùng không bao giờ lại thêm đánh những người đã ngã.

Ảnh hưởng của những kinh truyện cũ luyện chúng ta thành những tên lính có hai bàn tay sắ` t tự đứng ra giữ gìn nổi đấ` t nước mình, nhưng không chỉ biế` t lăn vào mà ché` t; hơn thế` lại còn tạo chúng ta nên những bực anh hùng biế` t lấ` y cái nghĩa và cái đức ra mà số` ng với nhân loại nữa. Ta nâng kẻ thù ở bãi chiế` n trường dạy và dù nó

nhấ m lúc vô ý mà bắ n trộm ta, ta cũng vẫn cho uồ ng nước như thường; ta là vua nước Trầ n sang đánh Thái, không tuyệt diệt nhân quố c, trái lại, lại kính trọng nề n dấ u tổ tiên người Thái, lập con cháu nước Thái lên làm vua và tự bỏ ngân quỹ ra để sửa sang tôn miế u; ta không thể làm Lã Mông nhưng chỉ có thể là Quan Vũ đánh Hoàng Trung ngã ngựa nhấ t định không giế t, cho về thay ngựa khác rô i lại ra đánh lại. "Hung diệt, kế tuyệt". Cái chính sách của các bậc thánh vương Hạ, Thương, Chu lấ y việc làm hung các nước đã bị diệt và làm sớ ng lại những dấ u về t các nước đã bị tuyệt, từ xưa vẫn là phương châm sớ ng mạnh của tổ tiên người Việt Nam. Được thừa hưởng một gia sản tinh thầ n như thế , người Việt Nam năm 1945 không bao giờ nghĩ chuyện trả thù người Pháp. Không, không, trái lại! Lấ y một tá m lòng bác ái thành thực mà ăn ở với bắ t cứ ai ai, chúng ta thương những kẻ tàn ác đã giế t thầ n xác và tinh thầ n dân ta, chúng ta ghi nhớ cái thù Pháp-lan-tây đô hộ nhưng chúng ta vẫn để cho họ, đế n bây giờ vẫn cứ được phép ăn gạo của ta, hít thở một không khí với ta và đi trên một con đường với ta.

Một mù già, một ả đầ m để rơi, một đứ a con tây bị xe cán, chúng ta chạy lại đỡ dậy và an ủi, như chưa bao giờ giữa Pháp và Nam có xảy ra chuyện gì. Hơn thế nữa. Thầ y một tên Pháp cụt chân vì lử a đạn, bê cái mặt xanh rớt đi cùng đường để ăn xin, có người mình lại còn gọi lại cho tiề n; một con điế m mắ t xanh, trước chửi người Nam là "mọi rợ", bây giờ đứng đầ u đường xó chợ bán cái coóc-xê cuố i cùng để lấ y tiề n ăn, người mình cũng bỏ tiề n ra để giúp hơn là để mua; và thành phố hiện giờ còn bao nhiêu người Pháp ngựa tay đi ăn mày mà người mình vẫn cho cơm ăn áo mặc, như đã cho những người không may khác cùng một giố ng da vàng máu đỏ?

Đứng trước một tá m lòng vĩ đại như vậy, một người Pháp biế t nghĩ có lẽ cảm động lắ m và tưởng tượng như muôn kiế p ngàn đời cũng không thể nào ăn ở cho phư.

Thế mà... đây, một số Pháp kiều ở đây ăn cháo ở bát và đái ngay vào bát để đền đáp tấm lòng tốt của chúng ta như thế đây!

Họ bao nhiêu người? Tôi cũng chưa biết rõ, nhưng quả thực từ hôm đảo chính đến nay, không một ngày nào không nghe thấy lòng công phẫn kêu lên trên các mái nhà trong kinh thành.

Đây, mục đầu m Boutonnel, dữ tợn hơn con mục chủ quán Thénardier, kẹp một người bô-đi nam vào bẹn chỉ vì người bô-đi đó đã đi dự lễ truy niệm chiến sĩ Nhật Việt ở chùa Quán Sứ. Kia, tên Léon Grix, chứa súng lậu trong nhà bị bại lộ, nghi cho mẹ thằn bét giúp việc tô cáo, đã rú hai tên "Khuyển Ưng Khuyển Phệ tây" đến tra tấn và cắt nhau canh gác cho đứa bé không được ra đến đường. Đó, hai anh em tên Laurell không biết thế nào để tiệt cái máu "Gô-loa" ra được, uống rượu ty và khoanh một cái tay ra đi sinh sự với một người phu xe già rồi đánh cho kỳ ngã, ngã rồi còn đánh. Nọ, tên Pierre Le Maitre, anh hùng hơn Đông-ký-xuất đánh nhau với cô-đi xay, nhảy lên một con ngựa... sấn, vác một cái súng... cao su đi bắn lia lia vào những cửa hàng ở phố Cửa Nam rồi bị đánh lại kêu người Nam là mọi rợ. Lại kia, tên Piquemal bênh bạn mũi lỗ tóc quăn và mục Le Maitre, xốt đứa con mât dạy, chửi rầm rĩ và xé áo của cảnh binh, rút lon vút mũ xuống đất và lấy chân chà nát. Lại kia nữa, tên Léon Roturier béo tròn như gã Săng-xô, nằm trên xe mà hát nhạo giống da vàng, bị cảnh cáo, lại phát khùng, gọi tất cả mọi người là chó.

Kể hết cả kỳ công của những bực quái kiệt đó ra đây, tôi sợ sẽ làm thương tổn đến lòng tử tế của các ngài bởi vì lòng tử tế của người ta có hạn; nhưng dù không nói còn ai lại không biết câu chuyện gã Vignais ở hiệu bánh Tràng Tiễn, hôm 11.6.1945 vừa đây, hôm có cuộc hội họp thứ nhất của thanh niên miền Bắc nghe ông Bộ trưởng Bộ Thanh niên diễn thuyết? Một tên bọm, xuất thân làm bêp và hiện đương xử cái nghề ăn cắp là cô đường ta lại, vậy nước



hoa đóng hộp mà gọi là *mélasse au miel de Chapa*; một con đĩ mắ t vọ trước làm chủ tiệm Elderados chuyên chứa quân giế t người và mật thám ra vào bàn soạn cùng là nghe máy truyề n thanh lậu thuế , một thắ ng mũi lệch vẫn có tên tắ t là Rudex cũng mật thám nô t, lại kiêm nghề quấ y bột pha phẩm vàng vào trộn trứng vịt rô i gọi là "crème aux oeuf de faisans hawaiiens". Ba cái cặn bã của một xã hội đó, ba cái mẫu người số ng theo kiểu họ nhà tôm đó, các ngài nghĩ xem, nế u tắ t cả các dân tộc đê u có quyề n tự quyề t, thì liệu có xứng đáng làm ba đũa ăn mày hạng thứ mười một ở nước ta không? Ấ y vậy mà đứng trên cái gác thứ hai ngôi nhà bán bánh, chúng đã nhắ m chính lúc thanh niên ta câ m cờ vàng đi qua hát bài "Thanh niên" mà nhỏ xuô ng ba bãi nước bọt bắn thiu rô i bĩu môi, rứt cổ, vỗ tay chề giễu. À không, cái lòng tha thứ của người ta chỉ có thể có chừng thôi. Làm thế này thì quá lắ m; người ta có thể liệt cử chỉ cục cắ n của chúng vào cùng một giuộc với cử chỉ khố n nạn của ba tên Pháp nhà băng đạo nọ, – ba tên Pháp, không có cách gì để rõ rắ ng mình là đố ng phân của đám rác thực dân, đã xé cái quảng cáo "Việt Nam độc lập" mà đi xuô ng đấ t.

Không một người nào bảo người nào, tắ t cả những người Nam có mặt hồ i 6 giờ 20 ở phố Trầ ng Tiề n hôm đó đê u kêu lên một tiế ng "Chớ nên làm thế !" Nhưng cái "máu Gô-loa" của họ xưa nay vẫn vậy: đã làm điề u trái, mà người ta cảnh cáo cho, không những không chịu thôi, lại cứ làm điề u trái cho đế n cùng. Con mụ mắ t vọ rữ gắ u váy và hế ch cái điể m bộ lên; thắ ng bọ m Vignais cúi mặt xuô ng đường nhỏ lia lia như trẻ con tiểu tiện và tên mật thám Rudex vòng hai tay lại làm loa ở mô m và hô "Bande de salauds".<sup>1</sup> Có lẽ họ cho thế là chính khí, là gan dạ, nhưng người Việt Nam thì nhắ t định cho thế là mắ t dạy, là ăn mày, là đê u cáng, là vô giáo dục, là... đố thực dân, nên ngàn người như một, đã nhắ t định cho chúng một bài học xứng đáng với tâ m sức của chúng là quả đấ m và cái đá.

Các ngài có biế t hai vị gà chọi anh hùng và con điể m anh thư đó đã làm thế nào không? Cái mặt xám ngoét lại, cái mũi dài hẳn ra, đôi chân giống một như bam bam bắ p chuồ i không đi được, chúng đã bò nhanh xuồ ng đấ t, khoá cửa và, trái hẳn với cái lễ phép của phương Tây, chúng đã móc cắ ng lên tai chạy trồ n, không huýt sáo, không vẫy khăn mặt mà cũng không chào anh và tôi một lời. Cái tài lui, nhấ t định là giồ ng cuồ c phải tôn chúng lên làm thầ y đó! Những người Nam trèo ô ng máng lên từng gác thứ hai tìm chúng không thầ y, còn biế t làm thế nào? Họ đành phải đập bẻ một vài đồ đạc của chúng đi, viế t đôi chữ lên tường cho chúng biế t và sau rồ t một người đã để lại ở giữa nhà chúng một kỷ niệm lạ lùng mà kỷ niệm đó nhấ t định là ai cũng có, chứ không phải là thứ crême aux oeuf de faisans hawaiiens, độc quyề n Rudex và Vignais!

\*

Trên một căn gác con giữa Hà thành, kẻ câ m bút viế t bài đề n đoạn này, vừa vặ n ba giờ sáng. Lòng bình tĩnh như không bao giờ có thể bình tĩnh hơn, tôi bỏ bút xuồ ng và nghĩ lại lâ n thứ bảy mươi hai về thái độ của người mình đố i với cái hạng Pháp kiề u vô lễ nói trên. Vâng, vâng! Ngay lúc những chuyện đáng buồ n này mới xảy ra, tôi xin thú là đã không có ý tưởng gì rõ rệt; nhưng đề n đêm nay ngồ i viế t bài này thì thực là nhấ t định lắ m rồ i, quả quyề t lắ m rồ i và tin chắ c là phải lắ m rồ i.

Luôn một tuầ n, tôi đã đi tìm hỏi ý kiế n của nhiề u người trong tá t cả các giai tâ ng xã hội: từ một cô buôn bán ở chợ đế n một cậu học sinh, từ một thanh niên đế n một bà quan phụ mẫu, từ một công chức đế n một cụ già đầ u bạc răng long. Tá t cả đầ u nói một lời: "Phải lắ m!"

Phải, cái đấ t này vẫn là đấ t dung người, ai đế n ở cũng được, mà giồ ng nào cũng được coi là anh em. Người Á n Độ cứ buôn bán làm

ăn; người Tàu năm 1937 bị thua Nhật, chạy qua biên giới sang đây cứ ăn gạo của chúng tôi, cứ ở nhà của chúng tôi, cứ được chúng tôi đặt lên hàng thượng tôn; và chúng tôi lúc nào cũng có ở mâm một cái bát và một đôi đũa cho khách lạ, và một cái giường cho những kẻ lữ chân. Nhưng cái đức thương người cũng phải có chừng có mực: chúng tôi tốt nhưng không hèn. Người ta không thể ở đất của chúng tôi mà lại chửi cả nước chúng tôi, không thể chịu ơn chúng tôi mà lại khinh miệt chúng tôi; chúng tôi có bàn tay mềm dẻo để đỡ người nhưng đến lúc cần phải đánh thì đánh mạnh.

Ngay lúc người Pháp còn nắm chủ quyền ở đây, chúng tôi dù chỉ tay không, cũng đã đánh như thế chứ không phải đợi đến bây giờ mới đánh. Đứng về phương diện phản đối và cách mạng, chúng tôi không đánh một người, mười người hay một trăm người Pháp, nhưng đánh tất cả giặc Pháp đế quốc, và cứ mười mười lăm năm lại phanh ruột đội máu ra một lần.

Bây giờ, đối với họ, chúng tôi không thêm đánh nữa bởi vì họ đã bị thua Nhật rồi, nhưng chúng tôi phải đánh những tên giặc Pháp vẫn còn nuôi những tư tưởng thống trị, những tên giặc Pháp vẫn còn nghĩ rằng họ có quyền bắt dân này làm nô lệ mãi cho họ, những tên giặc Pháp không biết thân, vẫn cứ tưởng rằng tất cả đều mọi rợ, chỉ có họ là văn minh.

Đánh như thế chính thực không phải là đánh họ, nhưng đánh vỡ cái tư tưởng khôn nạn ở trong sọ họ đi; đánh vì công phần, đánh theo lối hội đả như ở Mỹ châu, Hy Lạp.

"Thế nhưng mà dù sao ta cũng nên biết rằng kéo hàng trăm hàng chục người đánh một tên Pháp, người ta cho là hèn".

Ngài nào nói ra câu danh ngôn đó xin cứ yên tâm, đừng sợ. Thì chúng tôi vẫn nói rằng ta không đánh một cá nhân Pháp kia mà!

Đánh như thế là hội đả, đánh vì lòng dân công phần chứ có phải là kéo bè kéo đảng để đánh một người khác đâu, có phải là lấy sức mạnh để đánh nhau với sức mạnh đâu; đánh như thế, thế giới gọi là *lyncher*<sup>2</sup> đó, đánh như kiểu đánh một con chó dại.

Một con chó dại, thè lè lưỡi, chạy cùng đường cắn người ta; một bọn người đi qua có thể cứ giương mắt ra nhìn à?

Đừng có nghi ngờ, đừng phản động! Ta phải kéo cả phốt ra mà đánh.

**VŨ BẮNG**

*Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, số 250 (24.6.1945)*

# De Gaulle cần phải kể tội De Gaulle trước!

*Nếu quả thực De Gaulle kể tội Georges Claude, nhà hoá học đã sáng chế ra bom bay. Phải chăng việc xử giam chung thân này chỉ là một phương pháp rút ruột nhân tài để lôi ra một phương pháp sáng chế góm gôm?*

Còn ai lại không nhớ chuyện bom bay?

Hồi đầu năm nay, nước Anh đã bị khốn khổ vì chuyện đó: cảnh đương tốt đẹp, tự nhiên ba mươi mốt quả bom, không do phi công ở trên thả xuống mà cũng không phải người ngớ ngẩn trong điều khiển như kiểu nhân ngư lôi, lừ lừ bay đến giữa kinh thành reo sự khủng bố và làm chết người, đổ nhà... Bom ấy tự Đức bay sang và gọi là V1, V2 và V3.

Ba thứ bom, ba tên, nhưng tự trung cũng tựa tựa nhau, chỉ khác một đôi chút về tiêu diệt, nhưng đến sự tàn hại thì thực đã góm góm mà định đánh ở chỗ nào thì quả đã không làm. Hàng triệu nhà bị phá, hàng mươi vạn người bị chết. Trước khi ngã, Đức làm cho thế giới thất kinh. Và riêng ở nước ta, người mình đã có lúc nghĩ đến thần thánh trong truyện *Phong thần* phi kiếm ở trong lò thái cực sang bên địch.

Cái khí giới lạ lùng! Người ta đã khảo cứu và tính chuyện phân phát để cũng làm bom bay đánh Đức. Nhưng chưa kể quả. Bỗng Đức thua. Và chuyện bom bay gần như chỉ còn là một giấc mơ hãi hùng, thì hôm mới đây có tin báo nhà hoá học kiêm lý học Georges Claude, sáng chế ra bom bay, đã bị đem ra toà. Mà ai mang ra? Không, cái nước hại vì bom bay nhất là Anh thì không nghĩ đến chuyện bắt Georges Claude làm tội. Nhưng là bọn "gô-lít" nước

Pháp: họ buộc Georges Claude vào tội tại sao lại bán phương pháp sáng chế và xưởng làm bom bay cho Đức? Đã đành sau mỗi cuộc chiến tranh người ta thường hay có thói kết tội những kẻ sáng chế ra những khí cụ giết người, mà những nhà sáng chế đó cũng không cần phải đợi có ai bào chữa hộ... Nhưng chúng ta cũng nên biết qua tình cảnh của nước Pháp trước cuộc chiến tranh này ra thế nào.

Nói cho đúng, rất nhiều cái sáng kiến hay về khoa học đều do Pháp đẻ ra, nhưng nước Pháp đã do một bọn chính khách sâu một cái m đầu nên hậu hết những sáng kiến đó phải mai một cả. Những nhà sáng chế có tiền lẻ cho các nhà cái m quyên thì mẫu phi cơ, kiểu chiến hạm hay phương pháp chế tạo thủy lôi của mình được công nhận; bả ng không có tiền thì cứ việc mà chế t đối nhản rả ng.

Cái ý làm phi cơ vĩ đại kiểu B-29 bắ t đầ u từ ở Pháp mà Mỹ thực hành, thì ta cũng không nên lắ y làm lạ bom bay của người Pháp nghĩ ra mà lại đem làm ở Đức để đánh Anh và Pháp.

Việc này rắ t đáng để cho ta suy nghĩ về sự sử dụng nhân tài của nước Việt Nam độc lập sau này.

Riêng về trường hợp Georges Claude thì đời ông ta cũng nên biết rắ ng nó bí mật cũng chẳng khác gì chuyện bom bay. Ông nguyên là người Pháp, sinh ở Paris vào một năm lịch sử: 1870, năm xảy ra cuộc Pháp-Đức chiến tranh tính đến nay vừa được 75 tuổi. Năm 1922, ông đã nổi danh khắp hoàn cầ u về hai sự phát minh: ép không khí thành chấ t lỏng và chế "a-mô-ni-ắ c" bả ng cách tổ hợp. Ông lại còn [...] người sáng nghĩ ra đèn "néon". Cách đây chín năm, Georges Claude đã bắ t đầ u phát sinh ra cái ý niệm làm bom bay. Cái ý niệm này, một nhà văn nước Pháp đã viết trong một cuốn dự tưởng tiểu thuyết theo kiểu *Di chơi cung trăng* của Jules Verne, tôi đã được đọc hồ i hãy còn đi học. Hồ i đó ai dám tưởng

rằng sự phát minh dự tưởng đó lại có thể là một sự thực của ngày mai? Một quả bom có tính cách phá tan nhà cửa thành ra bụi cát, do một người điểu khiển từ xứ Ái Nhĩ Lan, tự nhiên bay vù vù như một con chim khổng lồ sang đánh đúng Paris...

Nước Pháp lúc đó đang hoan hô cái tục khoả thân và uống hàng triệu triệu thùng rượu "vit-ky" đâu lại có để ý đến câu chuyện điên rồ đó? Vì vậy nhà sáng chế dự tưởng kia đã lọt vào trong con mắt của người Anh và ban trình thám Intelligence Service đã nhận thấy ông ta ở trong con người thực của Georges Claude. Và họ đã đem Claude sang đảo Ái Nhĩ Lan thực.

Có ai còn nhớ chuyện Hitler cướp Mussolini ở trong tay Anh, Mỹ hay không?

Ở Ái Nhĩ Lan, cách đây tám năm, một vụ cướp tương tự thế cũng đã xảy ra, mà kẻ bị bắt chính là nhà hoá học kiêm lý học đã sáng nghĩ ra bom bay vậy. Georges Claude, được chính phủ Anh săn sóc, lập một phòng thí nghiệm bí mật ở trên một cái đảo nhỏ. Vợ, ông ta sống với con gái và con rể (cũng là một nhà bác học nổi danh) để ngày đêm nghiên cứu về bom bay. Thì bỗng một hôm kia, cả gia quyến Georges Claude đều mất tích. Và từ đó không bao giờ người ta còn biết hành tung của Claude...

... Trừ ban trình thám Intelligence Service. Họ biết rằng Claude đã bị máy nhân viên trong ban tiên tuyến của Đức bắt đem về một cái lâu đài gần biệt thự của Tổng thống Hitler ở Bersteinghaden, nhưng làm thế nào được? Đảng quốc xã, đang mạnh, lúc đó canh gác nhà hoá học như thể chằng lưới sắt...

Nhưng rồi việc đó cũng qua đi.

Cho đến một ngày đầu năm nay, giữa một buổi trưa trong đẹp, ba mươi một quả bom trắng héo, không do phi công ở trên trời thả

xuống mà cũng chẳng phải người ngỗ ở trong điều kiện như kiểu nhân ngư lôi, bay đến gieo sự khủng bố ở giữa kinh thành Luân-đôn.

À không, đến cái khí giới này thì ông Churchill đã phải nhận là đã làm hại đất nước Anh nhiều lắm.

\*

Ta không ca tụng Đức làm gì nữa, bởi vì về phương diện khoa học, Đức vẫn được liệt vào hạng nhất. Nhưng tại sao lại không rút ở trong việc này ra một bài học cho ta?

Những khố óc lớn, ở vào một nước nhỏ, không bao giờ mưu được một công cuộc gì khả thủ. Cái việc cần nhất của một chánh phủ là phải biết tìm nhân tài và đem ra trọng dụng. Chuyện vua Tự Đức hồ i phong trào duy tân không nghe lời Phạm Phú Thứ, Phan Thanh Giản, Nguyễn Trường Tộ là một chuyện thâm của nước ta đã bỏ phí nhân tài vậy.

Trước cuộc chiến này, Pháp cũng thế. Dưới quyền một ông tổng thống "ngủ hè" bị Đức đánh vào gần đến Paris rồi mà vẫn còn khóc vì không biết mình nên trốn hay nên chạy, bọn chính khách một dân đã bóp bẹp những khố óc vĩ đại vì đã đuổi những kẻ có thực tài đi tản mác trong thế giới. Bọn chính khách đó muốn sống yên thân với tiền bạc ăn dút của ngoại quốc và cuộn tròn mình ở trên bụng những con điếm quốc tế làm nghề rút ruột bạn lòng và rút luôn cả những sự bí mật trong quốc gia của họ.

Vì vậy, ta mới thấy chuyện ông tổng trưởng này bỏ tù một nhà văn vì đã dám nói thực ý tưởng của mình ra; kia một ông phó giám đốc bộ ngoại giao đánh cắp bức điện "Indifférent" cổ kính; lại nọ, một ông xã trưởng giam giữ người ta lại vì một người đã có can đảm nhạo một cuộc thi bay quốc tế.



Có ai còn nhớ chuyện một ông tổng trưởng bộ hàng không làm gãy cánh máy bay Pháp thế nào chẳng? Một nhà sáng chế nghĩ ra được một kiểu phi cơ trận, nhưng chế t một nổi là không có tiền để "vi thiêng" cho kẻ cầm đầu: kiểu máy bay đúng tên đó không được bộ hàng không công nhận. Một tháng sau, người ta công nhận một kiểu máy bay khác tốt hơn, chỉ bởi một lẽ nhà sáng chế thứ hai này có tiền nhiều. Chánh phủ đặt làm hàng vạn chiếc. Nhưng chưa xong được một ngàn thì một nhà sáng chế thứ ba lại hiện ra,

– một nhà sáng chế không những có nhiều tiền mà lại còn có cả nhiều gái để dâng lên Ngài ngự... Tất nhiên một ngàn chiếc phi cơ đã làm xong đó lại huỷ đi, để bộ hàng không công nhận một mẫu thứ ba... Cứ thế, cứ thế mãi...

## 578 CÁC TÁC PHẨM MỚI TÌM THẤY

... Cho đến khi xảy ra cuộc chiến tranh thế giới, Pháp kêu rất công bồng hòng xin Anh đem máy bay sang cứu, bởi vì nước Pháp thiếu máy bay dùng về quân sự!

Thật cũng là một sự đáng buồn cho nước Pháp, cho một nước thật mạnh mà cũng thật văn minh, bị sụp đổ trong phút chốc chỉ vì lẽ sâu một đục khoét mà không làm thế nào chữa được.

Trận thế giới chiến tranh này, nói cho thực, có mấy thứ chiến cụ lạ nhất? Có ba thứ: bom bay, chiến xa không lồ và phi cơ vĩ đại.

Như chúng ta đã biết, phi cơ vĩ đại kiểu B-29 chính là điều sáng nghĩ của Pháp mà Mỹ đem thực hành. Ta cũng đã biết rằng bom bay cũng là một sự phát minh của Pháp. Nhưng có một điều này mà ít người để ý: chính cái sáng kiến đem chiến xa không lồ áp dụng vào chiến tranh khoa học tốt nhất cũng lại là một sáng kiến của Pháp nữa, và báo *Gringoire* đã có nói đến từ 1938.

Ai là người đã có cái sáng kiến thứ ba? Đó là tướng De Gaulle vậy.

Đôi với việc trên này, chúng ta có cảm tưởng gì?

Một cảm tưởng rất nhàm. Một triết lý rất sáo. Thiên hạ thường nói một cách, mà làm một cách. Nói mà làm được, càng hay; nhưng nói mà không làm được thì thà làm mà không nói. Thảm thay là một nước có người nói mà không làm! Nhưng có người nói mà không xét xem lời nói của người ta có thể làm được không, để đem lợi dụng mà làm, thì cũng là một sự thiệt thòi ghê gớm!

Lỗi đó ai là người chịu trách nhiệm nếu không phải là chánh phủ cầm đầu? Đã đành chánh phủ cần phải nghĩ những việc thiết thực, đừng nên mơ mộng những chuyện bặt mặt trắng. Nhưng ta cũng chớ nên vì thế mà chỉ dám nghĩ đến những chuyện thất p hẹp quá, phạm những chuyện gì hơi to lên một chút, nhất thiết để cho là rô` đại, viễn vông.

Từ một nước mà thu hẹp phạm vi đến một cá nhân, ta vẫn thấy rằng cái nghệ thuật cao siêu nhất là *biết* và *dám*. Biết trông, biết nghe, biết tìm và dám nghĩ những chuyện vĩ đại và dám thực hành những chuyện đó *thành sự thực*.

Nga đã đem thực hành cái sáng kiến chế` chiến xa khổng lồ`.

Đức đã đem thực hành cái sáng kiến chế` bom bay.

Mỹ đã đem thực hành cái sáng kiến chế` phi cơ vĩ đại.

Nga, Đức và Mỹ là ba nước đã *dám* nghĩ *dám* làm *dám* sống, và sống mạnh.

Vậy, theo tin Domei, nhà hoá học kiêm lý học Georges Claude, người sáng chế` ra bom bay, đã bị chánh phủ "gô-lit" mang ra toà và

kết án xử giam chung thân vì đã bán xưởng hoá học của ông ta cho Đức.

Tôi tưởng nếu cần phải kết án thì kết án nước Pháp trước đã thì hơn. Tại sao nước Pháp lại không biết sử dụng nhân tài? Tại sao nước Pháp lại để cho sâu một đục khoét? Tại sao nước Pháp lại không đem những cái sáng kiến vĩ đại kia ra thực hành?

Tôi không tưởng rằng tướng De Gaulle lại rồ dại thế đâu, bởi vì nếu thật là người ta kết tội Georges Claude thì chính De Gaulle lại cần phải kết tội De Gaulle trước: ông đã có sáng kiến đem chiến xa khổng lồ áp dụng vào chiến tranh khoa học mà lại để cho Nga đem thực hành.

Không, đó chỉ là một cái có, đó chỉ là một cái dịp, theo thiên kiến của tôi.

Cứ công bình mà nói, De Gaulle chưa chắc đã là một tướng vô tài vô trí. Bây giờ không phải là lúc ngời kể tài của ông ra, nhưng dù là ghét nước Pháp thực dân đến bực nào, tôi vẫn cứ phải nhận rằng De Gaulle *phải có một cái gì* cho nên mới giữ được cho nước Pháp được một địa vị như ngày nay vậy.

Việc Syrie – Liban là một sự thất bại của De Gaulle trong công cuộc đấu trí với Anh, nhưng trong công việc xử giam chung thân Georges Claude, ông không thể là một người ngu dốt.

Biết đâu trong việc xử giam này lại không là một thâm ý của ông? Tôi không thể tưởng tượng được một nước như nước Pháp lại chịu thua một cách nhục nhã để mà không có một ý niệm gì về sự phục thù..., không có một ý niệm gì về sự phục hưng...

Tôi nghĩ rằng bây giờ có lẽ chính là lúc De Gaulle ra tay sửa lại những điều lầm lỗi của nước Pháp trước kia; tôi nghĩ rằng có lẽ

chính lúc này là lúc De Gaulle dụng kế để gọi nhân tài về nước; tôi nghĩ rằng lúc này có lẽ chính là lúc De Gaulle muốn sửa soạn để lấy lại cái địa vị ưu thế của nước Pháp cũ... và biết đâu... chẳng là để sửa soạn đối phó với các nước địch, nếu Nga và Pháp thoả thuận đi với nhau trên một con đường.

Sinh vào thời buổi này, nhân tài cũng như đồ vật quý, bị cướp giết như chơi mà ban Intelligence Service của Anh thì lại có tiếng là tài về khoa... ám sát.

Chả biết có phải tướng De Gaulle xử giam chung thân Georges Claude là vì cái thâm ý bảo toàn cho Claude để rút cái phương pháp sáng chế bom bay ở trong ruột Claude ra và lợi dụng khối óc khổng lồ của Claude để quăng vào mặt nhân loại một ít sự phát minh kỳ quái mới?

**VŨ BÃNG**

*Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, số 252 (8.7.1945)*

# Hà Nội có gì lạ?

## **Ông Tổng trưởng nội các Trần Trọng Kim tiếp đại biểu các nhà báo tại phủ Khâm sai**

"Công việc thì nhiều, nhưng không thể nhất thiết làm xong ngay một lúc. Ta hãy biết rằng: chủ quyền lãnh thổ ba thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng hoàn toàn phục hồi về Việt Nam Đế quốc,<sup>1</sup> từ ngày 20 tháng 7, dương lịch hồi 12 giờ trưa (giờ mùa nực hiện hành trong nước)" (Lời ông tổng trưởng Trần Trọng Kim tuyên bố với đại biểu các báo ở phủ Khâm sai, chiều thứ năm 19.7.1945).

Năm giờ hai mươi phút thì ngài ở trên phòng làm việc phủ Khâm sai bước xuống phòng khách. Ở đây, mười bốn nhà báo Hà Nội đã ngồi đợi. Cửa sổ đều đóng vì trời còn nắng. Phòng lặng tờ tờ. Một ánh sáng mờ mờ. Ông tổng trưởng Trần Trọng Kim lặng lẽ bước vào, chân vận đôi giày vải trắng. Không khí gian phòng và những đồ *trần thiết*<sup>2</sup> đơn giản thật hợp với ông tổng trưởng vừa bước vào, bình dị như một bức tranh vẽ chì. Ông tổng trưởng Trần Trọng Kim cúi đầu chào mọi người và chọn một cái ghế bên phải ngồi, không có một tiếng động con. Ông xoa tay, cười và nói mấy câu cảm tạ. Giọng nói tự nhiên như cử chỉ. Quần áo mặc, toàn là đồ trắng hạng thường, y như hồi hãy còn làm Thanh tra các trường sơ học Hà Nội. Ông vẫn giữ cái vẻ bình tĩnh thanh thản, nhưng so với lúc trước thì cử chỉ có vẻ dễ dàng và nhanh nhẹn hơn nhiều.

Người có sút đi đôi chút, nhưng da dẻ hồng hào, trông có bộ mạnh hơn. Ông nói nhỏ nhưng dễ dãi; ông chọn chữ chọn câu nhưng thao thao bất tuyệt. Ta có cảm tưởng ngồi nghe một ông bạn già kể chuyện tâm sự một cách thành thực. Nói như nói chơi mà làm cảm động lòng người lắm.

– Tôi ra Bắc chuyên này là để điề u đình với các nhà đương chức Nhật mấ y việc. Trong những việc đó, có một việc đã có kế t quả hay: người Nhật bắ ng lòng giao trả nước ta ba thành phố Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng. Mai, thứ sáu 20 tháng bảy năm 1945, hồ i 12 giờ trưa sẽ cử lễ phục hồ i ba tỉnh đó về đế quố c Việt Nam. Chả nói thì ai cũng đã biế t, Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng từ 57 năm nay bị cắ t nhượng cho nước Pháp; nay nước Nhật giao trả cho ta, ba thành phố kể trên sẽ cứ giữ địa vị nguyên như cũ. Quyề n quản trị trong mỗi thành phố sẽ giao cho một ông thị trưởng do Chánh phủ Việt Nam cử ra. Hà Nội thì là ông Trầ n Văn Lai, Hải Phòng ông Vũ Trọng Khánh, và Đà Nẵng là ông Nguyễn Khoa Phong.

Đó là một trong những công việc mà tôi có trách nhiệm ra đây điề u đình vậy. Tôi còn điề u đình nhiề u việc khác nữa, và hầ u hết được các nhà đương cục Nhật, vô n có trí óc sáng suố t, đã vui lòng để ý xem xét rồ i... Tôi mong rằ ng chúng ta sẽ được toại nguyện; nhưng bao nhiêu công việc đó không phải chỉ trong một ít ngày mà giải quyế t hết cả đâu. Ta phải đợi chờ và câ n làm việc cho thứ tự, chứ bây giờ quố c dân muố n cái gì cũng phải giải quyế t ngay thì không thể làm được. Bởi vì tình cảnh hiện đại nước ta thật có như một mó i tơ vò: phải kiên tâm ngồ i gỡ từng nút, nế u nóng ruột thì chỉ thêm rồ i nát.

Nói cho thực, ai là người Việt Nam lúc này mà lại chả sồ t sắ ng muố n cho nước nhà mạnh ngay, giàu ngay, tự lập ngay? Nhưng cái thế chưa làm được ngay thì làm thế nào được? Tôi tin rằ ng nước Việt Nam ta sẽ có một tương lai tô t đẹp, nhưng công việc đó phải làm từ từ và tôi xin thề với thanh thiên bạch nhật rằ ng cái sức tôi có thể làm thế nào được cho nước thì tôi đem ra làm cả. Nế u có người nào xét rằ ng có thể làm được hơn thế để đưa nước Việt Nam đế n chỗ tô t đẹp mau hơn, thì tôi rấ t sẵn lòng giao trả lại để mà đi về nhà, dưỡng cái tuổi già đa bệnh và đọc sách. Chính thực ra, lúc về đây, tôi

không ngờ lại còn được mạnh khoẻ như thế này. Đau lắm. Tôi bị bệnh cương mạch máu, lắm khi phải nằm mà làm việc. Nhưng may ít lâu nay được ở bên cạnh hai bác sĩ Hồ Tá Khanh và Vũ Ngọc Anh nên sức khoẻ đã khá và tôi lấy thế làm mừng lắm. Công việc thì nhiều, nếu không có sức khoẻ không làm gì được cả. Tôi sẽ ở đây ít bữa rồi trở về Thuận Hoá để rồi lại đi ngay, có lẽ đi Nam bộ, bởi vì ở đó tôi cũng có nhiều công chuyện cần làm gấp.

Ông tổng trưởng Trần Trọng Kim còn nói nhiều chuyện về ngoại giao, về tiếp tế, cho chúng ta biết một ít chuyện về tài làm việc và đức trầm tĩnh của vua Bảo Đại; đoạn, mời anh em uống nước chè, những chén nước chè nguội nhưng làm mát lòng người không biết bao nhiêu, và hôm nhiên lấy ra một cái bát lửa hạng năm xu ngày xưa, cái hạng bát lửa có bụi nhùi đỏ, bát lên đưa cho mọi người châm thuốc hút, một thứ thuốc hạng thường.

Trong hơn một tiếng đồng hồ hậu chuyện, người ta có cảm tưởng ông Trần Trọng Kim thành thực về tất cả mọi phương diện và quả là một người xứng đáng để cho quốc dân tin tưởng và hy vọng.

Sáu giờ bốn mươi năm phút thì bắt tay từ giã. Đại biểu các báo ra về với những cảm tưởng tốt trong lòng. Tôi lui ra sau cùng, sau khi đã hỏi ông tổng trưởng Trần Trọng Kim về công việc trước tác của ông hồi trước khi làm tổng trưởng.

Ông Trần Trọng Kim lấy tay vuốt mái tóc điểm bạc, gật đầu, trả lời tôi:

– Có. Ngoài một cuốn sách khảo về thiên văn, tôi có soạn một cuốn *Việt Nam sử lược* mới, hoàn toàn hơn và có phần nói rõ ràng hơn về hội Pháp thuộc, nhưng hiện nay, vẫn chưa xong. Tôi không biết bản thảo hiện để ở đâu; tôi đương bảo cháu ở nhà tìm kiếm;

nhưng chắc lúc này, bận rộn thế, tôi cũng chưa thể tiếp tục mà làm cho xong ngay được. Ấu cũng là một điều đáng tiếc.

### **Lễ phục hồi thành phố Hà Nội. Ông Trần Văn Lai nhận chức thị trưởng**

Theo chương trình thì mười hai giờ đúng làm lễ phục hồi thành phố Hà Nội, cùng một giờ với Hải Phòng và Đà Nẵng. Nhưng mười hai giờ kém mười lăm, báo động. Mãi tới gần một giờ trưa, cuộc lễ mới bắt đầu. Đúng ra thì thành phố đã dự bị một cuộc đón tiếp ông Thị trưởng Trần Văn Lai rất xứng đáng, nhưng vì ông yêu cầu đừng làm gì, nên mọi công việc đón rước đều hoãn lại.

Cuộc đón rước vì thế rất giản dị, nhưng do đó lại hàm nhiều ý nghĩa tốt đẹp hơn. Về phần quan chức Nhật ta nhận thấy ông phó toàn quyền, ông trưởng bộ tham mưu, cả ông tôi cao cố vấn Yokoyama và Nishimura, ông quyền đốc lý Konagaya và các võ quan đại diện lục quân, hiên binh... Về phần các quan chức Việt Nam có ông tổng trưởng Trần Trọng Kim, ông Vũ Ngọc Anh, ông Phan Anh, ông Hoàng Xuân Hãn, ông Phan Kế Toại và các ông giám đốc các công sở, các ông chủ sự, các công chức. Giờ hành lễ, các quan chức Nhật và Việt đứng yên trên hành lang tòa Đốc lý hướng về phía vườn hoa Pôn Be làm lễ chào cờ. Phường nhạc Bảo an binh cử bài *Đặng đàn*. Thanh niên hát. Và cuộc lễ cử hành ở trong phòng giầy ông thị trưởng, trang hoàng rất giản dị nhưng sạch sẽ và sáng sủa, dưới bốn chân tường có đặt những chậu cây lá xanh làm dịu mắt vô cùng. Ánh đèn dịu dịu. Ở ngoài kia không khí rung động một cách hiên hoà. Hàng trăm người đứng trên bãi cỏ trước Kho bạc chờ xem.

Lúc phường nhạc Bảo an binh nghỉ, tức là lúc bắt đầu cuộc lễ. Giữa là một cái bàn giầy. Quan chức Nhật đứng một bên. Quan chức Nam đứng một bên. Ông tổng trưởng Trần Trọng Kim tiến lại phía bàn, nhanh nhẹn nhưng vẫn không thiếu vẻ ung dung, lấy bản



chiếu u nói về việc thống nhất lãnh thổ Việt Nam tuyên đọc. Từ giờ này, ba thành phố Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng sẽ hoàn toàn phục hồi về Đế quốc Việt Nam. Mỗi thành phố sẽ có một ông thị trưởng Việt Nam. Hà Nội, Hải Phòng sẽ thuộc quyền Bắc bộ Khâm sai đại thần, còn ở Đà Nẵng sẽ thuộc quyền Nội vụ Bộ trưởng đại thần.

Ông tổng trưởng Trần Trọng Kim cảm ơn Hoàng quân Đại Nhật Bản đã giải phóng cho nước ta và các nhà đương chức Nhật Bản đã tạm đảm nhận các công việc cai trị Hà Nội cho dân cư Hà Nội vẫn được an cư lạc nghiệp như thường. Nay việc thống nhất lãnh thổ đã thực hiện gần xong, bồn phận của dân nước là phải lo đến việc duy nhất dân tâm, cùng với khẩu hiệu "quốc gia thống nhất" còn phải hô khẩu hiệu "quốc dân hợp nhất". Ông Bùi Như Uyên dịch hai bản diễn văn ra tiếng Nhật xong thì ông thị trưởng mới Trần Văn Lai ra nói mấy lời cảm ơn quân đội Nhật dẫu khó khăn thế nào cũng giữ lời hứa giúp và ủng hộ nên độc lập các nước ở khu đại Á Đông, và cuối cùng, ông mong rằng dân chúng Hà Nội sẽ không chia đảng phái, đồng tâm hiệp lực làm cho Hà Nội to, đẹp, mạnh, giàu như kinh đô các đại cường quốc.

Ông nguyên quyền thị trưởng Konagaya đáp lại mấy lời nhã nhặn và ước rằng nhờ sự gắng sức, sự tận tâm và những đức tính tốt của ông thị trưởng mới, một người bạn mà ông vẫn có bụng yêu, việc cai trị kinh đô Bắc Bộ Việt Nam sẽ có kết quả tốt đẹp hơn và nên thịnh vượng của thành phố cùng sự sinh hoạt của dân chúng mỗi ngày một tăng tiến hơn.

Sau hết, ông Trần Văn Lai mời các người Nam có mặt tại lúc đó xuống đến Trung Liệt truy niệm hai vị anh hùng Hoàng Diệu và Nguyễn Tri Phương, khi xưa cố giữ thành phố Hà Nội đến lúc cuối cùng không được, đã đành tuần tiết theo thành, lưu lại một trang oanh liệt trong Việt sử.

## Lễ truy niệm hai vị trung liệt Hoàng Diệu và Nguyễn Tri Phương

Còn nhớ lại các đoạn lịch sử ai oán đó làm gì nữa?

Nói cho đúng ra cái lòng địch khái của quốc dân ta, lúc người Pháp mới sang xâm chiếm ở đây, cũng hăng hái lắm; nếu những người có quyền vị có thanh thế biết đứng ra cổ lệ kích dương lòng ái quốc thì người Pháp cũng còn lâu mới lấy được thành Hà Nội.

Tiếc thay những người đó lại sẵn lòng bán nước, tâng tâng không còn chịu biết tiết nghĩa là gì: nào Lê Trinh làm đề đốc bỏ binh quyền chạy trốn; nào Thông Phong làm chim mồi cho Tây; nào Tôn Thất Bá leo tường chạy trốn; nào Bô chánh Phan Văn Tuyền co giò lên tai, chạy về làng Mộc Quan Nhân; nào lãnh binh Hồ Như Lễ, Nguyễn Đình Dương ném gươm quăng giáp để lại Tây cầm đầu số ng... Hỡi ôi, cái tinh thần nòi giống của người mình còn gì nữa nếu trong đó lại không xuất hiện ra những liệt sĩ anh hùng như Hoàng Diệu và Nguyễn Tri Phương, thà can tâm chịu chết với thành chứ không chịu ôm đầu chạy trốn.

Cái chết oanh liệt của hai vị anh hùng đó, ngàn vạn năm sau vẫn còn chói lọi ở trong Việt sử, và có quyền hưởng sự thành kính cho hai mươi nhăm triệu đồng bào hàng năm vẫn đến chiêm bái ở Thái Hà Áp, đền Trung Liệt. Đền Trung Liệt, lúc mới lập, lấy tên là đền Tam Trung, vì đền thờ ba vị anh hùng Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu và Đoàn Thọ, cả ba đều bỏ mình vì nạn nước, trong khi giặc Pháp đến xâm lăng. *Trung* tức là một lòng ngay thẳng; *Liệt* là "sức lửa nóng dư, không ai dám phạm", lại có nghĩa "người có tâm chí cương quyết, không chịu khuất phục một thế lực hay một sức mạnh nào".

Xem vậy, hai chữ *trung liệt* dùng để gọi tên đền thờ Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu và Đoàn Thọ thực là xứng đáng; vậy mà trước đây ít năm, có kẻ lại dám lấy có trùng tu, đem đổi Trung Liệt ra làm "Trung Lương", lấy cái ý "lương" là tốt là hiền, không có gì đáng để ghi cái dấu thom của ba vị anh hùng tuần quốc, và đem luôn bài vị của mười người khác nữa bày luôn vào đó để tính chuyện "ăn chực" phần hương khói.

Nhưng quốc dân ta đâu lại có chịu để cho người ta lừa dối như thế được? Mà anh hồn của ba vị Đoàn, Hoàng và Nguyễn, khi nào lại chịu để cho mười mấy kẻ kia được dự vào cùng một nơi cúng lễ với mình?

Báo giới quốc văn đã hết lời trách móc và lòng công phần của quốc dân không một lúc nào thôi bỏc chấy, nhưng vì có người Pháp che chở cho lũ quyên gian nên cái Trung Lương vẫn cứ trơ trơ ra đó.

Nhưng trong có một đêm, chính quyên Pháp bị lật nhào. Những kẻ bán nước rồi sẽ có chỗ ngồi riêng của chúng, nhưng việc đầu tiên người ta thấy cần phải làm ngay là phá nát ngay hai chữ "Trung Lương" đi, đắp hai chữ "Trung Liệt" cũ vào, và soạn lại bài vị xem cái nào nên để cái nào nên huỷ, và sau cùng ban khám xét bài vị chỉ giữ lại nguyên hai cái: một của Hoàng Diệu và một của Nguyễn Tri Phương.

Lúc ông tổng trưởng Trần Trọng Kim, ba ông bộ trưởng, ông khâm sai, ông thị trưởng và thanh niên nam nữ Việt Nam xuống đền Trung Liệt truy niệm các bậc trung liệt, hồi ba giờ chiều thì ba chữ "Trung Liệt miếu" đã đắp xong và kẻ sơn đen rất đẹp. Cây cối xanh tươi ôm lấy quả đồi có một vị trí nên thơ. Chim nói, chim hát. Ánh nắng rực rỡ chiếu theo khe lá và lọt vào trong đền làm rực rỡ thêm những hoa lá và hương nếp bày ở trên ban thờ. Những vị đại biểu của chính phủ Việt Nam kính cẩn đứng trước ban thờ làm lễ tam

khâu. Một không khí cảm động toả ra khắp đền và khắp quả đồi. Người ta muốn khóc vì sung sướng, sung sướng vì thấy tinh thần đoàn kết chặt chẽ của quốc dân Việt Nam, không những ở thế hệ này mà thôi mà lại còn với cả các thế hệ trước ta nữa và sau ta nữa. Tinh thần đoàn kết đó sẽ là bất diệt, và dù là thiên công thử thách ta đến bậc nào, ta cũng phải thấy rằng nước ta không diệt được, tinh thần ái quốc của chúng ta không tuyệt được.

Nghiến răng cảm tức quân Pháp trong bảy chục năm nay và giận bọn quỳ gối gian đã lừa dối đồ đẽng bào, hai vị anh hùng Nguyễn Tri Phương và Hoàng Diệu từ nay hẳn được mỉm cười dưới suối vàng mà phù hộ cho non sông Việt Nam.

Nhưng còn ông Đoàn Thọ, một trong tam trung, không biết rõ là ban xem xét bài vị đền Trung Liệt đã khảo kỹ càng chưa, mà việc bỏ bài vị đi như thế là phải hay không phải? Tôi không được biết rõ. Chỉ xin nhắc lại để cho các vị có trách nhiệm, các sử gia, các học giả xem xét kỹ càng hơn. Bởi vì nếu từ trước đến nay đền Trung Liệt không thờ ông Đoàn Thọ thì không nói làm gì; nhưng đã thờ lại đã có thờ rồi, thờ vì có công cùng với hai ông Hoàng Diệu và Nguyễn Tri Phương cố giữ thành Hà Nội, nay nếu không xem xét cho thực kỹ, nhất thiết bỏ đi thì e rằng chẳng những đắc tội với tiền nhân mà lại còn làm tủi anh hồn một vị liệt sĩ đã hy sinh thân thế cho đất nước.

**VŨ BẮNG**

*Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, số 255 (29.7.1945).*

# Ba bức thư thượng khẩn ta lại gửi cho ta bức thư thứ nhất

Tôi thấy cái bồn phận cấp tôc phải gửi cho anh bức thư này là bởi vì tôi hiểu biết anh hơn ai hết. Anh hiện đang đứng ở trước hai cái cửa: cửa sống và cửa chết. Khỏi phải nói, anh cũng biết ngay rằng cửa sống rộng thênh thang nhưng đưa người ta đến sự hư mất đời đời; còn cửa chết thì dẫn ta đến sự sống, nhưng lại hẹp hòi, chật chội.

Anh sẽ vào cửa nào? Tôi biết chắc là anh sẽ rẽ sang tay phải.

Bởi vì anh là người Việt Nam. Cái lịch sử, cái văn hoá của nước chúng ta không cho phép ta được nghĩ đến những điều ti tiện. Ông cha ta đã đem xương máu ra mở một con đường sống cho chúng ta thì chúng ta không được phép quên mất linh hồn vô giá, quên mất sự giữ gìn nên độc lập hoàn toàn, quên mất bồn phận bảo vệ hương hoá của ông cha để lại.

Chúng ta không thể đi vào cửa rộng để mà tìm cái chết.

\*

Giờ phút này đây, anh đã thấy việc bảo vệ hương hoá của ông cha ta cấp bách thế nào chưa? Cái nạn ngoại xâm chưa hết hăm dọa người ta, thì việc nội trị lại như hét vào tai ta kêu đòi thêm cố gắng. Anh phải sống để mà đền nợ nước. Nếu anh biết nghĩ, anh sẽ thấy rằng ví anh cố sống đến mười kiếp nữa thì cái nợ nước đó đến cũng chưa phụ: anh bỏ cả vợ, cả con, cả nhà, cả cửa để tranh đấu cho nên độc lập cũng vẫn là chưa xứng đáng. Vậy mà anh đã làm những gì trong giờ phút nghiêm trọng này? Anh ngẫm đi đây để

mà xem những người khác chiến đấu cho anh; anh gương đôi mắt hèn hạ nhìn thời cuộc và mong rằng sự may mắn sẽ tự nhiên rơi xuống như sung để cho anh sống "tiếp theo và hết" cái đời ỷ lại như con lợn. Hôm nay, vô tuyến điện có một chính khách kia tuyên bố sẽ ủng hộ nền độc lập của nước nhà, anh sung sướng đi kháo cho khắp thấy mọi người được biết, tuồng như chính sự độc lập đó đã do chính anh "phát minh" ra; nhưng ngày mai, nếu tướng De Gaulle có phét lác kêu rêu tàu Richelieu đã quay mũi đi Đông Dương, – à, xin anh yên chí cho rằng tôi đã biết trước là thế nào anh cũng phờ phạc, chán đời, lo sợ như chó chết.

Thế thì còn ai biết anh là cái quái gì, hở anh ơi?!

Nước nhà đương qua một cái nạn lửa cháy này. Chắc chắn là chúng ta phải nhìn thấy những sự sụp đổ của nền văn minh cũ. Theo luật tiến hoá của thời gian, những lâu đài dinh quách mới sẽ do sự sụp đổ đó nảy nở ra. Một tương lai tốt đẹp hơn không cho phép một người nào bị quan cả. Vậy thì được bắt tay vào một công cuộc kiến thiết vĩ đại như thế, tôi tưởng anh phải lấy làm vẻ vang tự phụ, anh phải tranh đấu lấy một phần công việc của mình, anh phải lấy làm si nhục nếu không được góp sức trong cái bãi chiến trường căn lao đó; thế mà anh lại đứng đưng là nghĩa làm sao? Tôi không hiểu. Ông cha ta ưa văn học cử tử và yêu thích sự nhàn nhã, sự trầm lặng, sự lặng im. Anh phải chủ trương sự tiến hoá, anh phải luyện lấy óc khoa học, anh phải tỏ ra là tên lính hăng hái nhất trong đoàn quân chiến đấu với một sự đau khổ của nhân loại do sự dật lạc gây ra. Anh phải tình nguyện làm một thanh niên đặc lực để làm trẻ lại cái quan niệm giao kèo hoài nghi, phải chống lại sự bất bình đẳng làm cho nhân loại làm than khổ sở, phải xông ra trước nhất với toàn thể quốc dân tranh lấy quyền tự do dân chủ: tự do đi lại, tự do hội họp, phổ thông đầu phiếu... Còn bao nhiêu việc anh phải cùng với quốc dân phải đòi, còn bao nhiêu sự phản tuyên truyền

của một số ít Việt gian mà anh có bốn phận, trong phạm vi của anh, hét lên mà chổng lại, háu có thổng nhát quốc gia dân tộc!

Tiến lên! Phải tiến lên xung phong mà hiệp cùng dân chúng để giết kỳ hệt bọn sài lang cướp nước, để giải phóng cho giồng nòi, để tranh đấu cho tinh thần anh dũng, thích nguy khinh chệt.

\*

Tất cả những kết quả tốt đẹp của nền tân dân chủ anh đều ham muốn cả, bởi vì anh là người. Đã là người thì ai cũng muốn bình đẳng cả, ai cũng phải tranh giành lấy một chỗ đứng trong nhân loại. Nhưng anh lại không muốn bắt tay vào tranh đấu, anh ý cái thân cụ ra không muốn tranh đòi gì hệt; anh chỉ rình người ta làm cỗ sẵn cho anh. Cái óc đó là óc ti tiện, óc khố nạn, óc bản thủ, óc dê óc chó. Thảm hại, anh làm cho Nguyễn Huệ, Phan Đình Phùng, Hoàng Diệu, Nguyễn Tri Phương, Trần Hưng Đạo đã chệt ròi mà còn phải khóc vì đã có những con cháu ươn hèn như anh đó!

Anh trả lời tôi thế nào?

À, anh tưởng là anh treo một cái cờ ra cửa, anh đi dự vào những cuộc biểu tình, hô lên mấy câu "ủng hộ" rõ to, anh học được mấy bài *Diệt phát xít*, *Tiến quân ca* để hát vang lên không suy nghĩ,

thế là anh đã làm bốn phận một công dân cứu quốc ròi ư?

Chưa đủ. Chưa đủ. Chưa đủ.

Mà tôi lại còn nói rằng như thế chưa là cái nghĩa lý gì. Như thế, chưa phải là tranh đấu, chưa phải là đoàn kết. Đoàn kết và tranh đấu, anh cần phải tranh đấu và đoàn kết cả khi không biểu tình, cả khi không hát, cả khi không vẫy cờ. Anh phải coi sự đoàn kết như một tôn giáo, lúc nào cũng chỉ nghĩ đến đoàn kết mà thôi, nghĩ

đến đoàn kết khi ăn, nghĩ đến đoàn kết khi ngủ, nghĩ đến đoàn kết khi làm việc. Đoàn kết lúc thắng cũng như lúc bại, đoàn kết lúc vui cũng như lúc buồn, đoàn kết lúc dễ cũng như lúc khó.

Đoàn kết để cho thành một khối bền chặt như uy-ra-ni-ôm làm cho bọn sai lang không chia rẽ được, đoàn kết để một là chết hết cả, hai là hoàn toàn độc lập, đoàn kết để thương xót lẫn nhau, nâng đỡ lẫn nhau, bởi vì hồi hồi anh ơi, nếu chúng ta không thương xót nhau, nâng đỡ nhau thì chả có ai nâng đỡ, thương xót ta hết.

"Hãy tự cứu lấy". Lời của đức giáo tổ còn ghi ở trong óc mọi người. Mà xin anh nhớ cho rằng ở đời này không có gì không phải mua bằng sự nỗ lực đấu tranh. Hạt lúa không chết thì cây lúa không mọc được. Đức chúa Giê-su không chết để làm trọn thánh ý của đức chúa Cha, không thể cứu chúng ta khỏi tội. Mà tổ tiên ta không dội máu đào, phơi xương trắng, thì đâu có chúng ta bây giờ?

\*

Vậy thì tranh đấu, cũng như đoàn kết, anh cũng phải coi như một tôn giáo nữa: "Không đổ máu không thể có sự tha thứ" (*Hê-bơ-rơ* 9.22) thì không tranh đấu không thể có một tương lai được. Người trước anh và người đương thời với anh, kẻ thì đã chết vì hy sinh, kẻ thì bỏ hạnh phúc quyết năm gai nếm mật không ngoài cái ý muốn cướp lại nền độc lập cho đất nước. Đất nước mà được như ngày nay là do sự tranh đấu, sự hy sinh tột bậc của họ. Anh đã tranh đấu chưa? Anh đã hy sinh một ít công lao, một ít của cải, một ít hạnh phúc chưa? Hay là trong khi đồng bào anh nặng một lòng thương nước thương nòi thì anh ăn cho trẻ rồi đi tán láo chuyện đời, anh chỉ rờn nghĩ đến phong y tức thực và anh lim dim con mắt năm như một con bò trên cái sập gụ để chán đời và triền miên suy nghĩ về dĩ vãng.



Giết chết ngay cái cuộc đời ấy đi cho ta, bởi vì còn kịp lúc!

Sự tranh đấu, anh phải hoà vào với không khí để anh hít thở, anh phải coi như là một cuộc chạy thi, ai hơn thì vẻ vang, ai thua thì phải luôn luôn tâm niệm: "Ta phải làm hơn mọi người".

Anh ơi, sự chiến đấu trong năm sáu năm nay của quốc dân ta đã gian nan vất vả lắm nhưng anh nên biết rằng cái kết quả hãy còn ít ỏi quá lắm. Ngừng lại thì nguy ngay. Phấn khởi lên! Hăng hái lên! Nghiến răng lại mà tiến lên! Cuộc tranh đấu còn dài, và tôi xin nói ngay rằng, – bởi vì tôi biết anh không sợ sự thử thách

– rằng giờ phút này đây, sự tranh đấu gian nan không kém và có khi còn khó khăn hơn.

Vậy, khá khá đứng lên ngay, chuẩn bị lại tinh thần tranh đấu để vượt qua những sự khó khăn sắp gặp đi! Thế hệ này là thế hệ can đảm. Quân Đức vào được đến Moscou mà lại bị thua là bởi vì dân Nga biết tranh đấu đến người cuối cùng, đến phút cuối cùng. Anh cũng sẽ tranh đấu như người dân Nga đó, tranh đấu đến chết thì thôi, và anh sẽ thấy rằng tranh đấu mãi và đoàn kết đến chết không bao giờ thua được. Nước Pháp chết vì những nhân tài của nước đó đã không biết tranh đấu và đoàn kết. Nhất định quân Pháp xâm lăng sẽ bị chúng ta giết chết hết ở đây, nhất định tất cả các quân xâm lăng sẽ bị chúng ta giết chết hết ở đây!

\*

Chúng ta hiện đang sống trong một cuộc đời cực khó. Trong lịch sử của loài người, – mà ở nước ta thì ngay mới ngày hôm qua đây chứ đã xa đâu? – thường có những ngọn trào trôi xiết, mang phăng phăng những người bơi lội yếu đuối nhất đến cái đích vinh quang. Anh với các bạn anh không thể: các anh bắt buộc phải bơi ngược dòng. Vất vả lắm gian lao lắm. Nhưng nếu thật anh là

người xứng đáng với cái danh hiệu "người" thực, nếu anh là người của thể kỷ thể thao hai mươi này thực, anh phải nhận là anh lầy thể làm sưng lỗm, sưng bởi vì gặp gian lao, vất vả và nguy hiểm mà sự thành công nguy hiểm gian lao vất vả chỉ làm cho người ta có giá trị hơn.

Bao nhiêu đức tốt nết hay mà hiện giờ ta cần phải có, chính đã cứu sống cha ông ta. Luật tạo hoá không bao giờ thay đổi. Chưa bơi thì ta tưởng như không bao giờ có thể tới được bờ, nhưng đã quãng mình xuống nước rồi thì lại thích bơi mà tưởng tượng như bơi mãi không bao giờ mệt. Nhưng điều cần nhất, ta phải tập bơi trước đã. Nghĩa là ta phải muố n, phải cương quyết muố n. Cương quyết muố n tức là chuẩn bị tinh thần đó, và cái bí mật của sự chuẩn bị tinh thần đó chính là sự tin tưởng đó, hỡi anh! Ở đời này chưa có ai từng làm xong được một việc gì mà ngay lúc đầu lại không tin rằng mình có thể làm xong được. Một nhà tiểu thuyết cầm bút viết một cuốn sách đầu tiên thường tưởng tượng không bao giờ kết liễu. Thế mà rồi sách cũng xong đây; đến quyển thứ năm, đến quyển thứ sáu, người ta thấy rằng rất có thể viết quyển thứ mười một, thứ mười hai và người đó viết cuốn mười lăm, mười sáu nhẹ nhàng lỗm, thư thái lỗm. Cái điều đã đúng với những cuốn sách, đúng cả với bất cứ công việc gì ở đời này: muố n sống thì phải sống, muố n độc lập thì phải độc lập, cả nước muố n giết chết bọn sài lang cướp nước thì bọn sài lang cướp nước phải chết, không thể nào sống được ở trên giải non sông này.

Muố n! Đó là tất cả cái chìa khoá của sự sống. Anh ơi, hãy tin tưởng ở nội giố ng, ở tinh thần, ở sự thắ ng lợi cuối cùng. Nghiế n rằng lại mà cùng gắ ng sức, mà kiên quyết tiế n lên, mà can đảm đi cho kỳ được đế n thành công. Lịch sử thế giới từ trước đế n nay chưa hề chép chuyện một nước nào trọng đạo lý và hoà bình mà lại có thể bị một nước khác làm cho tiêu diệt được! Trái lại, qua những sự

thử thách, nước đó chỉ có thể lớn hơn và mạnh hơn, bởi vì, được khổ, được gian lao, và lại được thoát khỏi sự gian lao, à, xin anh biế t cho rằ ng không có một phúc phận nào vĩ đại hơn, rục rờ hơn và đáng kính hơn the ́ vậy.

**VŨ BẮ`NG**

*Trung Bắ c chủ nhật, Hà Nội, số ́ 261 (9.9.1945)*

# Bức thư thượng khẩn thứ hai ta lại gửi cho ta

*Bây giờ nói anh nghe chuyện ngoại giao của nước ta*

Câu chuyện này, sự thực, không phải đến bây giờ anh mới quan tâm đến. Ngay từ hôm cuộc nhân dân cách mạng nổi lên, cái mặt anh đã méo đi rồi. Anh đi dự hết các cuộc biểu tình; anh hát bài *Tiến quân ca*, đến đoạn "Tiến lên, cùng thét lên" thì hò hét to hơn ai hết; anh không sợ một lá cờ để treo trước cửa nhưng sợ một lúc luôn năm lá và thành thực không tiếc tiền. Ai cũng tưởng anh là một người cương quyết, một người can đảm, một người có lòng tin như một thứ sắt tốt, nung dưới hai ngàn độ, không thể nào chảy được. Ấy vậy mà thành đoảng vị! Tôi muốn củng vào sợ anh bởi vì tôi đã biết tổng ra là nó nghĩ gì rồi. Những khi bạn bè lui gót, anh nằm như cái xác tây chết trên giường, những khi trằn trọc trong đêm, anh vấp tay lên trán nghĩ đến nỗi quốc gia trăm mối; những khi đi nghe chỗ truyện, anh thấy đồn quân Pháp thực dân định do các ngã đường Lào, Đông Đàng và Lạng Sơn cất lên vào biên giới Việt Nam, anh đã lo sợ vô cùng, hồi hồi người bạn của tôi! Không phải lo sợ quốc dân không thừa sức phanh thây bọn cướp nước và vứt xác họ xuống biển cho cá ría. Không phải lo sợ những thử thách đương chờ người ta để thử xem gan dạ ta thế nào. Không phải, không phải cả. Anh đã lo sợ một điều khác, một điều gần như viễn vông: Anh lo sợ rằng "Không biết ban ngoại giao thường trực của ta vẫn tiến hành công việc hay đình trệ; mà nếu vẫn tiến hành thì hiện lúc này đang thắng lợi hay thất bại?"

Thế thì có đáng chán nản cho cái khô' i óc của anh không hờ đời? Tôi không bảo rằng phạm người ta lo nghĩ thì đều có hại. Tôi biết rằng bất cứ sự quyết định quan trọng nào cũng là kết quả của sự trầ' m mặ' c, của sự lo xa nghĩ sâu; nhưng ta nên biết rằng tất cả những sự trầ' m mặ' c đó, những sự lo xa nghĩ sâu đó đều có một đờ' i tượng nhấ' t định và vô hại. Nhưng mà lo sợ những cái vắn vơ, "sáng tạo" ra những tai nạn xa xôi, vô hình để mình lại tự làm hại sự bình tĩnh của mình, thì nhấ' t định tôi chủ trương là không được. Một kiế' n trúc sư phải nghĩ đế' n tương lai cái nhà của mình làm; một người thợ phải nghĩ sao cho lúc mặt trời bóng xế' khỏi phải đi hành khấ' t; một ông bộ trưởng phải nghĩ đế' n những kết quả sau khi mình ký một sắc lệnh gì. Nhưng ta chớ nên đi qua cái tâm của chúng ta. Chúng ta đừng nên thắ' c mắ' c về' chuyện đổ trời nờ' i kiế' p ngày mai thì cũng chớ nên lo rằng chánh phủ nhân dân lâm thời không lo nghĩ tiế' n hành về' công việc ngoại giao với Nga, Tàu, Anh, Mỹ.

Cũng như anh, tôi biết rằng vắn đề' ngoại giao hiện giờ là vắn đề' sinh tử của nước nhà. Bồn phận ta là phải nghĩ đế' n lo đế' n, nhưng ta không nên vì thế' mà tự cho ta cái quyề' n được nghi ngờ, bởi vì chánh phủ này do dân chúng cá' t lên thì chính dân chúng tất đã thắ' y họ có thẩm quyề' n như thế' nào rồi. Mà nếu họ đã có thẩm quyề' n như thế' nào rồi thì anh yên trí với tôi rằng ông bộ trưởng ngoại giao tất phải hiểu biết hơn anh và tôi về' việc ngoại giao. Mà nếu anh và tôi đã băn khoăn lo nghĩ về' việc ngoại giao như thế' thì chánh phủ nhân dân lâm thời còn lo nghĩ một vạn, một triệu lầ' n gắ' p bội. Chỉ có một điề' u là vắn đề' ngoại giao, – khác hẳn vắn đề' văn hoá, vắn đề' xã hội hay vắn đề' kinh tế', – không thể' mỗi lúc mà tiế' t lộ' ra ngoài để' cho mọi người cùng hay. Vậy thì anh nên biết thế' mà cũng đừng băn khoăn nữa, mà cũng đừng hỏi nữa. Mà hỏi làm sao được? Bởi vì vắn đề' ngoại giao, – anh đã biết thừa rồi đầ' y, – nó như một cái chong chóng đặt ở' trước một ngã' tư, bây giờ thì thế' này, chồ' c nữa thì thế' khác, quy tụ' không

ngừng, chả biế t bắ t đầ u từ đâu mà cũng chả biế t đế n đâu là hế t. Vậy thì tuyên bố làm sao cho đượ c? Nhấ t là nế u tuyên bố ra thì cái hại lại nhiề u hơn cái lợi; nhấ t là nế u tuyên bố ra thì đượ c lòng nước nọ mà lại mấ t lòng nước kia; nhấ t là nế u tuyên bố ra thì có khi lại có thể làm hại cả đế n vấ n đề quân sự nữa, – nế u có một trận chiế n tranh thứ ba lại nảy nở ngay từ bây giờ ở cái mầ m mà người ta gọi là cái mầ m đại hoà bình thế giới! Nề n đại hoà bình thế giới phen này có thật vững vàng không?

\*

Này, tôi xin nói thật: cái việc ngô ì tiên tri thời sự, xưa cũng vậy mà nay cũng vậy, không bao giờ hay hóm. Bởi vì thời sự, do nghìn vạn nguyên nhân kích thích, thường vẫn ra ngoài phạm vi sự tính toán của tâm hồ n nhân loại. Năm 1793, Nã Phá Luân có thể tưởng tượng đượ c một người Pháp như thế nào, ở đảo Sainte H elene năm 1807? Anh oi, ta vẫn chủ trương rằ ng người ta phải lo đế n tương lai nhưng chỉ lo đế n tương lai khi nào người ta hành độn g đượ c mà thôi.

Cái việc anh phải lo nghĩ bây giờ chính là nề n độc lập hoàn toàn vậy. Mà muố n độc lập hoàn toàn thì phải có điề u kiện cốt yế u gì? Phải tranh đấ u, phải đoàn k e t, phải có thực lực. Cái việc ngoại giao mà anh băn khoăn thắ c mắ c đó thắ ng lợi hay thắ t bại chính là xây dựng ở trên ba cái nề n tảng thiế t yế u trên kia vậy. Thế thì có sao lại làm khô tâm hồ n mình mãi về công việc ngoại giao? Hãy cày cái thửa ruộng của anh, anh bạn của tôi! Anh nên nghĩ đế n cái thực lực của nước anh, anh nên nghĩ đế n sự đoàn k e t của đò ng bào, anh nên nghĩ đế n sự tranh đấ u của quố c dân.

Ba cái đó mà mạnh thì ngoại giao mạnh đó. Ba cái đó mà vững thì ngoại giao vững đó. Ba cái đó mà cứng thì ngoại giao cứng đó. Cũng như một người, một nước, dù mạnh dù vững dù cứng đế n thế nào cũng không thể số ng biệt lập một mình. Số ng vui vẻ với các nước

khác để mà thành một khối mạnh hơn, đó là công việc của ngoại giao. Nhưng ngoại giao dù giỏi đến đâu, dù có Tô Tần, Trương Nghi, Mao Toại sống lại đi nữa, thì cũng không có ai có tài gì mà biện thuyết cho một nước yếu đứng ngang hàng với một nước mạnh được, nhất là trong cái thế kỷ hai người này. Kẻ mạnh bao giờ cũng nói to. Kẻ yếu bao giờ nói cũng nhỏ. Có phải nhà tư tưởng biện rằng: "Một người khoẻ mạnh về vật chất rất ít khi có một tinh thần bạc nhược đầy không"? ("Parce que l'homme qui est physiquement fort est par conséquent un homme craintif". – André Maurois).

Hãy khoan, tôi biết là anh sắp nói với tôi thế nào rồi.

Anh nói với tôi rằng anh sợ u khổ cho nhân loại quá. Cái ốm gì cũng vật chất, cũng sức khoẻ, cũng mạnh. Tuông như sức khoẻ này quản trị được cả thế giới chứ người ta không biết thế nào là khối óc nữa à? thế nào là tinh thần nữa à? thế nào là cao thượng thi vị nữa à? Không biết bao nhiêu lần, anh và các bạn "đồng chí" anh vẫn cứ giờ cái giọng gàn bát sách ra như thế! Ai bảo anh rằng một cái nhà đúc súng không thi vị? Ai bảo anh rằng tinh thần thể thao lại không phải là một tinh thần thanh cao? Ai bảo anh rằng một cái bắp thịt thép lại không phải là một bài thơ tuyệt tác? Đốt đi, những bài thơ ca tụng cái kim ngân thời đại; đập đi những khối óc triền miên về dĩ vãng; tàn đi cái tinh thần sa đọa lúc nào cũng tưởng tượng rằng thế kỷ này không được cao thượng bằng thế kỷ trước,

– một thế kỷ có những ông cụ sài đẹn uống rượu chén hạt mít ngâm thơ nhìn trời già, công kích xe chạy điện, chửi rửa tàu bay cao.

Nhưng mà thôi, tôi hãy khoan tranh luận với anh xem những tiếng than chết dở đó đúng hay là không đúng, bởi xét ra là vô ích. Tôi chỉ biết rằng anh và tôi, chúng ta đương sinh tồn ở cõi đời này, cuộc sống bắt đầu hôm nay, và đời nó như thế bởi vì nó thế. Có

phải là chúng ta cứ ngồ`i than thở mà đời sẽ tốt đẹp hơn đâu. Mà nếu anh không phải là ma, tất anh phải biết rằng nhất định bây giờ không phải là lúc xét xem có đích thực là chúng ta sẽ sướng hơn nếu không có một nền tân văn minh, không có máy móc, không có những sự phát minh khoa học? Xét xem như thế để làm cái khi gì? Anh không vì thế mà no được kia mà! Anh không vì thế mà đuổi kẻ thù đã giết hại ông cha anh kia mà! Anh không vì thế mà được hoàn toàn độc lập kia mà! Cuộc đời khoa học cơ khí đã nhảy lên sân khấu mà hoạt động trước mắt anh kia, không phải là đến cái thứ hạng anh huỷ bỏ nó tiêu diệt nó. Mà cách giải quyết cũng không phải là xem nên công kích hay hoan nghênh nó. Xe tăng, súng trường, súng liên thanh, đại bác, phi cơ đã có rồi, chỉ có một cách giải quyết mà thôi: xét xem ta nên tổ chức cuộc đời chúng ta ra thế nào, xếp đặt tư tưởng của ta ra thế nào, xây dựng chiến công của chúng ta ra thế nào để rút lấy ở hiện tại tất cả hạnh phúc tất cả sự đẹp đẽ mà nó có thể mang ban cho đất nước chúng ta.

Nếu ta chuộng hoà bình là một cái nếu mà hình như trời biệt đãi chúng ta, nhưng nếu có kẻ xâm lăng thì nhất định ta phải dùng đến cánh tay thép để đập họ xuống như đàn bọ. Chúng ta đoàn kết, chúng ta tranh đấu nhưng chúng ta không nói chuyện nhằm với quân Pháp xâm lăng; chúng ta có một khối dân thương nước hơn thương mẹ, biết cách lấy sự sống và máu ra nói chuyện với bọn sai lang phát xít.

Anh ơi, tôi cũng nghĩ như anh vậy: khí giới nhiều và mạnh chưa chắc đã giết được ai, nếu mà người ta không có một tâm lòng. Nhưng trái lại? Nếu mà người ta có một tâm lòng, nếu mà người ta đoàn kết hai mươi triệu người như một, nếu hai mươi triệu người như một để có một tinh thần vững chắc như uy-ra-ni-ôm rồi mà lại thiếu khí giới thì anh có nghĩ rằng đó cũng là một sự thiếu sót ru?



Chánh phủ nhân dân có nhiều khí giới để bảo vệ đất đai rồi; nhưng có bao nhiêu khí giới cũng vẫn là chưa đủ. Anh có bốn phân cấp tổ chức phải tặng súng, phải tặng bất cứ súng hạng gì cho chánh phủ nếu anh có; anh phải cổ động cho người chung quanh anh cũng làm như anh; anh phải cổ động cho người ta bỏ vàng ra, bỏ tất cả vàng ra để chánh phủ đứng ra mua súng để dùng và phân phát cho nhân dân mỗi khi cần dùng đến; anh phải gào lên, hét lên, khóc lên để tỏ cho mọi người biết rõ rằng "có súng để bảo vệ đất đai thì ngày mai mới có thể cầm lái máy bát cơm mà nuôi cho cho trôi được". Cái việc thượng khẩn của chúng ta bây giờ là không nghĩ gì cả, không chia rẽ gì cả, không làm gì khác cả ngoài cái việc nhìn thẳng vào "Người Mẹ Chung" để giữ gìn lấy và chắc rằng bảo vệ cho kỳ được nên độc lập hoàn toàn.

Đừng e thẹn đừng rụt rè đừng suy tính. Chạy lên hét lên gào lên để đòi lấy một công việc của chánh phủ trong công cuộc cứu quốc; để mà thi hành tài trí và hoài bão của mình; để sau này đến lúc thịnh trị khỏi phải hối hận với lương tâm: "Tôi đã không làm gì cho nước".

Một kẻ đại lãn bao giờ cũng là một thí sinh thi lái máy "sâu khổ". Trong lúc không ngủ được, bất cứ người nào cũng lái máy bởi vì không có cách trốn tránh những tư tưởng của mình. Thi sĩ Byron, bẩm sinh là một người lái máy, đã tìm thấy hạnh phúc ở Hy Lạp trong cuộc chiến tranh đòi độc lập. Ở đó nhà thi sĩ có sướng đâu có vui vẻ khoái lạc gì đâu, nhưng ông bận rộn và ông quên việc đời, tựa như đứa trẻ trong khi chơi quên khóc. Tôi chưa thấy một người nào lái máy trong khi chiến đấu.

Anh bạn của tôi! Trong lúc quốc gia đang đòi hỏi tất cả sự gắng sức của các con, anh cũng sẽ chiến đấu như Byron vậy. Nếu anh biết bắn súng, anh phải dạy người ta bắn; nếu anh có tài biện thuyết, anh phải đem tin tưởng nuôi lòng người ta; nếu anh biết võ nghệ, anh phải dạy người ta học võ. Anh thấy một sự gì thiếu sót

chưa làm? Chạy ngay đi n những phòng thường trực mà chỉ báo. Thấ y chỗ nào quân Pháp âm mưu, tức tô c chạy ngay đi mà báo. Thấ y Việt gian chỗ nào, trình ngay và đứng sau bảo an binh để bắ t cho nó không chạy thoát thân. Anh làm tâ t cả, anh làm tâ t cả. Nế u anh sung vào Cứu quố c quân rô i, em anh sẽ là Thanh niên tự vệ; nế u vợ anh đã là Phụ nữ cứu quố c rô i, con anh sẽ sung vào Nhi đồ ng cứu vong đoàn. Những người quen anh làm tâ t cả. Và nế u anh không làm đượ tâ t cả, nế u những người quen anh không làm đượ tâ t cả, thì anh cổ độn bạn anh làm, cổ độn gia quyế n anh làm, cổ độn những người đi đườ làm. Làm người giữ trật tự, làm người cứu thương, làm người phá t cò, làm người kẻ biển, làm người đứng gác đēm ở ngoài đườ để đē phòng những bắ t trá c xảy ra, làm bắ t cứ cái gì có ích cho đấ t nước lúc này. Ai cũng làm tâ t cả, ai cũng làm tâ t cả.

Nhà triế t học Bertrand Russel kể chuyện rằ ng trong đời ông đã từng gặp một người sung sướng. Đó là một người thợ đào giế ng. Y khoẻ mạnh, y đào hòn đá chuyề n từ bên nọ sang bên kia, và y biế t rằ ng y làm đượ. Đó là một phương diện của hạnh phúc. Đó là hạnh phúc của người hùng.

Nghĩ rằ ng nế u anh nỗ lực tranh đấ u thì cũng sẽ đượ hưởng hạnh phúc đó cho riêng anh, mà rộng ra, đố i với đấ t nước lại còn làm tròn đượ bổn phận là một dân con; anh có chề t cũng nhắ m đượ mắ t mà không bị nhục với ông cha nơi chín suố i.

**VŨ BẮ`NG**

*Trung Bắ c chủ nhật, Hà Nội, số 262 (16.9.1945)*

# Cần kiệm liêm chính 1946

*Phóng sự dài của TAM LANG và TIÊU LIÊU*

## **I. Thưa ông, đây không phải một chuyện phim chiếu bóng**

Tám cô gái trẻ măng, ăn vận như đào hát Tô Như, Hiệp Thành, quỳ xuống, nâng tám cốc rượu lên khỏi đầu, mắt nhìn xuống và hát một bản "Sàng sê lúu". Đàn tỳ bà đàn nguyệt đàn thập hoà lên nhịp nhàng. Chung quanh có hoa, hạt dưa, mận, đào, rượu mai quế lộ và hai ba chục vỏ bia vút ngồn ngang bên cạnh những bao thuốc lá quý Sen Sa, Môrit.

Thế là cái gì? Không phải. Đây không phải là một sen nào trong một vở kịch trường giả. Mà cũng không phải là một phim tôi định viết cho hãng chiếu bóng Việt Nam để nay mai tình thế ổn định rồi thì sẽ đem ra chộp.

Tài lắm, thưa ông. Đây là sự thực. Sự thực của năm 1946

*(Kiểm duyệt bỏ 62 dòng)*

Để đất nước ngày mai được phú cường thì hôm nay người dân phải biết kiến quốc. Một thời đại mới, một đời sống mới đâu lại còn không nghe thấy vang lên: "Phải lấy câu cần kiệm liêm chính làm đầu. Phải lấy câu cần kiệm liêm chính làm đầu".

Tốt lắm.

Này này, hãy thử trèo lên một trái núi cao nào đó mà nhìn xuống dưới mặt đất xem có phải hậu hết dân ta đang thực hành

cái khẩu hiệu đó không?

Ở nhà quê, người làm ruộng ra công mà cày cấy.

Y dậy từ lúc tinh mơ làm việc [.....]

Y làm việc đến hoàng hôn mới về [.....]

Người thợ ở trong xưởng gang kia cũng vậy.

Y cày lao [.....]

Ở công sở người ta thi hành khẩu hiệu "cày kiếm liêm chính" còn có khi gặt gao hơn nữa. [.....]<sup>1</sup>

Có người lại đem lương tháng của mình ủng hộ nhà nước nữa. Và bao nhiêu thanh niên đó, ăn cơm nhà, làm việc cho chính phủ, có bao giờ kêu ca.

Tinh thần của dân chúng thực cao.

Tôi đi nhiều nơi và thấy [.....] đời sống mới một cách thực là cảm động. Ở Hàng Thiếc, thanh niên đi mua vôi quét cửa cho từng nhà. Ở Ngõ Huyện thì dọn rác và quét hè cho phố xá của mình sạch sẽ. Người ta lại còn nói cho tôi biết có nhiều làng ở Hải Dương, Nam Định, Bắc Ninh nhịn thuế, nhịn rượu để lấy tiền mua tạc đạn và súng ủng hộ bộ quốc phòng. Tính từ độ chính phủ này lên cầm quyền đến nay có tới năm sáu đám cưới bỏ lệ trà cau, thách thức, hôn môn lấy vàng cúng quỹ độc lập hay đem tiền ra ủng hộ vệ quốc đoàn và nhi đồng cứu vong.

*(Kiểm duyệt bỏ 39 dòng)*

Nước cày cấy. Dân chúng, binh lính chịu khó kham khổ đi một chút. Nước là của chung. Thương nước là bổn phận của bất cứ người

dân nào.

## II. Tâ`n Thuỷ Hoàng mặc áo kaki

Ai? Ai là Tâ`n Thuỷ Hoàng mà anh vừa nói đó? Đây này: tôi xin kể chuyện cho các bạn nghe. Để thực hiện đòi sô`ng mới, quô`c dân ta đã thắ`t lưng buộc bụng và còn vui lòng thắ`t lưng buộc bụng cho đế`n khi nước nhà được độc lập hoàn toàn. Nhưng ở dưới ánh mặt trời vẫn có một hạng người tai thì được nghe luôn những khẩu hiệu "đòi sô`ng mới", "câ`n kiệm liêm chính" mà đế`n lúc sô`ng thực sự với đòi thì lại làm trái ngược hẳn đi. Lôi cái hạng người đó ra, thiế`t tưởng không phải là cái tội. Bởi vậy tôi nói. Tôi nói chuyện ông vua Tâ`n.

Vậy thì tám cô đào trẻ măng ăn vận như đào hát Tô`N như, Hiệp Thành nâng tám cô`c rượu và hát bài "Sàng sê lú" trên kia là để chúc tụng vua Tâ`n Thuỷ Hoàng của chúng ta. Tâ`n Thuỷ Hoàng lâm thời. Không phải tôi có dám nói xấ`u gì ngài mà để cho ngài cái tên phong kiế`n đó. Chính ngài tự đặt cho ngài cái tên như vậy. Bởi vì ngài đã viế`t truyện về` Tâ`n Thuỷ Hoàng và làm kịch hát về` Tâ`n Thuỷ Hoàng. Có lẽ vì cái kịch không ai biế`t đó mà ngài nổi tiế`ng trong nửa ngày. Ngài có liên lạc mật thiế`t với các gánh hát và ban kịch ở đây. Ngài may bảy bộ áo kaki, mỗi tô`i vận một bộ để vào các nhà hát và giảng cho người ta nghe về` kịch. Kịch không phải là kịch. Kịch là một cái gì kịch liệt, làm xúc động người xem, hoặc vui hoặc buồn hoặc sợ. Các con hát sợ ngài. Và ngài thành ra một người có tiế`ng và có tiề`n. Đô`ng tiề`n có ra cái chề`t gì bây giờ đâu. Cái tiế`ng mới chính là điề`u quan hệ. Vì một tiế`ng ngài, người ta phải lấ`y lòng ngài, các đào hát phải đế`n "chim" ngài và đế`n trình diện ngài; do đó ngài thắ`y mình to, to quá.

[.....]

tuế. Chi phiề n một nỗi ngài ở đời dân chủ mà lại muố n làm vua và vua cho ngay mình là vua. Ngài số ng trong xã hội cộng hoà mà không muố n cho đời là của chung mọi người, chỉ muố n làm cho một mình ngài sướng.

Nhưng không câ n tiề n, ngài bắt mua rượu nhiề u rượu để uố ng và uố ng không hế t thì đổ đi. Đành rằ ng nước câ n tiề n thật đầ y, và kiệ m ước bao giờ cũng quý đầ y, nhưng ngài câ n phải hút thuố c lá thom, không có thì ho; và hút không hế t thì câ n phải đố t để nhìn khói, không có thì không số ng lại đượ đầ y đủ cái đời của Tầ n vương Chính ngày xưa, không những đượ trông thấ y hào kiệt tụ lại ở Hàm Dương, sắ c đẹp tụ lại ở A Phòng, mà lại còn trông thấ y rấ t nhiề u khói do việc đố t sách học trò bớ c lên.

Giá số ng ở bên Đức hồ i Hit-Le, ngài còn có bao nhiêu người để chôn số ng thì sướng quá. Nhưng này, mỗi tô i tiêu như thế, má y trăm đờ ng cho xuê? Anh không đượ hỏi. Mà anh cũng không đượ phép hỏi tiề n đó ở đâu ra. Ngài để nguyên quầ n áo kaki, cởi giầy, xé p bằ ng tròn lên cái giường lò-xo, bắt các cô đào hát dâng rượu rô i ngài ngâm những câu thơ ngài làm. Thơ ca tụng sự ăn lễ. Thơ ca tụng sự chuyên chế. Thơ ca tụng sự bạo ngược. Vua Tầ n ngày xưa đố rượu cho Thái tử Đan say, thắ t cổ giế t chế t rô i chặt lầ y đầ u. Vua Yên thương khóc quá, đượ là tháng năm mà trời mưa tuyế t, mặt đầ t tuyế t dày ba thước năm tá c, rét buố t như mùa đờ ng, – người ta bảo đó là oán khí của Thái tử Đan làm ra vậy.

Ngày nay, Tầ n Thuỷ Hoàng của chúng ta số ng, ám hại mỗi đêm bao rượu, bao nhiêu thuố c lá, bao nhiêu tiề n, chử bói Nàng Thơ tàn tậ và lại giế t chế t khẩu hiệu "câ n kiệ m liêm chính" chặt đầ u nó đem chôn; có ai biế t là trời đầ t có sinh ra điề m gì không?

### **III. Những quái thai, những quái trạng**

(Kiểm duyệt bỏ cả bài)

#### IV. Một thang thuốc bỏ 852 đồng

Và liêm chính nữa... đời sống mới của mấy ông quan mới. Đời sống... cũ, tức là họ còn chợ đen chợ đỏ nhiều. Chợ đen chợ đỏ có người ăn thua hàng bạc triệu. Nhưng muốn vậy, ít ra phải có cái vốn dăm nghìn và ít bộ hôi trăn chứ ở đời sống mới này thì giữa đám người kham khổ thi hành khẩu hiệu "cần kiệm liêm chính" một cách thực thà, có một ít người kiếm ra hàng triệu trong ba tháng mà chẳng phải bỏ một xu ra làm vốn hay một giọt mồ hôi.

Hai cái tay. Một cái miệng. Một cái bụng. Thế là "ăn thua to" đó. Cái miệng để nói. Hai cái tay để múa may quay cuồng. Cái bụng đáng để vỗ kêu bồm bộp như cái trống. Và tôi hôm nọ, ở giữa một phố đông đúc, tôi đã gặp một người bạn chỉ "trơ thân cụ" ra có ba thứ đó mà bây giờ giàu bạc triệu.

Có ai biết trước đây, họ Pháp thuộc và Nhật thuộc, anh ta làm cái nghề gì không? Văn sĩ nghèo. Như anh và như tôi vậy. Mà lại nghèo hạng nặng. Viết bài cho những báo nịnh Tây nịnh Nhật có tiếng mà chính những báo có tiếng là nịnh đó cũng

không dám đăng, bởi câu nịnh vô liêm sỉ quá, [.....] Do đó anh ta không kiếm được một xu nào, vợ ở một nơi, mấy đứa con ở một nẻo. Anh ta đã có lúc nghĩ đến cách lẳng lặng về ở Giáp Bát một mình ăn mỗi bữa một bát cơm của Tổng hội Cứu tế giúp cho.

Thì dùng một cái trời làm ngay cho một trận lẳng nhặng. Anh ta biến thủ được hai triệu bạc, áp cấp thêm được một cái chậu thau bằng vàng, và bây giờ anh ta gõ giày đi chơi ngoài phố, keng như một tay-lo người Mỹ. Người ta bảo anh ta có tới hai chục bộ quần áo Tây. Chẳng biết có thực hay không hay lại là vu cho? Nhưng cái mắt tôi trông thấy thì quần áo, giày mũ, cà-vạt và pô-tết<sup>2</sup> cùng

bút máy nguyên tử (?)<sup>3</sup> của anh ta lúc đó trị giá cũng đến 2 vạn bạc. Mà đẹp làm sao, phì nộn làm sao. Anh ta bảo:

– Anh xem đây thì biết. Tôi mà vào Giáp Bát dạo đó thì đời nào được như bây giờ.

Bây giờ anh làm gì? Anh bần tiện giờ một ngón tay lên đôi môi chum chúm, xo vai lại và khẽ bảo (sau khi đã liếc mắt nhìn ngang nhìn ngửa một cách cẩn thận rồi): Bí mật, bí mật! Rồi anh kéo tôi đi, mời nóng một cái "chô-cô-lê" mười sáu đồng một cốc. Đoạn anh kể chuyện như một nhà chính trị. Anh nói như chim, nói một tràng, tôi nghe tôi tắm cả mặt mũi lại, và mệt quá, và mệt quá. Anh ta cũng mệt, bèn kết luận:

– Người ta cũng như cái máy đồng chí ạ. Thỉnh thoảng không lau dầu không được. Ấy là tôi muốn nói khi ta thấy mệt thì nên tìm thầy mà uống thuốc ngay đi. Tôi, từ độ làm việc (?) vẫn phải uống thuốc luôn đấy. Đây này.

Và anh chìa cho tôi, một đồng "phả c-tuya".<sup>4</sup> Thì ra ông bạn béo nhầy và khoẻ như con vâm của tôi uống thuốc... bổ. Bổ phổi và bổ thận. Cái thang thuốc đã t nhất của anh, có sâm nhung gia giảm, hiệu thuốc Đ.T. tính "một cái giá bè bạn" là tám trăm năm mươi hai đồng.

## V. Đánh ô-tô đi nghe... ngâm thơ tình

Lời xưa có nói: buôn tàu không bằng hà tiện. Ấy vậy mà không hà tiện người ta vẫn cứ giàu, dù người ta chả buôn tàu, – tàu thủy cũng như tàu hoả.

Người ta làm giàu bằng một cách đặc biệt, và càng phí phạm càng giàu. Ở tỉnh Hà Nội, có nhiều người cũng thế. Có người thừa của không biết làm gì, mỗi tối đánh *tài xỉu* thua hàng vạn mà vẫn ăn



chơi dư dật. Thóc gạo để mục ra chứ không bán cho dân ăn. Nước thì nghèo, chính phủ thì túng mà binh sĩ đói ăn thiếu thốn, thuốc men lại chẳng có dư; vậy mà họ cứ trăn trăn cái mặt, ăn mỗi ngày kém một lạng thịt bò thì cái mặt khi cứ nhăn như mặt bị. À, các anh hy sinh tính mệnh và hạnh phúc để giữ gìn non sông tổ quốc đây ư? Tô t lắ m. Thương lắ m. Nhưng ngày 31.5 và 1.6 vừa qua, ngày bán huy hiệu binh sĩ bị nạn thì đừng trông mong họ bỏ ra giúp hơn năm hào. Có đưa lại lần cái mặt mệt đi là khác. Lẩn ở trong nhà, không ra đường.

Hỏi chúng lẩn như thế để làm gì vậy? Để khỏi phải cúng, mà cũng lẩn để ăn cho béo mập m. Bơ, phải chọn đúng bơ Úc-đại-lợi ăn không ngứa y, đắt hơn cái thứ bơ khác dăm chục đồng cũng chẳng sao. Thuốc lá phải chọn đúng số 24, 35. Rượu, cần là rượu cũ. Ôi những chuyện rôm rỏi của bọn trưởng giả học làm sang đó, càng kể càng thắ t ruột: rúc đầ u, mua thuốc *goa-ni-đin* về uống; ngổ n lắ m đói mỡ khó tiêu, ị ạch, nóc cho được thuốc giun Anh-cát-lợi. Có mẹ đẻ ra một lũ con đã béo tròn béo trọc như ông y-tế -sinh nhà thuốc Nhị Thiên Đường cả, mà không tháng nào không có mua lắ y ba chai *muyn-ti-vi-ta-min* 100 viên 200 đồng để cho con uống thêm cho bở! Đến khi hỏi bác sĩ, thắ y nói trẻ con mà tắm bở quá, những cái hạch trong người chúng tắ t quá làm cho chúng cao vọt lên một cách quá độ, rắ t nguy hiểm, các ngài có biế t các mẹ đó làm thế nào không? Mặt tái ngoét lại như con tườu. Đưa con đi đố c-tò xin rửa ruột. Và tắ n kém với lũ ông mãnh cũng đắ n ngọt ba ngàn đồng bạc lặn.

Một hôm tôi có dịp được tới một công sở nọ. Vừa vào, một cái biển đập vào mắt tôi: "Thực hành đời sống mới – Cần kiệm liêm chính làm đầ u". Ở gầ n đầ y, một tờ giấ y to bằ ng cái chiế u, kẻ má y chữ này bằ ng mực đỏ: "Hò Chủ tịch đã nói: Ra sức cần kiệm để trừ nạn đói khổ... làm đúng điề u đó tức là giúp ích cho ngoại giao"...

Những chữ kẻ to thay. Giá cận thị cũng nhìn thấy chứ đừng nói là mắt sáng. Tôi tự bảo: Ừ có thể chứ. Ít ra làm như thế này người ta mới nhớ luôn luôn đến bốn phận của người dân Việt Nam lúc này là phải cần kiệm và liêm chính.

Thì ra tôi đoán không lầm. Nói thực cho nó mát lòng mát ruột. Từ ngày có sự thay đổi đến nay, người ta đỡ thấy ở trong các công sở những ông thư ký bé con bặng nặng, nhờ thế Tây làm tiền. Mà cũng đỡ phải gặp những ông ở trong các công sở có quan hệ một chút, động một tý lại *tuýt* cho bọn đầu trâu mặt ngựa lại nhà người ta để dọa nạt.

Có việc gì mời người ta đến nói chuyện, có lắm ông đã ăn nói từ tể và người bị mời đã có cảm tưởng dễ chịu rồi. Nhưng làm thế nào được? Việc tẩy uế không phải là việc làm trong phút chốc. Có ai đã nghĩ ra được một cái chổi máy móc nào khả dĩ quét sạch một cái lâu đài trong năm phút đồng hồ đâu?

Xương máu của các ông này hãy còn nguyên. Càng ngày các ông càng mạnh, các ông ăn mạnh, các ông uống mạnh, các ông chơi vẫn mạnh. Nói rất to viết rất nhiều nhưng rỗng. Làm báo bán rất đắt mà chả có một cái quái gì. Cái tài của họ là không biết nghề bả ng ai, không có học bả ng ai nhưng làm giàu về nghề báo thì hơn ai hết.

Pom! Pom! động một tý thì ô-tô. Dầu xăng đắt ai cũng biết, 7 đồng một lít, một ngày ông đi hết 10 lít, chả cũng một số tiền ư?

Cần kiệm. Cần kiệm. Cần kiệm.

Nhưng ét-xăng là tiền bạc, thì giờ không là tiền bạc hay sao; ta phải làm cho nhanh cho chóng, ta phải gấp để cho lợi thì giờ, ta phải cần đi ô-tô chứ không có thì ô-tô vứt đi mất cả vì sợ tốn dầu xăng.

– Thưa ông, vâng, có thể. Nhưng ông đi đâu vậy?

– Việc quan hệ. Lại việc quan hệ. Ông nên tiết kiệm thì giờ, đừng hỏi lời thôi, đừng ngồ ì lân la. ... Tôi kính phục ông bạn đi ô-tô, tôi quay về. Đi qua phố tôi thấy ô-tô của ông bạn đỗ trước một nhà số lẻ. Mẹ ôi, tôi nói có sai bao giờ; việc ông bạn đi ô-tô của tôi quan hệ, quan hệ lắm.

Ông ta đến [...] một nữ sĩ xem đương làm gì. Nữ sĩ đương dịch thơ. Và ông bạn của tôi và nữ sĩ cho người nhà lại lấy whisky, soda và thuốc lá Camel về hút để cùng nghĩ một chữ dịch một chữ cho thật ổn, và cả hai người cùng ngâm; và nữ sĩ ngâm cho ông bạn tôi nghe, nhắm mắt lại tò mò nghe như uống bản dịch bài thơ...<sup>5</sup>

### **VŨ BÃ`NG và TAM LANG**

Kiến quốc, Hà Nội, số 1 (10.6.1946);

số 2 (11.6.1946); số 3 (12.6.1946); số 4 (13.6.1946); số 5  
(14.6.1946).